

TOAN ANH

Nếp cũ

Hội hè
Đình đám



NHÀ XUẤT BẢN THỂ

Thông tin ebook

Tên sách: Nếp cũ - Hội hè đình đám (quyển Thượng + Hạ)

Tác giả: Toan Ánh

Nhà xuất bản Trẻ

Số hóa: Hanhdb

Ngày hoàn thành: 9/06/2014

Diễn đàn TVE-4U

Dự án ebook chuẩn cho mọi thiết bị di động

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Nhà văn, nhà nghiên cứu phong tục Toan Ánh tên thật là Nguyễn Văn Toán sinh năm 1915 (Ất Mão) tại Thị cầu, tỉnh Bắc Ninh.

Vào làng cầm bút từ rất sớm (1934), với nhiều bút danh trên các lĩnh vực như thơ ca, văn xuôi, kịch bản và biên khảo phong tục học như: Đào Vân, Kinh Vũ, Minh Chúc, Hảo Lân, Vương Quốc Sùng, Thành Nghĩa, Hiến Vi... và nhiều nhất là Toan Ánh.

Ông mất ngày 15 tháng 5 năm 2009, tại Thành phố Hồ Chí Minh, hưởng thọ 95 tuổi.

Trong hơn 70 năm cầm bút sáng tác và hoạt động văn học nghệ thuật, ông đã cộng tác với hàng chục tờ báo khắp trong Nam ngoài Bắc, làm chủ nhà in, nhà xuất bản ở Hà Nội (trước năm 1954), thành viên Trung tâm Văn bút Quốc tế (Pen Club), giáo sư thỉnh giảng tại nhiều trường đại học và cao đẳng như Đại học Vạn Hạnh Sài Gòn, Đại học Văn khoa Huế, Đại học Văn khoa Cần Thơ, Đại học Đà Lạt, Cao đẳng Mỹ thuật Sài Gòn... về các môn phong tục học, văn hóa xã hội Việt Nam, lịch sử nghệ thuật và nếp sống dân tộc Việt Nam.

Do đảm nhiệm nhiều công việc trên nhiều lĩnh vực khác nhau thuộc về hoạt động văn hóa, văn học nghệ thuật, lại được sự giáo dục thiếu thời của gia đình và nỗ lực học tập của bản thân, sự quảng giao với người trí thức nhiều vùng miền trong cả nước, nên hầu hết các tác phẩm thuộc thể loại khảo cứu phong tục và văn hóa dân gian của ông có giá trị thực tiễn và khoa học cao.

Gần 120 tác phẩm (không kể những bài báo, những bài giảng) đã được tác giả và gia đình tập hợp, có 70 tác phẩm đã được xuất bản trước và sau ngày 30.4.1975 bởi nhiều nhà xuất bản khác nhau (tính đến năm 2004).

Từ năm 2004, trong tinh thần tiến đến thực hiện “Toàn tập Toan Ánh”, Nhà xuất bản Trẻ đã được tác giả và gia đình đồng ý trao quyền xuất bản từng phần các tác phẩm của ông đã và chưa công bố.

Việc tổ chức tập hợp, sắp xếp theo chủ đề, để mỗi tác phẩm Toan Ánh mà Nhà xuất bản Trẻ xuất bản là một sản phẩm mang đầy đủ giá trị và tinh thần Toan Ánh nhất, đồng thời đáp ứng được yêu cầu nghiên cứu, tìm hiểu của bạn đọc rộng rãi.

Trong tinh thần đó, Nhà xuất bản Trẻ xin được trân trọng giới thiệu tập sách này đến bạn đọc nhân kỷ niệm hai năm ngày nhà văn - nhà nghiên cứu Toan Ánh về với tổ tiên.

Hội hè về kỷ niệm lịch sử

Giới thiệu

Mỗi nước có một lối ghi ơn các vị anh hùng dân tộc. Việt Nam, để tỏ lòng kính mến các vị này, thường có lập đền thờ các Ngài hoặc ở ngay nơi sinh quán, hoặc ở nơi các ngài qua đời và hàng năm vào dịp Xuân, dịp Thu hoặc vào ngày kỵ các Ngài dân làng có cúng bái, rước xách tế lễ và tại nhiều làng có tổ chức nhiều trò vui gọi là mở hội.

Nhiều vị anh hùng không chỉ riêng dân xã mở hội kỷ niệm các ngài, nhân dân cũng không quên ơn các ngài, do đó tuy hội chỉ tổ chức ở một địa phương, mà dân chúng các nơi đều kéo tới lễ bái, như hội đền Kiếp Bạc, nơi thờ Hưng Đạo Vương, hoặc hội đền Hùng nơi có mộ tổ vua Hùng.

Tuy gọi là các hội hè về kỷ niệm lịch sử, nhưng các hội không giống nhau, mỗi hội có một sắc thái riêng tùy theo nhân vật được kỷ niệm và cũng tùy theo phong tục từng địa phương.

Giỗ trận Đống Đa

Trong các hội hè về kỷ niệm lịch sử, hội Chùa làng Đông Quang là một hội đặc biệt hơn cả, ngày hội được dân Việt Nam gọi là ngày Giỗ Trận Đống Đa.

Theo định nghĩa của ngày giỗ, đây là ngày kỷ niệm của một người chết qua đời, nhưng Giỗ Trận Đống Đa tuy là ngày kỷ niệm lịch sử liên quan tới vua Quang Trung, nhưng chính ra không phải là ngày nhà vua qua đời, mà là ngày kỷ niệm cái chết của gần 20 vạn quân Thanh đã bị quân của nhà vua giết chết tại gò Đống Đa thuộc địa phận làng Đông Quang vào ngày mồng 5 tháng Giêng năm Kỷ Dậu (1789).

Làng Đông Quang thuộc quận Đống Đa (Hà Nội).

Hàng năm vào ngày thắng trận của nhà vua, dân làng Đông Quang mở hội tại chùa làng, trước là để mừng Xuân, sau là để tụng kinh siêu độ cho mười mấy vạn quân Thanh đã bỏ mình vì chiến trận, và đồng thời cũng tụng kinh cầu nguyện cho các chiến sĩ Việt Nam đã bỏ mình trong trận chiến thắng của dân tộc này.

Chùa Đông Quang không xa Hà Nội, trên con đường Hà Nội đi Hà Đông, giáp ngay Hà Nội. Ai đã có dịp đi từ Thái Hà ấp tới các làng Mọc, lẽ tất nhiên phải nhận thấy những mô đất nhấp nhô ở cánh đồng: Đó là những di tích cuối cùng của quân nhà Thanh, sau khi thất trận đã được vùi nông dưới nấm cỏ khô, không kể những quân sĩ đã bỏ mình theo dòng nước sông Hồng khi Tôn Sĩ Nghị chặt cầu qua Kinh Bắc.

Chút lịch sử thay thần tích

Hội chùa Đông Quang không phải là lễ kỷ niệm một vị thần linh, đây chỉ là lễ kỷ niệm một sự kiện lịch sử, dưới đây là sơ lược:

Sau khi tướng Tây Sơn là Vũ Văn Nhậm đánh chiếm Bắc Hà, vua Lê Chiêu Thống, bà Hoàng Thái Hậu và một số các bầy tôi tòng vong sang cầu cứu vua Càn Long nhà Thanh. Năm Mậu Thân (1788), mượn cơ cứu nhà Lê, vua Thanh Càn Long phái quân sang chiếm giữ Thăng Long, có ý muốn thôn tính nước Nam.

Quân Thanh do Tôn Sĩ Nghị, Tổng Đốc Lưỡng Quảng chỉ huy, gồm quân bốn tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây, Quý Châu và Vân Nam.

Tôn Sĩ Nghị chia quân làm ba đạo kéo sang nước Nam, một đạo do lối Tuyên Quang, một đạo do đường Cao Bằng và một đạo do ngã Lạng Sơn. Dưới trướng Tôn Sĩ Nghị có đề đốc Hứa Thế Hanh, tri phủ Điền châu Sầm Nghi Đống và một số các tướng lĩnh tài giỏi.

Đoàn quân này hùng hổ kéo sang Thăng Long như đoàn cọp dữ.

Tướng Tây Sơn là Ngô Văn Sở đóng quân ở Thăng Long, được tin quân Thanh sang, liền một mặt rút quân về đèo Tam Điệp, tức là đèo Ba Dội thuộc địa phận tỉnh Ninh Bình (Hà Nam Ninh) ngày nay, một mặt cáo cấp về Phú Xuân.

Quân Ngô Văn Sở rút đi, quân Thanh chiếm đóng Thăng Long.

Vua Quang Trung lúc đó mới là Bắc Bình Vương, được tin giặc đã chiếm Thăng Long liền hội họp các tướng sĩ để bàn việc ra quân.

Theo lời yêu cầu của chư tướng, trước khi ra quân, Vương đắp đàn ở quận Bàn Sơn và lên ngôi Hoàng đế vào ngày 25 tháng 11 năm Mậu Thân.

Sau đó Ngài thống lĩnh đại binh ra đánh quân Tàu. Quân ta gom tất cả mười vạn và 100 voi.

Ngày 20 tháng Chạp, đại quân kéo tới đèo Tam Điệp. Ngô Văn Sở và Ngô Thời Nhiệm trình bày cùng nhà Vua thế mạnh của quân Thanh. Ngài cười nói rằng:

Chúng nó sang phen này là mua lấy cái chết! Ta ra chuyến này, thân coi việc quân, đóng, giữ, đã định mẹo rồi, đuổi quân thù chẳng qua mười ngày là xong việc, nhưng chỉ nghĩ chúng là nước lớn gấp bội mười lần nước ta, sau khi chúng thua một trận, tất chúng lấy làm xấu hổ, lại mưu báo thù, như thế thì đánh mãi không thôi, dân ta hại nhiều, ta sao nở thể. Vậy đánh xong trận này, ta phải nhờ Thời Nhiệm dùng lời nói khéo để đình chỉ việc chiến tranh. Đợi 10 năm nữa, nước ta nuôi được sức phú cường, ta không cần sợ chúng nữa.

Vua Quang Trung truyền cho chiến sĩ ăn Tết Nguyên Đán trước ngày để đến hôm trừ tịch thì cất quân đi, đánh ngày mồng 7 tháng Giêng sẽ vào Thăng Long mở tiệc ăn mừng.

Nhà Vua chia binh làm 5 đạo tiến ra Bắc:

Ngô Văn Sở đem quân làm tiền phong có Hồ Hổ Hầu đốc chiến.

Đại Đô Đốc Lộc đem thủy quân vượt biển qua sông Lục Đầu, kéo về vùng Lạng Giang, Phượng Nhãn, Yên Thế để chặn đường quân Tàu.

Đô đốc Tuyết cũng đem thủy quân vượt bể, kinh lược mặt Hải Dương, tiếp ứng xuống mé sông.

Đô đốc Mưu đem quân đi xuyên qua huyện Chương Đức, nay là huyện Chương Mỹ, kéo thẳng tới làng Nhân Mục huyện Thanh Trì, đánh quân Sầm Nghi Đống.

Đại Đô Đốc Bảo thống xuất quân tượng mã, kéo ra làng Đại Áng, huyện Thanh Trì tiếp ứng cho mặt tả.

Quân của vua Quang Trung cứ theo kế hoạch đúng đêm hôm trừ tịch kéo quân ra Bắc như vũ như bão, đánh tan quân Lê ở bến đò Giản Thủy, Ninh Bình, bắt sống hết toán quân Tàu đóng ở Phú Xuyên, tỉnh Hà Nam Ninh ngày nay. Ngày 5 tháng Giêng, vây đồn Hạ Hồi, kéo thẳng tới Thăng Long, giết quân giặc chết như rạ ở Gò Đống Đa. Các tướng lĩnh nhà Thanh là đề đốc Hứa Thế Hanh, tiên phong Trương Sĩ Long, tả dực Thương Duy Thăng đều tử trận. Tri phủ Điền Châu là Sầm Nghi Đống đóng quân ở Đống Đa bị bao vây phải thắt cổ tự tử.

Tôn Sĩ Nghị nửa đêm được tin báo hoảng hốt, không kịp thắt yên ngựa và mặc áo giáp, đem mấy tên lính kỵ chạy qua sông sang Bắc. Quân Tàu hay vậy cũng xô nhau chạy trốn sang cầu, cầu bị Tôn Sĩ Nghị sai chém đứt và sông Hồng Hà đã là mồ chôn mấy vạn quân Thanh.

Quân Thanh tan, từ đó về sau tại chùa Đông Quang hàng năm có mở hội gọi là ngày Giỗ trận Đống Đa. Có lẽ dân làng cũng muốn kỷ niệm chiến công oanh liệt của nước nhà, nhưng qua một hình thức của ngày hội và đây là ngày làm lễ cầu siêu cho tướng sĩ quân nhà Thanh đã từng bỏ mình tại nơi đây trong trận mùa Xuân năm Kỷ Dậu.

Những cuộc lễ bái, những trò vui xuân

Hội mở ra để dân làng nhân dịp Xuân mua vui, nhưng điều chính yếu của ngày hội là tụng kinh cầu nguyện cho những vong hồn chết trận. Ngày xưa nhà chùa có lập đàn chay tụng niệm, và dân làng cùng nhau tới lễ đàn, giúp tiền giúp gạo để nhà chùa lo việc bố thí chúng sinh.

Trong ngày hội, dân chúng Hà Nội trước đây tới dự đông lắm, tới đây để nhớ lại một giai đoạn hùng hào của lịch sử, nhưng cũng tới đây để tham dự những cuộc lễ bái cầu cúng cho đám cô hồn tướng sĩ nhà Thanh và đồng thời cả một số Việt quân đã bỏ mình trong trận này. Gò Đống Đa có mộ Sầm Nghi Đống, ngày hội người Trung Hoa kéo nhau lũ lượt tới viếng chùa và viếng mộ.

Các bà già, dân làng Đông Quang và cả khách trẩy hội, mang vàng hương tới đặt trước những ngôi mộ vô thừa nhận của quân Tàu.

Riêng về Sầm Nghi Đống, người Trung Hoa có lập đền thờ tại Hà Nội ở ngõ Sầm Công.

Đọc tới đây có lẽ một vài bạn đọc phải ngạc nhiên, tại sao dân ta đối với quân thù lại có thái độ bao dung lạ lùng như vậy.

Thấm nhuần nền đạo đức Đông phương, dân ta lấy chữ nhân làm trọng. Quân Tàu, khi sống chúng xâm lăng đất nước chúng ta, nhưng một khi đã chết, ta không kể đây là những kẻ thù nữa, họ không còn làm hại được ta, chúng ta nhìn họ bằng một con mắt khác. Họ là những chiến sĩ đã chiến đấu theo mệnh lệnh của triều đình, chết đi họ là những chiến sĩ trận vong. Chúng ta phải kính trọng họ, họ là những người đã chết vì quốc gia, chúng ta phải thương hại họ, họ đã chết ở đất lạ quê người, họ là những vong hồn không ai cúng vái phải chịu đói khát. Các người già cả, nhân ngày hội Đống Đa đốt vàng hương cho họ, và trong chùa tụng kinh cầu nguyện cho họ, chính là mong cho họ không chịu cảnh khổ sở của những ma đói ma khát, cầu cho họ được siêu sinh tịnh độ. Ở đây vừa là lòng nhân từ, vừa là cử chỉ rộng rãi với kẻ thù, lại vừa thể hiện được sự tôn kính đối với chiến sĩ trận vong.

Song song với những cuộc lễ bái, cầu nguyện và đốt vàng hương cúng cho các vong hồn, tại hội chùa Đông Quang còn có những trò vui khác cho khách đi xem Hội thưởng Xuân: Cờ bỏi, múa hát và đánh vật.

Các thanh niên nam nữ Hà Nội, cũng nhân ngày hội hẹn hò đi lễ để gặp gỡ nhau.

Đền Sầm Nghi Đống. Như đã trình bày, riêng về Sầm Nghi Đống, người Trung Hoa có lập đền thờ ở ngõ Sầm Công, sau phố Hàng Buồm Hà Nội. Tục truyền rằng ngôi đền này linh thiêng lắm và vong hồn Sầm Nghi Đống thường tác yêu tác quái với dân chúng Hà thành, mãi cho tới khi nữ sĩ Hồ Xuân Hương qua đó, vì ghét mặt một tên tướng tử trận còn làm oai làm phách, có đề bài thơ sau:

Ghé mắt trông ngang thấy bảng treo,

Kìa đền Thái thú đứng cheo leo.

Ví đây đôi phận làm trai được,

Sự nghiệp anh hùng há bấy nhiêu!

Theo lời truyền lại, sau bài thơ trên của nữ sĩ họ Hồ đền họ Sầm hết linh thiêng! Có lẽ vong hồn quan tri phủ đã biết then!

Về võ công oanh liệt của vua Quang Trung, nhiều thi sĩ có để lại nhiều thơ văn ngâm vịnh, ngay trong Việt Nam Quốc sử diễn ca, soạn dưới triều Nguyễn, xưa nay vẫn cho Tây Sơn là Ngụy triều cũng phải ghi chép võ công đó một cách đầy thán phục.

Quân Thanh đã được Thông Long,

Một hai rằng thế là xong việc mình.

Dùng dăng chẳng chịu tiến binh,

Nhác đường phòng thủ, mống tình đãi hoang.

Ngụy Tây nghe biết sơ phòng,

Giả điều tạ tội, quyết đường cất quân.

Dặm tràng nào có ai ngăn,

Thừa hư tiến bước tới gần Thăng Long.

Trực khu để lữ Nam Đông,

Quân Thanh dẫu mấy anh hùng mà đang.

Vua Lê khi ấy vội vàng,

Cùng Tôn Sĩ Nghị sang đàng Bắc Kinh.

Qua sông lại sợ truy binh,

Phù Kiêu chém đứt, quân mình thác oan!

Nhân dịp Xuân về, để tưởng niệm và tỏ lòng kính mến biết ơn vị đại anh hùng dân tộc chúng tôi cũng mạo muội có mấy vần thơ:

Xuân tới mừng Xuân nhớ Đống Đa,

Chiến công oanh liệt rạng sơn hà.

Quang Trung đại đế ra oai tướng,

Sĩ Nghị nguyên hung cụp vía gà.

Phấp phới cờ bay, màu chiến thắng,

Vang lừng súng nổ, khúc hoan ca.

Thanh triều tôi chúa kinh hồn khiếp,

Trời Việt tượng bưng, vạn sắc hoa.

Kể từ khi vua Gia Long lên ngôi, mặc dầu nhà Tây Sơn bị gọi là ngụy triều, mồ mả nhà Tây Sơn bị khai quật và ai nhắc nhở tới nhà Tây Sơn đều bị tội nặng, nhưng nhân dân quận Bình Khê, tỉnh Bình Định, vẫn cất một ngôi đền tại nơi nhà cũ của Ba Vua để thờ phụng, để che mắt vua quan nhà Nguyễn, người ta phải nói dối là đền thờ thần. Mỗi năm, Xuân Thu nhị kỳ, dân làng có tế lễ rất long trọng, điều đặc biệt, có tế lễ nhưng không có văn tế, dân làng chỉ khấn vái thầm.

Rất tiếc đền thờ này, lập tại thôn Kiên Mỹ, xã Bình Khê, năm 1947 đã bị phá hủy, cho tới năm 1955, nhân dân Bình Khê mới lại cùng nhau gom góp xây một ngôi đền tráng lệ hơn xưa, và hàng năm nhân ngày giỗ trận Đống Đa tại đây cũng có cử hành lễ kỷ niệm chiến công oanh liệt năm Kỷ Dậu.

Hội đền vua An Dương Vương

Đền thờ An Dương Vương ở làng Cổ Loa, huyện Đông Anh, tỉnh Phúc Yên, cách Hà Nội 17 cây số trên Quốc lộ Hà Nội đi Phúc Yên (Vĩnh Phú), trong khung thành Cổ Loa hồi xưa.

Du khách có thể tới đền theo đường bộ nói trên, khi tới cây số 17, rẽ vào con đường đất bên tay phải đi chừng năm trăm thước, hoặc do đường xe hỏa, tới ga Xuân Kiêu, rồi từ ga Xuân Kiêu theo đường ruộng đi về mé tay trái một quãng. Hội đền Cổ Loa cử hành hàng năm vào ngày mồng 6 tháng Giêng và kéo dài trong khoảng 10 ngày.

Sơ lược lịch sử và thần tích

Vua An Dương Vương tên là Thục Phán, vốn quê ở Ba Thục. Nhà vua oán vua Hùng Vương thứ XVIII đã từ chối không gả con gái là Mỹ Nương cho một vị tiên đế của Ngài, nên đem quân đánh chiếm nước Văn Lang, và khi chiếm xong, nước Văn Lang được đổi tên là Âu Lạc.

Vua An Dương Vương đóng đô ở Việt Thường và xây đắp Loa Thành, nhưng thành hồ xây lên lại bị đổ.

Nhà vua lập đàn cầu khẩn thần minh.

Ngày mồng 7 tháng 3 năm Bính Ngọ (255 trước Tây lịch) ngài thấy một cụ già từ phương Đông đi lại ngừng ở trước cửa thành.

Nhà vua nghênh tiếp cụ già vào cung rồi trình bày sự khó khăn nhà vua vấp phải trong việc đắp Loa Thành. Cụ già cho nhà vua biết, ngày hôm sau sẽ có sứ giả của vua Thủy tới chỉ bảo cho nhà vua cách xây thành. Nói xong cụ biến mất.

Ngày hôm sau, khi nhà vua đang ở phía Đông môn Ngài thấy từ phương Đông đi lại một con rùa vàng, đứng hai chân trên mặt đất. Đây là thần Kim Quy sứ giả của vua Thủy Tề. Nhà vua rước thần Kim Quy lên xe đi về cung điện.

Khi nhà vua hỏi Thần về việc đắp thành, Thần bảo rằng: "Sở dĩ thành đắp lên lại đổ do sự quấy phá của âm hồn một vị Hoàng tử dựa vào thế lực của chư thần sông núi để trả thù việc nhà vua xâm chiếm nước Văn Lang. Ngoài ra còn có một con bạch hùng kê tu luyện nghìn năm, thành tinh trú ẩn trên Thất Diệu sơn cùng với âm hồn của một người thợ kèn, hài cốt mai táng ở núi này biến hình phá phách.

Gần Thất Diệu sơn có một hàng quán rất đông khách trọ. Chủ quán là Ngô Không, có một người con gái, gả cho con gà sống trắng thành tinh.

Con kê tinh này cùng với hồn ma người thợ kèn, thay đổi hình dạng, đã giết hại rất nhiều khách trọ.

Nhà vua muốn đắp được Loa Thành, cần phải diệt trừ con bạch hùng kê. Nó thường hóa thành một con cú, mổ cắp một đạo bùa, bay đậu trên cây đàn hương, chính nó đã kêu xin với Thượng đế làm đổ Loa thành để phục hồi quyền phép của như thần sơn xuyên. Tôi sẽ cắn chân con cú đó bị đau nó sẽ nhả đạo bùa ra, nhà vua nhặt lấy, nhà vua sẽ xây được thành."

Thần Kim Quy lại khuyên nhà vua cải trang làm một người khách tới trọ tại hàng quán của Ngô Không. Nhà vua tới đó với thần Kim Quy. Nhà vua đặt thần lên trên xà cửa. Thấy Nhà vua, Ngô Không nói: "Quán này có ma quỷ hay hại người, nay còn sớm, quý khách nên tìm trọ nơi khác."

Nhà vua đáp: "Sống chết có số, sợ gì ma quỷ."

Đêm đó nhà vua nghe tiếng ma quỷ gọi cửa, nhưng Thần Kim Quy không cho mở. Lũ quỷ với yêu phép cũng không sao vào được trong quán, và chúng phải rút lui khi gà gáy.

Thần Kim Quy bảo nhà vua đuổi theo chúng tới Thất Diệu sơn, nơi trú ẩn của lũ yêu quái.

Sau đó nhà vua lại trở lại quán hàng của Ngô Không.

Sáng ngày ra, Ngô Không gọi người nhà để chôn xác nhà vua như những người khách trọ các đêm trước. Thấy nhà vua còn sống hẩn kính cần chào và nói:

"Ngài hẩn là một vị Thánh. Xin Ngài truyền cho tôi phép màu trừ yêu quái để cứu các khách trọ."

Nhà vua nói:

"Hãy giết con gà sống trắng làm đồ lễ cúng thần, yêu quái sẽ hết."

Ngô Không làm thịt con gà sống trắng, con gái hẩn cũng chết liền.

Nhà Vua lại ra lệnh đào núi Thất Diệu thì tìm thấy đồ lễ và hài cốt của người thợ kèn. Nhà vua truyền đem đốt thành tro vớt trôi sông.

Hoàng hôn hôm đó, nhà vua cùng Thần Kim Quy lên núi Việt Thường để tìm bắt con yêu hóa thành con cú. Con cú đậu trên cây đàn hương, ngậm trong mỏ đạo bùa.

Thần Kim Quy biến thành con chuột leo lên căn chân cơn cú. Cú bị đau nhả đạo bùa rơi xuống. Nhà vua vội vàng nhặt lấy.

Yêu quái đã trừ xong, nhà vua xây được Loa Thành. Thành xoay hình tròn ốc, dài trên mười trượng, rất vững chãi đã chống giữ được với quân Tàu của Triệu Đà sau này.

Thần Kim Quy lưu lại với nhà vua ba năm mới từ biệt.

Nhà Vua tạ ơn Thần và hỏi:

"Thành này nhờ Thần mà đắp lên, nếu có quân giặc tấn công, tôi phải giữ thành ra sao?"

Thần Kim Quy đáp:

"Nước Âu Lạc thịnh, suy và an, nguy là do mệnh Trời. Nếu người ta biết tự sửa để trở nên đại đức, sẽ mãi mãi hưởng lộc Trời. Nhà Vua muốn, tôi xin giúp nhà Vua."

Thần bẻ một móng chân, đưa cho nhà Vua và bảo rằng:

"Nhà vua hãy dùng móng này làm lẫy nỏ, giặc tới, mang nỏ ra bắn, sẽ không sợ gì cả."

Nói rồi, Thần đi ra Đông Hải. Vua An Dương Vương đứng nhìn theo cho tới khi khuất.

Sau đó, nhà vua sai bày tôi là Cao Lỗ làm một cây nỏ, dùng chiếc móng của thần Kim Quy làm lẫy nỏ, và nỏ này được gọi là Nỏ Thần.

Ít lâu sau, Triệu Đà từ phương Bắc kéo quân sang muốn chiếm nước Âu Lạc. Nhờ có nỏ thần, nhà vua đã thắng quân Tàu. Chúng phải rút lui về núi Trúc Sơn, đắp thành để ngăn quân nhà vua.

Không thắng nổi vua An Dương Vương, Triệu Đà tìm cách giả kết thân, dùng kế cho con là Trọng Thủy sang lấy Mỵ Châu là con gái nhà vua, để

do thám tình hình.

Lấy được My Châu, rồi Trọng Thủy hỏi dò:

"Bên Âu Lạc có tài gì mà không ai đánh nổi?"

My Châu nói chuyện chiếc nỏ thần rồi lấy cho chồng xem. Trọng Thủy liền đánh tráo cái móng của Thần Kim Quy rồi định về báo tin cho Triệu Đà biết.

Khi vợ chồng từ biệt, Trọng Thủy bảo vợ:

"Tôi ra về, ngộ nhỡ hai nước có sự giao binh, tôi biết đâu tìm nàng."

My Châu nói:

"Thiếp có áo lông ngỗng, hễ khi thiếp chạy về đâu thiếp sẽ lấy lông ngỗng ra rắc ở dọc đường:"

Trọng Thủy về nước, Triệu Đà được biết rõ mọi sự tình bên Âu Lạc, bèn khởi binh sang đánh. Vua An Dương Vương tin ở nỏ thần không phòng bị gì, chờ đến khi quân giặc kéo tới gần chân thành mới đem nỏ thần ra bắn. Nỏ hết hiệu nghiệm.

Nhà vua bèn đem My Châu lên ngựa chạy về phía Nam, chạy đến núi Mộ Dạ nay thuộc huyện Đông Thành tỉnh Nghệ An, gần bờ biển, nhà vua thấy giặc đuổi kịp quá mới khẩn thần Kim Quy lên giúp. Thần hiện lên bảo rằng:

"Giặc ngồi sau lưng nhà vua đó."

An Dương Vương giận quá, rút gươm chém My Châu rồi nhảy xuống bể tự tận.

Trọng Thủy theo dấu lông ngỗng đuổi theo, đến núi Mộ Dạ thấy thân vợ nằm chết, thương xót vô cùng, đem về an táng xong, nhảy xuống giếng ở

trong Loa Thành mà chết. Giếng này nay vẫn còn, ở ngay trước đền thờ vua An Dương Vương và được dân chúng gọi là Giếng Trọng Thủy.

Tục truyền rằng My Châu bị giết rồi, vì nổi tình thực phải thác oan, máu nàng chảy xuống bể, những con trai ăn phải hóa ra có ngọc. Ai có ngọc trai, lấy nước giếng Trọng Thủy rửa, ngọc sẽ trong và đẹp vô cùng.

Vua An Dương Vương chết đi, sau khi Triệu Đà rút về đóng đô ở Phiên Ngung dân chúng nhớ ơn nhà vua lập đền thờ ở ngay xã Cổ Loa và hàng năm dân làng có mở hội từ mùng 6 tháng Giêng.

Những cuộc lễ bái và tục lệ trong ngày hội

Trước hết xin nói qua về làng Cổ Loa. Đây là một làng lớn nằm trong thành Cổ Loa. Cùng ở trong thành còn có làng Thu Cừ, và một phần đất của các làng Lưỡng Quán, Gia Lộc và Dục Tú, làng Dục Tú nay thuộc tỉnh Bắc Ninh (Hà Bắc).

Làng Cổ Loa gồm mười hai xóm tính từ Bắc xuống Nam: Xóm Ngõ Bãi, xóm Thượng, xóm Giềng, xóm Tiên, xóm Hương Nhai, xóm Gia, xóm Viên Lợi, xóm Lan Trì, xóm Chợ, xóm Chùa, xóm Trại, và xóm Mít. Trong làng có tất cả vào khoảng 4.000 người, cả nam phụ lão ấu.

Trong ngày hội, tất cả mười xóm đều cùng tham dự, và cùng sửa soạn những cuộc lễ bái rước xách.

Đám rước Kỳ mục

Sáng ngày mùng 6 tháng Giêng 12 vị Kỳ mục trưởng xóm đến hội họp tại nhà ông Tiên chỉ, hoặc Chánh hội để sửa soạn đám rước. Tại đây các vị Kỳ mục ăn mặc quần áo tề, tới trước giá văn tế đã được để sẵn lễ mỗi người năm lễ. Giá văn tế đã có dán bài văn tế do một tay văn tự trong làng soạn thảo.

Sau đó đám rước khởi hành để đi tới đền, nơi đây các Kỳ mục sẽ tế lễ tại sân đền.

Đi sau đám rước là phường bát âm, rồi đến các vị Kỳ mục. Sau các vị Kỳ mục là dân đình mang lọng, rước giá văn tế và kiệu long đình.

Sân đền lúc đó đã được trần thiết sẵn sàng cho cuộc tế.

Tế thần

Sân đền là nơi sẽ cử hành cuộc tế có cấm cờ và bày các tự khí sau:

- Từ ngoài cửa đền, hai bên là ngựa hồng, ngựa bạch, yên cương thêu thùa sặc sỡ.

- Hai bên tả hữu đường đi vào đền là cờ quạt và các đồ lộ bộ, bát bửu.

- Ngoài hàng cờ quạt, đồ lộ bộ và bát bửu là kiệu của 12 xóm.

Trước đền là một hương án có bày đồ lễ, những hộp kính đựng hia vàng và các đồ ngũ sự.

- Trước hương án này là một hương án nhỏ hơn trên bày những khí giới của nhà vua: cung, kiếm, tên.

- Trước hương án nhỏ là một hàng chiếu cạp điều để Hội đồng Kỳ mục và dân làng làm lễ.

Thường tất cả các tự khí trong đền đều được đem bày trong dịp Tế, ngoại trừ tượng nhà vua và chiếc mũ bình thiên.

Khi đám rước Kỳ mục tới đền, giá văn tế được đặt lên long đình, và long đình được kính cẩn khiêng tới kê trước hương án đồ thờ.

Lúc này phường bát âm nổi nhạc, và giữa tiếng đàn nhạc, thỉnh thoảng lại một hồi tù và rúc inh tai.

Ông Tiên chỉ hoặc Chánh hội đứng tế. Tế theo nghi thức cổ truyền như trong mọi đám tế thần khác.

Khi cuộc tế chấm dứt, ông Tiên chỉ cùng các quan viên Kỳ mục đều làm lễ trước bàn thờ. Rồi đến lượt dân làng vào lễ. Trong lúc mọi người lễ, ở bên trong đền có một số các quan viên cầu nguyện để Nhà vua phù hộ cho toàn xã thịnh vượng bình yên.

Cũng như bất cứ tại làng nào, buổi tế thần rất long trọng, và tất cả dân làng đều đứng quanh để dự tế.

Buổi tế kéo dài đến quá Ngọ sang Mùi mới xong.

Đám rước thần của 12 xóm

Sau buổi tế, dân làng tổ chức đám rước thần có đủ mười hai xóm tham dự cùng với một số đông dân làng, một số dân đình hóa trang ăn mặc trắng đỏ, đeo chùm râu giả đi theo. Đoàn người kéo dài trên nửa cây số.

Đi đầu hết là cờ quạt, rồi đến long đình cùng các tự khí, lộ bộ, bát bửu. Sau là phường bát âm. Tiếp phường bát âm là các quan viên ăn vận quần áo tế với hia mũ, bưng theo những khí giới của nhà vua: cung, kiếm, tên, nỏ.

Sau các quan viên là các Kỳ mục xóm Chùa, khiêng long đình trên có bài vị nhà vua, rồi tới các Kỳ mục các thôn khác, thôn nào khiêng kiệu của thôn đó, kiệu nhỏ hơn long đình và mỗi xóm có phường bát âm, có cờ quạt, có các quan viên mang các tự khí và có dân xóm hoá trang riêng.

Đám nước đi rất chậm thường luôn luôn ngừng lại, đi vòng quanh giếng Trọng Thủy và từ bờ giếng này đi cho tới cổng làng. Đám rước diễn hành ít nhất trên hai tiếng đồng hồ. Dân làng hoặc đi theo, hoặc đứng trên các bờ ruộng xem rước.

Đám nước tới cổng làng thì giải tán. Kỳ mục xóm nào khiêng kiệu của xóm mình về nơi đó, nhưng trước khi giải tán, mỗi kiệu đều được thắp thêm ba nén hương, ba nén hương này đủ cháy trong lúc đi đường về cho tới đình hàng xóm.

Riêng các kỳ mục xóm Chùa, nơi có đền thờ nhà Vua, lại khiêng long đình có bài vị về đền.

Đám rước xong, nhưng Hội chưa hết, hội còn kéo dài luôn trong 10 ngày cho tới rằm tháng Giêng với những trò vui cổ truyền.

Những trò vui cổ truyền

Cũng như ở bất cứ hội xuân nào, hội đền vua An Dương Vương, ngoài những cuộc rước xách tế lễ còn có nhiều thú vui theo tục lệ để dân chúng giải trí nhất là có những cuộc đò đen công cộng như xóc đĩa[1], xúc xắc, thò lò, bài lá v.v...

Các trai gái thanh niên rủ nhau đánh đu, bao giờ ban kỳ mục cũng như trồng cây đu trong ngày hội cho con trẻ mua vui. Các cụ thì chơi tổ tôm diêm, đánh cờ bỏi, các cụ bà vào lễ đền hoặc lễ chùa. Lại có cả những bàn đáo đĩa một lối đánh đáo đặc biệt, có một người làm cái. Người này đặt một chiếc mẹt, trong chiếc mẹt có một chiếc đĩa nhỏ. Những người chơi đáo đứng cách xa chiếc mẹt khoảng hai thước, rồi cầm tiền, những đồng trinh hoặc những đồng xu đi vào chiếc đĩa. Đồng tiền nào đi đúng vào chiếc đĩa, một đồng được nhà cái giam cho thành năm, còn những đồng nào bắn ra mẹt về phần nhà cái. Đồng tiền nào không vào đĩa cũng không vào mẹt người chơi được đi lại.

Tối tối tại đình làng có hát chèo để thờ thần và để dân làng mua vui.

Dân làng thích thú với ngày hội, và dân các xã lân cận cũng rủ nhau tới dự các trò vui, xem rước xách tế lễ và cũng thử thời vận với những cuộc đò đen.

Ngày giỗ My Châu

Những cái chết của vua An Dương Vương, Trọng Thủy và My Châu, có thể gọi hết thảy là chết oan, dân chúng rất thương xót và có lập đền thờ ở nhiều nơi, ngoài xã Cổ Loa, thờ vua An Dương Vương để ghi công nhà

Vua đã lập ra nước Âu Lạc, thờ Trọng Thủy và Mỵ Châu vì người ta trọng sự chung thủy, tiết nghĩa của đôi người.

Cho đến trước ngày tiền thế chiến, ở núi Mộ Dạ, gần nơi nhà Vua tự vận, thuộc xã Cao Ái, huyện Đông Thành, Nghệ An, vẫn có đền thờ vua An Dương Vương, tục gọi là Đền Công, vì nơi đây rậm rạp, loài công đến ở rất nhiều.

Và ở xã Đông Cao, phủ Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định cũng có Đền thờ Mỵ Châu, và hằng năm vào ngày 18 tháng 8 âm lịch, dân làng có mở hội gọi là NGÀY GIỖ MỊ CHÂU.

Hội bắt đầu từ hôm rằm, nhằm ngày Trung Thu, nhưng vui nhất vào hôm 18, tức là hôm có đám rước kiệu Mỵ Châu từ xã Đông Cao cho đến đình làng Đông Bộ ở bên sông Hồng Hà.

Theo dân xã Đông Cao, đám rước này chính là đám rước để Mỵ Châu tới yết kiến vua cha có đền thờ tại xã Đông Bộ. Chính hôm 18 tháng 8, tại xã Đông Bộ cũng mở hội kỷ niệm vua An Dương Vương. Làng này năm nào cũng chờ xã Đông Cao rước kiệu tới.

Dân địa phương gọi hai đền thờ ở làng Đông Bộ và làng Đông Cao là Đền Cha và Đền Con.

Hàng năm Con phải tới yết kiến Cha để vấn an cũng như để tạ lỗi xưa đã vì mối tình của mình nước mất nhà tan và nhà vua phải thác.

Trong buổi rước kiệu từ xã Đông Cao đến đền thờ xã Đông Bộ, bao nhiêu chức sắc xã Đông Cao đều đi hết và vị bô lão niên trưởng trong làng bưng bình hương đi trước.

Tới xã Đông Bộ các vị chức sắc làng Đông Cao rước Kiệu vào đình tế lễ một tuần, như có ý để Mỵ Châu tạ tội cùng vua Cha.

Sau buổi tế lễ, các quan viên chức sắc xã Đông Cao được các quan viên chức sắc xã Đông Bộ tiếp đãi rất lịch sự.

Buổi chiều kiệu của My Châu lại được rước về xã Đông Cao.

Đền thờ của My Châu ở làng Đông Cao rất nguy nga tráng lệ. Trước cửa đền, hai bên có voi đá lại có rùa đá mang bia.

Người ta nói rằng tại sông Hồng Hà, ngay chỗ đền thờ vua An Dương Vương ở làng Đông Bộ, ở dưới lòng sông có một cung điện nguy nga, cung điện của vua An Dương Vương. Cung điện này nhiều người thuyền chài đã được trông thấy, nhưng không ai dám nói rõ, vì họ tin rằng kẻ nào mang mồm tiết lộ sẽ bị chết tươi ngay...

Chuyện thuật lại rằng, trước đây có một người đấm thuyền lặn xuống mò thuyền đã được tận mắt trông thấy cung điện của nhà vua. Khi lên bờ, người này có kể lại cho dân làng Đông Bộ nghe, nhưng vừa dứt câu chuyện, người này liền ngã lặn ra chết!

Từ đó tại khúc sông này, cũng đã có nhiều người lặn xuống lòng sông, nhưng có ai hỏi tới cung điện của vua An Dương Vương, không ai dám nói gì! Có lẽ họ không thấy có cung điện! Hay họ sợ bị chết tươi nên tuy có trông thấy cung điện họ cũng không dám nói lại!

Kể từ đời vua An Dương Vương tới nay, hai mươi ba thế kỷ đã qua, thế mà câu chuyện Trọng Thủy, My Châu mỗi khi thuật lại người ta vẫn không khỏi mỉm lòng thương cho mối duyên oan trái của đôi người.

Thi sĩ Tản Đà đã có bài thơ

Một đôi kẻ Việt người Tần,

Nửa phần ân ái, nửa phần oán thương!

Vuốt rùa chàng đổi má?[2]

Lông ngỗng thiệp đưa đường.

Thề nguyên phu phụ,

Lòng nhi nữ

Việc quân vương,

Duyên nợ tình kia dở dở dang.

Trăm năm giọt lệ

Ngọc trai nước giếng,

Nghìn thu khói nhang.

[1] Về lối đảo đen này xin xem trong Phong tục Việt Nam, Từ bản thân tới gia đình của soạn giả, do Khai Trí xuất bản.

[2] Nỏ thần

Hội đền thờ ông Lê Phụng Hiếu

Làng Từ Trọng phủ Hoảng Hóa tỉnh Thanh Hóa có đền thờ ông Lê Phụng Hiếu, một danh tướng đời nhà Lý, thờ hai đời vua Lý Thái Tổ và Lý Thái Tôn. Đền xây ở rừng Mã Cương, một khu rừng của làng, giáp với thôn Hạc Đình.

Làng Từ Trọng có nhiều thôn, thôn Hạc Đình là một Thôn Hạc Đình nằm dài theo dọc sông Tào, một dòng sông nhỏ chảy vào sông Ngã. Từ thôn Hạc Đình nhìn ra, xa xa là cầu Hàm Rồng, chiếc cầu bắc từ núi Long qua núi Hồ như muốn lấy nhân công tô điểm cho cảnh thiên nhiên thêm cẩm tú.

Đầu thôn Hạc Đình là bãi Giang Đình, một bãi đất rộng rãi mát mẻ để hàng xã tổ chức hàng năm những cuộc vui đình đám ở nơi đây.

Theo lời các cụ truyền lại, bãi này là mình một con Hạc với cái cổ dài vươn lên thành con đường nhỏ chạy vào rừng Mã Cương. Con Hạc này đứng một cẳng tạo thành con đường chạy thẳng tắp từ bãi Giang Đình lên đê sông Tào. Cẳng thứ hai của con Hạc ghech thành khúc đường mòn

chạy từ bãi Giang Đình qua ngã cây Đền, một cây Đền cổ thụ mọc ở trước thôn Hạc Đình, quanh vào trong thôn. Các cụ bảo cây Đền là cái cửa của bàn chân con Hạc.

Đền ông Lê Phụng Hiếu ở rừng Mã Cương, hàng năm dân làng mở hội từ ba mươi Tết năm trước đến hết ngày mồng bảy tháng Giêng năm sau.

Thần tích

Ông Lê Phụng Hiếu, người làng Bằng Sơn, phủ Thanh Hóa, sau là xã Dương Sơn, phủ Hoảng Hóa. Ông người to lớn râu ria xồm xoàm sức vóc khỏe mạnh. Thuở nhỏ nhà nghèo, ông phải làm nghề tiều phu kiếm ăn. Nói về sức mạnh, ông có một thần lực, và về sức ăn khỏe cũng ít ai sánh kịp. Mỗi bữa ông ăn hết một nồi mười cơm (nói mười là chiếc nồi thối cơm đủ cho mười người khỏe mạnh ăn.)

Khi đi đốn củi, ông không cần búa rìu gì cả, chỉ dùng tay hoặc nhổ hoặc bẻ, tùy theo cây to hoặc cây nhỏ. Ông lại chạy nhanh bước dài, nhờ ở sức vóc to lớn. Một hôm, Lê Phụng Hiếu đi kiếm củi trở về, vai gánh một đầu là một bó củi, còn đầu kia là một bó tre nguyên bụi còn nguyên cả gốc rễ do ông nhổ lên. Trên bụi tre có một con cò trắng ông đã bắt được ở bên bờ sông Mã.

Ông về đến nửa đường, được tin nhà vua đang kén người có sức khỏe để sung vào quân túc vệ, ông liền đặt gánh củi xuống rồi hai tay ôm hai bó củi ông quăng vèo đi hai nơi. Ông quyết bỏ nghề tiều phu để sung vào đoàn quân túc vệ của nhà vua.

Bó củi bị ông quăng tới tận làng Buông còn bụi tre rơi đến thôn Hạc Đình, hai nơi cách xa nhau hàng nửa ngày đường.

Sung vào quân túc vệ, ông lập được nhiều công trạng với nhà Lý, được phong làm Đô Thống Thượng Tướng Quân. Năm 1044, khi vua Thái Tôn đem quân đi đánh Chiêm Thành, ông được cử làm tiên phong phá tan được giặc. Ông chết năm 77 tuổi. Ông được phong làm Phúc Thần và được tất cả các thôn xã từ Hạc Đình tới kẻ Buông thờ phụng.

Trên là thuật theo thần tích xã Từ Trọng.

Theo ông Phan Kế Bính trong Nam Hải dị nhân, khi vua Lý Thái Tôn đi đánh Chiêm Thành trở về, định phong thưởng cho ông, nhưng ông từ chối, không nhận tước thưởng, xin đứng ở trên núi Bãng Sơn, ném một thanh đao ra ngoài hể rơi xuống chỗ nào, thì xin đất đến đấy để lập nghiệp.

"Vua ưng cho như thế. Phụng Hiếu đứng ở trên núi, ném một thanh đao ra ngoài mười dặm, sa xuống cắm vào làng Đa Mỹ. Vua mới ban ruộng thưởng cho đến chỗ cắm đao tính ra được hơn nghìn mẫu.

Từ đấy ruộng thưởng cho công thần gọi là ruộng thác đao (nghĩa là cắm đao) là do sự tích ấy. Phụng Hiếu hết lòng thờ vua, biết điều gì nói điều ấy, mà động đi đánh trận nào cũng được. Đến năm 77 tuổi mới mất. Dân làng lập miếu thờ làm Phúc Thần, lịch triều có phong tặng cả."

Qua thần tích và sự tích kể trên, tuy có điều hơi dị biệt, nhưng tựu trung ông Lê Phụng Hiếu vẫn đã là một bậc trung thần phò vua giúp nước nên được dân chúng đời đời hương khói phụng thờ.

Trở lại thần tích, theo các cụ kể lại thì bó củi ông Lê Phụng Hiếu ném vào kẻ Buông dần dần mọc thành một rừng cây nay gọi là rừng Buông. Còn bó tre có con cò trắng ném vào thôn Hạc Đình nay mọc thành một rừng tre được đặt tên là rừng Trúc Cương, nhưng dân làng Từ Trọng quen tục gọi là rừng Mã Cương.

Rừng Mã Cương có rất nhiều cò vạc, chúng oang oác kêu suốt đêm ngày như muốn nhắc lại công trạng hiển hách của Đô Thống Thượng Tướng Quân Lê Phụng Hiếu, mà đền thờ ở ngay ven rừng tục gọi là đền Mã Cương. Các cụ bảo đấy là cháu chắt con cò đã đậu trên bụi tre thuở trước.

Tục lệ ngày hội

Cũng như bất cứ hội nào, hội đền Mã Cương lấy sự cúng tế Đô Thống Thượng Tướng Quân là việc chính, nhưng bên sự tế lễ, hội đền Mã Cương còn có nhiều những tục lạ, những tục này đã phản ảnh phần nào dân tình trong vùng và lòng kính trọng của người dân đối với vị Thành hoàng võ tướng đời nhà Lý này.

Tảo mộ cuối năm

Cùng với những cuộc tế lễ tại đền Mã Cương, hội nơi đây bắt đầu bằng cuộc tảo mộ tập thể của dân làng, nhất là của dân thôn Hạc Đình.

Mỗi gia tộc gồm nhiều gia đình kéo nhau tới bãi tha ma cuối thôn để thăm viếng mồ mả gia tiên, đắp lại nấm, cuốc đi những cỏ dại, nhổ đi những cây hoang, và cắm hương mời các cụ về hưởng Tết Nguyên Đán cùng con cháu. Những người đi làm ăn nơi xa xôi, một năm một lần, họ đều nhân dịp nghỉ tết về làng dự cuộc tảo mộ tập thể này. Rất vui và rất nhộn nhịp. Ông già bà cả, người lớn trẻ em, thanh niên nam nữ đều có mặt tại bãi tha ma, người ăn mặc nâu sồng theo lối quê mùa, kẻ áo quần loè loẹt theo lối thị thành.

Trời cuối năm rét căm căm, người người đều có áo bông áo dạ, nhưng trước cảnh tấp nập của dân làng, cái rét như có phần dịu đi. Thịnh thoảng có một vài tràng pháo nổ, xác pháo hồng bay như muốn đánh tan cơn lạnh, và đem sự ấm cúng lại cho bãi tha ma.

Cả thôn Hạc Đình đều có mặt tại bãi tha ma. Mùi hương thơm bay ngào ngạt từ những ngôi mộ hòa lẫn cùng mùi thuốc pháo.

Tế Tiên Thường

Cuộc tảo mộ kéo dài cho tới gần trưa, mọi người mới kéo nhau về đình Mã Cương xem tế tiên thường, cuộc tế để chuẩn bị đón rước ngài Thành hoàng về vui xuân hưởng Tết với dân làng.

Hội tấp nập rộn rã từ lúc tinh sương ngày ba mươi Tết cho đến lúc giao thừa.

Nghi thức tế tiên thường giống như những cuộc tế lễ tại bất cứ nơi nào. Tế tiên thường vào giờ Hợi cuối năm trước, trước giờ Tý đầu năm sau.

Đúng giờ giao thừa, dân làng làm lễ giao thừa rồi ai về nhà nấy. Hội hè tạm ngừng trong ba ngày Tết rồi lại mở tiếp từ ngày mồng bốn cho đến hết ngày mồng bảy tháng Giêng.

Thi tuyển nữ quan

Đây là một tục đặc biệt của thôn Hạc Đình, tuyển lựa những trinh nữ để tham dự những buổi hát lễ mừng đức Thành hoàng và lo việc cỗ bàn dâng cúng Ngài.

Tuy đền Mã Cường thuộc về địa phận thôn Hạc Đình xã Từ Trọng, nhưng cuộc tuyển lựa trinh nữ này mở rộng cho tất cả các thanh nữ thuộc các thôn xã thờ Đô Thống Thượng Tướng Quân. Muốn dự cuộc tuyển lựa này, các thanh nữ không những phải còn là con gái mà phải là những cô chưa hề bị mang tai tiếng về nết na của mình nhất là đức hạnh về phương diện trinh thực. Những kẻ lăng lơ không dám tham dự. Các cụ thuật lại rằng trước kia, làng đã kén chọn một cô chưa chồng nhưng không còn nguyên là con gái, cô đã ăn vụng thăm lén dân làng trong đường hoa nguyệt, khi cô vào dự lễ ca hát, cô vừa bước chân vào nhà bái đình là cô ngã xỉu chết ngất. Người nhà khiêng cô về, tới nhà cô tỉnh lại. Cô không dám tham dự các buổi hát lễ cũng như sửa soạn lễ vật. Dân làng phải kén một cô khác thay thế. Cô kia thuật lại: cô vừa bước chân vào nhà bái đình, cô thấy một vị quan hầu cầm vồ đập vào đầu cô và bảo:

Thân mày đã ô uế, ai cho mày vào đây!

Đối với dân chúng vùng này được kén vào hàng trinh nữ hầu Ngài là một điều vinh dự, bởi vậy số thiếu nữ tham dự cuộc thi tuyển đông lắm. Chính bố mẹ các cô cũng muốn các cô được tuyển chọn và nhiều bà mẹ đã dạy bảo các cô những điều cần thiết để các cô có thể thắng được cuộc thi, nhất là những điều về nữ công bếp núc.

Cuộc thi tuyển nữ quan được tổ chức ở bãi Giang Đình. Trước bãi, một con đường thẳng tắp chạy tới đền Mã Cương. Sau bãi là một đầm nước không sâu lắm, nước thường chỉ đến bụng, dân chúng quen gọi là đầm Giang Đình. Chính đầm Giang Đình này là trung tâm cuộc thi.

ĐỒ XÔI VÀ THỐI CƠM. Một trong các môn thi chính để tuyển nữ quan là đồ xôi và thối cơm. Thực ra hai công việc này, đã gọi là phụ nữ Việt Nam, trừ những bọn vô dụng, mấy ai là không biết, nhưng thối cơm và đồ xôi lại là những công việc rất khó khăn vì không phải các nữ thí sinh được thực hiện công việc này ở ngay trong bếp mà ở trên thuyền bơi trên mặt đầm Giang Đình, ngay ngoài trời, có khi gặp buổi mưa phùn hoặc gặp gió đầm thối lùa tứ phía. Hơn nữa, dùng để nấu cơm, đồ xôi, không ai được dùng than củi của riêng mình, mỗi nấu do ban Giám khảo phân phát và gồm toàn bã mía còn tươi khó bén lửa và rất dễ tắt nếu thí sinh hơi vụng về trong việc gậy bếp và nhóm lửa.

Cuộc thi bắt đầu từ sáng tinh sương ngày giáp Tết.

Sáng hôm đó, dọc theo bờ đầm Giang Đình, dân làng đã cho neo sẵn hàng trăm chiếc thuyền thúng, một loại thuyền nan tròn như cái thúng, nhưng có cặp thêm ở hai đầu hai vành bơi chèo, tạo cho chiếc thuyền thúng thành một hình thoi nhọn hai đầu. Hàng năm dân làng phải tuyển cho ngày hội 48 trinh nữ, nhưng số nữ thí sinh tham dự thường trên hàng trăm, có khi đến hai trăm.

Sau tiếng trống lệnh đầu tiên của ban tổ chức, các nữ thí sinh, mỗi cô xuống một thuyền, mang theo đồ rau hoặc kiềng ba chân để làm bếp cùng với mọi vật liệu cần thiết: rơm ướt làm đóm, bã mía tươi làm mỗi nấu, nồi, chõ, gạo nếp, gạo tẻ...

Các cô chèo thuyền ra giữa đầm, chuẩn bị bắt bếp, đặt nồi vo gạo cho sẵn sàng rồi chờ hồi trống thứ hai của ban giám khảo trên bãi Giang Đình ra lệnh bắt đầu cuộc thi. Một hồi trống dài điểm thêm ba tiếng sau cùng! Tiếng trống dứt, cuộc thi mới bắt đầu, lúc đó các nữ thí sinh mới được nhóm lửa, nhóm cả bếp đồ xôi lẫn thối cơm. Mỗi cô được phép

mang xuống thuyền hai cỗ bếp, hoặc đồ rau, hoặc kiềng. Trong cuộc thi các cô được tự do muốn làm sao thì làm, thổi cơm trước hay đồ xôi trước tùy ý, miễn cho nhanh chóng, xong sớm để chèo thuyền vào bờ nộp cơm và xôi lên Ban Giám khảo. Các cô xong trước được thêm điểm nhanh chóng, nhưng phải ngon, xôi phải dẻo. Nếu nồi cơm trên sồng dưới khô, tứ bề nát bét và chỗ xôi răn nát thì dù các cô có xong sớm cũng đừng hy vọng gì đến sự trúng tuyển.

Thực ra, tài thổi cơm, đồ xôi của các cô cũng không hơn kém nhau mấy, vì cô nào cũng đã luyện tập tinh xảo. Khó khăn đối với các cô là ở chỗ nhóm bếp thổi lửa, và phải giữ sao cho thuyền khỏi tròng thành, thuyền thúng lại là loại thuyền rất nhẹ dễ tròng thành và thuyền đã tròng thành, bếp lửa hướng ra phía gió, dễ tắt.

Ngày hội lại gặp bữa mưa phùn gió bắc, các cô sẽ trải qua một cuộc thi vất vả. Nếu mưa phùn lại biến thành mưa nặng hạt, lại là một điều may cho các cô, các cô sẽ được lên bãi Giang Đình, trở tài bếp nước dưới những mái tranh.

Thực ra, để sửa soạn dự cuộc thi tuyển này, các cô đã luyện tập ít nhất cũng từ tháng một để trau dồi nghệ thuật thổi cơm, nấu xôi ngoài mưa phùn. Các bà mẹ đã dạy các cô cách thức nhóm lửa bằng mồi ướn, cách thức thổi lửa mỗi khi bếp tắt, nhất là cách chọn hướng kê bếp theo chiều gió giúp đỡ cho việc nhóm bếp cũng như cách che bếp làm sao cho lửa cháy dưới nôi được điều hòa, không bị gió tạt đưa ra ngoài bếp. Lửa có giữ đều, gạo trong nôi mới sôi đều, gạo trong nôi mới nở đều, cơm mới ngon, xôi mới dẻo được. Các cô cũng lại am tường cách ước lượng thời gian từ lúc nước sôi đổ gạo vào nôi, chét nôi đáy chỗ xôi cho đến khi chín dẻo đúng mức; các cô dùng những nén hương đốt cháy và trông theo những đoạn hương cháy để biết nôi cơm, chỗ xôi đã vừa chín chưa.

Cuộc thi đồ xôi, thổi cơm mất buổi sáng.

Trong khi các nữ thí sinh làm bài thi ở dưới đầm, ở trên bãi Giang Đình, dân làng đông đúc đứng xem, trong số đó, có rất nhiều bà mẹ đã từng

huấn luyện cho con gái, sốt ruột chờ đợi kết quả chõ xôi nôi cơm của con.

LÀM BÁNH. Món thi thứ hai trong việc tuyển nữ quan là làm bánh. Mỗi thí sinh phải làm một hoặc hai thứ bánh theo sáng kiến của mình, bánh có thể làm bằng bột gạo thường hoặc bột lọc và chế hoá tùy theo ý muốn và tài năng của các cô.

Các cô lại phải đặt tên cho thứ bánh của mình làm.

Thường công việc đặt tên này do các ông hoặc cha đã tìm chữ đặt trước cho các con.

Thí dụ bánh: Song phượng tề phi hai con phượng cùng bay. Chiếc bánh có thể to bằng cái mâm, bột lọc trong suốt, duy có hai con phượng hình đang bay có nhân đậu xanh làm nổi mình phượng nằm trên mâm bánh.

Một thí dụ khác: Lý ngư vượt vũ môn, cá chép vượt vũ môn. Đây là nhắc lại tích cá thi để hóa rồng. Một dòng thác chảy mạnh bằng bột lọc, mé dưới có dăm ba con cá chép bằng bột trắng mang cá hồng hồng như muốn vượt ngọn thác.

Thêm một thí dụ thứ ba: Mẫu đơn phú quý. Hoa mẫu đơn là hoa phú quý. Chiếc bánh là một bông bạch mẫu đơn lớn, có hai chiếc lá xanh, bột trắng nhuộm xanh, một chiếc mang chữ Phú và một chiếc mang chữ Quý, hai chữ màu vàng hoặc đỏ.

Đại để các kiểu bánh đều mang những tên cầu kỳ, dùng các thứ hoa, các loài chim, tứ linh, long ly, quy phượng hoặc các điển tích để cho tên thật đẹp. Tên đẹp mà bánh lại phải ngon mới được làng lựa chọn.

Cô nào qua được cả hai môn thi trên được lựa làm nữ quan để dự những cuộc ca hát thờ thần, và các cô cũng là những người có trọng trách sửa soạn cỗ bàn để dâng Ngài.

CA HÁT THỜ THẦN

Trong những buổi lễ thờ thần, các trinh nữ đã được tuyển lựa được tham dự Hát Trãi để mừng Ngài. Hát Trãi nghĩa là vừa bơi trải vừa ca hát. Trải là một loại thuyền dài, khi bơi ở trên sông cần phải có nhiều người bơi hoặc ngồi ở giữa thành một hàng hai tay hai bơi chèo hai bên, hoặc ngồi thành hai hàng ở hai bên cùng bơi theo nhịp người cầm lái. Thường trong trường hợp hai hàng tay chèo, người ta dùng bơi chèo ngắn, trải lại chỉ có một hàng tay chèo ở giữa, người ta dùng bơi chèo dài.

Trải ở đây chỉ là hai thuyền rồng, hàng ngày để thờ trong đền, ngày hội mang ra đặt song song trước sân đình, chầu vào bàn thờ Đô Thống Thượng Tướng Quân. Mỗi thuyền rồng có mười hai cặp bơi chèo sơn son cho hai mươi bốn nữ thủy thủ, chính là các cô trinh nữ đã được dân làng kén chọn qua cuộc thi ngày giáp Tết.

Trong khi tế lễ, các cô ngồi vào thuyền rồng, mỗi chiếc thuyền hai mươi bốn cô, các cô vừa chèo thuyền cạn vừa ca hát để chầu thần. Lễ tất nhiên việc chèo thuyền cũng như việc ca hát các cô phải tập trước, tập từ trong năm, từ trước khi dự cuộc thi tuyển nữ quan của làng. Việc luyện tập này rất khó khăn, có luyện tập mới dai sức để có thể bơi trải trong suốt buổi tế kéo dài hàng giờ.

Có cô lại phải tập múa và tập hát ở nhà một người Quản giáp. Muốn hát được các cô phải học thuộc lòng những bài hát thờ có sẵn, thường dùng tại các nơi đền điện mà dưới đây là mấy bài tiêu biểu.

BÀI DÂNG NHANG

Một nén hương thơm thấu chín tầng,

Kính trời, kính đất, kính linh thân.

Chữ rằng nhất niệm thông tam giới,

Mừng vua muôn tuổi trị muôn dân.

Một nén hương thơm thấu cửa thiên,

Mây lồng năm thức nguyệt lồng in.

Kính thành những bén duyên hương lửa,

Rờ rở vinh hoa ước vạn niên.

BÀI NHẠC HƯƠNG

Thông minh chính trực vị chi thần,

Biến hóa vô cùng đức đại tân.

Mừng vua có sắc phong chơi chới,

Đệ nhất vua, đây Thượng đẳng Thần.

MÚA BÀI BÔNG. Trong các lối ca hát ở Hạc Đình lối ca múa bài bông bắt đầu cho các buổi tế lễ. Ca và vũ hòa điệu với nhau theo nhịp trống nhịp đàn. Lối ca vũ này thường thấy tại các đền điện khi hội hè có múa hát, nhất là khi có các nữ quan, nghĩa là khi có các trình nữ trong làng được tuyển để tham dự. Cũng có nơi không phải là các thanh nữ ca múa mà do đàn ông trong làng, những người đã được kén chọn và chỉ định trước.

Múa bài bông cần đông người. Ở Hạc Đình số này gồm tất cả các cô đã được tuyển lựa ngày giáp Tết. Lúc múa mỗi cô cầm một chiếc quạt nhỏ. Thoạt mới vào, các cô chia làm hai hàng quỳ ở trước hương án, hai tay nâng chiếc quạt lên khỏi đầu. Một cô đứng đầu đóng vai Tiên Đồng đứng lên khai mạc cuộc múa bằng một bài hát:

Tiêu dao lồng lộng Thiên Đình

Tật tốc giáng dương trần bộ bộ

Khâm thừa Phật tổ,

Giáng hạ trần.

Hát xong mấy câu trên, Tiên đồng hát tiếp mấy câu nói lối:

Như tôi nay tiên ông trao chức

Ngô biểu tự Tiên đồng

Truyền ca nhi Nam, Bắc, Tây, Đông

Đều múa hát dâng hương Thượng Đế.

Hết câu hát, tất cả các cô khác đều đứng lên vừa múa vừa hát, các cô vừa múa vừa lượn trước bàn thờ, theo một hàng lối đã tập trước trông rất nhẹ nhàng.

Sau múa bài bông là bơi trái chèo thuyền rồng.

Trong các buổi tế lễ cũng còn những điệu múa khác như múa tứ linh, múa đèn v.v... mỗi điệu múa lại có bài ca riêng, nhưng rất tiếc lâu ngày chúng tôi không còn nhớ và vì cách trở muốn tìm kiếm tài liệu cũng không ra.

Hội đền Mã Cường vui, dân chúng nô nức tới lễ bái và vui xuân, nhưng có lẽ từ ngày Cách mạng tháng 8 tới nay nghĩa là từ gần ba chục năm nay, hội đâu còn nữa, hội có còn chăng chỉ ở trong trí nhớ những người hoài cổ, và chắc rằng đền Đô Thống Thượng Tướng Quân Lê Phụng Hiểu cũng chẳng còn ai hương khói!

Hội đền Hai Bà Trưng

Làng Đồng Nhân là nơi có đền thờ Hai Bà Trưng Trắc và Trưng Nhị, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, về phía Nam thành phố. Đền thờ Hai Bà ở ngay trước cửa nhà máy rượu, cách con đường Yersin Hà Nội (Nguyễn Công Trứ) chừng 500 thước.

Kiến trúc theo lối xưa, đền có một vẻ linh tú nghiêm trang, dưới bóng mát cây đa lớn mọc ngay trước cửa đền.

Hàng năm làng Đồng Nhân mở hội từ ngày mồng ba cho đến hết ngày mồng 6 tháng 2 âm lịch, tuy chánh hội là ngày mồng 5 tháng 2.

Dân chúng Hà Nội và các vùng lân cận kéo nhau tới lễ bái và xem hội rất đông.

Khách trẩy hội tới trước nhà máy rượu đã trông thấy cây đa cổ thụ với những bóng cờ đuôi nheo ngũ sắc bay phấp phới cắm trước cửa đền và ở hai bên lối vào trong đền. Ở cây đa còn có treo lủng lẳng những đôi hài giấy và những bó vàng hương. Những người đi lễ nói đó là vàng và hài để cúng những người hầu cận hai Bà.

Sơ lược lịch sử và thần tích

Sự nghiệp Hai Bà Trưng chống quân Hán, đã là người Việt Nam, hỏi mấy ai là không biết. Hồi đó nước ta đang nội thuộc nước Tàu dưới đời vua Quang Vũ nhà Đông Hán.

Thái thú quận Giao Chỉ là Tô Định vốn người bạo ngược, chính sách lại tàn ác, lòng dân đều oán giận. Năm Canh Tý, Tô Định giết chết ông Thi Sách, người huyện Châu Diên, nay thuộc phủ Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Yên (Vĩnh Phú).

Bà Trưng Trắc vợ ông Thi Sách, con gái quan Lạc Tướng huyện Mê Linh, nay là làng Hạ Lôi, tỉnh Phúc Yên (Vĩnh Phú), liền cùng với em là Trưng Nhị, nổi lên đem quân về đánh Tô Định. Tô Định thua chạy bỏ trốn về quận Nam Hải.

Lúc bấy giờ các quận Cửu Chân, Nhật Nam, và Hợp Phố cũng nổi lên theo về với Hai Bà. Chẳng bao lâu Hai Bà thu lại được 65 thành trì. Hai bà tự xưng làm vua đóng đô ở Mê Linh.

Năm sau, năm Tân Sửu (41) vua Quang Vũ nhà Hán, sai Phục Ba Tướng Quân là Mã Viện cùng các Phó tướng là Lưu Long và Đoàn Chi đem quân sang đánh Trưng Vương.

Hai Bà chống cự nhưng thế yếu phải lui quân về đóng ở Cấm Khê. Quân Mã Viện đánh đuổi theo. Quân Hai Bà tan vỡ. Hai Bà chạy tới xã Hát Môn, nay thuộc huyện Phúc Thọ, tỉnh Sơn Tây (Hà Tây) gieo mình xuống dòng sông Hát tự tử. Bấy giờ vào ngày mồng 6 tháng 2 năm Quý Mão (43).

Theo thần tích làng Đồng Nhân, khi Hai Bà nhảy xuống sông Hát để trầm mình liền hóa thành đá trôi về địa phận bãi Đồng Nhân. Dân chúng liền lập đền thờ ở xứ Vườn Tịch ngay trên bãi sông. Về sau nước to, đê vỡ, đền đổ nát phải di vào trong đê, ở thôn Hương Viên, xã Đồng Nhân tức là đền thờ ngày nay.

Tục lệ trong những ngày hội

Hàng năm làng Đồng Nhân mở hội để kỷ niệm Hai Bà từ mồng 3 với lễ mở cửa đền cho đến hết ngày mồng 6 mới rã đám.

Trong những ngày hội có tế lễ, rước xách, múa đèn theo nhịp trống của con đĩ đánh bông, và dân làng cũng có mở cuộc đánh cờ bỏi, và buổi tối xưa kia có hát chèo để đồng dân mua vui.

Ngoài ra, trong suốt thời gian có hội, các con hương đệ tử tới lễ bái hầu bóng, xin thẻ vãn... vãn... cũng như ở hầu hết các đền miếu khác.

Rước

Đám rước ở hội đền Hai Bà được cử hành rất long trọng vào ngày mồng 5 tháng hai âm lịch từ đền ra sông Hồng Hà để thánh giá làm lễ mộc dục tức là lễ tắm mình.

Đám rước có cờ quạt phướng bát âm đi trước rồi đến kiệu Hai Bà. Theo sau kiệu là bộ lão cùng các quan viên chức sắc mặc áo thụng xanh đội mũ tế. Dân làng theo sau cùng và bao giờ cũng đông.

Đám rước ra tới bờ sông thì Thánh Giá được khiêng xuống một chiếc thuyền. Thuyền này bơi ra giữa sông, lấy nước giữa dòng làm lễ mộc

dục.

Lễ một dục xong, dân làng lại rước Thánh Giá về đền và sau đó là những cuộc tế lễ hàng năm theo nghi thức cổ truyền.

Trong khi đám rước cử hành từ đền ra sông và từ sông về, các thôn trong xã đều lập hương án ở bên đường để bái vọng.

Tế lễ

Tế lễ tại đền Hai Bà hàng năm được cử hành ngay sau buổi rước theo nghi lễ cổ truyền với văn tế do ban tư văn trong làng cùng soạn.

Thỉnh thoảng có năm dân làng tổ chức tế nữ quan, việc tế do phụ nữ hoàn toàn đảm trách, từ chủ tế, bồi tế cho đến các chấp sự viên. Nghi thức lễ cũng giống như khi do các quan viên trong làng cử hành.

MÚA ĐÈN VÀ CON ĐĨ ĐÁNH BÔNG

Đặc biệt trong buổi hành lễ, sau đám tế, tại đền có đoàn vũ công múa đèn theo nhịp trống của con đĩ đánh bông.

Đoàn vũ công gồm trên dưới mười người, mặc áo dài đen thắt lưng đỏ ra ngoài áo, buộc múi chéo sang bên cạnh sườn, sau nghi thức đám tế, cùng nhau vào múa đèn. Đây là những dân làng đã được chọn trước và đã có tập dượt, thường những người được cử vào công việc này năm trước, năm sau lại được lựa chọn để tránh sự mất công luyện tập. Đèn là những chiếc đài hoặc chiếc đĩa chung quanh có cắt giấy hình cánh hoa dán vào, và ở giữa đài là một ngọn nến đang cháy. Mỗi vũ công cầm hai cây đèn ở hai tay, đi thành hàng, lượn qua lượn lại trước bàn thờ với những điệu múa nhịp nhàng. Hàng vũ công có khi đi nối đuôi nhau, có khi đi theo những hàng lối khác khi chéo khi thẳng, khi vòng tròn, khi kẻ trước gặp người sau, khi là một hàng, khi tách thành hai hàng đối diện nhau trước bàn thờ, gặp nhau trong điệu múa. Điệu múa rất nhịp nhàng, tay lên tay xuống, những ngọn nến chấp chờn, lúc tỏ lúc mờ, không bao giờ tắt và ngọn lửa cũng không bao giờ bắt ra những cánh hoa giấy ở chung quanh.

Dẫn đầu đoàn này là một con đĩ đánh bông. Đây không phải là một người đàn bà, chính là một vũ công, áo the quần trắng khăn lượt, đeo ngang mình, quàng qua vai bằng những dây vải ngũ sắc một chiếc trống cơm. Sau lưng có cắm chéo lên hai vai, hai hoặc bốn lá cờ đuôi nheo nhỏ. Dáng điệu người này thật là ẻo lả mềm mại.

Dẫn đầu đoàn vũ công múa đèn, con đĩ đánh bông vừa đi vừa đánh chiếc trống cơm bằng hai bàn tay tạo nên những tiếng bập bập bùng làm nhịp cho điệu múa.

Trong lúc đoàn vũ công múa đèn, dân làng đứng trước bàn thờ, xúm nhau lễ bái.

CỜ BỎI VÀ HÁT CHÈO

Ở một thửa ruộng bên cạnh đền, xưa kia có một bàn cờ boi để dân làng hoặc các tay danh kỳ tới đánh cờ mua vui.

Và buổi tối, ngay trước đền có ban chèo tới hát để thờ thần và dân làng xem giải trí.

Văn bia và văn thơ tại đền Hai Bà

Hai Bà đánh đuổi quân Tô Định đã được toàn thể dân Việt nhớ ơn, và được lưu truyền rất nhiều trong thơ văn kim cổ. Đáng kể hơn cả là những thi văn đã được ghi ngay tại đền Hai Bà, xã Đồng Nhân.

Khách trẩy hội đi từ ngoài vào đền ắt phải thấy hai cây cột trụ cao ngất mang một đôi câu đối vì phong sương chỉ còn một vế đọc được. Dù chỉ đọc lên một vế ta cũng thấy tác giả mĩa mai Mã Viện:

SƠN TIÊU ĐỒNG TRỤ TƯƠNG AN TẠI

Nghĩa là:

CHỖ NÚI, ĐÃ NÊU CỘT ĐỒNG CÒN ĐÂU NỮA!

Vế câu đối đã mất chắc ý nghĩa nói đến sự nghiệp nghìn thu của Hai Bà.

Rồi từ cổng đi vào, khách phải nhận thấy một tấm bia đặt trên lưng con rùa đá cổ kính. Bài văn bia do cụ Dương Duy Thành, người làng Phú Thị, phủ Khoái Châu tỉnh Hưng Yên (Hải Hưng) cung soạn khi cụ làm Đốc học Hà Nội.

Ông Hoa Bằng đã dịch bản văn bia đó như sau:

Trong vòng vũ trụ, sự nghiệp lạ, phần nhiều ra từ những tay đại trượng phu. Kể phận gái mà làm nên sự nghiệp lạ chẳng cũng là bậc nữ trượng phu ư? Thế lại càng đáng ghi chép lắm?

Nhớ Hai Bà Trưng: người Châu Phong, cha làm Lạc tướng, tổ là Hùng Vương. Kể dòng dõi đã không phải là hạng tầm thường ví được. Huống chi Hai Bà đem tấm thân ngọc trắng giá trong, ôm cái chí cung dâu tên cỏ, thì hoài bão ấy lại không phải vừa. Thủ đoạn làm việc lớn lao chẳng ở đây thì ở đâu nữa!

Kể từ khi nước Văn Lang nửa vời sụp đổ, bờ cõi mất về Thục, Triệu và Lương Hán (Tây Hán và Đông Hán) đã đến vài trăm năm.

Thêm nổi ngọn lửa bạo ngược của Tô Định lại lưng trời ngùn ngụt bốc.

Hai Bà, vợ vì chồng, em vì chị, phừng phừng nổi giận, cùng dấy nghĩa binh, ném trâm thoa mà mặc nhung phục, nhăng gương lược mà cầm can qua, không đầy vài tháng trời đã lược định đoạt năm mươi sáu thành ở ngoài Ngũ Lĩnh, dựng nước, xưng vương, đóng đô ở Mê Linh: Chẳng phải sự nghiệp lạ là gì đấy!

Đến như Hai Bà phải lưu giữ ở Cẩm Khê, rồi tuần tiết ở Hát Giang!

Cũng là bởi trời chi há nên bình luận anh hùng thành hay bại.

Nhưng xét đến gan dạ kia, mưu lược kia và tiết tháo kia thì Hai Bà thật không thẹn là dòng dõi thần minh vậy.

Sau khi mất, chân thân Hai Bà hóa thành hai pho tượng đá, hiện linh ở phần sông Nhị.

Năm Đại Định thứ ba (1142) vua Lý Anh Tôn sai lập đền ở bãi Đồng Nhân, huyện Thanh Trì để thờ Hai Bà rất linh ứng. Các triều đại đều có sắc phong.

Hoàng triều ta rất hưng thịnh về mặt điển lễ, đã sắc phong rồi.

Năm trước, chỗ đền cũ hư hỏng vì nổi sông lở, cát bay đã được chỉ dụ nhà vua cho dời vào xóm Hương Viên, huyện Thọ Xương để dân xã tắc thờ phụng.

Nghìn thu hương lửa, dăng dặc với trời đất không cùng.

Nay nhân sửa đền lại, tôi xin kính thuật sự tích Hai Bà để khắc vào bia đá truyền lâu dài.

Ngoài bài văn bia này ở trước cửa đền, vào đến trong đền, ta còn thấy đề ngay trên vách trước bàn thờ một bài thơ nôm của cụ Cúc Hương Hoàng Thúc Hối:

Ngựa Gióng đã lên không,[1]

Rừng Thanh voi chữa lồng.[2]

Nấy chồi hoa nọ Lạc,

Mở mặt nước non Hồng.

Trăng tỏ gương hồ Bạc.

Mây tan dấu cột Đồng.

Nén hương lòng cố quốc.

Xin khẩn một lời chung.

Ngoài văn thơ trên, ta được đọc ngay ở đền thờ Hai Bà tại làng Đồng Nhân, còn biết bao văn thơ khác đã nhắc tới Hai Bà.

Cụ Dương Bá Trạc, trước mọi dư luận có ý ám chỉ Hai Bà vì tư thù mà đuổi quân Hán, đã phân tích rõ hành động của Hai Bà là vì nghĩa công chứ không phải thù riêng:

Nước nhà gặp cơn bĩ,

Trách nhiệm gái trai chung.

Quyết lo đền nợ nước,

Há những vị thù chồng!

Tham tàn căm tướng chệch,

Tai mắt tui nòi Hồng.

Em ơi đứng cùng chị,

Thù riêng mà nghĩa công.

Xin đem phận bồ liễu.

Đánh liều với non sông!

Soạn giả tập sách này, nhân viết tới ngày lễ kỷ niệm Hai Bà, cũng đã xin có bài thơ cung vịnh:

Nêu gương muôn thuở gái Châu Phong,

Chị cũng như em quyết một lòng:

Hận nước lấy binh đao rửa sạch,

Thù nhà đem cung kiếm đền xong.

Ba năm uy trấn miền Nam Việt,

Một trận lừng danh gái Lạc Hồng.

Miếu Hát bên sông còn dấu tích,

Lĩnh Nam cân quốc nữ anh hùng.

Đền xã Hát Môn

Hai Bà là anh hùng dân tộc, việc thờ phụng Hai Bà không phải chỉ riêng ở làng Đồng Nhân, ở nhiều nơi khác cũng có đền thờ.

Xã Hát Môn huyện Phúc Thọ tỉnh Sơn Tây (Hà Tây), nơi Hai Bà trầm mình, ngay bên bờ sông Hát Giang cũng có đền thờ tục gọi là miếu Hát.

Vị trí địa dư và thần tích theo dân xã Hát Môn

Muốn tới miếu Hát, từ Hà Nội phải đi theo quốc lộ Hà Nội, Sơn Tây cho tới cây số 26 rẽ sang tay phải, đi vào con đê một quãng. Xã Hát Môn nằm ngay ven đê.

Xã này là một vị trí chiến lược quan trọng, xưa kia Hai Bà muốn dùng để quyết định thắng bại sau cùng với quân Mã Viện.

Hát Môn ở ngay cửa sông Đáy, một phụ lưu sông Hồng Hà, và ở quãng này mang tên là sông Hát. Nơi này vừa cách xa nơi đóng quân của Mã Viện ở Tây Hồ và cũng cách xa Mê Linh nay thuộc Phúc Yên nơi đóng đô của Hai Bà. Mê Linh, cách Hát Môn hơn 7 dặm, vào khoảng 30 cây số ngày nay, do Trưng mẫu là bà Man Thiện đóng quân giữ thành. Lúc đó đạo tiền quân của Hai Bà đóng ở Lạng Sơn dưới quyền chỉ huy của bà Thánh Vẽ và bà Phùng Thị Chính, mắc mưu quân giặc đã bị thua ở Bắc Giang Hà Bắc. Hai Bà có một căn cứ thủy quân ở Tây Hồ, nhưng lúc này, sau trận thua quân ở Bắc Giang căn cứ này không còn là hậu cứ yểm trợ cho đạo tiền quân ở Lạng Sơn và đạo tiền quân ở Bạch Đằng nữa, đạo quân ở Bạch Đằng do bà Lê Chân điều khiển. Hai Bà rút quân về sông Hát, giao quyền chỉ huy đạo quân Tây Hồ cho bà Cao Nhự. Ở Hát Môn, Hai Bà chuẩn bị phòng tuyến thứ nhì chờ ngày chạm địch. Lúc đó

là ngày mồng 4 tháng 9 âm lịch, năm 39 tây lịch. Tại đây Hai Bà cho giết trâu mổ bò khao quân để khích lệ 7 vạn tân binh do bà Man Thiện mới tuyển mộ. Kế hoạch được bố trí, ngày 24 tháng Chạp năm đó, đội quân của bà Cao Nhự đóng ở Tây Hồ, trá bại rút về Mê Linh. Quân Mã Viện đuổi theo nhưng tới cửa sông Hát chúng bị Hai Bà đổ quân ra đánh, và cùng lúc bà Cao Nhự cũng quay lại phản công.

Lưỡng đầu thụ địch, quân Mã Viện đại bại phải lui về Tây Hồ cố thủ để chờ Lưu Long mang thêm 50.000 quân từ sông Hồng Hà kéo lên mới lại dám tiến đánh vị trí đóng quân của Hai Bà.

Trong trận này, lúc đầu Hai Bà có thắng, nhưng sau vào ngày mồng 6 tháng Ba năm 43, quân Mã Viện kéo tới đông, Hai Bà chống không lại phải gieo mình xuống sông Hát để đền nợ nước. Trận này Mã Viện tuy thắng nhưng cũng bị hao binh tổn tướng.

Thắng quân Hai Bà, Mã Viện tự cho mình là anh hùng, hãnh đã ăn cắp chiếc trống đồng Ngọc Lũ của nước Nam, tự đúc tượng mình, một tay cầm gươm, một tay nắm tóc Bà Trưng để tại Liễu Châu khoe công trạng mình. Hãnh quên mất rằng, hãnh suýt chết dưới lưỡi gươm của Hai Bà đã phải lui quân về Tây Hồ để chờ quân cứu viện.

Sự tích trên, cho tới trước năm 1945, người dân nào ở xã Hát Môn cũng nhớ, họ nhớ như câu chuyện mới xảy ra hôm qua. Họ còn nhắc lại cả chuyện bà hàng bán bánh trôi đã dâng bánh Hai Bà xơi trước cửa đình, khi Hai Bà xuất trận lần sau cùng. Và tại miếu Hát, có thêm cả đền thờ bà hàng bán bánh trôi, dưới gốc một cây đa cổ thụ.

Giặc đến nhà đàn bà phải đánh, người dân Hát Môn không quên lịch sử oanh liệt của làng mình đã là nơi dựng binh của hai vị nữ anh hùng dân tộc, và họ truyền tụng nhau thi ca về sự tích Hai Bà:

Tay tiên phát ngọn cờ đào,

Sáu mươi thành quách thu vào một tay.

Cơ quân gặp bước không may,

Than ôi! Sông Hát, nước nay là mờ!

Mảnh gương tiết nghĩa chưa mờ,

Muôn thu giọt nước Tây Hồ vẫn trong!

Theo thần tích trên, Hai Bà đã thua quân tự tử mình vào ngày mồng 6 tháng Ba, không phải ngày mồng 6 tháng Hai như sự tích ghi trong sử, chép theo thần tích xã Đồng Nhân.

Những ngày lễ tại Miếu Hát

Dân xã Hát Môn không phải chỉ làm lễ kỷ niệm một ngày mồng 6 tháng Ba, ngày Hai Bà tuần quốc, nhưng họ đã làm lễ kỷ niệm một năm ba lần theo ba giai đoạn hành quân của Hai Bà.

Ngày mồng 6 tháng ba

Ngày Hai Bà tuần quốc, ngày hôm nay dân làng làm bánh trôi để dâng lên Hai Bà, kỷ niệm ngày Hai Bà từ già nhưng cũng là kỷ niệm ngày Hai Bà ra quân trận sau cùng, và nhắc lại lòng thành kính của người dân đối với Hai Bà ngay từ lúc sống: một bà hàng bánh trôi đã dâng bánh trôi lên Hai Bà!

Theo dân làng Hát Môn, sự tích bánh trôi của Việt Nam khác hẳn sự tích bánh trôi của người Tàu làm để kỷ niệm Giới Tử Thôi trong ngày Hàn thực.

Bánh trôi Việt Nam dựa theo sự tích trăm trứng nở ra trăm con của bà Âu Cơ. Bởi dựa theo sự tích này nên dân xã Hát Môn nặn bánh trôi theo hình quả trứng. Để dâng Hai Bà bánh được nặn đúng 100 viên rất nhỏ và sau khi tế thân xong dân làng đem 49 viên đặt vào lòng một bông hoa sen thả ra sông Hát để trôi ra biển, người ta nhìn những viên bánh trôi trôi đi...[3]

Trong khi cúng tế Hai Bà, dân xã Hát Môn không quên bà hàng nước. Họ cũng dâng bánh cúng bà. Đền bà dưới gốc cây đa ở ngay cửa đền Hai Bà.

Tục ăn bánh trôi ở xã Hát Môn

Dân Việt Nam ta thường trong mấy ngày sóc vọng về tháng Ba âm lịch có tục cúng bánh trôi bánh chay, gọi là trôi nước. Cúng vào tháng Ba, nhưng thường bánh trôi xuất hiện ngay từ giữa tháng Hai.

Dân làng Hát Môn không bao giờ và không ai dùng bánh trôi trước ngày mồng 6 tháng Ba.

Ngày hôm đó, trong khi ở đền cúng Hai Bà, tại các tư gia người ta cũng làm bánh trôi để cúng tổ tiên, và chỉ sau những cuộc cúng lễ này, người ta mới ăn bánh trôi.

Món bánh này, đối với dân làng Hát là một thứ bánh Thánh, Thánh hưởng thụ rồi người dân mới ăn. Nếu chưa đến ngày mồng 6 tháng Ba, người dân Hát Môn dù có đi đâu, được bạn bè mời ăn bánh trôi cũng không bao giờ họ ăn. Đây là do lòng thành kính họ đối với Hai Bà, chưa đến ngày giỗ Hai Bà, Hai Bà chưa hưởng, họ chưa ăn. Và họ cũng muốn nhớ lại cử chỉ cao đẹp của Bà hàng bánh trôi, dù nghèo khổ cũng dâng bánh lên Hai Bà, trước khi Hai Bà xuất trận.

Ngày mồng 4 tháng 9

Đây là ngày Hai Bà khao quân khi vừa rút quân ở Tây Hồ về. Trong ngày này dân làng kéo cờ Đại, giết trâu, dê, bò, lợn để tế Hai Bà.

Trong ngày hội này có lễ trình diện con trâu do các ông Quan viên chọn mua để tế Hai Bà. Con trâu này không phải chỉ béo tốt là đủ, tục lệ nơi đây cần đến tướng trâu. Con trâu mang trình diện phải có quý tướng, nghĩa là theo kinh nghiệm phải lưng cầu, đầu quạ, dạ bình vôi, mắt ốc nhồi. Chọn được con trâu trúng cách, dân làng sẽ làm ăn phát đạt. Con

trâu mang trình diện được cho uống rượu, sau đó mới bị làm thịt cắt tiết thui vàng rồi khiêng vào trước sân đền để làm lễ tế.

Ngày 24 tháng chạp

Đây là ngày hội quan trọng nhất trong năm của xã Hát Môn. Trong ngày hội này hàng ngàn trai gái trong làng được động viên để chia thành hai đạo binh tiền hậu.

Tám cô trinh nữ nhan sắc được lựa chọn để theo sau hầu kiệu Hai Bà.

Các thanh niên được cắt đặt vào những địa vị cao thấp trong ngày hội tùy theo gia thế từng dòng họ. Thanh niên nào ba đời bạch đình sung các chân vắc cờ, vắc giáo, khiêng chiêng, khiêng trống, hoặc làm quân lính. Hạng thanh niên trí thức hay con nhà gia thế được mang gươm phù giá.

Cắt đặt xong mọi người phải tập dượt hàng tuần trước.

Nửa đêm hôm 24 tháng Chạp, nghe tiếng trống làng thanh niên thanh nữ tập họp thành từng đội rước thần tượng ra bờ sông làm lễ mộc dục sau đó lại rước thần tượng về đền.

Đêm hôm giá lạnh mùa đông, đám rước rầm rộ giữa tiếng đàn nhạc.

Người dân Hát Môn vui sướng vì đã lo tròn nhiệm vụ đối với hai vị nữ anh hùng trong ngày kỷ niệm và cùng nhau, đây là dịp người ta ôn lại lịch sử oai hùng của Hai Bà.

Hội đền Hạ Lôi

Làng Hạ Lôi, phủ Yên Lãng, tỉnh Phúc Yên (Vĩnh Phú) ngày nay, tức là Mê Linh xưa, dân làng cũng có đền thờ Hai Bà. Hàng năm làng này mở hội vào ngày 15 tháng Giêng, nhân dịp lễ Thượng Nguyên.

Không hiểu tại sao làng này lại làm lễ kỷ niệm Hai Bà vào ngày Thượng Nguyên, có lẽ dân làng cho ngày rằm tháng Giêng là ngày tốt đẹp nhất trong năm chăng?

Trong ngày hội có nhiều trò vui cổ truyền như đánh cờ, đánh đu, đảo đĩa v.v... nhưng quan trọng hơn cả là đám rước tập trận.

Để cử hành đám rước này dân làng phải kén 150 thanh niên và 150 thiếu nữ để đóng làm quân Hai Bà Trưng. Nam thì áo dài đen quần trắng thắt lưng đỏ bó que, nghĩa là thắt ra ngoài áo dài đen, buộc múi sang bên cạnh sườn, nữ thì áo dài màu nâu, sống màu đen, áo dài tứ thân, hai vạt thắt ra đằng sau[4].

Những thanh niên thiếu nữ này phải luyện tập trước. Hôm rước họ sẵn sàng để hiểu biết tuân theo hiệu lệnh của người chỉ huy, chịu trách nhiệm về toàn thể buổi rước.

Đám rước bắt đầu từ đình, đi vòng dưới chân đê sông Hồng Hà, nghỉ ở bờ sông, rước kiệu xuống sông lấy nước rồi lại quay về đình. Đám rước không đi vòng lên đê, vì bờ đê cao hơn mặt đình, quân sĩ leo lên bờ đê sẽ mất vẻ tôn kính đối với Hai Bà xưa nay vẫn được thờ ở đình.

Trong lúc đi rước đám quân nam, nữ hò reo và hát lên những bài hát, trong số đó có bài sau đây, theo ông Trịnh Đình Rư là một khúc hát có từ đời Hai Bà đặt ra để quân lính hát khi đồn trú trên núi.

Ta lên núi,

Ta lên núi,

Đuổi đàn hươu,

Đuổi đàn hươu,

Chị em năm ba mặt cũng rầu rầu.

Ta lên núi,

Ta lên núi

Đuổi đàn nai

Đuổi đàn nai,

Nỗi niềm tâm sự than thở cùng ai?

Đoái trông phương Đông: nước rộng mênh mông,

Đoái trông phương Tây: đá trắng gồ ghề,

Đoái trông phương Nam: mây che đầu ngàn,

Đoái trông phương Bắc: núi cao ngất.

Trong bài ca trên Hai Bà dụng ý cổ võ nhân dân và khuyến khích quân lính cùng lo việc đuổi quân Đông Hán.

Có lẽ còn có nhiều nơi ở Việt Nam lập đền thờ Hai Bà và hàng năm, đã có đền thờ ắt phải có cúng lễ kỷ niệm, nhưng biết tới đâu chúng tôi xin thưa tới đó và chúng tôi chờ mong sự chỉ dẫn của các bạn đọc để sau này, có dịp tái bản tập sách chúng tôi sẽ bổ khuyết thêm.

Để kết luận về các ngày hội kỷ niệm Hai Bà, chúng tôi xin mượn lời thơ sau đây của Hoàng Thái Xuyên, bài thơ nhan đề Trưng Vương:

Tượng đá trời Nam giải tuyết sương,

Nghìn năm công đức nhớ Trưng Vương.

Tham tàn trách bởi quân gây biến,

Oanh liệt khen cho gái dị thường,

Liều với non sông hai má phấn,

Giành nhau loài giống một da vàng,

Cột đồng Đông Hán tìm đâu thấy,

Chỉ thấy Tây Hồ ánh nước gương.

Đền thờ Mã Viện

Nói đến công ơn Hai Bà Trưng, không bao giờ chúng ta quên nỗi hận thù đối với Mã Viện. Người Hán ghi công Mã Viện vì hắn đã đem quân đánh dẹp được Trưng Vương để tái lập nền đô hộ trên đất nước ta, họ ghi công ca tụng, nhưng người Việt chúng ta, chúng ta chỉ nhớ đến Mã Viện là một kẻ xâm lăng. Trong một bài thơ về Mã Viện, Hải Nam Đoàn Như Khê đã kết luận:

Mặc kẻ ghi công ta chép oán,

Công riêng ai đó, oán ta chung!

Chúng ta oán Mã Viện là oán con người Mã Viện trong tước Phục Ba tướng quân đã đem quân cướp nước chúng ta, nhưng không vì thế chúng ta chê Mã Viện. Dù sao Mã Viện cũng là một tôi trung của Hán Triều, chỉ biết mệnh vua, chẳng quản khó nhọc, để từ miền Bắc sang chinh phục phương Nam.

Có lẽ vì thấy Mã Viện không những là một bầy tôi trung lại có đảm lược, nên dân ta đối phó với họ Mã đã có một sự quảng đại không một dân tộc nào có thể có được. Tổ tiên chúng ta đã bao dung cả sự thờ phụng Mã Viện ở ngay giữa Kinh đô của nước nhà trước đây là Hà Nội.

Thực vậy, trước đây ở phố Hàng Buồm Hà Nội có đền thờ Bạch Mã Thần. Đền này chính là đền thờ Mã Viện do người Trưng Hoa lập nên. Cùng thờ với Mã Viện, ở nơi đây người Trưng Hoa còn thờ cả Thành hoàng phường Hà Khâu, huyện Thọ Xương tức là Hà Nội ngày nay. Đây cũng chỉ là một mảnh khoe của họ để lôi kéo người Việt cùng vào lễ tại đền này, người Việt lễ Thành hoàng Hà Nội, còn họ lễ cả Thành hoàng lẫn Mã Viện. Mặc dầu vậy, người Việt cũng chỉ lác đác có đôi người tới lễ, còn người Trưng Hoa quanh năm hương khói tới lễ đông lắm.

Đáng chú ý là tại đền có một bức hoành phi của Đốc Biện quân vụ Quảng Tây Phùng Tử Tài cúng vào năm Đồng Trị thứ 8 tức là năm 1869

với bốn chữ DU LẬP TRỤ TÔN để nhắc tới Đồng Trụ của Mã Viện đã dựng nên ở biên giới của hai nước.

Hội các đền thờ các tướng lãnh của Hai Bà

Nói đến những ngày hội tại các xã có đền thờ Hai Bà Trưng, lẽ tất nhiên không thể bỏ qua được những hội làng tại các nơi có đền thờ các nam, nữ tướng lãnh đã cùng Hai Bà dấy quân khởi nghĩa đánh đuổi quân Hán, bọn người đã cai trị dân Nam một cách quá tàn nhẫn độc địa.

Danh tướng của Hai Bà nhiều, nam cũng như nữ, và dân Nam thờ các vị này ở rải rác nhiều nơi. Chúng tôi rất tiếc không biết hết để nhắc lại trong sách này dù tóm lược, chúng tôi đã cố gắng tìm kiếm, hỏi các cụ già, nhưng người ở miền Nam tìm hiểu về những điều ở miền Bắc, nhất là những điều đã thuộc về quá khứ, kết quả rất ít ỏi chẳng có bao nhiêu. Chúng tôi ghi chép lại đây những điều gì chúng tôi biết, và cũng như ở các điểm khác, chúng tôi chờ đợi sự chỉ dẫn của những vị biết nhiều hiểu rộng.

Hội Mai Động nơi có đền thờ bà Lê Chân

Làng Mai Động, tổng Mai Dịch, Đại Lý Hoàn Long, Hà Nội ở ngay Hà Nội, trên con đường ngã tư Trung Hiền đi Vĩnh Tuy là nơi có đền thờ bà Lê Chân, nữ danh tướng của Hai Bà Trưng đã cầm quân chống quân Mã Viện ở Bạch Đằng.

Hàng năm làng này mở hội trong ba ngày vào các ngày mồng bốn, năm và sáu tháng Giêng.

Trong ba ngày này, ngoài các cuộc tế lễ, có những trò vui xuân cho dân làng giải trí, nhưng đặc biệt nhất ở nơi đây có cuộc thi vật.

THI VẬT. Thi vật ở ngay trước bãi đình làng. Các tay đô vật các nơi kéo nhau về dự giải vật ở đây đông lắm, và những trận vật hào hứng đã kéo được rất nhiều khách ở Hà Nội tới xem.

Trong những trận đấu vật, có các cụ, các quan viên đánh trống cái cầm trịch, lại có một anh tuần đình cầm trống khẫu đánh ngay sát bên tai các đô vật, nửa như thúc giục, nửa như khuyến khích.

Đánh vật còn được gọi là chọi vật.

Đánh vật lẽ đương nhiên phải dùng sức, nhưng muốn chế ngự bên địch, sức khỏe không đủ, cần phải biết thế vật gọi là miếng để lừa địch để ngáng hoặc đội địch lên.

Đánh vật, muốn thắng hoặc phải vật ngã ngựa, danh từ vật gọi là vật ngã trắng bụng, hoặc là đội bổng địch thủ lên.

Trong hội xuân, những cuộc đánh vật bao giờ cũng được hoan nghênh. Những làng mở hội thường treo giải vật, gồm ba giải chính, nhất nhì ba và nhiều giải hàng.

Giải hàng là những giải được vật trước khi có vật các giải chính. Trong giải hàng hai đô vật vào với nhau, ai thắng là được giải và làng tặng một món tiền hoặc một món quà nhỏ.

Ba giải chính có người giữ giải và thường chỉ vật vào ngày chính hội. Người giữ giải tức là người nhận lấy cái giải đó về phần mình, ai vật nổi người giữ giải sẽ được thế để giữ. Người giữ giải có thể được giải không cần vật, nếu trong thời gian ấn định bởi làng treo giải không có ai là người phá giải.

Thường thời gian giữ giải là ba ngày.

Tại một làng mở hội xuân với giải vật, đô vật các nơi kéo nhau tới xin vật. Trong lúc vật, họ cởi trần và chỉ đóng một chiếc khố cho kín hạ bộ. Cởi trần để đôi bên không thể nắm áo nắm quần nhau gây lợi thế cho mình được.

Khố các đô vật đóng màu hồng điều, màu xanh hay màu vàng, thường phần nhiều bằng lụa, nhiễu, lụa nhiễu đây chính là những vuông nhiễu,

vuông lựa họ đã được giải trong các giải vật.

Trước khi vào vật, hai đô vật lễ vọng vào trong đình.

Cuộc vật bắt đầu, các đô vật lên đài, nghĩa là đi đi lại lại múa tay khoa chân để rình miếng nhau. Lên đài một hồi họ mới xông vào ôm lấy nhau. Họ lừa, họ dùng những miếng ngáng cho nhau ngã xuống, hoặc dùng đầu đội bóng nhau lên. Có những tay đô vật bị hở cơ, phải vội nằm sấp xuống, bò nhòai trên mặt đất. Địch thủ muốn thắng phải vật ngựa họ được lên. Với miếng nằm bò, tay đô vật nằm lì mặt cho địch thủ bấy mình, rồi bất thần trong lúc địch sơ hở, họ lại nhóm đứng dậy để tiếp tục cuộc vật.

Các cuộc vật các giải chính bao giờ cũng rất hào hứng. Khi vật các giải chính có lệ:

Giải nhất trong sáu ngoài năm,

Giải nhì trong năm ngoài bốn,

Giải ba trong bốn ngoài ba.

Theo lệ này thì ở giải nhất người giữ giải phải thắng luôn sáu keo, vật ngã sáu đô vật khác nhau mới được giải còn người phá giải chỉ cần thắng năm keo, nghĩa là vật ngã người giữ giải và bốn người khác nữa là được giải; giải nhì, người giữ giải phải thắng luôn năm keo còn người phá giải chỉ cần thắng luôn bốn keo, ở giải ba, người giữ giải phải thắng luôn bốn keo, người phá giải thắng luôn ba keo.

Thường thường giải ba được vật trước, rồi đến giải nhì và sau cùng là giải nhất. Mỗi một giải vật xong, người thắng giải thường được làng đốt mừng một bánh pháo.

Vật các giải chính gay go lắm, các đô vật lừa nhau từng miếng, người xem ở ngoài cũng thấy thú vị và nhiều khi hồi hộp như chính mình là một đô vật đang dự cuộc vật vậy.

TẠI SAO LÀNG MAI ĐỘNG CÓ CUỘC THI VẬT. Như trên đã nói, làng Mai Động thờ bà Lê Chân, nữ danh tướng của Hai Bà Trưng. Bà là tướng tiên phong, chống giữ với quân Mã Viện ở Bạch Đằng, sau rút lui về hồ Lãng Bạc (Hà Tây). Ở đây bà đã chống cự rất anh dũng với quân Hán, nhưng quân ít, bà đã không địch nổi giặc do chính Mã Viện điều khiển, với sự phụ tá của hai phó tướng là Phù Lạc Hầu Lưu Long và Đốc Lâu Thuyền Tướng Quân Đoàn Chí. Bà Lê Chân phải lui về Mai Động và bị chết tại đây.

Dân làng Mai Động lập đền thờ bà. Về sau bà được phong làm Thượng Đẳng Phúc Thần công chúa.

Làng Mai Động ngày này mở hội có thi vật là để ghi nhớ những cuộc thi binh tuyển tướng của hai bà ngày xưa mà môn vật đã là một môn quan trọng trong các môn võ nghệ.

Chính ra vật là một môn võ rất được dân ta ưa chuộng nhất là giới bình dân.

Trong thời bình đây là một môn giải trí, nhưng trong thời loạn, đây là một môn võ thực dụng để tự bảo vệ mình và để giúp nước. Hầu hết các thanh niên đồng quê đều có tập qua một vài miếng vật. Có nhiều làng có những tay đô vật có tiếng như làng Chung Màu, làng Yên Xá tỉnh Bắc Ninh (Hà Bắc), làng Vị Thanh, làng Lãm, làng Dịch Đồng, làng Hội Hạ tỉnh Vĩnh Yên (Vĩnh Phú), làng Mộ Trạch tỉnh Hưng Yên, làng Mai Động (Đại Lý Hoàn Long cũ) Hà Nội v.v...

Bà Lê Chân, ngoài đền thờ ở xã Mai Động còn có nhiều nơi khác có đền thờ bà, như ở làng An Biện, huyện Đông Triều tỉnh Hải Dương (Hải Hưng) và Ngõ Nghè, Hải Phòng.

Hội làng Tân La

Làng Tân La tỉnh Thái Bình, hàng năm mở hội vào ngày 16 tháng Giêng. Làng này thờ Bát Nàng công chúa, một nữ tướng của Hai Bà.

Chồng Bát Nàng công chúa là một lạc tướng bị quân Tàu giết chết. Trước nợ nước thù chồng, Bát Nàng công chúa đã dẫn quân theo Hai Bà khi Hai Bà khởi nghĩa. Bà được sung vào đạo quân tiên phong cùng với bà Lê Chân.

Khi Hai Bà chết, Bà cũng chết theo.

Không rõ tên thật của Bà là gì, thần tích làng Tân La chỉ ghi là Bát Nàng công chúa.

Hội làng Tân La chỉ có rước xách tế lễ để dân làng mua vui trong dịp đầu xuân. Trước kia, cũng có năm dân làng tổ chức những cuộc đánh Trung bình tiên.

Hội làng Thượng Lạp

Làng Thượng Lạp, phủ Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Yên (Vĩnh Phú) có đền thờ Cao Nguyên, một nam tướng của Hai Bà. Hàng năm làng mở hội vào dịp đầu xuân trong khoảng thượng tuần tháng Giêng.

THẦN TÍCH. Cao Nguyên là một danh tướng của Hai Bà, đóng quân ở Mê Linh cùng với Trưng Mầu là bà Man Thiện. Khi quân Hai Bà bị quân Mã Viện đánh ở Hát Môn, quân của Trưng Mầu cùng các tướng trong đó có Cao Nguyên kéo quân tới cứu viện, nhưng vì quân Hán quá đông, quân Hai Bà đánh không lại, Hai Bà phải tự vận, thì quân Hán cũng đánh dồn đạo quân của Trưng Mầu lui về Mê Linh. Ở đây, đạo quân này cố sức chống cự, nhưng ít khó chống nhiều nên sau cùng cũng bị tiêu diệt, và các tướng nam nữ hoặc bị chết trận hoặc nhảy xuống sông tự tận.

Riêng tướng Cao Nguyên, sau khi tử tiết, xác trôi về hạt Vĩnh Tường ở Phong Châu và được dân làng Thượng Lạp vớt lên lập đền thờ. Hàng năm, mỗi độ Xuân về, tại đền Ngải dân làng có mở hội tế lễ trước là để tỏ lòng biết ơn đối với một vị anh hùng đã vì nước bỏ mình, sau là để nhân dịp hội hè dân làng mua vui.

NHỮNG CUỘC VUI TRONG NGÀY HỘI. Hội làng Thượng Lạp ngoài các cuộc tế lễ rước sách theo nghi lễ, còn các trò vui xuân như đánh vật, đánh phết và các môn cờ bạc như đáo đĩa, quay đất v.v...

ĐÁNH PHẾT. Trong các trò vui ngày hội, đáng kể và vui một cách ồn ào nhất là đánh phết. Thú vui này chúng tôi đã trình bày cặn kẽ trong PHONG LƯU ĐỒNG RUỘNG.

Đây là một môn du hí lưu truyền từ đời Hai Bà, rất vui nên ta đã có câu vui ra Phết.

[1] *Phù Đồng Thiên Vương tức Đức Thánh Gióng*

[2] *Bà Triệu, sau Hai Bà Trưng khởi nghĩa ở Cửu Chân nay là Thanh Hoá*

[3] *Danh từ bánh trôi có lẽ do đây mà có.*

[4] *Sống tức là váy, quần 1 ống, áo tứ thân là áo may bằng 4 mảnh vải, 2 mảnh đằng trước bằng nhau là 2 vạt áo.*

Hội đền vua Đinh Tiên Hoàng

Làng Trường Yên, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình là nơi có đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng và hàng năm dân làng mở hội từ 15 đến 20 tháng Hai âm lịch.

Nơi đây xưa chính là Hoa Lư, đế đô nhà Đinh, phong cảnh thật nên thơ, núi non hùng vĩ, với động phủ đẹp tuyệt vời.

Nhắc đến Trường Yên và ngày hội nơi đây, ca dao ta có câu:

Ai là con cháu rồng tiên ?

Tháng Hai mở hội Trường Yên thì về.

Về thăm đất cũ Đinh, Lê,

Non xanh nước biếc bốn bề như xưa.

Muốn tới Trường Yên, du khách hoặc đi theo một con đường hàng tỉnh dễ đi, cách thị xã Ninh Bình không xa, hai bên đường rất nhiều thắng cảnh, non xanh nước biếc, suối róc rách bên khe, hoặc theo dòng sông Đáy đến bên Gián Khẩu, rẽ vào sông Hoàng Long độ 6 cây số thì tới.

Thực ra cho tới nay, trải qua hơn mười thế kỷ của lịch sử, di tích của hai triều đại Đinh và Tiền Lê đã bị thời gian xóa nhòa gần hết, chỉ còn lại hai ngôi đền thờ vua Đinh và vua Lê ở giữa một vùng núi non trùng điệp. Với địa thế, Trường Yên quả là một nơi cố thủ vững vàng trong thời loạn lạc. Với sự phân chia đất nước làm mười hai mảnh của Thập nhị sứ quân, Vạn Thắng Vương chọn nơi đây đóng đô, thật ngài đã lo xa tính rộng vậy.

Đền vua Đinh không rộng lắm. Ở ngoài sân có một cái sạp đá trên mặt chạm rồng, hai bên có hai con nghê bằng đá, theo người địa phương, những vật này đã lấy ở nước Chiêm Thành về.

Đền không cao mấy, cột trong đền sơn son thiếp vàng.

Trong hậu cung có tượng nhà vua. Tượng nhà vua ở giữa, bên phải có tượng ông chú, bên trái là tượng hai Hoàng tử. Từ đời vua Gia Long về trước theo lời các cụ truyền lại, xưa có cả tượng Đỗ Thích, kẻ đã ám sát nhà vua. Tượng này hàng năm đến ngày hội bị mang ra cửa đền chịu sự đánh đập. Tục lệ không mấy đẹp này đã được bãi bỏ bởi vua Gia Long và tượng Đỗ Thích cũng đã được đem đốt đi.

Trước đền vua Đinh có ngọn Mã An Sơn, cao độ 200 thước, trên có lăng vua Đinh, đường lên lăng khúc khuỷu và dốc chênh vênh rất khó đi.

Ngoài đền thờ nhà vua còn có đền thờ Thục Tiết công chúa con gái nhà vua.

Lịch sử thần tích

Lịch sử vua Đinh Tiên Hoàng có lẽ người Việt Nam ai cũng phải biết với các cuộc cờ lau tập trận, với sự bình định Thập nhị sứ quân. Tất cả các tập sách lịch sử Việt Nam đều có nhắc tới, nhiều văn thơ đã được sáng tác đề ca tụng nhà vua cũng như đế đô Hoa Lư của người. Ở đây chúng tôi chỉ xin nhắc sơ qua lại.

Năm 945, Dương Tam Kha chiếm ngôi nhà Ngô, trong nước bắt đầu có loạn; thổ hào các nơi nổi lên, mỗi người chiếm cứ một phương tự xưng là sứ quân. Tất cả có 12 sứ quân, con vua Ngô Quyền cũng chỉ còn uy quyền của một sứ quân, đóng ở Bình Kiều.

Lúc bấy giờ có ông Đinh Bộ Lĩnh, người động Hoa Lư con ông Đinh Công Trứ, đã dẹp được hết 12 sứ quân và thống nhất giang sơn về một mối.

Đinh Bộ Lĩnh mồ côi cha từ thuở nhỏ, ở với mẹ nơi quê nhà, đi chăn trâu cho chú. Ngay từ nhỏ, ông đã tỏ ra gan dạ anh hùng, thường bắt trẻ chăn trâu khoanh tay làm kiệu cho ngồi để chúng rước, cùng chúng lấy bông lau làm cờ, tập trận đánh nhau. Ông can đảm, lũ trẻ đứa này cũng sợ, tôn

ông đứng đầu. Khi cùng chúng bạn cờ lau tập trận, ông thường cho hát bài ca sau đây:

Cây cỏ ấy, nước non này,

Nước non quanh quất, cỏ cây xanh rì.

Rừng hoang, cỏ rậm để chi,

Phen này ta quyết dọn đi cho rồi.

Này này chúng bạn ta ơi!

Qua bài ca trên, nhà vua đã biểu lộ ngay từ lúc thiếu thời ý chí muốn quét sạch lũ giặc Bắc xâm lăng cũng như muốn bình định hết các sứ quân gây rối nước nhà.

Nhà vua đã thể hiện được ý chí của mình. Trong, đã thống nhất nước nhà; ngoài, đã đương đầu được cùng giặc Bắc.

Lớn lên, nhà vua theo sứ quân Trần Minh Công ở Bồ Hải Khẩu. Minh Công rất tin cậy giao cho giữ binh quyền. Khi Minh Công mất nhà vua đem quân về giữ Hoa Lư, chiêu mộ hào kiệt, hùng cứ một phương. Về sau, nhà vua bình định xong hết các sứ quân.

Năm 968, Ngài lên ngôi Hoàng Đế, tức là Tiên Hoàng Đế, đặt quốc hiệu là Đại Cồ Việt đóng đô ở Hoa Lư.

Về sau nhà vua bị Đỗ Thích ám sát. Cái chết của nhà vua đã làm cho muôn dân nhớ tiếc. Hàng năm, tới rằm tháng Hai tại đền nhà vua, dân làng mở hội có quốc tế và chủ tế bao giờ cũng do vị đại diện của triều đình đảm trách.

Các tục lệ ngày hội

Ngoài các cuộc tế lễ rước xách thông thường, trong thời gian ngày hội, dân làng có tổ chức nhiều trò vui: Thi thơ, hát chèo, rước đuốc, chọi gà,

kéo chũ, bơi thuyền trên sông Hoàng Giang, múa Mưỡu, uống rượu cần. Lại có tế nữ quan tại đền thờ Thục Tiết công chúa, con gái Vạn Thắng Vương. Và sau hết là diễn tích Cờ lau tập trận.

Cờ lau tập trận

Ngoài các trò vui trên, cuộc vui chính của ngày hội được dân làng đặc biệt chú trọng và khách xem hội chờ đợi là cuộc diễn lại sự tích Cờ lau tập trận. Cuộc diễn này do các trẻ em trong làng và hàng tổng thực hiện dưới sự chỉ dẫn của ban tổ chức ngày hội. Các trẻ em chia làm hai phe, một bên đóng vua Đinh Tiên Hoàng và chúng bạn, một bên đóng trẻ chăn trâu các làng lân cận.

Trong cuộc diễn lại tích Cờ lau tập trận này, khách thấy hội sẽ thấy cậu bé Đinh Bộ Lĩnh hăng hái xông pha chiến đấu cùng chúng bạn đuổi lũ mục đồng đối phương. Chiến cuộc thắng lợi, cậu Đinh Bộ Lĩnh được chúng bạn làm kiệu công kênh giữa những cờ quạt sặc sỡ màu lá cây hoặc tết bằng rơm rạ. Các bạn che tàn, che lọng cho cậu, rước cậu đi giữa rừng cờ lau.

Cuộc diễn tích Cờ lau tập trận năm nào cũng kết thúc ngày hội giữa sự nô nức của mọi người, giữa tinh thần phấn khởi của dân làng biểu lộ lòng tôn sùng đối với các vị anh hùng của Quốc gia dân tộc.

Thi thơ

Việt Nam vốn chuộng văn học. Ninh Bình lại là nơi phong cảnh thanh tú, nhất là Hoa Lư, phong cảnh càng hùng vĩ nên thơ. Hàng năm nhân ngày hội, để giữ gìn nếp xưa, để khuyến khích dân chúng trên đường văn học, dân làng mở hội thi thơ không những riêng cho dân sở tại mà cho tất cả những ai văn hay chữ tốt, muốn được giải và muốn lấy tiếng tăm với mọi người. Đề thơ tùy ban tổ chức lựa chọn. Giải thưởng thường chỉ mấy vuông nhiều điều, gói chè, mười quả cau, những người được giải hãnh diện vì thơ hơn vì giải. Hàng năm có ba giải thưởng trong cuộc thi này, và ban giám khảo gồm các tay văn học nổi tiếng trong vùng, có khi ban

tổ chức mời cả những bậc đại khoa có danh tới chấm giải. Ngày xưa, thường vị tuần phủ chủ tỉnh làm chủ tịch hội đồng chấm thơ.

Những bài được giải, ban tổ chức cho bình lên để mọi người cùng thưởng thức.

Hát chèo

Cũng như bất cứ ở hội Xuân nào, khi xã Trường Yên bắt đầu mở hội là có các ban chèo tới xin trình diễn. Hát chèo để thờ thần và cũng để dân làng mua vui buổi tối.

Rước đuốc

Tổ chức vào buổi tối hôm trước ngày rã đám, do các trẻ em đảm trách, những em này sẽ tham dự diễn tích Cờ lau tập trận ngày hôm sau. Đám rước được đi từ đình làng qua đền Thục Tiết công chúa.

Chọi gà

Các tay chơi gà chọi các nơi mang gà tới dự giải. Có ba giải.

Kéo chữ

Do dân đình phụ trách. Những dân đình này được dân làng chọn trước và phải có luyện tập dưới hiệu lệnh của một vị chức sắc. Những chữ được kéo thường là mấy chữ Thiên hạ thái bình, Phong đăng hòa cốc, tùy từng năm.

Về tục này xin xem trong PHONG LƯU ĐỒNG RUỘNG có những chi tiết.

Bơi thuyền

Sông Hoàng Giang chảy qua xã Trường Yên. Đây là nơi xưa vua Đinh Tiên Hoàng thường cùng chúng bạn bơi lội, và khi nhà vua bị ông chú đuổi, nhà vua đã nhảy xuống sông này.

Trong ngày hội, có cuộc thi thuyền của dân làng rất vui và rất được các khách trẩy hội thưởng thức.

Múa xòe

Xòe do các cô Mường ở phủ Nho Quan tới múa. Họ Đinh là một họ trong dân Mường, và Hoa Lư cũng là một phần đất của xứ Mường. Vua Đinh Tiên Hoàng rất được dân Mường tôn sùng, và họ hãnh diện với sự tích nhà vua xuất phát từ đất Mường.

Các cô múa xòe được họ lựa chọn đưa tới. Những điệu múa rất nhịp nhàng được các cô biểu diễn trước bàn thờ.

Sau cuộc múa này là tiệc uống rượu cần của ban tổ chức và chức sắc trong làng.

Trên đây là sơ lược về các tục lệ tại hội Trường Yên.

Những tục lệ này không những làm vui cho ngày hội, còn nói lên phần nào cái tinh thần ganh đua cố hữu của dân ta, ganh đua để tiến và để giữ vững thuần phong mỹ tục.

Một câu chuyện tục truyền về vua Đinh Tiên Hoàng

Ở trên về phần thần tích chúng tôi mới nhắc tới vua Đinh Tiên Hoàng qua lịch sử. Bên những dòng sử nghiêm trang, truyện vua Đinh Tiên Hoàng thường được dân chúng kể lại qua một câu chuyện tục truyền, tuy đầy vẻ hoang đường, nhưng cũng đầy thi vị. Câu chuyện tục truyền như sau theo các ông Đỗ Đình Nghiêm, Ngô Vi Liễn và Phạm Văn Thư trong ĐỊA DƯ CÁC TỈNH BẮC KỲ:

"Tiên Hoàng họ Đinh, tên là Bộ Lĩnh, người ở động Hoa Lư, phủ Đại Hoàng (bây giờ là phủ Yên Khánh)[1], là con ông Đinh Công Trứ.

"Tục truyền rằng: vợ ông Trứ một hôm tắm ở dưới suối bị một cơn rái cá hiếp về có mang. Sau người ta bắt con rái cá ăn thịt, vứt xương đi, bà ấy nhặt lấy, đem về cất đi.

"Khi ông Trứ mất, bà ấy mới sinh ra Đinh Tiên Hoàng.

"Tiên Hoàng lớn lên, thông minh, nhanh nhẹn lại có tài bơi lội. Nhà nghèo phải nương nhờ ở với chú. Bấy giờ có một thầy địa lý Tàu sang nước ta xem đất, đến phủ Đại Hoàng trông xuống dòng sông, thấy nước sâu thăm thẳm mà xoáy mạnh lắm, đồ là đấy có huyết đế vương. Người địa lý ấy mới gọi trẻ, thuê tiền bảo lặn xuống chỗ ấy xem thế nào. Tiên Hoàng nhận lời lặn xuống, thì sờ thấy con ngựa bằng đá, lúc lên bờ bảo với người khách ấy. Người ấy đưa cho năm củ xuống như thì con ngựa đớp ngay lấy.

"Lúc lên nói chuyện lại thì người khách lấy tiền thưởng cho rồi đi. Tiên Hoàng vốn thông minh, biết ngay chỗ ấy hẳn là đại huyết, về nói với mẹ, xem mã cha ở đâu, để đem táng vào huyết ấy. Bà mẹ trở lên gác bếp rồi lấy năm xương đưa cho con. Tiên Hoàng lại lặn xuống chỗ vực sâu ấy, cũng lấy củ bọc năm xương như vào mồm ngựa thì con ngựa cũng đớp mà nuốt đi.

"Từ đấy Ngài sinh ra bạo tợn, các trẻ chăn trâu bò đều sợ, để Ngài làm tướng, bẻ hoa lau làm cờ, chặt tre làm khí giới đi đánh nhau với trẻ các làng khác. Đi đến đâu, trẻ cũng sợ hãi kính phục. Một bữa nọ Ngài hội hết trẻ các làng ở ngoài đồng rồi nhân có con bò của chú cho đi chăn, mổ ngay ra làm cỗ để khao chúng. Chú ở nhà nghe tin tức giận lắm, vác gậy ra đuổi đánh.

Ngài sợ hãi chạy mãi, sau phải nhảy choàng xuống sông. Bỗng dưng có con rồng vàng ở dưới sông đội ngài lên. Người chú thấy vậy kinh hoàng, vội vàng bỏ gậy mà lạy phục xuống đất.

"Từ bấy giờ, danh tiếng Ngài lừng lẫy, các hào kiệt trong nước để lòng trông mong về Ngài. Nhân bấy giờ về cuối đời Nam Tấn, nước ta có 12 ông sứ quân nổi lên, mỗi người chiếm giữ một phương.

"Tiên Hoàng nhân dịp ấy, theo về ở với Trần Minh Công. Trần Minh Công thấy Ngài là dòng dõi tướng võ và có tài cán, mới dùng cho cai quản binh lính. Dần dần Ngài đem quân đi dẹp được các sứ quân rồi tự

xưng là Vạn Thắng Vương, lên ngôi Hoàng Đế, đóng đô ở Hoa Lư, sửa sang thành quách, cung điện, đặt Quốc hiệu là Đại Cồ Việt.

"Ngài ở ngôi được mười một năm thì bị Đỗ Thích giết mất, đến đời con là Vệ Vương thì cơ nghiệp lại về tay triều khác".

[1] Ngày nay là huyện Gia Khánh, Hà Nam Ninh

Hội Đền Hùng

Nhân ngày giỗ tổ Hùng Vương năm Giáp Dần, 1914, ông Phạm Huy Hồ có cung soạn đôi câu đối thờ đăng trong Đông Dương tạp chí:

Non nước cao sâu, tưởng bóng Long Tiên còn thoảng đó.

Khói hương ngào ngạt, động lòng sơn hải biết yêu nhau.

Với đôi câu đối này, tác giả có ý nhắc nhở đồng bào Nam quốc Nam nhân nên biết thương yêu nhau, nhất là giữa lúc nước non bị ngoại bang thống trị, như bóng Tổ xưa còn thoảng đó để con cháu phải động lòng.

Hàng năm, ngày Giỗ Tổ Hùng Vương vẫn tới với ngày mùng 10 tháng Quý xuân (tháng Ba). Phàm đã là người dân Việt, ai mà quên được giỗ tổ. Nhớ tới Tổ không phải để nhớ tới những điều hoang đường thời tiền sử nhưng để kiêu hãnh rằng dân tộc Việt Nam ta có Tổ, có tổ nghĩa là có một lịch sử từ mấy nghìn năm nay, hơn hẳn nhiều quốc gia, tuy văn minh nhưng dân tộc lại không gốc rễ, chỉ vền vẹn văn minh với vài trăm năm lập quốc.

Từ xưa ngày giỗ Tổ vẫn được coi là ngày Quốc lễ, và hàng năm tại đền thờ vua Hùng trên núi Nghĩa Lĩnh, rừng Hy Cương thôn Cổ Tích, phủ Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ (Vĩnh Phú) vẫn có Quốc lễ và triều đình qua các triều đại vẫn cử đại diện tới để làm chủ tế.

Ngày hội

Ngày có Quốc tế tại đền thờ vua Hùng là ngày Hội đền Hùng, hàng năm dân xã Hy Cương vẫn theo cổ lệ tổ chức ngay từ đầu tháng, tuy chính lễ vào đúng mùng 10.

Trong ngày hội, dân chúng Việt Nam từ bốn phương kéo tới lễ Tổ để tỏ lòng thành kính biết ơn các đức Hùng Vương đã dày công gây dựng nên nước Văn Lang, tức là nước Việt Nam ngày nay.

Là người Việt Nam, ai cũng nên biết hội Đền Hùng, ai cũng phải nhớ đến ngày giỗ Tổ. Từ hơn bốn nghìn năm nay, dân tộc Việt Nam trải bao hưng vong biến chuyển, sử dĩ vẫn vững bền tồn tại, chính là vì người Việt Nam uống nước biết nhớ nguồn, trăm vạn người như một, hàng năm ai cũng nhớ ngày giỗ Tổ. Người Việt Nam có thể quên hết mọi ngày, nhưng ngày giỗ tổ, người không quên gốc không ai quên. Dù ở xa xôi, người ta vẫn hướng về non Nghĩa Lĩnh để nhớ tới các vị Tổ chung.

Vị trí đền Hùng

Đền Hùng xây trên núi Nghĩa Lĩnh, rừng Hy Cương, thôn Cổ Tích, phủ Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ (Vĩnh Phú).

Ngọn Nghĩa Lĩnh là một ngọn núi cao của vùng trung du miền Bắc, bắt nguồn từ núi Thảm chia làm nhiều chi, mỗi chi có nhiều đôi nhỏ. Chi giữa ăn tới làng Hy Cương, thôn Cổ Tích thì nổi bật lên một ngọn núi cao.

Đứng trên đỉnh Nghĩa Lĩnh, nhìn về phía Đông là dãy núi Tam Đảo thuộc hai tỉnh Vĩnh Yên và Thái Nguyên (Bắc Thái), mập mờ trong mây, như xa như gần, như thực như hư. Về phía Nam là núi Cánh Phượng, trông như con phượng luôn luôn xòe đôi cánh. Đây chính là núi Ba Vì, còn gọi là núi Tản Viên, thuộc tỉnh Sơn Tây (Hà Tây). Bao giờ trên đỉnh cũng có mây che trông thật là huyền ảo. Giữa hai cảnh núi hùng vĩ đó, là hai dòng sông Lô và sông Thao nước cuộn cuộn chảy, gặp nhau ở Bạch Hạc, cổ đô Phong Châu đối diện với thành phố Việt Trì trông rất ngoạn mục.

Lộ trình đi Đền Hùng

Muốn trải hội Đền Hùng, con cháu tổ có thể dùng đường thủy hay đường bộ.

Đường bộ dùng đường xe lửa Hà Nội đi Vân Nam Phủ, hay đi xe hơi theo quốc lộ số 2, từ Hà Nội tới ga Kiên Cường. Từ đây rẽ sang tay phải, đi bộ vào thôn Cổ Tích theo đường hàng xã tới chân núi Nghĩa Lĩnh.

Đi đường thủy phải ngược dòng sông Hồng Hà tới Việt Trì. Từ Việt Trì, lại theo đường bộ tới xã Kiên Cường để lại rẽ vào con đường hàng xã nói trên, đi cho tới chân núi như những người đi đường bộ.

Hai lộ trình trên dùng cho những người từ Hà Nội đi lên, còn những người ở men ngược, lẽ tất nhiên phải đi xuôi trở xuống cho tới ga Kiên Cường. Đường bộ, theo quốc lộ số 2, còn đường thủy, xuôi dòng sông Lô hoặc sông Thao tùy địa phương.

Quang cảnh lộ trình trong ngày hội

Như trên đã nói, ngày chánh hội là ngày mồng 10 tháng Ba, nhưng dân làng Hy Cương hàng năm vẫn mở hội từ mấy ngày trước. Trong những ngày hội, con cháu đức Tổ từ bốn phương tám hướng kéo nhau về thăm mộ Tổ và dự lễ rất đông. Những con đường Phú Thọ tới Kiên Cường, Hà Nội đi Việt Trì luôn luôn tấp nập những người. Những chuyến xe chở khách, trong Nam gọi là xe đò, đông nghẹt hành khách đều ngừng ở ga Kiên Cường để trút khách xuống, có những chuyến đông đến nỗi có khách phải ngồi trên mui và có khách bám đàng sau xe. Và trên những chuyến xe lửa, toa nào toa nấy khách trải hội chen chúc nhau suốt từ Hà Nội qua các ga Yên Viên, Đông Anh, Phúc Yên, Vĩnh Yên, Bạch Hạc, Việt Trì cho đến ga Kiên Cường. Ở mỗi ga, khách trải hội lại kéo nhau lên thêm càng nhiều, toa tàu càng đông hơn, người đã lúc nhúc lại càng như lén chặt. Đông thì đông, chen thì chen, lòng người ta vẫn hân hoan hướng về Hùng Sơn Nghĩa Lĩnh, cần được tới nơi chiêm bái mộ tổ là hài lòng.

Khách trẩy hội có người già, có người trẻ, có nữ tú, có nam thanh. Người ta chen nhau để lấy một chỗ đứng, người ta vịn vào nhau và nhiều người đứng cả ở bậc toa tàu. Con tàu từ từ đi, khách trẩy hội ồn ào trò chuyện.

Khi con tàu ngừng ở ga Kiên Cường, đoàn người đổ xuống như thác, người nọ trước người kia sau. Các ông già bà lão thường dắt díu theo các cô gái quê còn e lệ, thẹn thùng giữa đám khách thập phương, các cô mới đi lễ Tổ lần đầu. Các bà đứng tuổi, gọn gàng vai vác đầy vàng hương đồ lễ, nhanh nhẹn bước bên các cụ già thung thính.

Sở Hỏa xa trong những ngày hội, ngoài các chuyến xe lửa thường lệ, có đặt thêm nhiều chuyến xe phụ để đủ chở hành khách trẩy hội. Những chuyến xe này đậu ngay tại địa phận xã Hy Cương, nơi đó con đường đi thẳng vào thôn Cổ Tích tới đền Hùng.

Con đường qua thôn Cổ Tích này đi trên bờ ruộng giữa cánh đồng. Chư khách thập phương nhộn nhịp kẻ ra người vào, người này gặp người khác, người nọ trước người kia. Có người vừa đi vừa lâm râm cầu khẩn muốn xin Tổ phù hộ độ trì cho. Họ đi tới đền với một lòng thành kính.

Có người nói chuyện ồn ào, tiếng vọng vang lên đồng ruộng, lách vào giữa đám rừng sâu, sát ngay khu cánh đồng.

Cái cảnh tịch mịch quanh năm tại xã Hy Cương, vị trí ở một nơi nửa núi rừng, nửa đồng ruộng của trung du, mất hẳn để nhường chỗ cho một vẻ tấp nập khác thường. Người người vui chân đi, người người vui miệng nói hoặc thành tâm tụng niệm.

Đền Hùng là đây

Theo con đường hàng xã qua thôn Cổ Tích, khách trẩy hội chẳng mấy chốc đã tới chân núi Nghĩa Lĩnh, còn có tên gọi là núi Đền, chính tại núi này có đền thờ vua Hùng.

Ngay ở dưới chân núi có đền thờ hai bà công chúa con vua Hùng Huệ Vương là Tiên Dung và Ngọc Dung công chúa.

Đền này còn được gọi là đền Giếng, ở trước đền thờ có mạch nước chảy thành giếng trong và mát. Đền Giếng còn có tên là đền Hạ, bởi ở ngay dưới chân núi.

Vào lễ đền Giếng xong, khách lên đền Trung và đền Thượng.

Từ đền Hạ lên đền Thượng phải leo 296 bậc đá.

Đền Trung ở lưng chừng núi, giữa khoảng hai đền Thượng và Hạ. Ở cạnh đền Trung có ngôi chùa của xã Hy Cương, và ở ngay trước đền có nhà Bia với một bia chính lớn và rất nhiều tấm bia phụ.

Tấm bia chính, nét chữ khắc còn rõ, nhắc lại lịch sử của các đức Hùng Vương, còn các tấm bia phụ ghi về công việc xây đền cùng danh sách những vị đã giúp công giúp của vào công việc trùng tu đền.

Đền Thượng ở trên đỉnh núi, thờ mười tám đức Hùng Vương. Trước đền có bức hoành phi mang bốn chữ VIỆT NAM TRIỀU TỔ. Đền này trước đã đổ nát mới được trùng tu vào năm 1914. Nhân dịp trùng tu đền này, cuộc lễ Tổ đã được tổ chức rất trọng thể.

Ở chính giữa bàn thờ đền Thượng có bài vị 18 đức Hùng Vương với 14 chữ sau đây:

**ĐỘT NGỘT CAO SƠN CỔ VIỆT HÙNG THỊ THẬP BÁT THÁNH
VƯƠNG VỊ**

Lại có rất nhiều câu đối chữ Hán có, chữ Nôm có trong số đó có đôi câu đối Nôm của cụ Nguyễn Kỳ Nam được nhiều người chú ý:

Đồ vương tranh bá, thôi nói chi lịch đối số trời, hỏi trước sau truyền bốn nghìn năm, nước biếc non xanh, bờ cõi ai xây bờ cõi ấy;

Vấn tổ tìm tông, nay vẫn còn lãng xưa miếu cũ, kể nhiều ít hai mươi năm triệu, con đàn cháu đống, cõi cảnh đâu chẳng cõi cảnh đây.

Cùng với đôi câu đối trên, đôi câu đối sau đây, cũng treo ở đền Thượng, rất được nhiều người ghi nhớ:

Vật đối sao dời, phúc tổ vẫn lưu nền Cổ Tích,

Nước nguồn cây cội, đạo người nên nhớ mộ Hùng Vương.

Kể ra câu đối ở cả ba đền rất nhiều, nhưng rất tiếc trong lúc này, chúng tôi không còn đủ tài liệu để trình bày cùng bạn đọc.

Mộ Vua Hùng

Ngay gần đền Thượng có một ngôi mộ tương truyền là mộ vua Hùng Vương, nhưng không biết là mộ vua thứ mấy. Lối vào mộ có khắc năm chữ Sắc kiến Hùng Vương lăng, nghĩa là sắc xây mộ vua Hùng, do Hoàng đế Tự Đức kính đề.

Hỏi thăm về ngôi mộ, dân làng nói họ cũng chỉ được các cụ dạy đây là mộ vua Hùng Vương, không rõ là vua thứ mấy.

Có người nói có lẽ đây chỉ có hình thức lăng, còn bên dưới không biết có cốt hay không.

Các bậc thức giả thì bảo rằng, ngôi mộ đây chỉ cốt để tượng trưng cho mộ Tổ, con cháu tới lễ đền Hùng, thấy mộ càng nhớ tới Tổ xưa.

Hai chiếc rọ lợn

Vào mấy năm cuối cùng hồi tiền chiến, khách đi trẩy hội, hẳn phải để ý ngay ở dưới đền Hạ, lối vào đền, hai bên cho treo hai chiếc rọ lợn rất lớn.

Hỏi sẽ được dân làng trả lời:

Ngày giỗ Tổ là ngày trang nghiêm, vậy mà có các người ở nơi xa xôi tới, (có ý ám chỉ các thanh niên thành thị), lấy đây làm nơi chòng ghẹo các thôn nữ, các cô van lơn cũng không tha, có những cử chỉ suồng sã.

Những người đó cần phải bị trừng phạt. Hai chiếc rọ này dùng để trừng

phạt những ai giở trò trăng hoa, gheo cợt thôn nữ tại đây. Gheo gái ở nơi thờ tự này bị dân làng bắt được sẽ bị nhốt vào trong rọ trong hai giờ để khách thập phương đi qua cùng thấy.

Biện pháp này thật hiệu nghiệm. Từ khi có người bị nhốt vào rọ, trò gheo gái không còn chàng thanh niên nào dám thò ra ở giữa đền nữa.

Những tục lệ cổ truyền

Hội đền Hùng mở từ ngày đầu tháng cho đến hết ngày mồng 10 mới rã đám.

Trong ngày hội có rước xách tế lễ và trong các buổi tế lễ có buổi quốc tế vào sáng ngày mồng 10 do vị Đại diện triều đình, thường là vị Tỉnh hiến Phú Thọ, làm chủ tế. Trong buổi tế này có đông đủ các quan chức địa phương tới dự.

Ngoài ra còn có rất nhiều các trò vui cổ truyền. Cụ Vân Toàn Dương Tự Như, một bậc khoa bảng trước đây, trong bài thơ tả quang cảnh ngày hội đền Hùng, đã có đoạn nhắc đến các cuộc vui cổ truyền đó:

...

Ai ơi tới hội mà trông,

Nơi tung diều sáo, nơi trồng đu tiên;

Nào cờ, nào trống, nào đèn,

Nào xe, nào ngựa, như len chật đường.

Leo dây, múa rối đủ phường,

Đánh cờ treo giải lạ thường vui thay.

...

Qua đoạn thơ trên, ta thấy trong ngày hội có leo dây, múa rối, thi điều sáo, treo đèn, đu tiên và đánh cờ. Cụ Vân Toàn quên không nói tới đánh cò, một trò chơi rất thú vị của phụ nữ Phong Châu mà chính chúng tôi đã được dự kiến khi đi lễ Tổ vào năm Tân Tỵ (1941).

Leo dây

Đây là một trò chơi giống như ngày nay các đoàn xiếc thường biểu diễn. Một chiếc dây được căng trên hai chiếc cột, rồi có người đi lên trên, vừa đi vừa múa. Thường người này trong tay cầm một chiếc gậy để giữ thăng bằng trong lúc biểu diễn. Cũng có khi một chiếc dây được cột trên một chiếc xà cao buông thõng xuống để người biểu diễn leo lên làm trò.

Múa rối

Xin xem trong bài nói về Hội Chùa Thầy ở Chương Hai.

Đánh Cờ

Đã trình bày trong Nếp cũ: THÚ VUI TAO NHÃ.

Thi điều sáo

Ngoài Bắc, chơi điều là một thú rất say mê của người lớn. Đây không phải là những chiếc điều nhỏ có đuôi như điều trẻ em, mà là những chiếc điều thật lớn bề ngang, có khi tới sải rưỡi tay và có mang một hoặc nhiều chiếc sáo. Khung điều làm bằng cật tre, giấy phất vào điều bằng cật.

Điều thả bằng dây tre vót nhỏ hoặc bằng dây mây. Mấy hồi về sau có dây thép, nhiều tay chơi điều dùng dây thép nhỏ.

Sáo điều có ba loại chính phân theo tiếng kêu:

Sáo CỒNG, tiếng kêu vang vang như tiếng cồng thu quân của một vị tướng quân. Những tiếng du du, dòn dòn đồng dạc.

Sáo ĐẤU, tiếng kêu rên rỉ, dài dài như lời than của một nàng cung phi thời xưa bị sống trong cảnh lạnh lẽo cô phòng.

Sáo CÒI, tiếng kêu the thé dài như tiếng còi.

Thi điều sáo, ban giám khảo có thể chấm theo tiếng sáo, nhưng trước tiên bao giờ cũng phải xem điều có lên bổng, dây điều căng hay võng, nhất là lúc ở trên không điều có lắc lư đảo ngang đảo dọc không.

Treo đèn

Tháng ngày hội từ đèn Hạ lên đến đèn Thượng chùa và các lăng miếu đều có chăng đèn. Buổi tối đèn thắp lên rất vui mắt.

Đu tiên

Đu tiên không giống như cây đu thường tám cọc mọi người vẫn hằng thấy. Người lên đu tiên không phải rướn, và cũng không đứng trên bàn đu, trái lại ngồi trên ghế đu. Đu tiên có nhiều người cùng đu một lúc.

Đu tiên gồm hai chiếc cột cao có trục bắc ngang. Chiếc trục này ăn ra hai chiếc vành như một chiếc bánh xe lớn. Mắc và hai chiếc vành này là những chiếc ghế buông thông xuống để các nàng tiên ngồi. Những ghế này cũng có trục bắc vào vành đu, khi đu quay, ghế không quay theo, vẫn giữ nguyên một chiều. Các nàng tiên ngồi trên đu vừa đu vừa hát những bài ca cổ truyền theo nhịp đu quay.

Những nàng tiên là các cô thôn nữ do dân làng cắt cử sẵn. Lên đu, các cô ăn mặc diêm dúa như những nàng tiên.

Các cô ngồi trên ghế đu, một loạt, có người quay chiếc vành đu để các cô lên cao lại xuống thấp trông rất ngoạn mục.

Đánh còn

Đánh còn là một môn giải trí lưu truyền từ đời Hùng Vương, nghĩa là từ khi có các Quan Lang và các cô My Nương. Còn là một trò chơi quý

phái của quý tộc thời xưa, là một thú chơi riêng của nữ nhi, hay đúng hơn, là một thú chơi riêng của các tiểu thư con các Lạc hầu, Lạc tướng.

Lưu truyền tới thế kỷ XX, môn du hí này vẫn giữ nguyên nếp chơi của thời trước và rất được thịnh hành tại các vùng sơn cước miền Bắc.

Trong các hội, mồng 9 tháng Giêng ở Đồng Mỏ thuộc châu Ôn tỉnh Lạng Sơn, mồng 10 tháng 3 tại đền Hùng và nhiều nơi khác tại các tỉnh Thượng du miền Bắc, các cô sơn nữ dắt nhau tới hội là tìm hát lượn và đánh còn.

CÒN là một trái cầu to bằng quả cam lớn khâu bằng vải, trong ruột là bông, cỏ mềm hay vải vụn. Còn bọc bằng vải màu và tua ngũ sắc sỡ rất đẹp.

Đánh còn thường được tổ chức ở một khoảng đất rộng gọi là sân còn. Giữa khoảng đất này có trồng một cột tre cao bằng cả cây tre. Trên ngọn cột tre ngoài những lá cờ đuôi nheo ngũ sắc phấp phới, biểu hiệu của đình đám ngày xuân, có một vòng tròn đường kính ước độ già hai tấc gọi là vòng còn. Các thiếu nữ chơi Còn đứng về hai phía sân Còn, đối diện nhau để lần lượt thi ném quả Còn cho lọt qua vòng Còn, hai mặt vòng Còn hướng về phía các cô ở hai bên. Khán giả đứng xem vây chung quanh sân Còn.

Muốn ném Còn, các thiếu nữ cầm rua Còn đưa tay văng vụt lên. Trái Còn lướt qua ngọn cột tre, những dây rua cũng lướt xòe ra trông rất ngoạn mục. Thường thường trái Còn chỉ lướt qua cạnh vòng Còn, ít khi trúng vào giữa vòng. Mỗi lần trái Còn trúng giữa vòng Còn, khán giả thường hò reo khen ngợi khuyến khích.

Tưởng cũng cần nói thêm, vòng Còn có dán giấy, thường là giấy đỏ. Còn ném trúng vòng xuyên thủng tờ giấy, rồi rớt xuống phía đối diện. Các cô bên này lại nhặt Còn ném trở lại.

Các thiếu nữ say mê ném Còn, ganh đua nhau mong ném quả Còn qua giữa vòng Còn. Ném trúng đích, các cô hãnh diện không những với các

bạn chơi Cờ, đem thắng lợi về cho bên mình, mà còn hãnh diện với cả khách đứng xem, nhất là với những chàng trai đã cùng các cô hát lượn, trong những ngày hội có hát lượn. Các chàng trai gọi tên các cô để ngợi khen, mắt các cô sáng lên, má các cô ửng hồng, miệng các cô cười và các cô cố gắng hơn.

Trái Cờ vắng đi, trái Cờ vắng lại, những tầm con mắt ngược theo đà Cờ, và những trái tim hồi hộp khi trái Cờ lướt tới chiếc vòng Cờ.

Cuộc chơi ném Cờ thường kéo dài suốt mấy ngày hội, và các cô hàng ngày trong thời gian ấy chỉ ngưng cuộc vui khi bóng đêm đã xuống, không cho phép các cô ném được tinh tường nữa.

Đánh Cờ cũng vui ra phết.

Sơ lược lịch sử đền Hùng

Thần tích tại đền Hùng chính là lịch sử nước Văn Lang, với họ Hồng Bàng gồm mười tám đời Hùng Vương. Nhắc tới đoạn lịch sử đầu tiên này, chúng tôi nghĩ không gì bằng chép lại ra đây những trang đầu tập Đại Nam Quốc sử diễn ca của các ông Phạm Đình Toái và Lê Ngô Cát:

Kể từ trời mở viêm bang,

Sơ đầu có họ Hàng Bàng mới ra;

Cháu đời Viêm đế thứ ba.

Nổi dòng hỏa đức, gọi là Đế Minh.

Quang phong khi giá Nam hành,

Hay đâu Mai Lĩnh, duyên sinh Lam Kiều.

Vu tiên vừa thưở đào yêu,

Xe loan nổi gót, tơ điều kết duyên.

Dòng Thần sánh với người Tiên,
Tinh anh nhóm lại, thánh hiền nổi ra.
Phong làm quân trưởng nước ta,
Tên là Lộc Tục, hiệu là Kinh Dương.
Hóa Cơ dựng mối luân thường,
Động đình sớm kết với nàng Thần Long.
Bến hoa ứng vẻ lưu hồng,
Sinh con là hiệu Lạc Long trị vì?
Lạc Long lại sánh Âu Ky,
Trăm trai điếm ứng hùng bi lạ đường,
Noãn bào dù truyện hoang đường,
Ví xem huyền diệu sinh thương khác gì?
Đến điều tan hợp cùng kỳ,
Há vì thủy hỏa sinh ly như lời.
Chia con cũng sự lạ đời,
Quy sơn, quy hải khác người biệt ly.
Lạc Long về chốn Nam Thù,
Âu Cơ sang nẻo Ba Vì Tản Viên.
Chủ trương chọn một con hiền,
Sửa sang việc rước nổi lên ngôi rồng.

Hùng Vương đô ở Châu Phong,

Ấy nơi Bạch Hạc, hợp dòng Thao Giang.

Đặt tên là nước Văn Lang,

Chia mười lăm bộ, bản chương cũng liền.

Sinh viên với ngày giỗ tổ

Trong mọi việc gây tinh thần cao đẹp cho dân tộc, bao giờ anh em sinh viên cũng giữ một vai trò quan trọng. Viết tới ngày hội đền Hùng chúng tôi không quên một việc làm của sinh viên cách đây mấy chục năm:

Năm 1941, giữa lúc dân tộc Việt Nam đang bị đè nén dưới hai gọng kìm đế quốc Pháp và quân phiệt Nhật, nhân ngày giỗ tổ để nhắc nhở đồng bào khỏi quên nguồn gốc, anh chị em sinh viên ở Hà Nội đã tổ chức một cuộc đi thăm lăng miếu Tổ rất nhộn nhịp. Trong dịp đi thăm mộ Tổ này, một sinh viên sinh quán miền Nam (anh Lưu Hữu Phước) đã soạn bài hát Đi hội đền Hùng. Và bài hát này đã được Tổng hội Sinh viên cho in và phát không ngay tại đền Hùng cho những ai đi lễ Tổ. Bài hát đã làm rung động con tim bao người.

I

Chúng ta cùng nhau đi viếng thăm

Nơi cố hương của giếng Tiên Rồng;

Chúng ta cùng nhau đi viếng thăm

Những vết xưa của núi sông,

In dấu chân biết bao anh hùng,

Cùng với nhau Bắc, Nam, Trung.

Chúng ta về thăm mộ Tổ ta,

Cho vẻ vang với nước non nhà.

II

Biết bao đời Tiên vương nổi lên,

Để chống ai đắp lũy xây thành,

Biết bao đời Tiên vương nổi lên

Giữ núi sông trong thanh danh,

Xây nước non với tôi trung thành.

Cùng khắc tên trên sử xanh,

Hiến thân mình để lo quốc gia,

Cho vẻ vang với nước non nhà.

III

Chúng ta cùng vui ca hát lên,

Ta hát lên trước cảnh huy hoàng,

Chúng ta cùng vui ca hát lên,

Lễ Tổ tiên, người Văn Lang,

Ta hát lên khúc ca nhịp nhàng,

Cùng với nhau lên mấy tiếng vang

Chúng ta cùng nhau lên tiếng ca

Cho vẻ vang thêm nước non nhà.

Báo chí với ngày giỗ tổ

Tổ là Tổ chung của mọi tầng lớp dân tộc Việt Nam, đối với giới lao động chân tay cũng như giới lao động trí thức. Thời thường giới cầm bút, các nhà thơ, nhà văn, nhà báo, bao giờ cũng là giới đi tiên phong cùng với anh chị em sinh viên trong những công tác đề cao tinh thần dân tộc, và lòng yêu nước, mở con đường cho các giới khác theo sau.

Các nhà làm báo ở Hà Nội trong năm 1953 đã làm một việc vô cùng đẹp đẽ và đầy ý nghĩa: làng báo xứ Bắc năm đó đã quyết định lấy ngày đại đoàn kết của tất cả các ký giả khắp trong nước, ngày thiêng liêng để lớp người cầm bút hướng về Tổ Hùng Vương.

Ban tổ chức của làng báo đã trình bày bài diễn văn đọc nhân ngày giỗ Tổ năm Quý Tỵ (1953), lý do việc làm của mình:

Chúng tôi đã chọn ngày đó là đã cố tâm muốn được anh hồn tổ tiên của nòi giống Lạc Hồng ắp ủ lên công việc của báo chí nâng đỡ phù hộ cho báo chí ngày một phát triển và trở nên dụng cụ tranh đấu thiết thực nhất của dân chúng trong Quốc gia và của Quốc gia trong thế giới.

Chúng tôi chọn ngày đó là muốn chiêm ngưỡng tiền nhân mà nhớ đến tiền nhân là nhớ rằng bốn phận mình là ở bên cạnh dân chúng, và vun đắp vào công việc chung làm cho quốc gia Việt Nam xứng đáng với những trang sử oanh liệt của tiền nhân.

Trong năm Quý Tỵ (1953) cũng như năm sau Giáp Ngọ, báo chí đã nghi ngày giỗ Tổ và cho xuất bản một số ĐẶC BIỆT HỢP NHẤT BÁO CHÍ.

Trong số báo đặc biệt này, ngoài phần tin tức có các bài khác viết rất nhiều về ngày giỗ Tổ.

Trong số đặc biệt năm Giáp Ngọ, thi sĩ Xuân Tiên có một bài thơ rất cảm động về ngày giỗ Tổ, sau đây là đoạn kết:

Đứng trước ngọn lửa thiêng rừng rục

Đinh trầm hương sực nức khói hương

*Chúng ta con cháu Hùng Vương,
Cao tay thề quyết noi gương Tổ truyền.
Nguyện gìn giữ cho bền danh dự,
Cố ganh đua rộng mở tinh thần.
Nước non ngày một canh tân.
Tiên rồng nòi giống góp phần văn minh.
Cờ độc lập tung hoành trước gió,
Đài vinh quang đồ sộ ngất cao
Năm Châu thiên hạ trông vào
Việt Nam lên tiếng tự hào từ đây...*

Hội đền Lý Bát Đế

Đền Lý Bát Đế là nơi thờ tám vị vua nhà Lý, hiện nay ở làng Đình Bảng, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (Hà Bắc). Làng Đình Bảng trước kia là làng Cổ Pháp, nơi Lý Công Uẩn khởi phát.

Làng Đình Bảng, ngoài đền thờ tám vị vua nhà Lý lại có đền thờ Lý Chiêu Hoàng và có cả băng Lý Bát Đế nữa.

Làng Đình Bảng ở ngay ven quốc lộ số 1, quãng đường từ Hà Nội tới Bắc Ninh, cách Hà Nội 18 cây số và cách thị xã Bắc Ninh 23 cây số.

Du khách, nếu có dịp đi trên quãng đường này của quốc lộ số 1, đi khỏi ga Yên Viên tới chùa Dận, và cách chùa Dận trên một cây số, sẽ thấy ở mé tay phải một làng rất trù phú với nhà gạch, mái ngói phong quang, có chợ lớn, có trường học rộng rãi. Đó là làng Đình Bảng.

Hàng năm, làng Đình Bảng kéo hội vào trung tuần tháng Ba để kỷ niệm các vị vua nhà Lý. Hội không nhất định mở vào ngày nào, thay đổi tùy từng năm, nhưng bao giờ cũng vẫn mở trong trung tuần tháng Ba.

Hàng năm, sắp tới kỳ hội, dân làng họp bàn để ấn định ngày mở hội, chiếu theo ngày xấu tốt trong âm lịch.

Trong ngày hội, có tế lễ, có rước xách. Hội mở tại đình, nhưng ở quanh đình dân chúng và khách xem hội tụ họp để cùng mua vui với những trò giải trí đầu Xuân: cờ bỏi, đáo đĩa, múa rối, leo dây, đánh đu và đôi khi có cả hát đúm, lại có những đám cờ bạc chơi xuân: thò lò, xúc xắc, bài lá... Cũng có năm có tổ tôm điểm hoặc tam cúc điểm do ban tổ chức mở ra với giải thưởng của dân làng... Buổi tối có hát chèo thờ, và cho dân chúng xem.

Tại đền thờ Lý Bát Đế có tám kiệu của tám vua:

Lý Thái Tổ,

Lý Thái Tôn,

Lý Thánh Tôn,

Lý Nhân Tôn,

Lý Thần Tôn,

Lý Anh Tôn,

Lý Cao Tôn,

Lý Huệ Tôn,

Tám kiệu của tám vua bằng nhau và đồng kiếu.

Tại đền thờ của Lý Chiêu Hoàng cũng có kiệu của Lý Chiêu Hoàng, nhỏ hơn tám kiệu trên và làm theo kiếu kiệu đàn bà.

Trong ngày có lễ rước kiệu của tám vua. Kiệu của Lý Chiêu Hoàng không được rước, phải khiêng ra đặt ở trước đền thờ để bà nghênh đón kiệu của tám vua. Đó là một sự trừng phạt đối với Lý Chiêu Hoàng, vì Lý Chiêu Hoàng không những làm mất ngôi nhà Lý lại còn là đầu mối cho nhà Trần giết con cháu nhà Lý.

Cuộc rước tám kiệu rất vui. Dân làng, những con trai từ 18 tuổi trở lên được cắt cử khiêng kiệu. Đây là một điều vinh dự. Được cử khiêng kiệu các trai làng phải sắm sửa quần áo rất tốn kém. Ngoài việc khiêng kiệu cũng chính trai làng được đề cử vác cờ, vác tàn, vác tán cùng những đồ thờ trong đám rước. Tám kiệu đi theo thứ tự của tám vua.

Đi đầu đám rước là cờ quạt ngũ sắc, kế đến phường bát âm rồi đến tám kiệu.

Đám rước đông vui lắm. Dân làng Đình Bảng, dân các xã chung quanh, có khi xa hơn nữa, có người từ Bắc Ninh, Thị Cầu, Đáp Cầu tới có người từ Hà Nội về, đều nô nức đi xem đám rước lịch sử hàng năm này. Các cô gái làng hôm đó, cũng như các cô gái làng bên trang điểm thật là đom dáng. Các cô mong má hồng được lọt vào mắt xanh của những chàng trai đi rước và đi xem rước.

Hội làng Đình Bảng mở liên tiếp trong ba ngày. Suốt trong thời gian này cửa đền thờ tám vua cũng như cửa đền thờ Lý Chiêu Hoàng rộng mở để khách thập phương tới lễ.

Sơ lược lịch sử và thần tích

Nhà Lý là một triều đại oanh liệt của Việt Nam, đã đánh Chiêm Thành, bình Tống, sự nghiệp thật hết sức hiển hách. Thủy tổ nhà Lý là vua Lý Thái Tổ, tên tục là Lý Công Uẩn vốn người làng Cổ Pháp.

Tục truyền rằng ông Lý Công Uẩn không có cha, mẹ là Phạm Thị đi chơi chùa Tiêu Sơn, nằm mộng ân ái với thần nhân, rồi thụ thai sinh ra Lý Công Uẩn. Khi Công Uẩn lên ba tuổi, bà đem cho sư ông trên chùa Cổ Pháp là Lý Khánh Vân làm con nuôi, bởi vậy mới lấy họ Lý. Công Uẩn

lớn lên vào Hoa Lư làm quan với nhà Tiền Lê đến chức Tả Thị vệ Điện tiền Chỉ huy sứ. Khi vua Lê là Lê Long Đĩnh mất, triều đình thấy nhân dân oán giận nhà Lê, tôn Lý Công Uẩn lên làm vua. Vua Lý Thái Tổ dời đô về Thăng Long và truyền ngôi được tám đời, cho tới đời Lý Chiêu Hoàng mới chuyển sang nhà Trần.

Nguyên vua thứ tám của nhà Lý là Lý Huệ Tông bị bệnh lại không có con trai nên sau khi trị vì được 14 năm thì truyền ngôi cho con gái thứ hai là Phật Kiên, tức là Chiêu Thánh công chúa. Công chúa lên ngôi lấy hiệu là Lý Chiêu Hoàng.

Chiêu Hoàng làm vua nhưng quyền chính ở cả trong tay Trần Thủ Độ. Muốn chiếm ngôi nhà Lý, Thủ Độ tìm cách cho cháu mình là Trần Cảnh lấy Lý Chiêu Hoàng.

Năm Ất Dậu (1225), Chiêu Hoàng nhường ngôi cho chồng và nhà Lý cũng mất từ đó.

Nhà Lý làm vua được tất cả 216 năm đã có công làm cho nước Nam trở nên cường thịnh.

Hội làng Đình Bảng hàng năm nhắc nhở cho dân ta công ơn nhà Lý với đất nước và một thời oanh liệt của dân tộc.

Hội Gióng và tục diễn lại sự tích Phù Đổng Thiên Vương phá giặc Ân

Ca dao có câu:

Mồng bảy hội Khám,

Mồng tám hội Dâu,

Mồng chín đầu đầu

Thì về hội Gióng.

Lại cũng có câu:

Mồng chín tháng Tư

Không đi Hội Gióng cũng hư một đời!

Hai câu ca dao trên chứng tỏ sự vui vẻ nhộn nhịp của Hội Gióng, có cả đền thờ Đức Phù Đổng Thiên Vương tục gọi là đức Thánh Gióng, người đã giúp vua Hùng Vương thứ VI phá tan quân của Thạch Lĩnh, tướng giặc Ân đã xâm chiếm nước Văn Lang.

Hàng năm vào ngày mồng 8 tháng Tư, tại đình làng Gióng, tên chữ là làng Phù Đổng, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh (Hà Bắc) có mở hội kỷ niệm ngài rất linh đình và trang trọng. Bốn xã thuộc tổng Phù Đổng: Phù Vực, Đồng Viên, Đồng Xuyên và Phù Đổng chung nhau tổ chức lễ kỷ niệm này với sự tham dự của xã Hội Xá thuộc phủ Gia Lâm ở bên kia sông Thiên Đức.

Hội đền Phù Đổng Thiên Vương tục gọi là hội Gióng rất vui với cuộc rước lịch sử, diễn lại trận đánh giặc Ân của đức Thánh Gióng nên được dân chúng miền Bắc bao giờ cũng nô nức kéo nhau đi xem đông như nước chảy. Không được đi xem hội Gióng một lần trong đời người, kể như đã "hư một đời".

Chút ít sự tích

Trước khi đi thăm hội Gióng ta hãy thử tìm hiểu đức Thánh Gióng là ai? Và công trạng ngài thế nào mà được nhân dân sùng bái, kính cẩn kỷ niệm như vậy.

Đây sự tích của ngài qua Việt Nam Sử Lược của Trần Trọng Kim:

"Đời vua Hùng Vương thứ VI, có đám giặc gọi là giặc Ân hùng mạnh lắm không ai đánh nổi. Vua mới sai sứ đi rao trong nước để tìm người tài giỏi ra đánh giặc giúp nước. Bấy giờ ở làng Phù Đổng bộ Vũ Ninh, nay

là huyện Võ Giàng tỉnh Bắc Ninh[1], có đứa trẻ xin đi đánh giặc giúp vua. Sứ giả về tâu vua lấy làm lạ, cho đòi vào chầu. Đứa trẻ ấy xin đúc cho một con ngựa và cái roi bằng sắt. Khi ngựa và roi đúc xong thì đứa trẻ ấy vươn vai một cái, tự nhiên người cao lớn lên một trượng, rồi nhảy lên ngựa cầm roi đi đánh giặc.

"Phá được giặc Ân rồi, người ấy đi đến núi Sóc Sơn thì biến mất. Vua nhớ ơn, truyền lập đền thờ ở làng Phù Đổng, về sau phong làm Phù Đổng Thiên Vương".

Và đây thần tích

Sự tích trên so với thần tích ghi tại đền làng Phù Đổng có đôi chỗ khác nhau. Trong thần tích có ghi thêm nhiều chi tiết rõ ràng hơn. Xin chép lại dưới đây qua bản tóm tắt bằng chữ Pháp của Ông NGUYỄN VĂN HUYỀN trong tập "LES FÊTES DE PHÙ ĐỒNG", xuất bản năm 1938 tại Hà Nội bởi hội Nghiên cứu Địa Dư Hà Nội với thêm những chi tiết truyền khẩu tại tổng Phù Đổng.

"Dưới đời vua Hùng Vương thứ VI, nước Văn Lang thực là thái hòa, thịnh trị. Nhà vua bỏ tục cống lễ nhà Ân bên Tàu. Thấy vậy, Ân chúa kiểm cố tuần du phương Nam để có ý xâm chiếm nước Nam.

Vua Hùng Vương lo ngại, họp triều đình bàn kế giữ nước. Một vị đại thần quý tâu: "Xin nhà vua cầu khẩn Long thần, thần sẽ chỉ bảo nhà vua." Vua nghe lời tâu, lập đàn tràng cúng lễ ba ngày liền.

Chợt giông bão nổi lên với mưa gió sấm sét. Tại ngã tư kinh thành hiện ra một ông già mình cao chín thước, đầu râu tóc bạc, nhảy nhót múa hát. Nhà vua triệu ông già tới đàn tràng dâng rượu thịt, ông già từ chối.

Hỏi tới quốc sự, ông già đáp:

"Ba năm nữa, giặc sẽ từ phương Bắc lại. Muốn diệt giặc nhà vua phải tìm người tài trong nước và hứa ban thưởng trọng hậu. Sẽ có thần nhân xuất hiện dẹp giặc."

Nói xong, ông già biến mất.

Ba năm sau, giặc Ân do Thạch Lĩnh, thái tử nước Ân đem quân xâm chiếm nước Văn Lang. Đại tướng nước Văn Lang là Lý Công Dật xuất quân cự địch, nhưng trước thế giặc mạnh, quân Văn Lang bị thua và Lý tướng quân tự sát chết.

Nhà vua chợt nhớ tới lời Long thần, sai sứ đi khắp trong nước để tìm người tài giỏi ra giúp nước.

Bấy giờ tại làng Phù Đổng có một lão trượng tuổi đã 60, cách đây ba năm, bà vợ có sinh ra một đứa con trai trong trường hợp rất kỳ lạ.

Nguyên sau một đêm mưa gió, bà lão ra vườn hái rau, để ý thấy một vết chân to lớn đã dẫm dẫm rau của bà. Vô tình bà đứng đè lên vết chân đó để hái những cây rau đã bị giày xéo về ăn. Từ đó, bà thụ thai, rồi sinh một con trai. Đứa con trai này, cho đến năm lên ba tuổi thì vẫn nằm ngửa, không biết nói không biết ngồi.

Khi nghe sứ giả nhà vua đi rao qua, bà mẹ nhìn con nói đùa: "Nhà vua đang cần tướng tài đánh giặc mà con nay mới lên ba, chưa biết cười biết nói, bao giờ con khôn lớn mà giúp nước phò vua?".

Bà mẹ vừa dứt lời, đứa bé bỗng bật ra lời nói, bảo mẹ mời sứ giả nhà vua tới.

Thấy con tự nhiên biết nói lại đòi mời sứ giả nhà vua, bà mẹ lấy làm ngạc nhiên, nhưng cũng ra thuật rõ chuyện cho sứ giả hay.

Sứ giả theo bà ta vào. Đứa bé bảo sứ giả về tâu vua đánh cho một con ngựa sắt và một chiếc roi sắt.

Sứ giả về tâu vua rõ mọi sự. Nhà vua mừng lắm cho đó là ứng lời Long thần dạy trước, liền sai đánh ngựa sắt, roi sắt cho đứa bé.

Trong khi sứ giả về tâu vua thì ở làng Phù Đổng, đứa bé lớn phổng lên, ăn uống tốn kém rất nhiều cơm thịt.

Sứ giả mang ngựa và roi tới. Đứa bé bảo mẹ thối cho một nồi ba mươi cơm, vươn vai đứng lên, ăn hết nồi cơm, cầm roi nhảy lên ngựa sắt, nhắm thẳng phía giặc đóng phi ngựa tới. Lúc đó, giặc đang đóng ở núi Châu Sơn huyện Tiên Du. Trước khi lên ngựa cậu bé nói: "Ta là Thiết Lũng thiên thần, giáng trần đi dẹp giặc."

Thiết Lũng thiên thần ra roi, ngựa sắt hét ra lửa, tới núi Châu Sơn phá tan quân giặc, giết được cả tướng giặc là Thạch Lĩnh và ba đại tướng khác.

Nội trong một ngày giặc tan. Còn lại 24 tướng giặc phải xin hàng.

Trong lúc ra quân, ngựa sắt luôn luôn hét ra lửa để đốt giặc. Hiện nay di tích những ngọn lửa vẫn còn ở làng Cháy tức là làng Phù Chấn, huyện Gia Bình tỉnh Bắc Ninh (Hà Bắc). Nơi đây ngựa thần đã đốt giặc, những cây bén lửa cũng cháy sém. Giống tre này nay mọc ở mấy tỉnh Bắc Ninh, Phúc Yên với những đốt trắng đen như vết cháy; đó là loại tre "đăng ngà" rất đẹp và bền được dân quê kén dùng chế tạo các vật dụng trong nhà. Giết giặc nhiều, chiếc roi sắt gãy, ngài phải nhổ tre dùng thay.

Giặc tan, ngài trở về làng Xuân Tảo, tỉnh Hà Đông, nơi Hồ Tây lội xuống tắm; sau đó ngài lại lên ngựa đi về tới núi Sóc Sơn tỉnh Phúc Yên, (Vĩnh Phú) thì biến mất.

Nhớ ơn ngài, vua Hùng Vương sai lập đền thờ tại làng Phù Đổng tức là làng Gióng và sắc phong cho ngài là Phù Đổng Thiên Vương. Dân chúng gọi ngài là Đức Thánh Gióng.

Hàng năm để nhớ ơn ngài, dân chúng hàng tổng mở hội diễn lại sự tích ngài đánh giết giặc Ân..."

Lộ trình đến đền Phù Đổng Thiên Vương

Làng Phù Đổng ở tả ngạn sông Đuống, còn gọi là sông Thiên Đức, cách thị xã Bắc Ninh 23 cây số về phía Đông Nam và cách Hà Nội 18 cây số về phía Đông Bắc.

Từ Hà Nội, muốn tới làng Phù Đổng, phải qua cầu Long Biên bắc ngang sông Hồng Hà, rồi theo quốc lộ số 1 đi về hướng Bắc Ninh, thẳng tới sông Thiên Đức.

Du khách phải qua cầu sông Thiên Đức, đi rẽ về phía tay phải, dọc theo bờ đê, một quãng già bảy cây số thì tới làng Phù Đổng. Nơi đây tại bờ đê vào mé bên trong, có một điểm canh dưới một gốc cây đa to lớn. Đó là điểm canh của làng Phù Đổng dùng để canh đê về vụ nước, và ngoài việc canh đê vụ nước, quanh năm, đêm đêm có tuần tráng canh gác giữ gìn an ninh cho dân làng.

Đứng trên bờ đê có thể trông thấy đền Thượng làng Phù Đổng, một ngôi đền rất đồ sộ, kiến trúc lối xưa. Đây là nơi thờ đức Phù Đổng Thiên Vương. Làng Phù Đổng còn một ngôi đền Hạ là nơi thờ đức Thánh Mẫu, thân sinh ra Thiên Vương.

Theo thần tích, ngôi đền thờ Thiên Vương xây từ đời Hùng Vương. Thực sự, ngôi đền này xây từ đời vua Lý Thái Tổ, nếu không cũng được tu sửa cho rộng lớn từ đó.

Nguyên trước khi làm vua, vua Lý Thái Tổ sống ở chùa Kiên Sơ về phía tây đền Phù Đổng. Những ngày tuần tiết ngài thường hay tới đền lễ và cầu xin với Thiên Vương về tương lai. Ngài đã được báo mộng cho biết là ngài sẽ làm vua và truyền được tám đời. Giấc mộng về sau ứng nghiệm. Vua Lý Thái Tổ đã cho sửa sang, xây to rộng ngôi đền hơn trước.

Ngay trước cửa đền có một hồ sen hình chữ nhật. Ở giữa hồ có ngôi nhà thủy tạ, xây trên một chiếc cồn, kiến trúc cũng theo lối rất xưa.

Cách ngôi đền này độ 700 thước là đền Hạ. Trong những ngày hội có rước từ đền Thượng tới đền Hạ.

Sửa soạn ngày hội

Hội đền Phù Đổng Thiên Vương là một hội rất lớn do bốn xã thuộc tổng Phù Đổng cùng tổ chức với sự tham gia của làng hội Xá, nên việc sửa soạn ngày hội cũng rất cần trọng, nhất là sửa soạn cho cuộc diễn lại thần tích: đức Thánh Gióng phá giặc Ân.

Như trên đã nói, tổng Phù Đổng bao gồm bốn xã Phù Đổng, Phù Dực, Đồng Xuyên, và Đồng Viên.

Trong bốn xã này thì hai xã Phù Đổng và Phù Dực được luân phiên cử chủ tọa đám hội. Hai xã Đồng Xuyên và Đồng Viên chỉ đóng vai phụ tá trong đám hội và chỉ được đóng vai quân lính do thám trong việc diễn lại thần tích.

Bốn xã trên, mỗi xã chia làm nhiều giáp:

Xã Phù Đổng có sáu giáp,

Xã Phù Dực có bốn giáp,

Xã Đồng Viên có ba giáp,

Xã Đồng Xuyên có hai giáp.

Mỗi giáp cũng gần tựa như một ấp hiện nay ở trong Nam. Việc chia giáp tại xã Phù Đổng hơi khác, là chia theo họ chứ không theo địa lý thôn ấp. Làng Phù Đổng có lối mười họ. Họ to nhất là họ Đặng Trần, tất cả đều thuộc giáp Đoài. Giáp Đông gồm tất cả những người họ Khổng. Các họ khác thuộc các giáp khác. Những họ nhỏ, hai ba họ phối hợp thành một giáp. Về địa lý, làng Phù Đổng chia ra làm nhiều ngõ: Ngõ Ban, Ngõ Phu, Ngõ Chợ, Ngõ Ngách v.v... mỗi ngõ có thể coi như là một thôn ngày nay ở miền Nam.

Trong số 15 giáp của bốn xã thuộc tổng Phù Đổng, mười giáp của hai xã Phù Đổng và Phù Dực sẽ luân phiên nhau chủ tọa ngày hội, đứng mâm bái trong những buổi lễ, nghĩa là làm Chủ Tế và chịu trách nhiệm về sự tổ chức hội.

Chính vì sự trách nhiệm này nên ngày hội đã được sửa soạn cẩn trọng lắm.

Quân tướng diễn trận

Hàng giáp phải cử lấy những người giữ các vai quan trọng trong cuộc diễn lại trận diệt giặc Ân. Những người này là các ông Hiệu, hiệu Cờ trông nom cờ lệnh, hiệu Chiêng điều khiển chiêng, hiệu Trống điều khiển trống. Ngoài ba ông Hiệu trên, còn một ông Hiệu Trung quân để phối hợp điều hoà sự tiến quân và hai ông Hiệu Tiểu Cốt để đi tiên phong thám thính quân giặc, do hai xã Đồng Viên và Đồng Xuyên cắt cử.

Tất cả các ông Hiệu đều tượng trưng các tướng chỉ huy quân đội của nước Văn Lang; trong các đám rước cũng như trong buổi diễn trận các ông đều có hai lọng che, trừ ông Hiệu Trung quân được đi bốn lọng vì cờ lệnh chính là linh hồn của cuộc điều binh khiển tướng.

Các ông Hiệu đều phải kén trong đám thanh niên từ 12 đến 26 tuổi. Có thể là những chàng trai đã lập gia đình rồi nhưng phải chay tịnh trong suốt thời gian sửa soạn cho đến hết ngày hội.

Đó là các tướng!

Có tướng thì phải có quân;

Quân được chọn trong dân đinh bốn xã từ 18 đến 36 tuổi họp thành 10 cơ, mỗi cơ gồm một cơ trưởng và 15 cơ binh.

Cơ trưởng và cơ binh đều ăn mặc giống nhau trong ngày hội.

Y phục gồm một chiếc khố đen thắt ngang bụng. Họ đeo bên sườn trái một chiếc túi bằng vải cũng màu đen, hình lưỡi liềm có điểm hoa. Dây đeo túi màu hoa cà vắt quàng qua vai phải. Họ ở trần hoặc phủ một khăn quàng chéo từ vai trái xuống sườn bên phải. Mỗi người đều cầm trong tay một chiếc quạt và đội một chiếc mũ tế màu đen có dát mặt gương óng ánh. Mũ cơ trưởng cũng giống mũ cơ binh, nhưng cơ trưởng được

quyền đội bên trong chiếc khăn lượt, mũ phủ bên ngoài. Cơ trưởng đi thêm đôi giày và mặc áo thụng xanh.

Và quân giặc

Trên là quân tướng nước Văn Lang, đòi vua Hùng Vương thứ VI. Quân tướng này cần có kẻ địch để giao tranh! Vậy kẻ địch đâu và kẻ địch là ai?

Kẻ địch là quân tướng nhà Ân được tượng trưng bằng 28 thiếu nữ tuổi từ 10 đến 13 do hàng tổng cử ra để đóng vai 28 viên tướng giặc Ân.

Tại sao lại kén các thiếu nữ?

Quân tướng nước Văn Lang xưa đã thắng giặc Ân phải là quân tướng hùng mạnh nên hàng tổng kén bọn trai tráng, còn quân tướng giặc Ân là lũ bại binh phải do phái yếu tượng trưng lại.

Trong 28 thiếu nữ đóng vai tướng giặc, mỗi giáp phải cử hai cô, trừ giáp chủ tọa được miễn vì đã phải cử nhiều các ông Hiệu và đã phải chịu trách nhiệm về việc tổ chức ngày hội.

Hai thiếu nữ đóng vai hai tướng chỉ huy luân phiên do sáu giáp làng Phù Đổng cử. Giáp nào đã đứng ra tổ chức ngày hội, nếu năm đó tới phiên phải đề cử hai thiếu nữ này, cũng được miễn, và giáp kế phải đề cử thay.

Tất cả 28 thiếu nữ đóng vai tướng giặc đều ăn mặc sặc sỡ và đeo đồ trang sức lộng lẫy.

Giáp chủ tọa lĩnh trách nhiệm

Ngày mồng 1 tháng 3 âm lịch mỗi năm, các vị chức sắc trong hàng tổng đều tề tựu tại đền làng Phù Đổng để làm lễ giao trách nhiệm cho giáp chủ tọa. Giáp này phải sửa lễ cáo thần để xin lĩnh số phân phối chức vụ, số này hàng năm vẫn để thờ tại đền.

Sau khi nhận số phân phối chức vụ rồi, hàng giáp họp bàn luôn mấy ngày hôm sau để đề cử các ông Hiệu, cắt đặt các nhân viên người nào

vào việc này, trong các buổi rước xách tế lễ cũng như trong ngày diễn lại thần tích.

Kể từ ngày mồng 6 tháng 3, các ông Hiệu phải chay tịnh, nhất là ông Hiệu cờ phải đặc biệt giữ gìn, ở riêng một nơi với người hầu hạ riêng.

Ngày rằm tháng 3 hàng giáp rước ra đền một lư hương và làm lễ trình diện các ông Hiệu với đức Thiên Vương, trước sự hiện diện của chức sắc trong làng tổng.

Sau lễ trình diện này, ông Thủ từ giao cho giáp tổ chức cờ lệnh, chiêng và trống.

Giáp đương sự lĩnh các tự khí này, long trọng rước về trụ sở giáp, chuyển giao cho các ông Hiệu để luyện tập cho thành thuộc dưới sự chỉ dẫn của các ông Hiệu năm trước.

Cũng trong buổi lễ trình diện này, ông Thủ từ giao cho các ông Hiệu Trung quân và Tiểu cổ của hai xã Đồng Viên và Đồng Xuyên ba chiếc trống khâu sẽ dùng trong buổi diễn trận để các ông cùng dự việc luyện tập với các ông Hiệu Cờ, Chiêng và Trống.

Cờ lệnh bằng lụa màu lòng đỏ trứng gà, nghĩa là đỏ ngả sang vàng, rộng ba tấc rưỡi và dài bảy vuông, bảy lần ba tấc rưỡi. Cờ do giáp chủ tọa may và đây chính là cờ đức Thánh Gióng dùng trong ngày diễn trận.

Ông Hiệu Cờ sẽ phất cờ này và sau đó sẽ lưu thờ tại đền Thượng cho đến rằm tháng Ba năm sau lại giao cho giáp chủ tọa mới. Như vậy mỗi năm thay cờ lệnh một lần. Cờ năm trước ông Hiệu Cờ năm sau dùng để luyện tập trước ngày diễn trận.

Thảo lệnh từ

Cờ lệnh không phải cứ may xong là đem dùng ngay. Để phân biệt với những lá cờ khác, trên cờ sẽ có chữ "LỆNH" do một tay văn tự viết lên. Giáp chủ tọa trong mấy ngày đầu tháng tư sẽ lựa một ngày tốt, mời một

bậc đại khoa nếu có, bằng không cũng phải mời một tay văn học tới viết chữ "LỆNH" này với sự chứng kiến của tất cả các ông Giáp trưởng bốn xã trong hàng tổng.

Để tháo chữ "LỆNH" này, phải dùng bút mới, mực mới loại tuyệt phẩm.

Miếu

Ngày mồng 7 tháng Tư, hàng giáp làm lễ rước cờ lệnh tới miếu giáp. Cờ may vào cán, quấn lại, đựng trong một chiếc túi màu đỏ thêu long phượng. Trong túi này, hàng giáp đặt vào một trăm tờ giấy trắng, một nghìn con bướm giấy các màu và tới 60 gói trầm nhỏ.

Tất cả các túi như vậy gọi là MIẾU.

Hàng giáp theo ông Hiệu Cờ rước Miếu tới đền Mẫu.

Diễn trận

Kể từ ngày mồng 6 đến ngày 12, nước Văn Lang coi như đang bị họa xâm lăng.

Trước thời gian này, mọi việc luyện tập của các ông Hiệu và của các Cơ trưởng, Cơ binh đều đã hoàn tất.

Đền Thượng và đền Hạ đã được quét dọn lại, các tự khí lau chùi lại sạch sẽ.

Dàn hàng tổng chỉ còn chờ sự diễn trận và du khách tứ xứ tới xem hội cũng chỉ mong được chứng kiến sự diễn trận.

Quân giặc

Quân giặc chính là 28 thiếu nữ từ 10 đến 13 tuổi được dân hàng tổng cử ra như trên đã nói.

Ngày mồng 8 tháng Tư hàng tổng đi kiểm soát lại đoàn quân giặc.

Tuy ngày mồng 8, hàng tổng mới kiểm soát lại đoàn quân giặc, nhưng thực sự cuộc diễn trận đã được sửa soạn từ ngày mồng 6, 28 tướng giặc với 28 cỗ kiệu đã sắp sửa sẵn sàng, và các cô thiếu nữ trong ngày mồng tám này được phấn son trang điểm với những đồ nữ trang lộng lẫy khiến vẻ ngây thơ của các cô càng được khách xem hội thập phương ngắm nghía. Các cô đều ngồi kiệu và có lọng che.

“Ai ơi mừng chín tháng tư

Không đi hội Gióng cũng hư một đời”

Thực ra ngày mồng 9 chỉ là ngày có cuộc diễn trận. Hội gồm nhiều ngày với nhiều trò vui. Diễn trận là chủ chốt và là cuộc vui độc đáo nhất của mấy ngày hội.

“Mồng bảy hội Khám,

Mồng tám hội Dâu,

Mồng chín đâu đâu,

Thì về hội Gióng!”

Hai làng Khám và làng Dâu cũng thuộc huyện Vũ Ninh trước, hàng năm có mở hội vào hai ngày mồng 7 và mồng 8. Dân chúng trong hạt, sau hai ngày trên, xem hội tại hai làng Khám và Dâu, đến ngày mồng 9 kéo nhau về hội Gióng xem cuộc diễn trận.

Những nghi lễ trước ngày mồng 9 tháng 4

Như trên đã nói, cuộc diễn trận được sửa soạn từ ngày mồng 6 tháng Tư. Ngay từ 3 giờ chiều hôm mồng 6, dân làng đã cử hành một đám rước tới GIẾNG trước đền Mẫu, tức là đền Hạ, để lấy nước lau rửa tỳ khí dùng trong việc diễn trận.

Nước đựng vào hai chước sứ. Hai mươi bốn quân sĩ của Phù Đổng Thiên Vương sắp hàng hai theo bậc Giếng từ trên bờ tới mặt nước để lấy nước.

Người cơ binh đứng ở bậc Giếng cuối cùng, sát mặt nước, múc nước vào một chiếc gáo đồng rồi chuyền cho người đứng cùng hàng với mình ở trước mặt.

Người này nhận gáo nước rồi chuyền lại cho người đứng ở trước mặt mình bên bậc trên, đứng kế bên người vừa chuyền cho mình...

Cứ lần lượt như vậy, gáo nước được chuyển theo đường chữ "CHI" cho tới miệng Giếng đến tay người đứng bên chước sứ. Người này đổ nước vào chước, lọc qua một miếng vải điều theo hiệu lệnh Cơ trưởng. Cơ trưởng mặc áo thụng xanh và đánh Kiếng để ra lệnh cho người cơ binh đổ nước vào chước.

Tự khí được rửa bằng nước đã lọc đựng trong chước sứ ở ngay sân đình.

Ngày mồng 7 vào cuối giờ Ty, cờ lệnh được rước từ đền Mẫu đến đền Thượng, và buổi chiều và lúc giờ Mùi, hàng tổng đi kiểm soát lộ trình từ đền đến bãi trận. Có điều gì khiếm khuyết lập tức phải sửa chữa và bổ khuyết ngay.

Cuộc diễn trận chính thức

Vào giờ Ty ngày mồng 9, có lễ tế cờ tại đền. Ông Thủ chỉ giáp chịu trách nhiệm về tổ chức chủ toạ lễ này. Có mổ trâu giết bò. Các ông Hiệu kiểm soát lại nhân số của mình.

Mọi người đều sẵn sàng để xuất trận.

Lúc đó quân giặc, 28 thiếu nữ đóng tướng nhà Ân, đóng dinh tại Đồng Đàm, một khoảng đất ở ven đê sông Thiên Đức, giữa khoảng con đê mới ngày nay và con đê cũ ngày xưa thuộc địa phận xã Đồng Viên. Các cô thiếu nữ ngồi trên kiệu, những chiếc kiệu lộng lẫy, chung quanh có bà con và các cô gái làng xóm lại trang điểm cho các cô.

Vào lúc cuối giờ Ngọ, quân thám thính tới đền Thượng báo tin quân giặc đã cắm dinh trại tại xã Đồng Viên.

Tiếng nổi hiệu báo động. Các ông Hiệu và quân lính tề tựu tại đền hô to khẩu hiệu "TUÂN LỆNH". Người người rút binh khí ra khỏi giá rồi đứng đợi lệnh ở sân đình.

Các ông Hiệu vào lễ thần, đoạn cầm những tự khí mình phụ trách, người trống kẻ chiêng, người cờ lệnh, kẻ trống khẩu đứng sắp hàng trước bàn thờ.

Khúc quân ca và điệu múa Lào

Lúc đó ban múa Lào của làng Hội Xá ở bên kia sông đã được cử sang để hát khúc quân ca liền vào làm lễ múa và ca.

Ban này gồm 20 người, một người đóng vai ông Cọp tượng trưng cho sức mạnh tới trước bàn thờ lễ phủ phục, còn mười chín người đóng giả người Lào múa hát, điệu múa theo giọng hát.

Dưới đây là khúc quân ca hàng năm ban hát làng hội Xá vẫn ca múa trước bàn thờ, khúc hát này theo dân làng Phù Đổng thì có từ đời nhà Lý, và ban hát làng Hội Xá vẫn vừa hát vừa đánh phách theo điệu múa:

"Thứ sáu là Hùng á Vương

Nhớ á xưa là nhớ á xưa

Thứ sáu là Hùng á Vương

Hai mà mười là tám á tướng

Tướng tướng cường là nữ á hung

Tướng tướng công là nữ á hung

* *

*

Xâm á thương là xâm á thương

Cậy thế là là khoe á hùng

Quân mã sang sang là là đóng mà chặt

Một vùng là là Vũ á Ninh

Một vùng là là Vũ á Ninh.

** **

Thánh thánh tướng là là giáng á sinh

Trời á sai là là trời á sai

Thánh thánh tướng là là giáng á sinh

Giáng mà về là là Phù mà Đổng

Ấn ấn hình là là ai á hay

Ấn ấn hình là là ai á hay

Ba ba tuổi là thơ á ngậy.

Mới á lên là là mới á lên

Ba ba tuổi là là thơ á ngậy

Nghe mà vua là là cầu mà tướng

Ngày ngày rầy là ra á quân

Ngày ngày rầy là ra á quân.

Phán phán bảo là ân á cần

Gọi mà sứ là là gọi mà sứ

Phán phán bảo là là ân á cần

Hươm[2] mà vàng là là ngựa mà sắt

Đề đề binh là là tức á thì.

Đề đề binh là là tức á thì.

Khi khi ấy là là ra á uy

Thánh á vương là là thánh á vương

Khi khi ấy là là ra á uy

Thánh á vương là là thánh á vương

Khi khi ấy là là ra á uy

Thánh á vương là là thánh á vương

Khi khi ấy là là ra á uy

Nửa mà chiều là là sấm mà sét

Tức tức thì là là giặc á tan

Tức tức thì là là giặc á tan

Cối còi lại là là Linh á sơn

Áo á nhung là là áo á nhung

Cối còi lại là là Linh á sơn

Thoát mà đà là là thoát là nợ

Trần trần hoàn là là lên á tiên.

Đẹp đẹp nước là là đã á yên

Giúp á vua là là giúp á vua

Đẹp đẹp nước là là đã á yên

Ức á niên là là ức á niên

Hương hương lửa là là phụng á thờ

Quốc mà dân là là khang mà thái

Đời đời nhờ là là Hùng mà Long

Đời đời nhờ là là Hùng mà Long.

Bài hát này từ đời nhà Lý, hàng năm mỗi lần Hội lại là một lần được hát lại.

Tiến quân

Khúc quân ca vừa hát dứt, ba hồi chiêng trống nổi lên và cuộc tiến quân khởi hành. Đoàn ca vũ làng Hội Xá cũng dự cuộc tiến quân này.

Mở đầu là 12 trẻ em mặc áo dài sắc sỡ, tay cầm roi mây đi trước hai ông Hiệu Tiểu Cỗ. Kế đó là ông Cọp dẫn đoàn ca vũ làng Hội Xá, rồi đến các ông Hiệu Chiêng, Hiệu Trống và Hiệu Trung Quân. Ông Hiệu Cờ vác "cờ lệnh" đi sau. Các cờ binh kéo bạch mã đi liền với cờ lệnh. Cuối cùng là cờ binh mang hòm sắc và hòm y phục của Thiên Vương.

Quân lính đi dàn hai bên.

Mọi người chạy ủa tới trận địa trên quãng đường đê dài chừng ba cây số. Khi chạy qua đền Mẫu họ đều dừng lại và nghiêng đầu làm lễ.

Độ khoảng cuối giờ Mùi đoàn quân tiến tới trận địa qua xã Đồng Viên.

Địch quân lúc đó cũng bố trận dàn binh chờ đoàn quân của nước Văn Lang.

Mặt trận sơ sài lắm. Dưới chân đê có một hồ sen. Địch quân chiếm đóng nơi hồ. Quân Phù Đổng Thiên Vương tiến chiếm bên bờ hồ bên này, có một khoảng đất trống với nhiều mô nhỏ. Có ba chiếc chiếu đã trải sẵn ở giữa những mô đất này.

Giữa mỗi chiếc chiếu có một chiếc bát úp trên một tờ giấy: CHIẾU TƯỢNG TRUNG CHO CÁNH ĐỒNG, BÁT CHO ĐỒI NÚI, TỜ GIẤY CHO MÂY.

Hàng tổng đã dựng trước một bàn thờ ở bên trong khoảng đất thuộc xã Đổng Viên, dưới chân con đê cũ. Khi đám rước đi tới đây, con ngựa được dẫn tới trước bàn thờ, khí giới cờ quạt kéo lên và các ông Hiệu Chiêng, Trống, Tiểu Cổ và Cờ tới đứng bên những chiếc chiếu.

Giao phong

Sau nửa giờ nghỉ ngơi tại mặt trận, cuộc giao phong khai diễn vào đầu giờ Thân.

Ông Hiệu Cờ tới đứng trước chiếc chiếu thứ nhất ở gần bên bàn thờ. Lúc đó các ông Hiệu đều xắn tay áo thụng, vạt buộc ra sau lưng. Ông Tiên chỉ xã Phù Đổng với ông Thủ từ trương cờ lệnh lên. Cờ này từ trước vẫn đựng trong chiếc túi đỏ thêu Long Phượng. Rồi những con bướm sặc sỡ và những gói trầm được tung ra. Dân chúng và khách trẩy hội xô nhau cướp để lấy phước. Ông Thủ từ bao giờ cũng giữ lại một phần bướm cũng như trầm để chia cho dân trong tổng.

Cờ lệnh đã trương lên, ông Hiệu Cờ tiếp lấy rồi tiến lên ba bước, bước chân trái sang bên trái, chân phải sang bên phải đoạn ông dùng "chân phải khều lấy chiếc bát và tờ giấy", động tác này có ý nghĩa sự tiến quân vượt qua mây núi. Rồi ông đứng ở giữa chiếc chiếu, hai chân chụm vào nhau. Ông nhảy lên hai lần, sau đó ông quỳ gối bên phải xuống chiếu, bàn chân trái dẫm ra đằng trước như hình chữ "LỆNH". Hai tay ông phất cờ lệnh từ phải sang trái, xoay mình ba lần. Dân chúng dự cuộc lúc đó mỗi lần ông xoay mình lại đếm theo.

Ông đứng lên lùi khỏi chiếc chiếu. Lập tức mọi người nhảy xô tới cướp lấy xé chiếc chiếu. Họ tin những mảnh chiếu mang may mắn cho họ, và những người hiếm con cướp được mảnh chiếu có thể thấy được tin mừng.

Ông Hiệu Cờ nhắc lại các động tác trên hai lần nữa trên hai chiếc chiếu còn lại, và khi chiếc chiếu thứ ba được dân chúng xâu xé chia nhau hết quân giặc cũng tan, các tướng giặc cũng rút lui hỗn loạn. Kiệu của các cô thiếu nữ được rước về làng Phù Đổng.

Quân của Thiên vương đại thắng khải hoàn về đền Mẫu. Con bạch mã được dẫn tới trước đền lưng mang quần áo và mũ mấn của Thiên Vương.

Một tiệc lớn khao quân diễn ra ngay trước cửa đền.

Quân giặc trở lại

Các tướng giặc tuy rút lui hỗn loạn, nhưng lại đã thu thập tàn quân kéo tới tận làng Phù Đổng! Chính vì ông Hiệu Cờ đã múa cờ ngược nên không thắng hẳn được quân giặc.

Đoàn do thám xã Đông Viên tới cấp báo là quân giặc trở lại: Lập tức các tướng sĩ bỏ dở tiệc khao quân để xông pha ra trận tiền.

Các tướng giặc dàn trận giữa đền Thượng và đền Mẫu. Quân của Thiên vương kéo qua trận tuyến của giặc. Mỗi lần ông Hiệu Cờ vác cờ lệnh qua đám tướng giặc, dân hàng tổng lại đốt một quả pháo lớn.

Trận tái chiến diễn ra ở bãi Sòi Bia thuộc làng Phù Đổng. Ở đây cũng lại có ba chiếc chiếu như ở Đồng Đàm.

Ông Hiệu Cờ nhắc lại những động tác cũ ba lần trên ba chiếc chiếu, nhưng lần này ông xoay mình từ trái sang phải để múa thuận lá cờ thành chữ "LỆNH": như vậy lệnh của Thiên Vương phá tan hẳn quân giặc. Ba chiếc chiếu cũng lại được mọi người tranh nhau xé cướp.

Lần này quân giặc thua hẳn. Các tướng giặc quỳ xuống xin hàng. Ông Thủ từ từ dùng hai thanh kiếm của hai tướng chỉ huy quân giặc, lột mũ áo của hai người này, tượng trưng cho sự hành quyết. Còn các tướng khác đều được hưởng sự khoan hồng.

Lúc này, quân tướng của Thiên Vương đã trở lại bữa tiệc khao quân dở dang lúc trước.

Trời vừa tới.

Thiên hạ thái bình

Ngày hôm sau, mồng 10 tháng 4, hàng tổng duyệt lại đạo binh thắng trận. Các khí giới được kiểm soát lại. Hàng tổng lại làm lễ trước đền. Có mổ bò, mổ lợn. Quân sĩ lại được khao thưởng.

Các tướng giặc đầu hàng mang tới triều kiến Thiên Vương cũng được thết tiệc.

Thế là "Thiên Hạ Thái Bình".

Sau ngày diễn trận

Ngày 11 tháng 4, hàng tổng lại tổ chức rước nước để rửa lại khí giới và đồ thờ đã dùng trong việc chiến trận. Và có nhiều trò vui cho khách thấy hội thưởng thức: đánh vật, hát chèo và có cô đầu hát thờ.

Ngày 12 tháng 4 lại có lễ rước để các chức sắc đi kiểm soát lại các chiến địa tai hại nơi Đồng Đàm và Sòi Bia. Cờ trắng trương lên đầu đường, chứng tỏ quân giặc đã quy hàng.

Buổi chiều tại đền Thượng lại có hát thờ.

Nhất thiên nhất lệ

"Ai ơi mồng chín tháng tư,

Không đi hội Gióng cũng hư một đời!"

Hội năm nay qua, dân hàng tổng xã nào về xã nấy để năm sau, ngày hội tới, hội lại được tổ chức linh đình không kém chi năm trước, để ghi công một bậc anh hùng đã cứu dân cứu nước.

Dân chúng Vũ Ninh nghiệm rằng cứ ngày mồng 8 tháng 4 có mưa. Người ta bảo đây là mưa rửa đền và rửa các tỵ khí. Dân chúng cũng lại nghiệm thêm năm nào có mưa như vậy thì được mùa, năm nào mất mưa thì mất mùa. Bởi vậy, tại địa phương có câu ca dao:

"Mồng tám tháng tư không mưa

Bỏ cả cày bừa mà vất lúa đi. "

Ta hãy bỏ phần hoang đường trong câu chuyện, ta sẽ thấy rằng hồi đó đã có một vị tướng tài, có lẽ đã dùng xe thiết mã giống như loại xe gỗ có máy thời Tam Quốc của Khổng Minh và thiết côn trừ kẻ xâm lăng. Chính vị tướng tài này là Phù Đổng Thiên Vương, về sau đã được dân ta thần thánh hóa để tỏ lòng tôn trọng.

Nhắc lại mấy dòng lịch sử oanh liệt thuộc thời tiền sử của chúng ta còn ghi trong Đại Nam Quốc sử Diễn ca của các ông LÊ NGÔ CÁT và PHẠM ĐÌNH TOÁI:

"Sáu đời Hùng vận vừa suy,

Vũ Ninh ló giặc mới đi cầu tài.

Làng Phù Đổng có một người,

Sinh ra chẳng nói chẳng cười trơ trơ.

Những ngờ oan trái bao giờ.

Nào hay thần tướng đợi chờ phong vân.

Nghe vua cầu tướng ra quân,

Thoắt cười, thoắt nói muôn phần khích ngang.

*Lời thưa mẹ, dạ cần vương,
Lấy trung làm hiếu một đường phân minh.
Sứ về tâu trước thiên đình,
Gươm vàng ngựa sắt tề binh tiến vào;
Trận mây theo ngọn cờ đào,
Ra uy sấm sét nửa chiều giặc tan.*

*Áo hung cỡi trước Linh Sơn
Thoắt đà thoát nợ trần hoàn lên tiên.
Miếu đình còn dấu cố viên,*

Chẳng hay chuyện cũ lưu truyền có không?"

Chuyện cũ có hay không, điều đó không quan trọng, chỉ biết từ đời Hùng Vương tới nay, dân ta hàng năm có lễ kỷ niệm một vị anh hùng, dù đây là người thật hay người của tưởng tượng, vị anh hùng này theo tục truyền lại đã tận trung phò vua giúp nước, nêu gương sáng cho đời sau.

Và để kết luận bài này, xin mời bạn đọc qua một đoạn thơ tả cuộc dẹp giặc của Phù Đổng Thiên Vương trích trong một tập ANH HÙNG CA VIỆT NAM:

*"Giặc Ân cậy tướng anh hùng,
Là người Thạch Lĩnh bạo hung khác người.
Dân lành hấn chẳng thương ai,
Máu người khác chảy trò cười hấn vui;
Ra tay đột phá trời bời,*

Tướng nào binh ấy một loài vô nhân.

Thạch Lĩnh ra lệnh tiến quân,

Ào ào như gió chiếm dần Văn Lang.

Đúng là một lũ sài lang,

Chỉ chuyên giết hại tham tàn cùng nhau.

Muốn dân chịu họa thâm sâu,

Đặng cay điếu đứng khổ đau muôn vàn.

Cầu trời cho giặc chóng tan,

Nước nhà thịnh trị bình an dân lành.

Kể từ có nạn đao binh,

Thiệt tiền, thiệt của sinh linh tươi bời.

Đang khi quân giặc cậy tài,

Thì thần Thiết Lũng tới nơi trận tiền.

Phóng roi, ngựa sắt thét lên,

Khói phun lửa bốc ngai liền ra uy.

Ngọn roi theo lốt ngựa phi,

Giặc Ân chạm tới hồn lìa cõi dương.

Sức thần tỏ mặt phi thường,

Giặc Ân lớp lớp chiến trường phơi thây,

Máu tuôn ra cánh đồng đầy,

Lại thêm lửa đốt mặt mày sém se!
Tướng An hùng dũng tướng chi
Gặp tay thần tướng sức gì đảm đương!
Hỡi ơi! Thạch Lĩnh can trường,
Roi thần cũng giết sạch phường ác tham!
Ngọn roi giết giặc bạo tàn,
Dùng nhiều roi cũng gãy tan không còn.
Thây quân giặc chất như non,
Tan tành giặc chết thỏa hồn dân ta.
Thiên thần đuổi giặc không tha,
Gãy roi nhổ gốc tre già dùng thay!
Một cây rồi lại một cây,
Không ngừng tre nhổ liền tay dục đường.
Giặc Ân nát thịt gãy xương,
Tiếng rên, tiếng khóc âm vang góc trời!
Khen thay ngựa sắt cũng tài,
Luôn luôn tiếng hí không ngơi vó thần.
Lửa hùng thiêu giặc nhà Ân,
Vó câu lồm đất vết chân in hình.
Giặc Ân nào tướng nào binh,

Chạy như vỡ tổ thất kinh hãi hùng.
Thiên thần giết giặc đã xong,
Đường về ruổi ngựa ung dung thư nhàn.
Thần về đến núi Sóc Sơn,
Thuộc Kim Anh huyện nay còn dấu ghi;
Cả người lẫn ngựa biến đi,
Giặc tan còn lại dư uy muôn đời.
Văn Lang non nước yên rồi,
Vua Hùng nhớ tới ơn người hữu công,
Sắc vàng bốn chữ tặng phong:
THIÊN VƯƠNG PHỤ ĐỒNG tạ lòng thần linh.
Nước non từ thuở thanh bình,
Muôn dân lạc nghiệp quang vinh thuận hoà..
Thái bình thiên hạ âu ca,
Ởn người dẹp giặc nước nhà không quên.
Tháng tư mừng chín đệ niên,
Tại làng Phù Đổng hội truyền trong dân.
Tích xưa diễn lại một lần,
Năm năm tưởng nhớ tinh thần vũ uy.
Gương xưa anh dũng còn ghi,

Lòng người dân Việt quyết thề noi theo.

Trải qua suy thịnh đã nhiều,

Dân Nam lắm thứ đã treo gương vàng.

Bao lần chống cự Bắc phương,

Xứng dòng Phù Đổng Thiên Vương nước nhà!

[1] Làng Phù Đổng sau tách khỏi huyện Võ Giàng, thuộc huyện Tiên Du (Bắc Ninh) Hà Bắc.

[2] Gươm

Hội đền tướng quân Đoàn Thượng ở Bần Yên Nhân

Ai đã có dịp đi từ Hà Nội tới Ninh Giang (Hải Hưng) ắt biết thị trấn Bần Yên Nhân.

Bần Yên Nhân là một thị trấn sầm uất và có đền thờ tướng quân Đoàn Thượng, còn được tôn là Đông Hải Đại Vương[1], một trung thần và là một dũng tướng đời vua Lý Huệ Tôn.

Tướng quân Đoàn Thượng người làng Hồng Thị, huyện Đường Hào, tỉnh Hải Dương (Hải Hưng) là một người rất khỏe có sức địch muôn người, được vua Lý Huệ Tôn giao cho trọng trách trấn giữ đất Hồng Châu, một khu vực ven sông Hồng Hà.

Sau khi vua Lý Huệ Tôn đi ở chùa, Lý Chiêu Hoàng làm vua được ít lâu rồi nhường ngôi cho chồng là Trần Cảnh tức là vua Trần Thái Tông. Đoàn Thượng không phục nhà Trần, vua Trần cho người chiêu dụ, nhưng tướng quân nhất quyết không chịu theo Trần. Tướng quân chỉ biết có nhà Lý, không biết tới nhà Trần, mặc dầu vua Trần hứa phong vương và gả công chúa.

Trước ý chí cương quyết của tướng quân, Trần Thủ Độ cho quân đến đánh nhưng không thắng, phải tìm kế giảng hòa rồi ngầm sai quân đánh đồn hai mặt để phá quân của Ngài.

Bị đánh bất thần, lại bị lưỡng đầu thụ địch, quân của Ngài bị thua, và chính Ngài bị một tướng nhà Trần chém một nhát vào cổ gần đứt đầu tại địa hạt thôn Đông Đạo xã Yên Phú tỉnh Hưng Yên (Hải Hưng) bây giờ.

Bị chém, Ngài liền cởi dây lưng buộc cổ cho khỏi rơi đầu rồi hằm hằm tế ngựa đánh giết quân Trần, ngựa Ngài đi tới đâu, quân Trần sợ hãi phải tránh tới đó.

Khi ngựa Ngài chạy tới làng Yên Nhân, Bần Yên Nhân ngày nay, Ngài gặp một ông cụ già mũ áo chững chạc, đứng bên đường chào Ngài và nói rằng:

"Tướng quân trung dũng lắm. Thượng đế đã kén tướng quân làm thần xứ này. Có một cái gò ở bên cạnh làng kia, chính là nơi hương hỏa của tướng quân, xin tướng quân để tâm cho."

Nghe cụ già nói, Đoàn tướng quân vâng lời, cho ngựa đi thẳng tới chỗ gò đó, xuống ngựa, nằm gối đầu lên mác một lúc thì chết. Liên ngay đó, mối đùn đất lên thành ngôi mộ của Ngài.

Nơi đó là làng Yên Phú. Dân làng này lập miếu thờ Ngài có tô tượng tạc bia, nhưng về sau nước lụt, đền miếu bị cuốn đổ Tượng của Ngài trôi về xã Yên Nhân, xã này lập đền bên bờ sông Hồng Giang để thờ Ngài.

Ngài hay hiển linh giúp đỡ dân chúng, dân chúng rất ghi ơn Ngài.

Triều Nguyễn, Ngài được phong là **BẢO QUỐC HÀ DÂN NHẤT ĐẰNG THẦN**.

Hồng Hà nữ sĩ Đoàn Thị Điểm, có đôi câu đối treo ở đền Ngài.

Thanh miếu tuế thời hương, lãng cốc bất khai canh hoàn cục.

Hồng châu kim cổ lộ, cương thường sức khởi vãng lai nhân;

Đôi câu đối này Nhật Nham Trịnh Như Tấu trong Hưng Yên địa chí đã dịch:

Khói hương thanh miếu ngạt ngào, trời trắng gió nêu cao nền tiết nghĩa

Đường sá Hồng châu đi lại, khách gần xa trông rõ cột cương thường.

Nhất niên nhất lệ, hàng năm ngày 11 tháng 4 âm lịch, tại đền thờ ngài có mở hội. Dân chúng Bần Yên Nhân nô nức đi xem hội và làng Yên Phú năm nào cũng cử một nhóm người thay mặt dân xã tới yết lễ trong dịp này.

Hội có tế lễ rước xách theo tục lệ cổ truyền. Có đánh cờ bỏi và cũng như ở các đền miếu khác, có các ông Đồng bà Bổng tới lên đồng hầu bóng. Khách thấy hội, lễ thần rồi xin thẻ.

Dân chúng các nơi kéo nhau tới hội này đông lắm, nhất là dân chúng vùng Hưng Yên.

[1] Hưng Nhượng Vương, con trai Hưng Đạo Vương cũng được tôn là Đông Hải Đại Vương

Hội đền Chèm

Làng Chèm ở tả ngạn sông Hồng, ngay trên con đường liên tỉnh Hà Nội đi Phúc Yên, thuộc địa phận huyện Đông Anh tỉnh Phúc Yên (Vĩnh Phú).

Tại đền Chèm có đền thờ ông Lý Ông Trọng.

Vài nét về ông Lý Ông Trọng

Lý Ông Trọng là người Việt Nam nhưng làm tướng nước Tàu thời vua Tần Thủy Hoàng. Lý Ông Trọng có công đánh giặc Hung Nô rất được vua Tần tin mến và được phong làm Phục Tín Hầu.

Tại đền có pho tượng của Ngài rất lớn, to hơn tầm vóc người ta ngày nay. Tương truyền rằng ngày xưa Lý Ông Trọng to lớn như vậy nên rợ Hung Nô trông thấy bóng Ngài phải sợ.

Khi về già, Lý Ông Trọng được vua Tần cho trở lại quê nhà, lúc chết dân làng Chèm lập đền thờ.

Ngày hội

Hội làng Chèm mở vào ngày rằm tháng Năm. Lúc này hội hè đã hết ở các nơi khác nên hội làng Chèm rất được nhiều người quanh vùng kéo nhau tới dự. Địa thế gần Hà Nội của làng Chèm càng khiến cho hội thêm đông khách với những người ở Thủ đô dắt nhau tới. Hội kéo dài ba ngày.

Ngày hội có nhiều cuộc vui trong đó có đánh đu, thả chim thi, đánh vật, hát chèo, đánh cờ...

Cũng rước xách tế lễ như các hội nơi khác, nhưng ở đây có đám rước tượng thần xuống sông Hồng Hà để làm lễ mộc dục là đặc biệt.

Tượng thần to lớn, lúc rước các thanh niên trong làng phải xúm nhau vào khiêng và để cuộc rước được dễ dàng, ông tiên chỉ hàng năm phải làm lễ

khấn Ngài để Ngài phù hộ cho bức tượng được nhẹ đi.

Sở dĩ tượng Ngài được rước xuống sông để tắm là vì theo lời truyền lại, khi ở Tàu về, sống ở làng Chèm, hàng ngày Ngài thường xuống tắm ở sông Hồng Hà. Bởi vậy để kỷ niệm việc tắm sông xưa kia của Ngài, dân làng rước tượng Ngài xuống sông để Ngài tắm như lúc sinh thời.

Sau lễ tắm ở sông, dân làng lại rước tượng ngài về đình cúng tế. Dân làng cắt những bộ quần áo giấy thật to lớn để tế Ngài.

Trong ngày hội, những thanh niên trong làng còn tận được kén để đáp thuyền ra giữa dòng sông Hồng Hà, mức nước trong về tế Ngài.

Những cuộc tế lễ theo nghi thức cổ truyền rất vui, và dân làng cũng hoan hàng năm mở hội kỷ niệm ngài. Hội càng mở to, càng linh đình bao nhiêu, năm đó dân làng càng làm ăn phát đạt chừng ấy.

Dân làng sùng kính Ngài lắm. Ngày hội, người ta nghỉ cả mọi việc để dự các cuộc tế lễ và rước xách.

Hội lăng ông với húy nhật Tả quân Lê Văn Duyệt

Nói tới các danh thần triều Nguyễn, thời vua Gia Long khai sáng lại có công ơn với dân chúng miền Nam, đã từng đối nguy làm an, đem lại thịnh vượng phú cường cho toàn cõi, phải kể tới Tả quân Lê Văn Duyệt, Gia Định thành Tổng Trấn, trải thờ hai đời vua, luôn luôn một dạ trung thành, lo cho dân, nghĩ đến đất nước.

Ngài mất ngày 30 tháng 7 năm Nhâm Thìn (1823). Nhân dân đã lập đền thờ Ngài và hàng năm đến húy nhật của Ngài, không ai quên, người ta tấp nập tới lễ Lăng Ông, nơi có mộ và đền thờ Ngài để tỏ lòng sùng kính. Và chính hai tiếng Lăng Ông, cũng là hai tiếng gọi cung kính đối với Ngài.

Lăng Ông

Lăng Ông ở đâu?

Đã là dân Sài Gòn và Gia Định không ai là không biết Lăng Ông. Lăng Ông xây trên địa phận xã Bình Hòa, tỉnh Gia Định, ở ngay tỉnh lỵ, bên kia cầu Bông, cách cầu chừng 600 thước, trên đường Lê Văn Duyệt, thị xã Gia Định (nay thuộc P.1, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh).

Lăng Ông chiếm một khu đất rộng lớn giữa bốn con đường: Đại lộ Lê Văn Duyệt (Đinh Tiên Hoàng) bên phía hữu, đường Trịnh Hoài Đức bên phía tả, đường Châu Văn Tiếp ở trước mặt và đại lộ Chi Lăng (Phan Đăng Lưu) ở sau lưng.

Khu đất này vuông vắn đẹp đẽ, mặc dầu Ty Bưu điện hàng tỉnh có chiếm mất một khoảng nhỏ đằng sau về phía trái.

Từ Sài Gòn đi tới phải đi qua Cầu Bông rồi thẳng đại lộ Lê Văn Duyệt (Đinh Tiên Hoàng) đến ngã ba đường, nơi đường Châu Văn Tiếp gặp đường Lê Văn Duyệt (Đinh Tiên Hoàng) là tới Lăng Ông.

Lăng Ông trông thẳng sang mé tay mặt công sở xã Bình Hòa (Nhà Văn hóa quận Bình Thạnh), ngang đường Châu Văn Tiếp.

Trước Lăng Ông là một khoảng đất trống rộng rãi để các khách tới lễ bái đậu xe.

Qua khoảng đất này là cửa Tam Quan: Cửa này có ba cổng, cổng giữa chỉ mở trong những ngày Tết hoặc ngày lễ. Hàng ngày chỉ có hai cổng bên mở cho khách hành hương ra vào, vào theo lối tay trái và ra theo lối tay mặt.

Qua cửa Tam Quan, là một con đường xây gạch đi thẳng cho tới lối vào đền thờ. Hai bên đường gạch này là vườn hoa có cây cao bóng mát, phong cảnh trầm tĩnh.

Đi từ ngoài cửa vào độ vài chục thước, rẽ về phía tay trái theo một con đường nhỏ khác cũng lát gạch, khách hành hương sẽ đi tới nơi đức Tả quân Lê Văn Duyệt an nghỉ giấc thiên thu. Nằm bên cạnh ngài là mộ phu nhân, nữ danh Đỗ Thị Phấn.

Hai ngôi mộ của ông bà Tả quân đều xây cao và quanh năm có người tới hương khói phụng thờ. Chung quanh hai ngôi mộ là lớp tường hoa, và ở mé ngoài về góc tay phải là nhà bia nhắc lại công trạng của Tả quân.

Trở lại con đường gạch lớn, khách hành hương đi thẳng vào chùng vài chục thước thì tới cổng vào đền, nhưng trước khi tới cổng này, ở bên trái, tại khu vườn hoa, có đền thờ thổ thần, xây cất rất giản dị.

Đền thờ

Đền thờ đức Tả quân ở bên tay trái con đường gạch, và xây theo lối xưa không có gác. Đền đã qua nhiều lần sửa chữa và xây thêm, nên trông ở bên ngoài vẻ cổ kính có giảm đi nhiều. Qua cổng đền, trước đền là một sân gạch khá rộng.

Tại sân này có đặt một dãy lư hương để khách hành hương các nơi thập hương khẩn vái và có lò hóa vàng, nơi đốt những vàng mã của khách thập phương mang dâng lễ.

Thường ngày, ngay ngoài cổng Tam quan và ở ngay sau cổng vào đền, có những người bán vàng hương cho khách lễ bái. Những người bán hàng này thường hay chèo kéo gây sự bức mình cho khách nên những năm gần đây, ban quản trị đền tuy không cấm bán nhưng đã trù liệu ngay trong đền vàng hương để khách hành hương dâng lễ và cấm ngặt người bán hàng không được chèo kéo khách.

Chiếc sân gạch rộng suốt trước mặt đền và ở mé bên kia sân, đối diện với cửa vào là cửa ra. Đền xây lưng về phía trước Tòa Hành chánh tỉnh Gia Định.

Đền ngăn làm ba có cửa ăn thông nhau. Giữa là đền thờ, bên trái là nhà sửa soạn vàng hương của khách vào dâng lễ, bên phải là nhà để xăm.

Đền thờ chia làm ba lớp, mỗi lớp đều có bàn thờ, duy lớp trong cùng tức là hậu cung có tượng của đức Tả quân trông thật uy nghi trang trọng. Đền có những bức hoành phi chữ vàng chói lọi và những đôi câu đối ở những hàng cột, nhắc lại sự nghiệp hiển hách của Tả quân.

Đền đã được liệt vào hạng di tích văn hóa được bảo tồn.

Đằng sau đền lại là vườn hoa và có cửa sau để khách hành hương cũng có thể ra vào lối này được. Cửa sau cũng có ba cổng, cổng giữa thường chỉ mở trong những ngày lễ, còn hai bên là lối ra vào riêng biệt.

Hội Lăng Ông

Như trên đã trình bày, đức Tả quân Lê Văn Duyệt tạ thế ngày 30 tháng 7 năm Nhâm Thìn (1823).

Hàng năm tới kỵ nhật của Ngài, hội Thượng công quý tế tức là hội trông nom quản trị Lăng Ông có mở hội để làm giỗ Ngài. Tuy kỵ nhật vào ngày 30 tháng 7, nhưng hội thường kéo dài cho đến hết ngày mùng 3 tháng 8. Trong những ngày hội, năm nào ban quản trị cũng dự trù một chương trình thật là phong phú.

Dân chúng xã Bình Hòa trước tiên rồi đến dân chúng Gia Định, Sài Gòn và toàn cõi Việt Nam tới dự giỗ để chiêm bái Ngài, và nhân thể nhiều người xin quẻ xăm để tìm hỏi về gia sự, bản mệnh công danh v.v...

Suốt trong mấy ngày hội Lăng Ông tấp nập những thiện nam tín nữ tới hành hương chen chúc nhau ở trong đền và ở cả nơi mộ của hai ông bà Tả quân nữa. Già có, trẻ có, nam thanh nữ tú có. Lòng sùng bái vị anh hùng dân tộc ăn sâu vào mọi tầng lớp dân chúng, nên trong ngày giỗ Ngài, không ai tham công tiếc việc, ai cũng cố bớt chút thì giờ đi lễ.

Hội Lăng ông, ngoài phần lễ bái của dân chúng có gồm các buổi tế lễ theo nghi thức cổ truyền của dân xã Bình Hòa và nhất là của ban quản trị hội Thượng công quý tế.

Hội Thượng công quý tế cũng có tổ chức những châu hát bội cúng đức Thượng công, nhân thế để khách hành hương được mua vui. Để có nơi trình diễn những buổi hát này, ban quản trị phải cho dựng thêm nhà rạp trong mấy ngày hội. Khách đi lễ vừa lễ thần lại vừa được em hát.

Chiêm bái Đức Tả Quân

Thường những người tới lễ Lăng ông trong dịp húy nhật của ngài Tả quân đều lấy lễ bái làm trọng, cho nên đã tới lăng việc đầu tiên là vào lễ trong đền và ở ngoài lăng.

Người người mang theo đồ lễ gồm vàng, hương, nến, trầu cau, hoa quả nhưng cũng nhiều người tới lĩnh vàng hương ngay tại đền để làm lễ.

Khách đi lễ, sau khi bước vào sân đền, những người không mang sẵn đồ lễ, rẽ vào gian nhà ở bên trái đền chính để lĩnh vàng hương. Nơi đây sắp sẵn thành từng xuất đủ vàng hương nến cho mỗi khách hành hương gồm dăm tờ vàng giấy, một cây nến nhỏ và dăm nén hương.

Khách lĩnh số vàng hương trên không phải trả tiền, ra trước sân, đứng trước những lư hương, quay mặt vào đền, nơi có bàn thờ đức Tả quân, khấn vái, sau khi đã châm nến và đốt hương. Khách cầm cả mấy nén hương đang cháy, vái bốn vái dài, ba vái ngắn. Khách vừa vái vừa thì thầm khấn. Cũng có người vái trước rồi khấn sau, và khi khấn xong lại vái lần thứ hai nữa. Kế đó, họ cắm những nén hương vào các lư hương ở sân đền, rồi đem mấy tờ vàng giấy ra hóa tại lò hóa vàng.

Lễ ở ngoài sân đền xong, khách lại vào lễ ở trong đền. Nơi đây bàn thờ khói hương nghi ngút, đèn nến sáng trưng.

Ở hai bên hành lang có những tủ sắt để khách hành hương, ai thành tâm cúng tiền thì bỏ vào.

Vào lễ trong đền, khách có thể xin quẻ thẻ, còn gọi là quẻ xăm để cầu xin chỉ dẫn một việc gì.

Lễ ở trong đền xong, khách lại ra lễ ở lăng hai ông bà Tả quân mé đằng trước.

Ở trong đền hay ở lăng, khách cũng đều khấn vái.

Trong những ngày hội, khách hành hương đông lắm, phải chen chúc nhau mới vào được trong đền, rồi lại phải chen chúc mới tới được trước lăng. Khói hương bốc lên nghi ngút, vàng giấy được đốt cháy đầy lò.

Khách hành hương nào có mang đồ lễ tới, khi vào tới đền đã có nhân viên trong đền giúp đỡ để đặt đồ lễ lên bàn thờ. Đồ lễ đặt lên bàn thờ khách cũng khấn vái và lễ trước bàn thờ như những người khác. Có người đứng vái, có người làm lễ hấn lên gối xuống gối, bốn lễ và ba vái. Lễ trong đền xong, khách cũng ra yết lăng, thỉnh thoảng cũng có đôi người chỉ lễ ở trong đền không ra lễ ở ngoài lăng.

Lạ có nhiều người nhân ngày hội làm sớ tới cúng vái ở Lăng Ông, cúng xong họ đốt sớ ngay ở lò hoá vàng tại sân đền.

Xin xăm

Một số đông người tới chiêm bái đức Tả quân, có xin xăm.

Vậy xăm là gì?

Người miền Bắc gọi xăm là quẻ thẻ, là một tờ giấy trên có ghi những điều về gia sự, bản mệnh, tài lộc, duyên số v.v... những lời ghi này có thể ứng vào người lễ bái cầu xin. Mỗi tờ giấy như vậy gọi là một quẻ xăm. Tại các đình chùa đền miếu thường đều có xăm.

Tại đền Đức Tả quân có tất cả trăm quẻ xăm đánh số từ một đến trăm.

Khách lễ bái muốn xin xăm phải quỳ khấn trước bàn thờ, nói rõ ý mình muốn xin về việc gì, rồi cầm lấy một ống thẻ đựng một trăm thẻ tre cũng

đánh số từ một đến trăm, ghi bằng hai thứ chữ Hán và Việt. Những thẻ tre này mỏng độ một ly dài độ 15 phân và rộng độ một phân.

Người xin xăm quỳ trước bàn thờ lắc ống thẻ cho tới khi một thẻ tre rơi ra. Nếu có hai ba thẻ cùng rơi ra, phải bỏ vào ống thẻ lắc lại cho tới khi chỉ có một thẻ tre bắn ra. Đương sự nhặt chiếc thẻ tre đó, đọc xem con số ghi trên thẻ, con số đó là con số quẻ thẻ. Được số quẻ thẻ rồi, người xin lại khấn lễ lần nữa để xin keo xem có đúng đức Tả quân đã ứng cho quẻ thẻ đó không.

Xin keo tức xin âm dương. Có hai mảnh keo bằng gỗ hình mặt trăng lưỡi liềm, một mặt phẳng và một mặt khum khum vòng lên để phân biệt sắp ngửa. Người xin keo, sau khi khấn vái tung hai thanh keo lên cho rơi xuống chiếu trước bàn thờ, nếu được nhất âm nhất dương, nghĩa là một sắp một ngửa, quẻ thẻ lắc rơi ở ống ra chính là quẻ thẻ đã ứng cho người xin.

Khấn lần thứ nhất xin keo không được nhất âm, nhất dương, khách xin thẻ sẽ khấn lại lần thứ hai rồi lần thứ ba. Nếu cả ba lần đều không được khách sẽ cắm quẻ thẻ vào ống và lắc lại để xin quẻ khác. Được quẻ khác rồi, khách vẫn phải xin keo nếu không được, tức là Thánh không ứng. Xin đến ba lần thẻ mà keo vẫn không được tức là Thánh không muốn ứng hoặc vì người đi lễ thiếu thành tâm, hoặc vì có sự gì cản trở. Khách phải đợi một ngày khác.

Cũng có người xin keo trước khi lắc ống thẻ, nếu ba lần xin keo không được, tức là Thánh không muốn ứng.

Sau khi đã xin được số quẻ thẻ, khách lễ tạ, lại bốn lễ ba vái hoặc bốn vái dài ba vái ngắn, rồi đi sang gian nhà bên tay mặt đèn để lĩnh thẻ. Ở đây có một hàng tủ để xăm chia làm một trăm ô, mỗi ô để xăm theo một số từ một tới trăm. Khách chọn lấy quẻ xăm theo số thẻ đã xin được ứng trước bàn thờ.

Trước bàn thờ có trải chiếu, có để nhiều ống thẻ và những bộ keo.

Trong ngày hội khách hành hương thi nhau khẩn vái xin thẻ. Ai nấy đều quỳ trước bàn thờ khẩn vái. Trẻ có, què có, già có, trẻ có, nam phụ lão ấu đủ mặt, quốc phục, âu phục không thiếu.

Mỗi người xin xăm cầu một việc. Người xin hỏi về bệnh tật, người xin hỏi về công danh, người xin hỏi về gia cảnh, người xin hỏi về tình duyên, người xin hỏi về con cái v.v...

Xin được quẻ xăm, đọc theo lời trong quẻ xăm mà hiểu. Ai không hiểu, trước đền đã có những người đoán quẻ. Họ đoán theo sách BÀN XĂM và LỊCH SỬ THƯỢNG CÔNG LÊ TẢ QUÂN của Hội Thượng công Quý Tế. Sách này trước bằng chữ Nho, đã được phiên dịch và xuất bản tại Sài Gòn năm 1949.

Nội dung quẻ xăm

Quẻ xăm ở Lăng Ông cũng giống như hầu hết các quẻ xăm ở các đình chùa đền miếu khác.

Mỗi quẻ xăm gồm hai phần chữ Hán và chữ Việt, nhưng cũng có những quẻ toàn bằng chữ Hán dành cho Hoa Kiều.

Trên đầu quẻ thẻ có ghi bốn chữ Tướng quân linh sấm nghĩa là lời sấm linh thiêng của Tả quân và số quẻ thẻ.

Dưới hàng chữ trên là một bài thơ tổng quát, bằng chữ Hán với lời giải cũng là một bài thơ chữ Hán. Cả hai bài thơ này đều là thơ tứ tuyệt, bài tổng quát ngũ ngôn còn bài sau tứ tự.

Hết phần chữ Hán đến phần chữ Việt, gồm hai bài thơ trên được phiên âm và dịch nghĩa, bài thơ tổng quát ở trên và bài thơ giải ở dưới. Bài thơ tổng quát được dịch ra thành thơ ngũ ngôn tứ tuyệt còn bài thơ giải được dịch ra văn xuôi.

Đó là mặt trước lá xăm.

Lật lá xăm ra mặt sau, ta thấy lời bàn của quẻ thẻ. Lời bàn này chia ra làm từng mục thơ thứ tự sau:

Bốn mạng - Gia đạo - Mưu sự - Cưới gả - Chiêm bệnh - Cầu tài - Cầu quan - Xuất hành - Kiện cáo và Mất đồ.

Mỗi mục đều có lời bàn rõ ràng để khách xin thẻ muốn cầu điều gì, xem qua mục đó.

Chương trình hội Lăng Ông

Như trên đã trình bày, húy nhật Tả quân Lê Văn Duyệt nhằm ngày 30 tháng 7 âm lịch, nhưng năm nào cũng vậy, hội được tổ chức ba hoặc bốn ngày để khách hành hương đủ thì giờ tới lễ bái, nhất là đối với những người ở nơi xa xôi.

Ban tổ chức hàng năm đều có chương trình cho những ngày hội để khách thập phương tới chiêm bái dự những lễ cúng và những chầu hát cúng đức Thượng công.

Để bạn đọc có một ý niệm và chương trình ngày hội, dưới đây chúng tôi xin lục in lại bản chương trình năm Quý Mão, 1963, chúng tôi còn lưu giữ được.

Ngày 30 tháng 7 Quý Mão (17-9-1963).

7 giờ tới 9 giờ: Bá tánh chiêm bái đức Thượng công và xin xăm.

10 giờ: Đại lễ cúng đức Thượng công. (Diên túc yết)[1]

12 giờ tới 15 giờ: Bá tánh chiêm bái đức Thượng công và xin xăm.

15 giờ: Lễ cúng đức Thượng công

Ngày 1 tháng 8 Quý Mão (18 - 9 - 1963)

15 giờ: Lễ cúng đức Thượng công

7 giờ tới 10 giờ: Bá tánh chiêm bái đức Thượng công và xin xăm.

10 giờ: Lễ cúng đức Thượng công

14 giờ 30: Hát tuồng Ngữ Vân Thiện thất thành Nam Dương

Ngày 2 tháng 8 Quý Mão (19-9-1963)

7 giờ tới 10 giờ: Bá tánh chiêm bái đức Thượng công và xin xăm

10 giờ: Lễ cúng đức Thượng công và chiến sĩ trận vong.

14 giờ 30: Hát tuồng: Tống tửu Ô Hắc Lợi đến lúc xử án Bàng Quý phi

Ngày 3 tháng 8 Quý Mão (20-9-1963)

7 giờ tới 10 giờ: Bá tánh chiêm bái đức Thượng công và xin xăm

Qua bản chương trình trên, ta thấy ban tổ chức đã dành rất nhiều thì giờ cho dân chúng tới chiêm bái đức Tả quân và xin xăm. Mặc dầu thì giờ nhiều nhưng trong suốt mấy ngày hội lúc nào lặng và đèn cũng đông nghẹt người tới lễ bái và thường phải chen chúc nhau. Khi xin xăm khách phải chờ đợi kẻ trước người sau để quỳ khẩn xin keo và lắc ống thẻ.

Lòng dân ta rất sùng kính những vị anh hùng, đức Tả quân Lê Văn Duyệt là một bậc tôi trung lại có công với dân với nước nên được đời đời hương khói phụng thờ, và dân chúng luôn luôn tới lễ đền Ngài, viếng mộ Ngài, không những trong dịp húy nhật của Ngài mà suốt quanh năm nhất là vào dịp đầu xuân và những ngày ước vọng tuần tiết.

Chút ít sử liệu

Nói tới ngày hội Lăng Ông, lẽ tất nhiên phải nói qua tới thân thế và sự nghiệp oanh liệt của Ngài.

TIỂU SỬ - Ông Lê Văn Duyệt sinh năm 1764 tại Rạch Gầm, nay là xã Long Hưng, gần rạch Ông Hồ, tỉnh Định Tường (Tiền Giang) nhưng

nguyên quán ông tại xã Tề Lỗ, huyện Yên Lạc tỉnh Vĩnh Yên (Vĩnh Phú).

Theo Tiên Đàm trong tạp chí Tri Tân, nội tổ đức Tả quân can tội ngộ sát, phải bỏ làng Tề Lỗ vào sinh cư tại làng Bồ Đề, huyện Mộ Đức tỉnh Quảng Ngãi, nhưng về sau lại vào xã Hòa Khánh thành Định Tường (Tiền Giang).

Đến đời thân phụ Ngài là ông Lê Văn Toại gia đình họ Lê lại rời Hoà Khánh để tới lập nghiệp ở Rạch Gầm.

Tả quân là trưởng nam và có ba em trai.

Lúc nhỏ Ngài có học chữ, nhưng Ngài không ham văn, chỉ chuộng võ, ưa leo cây săn bắn, chọi gà và đánh nhau với trẻ cùng tuổi.

Sách chép rằng, Ngài có ấn tật tại bộ phận sinh dục. Có lẽ vì thế nên Ngài không chịu nổi đời sống tù hãm với sách vở, chỉ ưa hoạt động.

Năm 16 tuổi, Ngài gặp vua Gia Long, và từ đó Ngài theo nhà vua khi sang Xiêm, lúc về nước lập được nhiều công trạng trong công cuộc chống Tây Sơn cho đến khi vua Gia Long thống nhất sơn hà.

Sắc phong Ngài là Duyệt Quận công cử giữ chức Khâm Sai Gia Định thành Tổng trấn.

Ngài trải thờ hai đời vua Gia Long, Minh Mạng, và mất ngày 30 tháng 7 năm Nhâm Thìn, thọ 69 tuổi, vào năm Minh Mạng thứ 13 (1823).

Ngài được truy tặng chức Thái Bảo và an táng tại làng Bình Hòa nay là làng sở tại tỉnh Gia Định (quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh).

Công lao của Tả Quân với Miền Nam nước Việt

Xưa kia vua nước Việt là Câu Tiễn có thù với vua Ngô nước láng giềng là Phù Sai, đem việc đánh báo thù bàn với quần thần.

Quan Thái sử là Văn Chủng tâu rằng:

"Tâu nhà vua, trước khi nghĩ đến đánh báo thù nước Ngô, xin nhà vua hãy tính đến việc no lòng người dân Việt đã. Nước lấy dân làm gốc, dân lấy ăn làm đầu. Dân Việt ta sau mấy năm loạn lạc đang cần được no lòng."

Quan Thái sử Văn Chủng nghĩ đến cái ăn của dân, nên nước Việt xưa kia đã trở nên mạnh.

Khi là Tổng trấn Gia Định thành, Tả quân Lê Văn Duyệt cũng luôn luôn nghĩ tới việc nuôi dân, Ngài thường nói:

"Muốn trừ trộm cướp không gì bằng nuôi dân... Muốn nuôi dân không gì bằng cho dân ruộng đất để cày cấy."

Và Ngài cũng đã thực hành lời nói ấy. Năm Minh Mạng nguyên niên, Ngài đã xin với nhà vua cho lập đồn điền trước là để nuôi những kẻ lưu vong, những quân gian phi ra đầu thú sau là để khai khẩn đất hoang của nước nhà. Chính sách này của Ngài đã thành công. Những lưu dân đã chiêu tập những đất đai đã được khai khẩn, rừng đã được phá thành ruộng.

Trấn Gia Định nhờ chính sách này đã được mở mang và trở nên màu mỡ phì nhiêu. Dân chúng được thịnh vượng phú cường, những phường trộm cắp được dẹp yên, và bờ cõi, với các đồn điền mở rộng cũng lan về phía Cao Miên.

Nhân dân rất cảm mến đức Tả quân và không ai là không biết ơn Ngài.

Sau này, về đời vua Tự Đức, khi cụ Nguyễn Công Trứ lập đồn điền tại các miền Kim Sơn, Tiền Hải cũng là theo gương Tả quân Lê Văn Duyệt đã thi hành ở phương Nam.

[1] Cung yết kính mời

Hội đền Kiếp Bạc

Đền Kiếp Bạc là nơi thờ Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn xây tại làng Vạn Yên, huyện Chí Linh tỉnh Hải Dương (Hải Hưng) từ năm Canh Tí, 1300, tức là năm Hưng Đạo Vương qua đời. Ngài đã được phong tới chức Thái sư Thượng phụ Thượng Quốc công Bình Bắc Đại nguyên soái.

Đền Kiếp Bạc tựa lưng vào núi Dưộc Sơn, một ngọn núi ở giữa một dãy núi gồm ba ngọn, hai ngọn hai bên là núi Nam Tào và núi Bắc Đẩu, trên hai ngọn núi này có đền thờ Nam Tào và Bắc Đẩu lưỡng vị tinh quân. Mặt đền trông ra Lục Đầu giang, nơi ba con sông Nhật Đức gọi nôm là sông Thương, Nguyệt Đức gọi nôm là sông Cầu và Thiên Đức gọi nôm là sông Đuống gặp sông Lục Nam, sông Thái Bình và sông Kinh Môn. Ngay trước đền có một bãi đất rộng, Bãi Kiếm, tục truyền là nơi xưa kia Hưng Đạo Vương đã hành quyết Phạm Nhan.

Trên cổng đền có năm chữ đại tự TRẦN HƯNG ĐẠO VƯƠNG TỬ, trên hai cột trụ có đôi câu đối của Thám Hoa Vũ Phạm Hàm.

Vạn kiếp hữu sơn giai kiếm khí

Lục đầu vô thủy bất thu thanh.

Lược dịch:

Vạn Kiếp núi cao hơi kiếm tỏa

Lục đầu nước chảy tiếng thu vang.

Qua chiếc cổng lớn này là một khoảng sân rộng rãi bao la với những cây đa cổ thụ cao ngất um tùm. Rồi đến ngôi đền kiến trúc theo lối xưa, thật uy nghi cổ kính.

Trong đền, ngoài bàn thờ Hưng Đạo Vương, còn bàn thờ thân phụ, thân mẫu ngài, bàn thờ các con trai ngài là Hưng Nhượng Vương và Hưng Vũ

Vương, các con gái ngài là Quyên Thanh và Đại Hoàng và con rể Ngài là Hồ tướng Phạm Ngũ Lão. Lại có cả bàn thờ hai gia tướng Yết Kiêu và Dã Tượng.

Điều đáng chú ý là cùng với các vị trên, tại đền Kiếp Bạc lại có thờ cả một tướng nhà Nguyên là Nguyễn Bá Linh tức Phạm Nhan. Theo lời tục truyền, tướng này có tà thuật, đã bị Hưng Đạo Vương dùng gươm thiêng giết, phải chăng việc thờ cúng y có dụng ý để nêu cho mọi người biết Hưng Đạo Vương có uy trừ tà thuật.

Trên vách tường đền Kiếp Bạc có bài thơ nôm không đề tên tác giả, nêu rõ công trạng oai hùng của Hưng Đạo Vương trong cuộc chống quân Mông Cổ:

Nghiêng trời lệch nước cuộc đao binh,

Việc nước an nguy hệ một mình.

Núi Kiếp bao phen quân Việt thắng,

Sông Đâu một trận giặc Nguyên kinh.

Rắp đem văn vũ tài vô địch,

Nguyện rửa non sông tiếng bất bình.

Tháng tám dâng hương đền Kiếp Bạc,

Vẫn còn hiển hiện khí oai linh?

Hội đền Kiếp Bạc mở vào ngày 20 tháng 8 âm lịch mỗi năm tức là vào ngày giỗ Tổ đức Hưng Đạo Vương, nhưng ngay từ đầu tháng Tám cửa đền đã mở để khách hành hương tới lễ bái, và ngay từ lúc mở cửa đền khách thấy hội đã kéo tới rất đông từ khắp các nẻo đường.

Lộ trình tới đền Kiếp Bạc

Muốn đi hành hương đền Kiếp Bạc, từ Hà Nội khách trẩy hội đi xe lửa tới ga Bắc Ninh hoặc Đáp Cầu, chính ra xe lửa hàng ngày chỉ chạy qua ga Thị Cầu cho hành khách xuống rồi chạy thẳng Bắc Giang, nhưng trong những ngày hội đền Kiếp Bạc, sở Hỏa xa cho chạy thêm đoạn đường từ Thị Cầu đến Đáp Cầu và đậu ngay ở bến tàu thủy trên sông Nguyệt Đức.

Khách xuống ga Bắc Ninh phải dùng ô tô hàng, trong Nam gọi là xe đò, đi Phả Lại, nơi có đền Kiếp Bạc, còn khách xuống Đáp Cầu dùng tàu thủy cũng đi Phả Lại (Hải Hưng). Trong những ngày hội, tàu thủy cho chạy thêm nhiều chuyến tàu riêng và cả những hãng ô tô chạy đường Bắc Ninh Phả Lại cũng phải thêm nhiều chuyến.

Chuyến xe chuyển tàu nào cũng chật như nêm, khách trẩy hội đủ hạng tuổi nam nữ, giàu nghèo không thiếu hạng nào.

Quang cảnh đền Kiếp Bạc trong ngày hội

Ngày hội là ngày húy nhật đức Hưng Đạo Vương. Người đi trẩy hội lấy việc lễ bái làm đầu, bởi vậy hội ở nơi đây chỉ có lễ bái đầu, không có các trò bách hí như ở các hội khác.

Chỉ có khách tới lễ bái, quang cảnh ngày hội cũng đủ thật náo nhiệt sầm uất.

Khách đi lễ đông, người tới hầu bóng xin bùa trừ tà cũng đông.

Dưới sông những con tàu, những con thuyền chở khách từ từ ghé bến giữa cảnh chen chúc của mọi người. Bên những chiếc tàu lớn thuyền to, là những thuyền nan của mấy cô bán vàng mã hương nến chèo ngược chèo xuôi để chào khách.

Trên mặt sông, khách trẩy hội ai cũng trông thấy không biết bao nhiêu những khúc chuối cảm hương đốt nến và đặt vàng mã thả trôi khắp mặt nước. Đây là của người trẩy hội thả để xua đuổi tà ma đi nơi khác. Bọn tà ma mãi đuổi theo vàng mã không ám ảnh những khách hành hương.

Ban đêm những ngọn nến trên những khúc chuối này lập lòe đầy sông xen vào giữa những đám thuyền bè chập chờn như ma trôi, và xa trông như những bóng sao phản chiếu dưới mặt nước.

Từ bến đò đi lên đông nghẹt những người, làn sóng người dồn dập kẻ ra người vào, hết lớp nọ tới lớp kia, chen chân lẫn bước, đi thật khó khăn. Hai bên lối đi la liệt những quán hàng bán hương hoa lễ phẩm và những quán bán thức ăn cho khách hành hương.

Những tà áo xanh đỏ tím vàng của những ông Đồng bà Bóng nổi bật lên giữa đám quần trắng áo the hoặc quần nâu áo nâu của những người đi lễ. Những ông Đồng bà Bóng còn đeo thêm nào kiếm gỗ, nào đẩy quần áo ngời đồng, nào cờ ngũ sắc...

Trước sân đền, người ta lên đồng ngồi đảo lia đảo lịa. Đây một ông đồng được Thánh ộp, linh xiên thủng mếp đang bắt tà. Tiếng hét, tiếng roi dâu quật xuống chiếu hoặc vào người những ai đang bị tà ma ám ảnh. Kia một đám cúng lễ, tiếng tiêu cảnh chập cheng lẫn với tiếng khăn vái như muốn át tiếng quát tháo và tiếng roi dâu vun vút của những đám bắt tà. Lại còn tiếng thanh la, tiếng trống lẫn vào tiếng ồn ào của khách trẩy hội. Mùi hương trầm bốc ngào ngạt, khói tỏa mịt mù. Chỗ này đốt vàng, chỗ kia hóa sớ, khói càng bốc nhiều. Người người sì sụp lễ trước bàn thờ, cầu xin khăn vái từ bàn thờ này qua bàn thờ khác.

Trong đền, trước các bàn thờ, còn có nhiều người quỳ khăn xin thẻ hoặc lắc ống thẻ. Người nọ chờ người kia, và cảnh đông đúc cũng không khác chi ngoài sân đền. Lại có những người xin áo dẫu. Họ mua sẵn áo ở ngoài, mang vào đền lấy dẫu sơn đóng vào. Có khi họ mua những áo có dẫu sẵn, mang vào đền đặt lên bàn thờ cầu khăn để xin Thánh chứng cho. Những áo dẫu này là những áo cánh nhỏ, mặc cho các trẻ em. Người ta tin rằng, các em mặc áo dẫu, tà ma không dám trêu ghẹo, xin lưu ý là chỉ có áo dẫu, không có quần dẫu. Dẫu Thánh thiêng liêng không ai đóng vào quần.

Ban đêm khách trẩy hội còn lễ bái cho tới khuya. Sau đó có người nằm ngủ ngay trong đền, có người tìm đến những quán ở bên ngoài hoặc tìm đến ngủ dưới những con thuyền đậu ở ven sông.

Quang cảnh tưng bừng náo nhiệt kéo dài cho tới hết tháng Tám âm lịch, mặc dầu ngày hội chính là ngày 20 tháng Tám.

Đoạn sử oai hùng

Nói đến Hưng Đạo Vương người dân Việt không ai là không nhớ tới đoạn sử oai hùng nước nhà về triều nhà Trần. Quân Trần đã ba phen phá tan quân Mông Cổ.

Chúng ta hiểu rằng Mông Cổ thời đó là một dân tộc hung hãn ở phía Bắc nước Tàu. Chúng đã đánh chiếm nước Tàu, xâm lấn hết vùng Trung Á, Ba Tư kéo quân tới tận Đông Bắc Âu Châu. Ở Bắc Á, chúng đã chiếm Tây Hạ, đánh nước Kim, tràn sang Tiều Tiên. Vó ngựa của chúng đi tới đâu người chết tới đó, gà không dám gáy, cò không mọc nổi, vậy mà chúng đã ba lần bị thua liểng xiểng khi tiến đánh nước Nam và ba lần chúng kéo quân sang ta là ba lần chúng đại bại, hao binh tổn tướng đến nỗi chủ tướng của chúng, trong chuyến chinh Nam lần thứ hai phải chui vào ống đồng mới trốn nổi cung kiếm của ta.

Quân ta đã thắng nhờ tài điều binh khiển tướng của Hưng Đạo Vương.

Những cuộc chiến thắng này đã làm vẻ vang cho dân tộc ta, nhiều tác giả ngoại quốc khi nhắc tới lịch sử kháng Bắc của ta cũng phải khâm phục trước ý chí quật cường bất khuất của dân tộc Việt.

Ông A. Pazzi,[1] trong cuốn Người Việt Cao Quý đã viết: "Đọc lịch sử của họ, chúng ta không ngăn được mỗi xúc động và sự thán phục. Nếu người ta nghĩ đến giặc Mông Cổ với cái đế quốc Thát Đát mệnh mông chùng nào, có lẽ người ta mới thấy được cái sức chiến đấu lạ lùng của người Việt Nam. Người ta có thể nhận định một cách rõ ràng và dứt khoát rằng chỉ mình dân tộc Việt Nam - duy nhất trên địa cầu này đã đánh bại quân Mông Cổ xâm lăng. Đó là đoàn quân xâm lược vô cùng

dũng mãnh, đã thôn tính biết bao nhiêu dân tộc lớn lao, đã đặt Trung Hoa dưới ách nô lệ bạo tàn, đã chiếm Tây Hạ, Tây Bá Lợi Á, xâm lăng Trung Âu, uy hiếp Áo, Đức... Vậy mà đoàn quân bách thắng của họ khi vào biên giới Việt Nam đã bị đánh cho thảm bại liên tiếp ba lần.

"Ba lần chiến thắng vinh quang của dân tộc Việt để chống lại kẻ thù số một của loài người trong lúc ấy, đã đặt Việt Nam vào những dân tộc oanh liệt hàng đầu."

Nhắc tới Hưng Đạo Vương ngày nay tức là nhắc tới cùng một lúc đoạn sử vẻ vang của dân Việt.

Trong Đại Nam quốc sử diễn ca, có ghi lại đoạn sử oai hùng đó bằng những vần thơ hùng tráng sau đây:

Rợ Nguyên quen thói tham tàn,

Quân năm mươi vạn những toan tranh giành.

Sắc sai Hưng Đạo Tổng Bình,

Với Trần Quang Khải các dinh tiến vào.

Chương Dương một trận phong đào,

Kìa ai cướp giáo ra vào có công?

Hàm quan một trận ruổi rong,

Kìa ai bắt giặc uy phong còn truyền?

Giặc Nguyên còn muốn báo đền,

Mượn đường hộ tống binh thuyền lại sang.

Bạch Đằng một cõi chiến tràng,

Xương bay trắng đất, máu vàng đỏ sông.

*Trần Hưng Đạo đã anh hùng,
Mà Trần Nhật Duật kể công cũng nhiều.
Hoài Văn tuổi trẻ chí cao,
Cờ đề sáu chữ quyết vào lập công.
Trần Bình Trọng cũng là trung,
Đành làm Nam quý không lòng Bắc vương.
Khuyến ưng còn nghĩa đá vàng,
Yết Kiêu, Dã Tượng hai chàng cũng ghê.
Mà trong ngọc điệp kim chi,
Lũ Trần Ích Tắc sao đi đầu hàng?
Nhân khi biến cố vội vàng,
Kẻ trung người nịnh đôi đàng tỏ ra.
Trùng hưng đem lại sơn hà...*

Hội đền Bảo Lộc

Nhân ngày húy nhật Hưng Đạo Vương, không phải chỉ riêng ở đền Kiếp Bạc có hội hè để lễ bái Ngài, mà còn nhiều nơi khác nữa. Trong số đó có đền Bảo Lộc, xã Bảo Lộc thuộc phủ Xuân Thường tỉnh Nam Định (Hà Nam Ninh) là quê hương của Hưng Đạo Vương và có đền thờ Ngài.

Hàng năm vào ngày giỗ Ngài, dân làng có mở hội kỷ niệm vào ngày 20 tháng 8. Đồng bào thuộc các tỉnh Nghệ An, Thanh Hóa cũng như các tỉnh miền Ninh Bình, Nam Định, Hà Nam không tiện trẩy hội đền Kiếp Bạc đều tới lễ bái tại đền Bảo Lộc. Có rất nhiều người đã đi trẩy hội đền

Kiếp Bạc trước ngày lễ chính, đến ngày Khánh kỵ cũng lại tới đền Bảo Lộc dự lễ.

Ngày hội có tế lễ, có rước xách. Ngoài ra có hầu bóng, bắt tà tại đền và các con hương đệ tử tới dự hội cũng đông lắm.

Cũng như ở các đền đài khác, dân chúng tới lễ đền Bảo Lộc để tỏ lòng biết ơn vị anh hùng của đất nước và cũng là để cầu phúc và xin đức Thánh phù hộ cho những điều mong ước ở đây khách hành hương cũng làm sớ, dâng vàng đốt hương làm lễ. Cũng có thể xin thẻ để cầu lời Thánh dạy, và cũng có người xin áo dậu như ở Kiếp Bạc.

Hội xã Yên Cư

Xã Yên Cư thuộc tổng Xuân Dương, huyện Yên Khánh tỉnh Ninh Bình (Hà Nam Ninh) ở giáp bờ sông Đáy, trông sang bên kia là tỉnh Nam Định (Hà Nam Ninh), địa phận xã Phú Hào.

Cũng như nhiều xã khác thuộc tỉnh Ninh Bình ở gần xã Bảo Lộc, xã Yên Cư có đền thờ Hưng Đạo Vương. Hàng năm, cứ vào dịp tháng Tám âm lịch, xã Yên Cư mở hội kỷ niệm cùng với các xã Đa Giá, Yên Khê, Yên Bồng... tỉnh Ninh Bình.

Hội mở to lắm. Dân chúng các tỉnh Nam Định, Ninh Bình, Thanh Hóa và Nghệ An, vì đường sá xa xôi không thể đi hành hương tại đền Kiếp Bạc đều tới dự hội này, dù đã dự hay không hội đền Bảo Lộc.

Ngày hội có rước xách, tế lễ và các con hương đệ tử quanh vùng cũng kéo nhau tới lên đồng trừ tà để trừ giặc Phạm Nhan hay quấy nhiễu sản phụ và trẻ sơ sinh.

Phạm Nhan, chính tên là Nguyễn Nhan, tục là Bá Linh, xưa là một viên tướng Mông Cổ theo Thoát Hoan sang đánh nước Nam.

Nguyễn Nhan có yêu thuật, lập được nhiều công với giặc Mông Cổ, nhưng cũng mang nhiều tội với dân Nam, chính vì vậy mà dân ta gọi hấn

là Phạm Nhan, nghĩa là phạm nhân tên là Nhan.

Tục truyền rằng Phạm Nhan nhờ có yêu thuật, khi bị bắt, bị trói hăn vẫn tung hoành trốn thoát, sau phải dùng dây ngũ sắc trói hăn mới chịu, nhưng đến khi bị giết, chém đầu này hăn lại mọc ra đầu khác. Sau cùng Hưng Đạo Vương phải dùng gươm thần mới chém được chết hăn, và còn phải lấy các uế vật, máu dê, máu chó vẩy lên người hăn để hăn hết biến hóa.

Tuy hăn bị giết, nhưng từ đó tới nay đã trải hơn sáu trăm năm, người bình dân Việt Nam vẫn còn tin hăn sinh yêu, tác quái trong các gia đình người Việt để hãm hại các trẻ sơ sinh và gây bệnh tật cho các sản phụ.

Muốn trừ Phạm Nhan phải đến xin bùa phép tại các đền thờ đức Trần Hưng Đạo.

Lộ trình tới đền xã Yên Cư

Muốn tới xã Yên Cư, phải đi theo con đường liên tỉnh số 10 từ Ninh Bình cho đến cây đa Quay: Đó là xã Yên Cư.

Những tục lệ trong ngày hội

Tại hội xã Yên Cư, ngoài các cuộc rước xách tế lễ có hai điểm đặc biệt đã kéo khách trẩy hội tới đông hơn: Đó là Cá quần tại sông Đáy và các thiếu nữ phù giá.

Cá quần

Cá quần thể hiện ngay ở sông Đáy, mé trước cửa đình vào ngày hội.

Theo dân làng này, hàng năm đúng vào buổi sáng ngày 20 tháng Tám, không biết cá ở đâu kéo nhau về khúc sông Đáy này nhiều lắm và cùng nhau quần lên đảo xuống múa lượn như mừng rỡ đón chào ai.

Không ai bắt cá ngày hôm đó, dân làng cũng như khách trẩy hội, mọi người chỉ thi nhau ném thực phẩm cho cá ăn và đàn cá cũng như dạn

người không biết sợ hãi.

Người ta bảo rằng cá quần ở khúc sông này hàng năm vào ngày nói trên đã có từ lâu lắm, không biết tự bao giờ. Tục bảo rằng đó là cá ở sông Bạch Đằng về mừng đón đức Hưng Đạo Vương khi Ngài giáng lâm tại đình xã Yên Cư. Sau ngày 20 tháng Tám, cá lại kéo nhau đi.

Phù giá nữ quan

Đây là điểm đặc biệt thứ hai của ngày hội. Các thiếu nữ thanh tân trong làng từ 18 tuổi được dân làng cử khiêng kiệu trong những đám rước, nhất là đám rước qua sông ngày 20 tháng Tám.

Tại đây có câu:

Trai thanh tân chân quý vai kiệu,

Gái yếu điệu phù giá nữ quan.

Lệ làng này trong ngày hội, con trai từ thập bát trở lên được cắt để khiêng kiệu và các đồ thờ trong đám rước. Cùng với các chàng trai thanh tân này, dân làng lại cắt cả các trinh nữ, nghĩa là những cô gái chưa chồng từ 18 tuổi trở lên để khiêng kiệu của Hưng Đạo Vương phu nhân và của các quận chúa.

Rước qua sông

Trong mỗi kỳ hội, xã Yên Cư có tổ chức nhiều đám rước, nhưng đám rước được mọi người chú ý hơn cả là đám rước vào ngày 20 tháng Tám, đám rước cuối cùng của kỳ hội hàng năm trước khi rã đám.

Đám rước đi từ xã Yên Cư, qua sông Đáy sang xã Phú Hào bên Nam Định. Lễ tất nhiên trong lúc rước, đám rước có dùng thuyền nhưng dân làng Yên Cư bảo rằng kiệu của Hưng Đạo Vương, của phu nhân và của các quận chúa không phải dùng thuyền. Trong đám rước này, các kiệu đều do các cô phù giá khiêng và lội qua sông. Phép mầu của Hưng Đạo

Vương thực là huyền diệu nên các kiệu lợi qua sông không chìm và các cô phù giá cũng không ai bị ướt.

Đám rước sang tới xã Phú Hào, nghỉ tại đình làng này sau khi tế lễ, đến chiều lại rước về, nhưng lần này, quay về bằng thuyền.

Các quan viên cùng những người đi rước xã Yên Cư được ban Hội đồng xã Phú Hào khoán đãi theo tục lệ giao hảo giữa các xã.

Không rõ xã Phú Hào thờ vị thần nào nhưng theo lời một vài người dân Yên Cư chúng tôi quen biết, xã này cũng thờ một vị nhân thần đời nhà Trần.

Đám rước qua sông vui lắm! Nào tào lọng, nào trống kèn, nào phường bát âm, cờ quạt phấp phới, hương tỏa khói trầm và người người đông nghịt những con thuyền.

Nhất niên, nhất lệ, ngày hội hàng năm, ai bỏ được?

Kỷ niệm Hưng Đạo Vương tại Sài Gòn

Từ năm 1954, với Hiệp định Genève, đất nước bị chia đôi, nhưng lòng người Việt Nam không thay đổi, dù xưa kia hay ngày nay, dù ở Bắc hay ở Nam, cũng không bao giờ quên ngày kỷ niệm vĩ đại anh hùng của dân tộc.

Hàng năm vào ngày 20 tháng Tám âm lịch, tại đền thờ Ngài ở đường Hiền Vương Sài Gòn (nay là Võ Thị Sáu), dân chúng vẫn làm lễ kỷ niệm với những cuộc tế lễ rất long trọng. Trong mấy năm gần đây, ban quản trị đền lại có tổ chức Tế nữ quan, nghĩa là các quan viên dự tế, từ chủ tế, bồi tế đến chấp sự viên đều là phụ nữ.

Rất nhiều người tới dự lễ và khách hành hương trong ngày kỷ niệm từ sớm đến chiều luôn luôn không ngớt.

Cũng nhiều người tới xin thẻ như ở các đền ngoài Bắc xưa kia.

Một vài hội tại các đền thờ các tướng tá của Hưng Đạo Vương

Nhân nói tới hội hè tại các đình đền có thờ Hưng Đạo Vương, chúng tôi xin nói qua tới một vài hội tại các nơi có đền thờ các tướng tá bộ hạ của Người. Chúng tôi chỉ nói tới một số ít ỏi chúng tôi biết và chờ sự chỉ giáo của bạn đọc về các hội hè khác liên quan tới các tướng sĩ của Hưng Đạo Vương.

Hội đền Phạm Ngũ Lão

Làng Phù Ứng thuộc phủ Ân Thi, tỉnh Hưng Yên (Hải Hưng) có đền thờ ông Phạm Ngũ Lão, một danh tướng đời Trần đã lập được rất nhiều công trạng trong cuộc chống quân Mông Cổ xâm lăng.

Hội mở trong 15 ngày, từ 11 đến 25 tháng Giêng.

Đền thờ Ngài ở giữa làng. Cách đền Ngài 300 thước có đền thờ bà cung phi con gái Ngài, Thủy Tiên quận chúa, sau được vua Trần Anh Tôn vời làm cung phi.

Thủy Tiên quận chúa, là con gái duy nhất của Ngài.

Quận chúa tuy là cung phi của vua Anh Tôn nhưng bà không có con, cho nên lúc về già, bà về tu ở chùa Phù Ứng và mất ở đó. Ngày hội làng Phù Ứng mở đầu bằng một đại lễ vào ngày 11 tháng Giêng. Đại lễ này dân làng tế Phạm Tiên Công tức là ông thân sinh ra Ngài trước rồi sau đó mới tới tế tại đền Ngài.

Tối hôm đó, sau hai lễ tế Phạm Tiên Công và Phạm tướng quân, dân làng họp mặt tại đền bà cung phi để lau rửa tượng bà và trang sức cho pho tượng với đủ quần áo hoa hột. Những đồ nữ trang này, trước kia, ông thủ từ vẫn giữ gìn cẩn thận và hàng năm chỉ mang dùng trong dịp hội, sau đó lại được cất trong các hộp riêng.

Ngày 12 dân làng tế lễ tại đền bà cung phi, và sáng ngày 13, dân làng rước tượng bà về đền chính và thờ tại đền này cho tới ngày 23 tháng

Giêng, mới lại rước về đền cũ.

Trong buổi rước tượng bà cung phi, các trai làng phải khiêng kiệu, nhưng các tín nữ, áo quần thật là lòe loẹt được cắt cử để đội những hòm giày, hòm mũ, hòm quần áo của bà. Các cô được cắt cử vào công việc này đều lấy làm hãnh diện và các cô tin rằng sẽ gặp may mắn quanh năm, những cô chưa lập gia đình sẽ gặp bạn lứa đôi xứng đáng.

Suốt thời gian mở hội, ngày nào dân làng cũng có tế lễ và có các trò vui như đánh cờ, đánh tổ tôm điểm. Tối tối lại có hát chèo.

Ngày 15 có cuộc tế của hội Kỳ Anh trong xã. Chỉ những người có phẩm hàm chức tước, và những ông già trên năm chục tuổi mới được dự lễ này.

Ngày 23 có cuộc rước tượng bà cung phi trở về đền. Lại các thanh niên khiêng kiệu và các thanh nữ đội vàng hương, giày mũ như hôm rước tượng bà vào đền chính.

Đám rước có trống, nã bạt, và có phường bát âm cử nhạc, và cả trong những ngày tế lễ cũng vậy.

Ngày 25 là ngày rã đám. Dân làng làm lễ tại đền bà cung phi để xin cất các đồ trang sức.

Hội đền Hưng Nhượng Vương

Đền này gọi là đền Suốt, vì ở cửa Suốt, gần Cẩm Phả. Hưng Nhượng Vương chính tên Trần Quốc Tảng, con trai thứ ba đức Hưng Đạo Vương.

Đền Suốt dựng trên con đường từ Hải Phòng tới bến Cẩm Phả, xây trên đỉnh núi Hồng Nhạc. Trong đền có tượng Hưng Nhượng Vương trông ra biển Đông Hải, và do đó dân chúng còn gọi đền này là đền đức Đông Hải Đại Vương. Đền tựa lưng vào dãy núi Vạn Hoa, một dãy núi đất hình chữ bát úp. Hai bên núi Hồng Nhạc có hai núi cũng mang tên là Nam Tào Bắc Đẩu, giống như hai ngọn núi hai bên núi Dục Sơn ở Kiếp Bạc.

Hưng Nhượng Vương xưa kia đã có công giúp cha là Hưng Đạo Vương đánh đuổi giặc Nguyên, trong hai lần Thoát Hoan chực xâm chiếm nước Nam, bởi vậy khi Vương chết được dân chúng lập đền thờ phụng.

Hội mở vào rằm tháng Giêng âm lịch hàng năm. Trong ngày hội có tế lễ và cũng có các ông Đồng, bà Bồng mang khăn châu áo ngự tới lên đồng, bắt tà chữa bệnh. Khách thấy hội cũng xin thẻ.

Dân chúng miền duyên hải miền Bắc, nhất là dân thợ mỏ Hồng Gai và Cẩm Phả tới lễ đông lắm. Có người tới xin bùa xin dấu, có người chủ yết tới lễ để tỏ lòng nhớ ơn một vị anh hùng.

Tuy hội chính mở vào rằm tháng Giêng, nhưng ngay từ ngày 12 đã có người bắt đầu tới lễ và mãi tới ngày 20 đóng cửa đền, hội mới coi là hết.

Trong những ngày hội có tàu thủy chạy đường biển và ô tô chạy đường bộ từ Hải Phòng hoặc Hồng Gai (Quảng Ninh) tới đền.

Đi thấy hội đền Suốt, khách hành hương còn có dịp ngắm phong cảnh dãy núi Vạn Hoa, đi thăm mấy ngọn Hồng Nhạc, Nam Tào và Bắc Đẩu.

Suốt mấy ngày hội, đền cửa Suốt thật là tấp nập. Để kiêng tên người ta gọi Hưng Nhượng Vương là ông lớn cửa Suốt.

Ngày ngày hội về rằm tháng Giêng, ngày mồng ba tháng Tám là ngày giỗ Hưng Nhượng Vương, dân làng nơi đây cũng có mở hội.

Hội đền Yết Kiêu

Xã Hạ Bì, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương (Hải Hưng) ở ngay bên sông Phú Lương, có đền thờ Yết Kiêu, gia tướng của Hưng Đạo Vương. Hàng năm dân làng mở hội vào ngày mồng 8 tháng Hai âm lịch.

THẦN TÍCH. Yết Kiêu là gia tướng của Hưng Đạo Vương đã lập nhiều công trạng trong ba cuộc đánh đuổi quân Nguyên.

Hạ Bì chính là quê ông. Ông là một người có sức khoẻ. Bà mẹ ông nhà nghèo, lập quán bán hàng nước dưới gốc một cây đa đầu làng. Quán lợp sơ sài chỉ đủ che mưa che nắng.

Ông Yết Kiêu, lúc nhỏ ở với mẹ, ban đêm không bao giờ ngủ trong quán, bắc võng ngủ trên cây đa.

Ông hầu hạ mẹ rất có hiếu và làm hết những công việc nặng nhọc. Nhà ông có hai cái chum lớn([2]) đựng nước. Công việc gánh nước để dùng trong nhà cũng như để bà mẹ nấu nước bán do ông đảm nhiệm. Gánh nước ông không dùng thùng nhỏ, mà ông đem ngay hai cái chum lồng vào để gánh nước ở sông. Mỗi lần như vậy ông gánh đầy hai chum nước, đủ cho mẹ dùng bảy tám ngày.

Một ngày kia ông gánh đôi chum ra bờ sông lấy nước, ông bắt gặp hai con trâu đang húc nhau, ông liền lấy đòn ổng gánh nước để đuổi cho chúng khỏi húc nhau, không dè hai con trâu mãi húc nhau, húc đập cả đòn ổng của ông. Tức mình ông xông thẳng tới lấy hai tay vít đầu hai con trâu xuống.

Hai con trâu hoảng sợ chạy xuống sông mất. Ông nhìn tới đòn ổng thấy có dính mấy chiếc lông trâu. Ông tự bảo "Đòn ổng mọc lông."

Đoạn ông nhổ những chiếc lông đó cắm vào hai lòng bàn chân không dè lông ăn luôn vào da. Ông lấy làm lạ, nhưng cũng không lưu tâm tới mấy, gánh hai chiếc chum xuống sông để múc nước. Nào ngờ ông bước xuống sông, nước rẽ ra cả hai bên và ông không múc được nước.

Ông gánh hai chiếc chum về không. Không thấy có nước, bà mẹ hỏi thì ông đáp: "Sông hết nước rồi!".

Thấy con trả lời một cách vô lý bà mẹ cho là ông mãi đi chơi không chịu gánh nước, rồi nói dối. Bà vác gậy đuổi đánh. Ông bỏ chạy, không dám về nhà nữa. Về sau ông gặp Hưng Đạo Vương theo về làm gia tướng lập được nhiều công trạng trong việc đánh đuổi quân Mông Cổ.

Trên đây là thần tích xã Hạ Bì. Thần tích này hơi khác với những điều đã ghi trong các sách Nam Hải dị nhân của Phan Kế Bính và Hải Dương Phong vật chí của Trần Đạm Trai, bản dịch của Tô Nam Nguyễn Đình Diệm.

Theo Hải Dương Phong vật chí, một lần ông ra bãi biển gặp lúc có hai con trâu húc nhau, ông dùng cùi tay đánh trâu trâu chạy xuống bể mất dạng. Khi nhìn lại thấy có mấy cái lông trâu dính bệt vào cùi tay. Ông cho là vật thiêng bỏ ngay vào mồm nuốt chửng. Từ đấy ông lội nước cũng như đi trên đất bằng.

Theo Phan Kế Bính, khi ông thấy hai con trâu húc nhau, ông lấy gậy đánh trâu, trâu chạy xuống biển. Nhìn đầu gậy có dính mấy lông trâu, ông bỏ vào mồm nuốt chửng.

Khi theo Hưng Đạo Vương đánh quân Nguyên, ông dùng một chiếc dùi sắt, lặn xuống nước, khoan thủng thuyền của giặc, làm cho thuyền giặc bị đắm rất nhiều. Tướng giặc là Ô Mã Nhi thấy vậy dùng lưới chụp bắt được ông. Ô Mã Nhi tra hỏi trong nước Nam có bao nhiêu người tài giỏi như ông. Ông trả lời những người giỏi hơn ông nhiều lắm, tha ông, ông sẽ chỉ cho mà bắt. Ô Mã Nhi nghe lời, sai lấy thuyền nhẹ chở ông đi dẫn đường, ông liền, trong một lúc quân giặc không đề phòng nhảy xuống sông trốn.

Khi giặc Nguyên đã phá xong, triều đình chưa kịp ban thưởng, ông đã ốm chết. Ông được truy phong làm TĨNH MỤC HIỀN MINH CHIÊU ỨNG ĐẠI VƯƠNG.

Dân làng Hạ Bì lập đền thờ ông, và hàng năm mở hội để kỷ niệm.

Tục lệ trong ngày hội

Ngoài những cuộc tế lễ tại đình, trong ngày hội dân làng có tổ chức đánh cờ bỏi. Và chung quanh đình là những đám cờ bạc như xúc xắc, thò lò, đáo đĩa v.v...

Làng này có tục đăng cai rất tốn kém. Hàng năm sau ngày hội, dân làng chỉ định 12 vị quan viên sẽ lo việc đăng cai cho ngày hội năm sau.

12 vị quan viên, trong suốt năm được chỉ định, nếu vợ có chữa sẽ phải phạt vạ, và theo nguyên tắc họ phải giữ không gần nữ sắc cho đến kỳ hội năm sau.

Đến kỳ hội, mỗi vị đăng cai phải giết một con lợn (heo) nặng ít nhất một tạ ta tức 60 kí lô ngày nay. Con lợn này vị đăng cai phải nuôi từ năm trước, vỗ cho béo đầy, và cũng phải giữ sạch sẽ. Nếu ai vô ý để lợn ăn phải vật ô uế, con lợn sẽ bị bệnh mà chết, do đó con lợn được săn sóc kỹ lưỡng cũng như vị đăng cai phải tự giữ gìn lấy mình vậy. Cùng với con lợn vị đăng cai lại phải lo thổi một mâm xôi lớn, khổ mâm rộng 2 thước 2 tấc ta, tức là 0 thước 88 ngày nay. Mâm xôi phải đơm thật đầy. Và phải thổi bằng gạo nếp cái hột tròn mập và mùi thơm phức.

Xôi lợn này mang ra tế thần, rồi dùng làm phần chia cho dân làng.

Các vị bô lão tuổi cao được chia phần nhiều hơn, đúng theo tục lệ trọng tuổi già.

Các vị đăng cai nếu trong thời gian được chỉ định chẳng may gặp đại tang, sẽ bị loại, và một vị quan viên sẽ thay thế để lo việc đăng cai. Đăng cai tuy tốn kém, nhưng đây là một điều vinh dự trong dân làng, nên mọi người được chỉ định đều lấy làm hân hoan lo tròn bốn phận.

Theo lời một người dân xã Hạ Bì nói với chúng tôi thì Tỉnh Mục Hiến Minh Chiêu Ứng đại vương linh thiêng lắm, Ngài phù hộ cho dân làng rất nhiều. Trong đền thờ còn có chiếc búi tóc của Ngài. Chiếc búi tóc này, với thời gian đã biến từ màu đen sang màu vàng đỏ. Cho tới hồi 1945 chiếc búi tóc vẫn còn, nhưng không biết ngày nay có còn nguyên tại đền thờ Ngài chẳng?

[1] A. Pazzi. – *Người Việt Cao Quý do Hồng Cúc dịch, Cảo Thơm, in lần thứ hai, Sài Gòn, trang 88-89. (A. Pazzi là bút danh của nhà văn Vũ*

Hạnh dùng để qua mặt ty kiểm duyệt của chính quyền Sài Gòn thời bấy giờ.

[2] Trong Nam gọi là cái lu

Lễ kỷ niệm Nguyễn Trung Trực

Tại xã Long Kiên, quận Chợ Mới, tỉnh An Giang hiện nay có đền thờ ông Nguyễn Trung Trực, người đã dẫn binh chống Pháp vào những năm 1860.

Hàng năm trong những ngày 18, 19 và 20 tháng Mười tại đền Ngài có lễ kỷ niệm rất trọng thể.

Vài dòng tiểu sử

Nguyễn Trung Trực là một vị anh hùng của dân tộc, người đã hy sinh thân thể chống giặc Pháp xâm lăng. Dưới đây là tiểu sử của Ngài theo Nguyễn Thành Nhuận ở Long Xuyên đã đăng trên nhật báo Tiền Tuyến:

“Sanh trưởng trong một gia đình chuyên nghề chài lưới tại Mỹ Tho, Nguyễn Trung Trực có tên thật là Nguyễn Văn Lịch. Mồ côi cha từ thuở bé, ngài sống với mẹ già trong cảnh thanh bần với tấm lòng hiếu thảo hiếm có. Tánh tình điềm đạm, hình vóc trung trung, ngài có vẻ nho sinh hơn võ tướng. Vì hoàn cảnh gia đình thiếu thốn và cô đơn ngài cam chịu kém phần khoa cử nhưng rất tinh thông võ nghệ.

"Nhằm lúc nước nhà gặp cơn khốn đốn vì giặc Pháp xâm lăng, vốn có lòng ưu quân ái quốc, ngài không thể ngồi nhìn cảnh giang sơn bị giày xéo, đồng bào bị đau khổ, nên cùng người bạn là Nguyễn Văn Cầm chiêu binh mãi mã lập đội Nghĩa binh chống lại quân thù.

"Nhận thấy cụ Nguyễn Tri Phương là danh tướng đương thời có đồn lũy kiên cố mà không thể ngăn chặn được sức tấn công của giặc, ngài không áp dụng theo lối đánh công khai mà xoay qua thế du kích và chiến lược tiêu hao.

"Ngày 11-12-1861, ngài chỉ huy đột kích tàu Espérance tại vàm Nhật Tảo, tiêu diệt tất cả địch quân và chính tay ngài đã bêu đầu Trung tá Parfait. Đây là chiến thắng oanh liệt nhất lúc bấy giờ, được vua Tự Đức tuyên dương công trạng và chiếu chỉ sửa đổi tên ngài lại là Nguyễn Trung Trực.

"Sau đó ngài liền họp với cụ Trương Công Định tại Gò Công tiếp tục đánh phá những đồn bót của địch trong vùng Thuộc Nhiêu, Thủ Thừa, Bến Lức, Mỹ Hạnh, Phước Lý, Long Thạnh, Phú Lâm, Bà Hom.

"Vì lầm mưu tên phản bội Huỳnh Công Tấn tục gọi là Lãnh binh Tấn, cụ Trương Công Định bị sát hại đêm 20-8-1864 và hàng ngũ kháng địch do đó bị tổn hại khá nhiều.

"Qua năm 1867, ba tỉnh miền Tây Nam Việt lọt vào tay quân Pháp. Thế nhưng ngài không nản lòng thối chí. Lúc bấy giờ, Thủ Khoa Huân khởi nghĩa tại Định Tường; Thiên Hộ Dương phát cờ vùng Đồng Tháp, còn ngài thì chuyển binh về khắp miền Châu Đốc, Long Xuyên, Rạch Giá, Hà Tiên. Ngài đi khắp vùng Thất Sơn đến Vịnh Thái Lan, có lúc về ẩn náu vùng Cù Lao Ông Chường.

"Đang hoạt động tại miền An Giang kể được tin bạn là Nguyễn Văn Cầm bị giặc bắt tại đồn Kiên Giang, ngài liền tới Hòn Chông huy động binh sĩ vào đánh lấy đồn này. Với sự trợ lực hăng say của Cai Thoại một nghĩa binh có sức mạnh phi thường, bà Điền một bà già bán quán tại Trà Niên làm liên lạc và tình báo, và Bếp Cân trong hàng ngũ lính mã tà của Pháp làm nội tuyến, ngài đã hạ đồn Kiên Giang trong một đêm làm cho quân địch không kịp trở tay.

"Để ca tụng hai chiến công hiển hách trên, cụ Huỳnh Mẫn Đạt thời ấy có làm hai câu đối cho đến ngày nay vẫn còn truyền tụng:

Hỏa hồng Nhật Tảo oanh thiên địa

Kiểm bặt Kiên Giang khắp quỷ thần

"Một thời gian sau binh cứu viện của giặc từ Sài Gòn kéo đến. Thế giặc khá mạnh làm cho ngài không chống cự nổi phải rút binh ra Phú Quốc. Quân Pháp đuổi theo giao chiến liên tiếp. Trong cơn binh lửa, người chẵn gối với Ngài lâm bồn thọ bệnh đến chết, đứa con thơ không người chăm nuôi săn sóc cũng chết theo mẹ.

"Lãnh binh Tấn thừa lệnh của giặc ra tận Phú Quốc tìm ngài để khuyên dụ. Không thể gặp ngài, Tấn kiếm bắt mẹ ngài tra tấn tàn bạo bắt buộc chỉ nơi ngài ẩn trú. Không đành để mẹ mình chịu đau khổ và dân làng bị hành hạ, ngài từ chối tất cả mọi vinh quang phú quý của Pháp đem ra mua chuộc để nhận lấy cái chết ngang nhiên cho trọn niềm trung quân vương, hiếu phụ mẫu. Ngài bị xử tử tại Kiên Giang vào tháng 11 năm 1868.

"Trước giờ bị hành quyết, Ngài có làm một bài thi tứ tuyệt như sau:

Thư kiếm từng hung tự thiếu niên,

Yêu gian đảm khí hữu long tuyên,

Anh hùng nhược ngộ vô dụng địa,

Báo hận thâm cừu bất đái thiên.

* *

*

Theo việc binh hung tự thuở trai,

Phong trần hăng hái tốt gươm mài,

Anh hùng gặp phải hồi không đất,

Thù hận chan chan chẳng đội trời.

"Thế rồi lưỡi dao đao thủ phủ chém xuống, đầu ngài rơi nhưng hai tay của ngài đưa lên hứng lấy đặt ngay chỗ cũ, 2 mắt của ngài vẫn trừng

trùng sáng quắc làm cho ai nấy cũng phải kinh hoàng và thán phục.

"Khi triều đình Huế nhận được tin này, vua Tự Đức có dạy làm lễ truy điệu.

"Tuy ngài đã chết nhưng khí hùng của ngài vẫn sống muôn đời. Tuy cuộc tranh đấu của ngài không thành công nhưng gương trung nghĩa của ngài vẫn lưu truyền hậu thế.

"Để noi gương anh dũng ấy, tên của ngài được đức Huỳnh giáo chủ Phật giáo Hòa Hảo dùng đặt cho một bộ đội cách mạng kháng Pháp từ năm 1946.

"Vào năm 1952, bộ đội Nguyễn Trung Trực có xây cất tại xã Long Kiên quận Chợ Mới (An Giang) một đền thờ để tưởng niệm và tri ân ngài mà hàng năm đều có làm lễ giỗ.

"Tại tỉnh lỵ Rạch Giá tỉnh Kiên Giang cũng có đền thờ ông Nguyễn Trung Trực".

Kết luận

Chúng tôi xin tạm ngưng ở đây về những hội hè kỷ niệm liên quan tới các nhân vật lịch sử. Chúng tôi hiểu còn rất nhiều thiếu sót, nhưng sự biết nông cạn của chúng tôi có sao chúng tôi viết vậy, và chúng tôi rất mong sự bổ khuyết của bạn đọc. Đọc qua mấy chục trang trên, điểm thắc mắc đầu tiên của các bạn có lẽ là thấy thiếu những ngày kỷ niệm về các vị Bồ Cái Đại Vương, Lê Thái Tổ. Chúng tôi đã nhớ tới và chúng tôi cũng có chút ít tài liệu về các vị cũng như về nhiều vị anh hùng khác của dân tộc. Bà Triệu, Lý Thường Kiệt... Nhưng những tài liệu của chúng tôi không đủ rõ ràng, và chúng tôi cũng không có dịp đến tận nơi có đền thờ các vị này để tìm hiểu, nên chúng tôi nghĩ thà không nói đến còn hơn là nói đến một cách mập mờ.

Tất cả những hội hè chúng tôi đã nêu lên ở chương này đều liên quan tới các vĩ nhân lịch sử, và các vị này thật xứng đáng sự tôn thờ của hậu thế, tuy nhiều vị đã xuất thân nơi áo vải như vua Quang Trung, vua Đinh Tiên Hoàng, ông Phạm Ngũ Lão, Tả quân Lê Văn Duyệt v.v...

Dù ở nơi áo vải, dù từ một kẻ chăn trâu như vua Đinh, dù chỉ là một người dân quê đần rồ như Phạm Ngũ Lão v.v... các vị trên đã vì dân vì nước hoặc đánh đuổi xâm lăng, hoặc định an xứ sở, hoặc có những công trạng ích quốc lợi dân. Các vị đã quên thân mình, đem tài đức lo nghĩa công mới được đời đời tưởng niệm khói hương phụng thờ.

Người có công, dân nước không bao giờ quên, cũng như những kẻ có tội với quốc gia dân tộc, bán nước cầu vinh, thì muôn đời vẫn chịu bia miệng?

Hội hè về tôn giáo

Giới thiệu

Những hội hè về tôn giáo thường là những hội cử hành tại những nơi thờ tự riêng về các tôn giáo. Phần lớn những hội này là những hội chùa, nhưng cũng có những hội tổ chức tại các đền thờ chư vị, thờ các Bà chúa miền rừng núi hoặc miền sông và ta thường gọi là các đức Mẫu như đức Mẫu Thượng Ngàn, đức Mẫu Thủy Cung. Bên các Bà chúa có các ông Hoàng và các Công chúa, các tín đồ gọi là các Cô, như cô Ba Bắc Lệ và các Cậu.

Bà Liễu Hạnh, ta gọi kính cẩn là bà chúa Liễu cũng là một vị thần linh thiêng, và các nơi có đền thờ bà hàng năm cũng đều có mở hội.

Lại như ở miền Nam có Bà Chúa Xứ ở Châu Đốc mà hàng năm hội vào những ngày 24, 25, và 26 tháng Tư âm lịch được dân chúng gọi là lễ Vía Bà Núi Sam. Cũng phải kể các hội tôn giáo như lễ kỷ niệm Huỳnh Giáo Chủ ở Thánh địa Hòa Hảo.

Trong các hội tôn giáo, phần chính là sự lễ bái, các trò vui xuân tuy cũng có nhưng chỉ là phần phụ.

Hội chùa Hương

Chùa Hương còn gọi là chùa Hương Tích là một thắng cảnh của miền Bắc Việt Nam đã được vua Lê Thánh Tông tặng là NAM THIÊN ĐỆ NHẤT ĐỘNG.

Chùa nằm trên địa phận làng Yến Vĩ, phủ Mỹ Đức tỉnh Hà Đông.

Bắc Việt có nhiều chùa chiền thắng cảnh, nhưng ai đã đi chùa Hương đều công nhận chùa Hương là đẹp và chùa Hương cũng là nơi được

nhều người biết tới hơn cả, và sự biết này chính là do Hội Chùa Hương.

Hàng năm Hội Chùa Hương mở từ đầu tháng Giêng cho đến hết tháng hai, ngày chính hội là ngày rằm tháng Hai.

Trong kỳ hội dân chúng các nơi, khắp bốn phương miền Bắc, từ Thanh Hóa đến Lạng Sơn, từ Cao Bằng đến Nam Định đều rủ nhau trẩy hội Chùa. Nhiều người dù chẳng giàu có gì, nhưng lòng mộ đạo muốn thăm cảnh, họ cố gắng đi lễ Chùa Hương, người sung túc vài ba năm đi lễ một lần, người thiếu thốn cũng cố gắng một đời đi lấy một lần để biết nơi bầu Trời cảnh Bụt.

Chùa ngoài tên Hương Tích, còn được gọi là Hương Sơn. Nói là chùa Hương nhưng không phải chỉ gồm một ngôi chùa, mà gồm nhiều ngôi Chùa rải rác trong dãy núi đá vôi nhiều ngọn không cao lắm ở vùng này. Ngôi chùa chính là chùa Hương Tích thiết lập trong một động lớn, thờ Phật Bà Quan Âm, cùng với nhiều vị Phật. Chính trước cửa động này có năm chữ tương truyền là của vua Lê Thánh Tôn, với những nét rất sắc sảo Nam Thiên Đệ Nhất Động.

Đi chùa Hương thường do hai lối: đường bộ hoặc đường thủy, nhưng đi đường nào, khi tới bến Đục, hoặc bến Hà Đoan khách trẩy hội cũng phải đi dò Suối. Đường bộ qua Hà Đông đến phủ Vân Đình, tới làng Hòa Xá, rồi sang sông cập bến Hà Đoan khách trẩy hội sẽ đi bộ chừng năm trăm thước, và đây là dò Suối Đi đường thủy, khách đi dò dọc trên sông Đáy từ Phủ Lý, tỉnh lỵ tỉnh Hà Nam. Thuyền đi từ chập tối hôm trước, và tảng tảng sáng hôm sau tới bến Đục, kể bến Hà Đoan. Khách cũng lại đi bộ độ năm trăm thước trước khi tới dò Suối.

Bến Đục là địa đầu cảnh Hương Sơn. Phong cảnh trông thật là bao la hùng vĩ.

Trong những ngày mở hội, giữa khung cảnh bao la hùng vĩ này chen vào một vẻ tấp nập nhộn nhịp khác thường.

Dưới sông thuyền đậu san sát tại bến. Những cột buồm chi chít, khiến ở đằng xa, trông như một rừng tre khô: Những con đò ngang đi đi lại lại, từ bên này sang bên kia sông, và những con đò dọc từ mạn Phủ Lý tới từ từ cập bến. Du khách đứng nhấp nhô trên mũi thuyền, trên mạn thuyền. Mái chèo khua nước bắn tóe, sóng sông nhẹ vỗ vào mạn thuyền đều đều khiến những cơn thuyền dập dềnh như chen chúc. Du khách gọi nhau, chỉ trỏ cảnh núi non cao rộng, cảnh sông nước bao la, trông như tranh vẽ.

Lên bến Đục, người đi lễ đông nghịt, ai nấy đều tay xách nách mang, lúng túng những vàng hương đồ lễ. Họ kéo nhau đến đò Suối, hoặc từ đò Suối đi ra. Những lớp người tiếp những lớp người, những lớp người gặp những lớp người. Không ai quen biết ai, nhưng gặp nhau họ đều vui vẻ chào nhau. Họ chào nhau bằng những tiếng niệm Phật Nam mô. Những tiếng Nam mô vang lên, những tiếng Nam mô đáp lại. Lòng khách đi lễ, hay ở chùa ra về, ai nấy đều hướng vào Đức Phật Bà Quan Âm, cầu xin ở Đức Phật mọi sự từ bi hỉ xả, mong Đức Phật ra tay cứu vớt họ, để bao nhiêu lỗi lầm của họ về trước đều được xóa bỏ.

Đi bộ một lúc lâu là đò Suối. Trên quãng đường vào khoảng năm trăm thước từ bến Đục tới bến đò Suối là một dãy dài hàng quán bán quà bánh, các đồ thủ công nghệ để làm kỷ niệm và nhất là các thứ sản phẩm địa phương: Rau sắn, củ mài, mơ, trao lão mai v.v...

Đứng ở bến đò, khách nhìn bao quát được hết phong cảnh vùng chùa Hương. Non nước bao la, xa gần nét đậm nét nhạt, những dãy núi trùng điệp nối tiếp nhau. Bầu không khí trong vắt. Lòng du khách thấy nhẹ lâng lâng. Những tiếng Nam mô của chư khách chào nhau văng lên trời cao, vang trên mặt nước, lẫn vào ngàn mây, bụi trần lúc này cơ hồ như gột sạch.

Ở đây, khách sẽ xuống đò đi vào chùa Ngoài.

Những cô lái đò lanh lẹ trên chiếc thuyền nan với nét mặt tươi cười, với giọng quyến rũ mời khách đi đò.

Trời đầu năm còn lạnh lạnh. Các cô chít chiếc khăn mỏ quạ để lộ đôi má ửng hồng. Với khuôn mặt nhẹ nhàng, với dáng điệu mau mắn, các cô giúp đỡ khách đi chùa. Có những con thuyền vừa cập bến, chở khách từ chùa ra, có những cô đã cắm thuyền từ trước đợi khách vào chùa. Cô nào cô nấy đều vui vẻ đón chào chư thiện nam tín nữ thập phương.

Có lẽ ở đây là cảnh Phật, nên lòng người, ai cũng thấy nhẹ lâng lâng, không bợn chút bụi trần: Người ta đang sống ở một thế giới khác, tấm lòng vị tha đã thắng sự ích kỷ vị ngã, lấy sự niềm nở giúp đỡ nhau làm trọng yếu!

Có lẽ ở đây cảnh thiên nhiên mơ màng như không như có, như xa như gần, người ta chịu ảnh hưởng của núi trời mây nước, trở nên phóng khoáng rộng rãi, quý người hơn quý mình!

Khi thuyền vừa cập bến, các cô lái đò dừng chèo, mang hành lý lên bờ giúp khách đi đò. Miệng các cô hơi hờ tươi như hoa, lời các cô nhẹ nhàng, điệu bộ các cô nhanh nhẹn. Khách đi thuyền ai cũng ngợi khen.

Chào khách ra về, các cô niệm Nam mô A Di Đà Phật, và các cô nói theo: "Xin Phật độ trì cho cụ để sang năm cụ lại đi trải hội, chúng con sẽ đón cụ ở đây".

Khách cũng đáp lại:

"A Di Đà Phật Tôi cũng cầu xin Phật phù hộ cho cô luôn luôn khỏe mạnh, chở được nhiều khách tới lễ Phật."

Đấy là những khách rời thuyền, còn những khách xuống thuyền nữa.

Các cô don đả chào mời. Du khách xuống thuyền cô hay xuống thuyền của một cô khác, các cô vẫn vui vẻ giúp đỡ khách. Các cô lên bờ mang giúp khách xuống thuyền đồ lễ, vàng hương, và có khi khách mang theo cả chăn màn để phòng lúc ngủ lại chùa. Khách được các cô giúp vui mừng, cảm ơn lòng từ bi của Đức Phật đã cho khách được may mắn, và các cô cũng hài lòng.

Một tốp khách xuống thuyền, hai ba tốp khách lại xuống thuyền. Chiếc thuyền bé nhỏ của mỗi cô chỉ chở nhiều lắm là năm sáu người khách. Khách đã đủ, thuyền các cô rời bến.

Cô lái đứng ở đầu thuyền, quay mặt về phía khách. Theo đà tay cô bơi, mái chèo đập xuống nước, làm bắn những bọt trắng lên mạn thuyền. Người cô cúi xuống hay đứng lên tùy theo mái chèo đưa về đằng sau hay đằng trước. Đò lướt nhẹ nhàng trên dòng suối nhỏ nước trong vắt. Du khách có thể nhìn thấy đám cỏ mọc ở dưới suối, hoặc những cây rong bập bênh theo gợn sóng.

Dòng suối quanh co chảy qua cánh đồng chiêm, hai bên bờ suối có những ruộng mạ con gái xanh mơn mớn như tơ nõn chạy suốt tới chân trời hoặc tới chân một ngọn núi xa xa. Đi khỏi cánh đồng chiêm, suối lọt vào những vách đá xanh rì. Ở thuyền nhìn lên, du khách thấy những ngọn núi đủ các hình, cao có, thấp có, xa có, gần có, ngọn đậm, ngọn nhạt, ngọn chênh vênh, ngọn hiền từ.

Cô lái đò vừa bơi thuyền, vừa nói chuyện với khách chỉ dẫn cho khách biết đâu là núi Gà, núi Tượng, núi Trống, núi Chiêng, đâu là động Tuyết Quỳnh, đâu là chùa Trình. Cô lại giảng giải cho khách nghe tại sao có suối Giải Oan, có chùa Cửa Võng, tại sao lại gọi là hang Phật Tích, tại sao có chùa Tiên, đường lên Trời thế nào, lối xuống Địa Ngục ra sao. Khách trầy hột vừa nghe cô nói vừa nhìn theo phong cảnh, đồng thời khách cũng luôn miệng niệm Nam mô mỗi khi gặp chiếc thuyền ở trong chùa đi ra, hoặc mỗi khi vượt một chiếc thuyền khác. Cô lái đò dè tay chèo, vui câu chuyện, và cũng nhẹ miệng niệm Nam mô A Di Đà Phật theo với du khách. Thuyền lướt sóng, đò ngọn cỏ, đi nhẹ nhẹ, bên các thuyền khác Tiếng niệm Phật Nam mô vang động khắp dòng suối.

Mỗi khi thấy một ngọn núi, cô lái đò thường chỉ cho du khách: "Kìa là núi Mâm Xôi, đây núi Mẹ Bồng Con v.v...".

Cảnh đi đò Suối là cảnh nên thơ nhất trong cuộc đi trầy hột chùa Hương. Khách ngồi đò, với lòng tin tưởng vô biên ở đức Phật, hướng cả tâm hồn

về cõi Phật.

Những con đò bập bênh đè mặt nước, chiếc nọ trước chiếc kia. Khách đi thuyền miệng không ngớt tiếng niệm Phật. Họ niệm Phật để chào nhau, họ niệm Phật để cho đò mau tới bến. Họ niệm Phật để cầu chúc cho mình và cho các bạn đồng hành. Những con đò vào gặp những con đò đi ra, tiếng niệm Phật lại càng vang dội hơn. Các nam thanh nữ tú, các cụ già, các thiếu phụ, mặc dầu không hề quen biết, vồn vã nhau trong tiếng chào, cầu chúc cho nhau những điều may mắn. Những nụ cười đón những nụ cười, những nét mặt hân hoan đáp lại những nét mặt hân hoan. Tình cũng như quê, ở đây người ta không phân biệt ai sang ai hèn. Đạo giáo đâu có giai cấp, và đức Phật đâu có của riêng ai. Những chàng thanh niên thành thị, ăn vận rất lịch sự tới nơi đây hằng tươi tỉnh chào các cụ già quê, chào các thiếu nữ đồng ruộng, và những cô áo quần sắc sỡ xanh đỏ tím hồng ở đây vẫn là bạn của những cô quần sồi áo vải. Ai gặp ai cũng đều mừng rỡ, và những tiếng Nam mô hồn nhiên xuất ở cửa miệng mọi người như muốn tả hết nghĩa bác ái của Đức Phật. Tiếng Nam mô của khách trẩy hội như làm nhịp cho cô lái đò bơi, và đều đều theo tay lái, thuyền lướt sóng thấm thoát đã tới chùa Trình.

Khách có người vào lễ chùa Trình, có người đi thẳng.

Sao chùa này gọi là chùa Trình? Khách trẩy hội vào chùa như trình diện trước khi tới cảnh Phật, và khách ra về cũng vào lễ chùa này như để từ giã cảnh Hương Sơn.

Chùa Trình cách bến đò Suối chừng 500 thước. Rời khỏi chùa Trình, thuyền đi được chừng hai cây số sẽ gặp một nhánh suối khác, nhánh suối này dẫn khách tới chùa Long Vân, chùa có động tuyệt đẹp, cũng là một thắng cảnh thuộc phạm vi chùa Hương.

Thuyền cứ lướt theo dòng suối cho tới khi thấy ngọn núi Mâm Xôi Con Gà sừng sững hiện ra là sắp tới chùa Ngoài, tức là chùa Thiên Trù. Khỏi núi này một quãng là bến Thiên Trù có đường xây dốc thoai thoải để khách lên chùa.

Trước bến lên chùa, đò Suối như vùng rộng ra. Chùa Thiên Trù xây trên một sườn đồi, rộng rãi kang trang, ngoài những phòng cho tăng ni ở, còn có từng dãy phòng lớn để khách thập phương về tạm trú trong những ngày chùa mở hội.

Thật là một nơi tịch mịch nếu không phải là ngày hội. Suối chảy róc rách, tiếng chim gõ mõ trong ngàn cây, khiến cho ta quên hết mùi trần tục. Lại thêm đàn cá lừng lơ dưới suối nghe kinh. Chuông chùa từng hồi vang lên như muốn đưa tâm hồn ta tới cõi hư vô.

Những ngày hội, chùa Thiên Trù thực tưng bừng nhộn nhịp đủ các hạng người từ mười phương tìm đến, trước là lễ Phật, sau thăm cảnh chùa; tiếng mõ, tiếng chuông, tiếng tụng kinh, niệm Phật thực náo nhiệt vô cùng. Trái lại những ngày thường, đây là cảnh kỳ quan giữa chốn sơn lâm, trong chùa hương thơm bát ngát, mõ hòa nhịp điệu, chuông vắng ngân nga, ngoài rừng chim ca riu rít, vượn hót véo von, điểm tô cho cảnh lâm tuyền tĩnh mịch càng thêm huyền ảo mơ màng...

Vào ngày hội, khách đi lễ chùa Hương phải mất hai ba ngày để đi thăm các cảnh chùa khác như: chùa Tiên, chùa Giải Oan, chùa Cửa Võng, chùa Trong tức động Hương Tích. Buổi sáng thong thả ra đi và buổi chiều về nghỉ tại chùa Thiên Trù. Nếu du khách khỏe chân, có thể đi viếng cảnh chùa Hình Bồng, chùa này ở trong động đá, gần đỉnh một trái núi cao bên hữu chùa Thiên Trù cảnh trí cũng đẹp, trong chùa có tượng Phật bằng bạc. Chùa ở trên cao, đường lên có nhiều chỗ dốc dựng đứng hiểm trở cheo leo nên rất ít người lên viếng cảnh, lễ chùa.

Từ chùa Thiên Trù vào chùa Trong đường đi khúc khuỷu gập ghềnh, nhưng cảnh xinh như mộng. Trên đường kẻ đi người lại, miệng luôn luôn niệm câu "Nam Mô Quan Thế Âm Bồ Tát" cho quên sự mệt nhọc trên quãng đường dài. Dù quen nhau, dù chẳng quen nhau, nhưng gặp nhau ở đây cùng chung một mục đích lễ chùa, tình cũng như quê, ai cũng có thể chào hỏi nhau rất thông cảm bằng nụ cười bằng câu niệm Phật.

Cảnh Phật thiên đầy thiện tính làm cho ai cũng hân hoan niềm nở cùng nhau.

Trên đường vào chùa Trong, cách chùa Thiên Trù một quãng ngắn, có lối rẽ lên chùa Tiên ở sườn một trái núi nhỏ bên tay mặt, cao hơn đường đi khoảng hai ba chục thước. Chùa Tiên được xây lên với một động đá nhỏ, có hai lối ra vào khác nhau. Động đá có nhiều thạch nhũ rủ xuống rất đẹp. Vào động chùa Tiên, nếu không quen, người ta không thể nào ở lâu được vì khói hương thơm ngát, động đá nhỏ, khói thoát ra ngoài không kịp.

Từ chùa Tiên đi một thôi đường dài đến chùa Giải Oan, cách đường đi một chút về phía tay trái. Chùa này mang tên Giải Oan, vì có một giếng nhỏ gọi là giếng Giải Oan, giếng do mạch tự động trong núi đá chảy ra thành dáng suối nhỏ, nước trong và mát. Khách lễ chùa tin rằng nếu uống nước giếng này thì con người được thanh thản tươi vui, nỗi oan khiên sầu muộn hầu như được tiêu giải hết. Cũng vì thế, có nhiều người sau khi đã uống nước suối còn cầu khẩn Đức Phật và xin một vài chai nước suối mang về làm quà cho họ hàng, bè bạn.

Từ chùa Giải Oan đi một độ đường dài nữa đến chùa Cửa Vỡ. Chùa mang tên theo lối kiến trúc, nhìn bên ngoài phía trước giống như cái cửa vỡ trước hậu cung các đền thờ. Qua chùa Cửa Vỡ đến chùa Trong tức động Hương Tích, tuy vậy còn phải đi một độ đường khá xa, phần nhiều leo dốc. Động Hương Tích ở gần đỉnh một trái núi. Đến cửa động, như hình hàm rồng, khách phải xuống mấy chục bậc xây, sâu hơn cửa động trên mười thước mới vào được trong động. Ngay trước cửa động có hai cây chò vầy rất thẳng và rất cao, đó là thứ gỗ quý và hiếm có ở miền Bắc. Xuống hết bậc xây, ngay trước cửa động, khách thấy ngay một giải thạch nhũ từ trên rủ xuống trên có chữ đề Nam Thiên Đệ Nhất Động, nét bút rất sắc sảo, tương truyền là bút tích của vua Lê Thánh Tôn.

Động Hương Sơn có tượng thờ Đức Phật Bà Quan Âm và chư vị La Hán. Cứ theo lời truyền lại, động này là nơi Đức Phật Bà đã tu thành chính quả, mới có tên gọi là động Hương Tích.

Động Hương Tích rất rộng, có nhiều khối thạch nhũ từ dưới đất đùn lên, từ trên trần giải xuống, ngăn phần trong cùng động thành mấy lớp. Nhũ đá óng ánh muôn màu kỳ ảo, lạ nhất là có những nhũ đá gõ vào nghe như tiếng chuông, tiếng khánh, có những nhũ đá như hình em bé, người ta nói là hình cô, hình cậu. Tín nữ hiếm con đi thấy hội cầu tự thường miệng lẩm nhẩm cầu trời cầu Phật tay vuốt ve các nhũ đá như để rủ về với mình.

Ánh sáng trong động vì chỉ có từ ngoài cửa chiếu vào và qua một vài lỗ hổng trên đỉnh núi chiếu xuống nên rất yếu ớt; thêm vào đó, ánh sáng những ngọn nến trên các bệ thờ Phật không đủ sức sáng, còn khói trầm, khói hương làm cho mờ mờ ảo ảo cả một khoảng trong cùng quả động, nơi thờ Phật càng thêm vẻ tôn nghiêm.

Trong động có đường lên trời, đường xuống Âm phủ, đó là chỗ vách đá thông lên đỉnh núi và hang đá đi sâu vào lòng đất, người ta đã gọi vậy cho thêm bí ẩn kỳ.

Du khách đi lễ chùa Hương nếu muốn đi cho hết, nên đi lễ chùa Hình Bồng đã nói ở trên và chùa Long Vân chỉ cách chùa Thiên Trù chừng vài ba cây số. Ngoài ra còn một ngôi chùa nữa, đi theo ngả khác nhưng cũng thuộc khu vực Hương Sơn đó là chùa Tuyết Sơn. Muốn viếng chùa Tuyết Sơn, không phải đi theo đò Suối. Từ bến đò Suối có đường bộ đi theo phía tay trái chừng một cây số.

Chùa xây ngay chân một trái đồi đất lẫn đá. Cảnh trí cũng rất mỹ quan, cửa chùa nhìn ra cánh đồng chiêm, mùa lúa đang con gái xanh mướt như nhung, bám sát những trái núi màu xanh hòn đậm, hòn nhạt, màu sắc hòa hợp đẹp như bức tranh tuyệt tác khổng lồ.

Chùa Hương nổi tiếng linh thiêng, chùa Hương có cảnh đẹp thiên nhiên mơ màng quyến rũ. Từ đò Suối vào đến Thiên Trù cảnh trời mây non nước đã đẹp với vẻ đẹp hùng vĩ bao la, thì từ Thiên Trù vào chùa Trong đi theo đường rừng, đường núi, có hoa thơm ngào ngạt có rừng mơ tươi tốt, có chim bay, bướm lượn, có từng bầy khỉ đùa rồn bên đường mặc

cho du khách qua lại nhộn nhịp không sợ hãi. Phải chăng nơi thiên nhiên này là giang sơn của chúng cũng như của những loài dã cầm, dã thú tự do sinh hoạt!

Chùa Hương là một thắng tích. Nhiều văn nhân thi sĩ đi trải hội có đề thơ trên vách đá, và trong dân chúng cũng truyền tụng rất nhiều thi ca ca tụng cảnh chùa và ca tụng đò Suối.

Cụ Phan Mạnh Danh có bài thơ Hương tích tuyền đò sau đây nói về đò Suối:

Phong diềm lãng tĩnh quýnh vô trần,

Lường ngạn sơn đầu thảo mộc xuân.

Khê hạ nhất hoẵng nguyên thủy lục,

Chu hành nghi vị Vũ lãng tân.

Cụ Đông Viên đã dịch:

Sóng êm chẳng chút bụi trần bay,

Hai mạn xanh rì núi cỏ cây.

Dòng suối dưới khe tuôn nước biếc,

Thuyền đi ngõ bến Vũ Lãng đây.

Cụ nghệ Chu Mạnh Trinh xưa cũng đã để lại cho chúng ta một bài thơ tuyệt bút về Hương Sơn thắng cảnh:

Bầu trời cảnh bụi,

Thú Hương sơn ao ước bấy lâu nay,

Kìa non non, nước nước, mây mây.

"Đệ Nhất Động" hỏi rằng đây có phải?

Thỏ thẻ rừng mai chim cúng trái,

Lững lờ khe yến cá nghe kinh;

Thoảng bên tai một tiếng chày kinh.

Khách tang hải giật mình trong giấc mộng.

Này suối Giải Oan, này chùa Cửa Võng,

Này am Phật Tích, này động Tuyết Quỳnh!

Nhác trông lên ai khéo vẽ hình,

Đá ngũ sắc long lanh như gấm dệt.

Thăm thẳm một hang lồng bóng nguyệt

Gập ghềnh mấy lối uốn thang mây.

Chừng giang sơn còn đợi ai đây,

Hay tạo hóa khéo ra tay sắp đặt

Lần tràng hạt niệm "Nam vô Phật"

Cửa từ bi công đức biết là bao.

Càng trông phong cảnh càng yêu.

Cụ Chiêu Dương, một thi sĩ lão thành và là một trong những nhà thơ cổ cuối cùng, trong tập Sơn Nhân Nhân Bút xuất bản năm 1959 cũng có bài thơ Vịnh Chùa Hương Tích:

Nam thiên đệ nhất động Hương Sơn,

Riêng thú thanh cao cảnh núi ngàn.

Cõi Phật bốn mùa thừa thụy khí,

Bầu trời muôn trạng góp kỳ quan.

Hữu tình núi Tượng, Gà, Chiêng, Trống,

Vô tận kho Tơ, Thóc, Bạc, Vàng,

Có lối lên trời, đường xuống đất,

Long lanh cẩm thạch rọi hào quang.

Cứ kể ra văn thơ về chùa Hương còn nhiều, rất tiếc viết lại ra đây không xuể. Nào bài cảnh chùa Hương của cụ Thám Hoa Vũ Phạm Hàm, bài Động Hương Sơn của cụ Dương Khuê, lại còn bài thơ Chùa Hương của Nguyễn Nhược Pháp có lẽ trong chúng ta không mấy người là không biết.

Cảnh chùa Hương đẹp, văn thơ chùa Hương hay, và trước đây ở miền Bắc không ai là không ước ao trải hội chùa Hương một lần!

Sài Sơn với hội chùa Thầy

Vùng trung du miền Bắc là vùng có nhiều phong cảnh tuyệt mỹ nên thơ, du khách đã một lần qua thăm không bao giờ quên được, nhất là lại đi thăm vào dịp đầu xuân, gặp khi nơi thăm mở hội xuân với tục lệ đặc biệt của dân tộc. Nhớ cảnh đẹp, nhớ tục lệ hay và có khi nhớ thêm cả sự tích nơi thăm viếng.

Qua các thắng cảnh trung du miền Bắc đã thăm Sài Sơn với hội chùa Thầy, đổ ai không nhớ!

Miền Bắc có câu ca dao

Chùa Thầy khánh đá, chiêng đồng

Có đi thì trả của chồng mà đi!

Đúng vậy, phong cảnh Sài Sơn đã đẹp hùng vĩ, ngày hội chùa Thầy lại có nhiều thú vui rất quyến rũ.

Vậy Sài Sơn với chùa Thầy ở đâu?

Vị trí Sài Sơn

Sài Sơn còn có tên Phật Tích Sơn, là một ngọn núi cao thuộc địa phận làng Thụy Khuê, phủ Quốc Oai, tỉnh Sơn Tây. Vùng Quốc Oai thực nhiều núi, la liệt có tới vài chục ngọn.

Những ngọn núi này đặc biệt hiện ra đột ngột ở giữa cánh đồng ruộng lúa bao la, trông giống như những cù lao trên mặt biển. Mỗi khi gió thổi, ngọn mạ nhấp nhô, người ta tưởng chừng đồng lúa chín là mặt biển vịnh Hạ Long.

Theo các sách địa lý, xưa kia đây là biển, nước phù sa sông Đà và sông Hoàng Hà đã bồi đắp, biển đã thành cánh đồng bát ngát, và những cù lao biến thành những ngọn núi đứng sừng sững giữa đồng bằng.

Núi Sài Sơn là ngọn núi cao nhất vùng này. Đẳng xa có ngọn Phượng Hoàng Sơn, còn gọi là núi Tản Viên, trông giống như con Phượng sắp bay và ngọn Hoàng Xá Sơn hình giống con voi phục. Cả Phượng lẫn Voi đều hướng về Sài Sơn.

Xa nữa là một dãy núi chạy dài. Theo dãy núi này sẽ có núi Đồng Lữ, núi Tiên Lữ, núi Sơn Lộ và núi Tử Trâm, ngọn núi sau cùng này thuộc địa phận xã Long Châu, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Đông. Trên dãy núi, cây cối um tùm, một màu xanh xanh đậm nhạt.

Về phía Tây nam Sài Sơn là một cánh đồng mông mênh bát ngát đưa tầm mắt tới phía chân trời vô định.

Và chùa Thầy

Chùa Thầy ở dưới chân núi Sài Sơn về phía cánh đồng, tên chữ là Thiên Phúc tự.

Đây là một ngôi chùa cổ kính xây từ đời vua Thần Tôn nhà Lý, kiến trúc theo kiểu cổ Trung Hoa tượng thật uy nghiêm linh tú và xếp đặt như cung điện của một vị đế vương.

Trước cửa chùa có một hồ nước khá rộng, giữa hồ là một thủy đình. Hai bên tả hữu thủy đình có hai chiếc cầu xây bằng gạch, lợp mái gọi là Nhật, Nguyệt lưỡng kiều.

Khách viễn cảnh chùa có thể tới thủy đình hóng gió, làm thơ và có khi uống rượu thưởng sen với những bông hoa trăm cánh, với hương thơm ngào ngạt bốc lên. Thật là thanh cao thú vị!

Chùa chia làm ba lớp:

Lớp ngoài cùng là nơi tế lễ, trang trí cũng như các ngôi chùa khác. Có thể gọi đây là nhà tam quan, ngôi nhà để trống được xây ở trước cửa đình, cửa chùa, nơi dân làng tới họp trong những ngày hội hoặc tuần rằm, mừng một lễ bàn định về việc tế lễ.

Lớp giữa thờ Phật với đủ các pho tượng Tam thế, Cửu Long, Thích Ca thành đạo, Văn Thù Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát v.v...

Lớp trong cùng, đây là điểm đặc biệt của chùa Thầy, là nơi thờ ông Từ Đạo Hạnh, nơi đây có ba pho tượng, theo lời dân làng và ông từ giữ chùa, ba pho tượng đó đều là tượng ông Từ Đạo Hạnh:

Pho tượng ở chính giữa, trông giống thầy tu, đó là kiếp trước của Ngài.

Pho bên tả giống một vị đế vương, đó là kiếp sau của Ngài.

Pho tượng bên hữu chính là tượng Ngài. Tượng này làm bằng gỗ bạch đàn, một thứ gỗ quý rất thơm, đựng trong khám kín không ai được xem, chỉ hàng năm vào ngày mùng 5 tháng 3 âm lịch dân làng mới cử người vào mở khám để làm lễ mộc dục tức là lễ tắm tượng.

Ở hai bên hàng cột có treo nhiều đôi câu đối sơn son thiếp vàng, trong đó có câu:

Vi Tiên, vi Phật, vi Quốc vương, sinh hóa tam thân lưu hiển tích

Hữu động, hữu hồ, hữu thiên thị, giang sơn nhất đá biểu kỳ quan

Dịch nôm:

Làm Tiên, làm Phật, làm Quốc vương, sinh hóa ba lần linh hiển lẫm

Có đông, có hồ, có chợ trời, giang sơn một giải lạ lùng thay!

Sự tích ông Từ Đạo Hạnh và vua Lý Thần

Đôi câu đối chúng tôi vừa nhắc tới đã nói lên tất cả sự tích dị kỳ của ông Từ Đạo Hạnh. Chúng tôi xin lược chép dưới đây qua thần tích. Thần tích này gồm cả lịch sử ngôi chùa.

Ông họ Từ, đi tu lấy pháp danh là Đạo Hạnh, tục danh ông chính là Từ Lộ.

Ông người làng An Lãng, huyện Vinh Thuận, tức là làng Láng thuộc đại lý Hoàn Long Hà Nội sau này.

Ông sinh vào đời nhà Lý, tu theo đạo Phật, là một vị cao tăng thời bấy giờ. Ông học vấn uyên thâm, kiến văn quảng bác lại thêm phép thuật cao siêu.

Cha ông tên Từ Vinh làm Tăng Quan Đô Sát triều Lý, mẹ là Lãng thị thuộc dòng dõi quý phái. Khi còn ít tuổi, ông thường chơi bời kết bạn với một nho gia họ Phí, một đạo sĩ tên Phan Ất và một người phường chèo là Lê Hoàn. Hàng ngày ông chỉ cùng mấy người kia đàn địch hát xướng và đông dài cờ bạc nên luôn luôn bị cha quở mắng.

Ban ngày ông chơi bời như vậy, nhưng ban đêm ông lại rất chăm học, thường thường có khi đọc sách thâu đêm suốt sáng.

Sau ông đi thi trong gác hội về khoa Bạch Liên và có sang Ấn Độ học đạo.

Cha ông, ông Từ Vinh dùng thuật phản ông Diên Thành Hầu, một vị quan tôn thất. Diên Thành Hầu liền nhờ ông Đại Diên một thầy Phù Thủy cao tay dùng phép thuật đánh chết, quăng xác xuống sông Tô Lịch. Xác trôi đến cầu Yên Quyết tự nhiên dừng lại. Đại Diên biết liền đến gần cái xác quát to lên rằng:

Tăng hận bất cách túc, sinh tử nhất tràng mộng

Nghĩa là:

Thầy chùa giận không để cách đêm, sống chết chỉ là giấc mộng dài.

Sau lời quát của Đại Diên, xác của Từ Vinh lại trôi đi

Từ Đạo Hạnh thấy cha bị Đại Diên giết, lòng căm tức vô cùng, thề quyết báo cái thù chẳng đội trời chung ấy, nhưng nghĩ mình pháp thuật kém Đại Diên, đành phải nén thù cố tâm đi học đạo luyện phép.

Ông vào trong hang Phật Tích tu luyện.

Sau một thời kỳ dày công khổ hạnh, ông trở về kinh thành. Đến sông Yên Quyết, ông cầm cái gậy ném xuống dòng sông, nước sông dù chảy xuôi nhưng gậy lại trôi ngược uốn khúc tựa con Rồng. Ông mừng lắm và tự nói rằng:

"Pháp thuật của ta đã hơn Đại Diên?"

Sau đó ông dùng phép tàng hình đánh chết Đại Diên.

Đại Diên tuy chết nhưng vong hồn không tan, hẩn vẫn hẩn học muốn báo thù Từ Đạo Hạnh, bèn hóa làm một đứa con trai độ ba tuổi rất xinh đẹp tự xưng là hoàng tử Giác Hoàng. Mọi việc xảy đến nhà vua, Giác Hoàng đều biết trước. Vua Lý Nhân Tôn, bấy giờ chưa có con trai, nghe tin lấy làm lạ, sai người đi đón Giác Hoàng về cho ở trong chùa Báo Thiên. Về sau vua lại có ý muốn lập Giác Hoàng là Đông Cung Thái Tử nên nuôi làm con nuôi.

Ông Từ Đạo Hạnh được tin, biết Giác Hoàng chính là hồn của Đại Điền muốn nhờ cửa nhà vua để báo thù mình.

Ông bèn yểm các ấn pháp để giết chết Giác Hoàng.

Giác Hoàng chết, vua Nhân Tôn thương xót lắm, sai sứ đi tìm quanh nơi Giác Hoàng chết xem có bùa yểm gì không, sứ bắt được nhiều quả ấn khắc tên Từ Đạo Hạnh.

Vua giận lắm sai bắt Đạo Hạnh giam vào lầu Hưng Khánh rồi hội họp đình thần nghị án chém đầu. May thay cho Đạo Hạnh! Có em vua là ông Sùng Hiền Hầu thấy vậy thương xót tâu rằng:

"Nếu Giác Hoàng pháp thuật cao cường, dù có bị yểm bùa cũng không chết. Nay Từ Lộ có phép giỏi hơn Giác Hoàng nghĩ xin bệ hạ tha cho y và bắt y thác sinh còn hơn."

Nhà vua y tấu. Từ Đạo Hạnh đến tạ ơn Sùng Hiền Hầu, nhân thấy phu nhân có thai, ông bèn bảo Hầu:

"Khi nào phu nhân sắp lâm bồn xin ngài nhớ cho tôi biết trước."

Đến khi Sùng Hiền Hầu phu nhân tới ngày lâm bồn, trở dạ đã lâu mà chưa sinh được. Hầu nhớ tới lời dặn của ông, cho người tới nói để ông hay.

Ông dặn người học trò của mình là Nguyễn Minh Không:

"Ta với ngươi có duyên cũ, vậy kiếp sau nếu ta phải hóa làm hổ thì ngươi nghĩ tình thầy trò đến chữa cho ta."

Dặn Nguyễn Minh Không rồi ngài vào trong một hang núi Sài Sơn, làng Thụy Khê và hoá ở đấy. Hang này ngày nay mang tên là hang Thánh Hóa.

Đúng với giờ ngài hóa, Sùng Hiền Hầu phu nhân sinh một con trai đặt tên là Dương Hoán, lớn lên rất thông minh đĩnh ngộ lại hiếu học. Vua Lý

Nhân Tôn nhận làm con và sau truyền ngôi cho tức là vua Lý Thần Tôn.

Vua Lý Thần Tôn là một vị vua hiền, nhiều lần đại xá cho tội nhân và giảm thuế cho dân chúng.

Về sau nhà vua tự nhiên mắc một chứng bệnh thật là kỳ dị, tinh thần mê loạn, mình mẩy ngứa ngáy, gào thét nháy nhót suốt ngày như cọp.

Bao nhiêu pháp sư và danh sư đều không chữa bệnh được cho vua. Triều đình cho sứ đi tìm các danh y cao tăng. Nguyễn Minh Không được tin, liền đặt ra một câu hát, xui trẻ con hát:

Tập tầm vông

Có ông Nguyễn Minh Không,

Chữa được cho Hoàng Thái Tử.

Triều đình cho sứ đi mời ông đến. Các danh y, cao tăng thấy ông ăn mặc xuề xoàng quê mùa cục mịch có ý coi thường.

Biết ý, ông liền lấy một cái đinh dài 5-6 tấc đóng lên trên cột và nói rằng:

"Nếu ai rút được cái đinh này mới đủ tài trị bệnh cho hoàng đế"

Các danh y và các chư tăng đều chịu. Nguyễn Minh Không bèn dùng tay trái nhổ cái đinh ra, ai nấy đều khiếp phục.

Ông lấy một cái vạc thật to, đun nước thật sôi, nhúng tay vào hòa thuốc, rồi dùng nước đó tắm cho vua. Vua khỏi bệnh. Vua phong cho ông làm Quốc Sư.

Đó là câu chuyện về sự tích của ông Từ Đạo Hạnh với vua Lý Thần Tôn và hang Thánh Hóa tại chùa Thầy.

Câu chuyện có vẻ hoang đường, nhưng đây là thần tích, chúng tôi chỉ xin chép lại!

Hang Thanh Hoá và di tích của ông Từ Đạo Hạnh

Như trên đã trình bày, ông Từ Đạo Hạnh trước khi thác sinh, vào một hang núi Sài Sơn để hóa, và hang đó nay mang tên là hang Thánh Hóa. Hang này ở lưng chừng núi, trên một địa điểm chênh vênh.

Muốn tới hang Thánh Hóa phải leo một con đường ngoắt ngoéo, trên những hòn đá cheo leo, giữa những đám cây cỏ um tùm. Qua con đường này, tới một ngôi chùa nhỏ, chùa Đình Sơn. Chùa Đình Sơn nhỏ nhưng rất đẹp và mát mẻ. Trong chùa, lễ tất nhiên thờ Phật, nhưng lại có thờ vọng cả ông Từ Đạo Hạnh.

Qua khỏi chùa, đi theo một con đường nhỏ ven chùa tới một chiếc am mang tên là am Hiền Thụỵ. Sau am Hiền Thụỵ là hang Thánh Hóa.

Hang Thánh Hóa rộng rãi, ở ngoài trông như một gian nhà cao ráo sáng sủa. Ở hai bên chân hang có hai bể nước chứa nước mưa rỏ xuống từ khe núi.

Trong hang có nhiều pho tượng. Hang ở dưới rộng rãi, nhưng qua nơi rộng rãi này, ở trên có một khe nhỏ ăn hút vào núi. Muốn vào khe này, nhà chùa để sẵn cho du khách một chiếc thang tre, và khi đã leo hết thang phải bò theo sườn hang.

Trước khe này có khắc vào đá ba chữ THẠCH ĐIỂM ĐẦU. Cửa khe nhỏ chỉ một người chui vào vừa nhưng bên trong cùng rộng ra có thể đủ ba bốn người cùng đứng. Người ta bảo đây mới đúng là hang Thánh Hóa và mé dưới chỉ là một cái động!

Trong hang có nhiều vết lõm xuống đá. Theo lời tương truyền đó là những vết trán vết chân khi ông Từ Đạo Hạnh hóa, ngã xuống!

Đây chỉ là lời tương truyền? Thường ở tất cả những nơi thắng tích, nếu có những dấu vết đều có những lời tương truyền để thi vị hóa phong cảnh hoặc để cho người ta sùng kính tế tự.

Chùa Một Mái, hang Gió và hang Bụt Mọc

Hang Gió là một cái hang hổng hai đầu, đứng ở trong hang mát lắm, lúc nào cũng có gió lùa, do đó gọi là HANG GIÓ.

Muốn tới Hang Gió phải vòng ra đằng sau chùa Đinh Sơn rồi đi theo con đường nhỏ ở ven núi sang cho tới chỏm núi bên kia. Ở ngay chỏm núi bên kia lại có một ngôi chùa nữa, chùa MỘT MÁI, lối kiến trúc chỉ làm có một mái. Trước chùa Một Mái cũng có một hang nhỏ trong có rất nhiều bụt đá. Với những bụt đá này, ngôi chùa trông có vẻ lạ và đẹp.

Hang Gió ở giáp ngay mé bên cạnh chùa.

Đi khỏi Hang Gió, khách thấy hội lại gặp một chiếc miếu, đây là miếu thờ Quan Đế; rồi ở đằng sau miếu lại có một cái hang nhỏ nữa gọi là HANG BỤT MỌC: trong hang có rất nhiều tượng Phật bằng đá.

Núi Sài Sơn rất nhiều hang động vì đây là núi đá. Khách thấy hội hàng năm thường kéo nhau đi thăm đủ.

Hang Cắc Cớ

Ca dao vùng Sơn Tây có câu nói về chùa Thầy và hang Cắc Cớ:

Động chùa Thầy có hang Cắc Cớ

Trai chưa vợ thì nhớ chùa Thầy!

Hang Cắc Cớ là hang thế nào và tại sao những chàng trai chưa vợ lại cứ nhớ chùa Thầy?

Hang Cắc Cớ là một hang sâu lắm, ở cách không xa hang Bụt Mọc bao nhiêu. Hang đã sâu, cửa hang lại nhỏ, trong hang tối om om.

Dân làng Thụy Khuê còn gọi hang này là hang THẦN.

Đi qua cửa hang, du khách phải lách về phía bên trái, đi theo con đường sát vào vách đá. Con đường này rất nhỏ và dài vào khoảng năm trăm

thước. Hang tối om, ai đi trên con đường vách đá này đều phải hết sức chú ý, sẩy chân rớt xuống vực sâu là mất mạng! Phải đi lần từng bước. Không ai dám sơ ý dù có ham ngắm rất nhiều thạch nhũ muôn màu rủ xuống đang chìm đắm trong bóng tối. Thằng hoặc có ai mang theo đèn nền cũng không dám coi thường từng bước đi!

Đường đó đi một người cũng đã phải thận trọng huống hồ trong những ngày hội, kẻ ra người vào tấp nập không ngừng, người ta lại càng phải thận trọng hơn nhiều. Đường là đường độc đạo, lại chỉ vừa một người đi, nên mỗi khi hai người kẻ ra người vào gặp nhau, người ta phải ôm sát lấy nhau để tránh cho khỏi ngã.

Thật là các cố trở trêu! Đã có biết bao nhiêu chàng trai được ôm sát lấy người những cô gái, và khi một cô gái gặp một chàng trai, dù muốn hay không cũng phải ôm sát lấy người chàng để khỏi bị rơi xuống vực thẳm. Sự gần gũi ngẫu nhiên này giữa nam và nữ đã đem lại cho hang cái tên là CẮC CỐ!

Đi hết quãng đường tối dốc nguy hiểm nhưng lại rất thú vị này, đến quãng đường rộng, tương đối bằng phẳng hơn, tuy ở dưới chân vẫn lờm chờm những hòn đá ngầm trong vũng nước. Quãng đường này đã bớt nguy hiểm nhiều. Hết quãng đường này, khách sẽ gặp một tảng đá to sừng sững đứng giữa động, chính tảng đá này đã che hết ánh sáng làm cho hang Cắc Cố tối om om. Vòng hết tảng đá, đi quặt sang bên phải, đột nhiên ánh sáng trong như lọt, lọt vào trong hang do một lỗ hổng ở trên cao. Giờ đây, khách thấy hội có thể ngắm những nhũ đá muôn hình vạn trạng óng ánh như kim cương rủ xuống.

Di tích của ông Lã Tá Công trong hang Cắc Cố

Trong hang Cắc Cố ở chính chỗ nơi sâu rộng có rất nhiều hài cốt và xương người.

Trước kia vào thời Thập nhị Sứ quân, một toán quân của ông Lã Dương tức là Lã Tá Công, một trong Thập nhị Sứ quân đã bị quân của vua Đinh Tiên Hoàng vây hãm trong hang núi. Quân của ông Lã Tá Công không

phá được vòng vây, bị hãm lâu ngày chết đói hết. Những mảnh hài cốt bắt gặp ngày nay chính là hài cốt của toán quân đó.

Trong hang có lập nhiều bàn thờ để cúng những âm hồn uổng tử này. Ngoài những hài cốt thật, người ta còn nặn cả những hài cốt đất sét để thờ.

Hồi tiền chiến, hang này có được sửa sang lại để trong những ngày hội, khách thập hội có thể ra vào dễ dàng hơn.

Hang Cắc Cớ có rất nhiều khe ngách. Đi vào vô ý rất có thể bị lạc đường.

Chợ Trời

Đã tới Sài Sơn phải biết Chợ Trời.

Chợ Trời ở trên đỉnh Sài Sơn. Đó là một khoảng đất khá rộng hình tròn, chung quanh mọc lờm chờm những hòn đá vừa to vừa nhỏ và lác đác dăm ba cây đại già.

Muốn lên Chợ Trời tự chân núi phải đi theo một con đường đá lờm chờm quanh co, khập khểnh, lắm chỗ rất khó đi, phải leo trèo như con vượn. Leo lên rất mệt, nhưng phải leo lên tới đây mới thưởng thức được cái vẻ đẹp của toàn cảnh Sài Sơn.

Thật là một nơi đệ nhất danh thắng tỉnh Sơn Tây. Phong cảnh như tranh vẽ: mây trôi dưới gót, gió thổi bên khe, xa xa nào núi, nào sông, núi cao cao ngất, sông quanh co uốn khúc lấp lánh dưới ánh mặt trời! Những xóm làng đồng nội cách nơi đây độ mười lăm cây số đều có thể trông thấy rõ ràng, thu gọn vào với núi sông thành một bức họa thiên nhiên, màu sắc êm dịu và hòa hợp, đồ có tay họa sĩ nào vẽ được cho bằng.

Hội chùa Thầy

Hàng năm cứ đến ngày mồng bảy tháng ba âm lịch, Chùa Thầy mở hội rất to để kỷ niệm ông Từ Đạo Hạnh. Ngoài việc cúng vái tụng kinh, dân

làng Thụy Khuê có tổ chức những trò vui cổ truyền như đánh cờ, hát chèo, múa rối.

Làng Thụy Khuê chỉ cách thị xã Sơn Tây có 17 cây số, và Sơn Tây cách Hà Nội không bao xa, nên ngày hội khách ở tỉnh và ở Hà Nội kéo về không ít, trước là đi lễ, sau là ngoạn cảnh và xem những trò vui cổ truyền.

Những đồng bào Phật Giáo đua nhau trẩy hội với vàng hương và lễ vật. Những người hiếm con tới chùa cầu tự và rất nhiều người xin áo dẫu ở chùa. Người ta cũng xin thẻ để cầu những điều mong mỏi, trai gái hỏi về việc tình duyên, người buôn bán làm ăn hỏi về tài lộc, người đau ốm hỏi về bệnh tật v.v...

Chính hội là ngày mồng bảy tháng Ba, nhưng dân làng Thụy Khuê mở cửa chùa từ ngày mồng 5, sau lễ mộc dục tắm tượng ông Từ Đạo Hạnh.

Quanh năm vất vả với công việc làm ăn, nhân làng mở hội, ai nấy trong làng đều nghỉ việc để dự hội làng, nào tổ tôm điếm, nào cờ bỏi, nào xem múa rối, nào dự hát chèo... và nhất là vui chơi cờ bạc.

Cờ bỏi

Cờ bỏi chơi cũng như cờ chiếu tướng và cũng có một số quân như vậy gồm tướng, sĩ, tượng, xe, pháo, mã và tốt. Đúng ra cờ bỏi là cờ chiếu tướng chơi ở trên sân đình, hoặc ruộng, và thay vì những quân cờ đặt trên bàn cờ, quân cờ ở đây là những chiếc biển cắm xuống những lỗ đào sẵn ở sân đình hoặc ở ruộng. Những lỗ này xếp đặt theo như những vị trí trên bàn cờ.

Cờ đi cũng giống như quân cờ đi ở trên bàn cờ: mã lách, tượng diên, xe liền, pháo cách...

Muốn ra sân chơi cờ bỏi, các kỳ thủ phải đấu trước cờ bàn mấy trận, và chỉ những người thắng cờ bàn mới được ra chơi cờ bỏi.

Giải cờ do dân làng tặng, giải không to, thường chỉ gồm vài bao trà, bánh pháo, vuông nhiều điều, nhưng giải to nhỏ đâu có phải là điều quan tâm của các tay danh thủ. Điều cốt yếu là được giải, được giải mới là điều vinh dự.

Trong lúc hai đấu thủ chơi cờ, dân làng cử người đánh một chiếc trống khau để thúc giục đấu thủ không được quá trì chậm trong nước đi.

Mỗi ván cờ thắng dân làng thường đốt một bánh pháo mừng.

Hát chèo

Đây là một lối hát đặc biệt Việt Nam.

Hàng năm trong dịp đầu xuân thường có những phường chèo đến các làng có hội xin hát thờ thần và đồng thời để dân làng mua vui. Lẽ tất nhiên những buổi hát đều có tiền thù lao.

Hát chèo điệu bộ cũng gần như hát tuồng, nhưng giọng hát thì khác hẳn. Giọng hát Nam, hát Bắc, hát Nòi niêu không giống như hát tuồng.

Y phục phường chèo cũng tương tự như phục phường tuồng. Những tích hát chèo thường là những tích có kết cục luân lý để răn đời.

Trong những ngày hội quê miền Bắc cũng như miền Thanh Nghệ xưa thường bao giờ cũng có hát chèo.

Chèo hát ở ngay trước bàn thờ thần.

Các cụ có tuổi hoặc các quan viên trong làng được cử cầm trống chầu.[1]

Múa rối

Múa rối là một trò chơi giải trí bằng người gỗ hoặc người vải nhồi bông có người ngồi ở chỗ khuất giắt dây cho cử động.

Đám múa rối thường thiết lập ở cạnh đình làng, đàn bà trẻ con xúm nhau tới xem.

Trong trò múa rối người ta cũng diễn lại những sự tích cũ như hát tuồng hoặc hát chèo. Những người gõ hoặc người vãi nhồi bông đóng vai nào thường được vẽ mặt và bận y phục như vai đó trong một vở tuồng.

Nghệ thuật hát tuồng và hát chèo là nghệ thuật tượng trưng thì trò múa rối tuy là trò của đàn bà trẻ con, cũng có tính cách tượng trưng như nhiều môn mỹ thuật hoặc trò giải trí khác của phương Đông.

Trong lúc những người gõ hoặc người vãi nhồi bông cử động nhảy múa theo đà dây giạt, thì ẩn núp ở hậu trường đã có những người hát theo những nhịp cử động của mỗi vai trò hoặc nói những lời của những vai trò này phải nói và thỉnh thoảng lại khôi hài để chuốc lấy tiếng cười của khán giả.

Xưa kia trò múa rối rất thịnh hành ở nước ta, tại hầu hết các hội quê đều có tổ chức múa rối để mua vui cho đàn bà trẻ con. Mỗi khi một làng mở hội cũng có những phường múa rối tới làng để xin diễn trò như những phường tuồng và phường chèo.

Múa rối nước

Ngoài kiểu múa rối ở trên cạn, tại các xã ở gần sông hồ còn có múa rối nước rất đặc biệt và đòi hỏi ở các diễn viên một sự khéo léo tối đa, - diễn viên đây xin hiểu là những người có nhiệm vụ giạt dây các vai trò.

Phan Kế Bính trong Việt Nam phong tục đã viết về trò múa rối nước như sau:

"Bắc rạp ở dưới nước, phường hát ngồi trong rạp trống phách hát hồng, một người đứng dưới nước cầm máy làm cho các người gõ đi chạy trên mặt nước, hoặc đánh nhau. Hoặc làm hai con rồng chọi nhau, hoặc làm ông Lã Vọng câu cá, có cá nhảy ra đớp mồi, giạt lên được cá" ([2])

Thực ra trò múa rối nước cũng không khác trò múa rối trên cạn bao nhiêu. Cũng làm rạp và người giạt dây cũng đứng khuất để giạt cho những vai trò làm trò. Sự hấp dẫn của cả hai lối múa rối đều như nhau,

nhieu hay ít tùy ở tài người giạt dây và ở những người ca theo điệu nhịp của các vai trò. Các lời ca, lời nói thường được đệm nhạc.

Vai trò Sài Sơn với chùa Thầy

Sài Sơn là một thắng cảnh, chùa Thầy là một di tích tôn giáo lẫn lịch sử nên rất được nhiều người viếng thăm, không riêng gì trong những ngày hội mà cả ngày thường nữa.

Các văn nhân thi sĩ, viếng cảnh chùa Thầy, xúc động trước phong cảnh hữu tình thường đề thơ kỷ niệm. Thơ đề ngay trên vách đá, thơ khắc ngay vào các cửa động.

Chúa Trịnh Căn (1682-1700) khi xưa cũng đã viếng thăm cảnh Sài Sơn với chùa Thầy, và cũng đã có một bài dẫn và một bài thơ đề hang Cốc Cờ, khắc ngay vào vách đá núi Sài Sơn. Dưới đây là bản dịch hai bài trên của trường Bác Cổ Hà Nội:

Rộng xem dưới sườn núi mấp mô, trời nhân sáng sửa bao quát rất nhiều gió tốt. Ta từng cầm quyền lan nhị, trang sức dùng xạ châu, đã khắp nơi tán dương đề vịnh, sai khắc ở lưng núi này. Vừa gặp buổi trời mây mở thịnh, nhân tiết xuân lại lên xem cảnh tốt, lòng vui thẳng bước, hết thấy xem chơi, chỉ thấy khe núi quanh co, rõ ràng đường tắt bằng phẳng, thảnh thoảng điểm màu xanh biếc, y nhiên có vẻ huyền Trân, thực là trong cảnh sáng tỏ; càng thêm thần kỳ, lòng mến cảnh chưa thôi, vần thơ đã nảy; bèn sai khắc vào đá này:

Lạ thay hồng tạo khéo đào thành,

Danh ấy đong đeo xứng sở danh,

Ngọc tửu hương nhuận mùi bát ngát,

Quân giai nguyệt tỏ bóng đàn rành.

Sắc xanh thu thụ khoe xuân đượm,

Tiếng nhật huân kinh diễn đạo lành.

Trần tới hây hây chằng điếm bơn,

Chọn sao thanh tĩnh nữ thiền tinh.

Nữ sĩ Hồ Xuân Hương khi xưa đi thăm chùa Thầy, đã có một bài thơ thật là tuyệt tác đề vịnh hang Thánh Hoá:

Khen thay con tạo khéo khôn phàm,

Một đố giường ra biết mấy ngoàm.

Lườn đá cỏ leo, sờ rậm rạp,

Lách khe nước rỉ, mó lam nham.

Một sư đầu trọc ngồi khua mõ,

Hai tiểu lưng tròn đứng giữ am.

Đến mới biết rằng hang Thánh Hóa,

Chồn chân mỗi gối vẫn còn ham.

Cụ Tam Nguyên Yên Đỗ cũng có thăm Sài Sơn và đã vịnh Chợ Trời:

Hóa công xây đắp biết bao đời,

Nọ cảnh Sài Sơn có chợ Trời.

Buổi sớm gió tuôn mưa nắng trái,

Ban chiều mây hợp tối trăng chơi.

Bày hàng hoa quả tư mùa sẵn,

Trái thẻ giang sơn bốn mặt ngồi.

Bán lợi mua danh nào những kẻ

Chả lên mà cả một đôi lời.

Văn thơ về Sài Sơn và Chùa Thầy rất nhiều, nhưng khuôn khổ bài này không cho phép chúng tôi được đi xa hơn nữa.

[1] Xin xem *CẨM CA VIỆT NAM* trong bộ *Nếp Cũ của soạn giả*

[2] *Việt Nam phong tục*. – *Đông Dương tạp chí* số 29 ngày 1-8-1915.

Hội đền Linh Sơn Thánh Mẫu núi Bà Đen Tây Ninh

Núi Bà Đen là ngọn núi cao nhất miền Nam Việt Nam cách tỉnh lỵ Tây Ninh 11 cây số. Núi cao vòi vọi, mây lam che phủ trông rất ngoạn mục.

Trên lưng chừng núi có đền Linh Sơn Thánh Mẫu, dân chúng tôn gọi là Đức Phật Bà, và đền này được gọi là Điện Bà.

Hàng năm vào dịp xuân, từ mồng 10 tháng Giêng dân chúng các nơi tới hành hương lễ bái rất đông, nhất là ngày 15 tháng Giêng.

Sự tích Phật Bà

Tây Ninh có sự tích về Phật Bà như sau:

Tương truyền rằng thuở còn là phần đất của Cao Miên, tại vùng núi Tây Ninh, có một viên quan Trấn thủ địa phương người Miên sinh hạ được hai con: một trai tuấn tú và một gái hiền thực tục gọi là Nàng Đênh.

Lúc nàng mới độ 13 tuổi có một ông sư người Tàu tên là Trung Văn Danh từ Bến Cát (Thủ Dầu Một) (Sông Bé) đến núi Tây Ninh tìm chùa làm nơi để hoằng khai Phật Pháp.

Khi đến nhà quan Trấn, sư ông thăm hỏi việc truyền bá đạo Phật trong vùng và dò la kiếm nơi ẩn trú để hành đạo.

Quan Trấn Thủ mời sư ông tạm nghỉ nhà mình để ông thừa dịp học đạo.

Sư ông vui vẻ nhận lời và từ đó bắt đầu hoằng khai Phật pháp trong gia đình quan Trấn Thủ và Cơ Vệ Đội.

Tuy trẻ tuổi, nhưng sớm mượn màu thiền, nàng Đênh miệt mài nghe sư ông giảng đạo. Quan Trấn là người mộ đạo, nên sau đó đã thiết lập cho sư ông một cảnh chùa nay còn di tích gọi là chùa Ông Tàu nằm về phía Đông chân núi, phía làng Phước Hội lên, chưa được kiến thiết lại.

Thời gian thấm thoát trôi qua, nghĩ lại đã mấy năm xa cách thiện nam, tín nữ Bến Cát. Sư ông bèn tạm biệt quan Trấn để trở về thăm cảnh cũ người xưa.

Từ ngày sư ông vắng bóng, nàng Đênh vẫn một lòng sùng kính Phật Đạo, luôn luôn lo việc hương khói cho chùa.

Vốn con nhà trâm anh, lại tuổi đã tới tuần cập kê, nên nhan sắc của bà càng thêm xinh lịch và được tiếng đồn khắp nơi. Quan Trấn địa phương vùng Trảng Bàng, cơ sở tại sông Đua Bờ thành thuộc làng Lộc Hưng nay còn di tích, mới cậy mai mối đến nói với song thân của bà xin cho bà sánh duyên cùng trưởng nam của ông. Thân sinh của bà vui vẻ tán thành, vì trai tài, gái sắc lại môn đương hộ đối nên định cho bà thành nên giai ngẫu và hứa với đấng trai sẽ cho chọn ngày lành để sánh lễ.

Nhưng khi nói lại cho bà biết, thì trước lời hứa danh dự của song thân, bà chưa biết trả lời ra sao, nên xin đình đãi để bà kịp suy nghĩ.

Qua nhiều đêm trăn trở, sau những lần cân phân hơn thiệt bà định tâm lánh mặt đợi ngày bà có dịp cạm tỏ để song đường biết. Bà đã phát nguyện xuất gia cầu đạo, không thể có mặt trong nhà mà không tuân lệnh song đường để làm rạn vỡ tông môn, cũng không thể chấp nhận lập gia đình để gây mãi cho con người kiếp luân hồi khổ não.

Một đêm khi cha mẹ ngủ yên, bà lên ra đi tìm Đạo.

Hôm sau, cũng tưởng con mình như thường lệ sang chùa lễ Phật nên song thân bà không để ý đến sự vắng mặt ấy. Mãi đến bữa ăn, song thân bà mới cho người đi gọi, hình bóng bà đâu không thấy. Ông liền sai quân lính toả ra đi kiếm, kẻ băng rừng lội suối, người vượt đá trèo non, mãi đến trưa, quân tìm theo các kệt đá, về báo đã gặp khúc chân bà tại một hang đá.

Song thân bà đến nơi, cảnh hãi hùng hiện ra, máu còn đó và thật chân của bà, mà người còn đâu? Có lẽ hồ non đã ăn người vẫn sống?

Sau khi khóc than, song thân bà cho lệnh quân lính mai táng chân của bà trên núi và rước thầy giải oan cho bà.

Dân địa phương cho bà chết oan như thế phải hiển thánh nên từ đó có việc gì khó khăn đều cầu xin bà về phù hộ và thường được toại ý.

Rồi việc bà hiển thánh đồn xa, nhân dân rất sùng kính bà từ đấy. Vì vậy nên khi có việc oan trái, dân địa phương nhang đèn sẵn trước sân, đứng giờ ngọ hướng về núi cầu bà phù hộ.

Thời gian trôi qua...

Bao nhiêu năm sau, lúc ấy Nguyễn Ánh bị quân Tây Sơn đuổi theo rất gấp nên từ Gia Định, Nguyễn Ánh theo “đường Sứ” qua Tây Ninh sang Lào đi Xiêm cầu binh cứu viện.

Lúc Nguyễn Ánh chạy đến Trảng Mang Chà vùng Bùng Binh hiện nay bị Tây Sơn đuổi nã, còn đang do dự chưa biết tính lẽ nào thì được nhân dân cho biết trên núi có bà hiển thánh, ai tin bà cầu gì được nấy.

Nguyễn Ánh mới sai Quản cơ Lê Văn Duyệt phi ngựa đến núi cầu bà mách giùm tương lai nhà Nguyễn.

Trong đêm, lúc mơ màng giấc điệp, Nguyễn Ánh được bà cho biết cứ theo "đường Sứ" đến Tây Ninh vòng qua Núi Bà, lên Võ môn tam cấp,

qua Xiêm cầu viện, sự nghiệp cả sẽ nên, còn việc ngăn đón Tây Sơn, bà đã có cách.

Nguyễn Ánh cùng quan quân hôm sau tiếp tục cuộc thoát thân và công cuộc được như bà đã ứng mộng. Quân Tây Sơn theo đường thủy sông Sài Gòn đuổi theo rất gấp. Được tin Nguyễn Ánh qua Trảng Mang Chà, quân Tây Sơn càng hăng hái chèo thuyền không quản ngày đêm, định tận diệt dòng họ Nguyễn.

Nhưng vừa qua khỏi khúc sông Bùng Binh, thuyền thành linh đụng vào đá chìm trong đêm tối, làm cho quan quân Tây Sơn chết rất nhiều. Vì lực lượng còn quá ít, nên các tướng sĩ sống sót phải dùng một vài chiếc thuyền còn lại trở về Gia Định. Trên sông Sài Gòn tại chỗ thuyền Tây Sơn chìm nay còn xoáy nước.

Nhờ vậy, Nguyễn Ánh chúa tôỉ thoát nạn và về sau được các tướng hữu danh hợp về một mối, phá tan Tây Sơn, xây dựng lại nghiệp cũ.

Sau khi lên ngôi, vua bèn cho đúc cốt Bà Đênh bằng đồng đen và giao quan Trấn thủ miền Nam đưa lên núi tại động thờ bà và kèm theo sắc phong cho bà là Linh Sơn Thánh Mẫu. Do đó nơi thờ bà được chư sư và bá tánh gọi là Linh Sơn Tiên Thạch Động.

Dân chúng, nghe lại tích bà, nên gọi núi Tây Ninh là núi Chân Bà Đênh rồi nay gọi tắt và trại ra là núi Bà Đen.

Sự tích việc thành lập điện Bà

Phật Bà đã hiển thánh, nhưng việc thành lập Điện Bà dùng làm nơi hương khói thờ phụng bà, không phải dân dựng nên ngay, mãi về sau điện mới được dựng nên do tu sĩ Đạo Trung.

Vào cuối thời kỳ Tây Ninh còn thuộc đất Miên, có một vị tu sĩ tên là Đạo Trung đến ẩn trú trên núi Bà và sinh sống bằng cách khai khẩn một khoảng đất tại nơi đây.

Tu sĩ cô đơn sống 31 năm một mình nơi núi rừng, sớm chiều lo tụng kinh niệm Phật. Cho đến một ngày kia bỗng nhiên, tu sĩ trông thấy Phật Bà hiển hiện trên đỉnh núi. Và ít lâu sau, tại một dòng suối, tu sĩ tìm được chân dung bằng đá của Phật Bà, tu sĩ liền thỉnh về núi lập động để thờ phụng. Điện Bà có từ đó.

Điện Bà lập nên, khách thập phương tấp nập về chiêm bái nhất là trong tháng đầu xuân.

Sự tích Phật Bà theo dân Chàm

Dân Chàm ngụ tại xã Đông Tác, thường nhắc tới sự tích Phật Bà khác hẳn sự tích trên. Theo họ sự tích Phật Bà như sau:

Ngày xưa Hoàng Đế nước Chàm cướp công chúa nước Việt làm hoàng hậu.

Sau xảy ra chiến tranh giữa hai nước Chàm và Việt, hoàng hậu không nghĩ đến việc giúp đỡ chồng gìn giữ đất nước, lại cố tình giúp đỡ nước Việt để chiến thắng nước Chàm.

Hoàng hậu đã khuyên nhà vua đốn bỏ một cây thần mọc ở trước cung điện. Nước Chàm thuở ấy được thịnh vượng nhờ cây thần này, và dân Chàm tin rằng cây thần linh thiêng là nhờ phép màu của Phật Bà.

Vua Chàm nghe lời hoàng hậu đốn cây thần, dùng gỗ cây chế tạo một chiếc tàu chiến. Với tàu chiến, mỗi lần ra quân, quân Chàm luôn luôn thắng quân Việt, chiếc tàu chiến vẫn được Phật Bà che chở.

Quân Việt phải tìm cách cắm cừ giữa sông, chiếm đoạt được chiếc tàu, sau đó mới chiến thắng được quân Chàm!

Dân chúng thấy hội

Mỗi năm xuân tới, dân chúng miền Nam kéo nhau tới lễ Điện Bà, người đông như nước chảy. Lễ Điện Bà để cầu sự phù hộ của người và cũng nhân dịp ngắm xem phong cảnh hùng vĩ của Núi Bà.

Đến Tây Ninh, còn phải đi chừng hơn mười cây số về phía Bắc mới tới chân núi, đường đi dễ dàng, có thể sử dụng các loại xe. Từ chân núi, khách thấy hội phải đi bộ và phải leo núi. Điện Bà ở lưng chừng núi, nơi cao độ 380 thước. Đường lên núi tuy phải leo trèo, nhưng có nhiều đoạn được xây thành bậc đi cũng dễ dàng. Hai bên đường rải rác có những ngôi nhà nhỏ xinh xinh để khách nghỉ chân. Có thể ở những ngôi nhà này có vài bà hoặc cô bán quà bánh và đồ giải khát, thường là trái cây. Cũng có người bán những lâm sản lấy ở trong núi như những hạt đậu nọc dùng để trị rắn rết hoặc bọ cạp cắn rất thần hiệu.

Khách đi giữa bóng cây râm mát, giữa tiếng ve kêu như khúc nhạc thiên thu, và có lúc con đường lên núi lại đi qua một dòng suối nước chảy róc rách thật nên thơ.

Đền Linh Sơn Thánh Mẫu ở lưng chừng núi. Khách vào lễ đền rồi nghỉ ngơi. Tuy đền ở giữa rừng núi, nhưng trong tháng Giêng, từ mùng 10, ngày nào cũng đông khách tới lễ bái, nhất là ngày rằm quang cảnh đền càng nhộn nhịp, người lễ bái đông gấp bội những ngày khác.

Lễ tại đền xong, khách có thể ra về hoặc tiếp tục theo đường mòn leo lên núi. Núi cao trên 800 thước và đỉnh núi luôn luôn có mây che, do đó núi còn có tên là Vân Sơn.

Thường thường khách lễ trong đền xong, đều lên lễ chùa ở phía trên. Nơi đây nhà chùa có cơm chay đãi khách, khách cứ việc dùng rồi cúng tiền vào quỹ chùa, có hoặc không, nhiều hoặc ít tùy hỉ. Nếu khách muốn lưu lại chùa, nhà chùa sẽ có giường màn mời khách ngủ, ai cũng như ai không phân biệt sang hèn, không phân biệt người cúng tiền vào chùa nhiều ít. Khách có thể lưu lại hai ba ngày hay lâu hơn nữa, khách vẫn được nhà chùa thiết đãi một cách nồng hậu như người mới tới. Ở chốn tu hành, đồng tiền không có nghĩa, và người mộ đạo, ai cũng như ai.

Chùa đã ở gần đỉnh núi, nhưng trên cao nữa còn có miếu Sơn Thần. Khách có thể lên miếu, nếu không ngại dốc đá chênh vênh, leo trèo khúc khuỷu.

Dân chúng sùng bái Linh Sơn Thánh Mẫu, mùa xuân tới ai cũng nghĩ tới đi lễ để cầu mong một năm thịnh vượng.

Hội Phủ Giầy

Đền Phủ Giầy xây tại xã Vân Cát, huyện Vụ Bản tỉnh Nam Định thờ Liễu Hạnh Công chúa.

Hàng năm đền có mở hội từ mồng một cho đến hết mồng mười tháng ba mới rã đám, gọi là Hội Phủ Giầy. Hội mở rất linh đình nhộn nhịp và dân chúng đông lắm, nhất là dân mấy tỉnh Nam Định, Ninh Bình, Thái Bình, và Thanh Hóa.

Sự tích Liễu Hạnh công chúa

Liễu Hạnh Công chúa tên thật Giáng Tiên, là ái nữ ông Lê Thái Công, thôn An Thái, xã Vân Cát, huyện Vụ Bản tỉnh Nam Định (Hà Nam Ninh).

Vân Cát là một làng văn học, dân cư sầm uất gần giáp núi Gôi, nơi có ga xe lửa trên đường Hà Nội đi Ninh Bình.

Lê Thái Công vốn người nhân đức ưa làm điều thiện, nhưng số phận hiếm hoi, mãi ngoài 40 tuổi mới sinh được một con trai. Cách năm sau phu nhân lại có thai. Lạ thay, thai đã quá tháng, phu nhân không sinh lại thường bị đau yếu chỉ thích ngửi hương hoa. Người nhà nghĩ phu nhân bị tà ma ám ảnh, đền thầy pháp yểm trừ, nhưng bệnh không thay đổi, cả nhà lo sợ lắm.

Cho đến một đêm vào tiết Trung Thu, trong lúc mọi người thường nguyệt, bỗng có một người ăn mặc rách rưới, tự khoe có phép thuật xin vào trị bệnh. Người nhà không tin. Lê Thái Công vẫn ân cần đón mời.

Người đó vào đến sân, rút trong tay áo ra một cây búa ngọc, nhảy lên đàn đã thiết lập từ trước để thầy pháp cúng trừ tà, giữa mặt lên trời lâm râm tụng niệm. Trong lúc ấy Thái Công và gia nhân đều đứng ở dưới đàn

nhìn lên. Đang tụng niệm bỗng nhiên người kia hét lên một tiếng rất lớn, rồi quăng cây búa ngọc xuống chỗ Thái Công đang đứng. Thái Công liền ngã nhào xuống đất mê man bất tỉnh. Người nhà thấy vậy biết là phép thuật, chỉ cùng nhau khấn vái.

Một lát sau Thái Công tỉnh dậy. Cùng lúc ấy trong buồng phu nhân có bóng hào quang sáng rực và có tiếng khóc oa oa. Phu nhân vừa sinh một gái. Hương thơm ngào ngạt khắp nhà.

Mọi người vui mừng quên không để ý tới người lạ mặt ở trên đàn, nhưng khi để ý tới, không biết người này đã biến đi đâu tự bao giờ? Ai cũng lấy làm lạ.

Thái Công tỉnh dậy kể cho người nhà nghe:

Khi ông ngã xuống, có mấy lực sĩ dẫn ông đi, đằng trước bóng sáng lờ mờ, qua mấy chặng đường đến một nơi cửa ngọc lầu vàng. Tại đây, lực sĩ thay áo cho ông rồi dẫn ông vào cửa cấm chờ lệnh. Không lâu, bỗng mây vàng bao phủ, hai bên sân có hàng mấy trăm tiên nữ, áo quần tha thướt, múa hát những khúc nghệ thường vũ y. Cô dâng đào, cô chuốc rượu, chúc thọ Vương mẫu.

Giữa lúc ấy, có một tiên nữ áo hồng, nâng chén ngọc, lỡ đánh rơi, vỡ tan chiếc chén, tức thì phía bên tả có một tiên ông đệ trình một cuốn sổ vàng. Vương mẫu quở mắng nàng tiên.

Wương mẫu quở mắng xong, hai thị nữ áp dẫn nàng tiên áo hồng ra lối cửa Nam, một người cầm chiếc biển vàng đề hai chữ SẮC GIÁNG([1]) đi trước.

Thái Công hỏi, một lực sĩ đáp:

"Đây là tiên chúa thứ hai tên gọi Quỳnh Nương, nay phạm lỗi bị giáng xuống trần."

Lực sĩ nói xong đẩy mạnh Thái Công làm cho ông sức tỉnh, và vừa sức tỉnh, ông nghe tiếng khóc oa oa ở trong phòng phu nhân.

Thật là kỳ lạ! Người nhà ai cũng đoán cô gái mới sinh là tiên nữ áo hồng giáng thế. Cũng vì vậy Thái Công đặt tên con là Giáng Tiên.

Khi Giáng Tiên lớn lên nhan sắc lạ thường, học hành thông minh lại có tài âm nhạc, nhất là sử dụng ống tiêu. Cô đã soạn ra nhiều ca từ phổ vào đàn nhạc.

Dưới đây là bốn bài ca từ về bốn mùa theo bản dịch của Phan Kế Bính trong Nam Hải dị nhân liệt truyện:

XUÂN TỪ (Điệu Xuân Quang Hảo)

Cảnh như vẽ, khéo ai hay? Hoa đào mỉm miệng liễu dương mày. Bướm nhớn nhờ bay, oanh vàng líu lo trong bụi, én đỏ ríu rít trên cây. Buồng xuân dịu dặt mỗi tình ngây, đề thơ này!

HẠ TỪ (Điệu Cách Phố Liên)

Trời đất nhiều phần nóng nẫu. Đầu cành rúc giọng ve, bãi cỏ kêu vắng tiếng chẫu; vò võ quốc kêu sầu, eo éo oanh hót ngẫu. Đường bảo nhau: "Chúa Xuân về rồi, thôi cũng hảo!" Cảnh sắc dường kia, ngao ngán cầm lòng khôn đậu. May đâu thần Chúc Dong gảy một khúc nam huân, hương sen thoảng đáo một trận gió bay, sạch lòng phiền não.

THU TỪ (Điệu Bộ Bộ Thiêm)

Mặt nước trong veo non tựa ngọc, gió vàng hây hây khua khóm trúc. Hoa lau muôn dậm trắng phau phau, cây cối vẻ hồng pha vẻ lục. Cung thiêm sáng quắc ả Hằng ngủ, dạo bước thêm giao tình rạo rực. Chi bằng đến thẳng giậu cúc thơm, thanh thơi dạo đàn gảy một khúc.

ĐÔNG TỪ (Điệu Nhất Tiễn Mai)

Khí đen mờ tịt tỏa non sông, hồng về Nam xong! Nhạn về Nam xong!
Gió bắc căm căm tuyết mịn mừng! Tựa triện ngời trông! Tựa triện đứng
trông! Sưởi lò mặt vẫn giá như đồng, ngời chẳng yên lòng, năm chẳng
yên lòng! Dậy xem phong cảnh lúc trời Đông, hoa quên lạnh lòng, người
quên lạnh lòng!

Bốn điệu ca từ trên thật là buồn, Giáng Tiên thường dạo mấy khúc này.
Mỗi khi Thái Công dạo chơi sau vườn, nghe những nhạc buồn của con
gái, bụng cũng lấy làm buồn. Nhân Thái Công có một ông bạn họ Trần
cùng làng, Thái Công cho Giáng Tiên làm con nuôi Trần Công, và làm
riêng một căn nhà trong vườn Trần Công để nàng ở.

Ít lâu sau Giáng Tiên kết duyên cùng Đào Lang, con trai một vị hữu quan
ở gần nhà Trần Công. Về làm dâu nhà họ Đào, Giáng Tiên một lòng hiếu
thuận, và năm sau sinh hạ một con trai.

Ba năm sau, một hôm vào mồng ba tháng Ba, Giáng Tiên tự nhiên vô
bệnh mà mất, năm ấy nàng mới 21 tuổi.

Nàng chết đi, ba nhà họ Lê, họ Trần và họ Đào đều thương tiếc sầu thảm
không nguôi, nhất là Lê Thái Bà đêm ngày khóc lóc đau xót vô cùng.

Có lẽ cảm thương mẹ quá đau đớn, một hôm giữa lúc Thái Bà đang
khóc, Giáng Tiên hiện về ôm lấy mẹ mà nói:

- Mẹ ơi! Con ở đây mẹ khóc gì thế!

Thái Bà ngừng nhìn con, và cả nhà xúm lại hỏi han, Giáng Tiên nói:

- Con là Đệ nhị tiên cung phải đầy xuống trần, nay hết hạn, phải về thiên
cung. Cha mẹ có âm công, đã vào sổ tiên, mai sau cũng được đoàn tụ
không cần gì phải âu sầu.

Nói xong nàng biến mất.

Từ ngày nàng hiện về, người làng biết chuyện gọi nàng là Tiên chúa.

Kể từ khi Tiên chúa mất đi, Đào lang cũng sầu thảm khôn khuây. Để giải phiền chàng thường ngâm thơ. Một đêm giữa lúc chàng ngâm thơ Tiên chúa hiện tới. Chàng vội vàng níu lấy kể lẽ sự đau khổ của mình. Tiên chúa khuyên giải rồi lại biến mất.

Từ đó, Tiên chúa thường hiện lên ở khắp nơi. Có lần ở Lạng Sơn, Tiên chúa đã cùng Phùng Khắc Khoan đối đáp thơ văn. Lại có lần ở Hồ Tây, Tiên chúa cùng Phùng Công làm thơ xướng hoạ liên ngâm.

Về sau Tiên chúa hiển thánh ở Đèo Ngang, Phố Cát, tỉnh Thanh Hóa, hiện ra làm một cô gái nhan sắc mở quán bán nước, những đàn ông con trai đi qua đùa bỡn bị chết hại rất nhiều. Tin về triều đình, cho là yêu quái, sai phù thủy và quân tướng đi dẹp, chẳng ngờ đến đèo Ngang, khi thầy phù thủy thi thử phép thuật bỗng ngã lăn xuống đất trợn mắt trừng trừng, còn quân lính dùng tên lửa bắn vào rừng cây cháy trụi, tan phá hết đền đài. Vài tháng sau, chứng dịch tễ phát sinh tại địa phương, dân chúng cùng nhau lập đàn cúng tế. Tiên chúa ứng lên cho biết mình hiển thánh. Nhân dân thấy việc lạ, làm sớ tâu lên triều đình. Được sớ tâu, hoàng đế là vua Lê Huyền Tôn hạ chiếu cho Công Bộ về tận nơi dựng ngôi đền thờ trên Phố Cát và sắc phong làm Mã Vàng công chúa. Về sau, vào đời vua Cảnh Hưng; giặc Mèo nổi loạn, triều đình sai quận công Phan Văn Phái đi dẹp. Khi kéo quân tới đèo Ngang, Phan quận công vào đền Tiên chúa cầu khẩn, và ngày hôm sau tiến quân đánh tan được giặc Mèo. Trước công trạng ấy, triều đình sắc phong công chúa làm Chế Thắng Bảo Hoà Diệu đại vương, và đồng thời sai dựng mấy tòa đền ở Sông Sơn, Phố Cát, Đèo Ngang để thờ. Đền Sông Sơn rất anh linh, cho đến trước thời tiền chiến, hàng năm đông người tới lễ bái. Ở tại xã Vân Cát, huyện Vụ Bản tỉnh Nam Định (Hà Nam Ninh) cũng có dựng nên đền thờ, thường gọi là Phủ Giầy.

Tục lệ trong những ngày hội

Đền Phủ Giầy rất linh thiêng, và hàng năm mở hội, dân chúng gọi là ngày hội Thánh Mẫu Vân Hương. Khách thập phương tới chiêm bái rất đông. Trong ngày hội có đủ các trò vui như ca hát, kéo chũ, đánh cờ, và

đặc biệt là các cuộc tế lễ rất tưng bừng. Đáng chú ý nhất là đám rước từ Phủ Giầy tới xã Phù Chính ở chân núi Gôi vào ngày mồng 6 tháng 3: đây là một đám rước đồ sộ, có hàng mấy trăm ngàn người từ các ngả tới dự. Trên con đường Phù Chính đông nghịt những người, nối dài hàng năm sáu ngàn thước. Màu sắc sỡ của cờ, mùi hương quyện với mùi hoa, tiếng trống rước xen lẫn tiếng người thật là âm ỹ nhộn nhịp.

Ngoài đám rước trên, tại hội Phủ Giầy vào ngày mồng mười lại có cuộc kéo chữ. Phu hội hàng mấy ngàn người trong huyện Vụ Bản từ các xã cắt tới dự cuộc kéo chữ này. Có năm kéo mấy chữ Thiên Hạ Thái Bình, có năm kéo mấy chữ Phong Đăng Hòa Cốc, hoặc Quốc Thái Dân An, hoặc Vũ Giáng Dân Duyệt.

Người ta nô nức đi xem kéo chữ cũng như nô nức đi xem rước. Đi xem hội, ngoài việc dự các cuộc rước sách, xem các trò vui, người ta cần nhất để lễ bái và cầu phúc. Lại có các con hương đệ tử lên đồng, hầu bóng.

Hội chùa Hương vui, hội Phủ Giầy cũng vui. Năm năm mỗi kỳ hội xã Bảo Ngũ lại được tưng bừng đón rước đồng bào thập phương tới dự.

[1] Sắc cho giáng xuống trần

Hội miếu Bằng Lăng([1])

Miếu Bằng Lăng dựng tại xã Phú Lâm, quận Tân Châu, tỉnh Châu Đốc (An Giang) là nơi thờ bà THƯỢNG ĐỒNG CỐ HỖ.

Hàng năm, vào các ngày 15 và 16 tháng Ba âm lịch, ban quản trị miếu có tổ chức lễ vía Bà rất long trọng, và dân chúng trong vùng tới lễ bái rất đông.

Sự tích miếu Bằng Lăng

Nguyên miếu này trước đây dựng tại xã Phú An, một xã giáp ranh với xã Phú Lâm, về sau mới được dời về ấp Phú Hữu xã Phú Lâm. Sự di chuyển miếu có một sự tích khá ly kỳ.

Nguyên hồi ấy, tuy ở dưới thời Pháp thuộc nhưng đã xa xôi lắm rồi, phong trào Thiên Địa hội đang bí mật lan tràn trong nước ta, bị người Pháp phát giác. Họ liền ra lệnh cấm mọi sự tụ họp của dân chúng.

Như thường lệ, năm đó sắp tới kỳ lễ vía Bà, các vị kỳ lão hai xã Phú An và Phú Lâm trong đó có cụ Phan Văn Hiền xã Phú Lâm, hội họp để bàn tính về việc tổ chức hành lễ. Trong lúc các cụ đang họp bỗng ông Phó tổng Trần Văn Quận tới ông bảo mọi người.

- Các ông to gan quá! Tụ họp thế này mà không xin phép! Hay là mấy ông muốn làm Thiên địa hội. Các ông phải lập tức giải tán, nếu bất tuân tôi sẽ chạy tờ.

Lời nói của ông Phó tổng đã khiến các cụ bực mình nhưng không ai phản đối ngoại trừ cụ Phan Văn Hiền. Cụ phản đối kịch liệt rồi cụ xông vào chánh điện bưng lư hương mang tuất về xã mình, lập miếu thờ tại ấp Phú Hữu, cách quận lỵ Tân Châu 22 cây số.

Tại sao gọi miếu Bằng Lăng

Miếu lúc đầu lập sơ sài lợp lá.

"Đến năm 1926, ngôi miếu này được tái thiết thật đồ sộ bằng gạch, lợp ngói, cột cắm xe nèn đúc cao ráo (dù nước lụt cũng không ngập) và sừng sững đứng yên lặng trong đồng xa vắng, cách lộ độ 200 thước ngoài có cổng lợp ngói, cột danh mộc rất uy nghiêm. Đi vào miếu có con lộ cao ráo, xe hơi có thể ra vào thông thả. Lưỡng biên con lộ này trồng hai hàng sao sườn đuột ngó trật ót.

"Trước sân miếu có hàng dương cao vút. Vài cây bị sét đánh gãy cụt đọt. Bên phải miếu có vài cây đa cổ thụ, cành lá sum suê. Bên trái có ít cây lâm vồ, tàn to che khuất một góc miếu. Phía sau là ba cây BĂNG LĂNG. Theo lời mấy ông bô lão nói lại thì ba cây Băng Lăng này không biết do ai trồng hay mọc tự hồi nào? Cả ba cây tàn lá sum suê, to lớn như nhau, giao cành và đứng giang giang rất đều khoảng, sang xuân bông trở đỏ ối, xa trông lầm ngỡ là hoa phượng vĩ.

"Cạnh miếu, một cái hồ khá to nằm im lặng, sen mọc lác đác, tạo thành một cảnh trí nên thơ. Những buổi chiều êm ả, người ta thường thấy le le, vịt nước, bồng bồng thả bập bênh trên mặt hồ, trông thật vô cùng ngoạn mục. Đầm hình chữ nhật, khá sâu. Diện tích non ba mẫu tây. Nơi đây có nhiều loại cá lưu lại suốt năm như rô, trê, lóc v.v... ấy là một thực phẩm bình dân dành cho kẻ nghèo xóm miếu (Đầm này đã cạn dần, vì hàng năm cứ đến mùa nước ngập, con mương Ông cả Phan Văn Trọng (đã qua đời), gần đây dẫn nước pha đất phù sa sông Cửu mà bồi lên mãi. Sau miếu, đàn mục tử thỉnh thoảng cỡi trâu bò qua lại trông không khác nào một trong bức tranh tứ thú.

"Sở dĩ lịch sử ngôi miếu này được rức rở nổi danh là nhờ ba cây BĂNG LĂNG nói trên, đứng sừng sững phía sau miếu.

Vì sự tôn trọng Bà, nên dân địa phương gọi trại ra là "Miếu Băng Lăng" rồi thành danh đến nay.

"Xa nhìn cảnh trí hùng vĩ và tĩnh mịch của ngôi miếu, nhàn khách có cảm nghĩ đây là một nơi thờ phượng một vị công thần của dân tộc. Chỗ

này, người ở đây ca ngợi là một nơi có một phong cảnh đẹp trang nghiêm như ở xã Phú Lâm.

Sự linh thiêng của miếu Bằng Lăng

Từ ngày có chốn tôn nghiêm sùng bái, mấy ông kỳ lão đều ca tụng miếu Bà linh thiêng lắm: Những đêm trăng thanh gió mát hay ngày lành tháng tốt, nếu có một ánh sáng lòa xẹt ngang qua miếu thì các cụ thắp kính, miệng lâm râm khấn vái và tuyên bố đó là Bà giáng hạ. Vì thế mà uy quyền của Bà càng ngày càng to tát. Bất kỳ già, trẻ bé, lớn ai vô tình rờ tới một nhánh cây chung quanh miếu - nhưt là nhánh cây bằng lăng thì thế nào cũng lãnh đủ sự trừng phạt nghiêm khắc của Bà: Nặng lắm là bị Bà vật chết, còn nhẹ nhẹ thì cũng tạ Bà một con "GỎI" (con heo) quay đúng tạ mới mong Bà hỉ xả cái tội phạm thượng là dám phá phách đến miếu Bà.

Lễ vía bà

"Hàng năm, cứ đến ngày 15-16 tháng Ba âm lịch, các cụ trong Ban quản trị miếu đều có tổ chức lễ vía Bà rất long trọng. Họ rước hát bội về hát xướng đôi ba ngày, trước là thành kính trả lễ cho Bà theo tục lệ thường niên, sau cho con dân trong làng được vui nhộn để bù lại những ngày quá ư vất vả. Thôi thì mặc tình cờ bạc ăn chơi cho thoải mái. Vì thế, sau cuộc lễ, nhiều người phải mang công mắc nợ.

Theo thành kiến cổ hủ, có cúng kiến thường xuyên như vậy, Bà mới vui lòng ủng hộ dân làng bình yên vô sự và làm ăn tấn phát (lễ ấy nay vẫn còn). Và cũng vì sự kính nể sự linh thiêng đó, ngày lẫn đêm không một ai dám léo hánh vào miếu Bằng Lăng, trừ khi hội họp cúng Bà mà thôi.

[1] Theo tài liệu cuốn TÂN CHÂU của Nguyễn Văn Kiềm

Lễ vía Bà Chúa Xứ

Trong tập Nếp Cũ: LÀNG XÓM VIỆT NAM khi nói về mấy hội làng với vài nét đặc biệt của phong tục địa phương, tôi đã nói tới Lễ Vía Bà, ở đây chỉ xin nhắc sơ lược lại, và nói thêm đến những điểm trước còn bỏ sót.

Lễ Vía Bà cử hành tại miếu Bà thuộc địa hạt làng Vĩnh Tế, quận Châu Phú, tỉnh Châu Đốc (An Giang). Làng Vĩnh Tế là một làng trù phú ở chân núi Sam, tên chữ gọi là Vĩnh Tế sơn, một ngọn núi cách tỉnh lỵ Châu Đốc 5 cây số trên con đường Châu Đốc đi Tịnh Biên.

Miếu Bà ở ngay chân núi, mé bên kia đường, xây lưng ra mặt đường, và mặt tiền nhìn xuống ruộng hướng Đông Bắc.

Hàng năm, lễ Vía Bà được cử hành vào ngày 26 tháng Tư âm lịch, nhưng từ trước một tuần lễ, dân chúng quanh vùng từ các tỉnh Châu Đốc, An Giang, Kiến Phong, Sa Đéc, Vĩnh Long, Cần Thơ đổ về đông như nước chảy, có những khách thập hội từ Sài Gòn tới, và có những khách từ những vùng xa xôi hơn như Tây Ninh, Cà Mau, Bạc Liêu (Minh Hải).

Con đường từ Châu Đốc tới miếu Bà suốt trong mấy ngày thật là ngựa xe như nước, áo quần như nêm, càng đến gần miếu, cảnh người càng chen lấn, khách thập hội chỉ có thể đi bộ không dùng xe được.

Tại chân núi Sam, ban đêm hàng ngàn người đã nghỉ chân nơi đây.

Thần tích

Bà chúa Xứ còn được gọi là Thánh Mẫu nương nương, có một sự tích rất là huyền bí và mâu nhiệm.

Theo đồng bào địa phương, tượng Bà trước kia ngự trên đỉnh núi Sam, nơi đây ngày nay chỉ còn hai vết lõm lớn trên bệ đá xanh. Vùng này trước thuộc Thủy Chân Lạp, người Xiêm thường kéo sang quấy nhiễu. Khi thấy tượng Bà, họ định tâm ăn cắp nên cùng nhau cạy ra muốn khiêng xuống núi, nhưng họ khiêng không nổi vì bỗng nhiên tượng Bà trở nên nặng vô cùng. Khiêng đi không được, họ đành bỏ lại trên núi.

Sau này khi người Việt Nam tới làm chủ vùng này, dân cư lập thôn xóm ở rải rác chung quanh chân núi. Một ngày kia dân làng gặp thấy tượng Bà ở giữa rừng, bèn họp nhau định khiêng về lập miếu thờ cúng, nhưng bao nhiêu người cũng không sao xô dịch nổi. Dân làng bèn cầu khẩn, được Bà nhập đồng vào một người đàn bà tu hành, tự xưng là Bà Chúa Xứ và truyền cho dân làng dùng bốn chục nữ đồng trinh tắm rửa sạch sẽ, Bà sẽ cho phép khiêng tượng Bà về thờ.

Dân làng làm đúng theo lời Bà truyền, quả nhiên bốn mươi nữ đồng trinh khênh được tượng Bà từ triền núi xuống tới chân núi, nơi hiện nay có miếu Bà. Tượng Bà khiêng tới đây bỗng nhiên trì xuống không xô dịch nữa. Các quan viên kỳ lão cho rằng Bà Chúa Xứ đã chọn nơi đây để an ngự, do đó miếu Bà được dựng nên tại chỗ.

Theo lời các cụ truyền lại, dưới thời vua Minh Mạng, khi Thoại Ngọc Hầu đến trấn giữ vùng này, gặp lúc quân Miên kéo sang quấy rối không ngớt, Thoại Ngọc Hầu phu nhân thường đến khẩn lễ Bà Chúa Xứ đề xin phù hộ cho chồng bà dẹp được giặc, tái lập cảnh an cư cho dân làng, và lời cầu nguyện của phu nhân đã thực hiện, Bà Chúa Xứ đã giúp Thoại Ngọc Hầu phá tan giặc Miên.

Để tạ ơn Bà, Thoại Ngọc Hầu phu nhân đã cho xây cất lại miếu, và nhân dịp này mở đại lễ linh đình trong ba ngày liền 24, 25 và 26 tháng Tư âm lịch. Từ đó về sau thành lệ, hàng năm dân làng cúng lễ Vía Bà vào những ngày trên.

Sự linh ứng của Bà Chúa Xứ

Bà Chúa Xứ rất linh thiêng. Theo lời các bô lão địa phương thuật lại, Bà Chúa Xứ đã hiển linh nhiều lần. Một lần quân Xiêm sang quấy phá vùng Châu Phú, một tên giặc đã làm gãy cánh tay Bà, liền bị làm cho chết ngay tại chỗ. Lại có một lần, một tên trộm lén vào miếu Bà gỡ sợi dây chuyền vàng nơi cổ Bà, Bà liền bẻ tay và hành tội đi chống đầu kêu la thất thanh.

Theo dân chúng quanh vùng núi Sam, tượng Bà mỗi ngày một lớn dần.

Trước kia, tượng Bà nhìn thẳng ra đường, nhưng vì dân chúng qua lại miếu Bà, nhiều người vô ý không ngả nón chào, Bà cho là vô lễ. Bà nhập đồng báo cho dân làng và yêu cầu dân làng hướng tượng Bà về phía trong, lưng xoay ra ngoài. Tượng bà đã đổi hướng.

Nhiều lần Bà nhập đồng chữa bệnh, và bệnh nhân mắc các chứng nan y đã được Bà chữa khỏi.

Tục lệ ngày lễ

Các lễ trong dịp lễ Vía Bà được cử hành trong ba ngày 24, 25 và 26 âm lịch.

Lễ đầu tiên là lễ tắm Bà, tức là lễ mộc dục được cử hành vào 12 giờ đêm ngày 24 âm lịch. Vào giờ này, hàng trăm các cô các bà tay cầm bông huệ trắng, quỳ chặt cả chính điện nơi Bà ngự để làm lễ. Sau đó, một tấm màn được giăng ngang che kín tượng Bà. Hai phụ nữ được lựa chọn trước sẽ vào trong tắm và thay y phục cho Bà.

Nước bà tắm được nấu bằng thứ nước riêng trộn với quế và nước hoa. Tắm cho Bà xong, nước này được đem hòa lẫn vào hai thùng lớn nước uống phân phát cho khách thấy hội. Mọi người tin rằng uống nước này sẽ khỏe mạnh và hết bệnh tật.

Bộ y phục của Bà thay ra được đem cắt thành từng mảnh nhỏ phân phát cho dân chúng và mỗi mảnh vải được kính cẩn gọi là lá bùa của Bà.

Sang ngày 25, lễ thỉnh sắc được cử hành vào khoảng 4 giờ chiều. Đây là thanh sắc phong cho Bà từ lăng Thoại Ngọc Hầu đến miếu. Cùng với đám rước thỉnh sắc có múa lân. 12 giờ đêm có lễ túc yết báo cho Bà biết ngày lễ Vía Bà để mời Bà về dự. Cùng trong đêm này còn có hát bộ với những tích trung, hiếu, tiết, nghĩa.

Ngày 26 là ngày lễ chính cử hành vào 4 giờ khuya để cầu an, cầu phúc. Có nhiều buổi lễ tụng niệm trong ngày. Ban ngày cũng có hát bộ, múa võ, ca, nhạc ngũ âm để mua vui cho khách thấy hội hành hương.

Xin xăm thỉnh bùa và vay tiền

Nhưng phần đáng chú ý nhất của khách hành hương là tục xin xăm thỉnh bùa và vay tiền.

Hình thức xin xăm cũng giống như tại các chùa miếu khác, khách hành hương quỳ vái trước bàn thờ Bà thỉnh nguyện điều gì muốn, rồi lắc xăm. Sau khi lắc được một que sẽ nhờ một người đoán vận mạng tương lai mình.

Hầu hết khách hành hương đến đây đều xin xăm và đa số là phụ nữ. Trong miếu Bà có nơi xin xăm cùng với trên 30 người trong ban bàn xăm để giải đoán lá xăm cho dân chúng. Trong mấy ngày chính lễ khách xin xăm đông đảo như không có chỗ nào trống và thiên hạ phải quỳ lạy ngay cả từ cửa vào chánh điện. Tiếng lốc cốc của ống xăm vang lên đều đều khắp nơi cùng với mùi hương tỏa lên nghi ngút càng tăng thêm sự linh thiêng của Bà Chúa Xứ.

Thỉnh bùa cũng là một hình thức đặc biệt của ngày lễ vía Bà: bùa là những miếng vải đỏ dài độ ba tấc, ngang hai phân được Bà làm phép và dân chúng thỉnh về để được Bà phù hộ.

Một hình thức khác nữa là việc vay tiền của Bà để làm ăn. Người ta tin tưởng tiền của Bà cho vay mang lại sự may mắn trong việc làm ăn mua bán, nên mỗi năm họ thường đến vay rồi năm sau đến trả vay lại. Tiền vay chỉ có giá trị về tinh thần nên rất ít, thường không quá 50 đồng, trung bình mỗi người chỉ vay từ hai đồng đến năm đồng, tiền được đựng riêng trong một bao nhỏ màu đỏ trao cho khách hành hương rồi khách đến vái trước bàn thờ nhờ Bà độ cho buôn bán phát đạt.

Thường người vay mỗi năm đều đến để trả nợ. Tuy không có văn tự vay nợ chính thức như những giấy nợ ngoài đời, nhưng hầu như không một ai dám không trả nợ của Bà vì nếu không trả sẽ làm ăn thua lỗ thất bại, số tiền trả nợ thường cao gấp trăm lần tiền vay, nhiều khi tiền nợ chỉ vài chục đồng mà tiền trả nợ đến vài chục ngàn đồng.

Số tiền khách hành hương mang trả nợ hàng năm thu được cho quỹ miếu một món tiền rất lớn.

Năm Kỷ Dậu, 1969, số tiền này lên đến trên bốn triệu bạc. Tiền này được ban quý tế sử dụng vào những công việc hữu ích chung: xây nhà cho khách thập phương, xây chùa, xây trường học v.v...

Vài nét về núi Sam

Nhân nói tới lễ Vía Bà Chúa Xứ, chúng tôi xin trình bày thêm vài nét về núi Sam, nơi xưa kia có tượng Bà và ngày nay ở chân núi có miếu Bà.

Theo các nhà địa lý học, núi Sam, trước kia là Hòn Sam nằm ở giữa biển Nam Hải. Về sau, hòn Sam được nối liền vào vùng Thủy Chân Lạp bởi đất bồi, nằm theo hướng Tây Bắc Đông Nam cách tỉnh lỵ Châu Đốc năm cây số, và cách biên giới Campuchia 17 cây số, tính theo đường hàng tỉnh số 10. Diện tích núi ước trên 4.000 thước vuông, chung quanh chân núi có con đường chạy vòng. Núi cao 237 thước.

Từ phía Đông kinh Vĩnh Tế nhìn lại, núi Sam như vườn hãn trên rừng cây xanh rì và nằm cheo leo giữa vùng Thất Sơn.

Theo triền núi, có rất nhiều chùa am, xây dưới những đám cây xanh tốt.

Quanh chân núi, nhà cửa của dân chúng khá nhiều.

Núi Sam tuy không cao bằng núi Điện Bà ở Tây Ninh, nhưng nhìn phong cảnh cũng khá hùng vĩ, và ở nơi đây như có một vẻ huyền bí uy linh! Phải chăng chính do lòng tín ngưỡng của dân chúng đã tạo nên vẻ huyền bí này, và uy linh của Bà Chúa Xứ càng được người dân tin tưởng!

Quanh năm cảnh núi Sam tuy không vắng vẻ nhưng cũng không sầm uất, nhưng đến ngày hội cảnh chân núi thật là náo nhiệt bởi khách hành hương. Lễ miếu Bà xong, mọi người tới viếng thăm chùa Tây An và lăng Thoại Ngọc Hầu, và những người ở xa xôi cũng nhân dịp lên thăm cả núi Sam.

Hội đền Quan lớn tuần Tranh

Ở Ninh Giang, ven ngay bên bờ sông Tranh có đền thờ Quan lớn tuần Tranh.

Quan lớn tuần Tranh là danh từ dùng để gọi một cách kính cẩn vị thần trông coi khúc sông này.

Hàng năm vào ngày 25 tháng Hai âm lịch, tại đền có mở hội, và được khách thập phương kéo tới lễ bái rất đông, nhất là giới phụ nữ. Gọi là mở hội, nhưng thực ra, chỉ có lễ bái, không có rước xách như tại các hội hè đình đám khác. Việc lễ bái tại đền Quan lớn tuần Tranh do các ông Đồng bà Bống cử hành, và những người tới lễ bái phần nhiều là những người cô đồng, họ tới đền để hầu bống. Suốt từ ngày hôm trước, các con hương đệ tử đã kéo nhau tới với khăn châu áo ngự, luân phiên nhau ngồi đồng hầu bống ở trước bàn thờ chính cũng như trước những bàn thờ phụ. Tiếng đàn châu văn xen lẫn tiếng hát ồn ào từ trong đền đến ngoài sân.

Cũng có những người tới đền xin thẻ như tại các đền miếu khác.

Thần tích

Ngày xưa ở xã Lạc Giục, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (Hải Hưng) có hai vợ chồng nhà kia đã nghèo khó lại hiếm hoi, phải đi làm thuê cuốc mướn kiếm ăn.

Một hôm, hai vợ chồng cuốc vườn nhặt được hai chiếc trứng. Tưởng là trứng chim, hai vợ chồng mang về ủ ấp, nhưng về sau nở ra hai con rắn.

Thấy là rắn, vợ muốn giết, nhưng chồng bảo:

- Có lẽ đây là trời cho chúng ta để khuây cảnh già.

Thế là hai vợ chồng giữ lại hai con rắn để nuôi.

Hai con rắn quẩn quít hai ông bà già, nhưng phải cái hay ăn gà, mà cặp vợ chồng già này lại nghèo, lấy đâu gà cho chúng ăn? Ông chồng phải đi

ăn cắp gà về nuôi hai con rắn. Nhưng không lẽ cứ ăn cắp mãi, e người ta biết trình quan thì phải tội. Sau cùng hai vợ chồng đành đem vớt hai con rắn xuống sông Tranh. Chỗ vớt rắn xoáy sâu thành vực.

Một hôm có bà công chúa đi thuyền qua đó, thuyền bị nước xoáy không đi được. Hỏi thăm biết chuyện, bà công chúa cho đòi hai vợ chồng ông già tới.

Bà già lấy hai nắm cơm vớt xuống sông và khấn:

- Các con có thương mẹ thì đừng xoáy nước nữa kéo mẹ phải tội.

Bà lão khấn xong thì sóng cũng yên. Thuyền bà công chúa liền đi được.

Từ đó dân quanh bến, hoặc những người thuyền bè xuôi ngược qua đây, nếu gặp sóng gió đều khấn cặp rắn, sóng gió sẽ êm. Ai có cầu khẩn điều gì cũng được linh ứng.

Người ta liền lập đền thờ ở bên sông. Khách buôn bán đi qua cầu vào đền lễ cầu được may mắn, nhất là đối với những người buôn sông bán bè.

Thỉnh thoảng những đêm sáng, trăng suông, có người trông thấy một thanh niên mũ áo từ trong đền đi ra. Người ta liền kháo nhau đó là Quan lớn Tuần Tranh!

Đền Quan lớn Tuần Tranh rất linh thiêng.

Về sau có quan phủ Ninh Giang là Trịnh Thường Quân có nàng hầu rất xinh đẹp. Một hôm bà này đi chơi thuyền ở sông Tranh bỗng có một người ở dưới nước lên đòi lấy làm vợ, nhưng bà ta không chịu.

Đêm hôm ấy bà ta lại nằm mơ thấy người ấy vào trong buồng xin cưới. Thức dậy, bà thuật lại giấc mê cho quan phủ nghe. Quan phủ khuyên bà phải đề phòng.

Từ ngày đó bà ít đi ra ngoài, nhất là không đi thuyền ở trên sông nữa, nhưng một ngày kia, quan phủ nhân có việc quan phải đi vắng, ở nhà bà bị thần sông lên bắt mất.

Lúc quan phủ trở về, mất vợ, ông hàng ngày ra bờ sông Tranh tìm vợ.

Tương truyền rằng về sau, quan phủ làm đơn kiện dưới âm phủ, Diêm Vương tra xét, Quan lớn Tuần Tranh đã bị trừng phạt, bị đuổi đi một nơi biên trấn xa, và các cụ thuật lại rằng trên dòng sông Tranh khi Quan lớn Tuần Tranh ra đi, người ta thấy một con rắn lớn, giống như con thường luồng dẫn một đàn luồng nhỏ kéo nhau về phương Bắc, lặng lẽ lội trên mặt nước, không sóng, không gió.

Theo lời dân địa phương nói lại, từ ngày đó đền Quan lớn Tuần Tranh không còn được linh thiêng như trước.

Dù vậy mặc dầu, hàng năm tới ngày 25 tháng 2 âm lịch, tại đền vẫn mở hội, và các con hương đệ tử vẫn kéo nhau tới hầu bóng và lễ bái. Thánh vẫn ộp đồng, và người ta vẫn xin bùa xin thẻ, và có khi có cả người bệnh tới chữa bệnh.

Trong suốt ngày hội, đền tấp nập khách hành hương cùng với những ông Đồng bà Cốt áo ngự khăn châu.

Hội đền thờ đức Tản Viên

Làng Và ở chân núi Tản Viên có đền thờ đức Tản Viên sơn thần. Hàng năm đều có mở hội vào ngày rằm tháng Giêng.

Núi Tản Viên trông hình như cái tán, là ngọn núi cao nhất tỉnh Sơn Tây (Hà Tây) xa trông như có hai cánh phượng hai bên, nên còn được gọi là núi Cánh Phượng hoặc Phượng Hoàng Sơn Núi cao 1280 thước, còn gọi là núi Ba Vì, vì có ba tầng cao chót vót, nằm trên địa hạt huyện Bất Bạt, quê hương của thi sĩ Tản Đà. Từ tỉnh lỵ Sơn Tây đi lên núi có đường qua

các làng Vân Mộng, Hiệu Lực và làng Và ở ngay chân núi. Trên gần đỉnh núi cũng có đền thờ Tản Viên sơn thần.

Đối với dân chúng tỉnh Sơn Tây, nhất là ở hai huyện Phúc Thọ và Bất Bạt, Tản Viên sơn thần là một vị thượng đẳng thần rất linh thiêng và có nhiều phép thuật, luôn luôn phù hộ cho dân chúng quanh vùng được phong đăng hòa cốc thịnh vượng an ninh. Dân chúng sùng kính ngài và tạo nhiều xã có đền thờ ngài.

Thần tích

Có lẽ bạn đọc ai cũng biết chuyện cổ tích Sơn Tinh và Thủy Tinh, một vị thần núi và một vị thần sông, hai vị cùng tranh nhau muốn lấy con gái vua Hùng Vương thứ 18 là công chúa My Nương, và người được may mắn làm rể vua Hùng Vương là Sơn Tinh.

Sơn Tinh chính là Tản Viên sơn thần. Tên tục của thần là Nguyễn Tuấn.

Tục truyền ngài là dòng dõi vua Lạc Long, nhà nghèo nên thường phải vào rừng kiếm củi. Một ngày kia, trong khi đốn củi, ngài đã chặt một cây cổ thụ, nhưng trời vừa tối, ngài ra về, sáng hôm sau trở lại thì ngạc nhiên biết bao, cây cổ thụ đã mọc trở lại như chưa hề bị một nhát dao nhát búa nào!

Ngài lại hì hục đốn cây cổ thụ cho tới gần chiều cây mới ngã. Sợ trời tối, ngài ra về và khi sáng hôm sau tới, cây lại sống trở lại y như hôm trước. Lấy làm lạ, ngài đã toan tìm đốn cây khác nhưng sau một hồi ngẫm nghĩ, ngài lại tiếp tục đốn cây cổ thụ và cũng đến gần xế chiều cây ngã xuống. Hôm nay ngài không ra về, ngài tìm một chỗ nấp để xem sự thể ra sao. Chỉ một lát sau có sao Thái Bạch tinh quân ở trên trời xuống cứu cây ấy sống lại. Ngài chạy ra phàn nàn tình trạng nghèo khổ của mình, phải đốn củi kiếm ăn, mà Thái Bạch tinh quân lại đi cứu cây khiến cho ngài không biết lấy gì sinh sống.

Thái Bạch kim tinh bèn cho ngài một cây gậy và dặn rằng:

- Gậy này có phép cứu được bách bệnh cho người ta, hễ ai ốm đau chỉ cầm gậy gõ vào chỗ đau là khỏi, vậy ta cho người để cứu dân độ thế.

Ngài nhận cái gậy, từ đó bỏ nghề đốn củi, làm nghề đi cứu người đau ốm. Một hôm ngài cứu sống được một con rắn bị lũ trẻ chần trâu đánh chết, trên đầu con rắn có chữ vương. Được cứu sống, con rắn bò xuống sống đi mất.

Vài hôm sau, bỗng có một chàng trai mang lễ vật tới biểu ngài và nói:

- Tôi là Tiểu Long Hầu, con vua Long Vương ở bể Nam. Hôm nọ đi chơi bị lũ trẻ chần trâu đánh chết, may được ông cứu sống, hôm nay tôi đến trả ơn.

Ngài nhất định từ chối không nhận vàng ngọc châu báu của Tiểu Long Hầu. Tiểu Long Hầu cố khẩn khoản mời ngài xuống chơi dưới bể. Nể lời mời, ngài phải nhận lời. Tiểu Long Hầu đưa ra một cái ống linh tê rở nước đi xuống.

Long Vương thấy ngài xuống chơi mừng lắm, mở tiệc thết đãi ba ngày, rồi đưa tặng những của quý lạ, nhưng ngài hết sức từ chối không nhận gì cả. Sau cùng Long Vương biểu ngài một quyển sách ước, ngài nhận. Với quyển sách ước, ngài muốn ước gì được nấy.

Chiếc gậy thần và quyển sách ước đã giúp ngài cứu dân độ thế, đi đến đâu dân chúng cũng được nhờ ngài. Ngài đi chu du khắp trong nước chỗ nào dân chúng thuận hậu thì ở lại, chỗ nào nhân tình đơn bạc chuộng phù hoa thì bỏ đi.

Phép thuật ngài cao cường, thần thông biến hóa, không thần thánh nào bì kịp.

Ngài đi tới huyện Phúc Lộc, ngày nay là huyện Phúc Thọ và một phần lớn huyện Bất Bạt tỉnh Sơn Tây (Hà Tây) thấy có núi Tản Viên, ba từng núi xòe ra như hình chiếc tán, phong cảnh u nhã lấy làm bằng lòng lắm. Ngài liền hóa phép làm một con đường về phía Nam núi, ăn từ bến Phan

Tân, bên dòng sông Hắc Giang đến tận chân núi, qua cánh đồng các làng Vệ Đông, Nham Toàn, Thạch Bàn, Vân Mộng và Hiệu Lực. Ngài ở trên tầng núi cao nhất.

Ngài thường ra chơi sông Tiểu Hoàng xem cá, và luôn luôn ngài cứu giúp dân chúng quanh vùng qua khỏi những cơn bệnh hoạn và hàng năm mùa màng nơi đây đều tốt đẹp.

Nhớ ơn ngài, dân chúng các làng quanh núi Tản Viên có nhiều nơi lập đền thờ ngài, và ở các nơi khác những nơi ngài đã đặt chân tới, cũng có đền thờ. Đi tới đâu ngài hóa phép thành lâu đài tới đó, và thấy lâu đài dân chúng lại lập đền miếu để thờ.

Bây giờ vua Hùng Vương thứ 18 có công chúa là nàng My Nương rất xinh đẹp. Ngài và vua Thủy Cung cùng hỏi xin lấy làm vợ, ngài đã được vua Hùng gả con cho vì mang đồ lễ tới trước.

Vua Thủy Cung tức giận dâng nước vây đánh ngài, mưa gió sấm sét ầm ầm, trời đất mù mịt, nhưng phép thần thông của ngài rất ghê gớm, vua Thủy Cung không làm gì được phải rút quân về.

Từ đó về sau hàng năm, nhớ tới thù cũ, vua Thủy lại dâng nước đánh ngài, gây cảnh lụt lội trong dân gian.

Dần dần về sau ít ai gặp ngài, nhưng ngài vẫn giúp đỡ cho mọi người. Các đền thờ ngài được nhiều người tới lễ bái, và ngài rất linh ứng. Các cụ nhắc lại gặp những năm hạn hán cầu đảo là có mưa liền, hoặc mưa nhiều cầu tạnh cũng linh nghiệm. Cũng theo lời truyền lại, những khi trời tạnh, ngài hay hiện hình đi chơi các khe suối, thường có đám mây phủ như hình tán quạt.

Ngày hội ở đền Và

Ngày hội ở đền Và, dân các xã lân cận đều tới tham dự.

Trong ngày hội có tế lễ, và cũng có những trò vui xuân như hát đúm, đánh cờ người.

Đặc biệt ở hội này là có đám rước từ đền Và lên đền Ngai ở gần đỉnh núi Tản Viên. Các làng quanh vùng đều cắt cử người tới tham dự. Các thanh niên cắt lượt nhau khiêng kiệu trong đám rước.

Đường lên dốc núi cheo leo, đi không cũng đã vất vả, vậy mà đám rước đi có vẻ nhẹ nhàng, từ các cụ già đến các trai tráng vác cờ quạt tàn tán, nhất là những người khiêng kiệu.

Dân chúng đi theo đám rước cũng không ít. Quanh năm đền Ngai ở trên núi vắng vẻ, ít người dám đi tới, phần vì đi khó khăn, phần sợ gặp các thú dữ, nhất là chúa sơn lâm.

Đám rước lên đến đền Núi, dân các xã cùng nhau tế một buổi. Tế xong, dân chúng vào lễ bái và độ gần chiều, kiệu Ngai lại được rước trở về đền Và.

Hội đền Và tổ chức cốt để các dân làng xã lân cận tới lễ, các trò vui tuy có nhưng việc chính là lễ bái. Nhiều người có người nhà bệnh hoạn tới lễ xin bùa dẫu. Theo lời truyền lại có nhiều người mắc những chứng bệnh nan y đã được phép của Ngai chữa khỏi.

Hội làng Cung Thuận

Làng Cung Thuận cũng thờ Tản Viên sơn thần; hàng năm làng mở hội từ mồng hai tới mồng mười tháng Hai âm lịch. Hội này chính ra có tính cách phong tục nhiều hơn là tôn giáo, vì tuy là một hội phong tục, nhưng phong tục này nhằm vào sự thờ phụng Tản Viên sơn thần.

Làng Cung Thuận tục gọi là làng Me thuộc huyện Tùng Thiện tỉnh Sơn Tây (Hà Tây) ở cách tỉnh lỵ độ hơn 5 cây số. Hội làng có nhiều trò vui nhưng đặc biệt hơn hết có tục đánh cá vào sáng ngày mồng 4 tháng Hai.

Đánh cá

Đình làng Me kiến trúc theo lối Tàu rất nguy nga cổ kính, trước cửa đình có một cái ao lớn vòng hai bên khu đất làm đình theo kiểu chữ môn. Ao này dân làng nuôi cá, và cá làng không ai được bắt. Hàng năm dân làng chỉ bắt cá trong ao về dịp hội để tế thần. Cá nhiều lắm, đủ mè, chép, trôi, trắm rất to.

Sáng ngày mồng bốn tháng Hai mỗi năm, dân làng tụ họp quanh ao có hàng mấy trăm người, sẵn sàng với nơm, vó đợi lệnh xuống đánh cá.

Ngoài những ngư nhân nhất thời ấy, ở chung quanh ao còn chật ních những người đứng vòng trong vòng ngoài để đợi xem cuộc vui nhất niên nhất lệ của làng. Có nhiều người ở tỉnh xa kéo tới xem.

Trước cuộc đánh cá, cụ Tiên chỉ phải khẩn lễ ở đình, sau đó, theo lệnh cụ, một hồi trống ngũ liên nổi lên. Đó là lệnh đánh cá. Tức thì bao nhiêu trai tráng trong làng nhất tề nhảy ùm cả xuống ao. Cảnh ao thật là tưng bừng náo nhiệt. Hàng mấy trăm người, với mấy trăm cái úp, cái nơm, cái cụp, cái vó cùng nhảy khua ở dưới nước. Nước động âm âm, bắn lên trắng xóa. Những con cá quẫy tanh tách. Thật là ồn ào, thật là vui. Trên bờ, đàn bà, trẻ con cùng chư khách thập phương hò reo inh ỏi. Thỉnh thoảng lại một tràng vỗ tay âm ỉ để thưởng một cậu trai làng vừa đánh được một con cá lớn. Dưới ao, những chàng trai khác càng hăng hái, cố úp, cố săn cho được nhiều cá hơn. Những hồi trống ngũ liên luôn luôn khuyến khích mọi người.

Một đôi khi, một con cá to phá rách vó chạy trốn, cả bao nhiêu nơm vó khác lại xúm nhau lại để săn cho kỳ được.

Ai bắt được con cá nào đều đưa cho người nhà đợi sẵn ở trên bờ. Cá của người nào để riêng cho người đó.

Cuộc đánh cá âm ỉ cho tới nửa buổi hôm: Cụ Tiên chỉ đốt một tràng pháo để báo hiệu cuộc đánh cá đã ngừng. Tức thì những chàng trai ở dưới ao vội vàng thu nơm, xếp vó lên cả trên bờ, và cùng người nhà khiêng cá vào sân đình để các cụ chức sắc và bô lão phân hơn kém và phát thưởng cho chàng trai nào đã đánh được nhiều cá nhất và bắt phạt những chàng

trai nào đánh được ít cá nhất. Người được thưởng lãnh tiền của làng, còn những chàng trai bị phạt phải nhận cá các cụ giao cho mang về nhà nướng cho kịp giờ tế thần.

Số cá đánh được, các cụ đem chia cho dân làng sau buổi tế.

Cuộc đánh cá vui lắm. Đã có câu ca dao:

Nhất hội Hương Tích, nhì hội Phủ Giầy,

Vui thì vui vậy, chẳng tầy đánh cá làng Me.

Làng Me không phải làng duy nhất ở miền Bắc có tục đánh cá, tại nhiều làng khác cũng có tục này, như làng Ngư Xá tỉnh Hà Đông (Hà Tây). Người ta tổ chức cuộc vui mỗi làng một khác, nhưng tựu trung vẫn là cá của dân làng lại đem chia cho dân làng.

Những tục lệ trong ngày hội

Tục đánh cá là cuộc vui then chốt của ngày hội làng Cung Thuận, nhưng ngoài cuộc vui này, dân làng tổ chức nhiều trò vui khác, ấy là không nói tới những cuộc tế lễ rước xách ở hội nào cũng có.

Trong các trò vui có múa rối, tổ tôm điếm, tam cúc điếm, đánh vật, hát đúm, đáo đĩa v.v... và buổi tối cũng như tại các hội xuân khác miền Bắc có hát chèo để thờ thần và để dân chúng mua vui.

Hát đúm

Đây là lối hát đối đáp của nam nữ cũng giống như hát ví. Trai gái các làng thường hẹn hò nhau tới ngày hội xuân gặp gỡ nhau để cùng hát trao tình, tìm hiểu nhau qua câu hát trước khi đi tới cuộc lựa đôi chỉ Tấn tở Tân.

Tổ tôm điếm

Ca dao Việt Nam có câu:

Làm trai biết đánh tổ tôm,

Uống chè mạn hảo, xem nôm Thúy Kiều.

Câu ca dao trên cho ta biết thời xưa đã gọi là làm trai phải biết đánh tổ tôm, biết thưởng thức chè mạn hảo và đọc văn chương của cụ Nguyễn Du.

Đánh tổ tôm là một thú chơi tao nhã. Chơi tổ tôm phải đấu trí cũng phân biệt cao thấp như chơi cờ. Con người phong nhã phải biết giải trí bằng tổ tôm. Tổ tôm không bị coi là một môn cờ bạc, mà được liệt vào hạng thú thanh cao.

Trong những ngày khao vọng, giỗ chạp cưới xin ở vùng quê đều có vài bàn tổ tôm để các cụ giải trí. Và trong những ngày hội, hầu hết tại các làng vùng quê miền Bắc đều có mấy bàn tổ tôm và muốn để cuộc đấu trí được long trọng hơn, những bàn tổ tôm này được tổ chức công cộng để cho mọi người đi hội được dự cuộc đấu trí của các đấu viên: người ta tổ chức tổ tôm điểm.

Tổ tôm chơi năm người, người ta lập năm cái điểm là Đông, Tây, Nam, Bắc và Trung. Những điểm này có thể cất trên một khoảng đất rộng. Mỗi điểm là một cái chòi, có thang để đấu viên lên. Những điểm này cũng có thể là những bàn quây kê ở tam quan đình hoặc ở phòng nhà hội đồng. Điểm muốn lập ở đâu cũng được, điều cốt yếu là giữa năm điểm phải có một chỗ trống rộng để khách đi hội có thể xem được. Bài tổ tôm điểm cũng giống như bài tổ tôm thường với ba hàng Văn, Sách, Vạn thêm những quân chi chi, thang thang, ông cụ, tổng cộng 120 quân, nhưng bài không phải là những hình vẽ trên bìa cứng như tổ tôm thường; đây là hai mảnh gỗ ghép lại với nhau, có thể mở ra được. Trên một mảnh gỗ có viết chữ để chỉ quân bài, còn mảnh kia ghép lại như nắp đậy. Lúc đánh bài, mở nắp ra, nhưng lúc chia, người chia bài phải đậy nắp lại, để tránh sự trông ngó của các đấu viên hoặc sự gian lận thông lưng giữa người chia bài với một số đấu viên nào.

Luật lệ chơi tổ tôm điểm cũng giống như luật lệ chơi tổ tôm thường. Vẫn những phu dọc, phu bí, phỗng, lưng với tôm lèo. Cách bắt cái lấy phần cũng giống như bài thường.

Chơi tổ tôm điểm cần có một người chạy bài, người này rao những quân bài của điểm đánh để các điểm khác rõ. Muốn phỗng hay ăn đều hiệu trống.

Tại mỗi điểm đều có một chiếc trống nhỏ để đấu viên sử dụng. Nghe người rao bài, đấu viên muốn ăn, muốn bốc muốn phỗng hoặc muốn ù đều có hiệu trống riêng.

Tung cắc là hỏi lại

Tung là ăn

Cắc là không ăn

Tung tung là phỗng

Tung tung một hồi dài là ù

Bài tổ tôm điểm chia để vào các ngăn riêng, người rao bài chuyển lên các điểm cho các đấu viên. Các đấu viên dỡ bài ra xếp bài, rồi đánh trống báo hiệu đã xếp bài xong.

Điểm cái đưa bài cho người rao bài để đánh quân đầu tiên.

Bắt đầu một ván bài, bao giờ người giao bài cũng hỏi các điểm xem đã sẵn sàng chưa. Câu hỏi như sau: Trình bốn điểm xong chưa nổi hiệu phát bài!

Khi bốc bài cũng như khi bắt đầu cái đều do người rao bài. Lúc bốc hẳn nhặt một quân bài ở ngăn nọc, rồi mở ra đọc cho các điểm nghe.

Chơi tổ tôm điểm, đối với các cụ lý thú lắm. Đây là một cuộc tranh tài công cộng, giữa bao nhiêu khán giả.

Ban tổ chức thường đặt ra những giải thưởng để tặng đấu viên nào được ù chi chi này. Thường là một bánh pháo thật kêu đốt sau hội trống báo tin ù. Khói pháo bốc lên khiến quang cảnh ngày hội càng tưng bừng. Những người xem bàn tán ngợi khen.

Tam cúc điểm

Cũng như tổ tôm điểm, tam cúc điểm cũng chơi như tam cúc thường với cỡ bài 32 quân gồm có tướng, sĩ, tượng, xe, pháo, mã và tốt.

Chỉ có ít nơi có tổ chức tam cúc điểm, vì mặc dầu tam cúc không thể là một món cờ bạc bóc lột, nhưng nó giản dị, và cũng kém tao nhã không hợp với các cụ.

Sở dĩ có nơi tổ chức tam cúc điểm là vì tổ tôm điểm hơi khó đối với một số dân quê, nên có lập thêm tam cúc điểm để những người này mua vui trong ngày hội.

Hội làng Cung Thuận với mọi cuộc rước xách tế lễ, với mọi trò vui kéo dài trong tám ngày từ mồng 2 đến mồng 10 tháng Hai âm lịch như trên đã trình bày.

Dân chúng trong vùng và hầu như trong toàn tỉnh Sơn Tây kéo nhau nô nức tới dự hội, một phần vì những trò vui, nhưng mục đích để lễ bái.

Người dân quanh vùng này, - rất nhiều làng thờ Tản Viên sơn thần, - rất sùng kính Sơn Tinh mà đối với họ sự linh ứng rất mau nhiệm, và họ đã chịu ơn rất sâu xa, như trong thần tích đã nhắc ở trên.

Đến lễ bái ở đình làng Cung Thuận, người ta chỉ làm bốn phận một tín đồ với thần linh, và người ta cũng còn xin thẻ xin bùa dẫu như ở chùa Hương hoặc ở đền Phủ Giầy vậy.

Hội đền Bắc Lệ

Bắc Lệ thuộc châu Hữu Lũng, tỉnh Bắc Giang (Hà Bắc) nằm bên đường xe lửa từ Bắc Giang đi Lạng Sơn. Đây là một xã ở một nơi bắt đầu thuộc về vùng Thượng du miền Bắc và cũng là một thị trấn nhỏ với chợ và nhà ga Bắc Lệ, cách Phủ Lạng Thương vào khoảng gần bốn chục cây số. Từ Phủ Lạng Thương đi tới Kép, rồi từ Kép đi qua làng Mẹt, nơi giặc Pháp đã xử tử hai mươi bảy chiến sĩ Phục Quốc Quân vào năm 1940(1) đến ga Sông Hóa rồi đến ga Bắc Lệ.

Tại Bắc Lệ có đền thờ đức Mẫu Thượng Ngàn, bà chúa cai quản vùng rừng xanh. Đền ở xế ga, không cách xa chợ bao nhiêu. Cũng thờ với đức Mẫu Thượng Ngàn, đền có thờ các Cậu các Cô miền rừng núi. Đây là linh hồn những người miền ngược chết trẻ linh thiêng được nương nhờ dưới bóng Mẫu.

Tại đền thờ có bức tranh đức Mẫu Thượng Ngàn ngồi trên chiếc võng chằng giữa hai cây. Ở bên trái có một con chim, bên phải có một con vượn, hai con vật này cũng như hai cây treo võng tượng trưng cho rừng xanh. Đức Mẫu Thượng Ngàn có mười hai cô nàng hầu hạ, mỗi cô trong tay cầm một vật gì. Hai cô ở hai bên mé trên cầm mỗi cô một chiếc quạt lông che cho Mẫu còn các cô khác hoặc cầm quạt, cầm bó hương, trống khâu, khay chén hay khay hoa quả. Mé dưới bức tranh là rừng núi, và trên rừng núi có đôi hài của Mẫu. Lại có các loài vật tượng trưng cho dã thú nơi rừng núi: voi và ngựa.

Dưới cùng bức tranh là những đợt sóng, trên những đợt sóng này là mấy con vật tượng trưng cho các loài thủy tộc: con tôm, con cua, con rần nước, và con cá.

Sở dĩ mé dưới bức tranh có vẽ thêm như vậy là vì đức Mẫu Thượng Ngàn cũng lại là đức Mẫu Thủy Cung.

Hàng năm đền Bắc Lệ mở cửa đền từ thượng tuần tháng Giêng cho tới tháng Hai. Trong thời gian này, dân chúng miền xuôi kéo nhau lên lễ bái, nhất là các bà Đồng kéo nhau tới lên đồng, hầu bóng.

Đây là một hội hoàn toàn về lễ bái và lên đồng.

Cách đền chính không xa, độ 200 thước có một ngôi đền nhỏ gọi là đền Kèng. Theo các người hàng năm thường tới đền lễ bái, đây là đền thờ cô Ba Bắc Lệ, một vị công chúa. Trong những ngày hội đền Bắc Lệ, đền Kèng cũng mở cửa đền, và các con hương đệ tử tới lễ đền Bắc Lệ đều tới đền Kèng. Ở đây cũng lên đồng lên bóng, trừ tà, phát bùa để chữa bệnh như ở đền chính.

Khi đền Bắc Lệ bắt đầu mở cửa đền, có đám rước từ đền Kèng tới đền chính. Đây là cô Ba Bắc Lệ tới hầu đức Mẫu Thượng Ngàn.

(1) Xin xem Tinh thần trọng nghĩa phương Đông của soạn giả.

Lễ chùa Bảo Sanh Đại Đế

Chùa này, đúng ra phải gọi là đền, vì nơi đây không thờ Phật, mà lại thờ một vị thần gốc Trung Hoa, dân chúng quen gọi là chùa Lào Yá. Chùa tọa lạc tại xã Long Sơn, cách quận lỵ Tân Châu (An Giang) độ 4 cây số, ở hữu ngạn rạch Cái Vừng, mặt chùa hướng ra vàm rạch. Lào Yá đã được triều đình nhà Thanh sắc phong là Bảo Sanh Đại Đế.

Lào Yá chính là tiếng Triều Châu đọc theo hai chữ Lão gia. Tên thật của ông không ai rõ, dân chúng trong vùng quen dùng hai tiếng Triều Châu Lào Yá để gọi và cũng có người gọi kính cẩn là Quan Lớn hoặc Lão Y nghĩa là một danh y từng trải, và thói quen này đã hầu như át hẳn bốn chữ Bảo Sanh đại đế, xa lạ với quần chúng.

Chùa Lào Yá được lập nên gần một thế kỷ rồi và người dân rất tôn sùng ông. Hàng năm vào ngày rằm tháng Giêng, dân chúng có cử hành lễ tại

chùa rất long trọng, còn quanh năm chùa có người tới lễ, khói hương nghi ngút.

Sự tích ông Lào Yá

Dưới trào Mãn Thanh bên Tàu, có bà Mẫu Hậu bất ngờ lâm trọng bệnh ([1]). Các quan Thái Y và Ngự Y đều vô phương điều trị. Nhà vua phải đăng bảng cầu hiền: "Ai cứu được bệnh ngặt nghèo của Mẫu Hậu thì sẽ được quyền cao tước cả". Bảng vừa treo lên, bỗng có người như vị thiên giáng nhập vào mà nước ta gọi ông lên vậy. Người ấy giật bảng vào chữa cho Mẫu Hậu. Xong ông ta được đưa ra quán dịch nằm đợi tin lành. Lúc tỉnh dậy y hỏi quan coi quán dịch, mới hay hành động vô ý thức đó là một tội khi quân sẽ bay đầu và bị tru di tam tộc. Vì quá sợ, nên y tìm đường bôn đào. Trong khi đó, nhờ uống thuốc tiên, bệnh của Mẫu Hậu được thuyên giảm rất nhiều, rồi lần lần dứt bệnh hẳn. Quá mừng nhà vua truyền lệnh đòi vị danh y vào triều để ban thưởng xứng đáng. Nhưng vị "Biển Thước" đã rời khỏi hoàng cung mất dạng rồi. Quốc Vương bèn cho quân lính đi tìm kiếm khắp nơi mà không gặp.

Một hôm tới cụm rừng, quân sĩ tạm ngồi nghỉ mệt dưới một tàn cây to lớn. Bỗng nhiên, ai ai cũng đều cảm thấy từ trên bọng cây này, xông lên một mùi hôi tanh khó chịu. Tò mò một quân sĩ nhanh nhẹn leo lên cây xem thử. Té ra đó là một thây ma mà người chết ấy không ai khác hơn là vị danh sư hôm nọ đã trị bệnh cho Quốc Mẫu. Vì quá sợ cái tội khi quân nên y leo lên cây này trốn, bởi nhịn đói, nhịn khát mà phải bỏ mình rất thảm thương nơi đây.

Khi được tin đau đớn đó, nhà vua mẩn tiếc vô cùng và chôn cất rất trọng thể. Đồng thời tặng phong cho người là "Bảo Sanh Đại Đế".

Từ đó, nhà vua truyền cho dân chúng lấy vỏ cây nơi danh sư đã chết để trị bá bệnh. Còn thân cây thì làm cốt thờ ông Thần Y có công cứu sanh mạng của Quốc Mẫu.

Ông Lào Yá qua xứ Việt Nam

Tục truyền ông Hia Ný, người Triều Châu ở xã Long Sơn khi về bên Tàu, biết được chuyện này mới xin lãnh cốt và sắc phong đem về qua xứ Việt Nam để thờ tại nhà ông.

Ông Bảo Sanh Đại Đế ở bên Trung Quốc có hiển thánh hay không thì chẳng ai biết? Nhưng linh hồn được nhập tịch vào xứ ta lại đập đồng lên cho người xác đầu tiên là ông "Khía" xã Long Sơn, tục gọi "Lào Kìa". Ông này qua đời lại nhập vào xác ông "Lến" cũng người xã Long Sơn, tục gọi "Lào Lến". Khi nhập vào xác, ông Lào Yá chỉ thuốc cho bệnh nhân trong làng được linh ứng. Nhờ thế mà uy tín của ông Lào Yá càng được tôn trọng.

Người địa phương nhất là người Tàu cư ngụ ở xã Long Sơn nhận thấy sự hiển linh đó mới chung hùn cất chùa để thờ ngài. Nhưng trước khi cất, bốn hội có cầu ngài lên để chỉ chỗ cất chùa. Ngài dạy phải cất tại mé rạch, song phải hướng mặt tiền chùa ra Vàm rạch Cái Vừng để ngài ngăn ngừa lũ tà ma yêu quái đột nhập vào nội địa vùng Cái Vừng. Tuy vậy, bốn hội lấy làm lo lắng vì sợ đất lở. Song ngài cương quyết bảo cứ việc cất. Thần dạy ai dám cãi? Lạ một điều là từ khi ngôi chùa này đã hoàn thành, mặc dầu nó chỉ nằm cheo leo dựa mé rạch đất vẫn không lở như mấy chỗ khác. Do đó, nguồn tin tưởng cao độ nơi ông Lào Yá càng thêm ăn sâu vào tiềm thức của mọi người dân ở vùng rạch Cái Vừng nhất là người ở Long Sơn.([2])

Tục lễ ngày lễ

Người dân xã Long Sơn và vùng lân cận tôn sùng ông Lào Yá và cho rằng ông là một vị thần thánh giáng trần để cứu dân độ thế bằng cách trị bệnh cho mọi người.

Lễ tại đền ông Lào Yá hàng năm được tổ chức vào ngày rằm tháng Giêng. Dân chúng tới lễ và xin xăm cầu rỗi việc cát hung.

Ngoài ra có hai tục lệ đặc biệt là tục ông Lến và Lễ Du Hồ và chưng cộ Bát Tiên. Hai tục này chúng tôi đã nói tới trong cuốn LÀNG XÓM VIỆT NAM.

[1] Không rõ vua nào nhà Thanh

[2] Theo Nguyễn Văn Kiềm trong TÂN CHÂU

Hội làng Hải Cát

Làng Hải Cát thuộc tổng Long Hồ, huyện Hương Trà tỉnh Thừa Thiên, cũng như các xã khác tại Việt Nam, thường hàng năm, hai lần làm lễ kỳ yên vào tháng Hai và tháng Bảy. Dân làng làm lễ tại đình làng, nhưng trước ngày hành lễ, bao giờ cũng có cuộc rước Thần, tục gọi là lễ nghênh thần để cung nghênh các vị Thần thờ cúng tại các đền miếu trong làng về đình để dân làng cúng tế.

Làng Hải Cát có đền thờ Thiên Y A Na Ngọc Diển Phi Chúa Ngọc, đền này được sắc vua Đồng Khánh ban là HUỆ NAM ĐIỆN. Dân chúng gọi là đền Hòn Chén.

Sơ lược thần tích

Huệ Nam Điện xây trên núi Ngọc Trản, thuộc địa phận xã Hải Cát.

Điện này trước kia là Ngọc Trản Sơn Thần từ còn gọi là đền Hàm Long, linh thiêng nức tiếng. Đền thờ Thiên Y A Na Diển Phi Chúa Ngọc và Thủy Long Thần.

Trước sự linh ứng của Bà Thiên Y A Na, vua Minh Mạng sau khi lên ngôi được hơn hai năm, đã cho mở rộng ngôi đền vào năm 1832.

Trước ngôi đền là một vực sâu của dòng sông Hương, nước đen ngòm, theo tục truyền là không đáy, và nơi đây chính là nơi có cung điện của thủy thần. Người ta thoáng thấy xuất hiện một con giải (một giống rùa to) to lớn bằng chiếc chiếu bơi lội trên vực sâu này, tạo nên những luồng sóng kinh khủng, nước đen bốc lên cao ngất.

Về sự linh thiêng của Thiên Y A Na Thánh Mẫu, có một câu chuyện thường được thuật lại:

Xưa kia vua Thiệu Trị xây lăng mình ở gần đó. Một buổi nhà vua cùng các bà hoàng phi đến thăm lăng, ngược dòng sông Hương đi qua đến Hòn Chén. Vừa lúc qua đền, một bà hoàng phi đánh rơi chiếc ống nhổ bằng vàng đúng ngay vào chỗ vực sâu nước đen ngòm.

Các bà phi xót xa tiếc chiếc ống nhổ, khuyen nhà vua kêu khẩn Thiên Y A Na Thánh Mẫu. Nhà vua không tin ở sự linh thiêng của Thánh Mẫu, đứng trên thuyền khẩn một cách mỉa mai. Ngờ đâu chiếc ống nhổ vàng từ từ nổi lên trên mặt nước và được vớt lên. Trước sự linh ứng bất ngờ ấy, nhà vua long trọng hứa là sẽ sửa sang và mở rộng ngôi đền. Tiếc thay nhà vua đã băng hà trước khi thực hiện lời hứa. Về sau vua Đồng Khánh đã sửa sang ngôi đền vào năm 1886, và đổi tên là HUỆ NAM ĐIỆN, điện của Thánh Máu thi ân huệ cho nước Nam.

Khi vua Đồng Khánh còn là hoàng tử, ngài ưa lên chơi trên Ngọc Trản Sơn, và thường ngài hay ngừng ở trước cửa Ngọc Trản Sơn Thần từ để cầu khẩn những điều mong ước.

Ngài thường được như nguyện. Sau này lên ngôi, ngài đã châu phê khen ngợi Ngọc Trản Sơn là một nơi thật đẹp, phong cảnh mới thoát trông giống một mảnh sư uống nước dưới sông và đây là nơi an ngự của các vị thần linh. Do đó, ngài đổi tên Ngọc Trản Sơn Thần từ là Huệ Nam Điện. Ngài ra lệnh cho Công Bộ làm bức hoành phi mới với ba chữ Huệ Nam Điện, nơi lạc khoản ghi rõ là theo lệnh vua.

Cùng năm ngài cho tu sửa Huệ Nam Điện, tại Thừa Thiên. Gặp nạn hạn hán, nhà vua ra lệnh cho các quan tỉnh cầu đảo tại nhiều nơi nhưng không ở đâu linh nghiệm. Khi làm lễ cầu đảo tại Huệ Nam Điện, sự linh ứng thật mau chóng: lễ cầu đảo buổi sáng buổi chiều trời mưa.

Tại Huệ Nam Điện có thờ nhiều vị thần khác ngoài Ngọc Thiên Y A Na Thánh Mẫu. Tầng gác thờ Thánh Mẫu và hai vị khác, tầng dưới thờ sáu vị, tất cả đều có sắc phong của triều đình.

Về các sắc thần, trước kia, cho tới năm 1886, bàn thờ giữa ở trên gác có sắc của:

1. Bà Thiên Y A Na Diễn Ngọc Phi Thượng đẳng thần.
2. Thủy Long Thánh Phi Trung đẳng thần.
3. Sơn Trung Tên Phi Trung Đẳng thần.

Ba vị trên đều là nữ thần, đây là ba vị Thánh Mẫu Thượng thiên, Thủy cung và Thượng ngàn ([1]).

Gian bên trái, trên gác thờ Quan Thánh Đế Quân. Sau khi Huệ Nam Điện được sửa chữa (1886-1888) bài vị Quan Thánh Đế Quân đã được di chuyển thờ tại một miếu riêng xây bên hữu Huệ Nam Điện.

Gian bên phải thờ lục vị tướng quân sau đây:

1. Tiên cung Thông minh Thượng tướng quân tôn thần.
2. Tiên cung Liên minh Đại tướng quân tôn thần.
3. Thủy tinh Lục dũng Tướng quân tôn thần.
4. Thủy tinh Oai dũng Tướng quân tôn thần.
5. Sơn tinh Quả dũng Tướng quân tôn thần.
6. ???

Lục vị tôn thần trên, đã được di chuyển thờ sang bên phải bàn thờ tam vị Thánh Mẫu, còn bên trái có thờ thêm nhị vị Đức Bà, từ hồi đền được sửa chữa bởi vua Đồng Khánh.

Vua Đồng Khánh tin ở sự linh thiêng của tam vị Thánh Mẫu, nhất là bà Thượng Thiên Thánh Mẫu Thiên Y A Na.

Ông H. Délétie trong "Bulletin den Amis du Vieux Hué" số 4 xuất bản tháng 10 và 11-1915, có kể lại rằng khi nhà vua còn làm hoàng tử, nhà vua đã xin Thánh Mẫu cho biết ngày ngài được lên trị vì và thời gian ngài sẽ ở ngôi vàng.

Thánh Mẫu đã cho biết đúng ngày ngài lên ngôi và ngài sẽ trị vì trong ba năm.

Nhà vua đối với Thượng Thiên Thánh Mẫu rất cung kính. Chính nhà vua làm thơ văn, câu đối để xưng tụng công sức của Thánh Mẫu, và cũng chính nhà vua ban hành việc dùng quốc lễ để tế tại Huệ Nam Điện.

Theo lệnh nhà vua, hàng năm xuân, thu nhị kỳ tại Huệ Nam Điện có quốc tế, vị chủ tế là một triều thần đại diện triều đình.

Kể từ năm 1910 trở về sau, hàng năm triều đình chỉ cử đại diện tới chủ tế một lần vào kỳ xuân tế, nhằm tháng Hai, còn kỳ thu tế, việc tế lễ do dân làng Hải Cát phụ trách, nhằm tháng Bảy.

Dân làng tổ chức tế tại đình, nhưng trước ngày chánh lễ, có lễ nghênh thần để rước tất cả các vị thần trong làng về đình như trên đã nói.

Lễ nghênh thần

Trong lễ nghênh thần có đám rước Thiên Y A Na Thánh Mẫu từ Huệ Nam Điện tới đình làng Hải Cát.

Đám rước cử hành trên những chiếc thuyền ghép lại thành những chiếc bè lớn gọi là Bồng. Những chiếc bồng nối tiếp nhau trên sông Hương, tương tự như những bè thủy lục tại miền Nam, với rất đông các con hương đệ tử, các tín nữ thiện nam. Người đông, tiếng ồn ào xen lẫn tiếng trống rước tạo nên một cảnh tượng hết sức nhộn nhịp tưng bừng. Đám rước cử hành ban đêm, đèn sặc sỡ sáng trưng, phản ánh dưới dòng sông Hương lấp lánh.

Trên một chiếc bồng có bàn thờ Thánh Mẫu, cùng với long kiệu. Trên long kiệu có hòm sắc của Thánh Mẫu, đây là sắc phong vua ban, hàng năm được rước tới đình.

Liên kế đó, có một chiếc bồng khác, có bàn thờ, kiệu và hòm sắc của nhị vị Thượng Ngàn và Thủy Cung Thánh Mẫu. Sau đó là những chiếc bồng

chờ các tự khí, tàn tán cờ quạt v.v...

Long kiệu của Thượng Thiên Thánh Mẫu là kiệu thêu, do các trinh nữ khiêng, các cô ăn bận áo màu sắc sỡ, ngoài các cô còn các bà cũng quần áo đẹp đẽ với đủ màu sắc, chia nhau người mang bình hương, kẻ ống trầu, người bình trà, kẻ khay tách chén, người mang những hòm nhỏ đựng các đồ trang sức, hoặc mang cờ biền, tàn, lọng, gối, quạt v.v... Các thanh niên vác các đồ lộ bộ, bát bửu, và các tự khí khác...

Khi đoàn băng ghé bến, đám rước chuyển từ mặt sông lên bộ và đi cho tới đình làng Hải Cát. Có phường bát âm đi theo sau kiệu.

Trong lúc đoàn băng khởi hành từ bến rước Huệ Nam Điện, các bà đồng đã cùng nhau lên đồng ngay ở chiếc băng có bàn thờ Thượng Thiên Thánh Mẫu. Những cuộc lên đồng hầu bóng tiếp tục cho tới khi đoàn băng đi tới bờ, nơi đám rước chuyển từ sông lên bộ.

Dân làng đi theo đám rước. Hương khói tỏa bay, ánh đèn đêm tỏa chiếu. Những thiện nam, tín nữ hân hoan theo đám rước.

Đám rước nghênh thần tuy đầy vẻ tôn nghiêm nhưng cũng thật là tấp nập và nói lên sự vui mừng của dân chúng được cung nghinh tam vị Thánh mẫu từ đền về đình làm lễ. Lòng tin tưởng ở sự linh thiêng của tám vị Thánh Mẫu, nhất là của đức bà Thượng Thiên Thánh Mẫu, tạo nên một không khí tôn giáo thiêng liêng trong đó có cái gì màu nhiệm đem niềm an vui lại cho dân chúng trong ánh sáng từng bừng của đèn đuốc, trong màu sắc chói lọi của đám rước với long kiệu với đồ thờ sơn son thiếp vàng, với áo quần sắc sỡ, trong tiếng trống tiếng nhạc của phường đóng vắn và phường bát âm.

Nghênh thần xong dân làng làm lễ tức yết theo nghi thức cổ truyền.

Suốt đêm là những cuộc hát thờ, hoặc các bà đồng hầu bóng. Dân làng rất nhiều người tham dự.

Ngày hôm sau là Chánh tế, và đến buổi chiều là lễ Tiễn Thần, kiệu Thiên Y A Na Thánh Mẫu cùng hai vị Thượng Ngàn và Thủy Cung Thánh Mẫu lại được long trọng rước từ đình làng Hải Cát về Huệ Nam Điện cũng như đám rước nghênh thần tối hôm trước.

Vẫn các trinh nữ khiêng kiệu của Thượng Thiên Thánh Mẫu, và cũng lại các bà các cô chia nhau mọi phần việc như hôm trước.

Đám rước đi bộ từ đình đến bờ sông, rồi lại được chuyển xuống các băng trên sông Hương. Đoàn băng lại khởi hành trở về với cờ quạt uy nghi, trống và âm nhạc trên các băng. Lại có những cuộc hầu bóng cho tới khi đoàn băng ghé bến trước Huệ Nam Điện.

[1] Theo L.CADIÈRE trong *Croyances et Pratiques religieuses des Annamites dans les environs de Hué. B.E.F.O. tome XVIII, 407-1918.*

Hội đình thần xã Long Phú với những nét chung về hội hè đình đám Miền Nam

Nói chung ra từ Bắc chí Nam, nơi đâu trong việc cúng lễ dân chúng thường cũng theo nghi thức cổ truyền mà chúng tôi đã có dịp trình bày trong TÍN NGƯỠNG VIỆT NAM khi nói về Đạo Thờ Thần. Việc sự thần ở đâu cũng vậy, lấy sự cung kính làm đầu và để biểu dương sự cung kính, tất nhiên phải dùng đến lễ nghi tuy trong lễ nghi có những điều khác biệt nhỏ tùy từng địa phương.

Tại miền Nam, đình đám cũng không khác miền Bắc bao nhiêu, nếu có khác là chỉ ở những trò bách hí miền Nam ít hơn hai miền Trung và Bắc, còn sự lễ bái thường cũng thể hiện một cách tương tự. Qua mấy hội hè đã trình bày, bạn đọc hẳn đã nhận thấy những điều dị biệt không đáng kể.

Ông Nguyễn Văn Kiềm tác giả cuốn "Tân Châu", khi được soạn giả cho biết ý định viết tập sách này, đã có nhã ý gửi tặng một tập tài liệu về Đình đám tượng trưng miền Nam với rất nhiều chi tiết quý báu, nhất là về hội hè tổ chức tại đình làng. Ông đã trình bày hội hè đình đám miền

Nam qua sự lễ bái tại đình xã Long Phú, quận Tân Châu, tỉnh Châu Đốc (An Giang). Soạn giả xin thành thật cảm ơn tác giả Tân Châu, và để bạn đọc biết rõ về Hội hè đình đám miền Nam, tưởng không gì hơn cho in lại nguyên văn tập tài liệu này.

"Trên khắp lãnh thổ miền Nam, từ thành thị đến thôn quê, đâu đâu cũng có dựng lên tại trung tâm xã một ngôi đình cổ kính để thờ thần. Trừ một số ít xã thờ các vị công thần triều Nguyễn đã được sắc phong như Nguyễn Hữu Cảnh, Nguyễn Văn Thoại, Lê Văn Duyệt v.v... kỳ dư bao nhiêu ngôi đình khác chỉ thờ điển hình vị **THÀNH HOÀNG BỐN CẢNH**.

Mặc dù các vị thần thiêng liêng này đều là vô danh, nhưng cũng được Triều đình sắc phong rước rờ như các bậc công thần nói trên.

Tóm lại, để tượng trưng đình đám miền Nam, chúng tôi xin gom góp tài liệu liên quan đến đình thần xã Long Phú, quận Tân Châu (Châu Đốc). Việc lễ bái ở các nơi khác cũng tương tự hoặc chỉ có đôi điều khác biệt nhỏ. Trước hết cần biết qua sự:

Tổ chức ban quản trị

Dưới thời Pháp thuộc, các đình thần Bốn xứ do Ban Hương Chức Hội Tề cai quản. Từ năm 1945 đến nay, Ban Hương Chức Hội Tề giải tán, đình thần được cải tổ do dân trong xã tự do lựa chọn người tuổi tác, công chức hồi hưu có tác phong đạo đức bầu lên thành:

A. Ban quản trị gồm:

Chủ Tịch danh dự luôn luôn dành cho vị Quận Trưởng địa phương (ông này thuyên chuyển, ông khác kế vị).

1. Chủ Tịch
2. Phó Chủ Tịch (I-II)
3. Tổng Thư Ký

4. Phó Thư Ký (2 hoặc 3)

5. Thủ quỹ

B. Ủy viên kiểm soát:

1. Trưởng Ban

2. Phó Trưởng Ban (2 hoặc 3 nhân viên)

C. Các đặc ban lo đình đám

Ban tế tự gồm:

1. Tham Thần

2. Kế Hiền

3. Hương Quan

4. Đại Bái

(4 chức vị này như là chức danh dự)

5. Chánh Bái

6. Bồi Bái

7. Phó Bái

8. Hiệp Bái

9. Tham Bái

10. Hương Bái

Ban tế nhạc gồm:

1. Trưởng ban

2. Phó trưởng ban

Ban lễ nhạc gồm có những chức việc hầu lễ: Trưởng lễ, Tham lễ, Tri lễ v.v...

Ban nhạc gồm có Trưởng nhạc, Tham nhạc, Tri nhạc v.v...

Lễ sĩ (học trò lễ) có nhiều vị nhưng mỗi kỳ lễ cúng chỉ có 7 cặp mà thôi.

Ban nghi tiết:

Lo chường dọn gồm có Trưởng ban, Phó trưởng ban và nhiều chức việc khác như Chủ trưởng, Tham trưởng v.v...

Ban thiện phòng

Lo mua lễ vật cúng kiếng và nấu nướng đãi đấng quan khách. Ban này cần phải có nhiều chức việc thay phiên mới đủ dùng trong mấy ngày lễ.

Ban quản thủ tài vật

Ban này tổ chức cũng như Ban trên để trông nom gìn giữ chu đáo tài sản của đình.

Ban tiếp tân

Lo việc tiếp rước quan khách trong mấy ngày cúng kiếng gồm nam và nữ.

Ban ánh sáng

Lo cung cấp đèn trong lúc hành lễ.

Ban cổ vấn

Gồm nhiều vị kỳ lão sáng suốt.

Nhiệm kỳ của Ban quản trị là hai năm bầu lại một lần, ngoại trừ Ban Tế Tự không thay đổi, trừ phi có vị nào qua đời và vì một lẽ riêng gì đặc biệt. Một điều nên để ý là mỗi vị trong mỗi ban đều được Ban Quản Trị cấp phát "Bầu cử Chứng Thư" (xưa gọi Tờ cử) hẳn hoi, để chứng tỏ đương sự có công với đình thần.

Tổ chức đình đám

Mặc dù đồng bào địa phương vẫn biết rằng đình xã sở tại của mình thờ "Thành hoàng Bốn Cảnh" tức vị Thần thiêng liêng vô danh, nhưng họ lại rất hãnh diện vì có sắc phong rực rỡ do đặc ân của vua ban, nên đứng trên phương diện tín ngưỡng vô bờ bến, họ quan niệm sâu sắc là "linh bất linh tại ngã", nên trọn vẹn tin tưởng vị Thành hoàng Bốn Cảnh như vị linh thần có huyền năng mang đến đời sống họ đầy đủ cả hạnh phúc về danh lợi, tiền tài, tình duyên, mùa màng, luôn cả điều kiết hung nữa.

Bởi vậy, từ xưa đến nay, để tôn sùng cao độ vị thần thiêng liêng an trấn tại đình, các vị Tiên Hiền, Hậu Hiền, Kế Hiền đều triệt để thi hành hai cổ lệ tế thần như sau:

Đại lễ Kỳ Yên vào ngày 16-17-18 tháng 5 âm lịch

Tiểu Lễ Chạp Miếu hay Lạp Miếu vào ngày 16-17 tháng Chạp âm lịch.

Tuy nhiên Đại Lễ Kỳ Yên không còn là ngày bất di bất dịch nữa. Đến năm 1967, Ban Quản Trị đồng ý cải tổ ngày Đại Lễ Kỳ Yên vào ngày 9-10 tháng 5 âm lịch cho phù hợp với sự sinh hoạt địa phương, còn ngày Tiểu Lễ Chạp Miếu thì để y như cũ.

Đến đây, thiết tưởng cũng nhắc lại việc tổ chức Đại Lễ Kỳ Yên ngày xưa có kèm cả hát bộ. Dưới đây là:

Bài xây châu hát đình

1. Thần tiên niệm hương chú

Phục vị càn tượng, cảm dĩ thoại thông.

Cần chú thanh hương, kiến thành bái khái.

Nhứt niệm đạo hương, thượng khẩn thiên quan, nguyện bảo vệ sơn hà xã tắc.

Nhị niệm đạo hương, trưng đạt địa quan, nguyện quốc dân, tăng long càn tượng.

Tam niệm đạo hương, hạ thấu thủy quan, nguyện tứ hải phong điều vũ thuận.

Nhơn tư điện võ, đáo lệ kỳ yên, hữu ca xướng nhứt viên. Kim đệ tử tánh, nhập đàn (khởi) cổ nguyện ứng trình tường, cung vọng thỉnh Tôn Thần chí linh phủ thùy chiếu giám.

Ra ngoài sân khấu (võ ca)

(Đánh tiếp giá Nghinh Thần)

Phục vị Thần Thánh chi đại, cảm dĩ linh thông, cần chú thanh hương, kiến thành ca khái.

Cung vọng thỉnh Tổ sư, tiên trào Triệu Công, Kỷ Bình, Thành Hầu, Tiên Sư tọa vị chứng minh.

Nhơn tư điện võ đáo lệ kỳ yên, hữu ca xướng nhứt viên. Kim đệ tử tánh nhập đàn khởi cổ.

Nguyện ứng linh thông, cung vọng thỉnh Tiên sư, Tổ sư, linh linh chỉ thị.

Tẩy trước chú (Tay cầm nhành bông, tô nước)

Tiên nhứt sanh thủy, địa lục thành chi, Thần Thủy sái động, uest trước trần phi.

Ấn Ngươn Hanh Lợi Trinh.

Lấy nhành bông rảy nước rồi cầm roi chầu

Pháp luân thường chuyển Tứ Thiên Vương,

Bát đại Kim Cang trấn tứ phương,

Ngô kim khởi cổ đồng lai trở;

Túng tử xã tắc thọ miên trường.

Thư phù yếm diện chúng (dỡ khăn mặt trống cầm roi trống hoạ tứ tung ngũ hành 4 số 5 ngang)

Thương thân nhứt túc, Yết tợ lôi hoành, chấn cổ biến tinh thông thiên triệt địa, lỵ mỵ tìm hình.

"Ấn hành hoành"

Trịch mộc chú (khắc roi châu)

(rụt rụt, cắc) Nhứt trịch mộc, chư Thiên lai giáng phúc

(rụt, rụt, cắc, cắc) Nhị trịch mộc, chư Địa phi lai.

(rụt, rụt, cắc, cắc, cắc) Tam trịch mộc, vạn Thần lai ủng hộ.

Điểm mặt trống

(rụt, rụt - Đùng) Nhứt điểm nguyệt: Sơn Hà thống nhứt Dân Quốc hà xương, vạn sự trình tường, thiên niên đức hóa.

(rụt, rụt - Đùng, ùng) Nhị nguyệt: Hải yển hà thanh, tứ phương ninh tịnh, trào sĩ công khanh, linh qui hạc táng.

(rụt, rụt - Đùng, ùng, ùng) Tam điểm nguyệt: Quốc phú binh cường, nam phương lạc thổ, hoà cốc phong đăng. Dân khương vật phụ, bá tánh an ninh, Thọ thọ phước.

Tiền đã tam thập thất thanh: 37 tiếng

Trung đả lục thập thất thanh: 67 tiếng

Hậu đả cửu thập cửu thanh: 99 tiếng

Nghi lễ xây châu

A. Vô chánh điện:

1. Lễ sĩ xướng: Cổ lại viên tỳ vị
2. Lễ sĩ xướng: Nguyệt hương thượng hương
3. Lễ sĩ xướng: Châm tửu - Cúc cung bái (2 lạy)

B. Đọc bài phục vụ hay xây châu

1. Lễ sĩ xướng: Châm tửu - Tạ thần: Cúc cung bái (2 lạy)
2. Lễ sĩ xướng: Thịnh Thánh - Bưng khay trầu rượu đi ra sân khấu.

C. Ra sân khấu

1. Lễ sĩ xướng: Cổ lại viên tỳ vị
2. Lễ sĩ xướng: Nhạc công khởi nhạc - đánh tiếp - giá.
3. Lễ sĩ xướng: Nguyệt hương - Cúc cung bái (2 lạy - châm tửu).

D. Đọc bài xây châu

Lễ sĩ xướng: Châm tửu: Lễ nhị bái (2 lạy)

Nên nhớ chỗ **BÀI XÂY CHÂU** có khoảng chấm chấm nói:

Nhơn tư diện vỡ đáo lệ Kỳ Yên, đệ tử tánh danh (điền tên người đứng xây châu) nhập đàn khởi cổ. Và từ đây Cổ lại viên cứ theo trong bản xây châu mà đánh trống cho đủ số dùi đã ấn định (vừa đánh vừa đếm) xong rồi hát bộ dâng liễn, gia quan v.v...

Xuyên qua Bài Xây Châu hát bộ thì nhận thấy quả là một bài trấn ếm của vị cao tay ẩn bùa Lỗ Ban, gọi "ấn Ngươn Hanh Lợi Trinh" để trấn ếm quỷ mị không cho độn nhập loạn vào Đình Trung, hầu bảo đảm cho buổi lễ Kỳ Yên được hoàn toàn yên tịnh không xảy ra việc gì đáng tiếc. Hơn nữa Xây Châu là cả một nghệ thuật cần chuyên luyện mới thành công và điều khiển ăn khớp với Nghi Lễ Xây Châu.

Bên lề cuộc hát bộ

Thuở đó trong xứ chưa có cải lương và chiếu bóng vào thôn quê như hiện giờ, nên môn hát bộ được thịnh hành, cho là môn giải trí duy nhất và lại mỗi năm trong xã mới có tổ chức hát bộ về đình hát đôi ba hôm. Một dịp làm cho nông dân thưởng thức nghệ thuật làng hia mả. Vì vậy bất cứ nam phụ lão ấu đều đua nhau đến đình xem chập cả. Còn sự buôn bán thì tấp nập.

Ngoài thú xem hát ra, trẻ em còn giải trí bằng lối đánh bầu cua cá cọi (môn cờ bạc này đến nay vẫn còn thịnh hành). Người lớn có máu đỏ đen thì tha hồ mà cờ bạc làm cho bao nhiêu người phải mang nợ đến đổi phải vong gia thất thổ. Riêng trai xinh gái lịch - trong bộ đồ vía – lại mượn cuộc hát xướng để làm nơi hẹn hò.

Nghi lễ tế thần

Tiên yết

Củ Soát tế vật (kiểm lại đồ cúng)

Khải Sắc (mở hòm Sắc, trải Sắc chỉ ra)

Ế mao huyết (rút chén lông và huyết ếm bàn Thần, đem ra để ngoài bàn lễ sinh)

Chấp sự giả các tư kỳ sự (Ba ông thủ mõ, chuông, trống ra bái trước hương án ngoài).

Khởi thái bình (mõ)

Khởi chung cổ (chuông trống)

Thái bình, chung cổ tề minh (3 thứ luân phiên đóng)

Nhạc sinh tựu vị (Nhạc vào trước hương án).

Nhạc sinh khởi nhạc (Nhạc cử tiếp giá: 3 hồi, 3 chậm)

Niệm hương tựu vị (Ông niệm hương vào trước hương án)

Phân hương (người hầu đốt hương)

Qui (quì)

Niệm hương (khấn niệm lớn tiếng)

Thượng hương (Người hầu cắm hương lên bàn hương án)

Phủ phục (cúi xuống)

Hưng bình thân (đứng dậy)

Nghinh thần (rước thần)

Cúc cung bái (Xướng 4 lần, lạy 4 lần. Nhạc cử Bạc đàn)

Hưng bái - Hưng bình thân

Bốn thân viên quan hướng chức đồng lai bái (thảy đều lạy 4 lạy theo lễ sinh xướng)

Bồi tế tựu vị (Ông Bồi tế vào hương án)

Đông Hiến, Tây Hiến, Các tựu vị (Hầu lễ vào hai bên)

Chánh tế tựu vị (Ông Chánh tế vào)

Nghệ quán Tây (lại đài rửa mặt)

Quán Tây (rửa mặt).

Phục vị (trở lại bàn hương án)

Khởi tuần hương

Nghệ hương án tiên (nhạc xây lá, lễ sinh đi vào dâng hương trầm)

(Quy trước hương án ngoại)

Phần hương (Chánh tế đốt trầm do lễ sinh quì trao)

Thượng hương (lễ sinh đi lên dâng trầm - sau khi lễ sinh trở xuống)

Phủ phục (cúi xuống)

Hưng bình thân (đứng dậy)

Cúc cung bái, Hưng bái (xướng 4 lần, lạy 4 lạy)

Hưng bình thân.

Phục vị (Chánh tế thụt lại một chút).

Khởi tuần rượu (Lễ sinh đốt đèn)

Hành hiến lễ.

Nghệ thần vị tiên (Nhạc xây lá, lễ sinh đi vào)

Quy (trước hương án ngoại)

Tấn tước (lễ sinh quì trao cho Chánh lễ rót rượu).

Hiến tước (lễ sinh đứng dậy, đi dâng rượu).

(Lễ sinh đi lên theo tiếng nhạc xây bạc - Từ bàn Thần.

Lễ sinh trở xuống, tiếp xướng cho Chánh tế lạy 2 lạy),

Chuyển chúc (3 lễ sinh đến lấy đài bản văn tế)

Giai quì (đồng quì)

Đọc chúc (một lễ sinh cầm bản văn, một cầm đèn, một đọc văn)

Điểm trà:

(Dâng trà thẳng lên bàn Thần, Nhạc cử bài Ngũ điểm).

Phần chúc (đốt văn)

Nạp Sắc (để Sắc chỉ vào hòm).

Lễ thành

Chánh tế, Bồi tế, xuất vị (để lễ sinh lạy 4 lạy).

Lễ đàn ca

Phần đầu: giống y như phần đầu của lễ Tiên Yết.

Cho đến tuần rượu: giống y như lễ Tiên Yết.

Phần chung lễ: đổi lại và thêm như sau đây:

Tuần rượu nhì

Hành á hiến lễ.

(Sau đó giống như sơ tuần)

Phần rượu ba:

Hành chung hiến lễ (sau đó, giống y như tuần nhì, mõ, chuông trống, đóng 3 luân cho tới hạ đàn tế).

Chánh tế, Bồi tế xuất vị (để nhường chỗ cho)

Bốn thôn Hương chúc đồng tái bái (lạy mỗi người 4 lạy - Lễ sinh tiếp lạy theo, cũng 4 lạy).

Cáo thối

Chánh tế, Bồi tế phục vị (hai ông này trở vào).

Nghệ ẩm phước vị (Lễ sinh bưng 2 đài không, lên bàn Thần)

Thần tứ phước Lộ (Lễ sinh nhận lấy thịt rượu bưng xuống)

Giai quì (đồng quì)

Âm phước (uống miếng rượu)

Thọ tộ (ăn (trở) miếng thịt).

Phủ phục (cúi xuống)

Hưng... bình thân

Cúc cung... bái

Hưng... bái (4 lạy)

Tuần trà

Điểm trà (Lễ sinh dâng trà, nhạc đờn bản Tàu)

Tạ Thần, cúc cung... bái

Hưng... bái (4 lạy)

Phần chúc (đốt vãn)

Lễ tất (Hỏi mõ, chuông trống).

Chi tiết bổ túc về nghi lễ tế thần

Trong Nghi lễ tế Thần có lễ "KHAI SẮC" để nghinh Thần là trọng thể hơn cả. Đúng 12 giờ trưa ngày 9 tháng 5 âm lịch, một cái bàn phủ nắp được đặt trước nghi ngoại có cả nhang đèn và khay trầu rượu. Ban tế tự đứng ra nguyện hương vái lạy kèm có lễ sĩ đứng hầu. Kế đó có 2 lễ sĩ mặc y phục, đội mũ, mang hia theo quan văn thời xưa, theo sau là vị cao cấp trong Ban tế tự đến Chánh Điện. Hai lễ sĩ này kính cẩn đến Ngai Thần khiêng Hòm Sắc đem xuống đặt tại bàn. Đồng thời có trống nhạc trỗi lên.

Khi vái lạy xong, ông Chánh Bái bèn mở khóa thỉnh Sắc trải ra trên bàn và khi đặt rồi thì nhạc đánh Tiếp Giá. Bấy giờ vị Chánh Bái mặc lễ phục trình trọng quì xuống đọc lớn Bản Sắc Thần cho dân chúng nghe. Xong xếp y lại như cũ để vào hòm sắc khóa cẩn thận gọi lễ NẠP SẮC.

Tiếp theo là LỄ NGHINH THẦN. Mỗ chuông trống chiêng nổi lên 3 hồi lại 3 dùi. Ban tế tự kính cẩn thỉnh hòm Sắc ra đường đặt vào chiếc Long đình có kết bông hoa, nhang đèn. Hai bên có dù lọng. Phía trước là bộ đồ lộ bộ, để tượng trưng uy vũ của Triều đình. Theo hầu Sắc là mấy vị kỳ lão, viên chức, thân hào, nhân sĩ, thương gia điền chủ cùng các đoàn thể chánh trị và tôn giáo.

Đi trước hết là xe bát cẩu hòa với tiếng trống kèn lẫn múa lân hay Long Mã làm cho buổi lễ Nghinh Thần trở nên náo nhiệt vô cùng. Và một điều làm cho long trọng thêm là hai bên vệ đường, nhà nhà đều có đặt bàn hương án và cờ xí trông cực kỳ trang nghiêm cũng như các cuộc tiếp rước long trọng các vị vua chúa hay một công thần ngày xưa.

Lễ Nghinh Thần diễn hành qua các đường phố trong Châu Thành và xuyên qua các ấp, rồi trở về đình. Nơi đây còn một lễ chót gọi là lễ "Thỉnh Sắc" từ chiếc Long Đình vào Chánh Điện có đệm thêm cả trống nhạc trỗi lên inh ỏi.

Tại sao có LỄ NGHINH THẦN?

Vì Sắc Thần xã Long Phú ký tại Đình, còn vài nơi khác Sắc thần giao cho một chức vị cao cấp đầy đủ uy tín trong làng thỉnh về nhà thờ. Đến

ngày cúng Thần Ban Quản trị phải tổ chức đi thỉnh về đình gọi lễ "THỈNH SẮC THẦN" và sau đó có cuộc lễ gọi "HỒI SẮC" gom cả trống nhạc trôi lên.

Khi xong lễ Nghinh Thần là đến lễ cúng dư lệ. Lễ này cúng bằng thịt heo chín và sống cắt ra từng khoanh mỏng có xôi và bánh trái. Cúng dư lệ cũng như lễ mới vào đám chỉ có nhạc mà không có lễ. Quý vị trong Ban Tế Tự đến vái lạy và cúng kiếng (ngày đầu). Tối lại lối 9-10 giờ có cúng chè xôi gọi là lễ CẦU NGUYỆN. Lễ này rất đơn giản chỉ có đèn nhang và gõ chuông không có lễ nhạc.

Đúng 4 giờ sáng ngày 9 rạng ngày 10 tháng 5 âm lịch, khởi lễ Chánh Tế, là buổi lễ quan trọng hơn hết, vì phải hành lễ đến 2 tiếng đồng hồ đầy đủ nghi tiết và bài văn tế.

Cử hành lễ này bằng con heo quay theo sự cải tổ của Ban Quản Trị chớ trước kia cúng bằng heo sống nên có phần lễ Ễ MAO HUYẾT nghĩa là vị hành sự tế nhục đến bàn Thần nhận lãnh chèo huyết đem chôn nơi đồng nội. Cuộc lễ bế mạc vào lúc 12 giờ trưa trong ngày 10 âm lịch.

Lệ chia thịt đình và xăn xôi ngày xưa

A. Chia thịt

Theo cổ tục, mỗi vị Hương chức, những vị cao cấp, thương gia, điền chủ phải xây hai mâm xôi, dân thì một mâm để cúng đình. Còn heo cúng thì do ngân quỹ đình mua và phải dùng tất cả là 5 con (có khi làm cả bò) phân như sau:

Một con ngoại lệ kêu "heo cơm" tức heo để cho người giúp việc ăn cũng gọi là lễ dư lệ.

Một con để cúng nghinh Sắc Thần

Một con để Lễ Chánh Tế

Một con Lễ Tất

Con chót để kính biếu

Và sự kính biếu phân ra:

Hương Cả chọn cái đầu heo gọi thủ vĩ

Hương Chủ chọn cái mông cắt khoanh tròn

Chánh Bái là người lãnh phần Chánh Tế cực nhọc hơn hết nên hưởng trọn cái bọng có cả cật đuôi.

Kỳ dư mỗi chức việc trong đình được kính biếu đồng đều theo tục lệ đã ấn định. Nếu phân chia không đúng chỗ và không đủ thì sẽ có chuyện lời thối với nhau, nhưt là giữa Ban Hội Tề.

Vả lại, họ đã ăn uống thỏa thuê liên tiếp trong 3 ngày tại đình mà còn chưa khai khẩu, lại bày đặt ra ngoại lệ kính biếu để mang về cho vợ con thưởng thức nữa thì hóa ra:

Miếng ăn là miếng tồi tàn

Mất đi một miếng lợn gan lên đầu.

Như thế làm mất đi cả sự tốt đẹp của đình trung là nơi thuần túy để giáo dân. Gia dĩ họ cho sự hưởng của đình là một danh dự thiêng liêng, nên trở thành một tệ đoan trong xã hội, bị đời mai của là: Miếng thịt làng bằng sàng thịt chợ. Còn nếu cãi lý ra thì họ cho là: Phép vua thua lệ làng.

B. Lệ xăn xôi

Tục lệ này cũng quan trọng không kém tục chia thịt đình, vì phải tùy theo cấp bậc của mỗi vị mà xăn xôi cho có thứ tự để đặt lên bàn cúng Thần và các bàn Tả Ban và Hữu Ban. Nếu xăn xôi đặt sai chỗ sẽ có chuyện rắc rối. Xôi cũng được kính biếu như lối chia thịt đình.

Nhận thấy cái tệ đoan trạm trọng tự nghìn xưa còn lưu lại thành sự tranh giành vì miếng ăn nên Ban Quản Trị Đình Xã Long Phú đã cải tổ:

Sau khi cúng xong, tất cả vật cúng đều mang ra hết để đãi đấng dân chúng, không một ai lạm quyền đem về nhà cho vợ con hưởng. Vì họ biết tôn trọng vật cúng đó do đồng bào địa phương đóng góp, nên để cho dân chúng trọn hưởng. Sự cải tổ này được lòng dân. Ấu đó cũng là một điểm son trong việc đình đám.

Cầu thần ban phước lộc thọ và lễ Khai Sơn

Ngoài 2 lễ chánh nói trên, đình Long Phú còn thi hành hai lễ phụ nữa:

A. Cầu thần ban phước lộc thọ:

Lễ này mới cải tổ nên tổ chức vào đêm giao thừa, và cử hành vào 04 giờ sáng ngày mồng 1 tháng Giêng âm lịch.

Nghi tiết

Khởi lễ:

- a. Chức Sắc, Thân Hào, quan khách, tề tựu hai bên án tiền (nam bên trái, nữ bên mặt, ở trong ngó ra).
- b. Khởi đại cổ. Kính thác. Khởi chinh cổ. Nhạc công khởi nhạc.
- c. Tham Thần, Kế Hiên và Đại Bái tựu vị (nguyện hương và lễ tứ bái).
- d. Thượng Thần phù Chánh Điện (xương). Tham Thần bưng mâm Thần Phù và 2 Lễ sĩ cầm đèn hầu hai bên đi vào Chánh Điện. Kế Hiên và Đại Bái cầm nhang theo sau, Tham Thần bưng mâm Thần Phù xá trước Điện rồi từ từ bước lên Chánh Điện đặt mâm Thần Phù. Xong rồi quý vị trở ra quì trước án tiền.

Lễ nghinh thần

- a. Nhạc trời tiếp giá
- b. Tiếng nhạc dứt thì tắt đèn điện (đèn cầy để y) và phụt pháo màu trước Chánh Điện. Pháo màu dứt, cho đèn điện cháy lại.

c. Tham Thần, Kế Hiền và Đại Bái lễ tứ bái và quì để dâng hương, 4 lễ sĩ (phần hương và thượng hương) dâng tữu, 4 lễ sĩ (chước tữu và hiến tữu)

Bốn lễ sĩ trở vô hầu hai bên Chánh Điện.

Lễ tứ thần phù

a. "Thần tứ phước lộc thọ" (cũng 2 lễ sĩ hầu trước Chánh Điện xướng).

b. Tham Thần "Dạ".

c. "Đệ Thần Phù án tiền" (cũng do 2 lễ sĩ hầu trước Chánh Điện xướng).

Tham Thần, Kế Hiền và Đại Bái cùng 2 lễ sĩ hầu trước án tiền vào Chánh Điện. Tham Thần bước lại Chánh Điện thỉnh mâm Thần Phù và trở ra đặt trước án tiền. Kế Hiền, Đại Bái cùng 2 lễ sĩ (có cầm đèn) theo hầu:

d. Tham Thần tỳ vị (nguyện hương, lễ tứ bái).

đ. Quận trưởng tỳ vị (nguyện hương lễ tứ bái). (Quận trưởng bình thân. Tham Thần bước vô xá, giở tấm nhiễu phủ, lấy một Thần Phù gắn cho Quận Trưởng, Quận Trưởng xá và lấy một Thần Phù gắn cho Tham Thần).

f. Nhân viên Ban Tế Tự tỳ vị (nguyện hương lễ tứ bái). Quận trưởng gắn Thần Phù cho mỗi nhân viên.

g. Bà Tham Thần tỳ vị (nguyện hương lễ tứ bái, Quận Trưởng gắn Thần Phù cho Bà Tham Thần và Bà sẽ gắn Thần Phù quý Bà quý Cô).

h. Nhân viên Ban Quản Trị tỳ vị (nguyện hương, lễ tứ bái).

Tham Thần gắn Thần Phù cho mỗi người.

i. Quý vị Trưởng Ban tỳ vị:

Quan khách, thân hào tỳ vị.

Nhân viên các Ban tỵ vị.

Tuần tỵ vào nguyện hương và lễ bái.

Ban Tế Tỵ thay phiên nhau gấn Thần Phù theo thứ tỵ ưu tiên Trưởng Ban, quan khách, thân hào rồi đến nhân viên các Ban.

Xin lưu ý

Nhạc luôn luôn cử hành khi nguyện hương, lễ bái và lúc gấn Thần Phù.

Suốt thời gian cử lễ yêu cầu quý Ông, quý Bà nghiêm trang và tuyệt đối giữ sự im lặng.

Hơn nữa khi tập hợp tại nhà Hội cũng như lúc vào Đình dự lễ, Ban tổ chức đã định phía trái cho Nam và phía mặt cho Nữ (trong Chánh Điện ngó ra).

Chuẩn bị buổi lễ

- a. Sắp Thần Phù trên một mâm có lót và phủ nhiễu đỏ. Trên tấm nhiễu phủ có đề ba chữ PHƯỚC LỘC THỌ bằng nước vàng.
- b. Trước giờ hành lễ, đặt mâm Thần Phù trước án tiền, trên một chiếc ghế đẩu có phủ vải.
- c. Đặt hai bộ lư xông trầm hai bên Chánh Điện.
- d. Trước Chánh Điện để pháo màu (Pháo này phụt lên khi tiếng nhạc tiếp giá nghinh thần chấm dứt).
- e. Phải có 6 lễ sĩ (4 hầu hai bên Chánh Điện, hai hầu hai bên án tiền và sẽ theo hầu mâm Thần Phù khi vô ra Chánh Điện).

B. Lễ khai sơn

Lễ này có từ đời Nghiêu Thuấn, do tích ông Thuấn là người hiền, bị kẻ mẫu ghen ghét và gièm siểm, nên cha là Cổ Tẩu giận đày ông lên non

Lịch phá rừng làm ruộng, được trời cho voi ra cày giùm, chim nhặt cỏ giúp. Vì vậy người Tàu muốn Thần Thánh hóa trong công cuộc canh tác điền địa để khuyến dân, nên bày ra lễ này gọi KHAI SƠN ĐIỀN. Đến thời Bắc thuộc tục lệ này truyền sang Việt Nam cho tới hiện nay.

Noi theo cổ lệ, hàng năm cứ đến ngày 7 tháng Giêng âm lịch Ban Quản Trị Đình Xã Long Phú tổ chức buổi lễ đơn giản đó ở ngoài sân đình - bằng cách đặt bàn trên có để hương đăng trà quả, dưới bàn có để sẵn một đồng rơm, cuốc, xuống, bừa cào và thùng nước. Vài vị cao niên trong Ban Tế Tự đến vái lạy xong, thì qua giai đoạn cuốc cày, xối nước làm mưa hầu tượng trưng cảnh mưa hòa gió thuận để nông dân trồng tía được trúng mùa, nhà nhà no ấm, làm cho dân giàu nước mạnh.

Lễ Khai sơn còn gọi là lễ Khai hạ hay lễ đầu năm tức là ngày mở đầu cho các sự thong thả vui chơi, cho nên buổi lễ đó bắt buộc mỗi vị Hương chức luộc một con gà tự hạp lại cúng tại đình. Trước hành lễ sau dùng hết.

Sau bữa ăn thân mật, có vị còn lấy lại cặp giò gà của mình cúng dâng khi về nhà nhờ người xem giùm để đoán vận mạng từ đầu năm đến cuối năm.

Từ năm 1967, Ban Quản Trị nhận thấy sự kiện đã lỗi thời, vì mỗi vị ở nhà làm gà mang đến đình mất cả vệ sinh, lại nữa gặp hồi vật giá đắt đỏ nên bãi bỏ, đề xuất quỹ đình mua gà giao cho ban Thiện Phòng sắp đặt cúng chu đáo. Các Ban tự hạp cúng lạy, ăn uống rồi giải tán có trật tự.

Những ngày lễ đình Bình Thủy

Qua những trang trên, những nét chung về hội hè đình đám miền Nam đã được trình bày, theo đó thường tại các đình, dân làng chỉ thờ vị THÀNH HOÀNG BỔN CẢNH không có tính danh. Tuy nhiên cũng có những biệt lệ, một số ít các làng thờ các danh thần nghĩa sĩ, và cũng có một số ít hơn thờ các vị tôn thần hữu danh tính, như trường hợp làng Bình Thủy thờ ông Đình Công Chánh, hai vị công chúa là Trầm Hương và Huệ Cô

công chúa cùng hai vị nhân thần khác là các ông Nguyễn Xuân Quế và Phan Nhật Vĩnh.

Đình Bình Thủy là một ngôi đình lớn. Du khách có dịp đi trên con đường Cần Thơ, Bình Thủy, khi đi khỏi cầu sắt Bình Thủy, nhìn sang tay phải sẽ thấy ngay ngôi đình tráng lệ, kiến trúc rất mỹ quan. Chung quanh đình có tường hoa cột trụ xây gạch gắn song xi măng. Hai bên cửa, về phía hữu thờ Thần Triệt Lộ, phía tả thờ Thần Phong Thủy. Ngoài ra lại có cả miếu thờ Thần Hồ.

Thần tích

Ông Đình Công Chánh trước làm bốn bãi trông nom việc đình miếu. Lúc chết hiển linh thành Thần về cơ báo cho dân xã biết. Ngày 29-11 năm Nhâm Tuất (1862), vua Tự Đức có sắc phong Thành hoàng Bốn Cảnh.

Theo dân bàng thuật lại, ngôi đình trước kia cất bằng lá, mãi tới năm Tân Hợi (1911) đình mới được xây cất như ngày nay.

Hai ông Nguyễn Xuân Quế và Phan Nhật Vĩnh là những người chết gặp giờ linh thiêng được thành Thần. Trầm Hương và Huệ Cô công chúa, thần tích không ghi rõ.

Tương truyền rằng, ngôi đình hiện tại sau khi được cất xong, dân làng có tổ chức lễ cầu cơ tạ ơn thần tại chùa Nam Nhã, các vị thần đều giáng bút để ngợi khen.

Dưới đây là hai bài thơ giáng bút của tôn thần Đình Công Chánh và Trầm Hương công chúa.

Bài thơ của tôn thần Đình Công Chánh:

Cảnh lịch Long Tuyền khéo sửa sang([1])

Cơ đồ rục rỡ sức Cung, Cang.

Thềm soi dáng hổ trương gia phụng,

Cột trở vóc rồng lập cánh loan.

Huyền võ tàn che, chim nghỉ mát;

Đàn xà đường lộn, khách nghênh ngang.

Đố ai có biết cơ này hứng

Chén rượu quỳnh tương rót đã tràn.

Bài thơ của Trâm Hương công chúa

Bồng lai cảnh lịch ấy đâu là,

Cổ miếu Long Tuyền rất khéo chà.

Bạch hồ hiên ngoài xem ngẫu nhiên,

Thanh long điện trước khéo lân la.

Kìa gương nhật nguyệt lòa son sắc,

Nọ vóc kinh thành rục phấn sa

Một cuộc bông hồ say cạn chén

Tiếng oanh eo óc thường nguy nga.

Ở đây thiết nghĩ nên nói thêm tại miền Nam, để giao tiếp với giới vô hình, đồng bào thường hay có tục cầu cơ, và giới vô hình khi giáng cơ thường xuống bút những bài thơ.

Tục lệ kỳ an tại đình Bình Thủy

Hàng năm tại đình Bình Thủy, dân làng cúng kỳ an hai lần, mỗi lần đều có tế lễ.

Lần thứ nhất là lễ Thượng Điền vào các ngày 12, 13 và 14 tháng Tư âm lịch; lần thứ hai vào hai ngày 14 và 15 tháng Chạp là lễ Hạ Điền.

Trước đây trong kỳ lễ Thượng điền, dân có lệ thỉnh sắc thần bằng bè thủy lục, lại có hát bộ ba đêm. Bè thủy lục ghép thành bởi hai ba chiếc thuyền, trên có trang hoàng mỹ lệ. Từ năm Bính Thìn, 1916, nhận thấy cuộc rước sắc bằng bè thủy lục rất tốn kém, dân xã thay bè thủy lục bằng một kiểu xe gọi là Long xa phụng tán, xe rồng tán phượng. Trong ngày lễ còn có cuộc thi làm bánh mút tế thần để khuyến khích phụ nữ trong công việc nữ công.

Trải qua những biến cố của thời cuộc, năm 1945, đình làng bị quân Pháp chiếm đóng, mọi cuộc tế lễ tại đình làng không thể có được; trong những năm này sắc thần phải đem về chùa Nam Nhã tạm thời. Mãi tới năm 1955, quân Pháp trừ đi, dân làng mới lại rước sắc thần từ chùa Nam Nhã về thờ và các tục lệ lễ kỳ an lại được khôi phục, và dân chúng thập phương lại kéo nhau tới lễ thần và dự những cuộc vui như hát bội rất đông đúc tạo nên một quang cảnh nhộn nhịp tưng bừng.

Nhắc tới đình làng, dân làng Bình Thủy thường kể đến sự linh thiêng của đức Thành hoàng Bốn Cảnh và thường thuật lại câu chuyện về bộ lư đồng của đình làng.

Nguyên đình làng có bộ lư đồng rất lớn cao độ một thước, để bày trước điện. Với biến cố năm Ất Dậu (1945), bộ lư bị mất không biết tiêu tán đi đâu.

Năm 1961, dân làng tu bổ lại đình, có nhắc tới bộ lư. Ít ngày sau, ông Lê Văn Dương, một hàng chức sắc được thần linh mách bảo bộ lư đó để ở chùa Ba Chúc trên núi Tượng.

Ông Nguyễn Tấn Thời, một người làng tình nguyện đi núi Tượng tìm kiếm. Đến chùa Ba Chúc ông đã nhận ra được bộ lư đồng của đình làng mình.

Ban Trị Sự trong làng lên chùa Ba Chúc để chuộc; các vị sư trong chùa khi rõ chuyện đã xin hoàn lại và đích thân chở bộ lư từ Ba Chúc đến ấp Long Tuyền xã Bình Thủy trả vào đình.

Tìm lại được bộ lư thờ, dân làng rất lấy làm hân hoan.

Từ đó tới nay, hàng năm hai kỳ dân làng làm lễ Thượng Điền và Hạ Điền tại đình theo như cổ tục.

Và du khách, trong dịp lễ Thượng Điền, ai có dịp về thăm Bình Thủy sẽ được chứng kiến từng lớp sóng người tới đình lễ Thần và dự xem các buổi hát *bội* hoặc hát *tiều* rất lý thú.

[1] Long Xuyên nơi có xây đình.

Lễ hội của tộc Khơme Nam Bộ[1]

Cũng như mọi dân tộc trồng lúa nước ở Đông Nam Á, người Khơme tồn tại nhiều lễ nghi nông nghiệp diễn ra theo chu kỳ gió mùa và chu kỳ canh tác. Người Khơme mừng tết vào giữa tháng "Chết" (tức khoảng giữa tháng 4 dương lịch) ngày 13-14-15 gọi là "Chôm Chnan Thmây". Đây là thời điểm mùa khô kết thúc và mùa mưa sắp đến. Trong dịp này đồng bào có các tục đắp núi lửa, núi cát trong chính điện hay xung quanh chùa; có tục tắm cho các tượng Phật, sư sãi và người thân lớn tuổi trong gia đình. Đây là các ma thuật - có nguồn gốc từ xa xưa – để cầu mưa, nhưng nay đồng bào giải thích theo quan điểm luân hồi, luật nhân quả của nhà Phật. Cũng trong dịp này, trai gái Khơme chơi các trò ném banh (chôlxhung), đấu khăn (leăk konxeng), rờng răn (chôk chêy)... và hát đối đáp với nhiều hình thức. Các trò chơi của trai gái trong ngày Tết này, ngoài tính cách vui giải trí và biểu diễn nghệ thuật, còn mang ý nghĩa phồn thịnh, cầu mong mùa màng phong đăng hòa cốc

Trước đây, vào những năm hạn hán, đồng bào trong phum, sóc thường giết lợn, gà cúng ông Tà chủ xóm để cầu an, cầu mưa. Ở một vài địa phương còn có tục ném các tượng thần Bà La Môn - được đồng hóa với các neak tà - xuống nước để cầu mưa. Hoặc mời ông Lục (sư Khơme) đến tụng kinh chêy ontò. Lễ này thường được tổ chức ngoài ruộng lúa. Người ta đào một hố trước mặt ông sư, trong đó đặt một con cá nhỏ, một con lươn, ếch, sò, hay cua.

Và ông Lục tụng kinh dưới ánh mặt trời gay gắt, không được che dù. Một tục lệ cầu mưa khác là “bơi thuyền trên cạn” (um tuk lợcôk).

Trong quá trình canh tác, người Khơme có tục cúng các thần ruộng (neak tà Xrê). Khi gieo mạ, cấy, họ còn phải cúng các arăk viêl là các thần mục súc để cầu mong xua đuổi chuột, cua, sâu, rầy khỏi cắn phá. Khi gặt hái và để lúa vào bồ, họ làm lễ gọi Hồn lúa (hno pralưng xrâu). Hồn lúa ở người Khơme thường được tượng trưng bằng nữ thần Peisrap ngồi trên mình cá xlát tay cầm một nhánh lúa.

Cuối cùng vào dịp trăng tròn tháng Kadâk (tức 15-10 âm lịch), đồng bào Khơme mừng lễ "chào mặt trăng" (sampeăk preăh khe) mà dân gian vẫn gọi là Ôk ôm Bok (nuốt cốm). Trong lễ này, vào đêm trăng tròn, các gia đình Khơme đều tập trung trước sân chờ trăng lên. Sau khi cúng bái người ta dứt một nắm cốm, một trái chuối vào miệng các trẻ nhỏ vừa nuốt lưng vừa hỏi chúng năm nay muốn được gì? Căn cứ vào những câu trả lời của những đứa bé để đoán biết năm nay mùa màng có thịnh đạt không.

[1] Tài liệu bổ sung của BT. NXB

Lễ Ôk Ôm Bok – Ngày hội lớn của đồng bào Khơme

Hàng năm, cứ vào ngày 15 tháng 10 âm lịch (tức là ngày 16 tháng 10 theo lịch Khơme); ở tất cả các địa phương có bà con Khơme làm ăn, sinh sống, đều tổ chức lễ Ôk Ôm Bok (lễ dứt cốm dẹp) - còn gọi là lễ Bon-sâm peak preah (lễ cúng trăng).

Có thể hiểu ngày lễ Ôk Ôm Bok (hay lễ Bon-sâm peak preah) như một ngày lễ mừng sản xuất trong năm qua và mở đầu cho sản xuất năm tới. Vì theo các nhà thiên văn học Khơme, thì ngày 15 tháng 10 âm lịch là ngày kết thúc một chu kỳ của mặt trăng xoay quanh trái đất; đồng thời cũng là ngày mặt trăng bắt đầu chuyển sang một chu kỳ mới.

Vào thời điểm này, bà con Khơme thu hoạch hoa màu các loại, trong đó có lúa nếp (được thu hoạch sớm nhất). Trong ngày lễ, cốm dẹp (được làm từ lúa nếp) là đồ cúng quan trọng hàng đầu, nhất thiết phải có, bên cạnh một số đồ cúng khác như khoai mì, khoai lang v.v... Trước ngày lễ, ở từng hộ gia đình râm ran tiếng chày giã cốm cúng trăng, không khí nhộn nhịp, đầm ấm. Những chàng trai, cô gái vừa giã cốm vừa hát đối đáp rất vui.

Lễ cúng trăng bao giờ cũng được tổ chức vào ban đêm. Sau buổi lễ, người nhiều tuổi nhất trong gia đình gọi các em nhỏ lại ngồi gần mình, chấp tay hướng về mặt trăng, rồi lấy cốm dẹp và các đồ cúng khác - mỗi

thứ một ít - đút vào miệng từng em (do đó có tên: Lễ đút cốm dẹp), và lấy tay đấm nhẹ vào lưng các em, hỏi các em muốn gì? Những câu trả lời của các em sẽ gieo niềm tin cho người lớn suốt chu kỳ mặt trăng xoay quanh trái đất năm tiếp theo.

Bà con tộc Khơme miền Tây Nam Bộ nói chung, ở Hậu Giang (Cần Thơ - Sóc Trăng) nói riêng, vốn là những người chân lấm tay bùn, lấy sản xuất nông nghiệp làm nguồn lợi chủ yếu. "Lễ đút cốm dẹp" là biểu hiện sinh động của quan niệm dĩ nông vi bản ấy. Đồng thời, lễ này còn cho thấy một truyền thống đẹp của bà con tộc Khơme biết ơn vàng trắng được coi như vị thần phù hộ cho sản xuất tốt tươi.

Lễ Ôk Ôm Bok được tổ chức vào thời điểm mùa màng đã được thu hoạch, cũng là ngày rỗi rãi nhất trong năm. Do vậy, bà con vui chơi rất thoải mái. Trò chơi tiêu biểu, phù hợp với miệt đất lấm sông, nhiều nước này là đua ghe Ngo, (loại ghe mũi cong).

Ghe Ngo bao giờ cũng được làm bằng thân một cây gỗ to, đục ở giữa làm chỗ ngồi cho các tay đua. Có ghe Ngo sức chứa tới trên 50 người đua, chiều dài hàng 30-40 mét hoặc hơn nữa. Đầu ghe có hình rồng, rắn. Hai bên thân ghe vẽ những hình kỳ hà nhiều màu sắc.

Ở Sóc Trăng trước kia, Hội đua ghe Ngo thường được tổ chức trên sông Nhu Gia (thuộc huyện Mỹ Xuyên), nhưng gần đây đã chuyển địa điểm về Sông Trăng (thị xã Sóc Trăng). Suốt bốn năm cây số có ghe đua, người xem đông nghẹt nhiều nơi không còn chỗ chen chân.

Không khí ngày hội đua ghe Ngo thật là nhộn nhịp, hào hứng. Tiếng chiêng rền vang, tiếng còi của người chỉ huy các ghe đua lanh lảnh lẫn với tiếng hò reo náo động của người xem.

Ở đồng bằng sông Cửu Long, đội ghe Ngo thường được nhiều người nhắc tới nhất là đội chùa Tam Sóc (huyện Mỹ Tú, Hậu Giang) đã từng đoạt giải vô địch trong cuộc đua tài giữa các đội ghe Ngo cả 3 nước Đông Dương mới được tổ chức tại Phnôm Pênh gần đây.

Rõ ràng, lễ Ôk Ôm Bok và đua ghe Ngo là một ngày hội truyền thống lớn của đồng bào dân tộc Khơme đồng bằng sông Cửu Long. Ai đã một lần dự cũng đều muốn xem lại ở mùa hội năm sau.

Hội chùa ông Bốn

Chùa ông Bốn của người Hoa ở Chợ Lớn, còn gọi là Nhị Phủ miếu, tọa lạc tại đường Hải Thượng Lãn ông, Quận 5 (TP. Hồ Chí Minh).

Chùa có vị trí quan yếu đối với người Hoa gốc Phúc Kiến ở Quận 5...

Theo tài liệu của Lý Văn Hùng trong “Gia Định Tràng Phật Tích cổ” thì Ông Bốn chính là Châu Đạt Quan, một viên quan của triều đình Trung Hoa đời nhà Nguyên, thế kỷ XIII..

Ông tham gia các sứ bộ Trung Hoa đến nhiều nước ở Đông Nam Á, trong đó có vùng đất Nam Việt Nam và Chân Lạp.

Ông là nhà viết sử, dân tộc học và nhà du ký... nổi tiếng trong lịch sử Trung Hoa cổ đại. Từ miền Chân Lạp trở về, ông viết quyển Chân Lạp phong thổ ký (ghi chép về phong tục đất đai và con người) mô tả vùng đất cực nam Đông Dương thế kỷ XIII...

... Chùa ông Bốn - Nhị Phủ miếu có kiến trúc tổng thể theo hình chữ "Khẩu" gồm 4 dãy nhà dài, vuông góc nhau, khoảng trống ở giữa tạo nên sân thiên tính.

Nhìn từ bên ngoài, chùa Ông Bốn nổi bật giữa phố phường nếp mái cong như chồng lên nhau. Những nếp mái cong của chùa Ông Bốn khá độc đáo so với nhiều ngôi chùa cổ trong thành phố.

Khoảng không gian chính diện bên trong ngôi chùa được bài trí thật trang nghiêm và đầy vẻ huyền bí, có vài pho tượng được sắp xếp theo dáng ngồi chầu, nhưng tư thế khá dung dị.

Phần chính diện chùa Ông Bốn bày một bàn thờ Ngọc Hoàng thượng đế với một bộ lư hương bằng đồng khá lớn. Bên trên Ngọc Hoàng có hai tấm hoành phi đại tự "Phúc toàn đức bị" và "Thích cấp lâm phong". Những hiện vật này được ghi rõ làm trong năm Quang Tự thứ 27 tức 1901.

Đi qua sân thiên tinh, nơi đó có dãy bàn bằng xi măng làm chỗ biện bày các lễ vật cúng thần, sẽ bắt gặp một hoành phi đại tự "Thân Lâm phước địa", nét chữ bay bướm phong nhã. Bên dưới hoành phi là một bàn để bày lễ cúng và cũng là bàn thờ "Nhị Phú miếu phúc đức chính thần".

Bàn thờ "Phúc đức chính thần" chiếm vị trí trung tâm của gian chính điện với trang thờ nguy nga, lộng lẫy. Bao lam điện thờ được sơn son thếp vàng, chạm lộng hoa lá, rồng, phượng v.v... Điện thờ Phúc đức chính thần có tượng ông Bốn bằng gỗ cao khoảng 1,5m, một cỗ ngũ sự bằng đồng, một bài vị "Nhị Phú Đại Bá Công". Tượng ông Bốn thể hiện một ông già khuôn mặt quắc thước, khoan hòa với chòm râu bạc trắng buông dài, dáng ngồi thoải mái, một tay gác lên tay ngai, một tay vừa mới vuốt chòm râu. Những nếp áo tượng buông chùng trong dáng nghĩ ngợi suy tư. Bên dưới tượng ông Bốn là hai tượng nhỏ khác như hai đồng tử đang đứng chờ được sai bảo.

Bên trái bàn thờ ông Bốn, là một gian điện thờ nhỏ hơn, thờ Quảng Trạch Tôn Vương, cùng 106 vị. Bàn thờ có hai di tượng, tượng một hài đồng yên vị trên ngai với vẻ mặt ngây thơ, có dáng như ngạc nhiên, bên dưới là tượng một nhà sư (hoặc đạo sĩ) mặc áo vàng, đầu trọc, lông mày rậm uốn cong lên. Trên trang thờ Quảng Đại Tôn Vương còn một bức liễn nhỏ ghi ba chữ "Phụng Sơn Tự". Bên phải bàn thờ ông Bốn, đối xứng với bàn thờ Quảng Trạch là bàn thờ "Thái tuế". Trên bàn thờ là một đạo sĩ, tay đang lắc chuông, chung quanh là ba con hổ trong trạng thái gầm ghe hung hãn. Vị đạo sĩ vẫn bình tĩnh nhìn về phía trước như đang thu phục lũ dã thú. Trước tượng đạo sĩ là tượng một đồng nhi ở trần đang múa gươm.

Dãy nhà phía bên phải chính điện là nơi làm việc của Ban trị sự Nhị Phủ miếu. Dây nhà bên trái là nơi đặt điện thờ Quan Công, Quan Thế Âm bồ tát và hai bàn thờ nhỏ hơn một thờ bà Chúa Sanh (Chúa Sanh nương nương) và bà phu nhân Hoa Phấn (Hoa Phấn phu nhân). Những di tượng nơi các điện thờ, bàn thờ ở gian bên trái cũng gần giống với nhiều chùa Hoa khác thờ Quan Công, Quan Thế Âm...

Bên trong chùa Ông Bổn, hiện còn lưu lại 10 cặp liễn bằng gỗ, 10 bức hoành phi cũng bằng gỗ được sơn thếp chạm trổ rất khéo léo. Hầu hết các liễn, hoành này có niên đại Quang Tự đời nhà Thanh tức được hoàn thành vào cuối thế kỷ trước. Ngoài ra trong chùa còn hai quả chuông, một bằng đồng và một bằng gang. Quả chuông đúc bằng gang có ghi năm chế tạo "Quang Tự nguyên niên" (tức năm 1875), với dòng chữ "chúng thương đồng cúng" (do những người buôn bán cúng cho chùa).

Chuông này khá nặng và to lớn, nhà chùa không có giá treo, nên đành để dãi dầu phong sương ở dưới đất góc chùa, cạnh lò đốt vàng mã. Một chuông khác đúc bằng đồng, chuông dáng nhỏ, thanh thoát có ghi chữ "Ất Dậu trọng thu", có lẽ được đúc vào năm 1825.

Nhìn chung, kiến trúc và trang trí chùa Ông Bổn - Nhị Phủ miếu tương đối đơn giản, nhưng vẫn tạo được không khí trang nghiêm của một cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo và thể hiện một phong cách đặc sắc văn hóa của người Hoa ở thành phố. Việc chọn ông Bổn làm vị thần thờ cúng chính của ngôi chùa cũng là một đặc điểm đáng lưu ý của tôn giáo, tín ngưỡng của người Hoa ở Việt Nam nói chung.

Hàng năm, chùa Ông Bổn có nhiều ngày lễ hội lớn. Đặc biệt ngày lễ chính của chùa là Rằm tháng Giêng và Rằm tháng Tám theo âm lịch. Theo Ban trị sự của chùa, đó là ngày sinh và ngày mất của Ông Bổn. Lễ vật cúng Ông Bổn thường là heo quay, heo sống, gà luộc, hoa trái, nhang đèn v.v... Người Hoa, phần lớn là người gốc Phúc Kiến đem lễ vật đến chùa cúng rất đông. Bà con người Hoa thường mua những vòng hương thắp cúng treo khắp vòm trần chùa tỏa khói thơm nghi ngút suốt nhiều tháng.

Ngoài hai ngày lễ chính, chùa Ông Bổn cũng có một số bà con người Hoa đến cúng chùa vào dịp Tết Nguyên Đán, Nguyên Tiêu, Rằm tháng Chạp v.v... người Hoa ở thành phố tới lễ chùa, dự hội rất đông vui. Thường vào dịp tết Nguyên Đán, các đội múa Rồng đến tổ chức biểu diễn múa ngay sân chùa thu hút hàng ngàn người xem. Các đội võ thuật, thể dục thể thao, cũng thường tổ chức các cuộc thi đấu tại sân chùa.

Vào Rằm tháng Giêng một số bà con người Hoa đến lễ chùa và xin vay mượn tiền của các vị thần thánh trong chùa như ông Bổn, Quan Công đem làm ăn buôn bán. Sự vay mượn này có tính chất tượng trưng, nhưng đến cuối năm vào Rằm tháng Chạp, bà con đến chùa trả lễ rất đầy đủ cả vốn lẫn lời bằng số tiền mặt bỏ vào các thùng phước sớ. Vào dịp này số người đến chùa Ông Bổn, cũng như nhiều chùa khác xin xăm, bói toán khá nhộn nhịp.

Hội chùa Bà Thiên Hậu([1]) (Quần Tân Hội Quán)

Người Hẹ (hay người Hắc Ka) ở thành phố Sài Gòn- Chợ Lớn chỉ có một chùa duy nhất, đó là Quần Tân Hội Quán, thờ Bà Thiên Hậu, ở số 2, đường Lý Thường Kiệt, Gò Vấp. Đây cũng là Hội quán duy nhất của người Hẹ ở thành phố nằm ngoài vùng Chợ Lớn.

Theo nhiều tác giả thì người Hẹ có gốc ở miền Bắc Trung Quốc, từ từ đi dần về phía Nam khoảng thế kỷ thứ XIII. Người Hẹ thuộc dân tộc Hán. Đến miền Nam Trung Quốc, người Hẹ ở khắp nơi, xen kẽ vào người các tỉnh khác. Hiện nay ở thành phố nhóm người Hẹ có nhiều gốc như Hẹ ở Quảng Đông, Hẹ ở Phước Kiến, Hẹ ở Triết Giang, Hẹ ở Quảng Tây. Thậm chí một số người Hẹ cũng không biết mình gốc ở tỉnh nào.

Các khúc ca của người Hẹ thường mang màu sắc giống dân ca của những người ở vùng sơn nguyên. Có lẽ gốc của họ là cư dân chăn nuôi, hẳn vì vậy người Hẹ làm nghề thuộc da rất giỏi.

Chùa Bà của người Hẹ ở sát ngay chợ Gò Vấp và nằm sau lưng một miếu nhỏ, gọi là miếu Thất Phủ cũng của người Hoa.

Chùa không có quy mô lớn, chiều dài khoảng 30m, ngang 20m.

Phía trong cùng của Chính Điện là 3 bàn thờ.

Chính giữa là bàn thờ Bà Thiên Hậu. Tượng Bà Thiên Hậu cao 1m20, làm bằng vôi trộn với đất, hiện nay còn khá tốt. Bên ngoài tượng được khoác áo thêu kim tuyến. Áo Bà Thiên Hậu được thay hàng năm.

Bên phải Bà Thiên Hậu là bàn thờ Bà Kim Hoa. Theo người quản lý chùa, Bà Kim Hoa là vị thần lo về việc sanh con đẻ cái. Tượng Bà Kim Hoa cao khoảng 0,80m, cũng bằng cát trộn vôi và sơn màu - bên phải Bà Thiên Hậu là bàn thờ ông Thần Tài - Tượng Thần Tài cao bằng tượng Bà Kim Hoa.

Các bàn thờ này có trang thờ và bao lam được trổ một số hình ảnh về cây, lá trúc – Được biết các trang thờ này được đặt làm ở Chợ Lớn vào khoảng cuối thế kỷ 19.

Cũng như những chùa Hoa khác thờ Bà Thiên Hậu, ngày lễ chính của Quần Tân Hội Quán là ngày 23 tháng Ba (âm lịch). Những ngày Tết Nguyên đán, Nguyên Tiêu cũng có đông người đến chùa - Ngày rằm tháng 7 và rằm tháng 11 âm lịch cũng có đông người hơn những ngày rằm khác. Ngày Rằm tháng 7 là ngày lễ cúng cô hồn của người Hoa.

Riêng ngày Rằm tháng 11, được người Hẹ chọn làm ngày trả lễ cho Bà Thiên Hậu - Theo tục lệ chung của người Hoa, ngày Rằm tháng Giêng được chọn làm ngày đi vay tiền của Bà Thiên Hậu, hoặc của ông Quan Công để làm ăn trong suốt năm - Thực ra việc vay tiền chỉ để tượng trưng, nhưng đến cuối năm thì phải trả lễ và bắt buộc phải trả đúng lời hứa và thường là rất hậu hĩ. Đối với người Quảng Đông, Triều Châu, Quảng Tây, Phước Kiến, Hải Nam thì thường trả lễ cuối năm vào tháng Chạp, riêng người Hẹ thì trả vào rằm tháng 11.

Vào ngày vía Bà Thiên Hậu ở chùa Hẹ cũng có nét khác hơn các chùa khác. Do số người Hẹ ở rải rác các nơi, nên đến ngày này, ở chùa tổ chức họp mặt ăn uống để người Hẹ có dịp gặp gỡ nhau. Về lễ nghi, ngày vía

Bà ở chùa Hẹ hàng năm phải làm hai hình nộm của ông Thiện, ông ác cao ba thước để trưng bày cả ngày. Vào cuối ngày lễ thì đốt 2 hình nộm này để cúng.

Người Hẹ ở các tỉnh lân cận như Sông Bé, Đồng Nai, các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long cũng thường đến cúng và đóng góp cho Quần Tân Hội Quán.

Hàng năm vào dịp Tết, ba đội Lân, Rồng và Sư tử của người Hẹ ở Quận 11 đều đến cúng Bà ở chùa này - Đó là đội Sư Tử Kiến Nghĩa, Kỳ Lân Hữu Nghị và Rồng Ninh Giang...

[1] Tư liệu bổ sung của BT. NXB

Ngày kỷ niệm khai sáng Phật giáo Hoà Hảo

Nói về hội hè đình đám miền quê, không thể bỏ sót được ngày đại hội kỷ niệm Huỳnh giáo Chủ khai sáng Phật giáo Hoà Hảo vào ngày 18-5 mỗi năm.

Đây là một ngày hội quan trọng ở miền Tây Nam Bộ, một ngày hội tôn giáo, một ngày vui của mấy triệu đồng bào tín đồ Phật giáo Hoà Hảo.

Chưa được hân hạnh có dịp tới tận nơi Thánh địa Hoà Hảo để mắt thấy tai nghe cái cảnh tượng bừng nhộn nhịp của ngày kỷ niệm, để được thành tâm dự những buổi lễ, hân hoan thưởng thức những cuộc thi vui của chương trình ngày lễ, tôi rất lấy làm sung sướng được nhắc lại trong tập sách này ngày Hội hè đáng ghi nhớ của đồng bào mấy tỉnh miền Tây. Để bạn đọc có thể ý niệm được hết ý nghĩa quan trọng và sự tương tấp nập của ngày hội tôi xin trích in lại những tài liệu in trong tạp chí Đuốc Từ Bi, cơ quan phổ thông giáo lý Phật giáo Hoà Hảo do nhà văn Nguyễn Văn Hào làm chủ nhiệm kiêm chủ bút. Tiện đây cũng xin thành thực cảm ơn tấm thịnh tình của ông Nguyễn Văn Hào đã gửi tặng và cho phép trích in những tài liệu này viết về ngày kỷ niệm thứ 26 ngày mở Đạo

Phật Giáo Hòa Hảo, vào ngày 18-5-1965 (Ất Tỵ) trong các số 5 và 6 Đuốc Từ Bi xuất bản tháng 6 và 7-1965.

Sinh hoạt trong lễ 18-5

Nguyễn Bút Trạch và Huỳnh Công Ký

Đứng trên chiếc đà máy khi trời lên, lúc sụp xuống theo chiều lượn sóng hùng hổ rẽ nước lướt nhanh, khách hành hương có cảm giác mình đang ở trên lưng con tuấn mã đang phi nước đại.

Nhìn những chiếc phà to tướng đang thực thi nhiệm vụ như con thoi chạy qua phóng lại trên khung cử, chắc khách sẽ nghĩ thầm: "một số lợi khổng lồ cho kẻ nào làm chủ những con đà ấy". Nhưng khách sẽ ngạc nhiên vì khi đà cặp bến, khách không phải trả tiền quá giang chi cả. Thì ra người chủ đà lễ phép khẽ bảo với khách: "Suốt thời gian đại lễ, đà đưa thí ạ?".

Khi đặt chân lên Thánh địa, khách càng ngạc nhiên hơn nữa trước sự tương bừng, náo nhiệt và những cuộc trang trí vĩ đại trong ngày kỷ niệm Huỳnh Giáo Chủ khai sáng mới Đại Đạo nhiệm mầu.

Thật vậy, sức sinh hoạt của hàng triệu tín đồ trong ngày lễ chánh thức của Giáo Chủ ra đời dạy đạo, rất linh động từ hình thức đến nội dung, làm say mê khán giả bốn phương có dịp đến viếng Thánh địa. Ban ngày là cả một rừng người kế tiếp hành hương, vô số biểu ngữ, bích chương ca tụng công đức của Giáo Chủ đã nêu cao ngọn đuốc từ bi, đánh thức lòng người còn đeo dằm danh lợi xé xâu? Ban đêm là cả sự huy hoàng của từng đoàn bè thủy lục ở dòng sông còn trên bộ là cộ đèn đủ loại, đủ màu, đốt pháo bông, múa lân, long mã, phụ vào đó phần triển lãm cũng nói lên quá trình cứu thế, độ dân của Đức Giáo Chủ. Tất cả đều hân hoan mà vẫn đậm đà với kỷ niệm vô cùng thấm thía, họ nhớ lại những ngày nào, trong lúc được hầu kiến đức Tôn Sư cách đây 18 năm dài dằng dẳng! Lời truyền sấm, lối chỉ giáo còn canh cánh bên lòng của bao nhiêu tín đồ trung thành, xả thân vì lý tưởng.

Khách phương xa hành hương nơi Thánh địa có cảm giác chung là hay đẹp, khéo chớ có biết đâu trước hoặc sau ngày lễ hiện ra những khúc phim linh hoạt làm cho khách bụi ngùi nghĩ đến lòng chân thành, chí hy sinh vô bờ bến của tín đồ!

Bước chân lên Thánh địa trong ngày lễ, khách tọc mạch nhất là các trạm cơm, điển hình là trạm cơm số 1, chu vi độ nửa mẫu tây gồm có 5 nóc nhà với 46 căn rộng rãi. Khách phân vân, chưa hiểu việc tổ chức chu đáo thế nào mà hàng ngàn người luân phiên 2 đợt mỗi đợt 600 nam nữ chiêu đãi theo trật tự nam nữ. Trạm cơm luôn luôn phải điều khiển nhân viên bằng máy phóng thanh. Bàn ghế thật nhiều mà đơn giản, chén đĩa thô sơ, rất mực bình dân nhưng sạch sẽ vệ sinh. Đãi ăn toàn cơm chay và không tính tiền. Sự thật, thực phẩm và vật dụng do đồng đạo các nơi đem đến cung ứng cho trạm cơm. Số người chiêu đãi phải thay đổi mỗi ngày, do ghe máy của đồng bào di chuyển giúp. Đi vào nhà bếp, khách trở mắt nhìn những dãy thùng cây "khổng lồ" dùng nấu cơm bằng cách hấp gạo cho đến khi cơm chín, phương pháp giản tiện và mau lẹ để cung đãi hàng vạn khách thập phương liên tiếp đến khi hành hương. Mười ngày trước lễ và bốn ngày sau lễ, nhân viên trạm cơm vẫn xúc tiến công việc đều đều, tùy số lượng của thực khách. Riêng trạm cơm "số 1" tiêu thụ mỗi ngày trên 10 tấn gạo! Nếu khách có dùng bữa nơi trạm cơm về đêm mới rõ thiện chí của tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo, Tín hữu từ bốn phương quy tựu về từ chiều cho đến sáng (không kể ban ngày) vẫn có cơm ăn như thường. Tại sao lại đến ban đêm? Vì thời tiết bất điều, đường xa từ các tỉnh Phong Dinh (Hậu Giang), Ba Xuyên (Hậu Giang), An Giang, Bạc Liêu (Minh Hải), Kiên Giang, Châu Đốc, Vĩnh Long, Kiến Phong (Đồng Tháp)... anh em đồng đạo thấy lẽ dùng phương tiện của miền sông ngòi Hậu Giang là ghe xuồng gấn máy hoặc chèo bơi, hành trình có khi bị trở ngại nên không thể đến nơi vào ban ngày, và phải nhờ vả nơi trạm cơm. Trường hợp có đủ phương tiện thì quý tín hữu dùng cơm ngay dưới ghe của mình. Tất cả có 7 trạm cơm.

Thế mà thôi đâu! Còn biết bao nhiêu thực phẩm khác, như dừa khô, dưa leo, đậu hũ, tương, chao, đậu nếp, khoai, bắp cà bầu, bí, sắn và cả đến

bánh tét bánh ít nữa.

Nếu không ý thức trước khách sẽ giật mình kinh ngạc khi bất ngờ trông thấy cả một rừng bầu bí, dưa chuột hoặc bắp khoai. Người ta đổ thành những đồng to lộ thiên. Mỗi đồng dĩa khô khoai sắn, là có thể ví với sà lan lúa to hàng năm ba trăm gia. Thế mà chỉ trong một ngày một đêm, nếu khách chịu theo dõi sẽ thấy số thực phẩm ngoài tầm tưởng tượng ấy đã hết sạch và phải vận tải thêm ngàn ấy nữa để thay thế vào.

Đi xa hơn chút nữa về phía sau mỗi trạm cơm, khách sẽ thấy luôn có hàng trăm phụ nữ vo gạo để nấu cơm, người tự đãi gạo trắng ngay tại nước sông, mỗi người khuôn hàng thúng gia, chuyền nhau lên lò nấu luân lưu tiếp diễn như những cái máy, vậy mà có khi cơm chẳng đủ cho thực khách.

Rồi bên nước uống và nước nấu, nước rửa.

Thực khách sau khi dùng cơm, có lẽ sẽ thấy làm lạ mà thấy ngoài nước trà thơm ngát, còn có nước đá giải khát khỏi trả tiền.

Số thực phẩm ketch sù mà quý khách vừa ý thức, là cả mỗi "sắn lòng" khôn tả của người tín đồ mộc mạc miền Tây. Từ hôm tháng Giêng ta, trong mùa gặt, các nhà tâm đạo đã bắt đầu hoạt động, đồng đạo nào may mắn trúng mùa thì cung ứng khá vào cuộc lễ nhưng cũng có số đồng đạo của ít mà lòng nhiều làm bồi hồi quý khách khi nghe kể chuyện. Các tín hữu quá tha thiết với ngày đại lễ của Đức Thầy, không đợi Trị sự viên ghé đến nhà mình, đã dục tốc gọi vào để tự ý "dưng cúng".

Nói đến lễ 18 tháng 5 là phải kể bè thủy lục.

Đó là cả một công trình suy tư, kiến tạo hàng năm, cả công lao tiêu tứ về nhơn lực và tài lực.

Mỗi xã có tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo đều có thể tùy hoàn cảnh phương tiện, tạo nên một hay hai bè thủy lục để dự cuộc lễ tại Thánh địa. Gọi là bè vì phải dùng nhiều chiếc ghe lớn kết nhau lại như một bè cây, ở trên

mới dùng vật liệu kiến trúc hoặc một ngôi chùa hay hòn non, long, lân, qui, phụng.

Những bè thủy lục hùng vĩ ban ngày, rực rỡ về đêm, hấp dẫn du khách đổ xô về thưởng thức là cả vấn đề kiên gan bền chí của người tín đồ trung thành, đặt hết năng lực vào ngày đại lễ. Nếu khách có dịp chứng kiến cuộc hoạt động trang trí trước ngày lễ sẽ thấy hàng lô nhân công như thợ vẽ, thợ mộc, thợ sơn, thợ mã, thợ may v.v... chung cùng làm việc suốt ngày đêm nơi làng mạc xa xôi hẻo lánh mà không một người nào tính tiền công. Các cậu bé đến những cô thiếu nữ, ông cụ, bà cụ chia nhau đi tìm từ cành cây, chiếc lá, kiếng vật... để sung vào làm vật liệu tạo tác.

Từng chiếc bè lướt sóng biểu diễn trên dòng sông Cửu Long gây ngoạn mục cho đồng bào các giới là những công trình kiến tạo cổ kính pha lẫn tân thời, thúc đẩy người tín đồ Phật Giáo Hoà Hảo quay về với quê cha đất tổ, dính liền với dãy non sông gấm vóc thành một khối bất diệt "đất cày và dân cày"...

Rồi một lối trình bày không kém hấp dẫn là cộ đèn. Nói đến cộ đèn khách không quên được các mầm non học sinh Phật Giáo Hoà Hảo thế hệ đang lên! Các em nam nữ cặm cụi ngày này qua ngày khác có khi xếp dán lồng đèn giấy cho đến ban đêm. Các thứ lồng đèn, đủ loại hình, đủ màu, biểu diễn về đêm qua đường phố đến làng mạc thôn quê, biến thành con rắn khổng lồ, dài vô tận, cuốn khúc lăn lộn theo chiều lộ, huy hoàng với ánh sáng chập chờn, huyền bí, hiên ngang làm nổi bật cuộc lễ...

Cộ đèn không phải là những đèn nhỏ bằng giấy, bằng tre do các em học sinh tạo tác như vừa nói. Còn có vô số những cộ vĩ đại đặt trên những chiếc máy hoặc trên những chiếc xe hơi. Người ta dùng vải lụa, sắt thép, dây kẽm, dây gai, bóng hình kết tụi để làm ra những con vật uy nghi và rực rỡ. Chẳng hạn, năm Thìn thì có rồng, năm Ty thì có rắn...

Ngoài rắn, rồng, gà, khỉ... tùy theo năm, người ta còn trưng bày các cộ đèn theo ý nghĩa của Đạo. Chẳng hạn: Quan Âm quá hải; Tam Tạng

thỉnh kinh; Thuyền bát nhã v.v...

Người ta còn dùng người thật để chưng hình bát tiên hay Quan Âm, Tam Tạng. Những "nhân vật" này được ngồi cao lồng lộng ở hư không chung quanh là những hào quang chói mắt do các tuýp điện nê-ông gây thành.

Song song với cộ đèn là đoàn lân và long mã. Tiếng trống, thanh la ăn nhịp với điệu múa, gây cảm hứng thích thú nhất cho khách là lối múa long mã (ngựa hóa rồng). Thêm vào ở trên không là đốt pháo bông, ánh sáng chói lòa, tiếng hò reo náo nhiệt, đem niềm hào hứng liên tục cho khách.

Âm thanh của lời kinh kệ được vang vang suốt ngày đêm bắt đầu từ hôm khai mạc.

Qua những trang trên, chúng ta thấy rõ ý nghĩa thiêng liêng của ngày 18-5 hàng năm đối với tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo và lòng nhiệt thành của mỗi tín đồ với việc tổ chức ngày kỷ niệm này. Thật là một ngày hội tương bừng đem một luồng gió mát tin tưởng vào trong lòng mỗi người.

Tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo tới Thánh địa dự lễ kỷ niệm hàng năm ngày khai đạo cũng đông đúc, cũng cung kính với lòng tin tưởng vô biên ở phép đạo, chẳng khác chi ở ngoài Bắc người ta đi trẩy hội Chùa Hương hoặc trẩy hội Phủ Giầy.

Hội hè của đồng bào Thiên Chúa giáo

Nói đến hội hè đình đám của dân ta, tôi muôn nói ít dòng về hội hè của các đồng bào theo đại Gia Tô. Đối với các đồng bào này, lễ tất nhiên đình đám không có, nhưng không phải vì thế mà không có hội hè, nhất là trong các mục Lễ tiết và Đám nước. Đây là những dịp hội hè hàng năm về tôn giáo của các đồng bào Thiên Chúa giáo.

Ngoài các hội hè hàng năm trên, các đồng bào Thiên Chúa giáo cũng còn có những dịp khác để chung vui hội hè cùng nhau. Thí dụ như một Cha được vinh thăng Giám mục, khi đức Giám mục được một ân thưởng gì của Tòa Thánh, hoặc của Chính phủ.

Cuộc đại lễ tấn phong giám mục và gấn huy chương tại Phát Diệm

Ngay từ chiều ngày 2 Décembre 1940, khu nhà thờ Phát Diệm đã hiện ra trong cảnh tượng bừng sáng sủa. Giữa những hàng cột cờ gián sắc nhờn nhờn theo chiều gió bay, giữa những chòm cây xanh biếc pha màu vàng nhạt, giữa các khải hoàn môn mới dựng lên để nhắc lại cuộc thắng trận vẻ vang của tấm lòng bác ái và đức hiếu hòa đạo Công giáo... ngôi thánh đường đồ sộ nguy nga đứng sừng sững trước mặt khán quan, hình như lôi hút hết tinh thần của nhân vật chung quanh. Tòa thánh điện lịch sử đó hôm nay ra mắt với công chúng trong bộ áo chàm trở những cảnh rờn rờn phượng múa, những thánh tích về tôn giáo... đây vẻ linh động, đây tinh thần ái quốc, đây mỹ thuật Việt Nam, trông thực "uy phong hùng tráng như đội quân xếp hàng ra trận". Ngôi thánh đường đó tuy đã nhiều tuổi, mà vẫn trẻ trung, sắc đẹp lộng lẫy càng thêm trẻ, trẻ như một vị công chúa xiêm áo rực rỡ đợi ngày lễ tân hôn... Đứng ở lâu chuông mà ngắm nghía, chúng tôi không khỏi chạnh lòng hoài cảm... nhớ ơn một linh mục, một bức gương anh hùng dũng cảm, trung quân ái quốc trong lịch sử Rồng Tiên và thế kỷ vừa qua. Cụ Trần Lục mà trong óc chúng tôi còn phảng phất như thấy dạng người, tuy đã khuất núi mà nay đang cao lời kêu gọi xứ Bắc kỳ "Hãy cất tiếng reo hò mừng rỡ, hỡi người son sẽ không sinh, hãy hơn hờ mừng vui khoái trá".

Mồng 3 Décembre... Một lớp người thượng lưu, quan chức pha vào làn sóng bình dân, trên bến dưới thuyền, đường rộng ngõ hẻm, đang cuồn cuộn đổ tới nhà thờ Phát Diệm.

Đúng bảy giờ rưỡi, một hồi chuông lạnh lạnh gieo tiếng bạc trên không trung, báo hiệu đã tới giờ hành lễ. Các vị Giám mục, hàng giáo sĩ, các sinh viên thần học, lễ phục chỉnh tề rước đức tân Giám mục ra nhà thờ.

Tám giờ rưỡi đúng, cử hành lễ tấn phong do Đức cha Khâm sứ chủ sự.

Trên gian cung thánh trang hoàng rực rỡ, theo nền mỹ thuật Việt Nam, những ngọn nến trên bàn thờ thi nhau cháy, hình như cố công để thắp át những tia sáng pha màu sơn đỏ do bàn thờ và các khung ảnh chiếu ra...

Các dòng tu: dòng thánh Đa minh, dòng Trappe, dòng Phanxicô, dòng Cứu thế, các cha Sulpiciens... đông đúc châu lễ gần các Đức cha. Các thầy dòng anh em trường công giáo cũng có ghế kính riêng.

Lễ tấn phong khởi hành. Các sinh viên thần học và hội ca nhạc Phát Diệm cử kinh xin ơn Chúa, Thánh thần. Đức Giám mục chủ phong, lễ phục uy nghiêm ngồi trên tòa quay xuống. Ngồi trên chiếc ghế phủ thảm đối diện với ngài, là vị Giám mục sắp thụ phong. Sau khi đã cầu nguyện theo nghi lễ, Đức Giám mục chủ phong ngồi ghế trên phản bàn thờ quay ra. Vị Giám mục phụ phong làm lễ "giới thiệu" tân Giám mục. Ngài cất tiếng oai vệ hỏi sắc phong Tòa thánh, Giám mục phụ phong thưa: có sắc phong. Ngài truyền cho một vị Linh mục cao tiếng đọc cho công chúng nghe. Cha Lucas Lý, bề trên chủng viện Phúc nhạc, vừa dứt tiếng đọc xong đạo sắc, Giám mục chủ phong thưa Deo gratias Tạ ơn Chúa. Liên đó tiếp theo nghi lễ "khảo hạch". Hai Giám mục phụ phong và tân Giám mục đọc kinh đầu lễ, hành lễ một trật với vị tấn phong.

Lễ làm gần tới bài Phúc âm; thì khởi hành cuộc tấn phong, lễ nghi dài, trang nghiêm, cảm động, khiến người dự lễ có lúc vui mừng hớn hởi, lúc lại trầm ngâm suy nghĩ... Tiếng hát Veni Cerator... và kinh cầu các Thánh vọng lên không, tiếng bồng tiếng trầm, hòa với điệu nhạc nhà binh, với tiếng phi cơ reo cưỡi trên làn sóng khí, réo rắt du dương... khiến người

dự lễ có lúc cao hứng hình như không còn nhớ mình ở vào cảnh nào! Đang khi đó, trên cung thánh lễ tấn phong cứ lần lượt cử hành: xúc dầu tay, xúc trên đầu, làm phép nhẫn, làm phép mũ gậy. Đức Giám mục chủ phong trao mũ gậy cho tân Giám mục, chỉ quyền ngài coi sóc con chiên giáo hữu. Ngài trao nhẫn ngụ ý rằng đức tân Giám mục phải giữ lòng trung thành với Đức Tin, với giáo hội Roma, cũng như người bạn trăm năm một dạ cầm sắt với phu quân mình. Ngài lại trao sách Phúc âm, chỉ quyền trao giảng giáo lý là phận sự của vị Giám mục. Thế rồi, giám mục chủ phong và thụ phong cùng nhau tiến hành cho hết lễ Misa. Lễ xong, đức Giám mục chủ phong đội mũ vàng trao gậy ngọc, xỏ nhẫn cho vị tân phong, đặt ngài trên tòa mình và quay xuống cách oai nghiêm như mừng và giới thiệu tân Giám mục cho con chiên giáo hữu. Bấy giờ các sinh viên trường Thần học và hội ca vịnh cử bài Te Deum ngợi khen tán tụng Chúa. Đồng thời, tân Giám mục mũ gậy uy phong tráng lệ đi làm phép cho dân. Hát xong bài ca tán tụng Chúa, đức cha mới ban phép lành đầu tiên cho giáo hữu... Đức tân Giám mục bái gối ba lần cảm ơn đức cha chủ phong chức, lời vạn tuế "Thọ tràng". Kết thúc nghi lễ tấn phong, ba vị Giám mục chủ phong, phụ phong cùng với tân Giám mục theo lễ nhạc trao đổi cho nhau những cái hôn thánh sạch, kèm lời chúc tụng.

Các học sinh trường thầy Dòng, 180 cậu bé tí hon, ăn vận giản sắc ra diễn thể thao.

Mười hai giờ trưa, trong một rạp lớn dựng ở một khu vườn nhà chung, Đức Cha có thết tiệc đãi.

Chủ khách an tọa thì hội hát trường Thần học cử bài "Les Martyrs aux arènes" cái cung hát thực hay và cảm động, giọng hát mô tả được tài thuật của nhà nhạc L. de Rillé mà ai cũng đã nghe danh. Khách dự tiệc ngừng tay nghe hát, lòng cảm xuất không khỏi đem lòng thán phục những bậc anh hùng công giáo ở nước người cũng như ở nước ta đã đổ máu để mua cho mình sự hòa bình thân ái, mua cho mình bữa tiệc có tình gia thất hôm nay. "Tứ hải giai huynh đệ"... bốn năm nghìn anh em bần khổ được nhà chung có nhã ý phát chẩn cho trong một khu chợ rộng gần sông Trì Chính.

... Hồi 4 giờ chiều Đức Cha mới ra công đường tiếp khách đại biểu các địa phận. Sau khi các cha địa phận Phát Diệm và các địa phận khác mừng Ngài xong, Ngài ra rạp dọn trước lầu chuông nhà thờ để các giáo hữu tới bái yết.

Năm giờ hơn, tại nhà thờ chính có châu thánh thể long trọng hát kính tạ ơn Chúa...

Lễ hội Ka Tê của người Chăm Thuận Hải

Cứ mỗi độ Thu về là người Chăm theo đạo Bà La Môn ở Thuận Hải lại từng bừng đón Tết Ka Tê. Người Chăm ăn tết không đón mùa Xuân mà lại đón mùa Thu. Ngày Tết Ka Tê 30 tháng 6 và 1 tháng 7, theo lịch Chăm, trùng ngay vào 6 và 7 tháng 10 dương lịch (1991).

Cũng như Tết Nguyên Đán của người Kinh, đồng bào Chăm ăn Tết cũng chu đáo lắm. Cũng thịt mỡ dưa hành, heo, gà, vịt, bánh tét, mứt, kẹo, pháo. Có khác chăng, người Chăm có thêm món ăn thịt dê thì người Kinh có mấy “món” chơi (cây nêu, câu đối, chơi hoa). Và nếu như người Chăm (Bà La Môn) kiêng thịt bò thì người Kinh lại không ăn Tết bằng thịt vịt.

Ở phía Bắc Thuận Hải, người Chăm ăn Tết vui nhất là ba điểm: Miếu Bà ở Hữu Đức, thờ Đức Bà Rôi Nư Cành - Người mẹ của xứ sở Chăm. Điểm thứ 2 ở tháp Pô Ka Lông Gia Rai (thường gọi là Tháp Chàm). Đây chính là vua Pô Ka Lông Gia Rai. Điểm thứ 3 là Tháp ở Hậu Sanh, lăng vua Pô Rô Mê.

Từ sáng, trên đường vào các làng Chăm, gặp hàng đoàn các bà, các chị, đi chợ về, đội trên đầu những cái thúng đẹp, đựng đầy thực phẩm, hoa trái vào từng nhà, cũng chính các bà, các chị tất bật làm bánh, nếm thịt, chuẩn bị cho cỗ bàn.

Trưa 30-6 trên sân Miếu Bà, xuất hiện nhiều cờ quạt, trống chiêng, võng lọng để chuẩn bị đi rước xiêm y của người Do, người Rắc Lây từ trên núi

mang xuống. Theo truyền thuyết, thì thuở xưa người Rắc Lây làm con nuôi của Người. Do họ hiền lành, chân thật nên Người quý mến giao y trang cho họ cất giữ. Và cứ đến Ka Tê thì đưa y trang về cho Người, hết Ka Tê lại đưa về núi giữ gìn bảo quản. 12 giờ 30 đoàn người đi rước y trang bắt đầu xuất phát. Đi đầu là các em trai, em gái, ăn mặc đẹp, xếp thành 3 hàng khua vang chiêng trống. Tiếp theo là các cụ bô lão cao tuổi nhất trong làng, mang cờ, võng lọng. Sau cùng là dân làng. Đi đến giữa một trái đồi thì gặp đoàn người Rắc Lây mang y trang của Người cũng vừa tới Hai bên gặp nhau, tay bắt mặt mừng rồi ngồi xuống giữa đường làm lễ bàn giao. Người Chăm tiếp tục rước y trang của Người về miếu, người Rắc Lây cũng về dự lễ. Tiếng trống, kèn của hai dân tộc hòa quyện với nhau tạo thành một hợp âm có sức lay động não nức vô cùng.

Đến chiều, trên sân vận động Hữu Đức, người Chăm và cả người Kinh các làng lân cận có đến hàng vạn dồn về dự hội... Từ tám hướng các vũ nữ tiến vào sân, chào quan khách rồi tung lên không hàng ngàn quả bóng rực rỡ sắc cầu vồng. Tiếp theo là những điệu múa cổ truyền dân tộc. Mỗi vũ nữ xòe ra hai cái quạt như hai cánh bướm. Năm thiếu nữ có lối trang phục đặc biệt hơn, múa giữa sân như năm bướm chọi. Còn hàng trăm "bướm em" múa lượn ở vòng ngoài, tạo thành một cái hoa khổng lồ nhiều cánh. Cả sân vận động là một bông hoa, một rừng hoa là một cánh đồng bướm. Những "con bướm" uốn lượn nhịp nhàng, đôi cánh rập rờn theo tiếng trống, tiếng nhạc. Người xem được thưởng thức những điệu múa tuyệt vời và với một quy mô có lẽ là hiếm có...

Tối 6 tháng 10, các làng người Chăm và các xã có đông người Chăm theo đạo Bà La Môn đều tổ chức múa hát vui chơi mừng Ka Tê cho đến tận giao thừa. Ngày 7-10 (mùng 1 Tết) ở 3 điểm có miếu và tháp, từ sáng, các thầy cả (thầy Kò Kè, chuyên lo việc cúng tế ở các làng Chăm) cùng bà con mang hương hoa, bánh trái lên Miếu, Tháp cúng. Các thiếu nữ, các đội văn nghệ người Chăm và đồng bào nhiều dân tộc đổ về đây xem Hội.

Tết Ka Tê, Tết Nguyên Đán cũng như bao lễ hội của các dân tộc từ Bắc chí Nam, từ rừng tới biển trên dải đất hình chữ S này đã làm phong phú

thêm cho truyền thống văn hóa Việt Nam.

TRẦN MỸ

Thanh niên nguyệt san

(Bài đăng Thanh niên

Nguyệt san số 7 15-11-1991)

Kết luận

Các hội hè Về Tôn giáo thực ra còn nhiều, và mỗi hội thường có những tục lệ khác biệt, và sự khác biệt này tùy theo mỗi tôn giáo. Chúng tôi rất tiếc không đủ biết để trình bày thêm. Đối với một vài tôn giáo chính, như Cao Đài giáo chúng tôi đã có tìm hỏi, nhưng không nhận được những điều chỉ dẫn cần thiết nên chúng tôi không dám đề cập tới những hội hè liên quan tới các tôn giáo này.

Cũng có nhiều hội hè có thể xếp vào chương hội hè tôn giáo, nhưng chúng tôi đã dành lại chương thứ ba, vì tại các hội hè này, phần phong tục nặng hơn, nhiều tục lệ thật là đặc biệt qua sự tín ngưỡng mà không kể thuộc về tôn giáo được.

Dù sao, cũng như ở chương đầu, chúng tôi không tránh được sự thiếu sót và chờ mong sự chỉ giáo của bạn đọc để bổ khuyết.

Nói về tôn giáo là một điều rất tế nhị, rất dễ xúc phạm tới tín ngưỡng, bởi vậy, khi viết tập sách này chúng tôi không khỏi có sự dè dặt, nhưng dù dè dặt, chúng tôi vẫn sợ có điều xâm phạm tới các tôn giáo vì vô tình. Rất mong bạn đọc lấy sự thông cảm mà tha thứ, nếu vì vụng về hoặc vô ý chúng tôi đã có điều gì thất thố với tôn giáo của quý bạn. Trình bày về hội hè đình đám, chúng tôi chỉ muốn nêu một khía cạnh nếp sống cổ truyền của dân mình, ngõ hầu lưu lấy những cái gì đã mất để giúp ích những ai sau này muốn khảo cứu về văn hóa nước nhà hoặc muốn tìm hiểu về phong tục xã hội Việt Nam.

Hội hè đình đám

Sơ lược

Thực ra trong hai chương I và II, khi nói tới Hội hè về kỷ niệm lịch sử và Hội hè về tôn giáo, chúng tôi cũng nhắc nhiều tới phong tục, nhất là tới nhiều cổ tục của dân quê, nhưng sở dĩ chúng tôi có chương thứ III này là vì ở đây chúng tôi chú trọng nhiều hơn tới phần phong tục, nhất là tới những cổ tục ở hai phần trên chúng tôi chưa có dịp nhắc tới.

Thường những cổ tục có những đặc tính riêng chỉ xuất hiện ở những thôn, xã, làng, xóm thờ các yêu thần, tà thần, và cũng vì thờ các yêu thần tà thần, nên mới có nhiều tục kỳ lạ, đã đành đôi khi tại một làng thờ các chính thần, cũng có những tục đặc biệt riêng của các làng ấy.

Trong phần hội hè về phong tục này, phần nhiều thần tích tại các làng có hội, dân làng giấu kỹ bởi đây là những dân thần, những tà thần, thần ăn trộm, thần ăn mày v.v... để người ngoài xã biết e gây một sự chê cười.

Do đó ở chương này, khác với hai chương trên, phần thần tích hoặc sẽ rất đơn sơ, hoặc sẽ không có, vì chính kẻ viết cũng không hiểu rõ những thần tích ấy.

Đây là một sự thiếu sót chúng tôi rất lấy làm tiếc và chúng tôi rất mong được bổ khuyết. Trong những làng mà hội hè đình đám chúng tôi kể ra trong chương III này, có thể có nơi là quê quán của một vài bạn đọc, ước mong quý vị này sẽ gởi cho chúng tôi tài liệu về thần tích của làng xã quý vị, chúng tôi cảm tạ vô cùng.

Về những cổ tục nhắc trong chương này cũng như trong chương sau, nhiều điểm như phạm tới thuần phong mỹ tục, và nhiều người không biết tới có thể cho là chúng tôi bịa đặt. Chúng tôi xin thưa trước, trong mỗi cổ tục đều có ý nghĩa riêng của nó, và những điều chúng tôi kể lại hoặc

chính mắt chúng tôi trông thấy hoặc do các bậc cha anh kể lại, hoặc qua các tài liệu sách vở chúng tôi đã đọc.

Dù sao, nghiên cứu về văn minh nước nhà, tìm hiểu về nếp sống dân tộc, thấy sao xin nói vậy, bỏ qua không đang tâm.

Hơn nữa, những điều viết trong cuốn sách này cũng như trong các tập Nếp Cũ khác chỉ là những điều đơn sơ, đặt ra cái sườn, để tiện giúp các nhà học giả hoặc các thế hệ sau muốn nghiên cứu kỹ lưỡng hơn.

Hội Đông Ky

Với các cổ tục:

Ôm cột

Đốt pháo

Múa hoa

Đánh vật

Tế bánh dày

Rưới sinh thực khí

Làng Đông Ky thuộc phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (Hà Bắc), trên quốc lộ số I, quãng đường từ Hà Nội đi Bắc Ninh, cách Hà Nội khoảng gần 20 cây số, về mé bên phải, du khách có thể thấy, trước đây một khu rừng nổi giữa đám ruộng, đó là Rừng Sặt, không xa phủ lý Từ Sơn bao nhiêu.

Gần ngay Rừng Sặt là làng Đông Ky, nằm trong tổng Nghĩa Lập. Đây là một làng trù phú với gần 500 mẫu ruộng, với dân số tất cả nam phụ lão ấu khoảng 1.500 người.

Xưa kia, dân làng giàu có, vì ngoài nghề nông, dân làng còn có nghề thợ mộc và buôn bán. Người người trong làng cũng mát mặt không đến nỗi

quá khổ sở như dân nghèo các thôn xã khác.

Trong làng toàn nhà ngói với sân gạch, và ngay cả đường làng cũng lát gạch tinh tươm.

Làng có ngôi đình lớn lợp ngói. Ngay trước cửa đình là chợ làng rất lớn, một tháng sáu phiên là các ngày 1 và 6. Bên phải đình là chùa làng do sư nam trông coi.

Ca dao vùng Bắc Ninh có câu:

Vật giao Phù Lưu hữu,

Vật thú Đình Bảng thê

Vật ẩm Đông Kỵ thủy

Vật thực Cẩm Giàng kê.

nghĩa là:

Chó bè bạn với người làng Phù Lưu,

Chó lấy vợ người làng Đình Bảng,

Chó uống nước làng Đông Kỵ,

Chó ăn thịt gà làng Cẩm Giàng.

Về ba điểm kia, chúng tôi không được biết rõ, xin được miễn nói ở đây, duy về điểm chó uống nước làng Đông Kỵ, vì nguyên do làng này nằm ngay bên vực Dê, một chiếc vực ăn từ vùng Đông Anh tỉnh Phúc Yên (Vĩnh Phú) chảy về, nước vực này đục ngầu, và vì ảnh hưởng của vực Dê, nước ao chuôm trong làng cũng đục hết.

Gia dĩ dân làng này dùng nước ao, không đào giếng mà ao trong làng lại thường không có cầu, khi mức nước người làng Đông Kỵ dùng gàu bằng

dây như gàu tát nước, khiến nước ao đã đục, bị gàu quăng xuống khu vực khoảng càng đục thêm.

Người làng Đông Ky dùng nước đục, bởi vậy dân Kinh Bắc mới khuyên nhau vật ẩm Đông Ky thủy.

Làng Đông Ky hàng năm mở hội từ ngày mồng một Tết. Dân làng thờ Ngài Thiên Cương đế.

Thần tích

Theo lời các bô lão kể lại thì Thiên Cương đế là tước phong của vị Thành hoàng làng này. Đây là một vị thần được phối hưởng nơi này từ đời Hùng Vương thứ VI. Ngài là người làng Đông Ky, đã có công dẹp được giặc Xích quỷ (?).

Dẹp tan giặc, đem quân về, về đến Kẻ Chợ, Ngài được tin thân mẫu qua đời, liền cáo quan về chịu tang.

Giữa lúc ấy giặc Ân sang tàn phá nước ta. Được tin, Ngài lập tức trở lại Kinh thành để quyết tâm xin nhà Vua đi dẹp giặc, nhưng khi Ngài tới nơi, giặc đã bị Phù Đổng Thiên Vương dẹp tan rồi.

Ngài rất tiếc không được thi thố tài năng, và rất hận Phù Đổng Thiên Vương đã lập được công lớn trước Ngài. Mỗi hận này còn lưu truyền mãi về sau nên giữa dân làng Đông Ky và dân làng Phù Đổng vẫn găm ghè nhau, và những khi Đức Thành hoàng làng Đông Ky được lịch triều truy phong, trong khi dân làng đi rước sắc, nếu gặp dân làng Phù Đổng là có sự xô xát ẩu đả.

Những cổ tục

Từ trưa ngày mồng một đầu năm, làng Đông Ky bắt đầu mở hội tế lễ nước xách với những cổ tục đặc biệt của dân làng, hội làng kéo dài cho tới ngày 16 tháng Giêng.

Ôm cột

Cổ tục này nhắc lại sự tích Thiên Cương để kén tướng tiên phong đi dẹp giặc. Dân làng Đông Kỵ kể lại rằng:

Năm ấy vào ngày 30 tháng Chạp, Ngài được lệnh đem binh trừ giặc. Lập tức Ngài triệu tập các tướng binh dưới cờ để kén tướng tiên phong.

Các tướng sĩ ai nấy nao nức, các tướng tài ai cũng muốn quả ấn tiên phong vào tay mình. Cuộc tranh ấn thật là từng bừng náo nhiệt. Rất tiếc dân làng không nhớ rõ và trong thần tích cũng không ghi ai đã được lĩnh chức tiên phong.

Cuộc tranh ấn tiên phong, hằng năm mỗi lần tháng kiến dân trở lại, dân làng ĐÔNG Kỵ lại nhớ tới và cho diễn lại tích xưa qua tục Tranh cột Thái Bạch, còn gọi nôm na là tục ôm cột.

Làng Đông Kỵ có 4 giáp: Giáp Tiên, giáp Thượng, giáp Đông, giáp Đoài. Theo nguyên tắc 4 giáp đều tham dự cuộc tranh cột Thái Bạch.

Tục tranh cột diễn ra ngay từ đêm 30 Tết, khởi sự lúc giao thừa và kéo dài cho tới bình minh, vào khoảng 6 giờ sáng.

Cột Thái Bạch là chiếc cột cái bên tả của Đình làng, trước bàn thờ Thần. Tranh cột Thái Bạch nghĩa là tranh nhau ôm lấy cột này, tượng trưng cho ấn tiên phong trước đây.

Thường 4 giáp đều có sự thỏa thuận và nhường nhịn nhau luân phiên giữ cột, nhưng cũng nhiều năm các giáp tranh nhau. Trong những năm này, những giáp nào không chịu sự xếp đặt của dân làng đều cử ra cụ già nhất giáp để tranh tài.

Các cụ đều ăn vận chỉnh tề, mũ ni, quần chồi đỏ, áo lụa hồng.

Các cụ đợi lễ giao thừa, lần lượt vào lễ thần. Lễ thần xong các cụ nhập cuộc tranh ôm cột. Dân các giáp ở ngoài hò reo cổ vũ với những lời khuyến khích để nâng cao tinh thần hăng hái của các cụ. Được hàng giáp chứng kiến khích lệ, chính các cụ cũng gắng sức để đoạt phần thắng cho

giáp mình, làm vinh dự cho giáp trước làng xã và cũng chính để tạo sự kiêu hãnh cho bản thân mình.

Lễ thần xong, cụ nào cụ nấy đều nhào tới ôm lấy cây cột. Chỉ có một cây cột, cụ nào cũng muốn ôm lấy, các cụ phải tranh nhau xô đẩy, quần áo chỉnh tề của các cụ biến thành xốc xếch. Các cụ có thể ôm được cây cột, nhưng các cụ không giữ nổi cây cột.

Cụ này ôm được cây cột, cụ kia đã vén quần, xắn tay áo, cài vạt áo, xông vào lôi mạnh cụ ra. Một bên cố ôm lấy cột, một bên cố lôi cho ra, có khi trong trường hợp cả 4 giáp đều dự tranh, một cụ ôm cột, hai ba cụ lôi ra.

Cuộc tranh ôm cột trước còn là lôi kéo, sau biến thành vật nhau... và trong khi đó dân các giáp đứng ngoài cứ vỗ tay, reo hò cổ vũ.

Các cụ cứ tranh nhau, quần áo xô lệch tả tơi, có cụ văng cả mũ ni, tuột cả búi tóc, nhưng không cụ nào chịu bỏ cuộc, và vì tuổi già, các cụ vừa thờ hốt hển vừa tranh nhau. Các cụ tranh nhau cho tới bình minh, không ai chịu thua ai. Lúc ấy ban hội đồng làng với các quan viên can thiệp để định đoạt. Sự định đoạt có nhiều khi các cụ không chịu, cho là thiếu vô tư, nhưng thiếu số phải phục tùng đa số, lệnh của ban hội đồng với các quan viên là lệnh của làng, các cụ không phục cũng đành ôm hận thôi.

Đốt pháo

Ngày Tết, ngày hội Xuân, thường thường làng nào cũng đốt pháo, nhưng đặc biệt làng Đông Kỳ, khi đốt pháo thì đốt những quả pháo khổng lồ bên những tràng pháo dây. Chiếc pháo khổng lồ này có thể to bằng thân một phi cơ DC3, bằng đầu máy một đoàn xe lửa.

Tiếng pháo tượng trưng cho tiếng súng của Thiên Cương để bắn quân địch.

Theo sự tích, ngày mồng bốn, quân của Thiên Cương để giao tranh với quân giặc kịch liệt và đã đại thắng trong trận này.

Để nhắc lại võ công hiển hách của thần linh, dân làng đốt liên hồi những tràng pháo thay cho tiếng sấm. Tiếng pháo cũng nói lên sự vui mừng của dân làng, thay cho tiếng ba quân hò reo, lại thay cả những tiếng hô của tướng lĩnh thúc ba quân xung phong tiến.

Pháo đốt ở sân đình bắt đầu từ giờ Mùi cho đến chiều tối, cho đến khi nào dân làng đốt hết pháo. Pháo nổ lạch tạch ùng, những quả pháo cối nổ xen lẫn những tràng pháo dây, nghe như ngày nay những tiếng đại bác lẫn vào những tiếng liên thanh.

Giữa những tiếng pháo nổ lại có những tiếng la hò của dân làng như lệnh võ. Thật là tưng bừng, thật là náo nhiệt, thật là vui thú với cảnh thanh bình.

Trước (1945), vật liệu làm pháo còn mua được dễ dàng, trong làng có người làm được những quả pháo dài tới 16 thước ta, đường kính 4 thước ta (gần hai thước ngày nay), nghĩa là to nhỉnh nhỉnh như thân chiếc phi cơ DC-3. Quả pháo được treo cao trên cây, ngòi thật dài, lúc đốt dân làng phải tránh xa.

Còn những tràng pháo cũng dài, dài một cách khả kính, lúc đốt đã phải treo trên cây cao, vẫn còn phải vắt qua tường đình, qua nhà tám mái thông xuống sân đình. Bắt đầu đốt, pháo nổ phải hàng giờ mới hết.

Lớn, nhỏ, dân làng ai cũng đốt pháo. Tiếng pháo làm hoảng sợ quân địch, xua đuổi tà ma, nói lên sự hân hoan của dân làng và tượng trưng cho sự thịnh vượng của toàn xã.

Với pháo đốt như vậy, chúng ta hãy tưởng tượng sân đình ngày hôm đó, xác pháo rắc ra sao, và mùi khói pháo bốc lên vừa thơm vừa khét tới độ nào. Xác pháo hồng như muốn khoe với hoa xuân, đua với màu sắc sắc sỡ quần áo ngày xuân.

Ngày Tết càng vui vẻ, người ta chơi Tết càng hân hoan theo pháo nổ để tự thưởng công cho những ngày lam lũ vất vả quanh năm.

Múa hoa

Sau trận đốt pháo là cuộc múa hoa của dân làng, nhưng hoa đây không phải là hoa thật, cũng không phải là hoa giấy, và người múa hoa cũng không phải là các thanh nữ trong làng hoặc các ca nhi vẫn vừa hát thờ thần vừa múa hoa như tại hội hè các xã khác.

Dân làng Đông Ky gọi là tục múa hoa, nhưng đây là một cách đề cao tinh thần thượng võ, một tục để nhân dịp các thanh niên đồng quê được phô bày sức khỏe của mình với những thân hình rắn chắc, những bắp thịt nở nang, những đường gân vững chãi.

Tham dự cuộc múa hoa là thanh niên bốn giáp.

Từng giáp một, đám thanh niên này mình trần trụi, mỗi người chỉ vận một chiếc khố đỏ, màu đỏ là màu của vui mừng, của Tết nhất. Họ cùng nhau kiệu lên vai ông Đám giáp họ, ông này quần áo loè loẹt, những bộ đồ màu toàn hồng thắm bằng nhiều, vóc, lựa hoặc gấm, tùy theo khả năng tài chánh của từng ông, nhưng không ông nào mặc áo vải trong dịp long trọng này.

Mặt các ông tươi, mắt các ông sáng hẳn lên và ông nào cũng có nụ cười thoả thích.

Các ông Đám được thanh niên kiệu đi quanh sân đình ba vòng giữa tiếng chiêng, tiếng trống hòa lẫn trong hò reo của dân làng. Sau ba vòng rước, các ông Đám được đặt ngồi vào một chiếc chiếu cạp điều trải ở giữa đình, ngay trước bàn thờ thần linh.

Ông Đám thường là người cao niên nhất trong giáp. Các ông đợi ông Tiên chỉ làm lễ khẩn cầu Đức Thành hoàng để xin gặp thăm xem Ngài ban ân cho giáp nào nhất, nhì, ba, tư.

Đánh vật

Sau cuộc gặp thăm là cuộc đấu vật giữa thanh niên các giáp. Lệ vật ở đây cũng theo thể lệ chung của môn đô vật cổ truyền.

Tế bánh dày

Quân của Thiên Cương đế ngày mồng 4 giao tranh kịch liệt với quân giặc, kết cục giặc thua và quân Ngải đại thắng, ca khúc khải hoàn. Ngày mồng 6 là ngày khao quân mừng chiến thắng.

Để nhớ lại tích xưa, ngày mồng 6 dân làng có lệ tế bánh dày, bánh dày dùng trong việc khao quân.

Theo lệ làng, các cụ, cả cụ ông lẫn cụ bà từ 52 tuổi trở lên mới được dâng lễ thánh, dưới tuổi ấy, không ai được hân hạnh hưởng vinh dự này.

Muốn dâng lễ Thánh mỗi cụ phải mang ra đình dù giàu nghèo cũng vậy, năm nong bánh dày. Các cụ nghèo thay vì 5 nong có thể mang 5 nia, 5 mâm, 5 sàng hoặc 5 mẹt bánh dày, con số nhất định phải là 5.

Bánh dày phải làm bằng thứ nếp cái thật thơm, bánh giã cho trắng, khuôn làm to nhỏ tùy người, trên mặt mỗi chiếc bánh đều có dán một mảnh giấy đỏ tròn, trên mảnh giấy đỏ có chữ thọ cũng cắt tròn bằng giấy trang kim vàng óng ánh, dán đè lên.

Với tinh thần ganh đua, cụ nào cũng kén gạo nếp thật ngon, bánh giã thật khéo.

Sáng mồng 6, các cụ cho con cháu khiêng bánh dày ra Đình. Cùng với bánh dày có kèm theo 10 quả cam ngọt, 10 đoạn nửa dài và một con gà trống đã làm thịt luộc chín, béo vàng ệnh.

Con gà đặt nằm ngay trong nong, mâm, nia hay sàng, mẹt bánh dày, miệng ngậm một bông hoa đỏ, thường hoa lựu hoặc hoa hồng.

Con gà này hoặc tự các cụ bắt con cháu nuôi lấy, vỗ cho thật béo, hoặc phải kén mua từ trong năm.

Những lễ vật này dùng trong buổi tế thần.

Tế xong, lễ vật chia đều cho cả dân làng.

Rước sinh thực khí

Ông Lê Văn Hảo, trong bài Một số tục cổ của người Việt qua các hội mùa đăng trong tập san Đại Học, do Viện Đại học Huế xuất bản, cho rằng làng Đông Ky, ngoài Thiên Cương đế, còn thờ một vị nữ thần. Do đó trong khi mở hội, ngoài các cổ tục nói trên, dân làng này còn nhắc lại một cổ tục đầy duyên ái tính, tục rước sinh thực khí.

Qua các cổ tục đã trình bày có hay thì cũng có dở, hay hoặc dở, chúng tôi cũng chỉ xin nhắc lại để ghi lấy đôi chút tài liệu, những tài liệu bắt đầu, cho bạn nào muốn nghiên cứu kỹ lưỡng hơn.

Hội Tích Sơn

Với các cổ tục:

Chém gà

Thối cơm thi

Kéo co

Quật bò

Chém lợn

Làng Tích Sơn thuộc huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Yên, nằm ven quốc lộ 2, từ Hà Nội đi Hà Giang, cách tỉnh lỵ Vĩnh Yên (Vĩnh Phú) độ vài trăm thước về phía Đông Bắc.

Lễ làng hàng năm mở hội vào ngày mồng Ba tháng Giêng với tế lễ tại Đình và có các cuộc vui trong làng.

Mồng Ba tháng Giêng còn đang ngày Tết. Ngày hội, cả làng trông như hoàn toàn đổi mới với ngọn phướn ngũ sắc ở sân chùa, với cờ ngũ hành cắm dọc hai bên đình, với những đôi câu đối đỏ dán trước nhà mỗi dân làng, với những cây đào thắm đầy hoa, nhiều cây đào trong ở trong vườn, nhưng một đôi cành hoa vươn cao khỏi tường như muốn ngó xuống con đường làng để thỉnh thoảng rung rinh làm rơi mấy cánh hoa theo luồng gió nhẹ của ngày Xuân.

Một vài cánh hoa mỏng manh hồng phớt lại nhẹ nhàng tung bay như lời lá trước khi rơi xuống hẳn để điểm trang con đường đất, với những xác pháo toàn hồng kèm theo mùi thơm của khói pháo. Cảnh làng tấp nập với những lời dân làng còn đang chúc tụng năm mới năm me khi gặp gỡ, với những quần áo mới của người lớn, trẻ em đủ màu đủ sắc, với nét vui trên mặt, nụ cười trên môi, và nhất là với yếm thắm giải lụa đào của các cô gái quê trông thật quyến rũ.

Giữa cái khung cảnh ấy, làng Tích Sơn mở hội qua những trò vui và qua những cỗ tục đặc biệt của dân làng.

Thần tích

Thần làng lúc sinh tiền là một tên ăn cướp, chết đi gặp giờ linh được dân làng thờ phụng. Dân làng luôn luôn giấu tên họ, quê quán của vị thần, và khi nhắc đến, họ chỉ dùng ba tiếng Đức Thượng Đẳng, vì thần làng vốn làm nghề ăn cướp, nên trong hội làng, những cỗ tục được diễn lại đều nhằm đầy chiến đấu tính và nhất là tàn bạo tính.

Những cỗ tục

Ở đây chúng tôi không nhắc tới những lễ nghi rước xách và cúng bái, chúng tôi đã trình bày ở trên mà chỉ xin nhắc lại những cỗ tục đặc biệt của làng Tích Sơn.

Chém gà

Đây là một tục kể ra thật tàn bạo, tàn bạo đến độ dã man, nhưng qua tục này, người ta còn trông thấy một sự khuyến khích trong việc chăn nuôi, nhất là việc nuôi gà ở thôn quê.

Trai làng Tích Sơn, đến tuổi chịu việc làng, nghĩa là 18 tuổi, được làng cử mỗi chàng nuôi một con gà cúng thần. Ngay từ đầu năm trước, họ đã mua gà, đem thiến để nuôi cho tới ngày hội. Họ phải săn sóc vỗ về, nuôi sao cho gà béo lại chắc, được nặng cân. Trong lúc nuôi gà, họ tránh cho gà sự ô uế, có thức ăn riêng, không chung đựng với gà vịt khác.

Ngày mồng ba Tết, những chàng trai có bốn phận nuôi gà, mang gà ra Đình.

Làng này có hai giáp, giáp Đông và giáp Đoài. Trai hai giáp với những con gà của mình, ngồi thành hai hàng hai bên trước bàn thờ, mỗi chàng ôm một con gà, con nào con ấy trông mã thật đẹp với lông mượt và đều có vẻ nặng cân.

Các cụ trong làng, hay nói đúng hơn, ban hội đồng soát gà ngắm các con gà một lượt, rồi vị tiên chỉ hoặc vị cao niên nhất trong ban quan viên thắp hương khấn lễ trước bàn thờ.

Lễ xong, tất cả các chàng trai này đều ôm gà của mình nhảy nhót, vái lễ trước bàn thờ. Họ đều khăn đóng áo dài tề chỉnh, nhưng trông điệu bộ họ thật hết sức kỳ khôi.

Lễ xong, từng chàng trai một, họ dùng một con dao thật sắc, chém một nhát đứt đầu con gà, tiết gà được hứng riêng mỗi con vào một chiếc bát. Đoạn họ nhặt đầu gà, ôm gà ra mé sau Đình làm lông cúng thần.

Trông những con gà với mã thật đẹp, tươi tốt, đang như ngơ ngác giữa đám đông trước bàn thờ thần, có con lại rĩa lông hoặc nghển cổ đưa mắt nhìn, bỗng một lưỡi dao sáng lóng lia xuống, nghe một tiếng "phập" rất ngọt, đầu con gà lăn chiêng xuống đất, còn thân nó chàng trai ôm lấy, chúc cổ nó xuống chiếc bát hứng tiết, con gà không kịp kêu, chỉ còn giãy giụa, nhìn thật là tàn bạo. Có con gà vãi cả phân ra trước bàn thờ thần.

Gà của chàng trai nào do chính người đó chém lấy, hứng tiết vật lông, mỡ thịt để sửa lễ.

Thịt những con gà này chỉ các bô lão và các quan viên hai giáp được hưởng. Họ bảo rằng thơm ngon lắm.

Những con gà to béo, thịt chắc được các cụ ban khen và chàng trai nào được lời ban khen của các cụ đều lấy làm hãnh diện đối với dân làng. Do đó ai đến tuổi phải nuôi gà đều kiếm cách nuôi gà cho thật lớn thật béo.

Người làng Tích Sơn thuật lại rằng có những chàng trai thiếu thành kính trong việc nuôi gà, gà nuôi quanh năm không sao, gần đến Tết gà lẩn quay ra chết. Đây là Ngài phạt kẻ bất thành và bất kính. Trong trường hợp này, các đương sự chỉ còn có cách đi các chợ kén mua một con gà sống thiện khác thay thế để có gà làm lễ chém trong ngày hội làng.

Kéo co

Trai tráng hai giáp cùng nhau kéo co ba keo. Làng có một dây song thật dài, hằng năm vẫn quấn tròn để thờ tại Đình cùng các tự khí khác. Đến ngày hội dân làng mới bỏ ra để dân hai giáp kéo co.

Sợi dây song được dân đình hai giáp chia nhau xúm vào nắm lấy mỗi bên một nửa. Tất cả trai tráng khỏe mạnh đều hò nhau tham dự cuộc kéo co, có khi cả những người lớn tuổi, ngoài bốn mươi, gần năm mươi nhưng sức còn mạnh cũng đua nhau xúm vào dự kéo co.

Sau phần lễ nghi tại Đình, một vị quan viên ra lệnh, dân đình hai giáp cùng nhau kéo co keo đầu. Họ hò reo và cùng gắng sức kéo bên kia về phía mình. Chân các chàng trai bắm xuống đất, lưng họ còng, hai tay họ nắm chặt sợi dây cùng ra sức kéo. Bên nào cũng cố giữ lấy vị trí, cố kéo đối phương về bên mình.

Thi kéo co ngay tại trước cửa Đình, trước sự chứng kiến của các bô lão và quan viên. Lại thêm dân làng, nhất là các cô gái làng đứng xem cùng với khách thiên hạ tới dự hội, dân chúng các làng lân cận hoặc ở xa hơn

nữa, có người từ Phúc Yên đến, có người từ Hà Nội lên, có người ở Việt Trì, Phú Thọ (Vĩnh Phú) về, hoặc ở Sơn Tây (Hà Tây), Bắc Ninh (Hà Bắc) sang...

Những khán giả, cả dân làng lẫn khách thiên hạ đông đúc đã khiến các chàng trai thêm hăng hái, cuộc kéo co càng gay go.

Gay go, nhưng cũng có bên được bên thua.

Sau keo đầu, bên thua phải tăng cường lực lượng bằng cách gọi thêm dân trong giáp tham dự. Trong cả ba keo cuộc kéo co này, mỗi bên muốn có bao nhiêu người tham dự cũng được miễn đây là dân đình trong hàng giáp.

Mỗi keo kéo co xong, tiếng hò reo của bên thắng cũng như của khách xem lại vang lừng trên khu ruộng trước cửa Đình.

Kéo co ba keo, giáp nào thắng hai keo là được. Vị đại diện của giáp này sẽ vào Đình lễ tạ ơn Đức Thành hoàng đã phù hộ cho giáp mình. Kế đó, một tràng pháo đốt lên nổ mừng giáp thắng cuộc.

Cổ tục kéo co làng Tích Sơn trước đây hàng năm diễn lại là một cổ tục đề cao tinh thần thượng võ và khuyến khích sự tập luyện thể thao, thể thao qua những môn võ cổ truyền của các cụ ta xưa, tục dựa vào tế tự.

Quật bò

Chém lợn

Đây là một cổ tục thật tàn bạo, tàn bạo cũng như tục chém gà.

Trong các hàng quan viên trong làng, mỗi năm một người được chỉ định để nuôi một con lợn dùng trong việc tế thần vào đầu Xuân năm sau.

Lợn giống do tiền của dân làng mua. Người nuôi lợn phải chăm sóc sao cho sạch sẽ, phàm ăn, to béo. Cũng như nuôi gà, theo dân làng Tích Sơn, nếu người kém thành kính, con lợn có thể dờ chừng và chết giữa chừng.

Người nuôi phải mua đèn con lợn khác. Nếu con lợn đến kỳ tế thần không được béo tốt, người nuôi sẽ chịu sự khiển trách của dân làng.

Con lợn hôm hội làng được dắt ra Đình. Lúc con lợn dắt tới, thanh niên hai giáp Đông và Đoài đứng hai bên bàn thờ. Con lợn được thả lỏng đi đi lại lại giữa hai hàng người và chung quanh còn có dân làng xúm vào xem lễ.

Nghi thức trình lợn lên Đức Thành hoàng được ông Tiên chỉ hoặc Cai đám đảm trách. Ông thả hương khẩn lễ. Tưởng nên nói thêm là con lợn trước khi được dắt ra Đình đã được tắm rửa sạch sẽ.

Lễ trình lợn đã xong. Một thanh niên được dân làng chỉ định luân phiên giữa hai giáp, năm nay người giáp này, sang năm người giáp khác, tay cầm một thanh gươm thật sắc theo dấu hiệu của ông chủ lễ, nhảy ra nắm cổ con lợn chém một nhát. Phải chém thật mạnh và chém làm sao một nhát đứt đầu con lợn.

Con lợn đang đi đi lại lại bị một nhát gươm chết không kịp kêu, đầu văng xuống, tiết học ra từ cổ và thân hình lảo đảo rồi ngã xuống trước bàn thờ.

Người ta hứng lấy tiết của nó vào một chiếc chậu đoạn đem cạo lông mổ thịt ở ngay Đình để sửa lễ cúng thần. Ở đầu hiên Đình lúc đó đã sẵn một nồi nước sôi.

Tục chém lợn cũng như tục chém gà trông thật man rợ, nếu ai được chứng kiến tận mắt. Cả hai tục này, ngoài mục đích tế tự, cũng có phần nào khuyến khích việc chăn nuôi gia súc, phải nuôi cách nào để gia súc mau lớn và béo.

Dù sao cả bốn cổ tục tại Hội làng Tích Sơn chúng tôi đã trình bày đều do ảnh hưởng nơi vị thần linh dân làng tôn thờ lúc sanh tiền là một tên tướng cướp, tục lệ ngày hội để thờ thần tướng cướp dù nhiều dù ít cũng nhiễm tàn bạo tính. Hay là sau hình thức tàn bạo này, mỗi cổ tục trên lại có một ý nghĩa tượng trưng nào khác chăng?

Thối cơm thi

Ngoài bốn tục trên, nhiều ít gì cũng có tính cách tàn bạo, dân làng Tích Sơn trong kỳ hội đầu năm còn có tục thối cơm thi. Với tục này, việc nội trợ được khuyến khích, việc bếp núc bao giờ cũng ở trong tay phụ nữ.

Nồi cơm dự thi nhân danh một thanh niên trong hai giáp, nhưng nấu nồi cơm chính các bà, các cô trong làng đảm nhiệm.

Theo lệ làng, nhân ngày hội Xuân, trai làng cho đến bốn mươi tuổi phải thối mỗi người một nồi cơm, mang tới Đình trình với các cụ và các quan viên. Không phải ai là người làng cũng được dự cuộc thi nấu cơm này, là người làng, nhưng phải là người đã vào làng, nghĩa là đã nộp lệ hương âm để ghi tên vào sổ làng, dân làng mới chấp nhận cho dự cuộc thi.

Thi cơm có thể coi là tục lệ chính của ngày hội, mọi người đều chú ý tới và dân chúng các làng lân cận thường kéo nhau tới để chứng kiến cuộc thi này. Nhờ có tục thối cơm thi, con gái làng Tích Sơn cô nào cũng thối cơm rất khéo. Theo các cụ trong làng, gái quê không biết thối cơm cho dẻo là đồ đoảng, đồ vứt đi.

Phải nhận rằng dân làng Tích Sơn có một nghệ thuật thối cơm. Nồi cơm của họ chín, không bao giờ có cháy, lại gióc nồi một cách lạ lùng. Hơn nữa, cơm tuy ở nguyên trong nồi, nhưng lại mịn như cơm nắm. Có thể cả một nồi cơm đổ ra chỉ là một nắm cơm, một nắm cơm không có vỏ, người thối đã khéo dụng công, khiến nồi cơm không bao giờ có lấy một mẩu cháy cơm. Muốn ăn cứ việc xắt ra từng miếng, cơm rất thơm lại man mát mùi nhựa gạo. Cơm thối bằng gạo tám thơm vừa dẻo, vừa ngon, cơm này ăn với giò lụa thật tuyệt!

Và cũng đáng khen các bà các cô thối cơm ở chỗ thối nồi cơm chín như vậy mà nồi không hề bén lửa.

Để thối cơm dự thi, mỗi người đều mua một chiếc nồi đất mới, cơm thối nồi đất không pha mùi kim khí của nồi đồng nồi gang, mới giữ nguyên

được mùi thơm thuần chất lúa gạo. Mua nôi, các bà các cô thường kén chiếc nôi đất nung già, với màu đỏ thẫm, nôi như vậy đỡ bắt lửa.

Cơm được thối ở nhà, chỉ mang ra Đình lúc dự thi. Theo lời các bà các cô ở Tích Sơn, các bà các cô phải dùng hai chiếc nôi, một chiếc nôi cũ và một chiếc nôi mới, và cũng phải có hai bếp, một bếp lửa và một bếp than, bếp lửa bắc nôi cũ và bếp than đun nôi mới.

Nôi cũ đun nước cho sôi, nước sôi đổ sang chiếc nôi đất mới. Nước đổ vào nôi mới đã đun nóng, không cần đun bằng lửa, chỉ dùng bếp than, mặt ngoài nôi cơm không bao giờ ám khói. Lúc nước sôi đổ vào nôi đất mới, gạo đã vo từ nửa giờ trước và đổ vào sau. Gạo phải vo trước, để ráo nước, bớt lạnh cơm khởi trương. Từ lúc gạo đổ vào, cơm chỉ thối bằng than hồng.

Đã đổ gạo vào nước sôi, người thối cơm phải ghế cơm cho đều tay. Bếp phải luôn luôn giữ than hồng cho đến lúc cơm chín. Cơm ghế rồi, dùng một chiếc lá mít miết lên trên mặt cho mịn, và như vậy, nôi cơm sẽ chắc như cơm nắm. Như thế tức là thối cơm mở vung. Thối khéo thì cơm dẻo, mịn và thơm mát, nôi cũng không ám khói.

Hôm thi nấu cơm, những ai phải thối cơm đều mang nôi cơm của mình ra Đình. Những nôi cơm được xếp thành hàng ở nhà tiền tế, nôi nọ liền nôi kia, mỗi nôi đều có vung đậy. Ở vung và ở thành nôi có viết chữ bằng vôi đề tên họ mỗi thanh niên dự thi. Hội đồng chấm thi gồm các cụ và các quan viên đi xem từng nôi cơm, mở vung xem mặt cơm, nắn tay vào nôi cơm để hiểu độ dẻo. Hội đồng soát cơm xong, bao nhiêu nôi thối khéo đều cho bưng đi, và đây là những nôi nhất và nhì, có nhiều nôi nhất và nhiều nôi nhì. Cùng thối khéo bằng nhau, những nôi của chức sắc được bầu nhất và những nôi của dân đình phải sắp nhì.

Những nôi nhất dùng cúng thờ thần, các cụ và các quan viên được thừa hưởng, và một phần biếu khách thập phương tới dự lễ thánh.

Những nôi khác dân đình ăn với nhau, bốn người một cỗ, mỗi cỗ hai nôi cơm.

Hội Niệm Thương

Với các cỗ tục:

Chém lợn nhúng vào nồi nước mắm đang sôi.

Tắt đèn, đốt đuốc, đội nong xôi chạy quanh đình.

Làng Niệm Thương, tổng Khắc Niệm, huyện Võ Giàng tỉnh Bắc Ninh (Hà Bắc), tục gọi là làng Ném, mở hội vào các ngày mồng 5, mồng 6 tháng Giêng.

Làng này nằm bên tỉnh lộ đi từ Bắc Ninh tới Thuận Thành cách tỉnh lỵ vào khoảng trên mười cây số. Dân làng không đông lắm vào khoảng trên năm trăm người, quanh năm sống về nghề canh nông. Dân làng chia làm hai giáp.

Thần tích

Thành hoàng làng này, họ Lý, không rõ tên gì nhưng được gọi là Lý Công, lúc sinh thời làm nghề ăn cướp, chết gặp giờ linh nên được dân làng thờ phụng. Lý Công quê ở làng Châm Khê cùng huyện, thường kiếm ăn ở các làng quanh vùng. Một hôm Lý Công đi ăn cướp, bị dân chúng và khố chủ đuổi đánh ráo riết chạy bán sống bán chết, chạy đến núi Nghè gần làng Niệm Thương. Tới núi, Lý Công tìm chỗ ẩn núp, dân chúng kiếm không ra. Tuy kiếm không ra, nhưng mọi người đều biết họ Lý ẩn ở trên núi, nên cùng nhau vây quanh ngọn núi canh chừng.

Bị vây, ẩn mãi trên núi, tên cướp họ Lý không có gì ăn đang lo chết đói. May thay giữa lúc đói lòng, một con lợn lớn không hiểu từ đâu tới, đi từ trong bụi rậm ra. Chàng cướp ta không để lỡ cơ hội, lập tức, sẵn dao dài trong tay, chém một nhát ngang mình lợn, con lợn bị chặt làm đôi, đầu với hai chân trước rời khỏi mình. Chém xong chàng lột bì lợn bỏ đi lấy thịt ăn sống.

Không thấy thần tích nhắc tới, sau này Lý Công bị chết ra sao, chỉ biết khi chết gặp giờ linh nên được dân làng Niệm Thượng thờ làm Thành hoàng.

Những cổ tục

Hội làng Niệm Thượng ngoài những lễ nghi thường lệ có những cổ tục nhắc lại kỷ niệm lúc sinh thời của Lý Thành hoàng.

Chém lợn

Trong hội làng Tích Sơn, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Yên (Vĩnh Phú), cũng có tục chém lợn chúng tôi đã nhắc qua, nhưng tục chém lợn ở làng Niệm Thượng khác hẳn tục chém lợn ở làng Tích Sơn. Con lợn hy sinh ở làng Niệm Thượng khi bị chém còn đang bị nhốt ở trong cũi, và ở đây một năm chém hai con lợn do hai giáp trong làng.

Tục này nhắc lại lúc Lý Công bị đói đã chém con lợn ở núi Nghè.

Nuôi lợn

Hai con lợn được nuôi từ tháng 7, tháng 8 âm lịch năm trước do hai người trong hai giáp được chỉ định. Lợn giống của hàng giáp nhưng người nuôi phải tốn công và phải giữ gìn cho sạch sẽ từ chuồng cho tới đồ ăn của lợn. Thường người nuôi cho lợn ăn cám nấu với rau muống, rau muống phải rửa sạch trước khi băm để hầm với cám, ngô hầu tránh mọi thứ dơ bẩn lẫn trong rau khả dĩ làm cho lợn sinh đau ốm.

Trước ngày hội một tháng, lợn được nuôi bằng cháo thay cho cám.

Lợn được chăm sóc cẩn thận và được cung kính gọi là Ông.

Rước lợn

Hội làng được bắt đầu sửa soạn vào ngày mùng 5 tháng Giêng. Hôm đó tại đình làng có lễ cáo thần linh và có tế gọi là cáo tế. Cáo tế xong, thừa lộc thánh, dân hai giáp cùng nhau ăn uống no say. Sau đó mỗi giáp đều

cử người đi rước lợn. Đây là những người đàn anh trong giáp thuộc ba bàn[1]. Đi rước lợn không phải đi bắt lợn với thòng lọng và thừng chảo như các ông đồ tế, trói gô lợn lại mang đi.

Rước lợn, các vị quan viên hàng giáp phải mang tới nhà nuôi lợn một chiếc cũi bên ngoài có phủ nhiễu điều. Chiếc cũi này mang đặt vào chuồng lợn, bỏ nhiễu phủ ngoài đi, rồi các quan viên hàng giáp phải khéo léo lừa cho "Ông" vào cũi. Ông đã vào cũi rồi, cửa cũi đóng lại, nhiễu điều lại phủ trở lại lên trên cũi. Mười hai vị quan viên cùng nhau khiêng cũi rước "Ông" ra đình, đặt "Ông" ngay ở nhà tiền tế, châu đầu vào bàn thờ. Tục rước Ông cử hành vào đêm mồng 5 tháng Giêng.

Sau đó, có lễ trình với thần linh sự hiện diện của hai "Ông" tại đình làng.

Chém lợn

Lễ chém hai "Ông" cử hành vào ngày mồng 6 tháng Giêng lúc buổi trưa.

Để dùng trong việc này, làng dành riêng hai con dao cho hai giáp. Hai con dao đánh bằng thép già thật sắc, quanh năm để thờ trong đình. Đây là loại dao dài có cán.

Lúc cử hành lễ chém hai Ông, nhiễu điều phủ trên hai chiếc cũi bỏ đi, và ở ngay đình trung có bắc một chiếc bếp lớn, trên bếp có nồi nước mắm đang sôi.

Một giáp cử một thanh niên khỏe mạnh trong việc chém ông. Hai thanh niên này lăm lăm cầm sẵn trong tay mỗi người một con dao thờ.

Dân hai giáp ngồi đứng hai bên mé bàn thờ trên sân đình để dự cuộc chém hai "Ông". Mấy quan viên mỗi giáp đứng ở ngay nhà tiền tế, có nhiệm vụ xua làm sao cho ông ở trong thò đầu ra ngoài cũi. Lập tức chàng trai đao phủ lúc đó hờm sẵn, hoa dao lên, hạ xuống một cái mạnh, một tiếng "phập" lập tức đầu "Ông" và hai cẳng trước đứt rời khỏi thân, lổ chém y hệt lúc sinh thời, trong cơn đói lòng ở núi Nghè, Lý Công đã

chém con lợn chạy qua. Lại phải lựa sao, khi chém như vậy mà không chạm vào lòng lợn mới đúng.

Ông của giáp này bị hạ trước, Ông của giáp kia bị hạ sau ngay liền đó.

Tưởng cũng cần nói thêm, trước khi cử hành lễ chém Ông phải có lễ khẩn đức Thành hoàng và hai thanh niên được cử vào nhiệm vụ đao phủ cũng phải lễ thần để tạ ơn vì đã được sung vào công việc hiểm hoi nhất niên nhất lệ này.

Lợn chém xong đem lột da, nhúng vào nồi nước mắm đang đun sôi đem dâng làm lễ tế thần...

Tế thần xong, các bô lão và các quan viên thừa hưởng lộc thánh tại đình, ngoài ra còn dùng làm phần chia cho dân hai giáp.

Dân làng cũng dùng một số thịt heo làm phần biếu quan viên bô lão làng Dương Ổ, nằm trên quốc lộ số 1, cách tỉnh lỵ Bắc Ninh chừng hai cây số về phía Hà Nội. Làng Dương Ổ, tục gọi là làng Ổ, có lệ giao hiếu với làng Niệm Thượng. Tương truyền rằng xưa kia Lý Công có một người yêu là bà chúa làng Dương Ổ.

Tắt đèn, đốt đuốc, đội xôi

Đây cũng là một cổ tục đặc biệt của làng Ném. Cổ tục này thể hiện vào đêm mồng 5 tháng Giêng, quãng tám chín giờ tối, nghĩa là sau bữa cơm chiều rất lâu. Chính ra đây là một cuộc thi thổi xôi giữa hai giáp. Thổi xôi ở ngay tại trong đình, hai giáp cử người đại diện phụ trách công việc này.

Gạo nếp dùng để thổi xôi là thứ nếp thơm, hạt to, miền Bắc gọi là nếp Cái. Gạo được lựa kỹ từng hạt, không còn một chút trấu thóc nào lẫn vào.

Lúc hai giáp thổi xôi, trong đình đèn nến sáng trưng và dân hai giáp bu quanh để chờ đợi kết quả. Hai giáp đều cố gắng thổi sao cho chỗ xôi của

mình xong trước.

Giáp nào xong trước, đổ xôi ra nong, rồi ra lệnh cho dân hàng giáp tắt hết cả đèn nến trong đình đi, khiến cho giáp kia không còn ánh sáng để tiếp tục nấu cỗ xôi của mình.

Đèn tắt xong, một người của giáp thắng cuộc đội nong xôi chạy quanh đình, có ý muốn cho dân làng biết giáp mình đã thổi cỗ xôi xong trước. Người đội nong xôi đi trước, có mấy người khác đốt đuốc chạy sau, và sau những người vác đuốc này có cả dân hàng giáp ồ ạt chạy theo để chia cái vinh dự thắng cuộc của giáp mình.

Làng có tặng giải cho giáp thắng cuộc.

Trong khi giáp thắng cuộc vui vẻ và kiêu hãnh đội nong xôi chạy quanh đình với ngọn đuốc rùng rục, thì trong đình lúc đó tối om. Những trai gái lúc trước đứng xem thổi xôi, lúc này nhân bóng tối, tha hồ họ muốn thi thố với nhau điều chi cũng được, và họ cũng chẳng cần chạy theo đám nước xôi, mặc dầu có thể họ là người trong giáp thắng cuộc.

Hội làng Niệm Thượng với các tục trên thật là vui, và bao giờ đêm ngày mừng 5 tháng Giêng đình làng cũng chật ních những người, nhất là những trai gái choai choai!

[1] Tổ chức hàng giáp gồm 5 bàn: bàn quan lão, bàn quan lệnh và ba bàn hạp thành một ban phụ giúp cho các ban lệnh.

Hội Văn Trưng

Với các cỗ tục:

Bắt chạch trong chum

Thi thuyên

Leo cầu phao

Đốt pháo thi v.v...

Làng Văn Trưng, tên nôm gọi là làng Dưng, và dân quanh vùng còn gọi là Chợ Dưng, nơi đây có ngôi chợ lớn, một tháng sáu phiên, dân chúng các làng lân cận kéo nhau tới họp chợ để bán các sản phẩm và mua các vật dụng thường ngày.

Làng Dưng thuộc phủ Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Yên (Vĩnh Phú), hàng năm mở hội vào ngày mồng 6 tháng Giêng, tức là vào ngày phiên chợ đầu năm.

Hội mở ngay tại khu đất chợ và có rất nhiều trò vui, những trò vui đã khiến dân chúng quanh đó không ai quên nổi ngày hội, và đã có câu ca dao:

Bỏ con bỏ cháu,

Không ai bỏ mồng sáu Chợ Dưng.

Lộ trình đến làng Dưng

Làng Văn Trưng cách phủ lý Vĩnh Tường hơn năm cây số và cách tỉnh lý Vĩnh Yên chừng mười lăm cây số. Muốn tới nơi đây người ta đi theo quốc lộ số 2 từ Hà Nội đi Tuyên Quang, Hà Giang, khi qua khỏi tỉnh lý Vĩnh Yên chừng mười cây số, con đường liên tỉnh Vĩnh Yên đi Sơn Tây ở đây, du khách sẽ rẽ tay trái và sẽ đi vào khoảng bốn cây số thì tới Văn Trưng. Đình làng Văn Trưng nằm ngay ven đường và phía tay trái, trên nền đất cao trông thẳng ra một chiếc đầm rộng, nước trong xanh. Đây là đầm Dưng, một nguồn lợi của dân chúng làng Dưng.

Thần tích

Vì chưa có dịp tìm hiểu kỹ càng, nên không đầy đủ tài liệu để trình bày. Rất mong được sự chỉ giáo của các bậc hiểu biết.

Những cổ tục

Trò vui tại hội Văn Trưng có rất nhiều và rất thú vị. Chính những trò vui này đã lôi kéo được khách thập phương, những trò vui này hầu hết là những tục lạ: BẮT CHẠCH TRONG CHUM, LEO CẦU PHAO, ĐỐT PHÁO THI, CỜ BÓI, và đáng kể hơn cả là THI BƠI THUYỀN trên Đầm Dưng.

Những trò vui cổ truyền trên, sau này cho đến trước năm 1945, khi dân làng mở hội còn tổ chức thêm cả những trò vui mới có tính cách thể thao: Thi Xe đạp, Thi Chạy, nhưng ở đây chúng tôi chỉ xin nói tới những trò vui cổ truyền.

Bắt chạch trong chum

Bên phía trái trước đình làng có một cây đa cổ thụ. Nhân ngày hội, dân làng bày dưới bóng cây đa một hàng chum[1] ít nhất cũng năm cái, mỗi chiếc chum đựng đến hai phần ba nước, trong mỗi chiếc chum có thả một con chạch[2].

Cuộc vui có những cặp trai gái vừa ôm nhau vừa thi bắt con chạch trong những chum này.

Leo cầu phao

Cầu phao bắc bằng một cây tre, một đầu dựa vào đất, còn đầu kia, ngọn tre, sà trên mặt nước, buộc lưng lẳng vào một chiếc dây, chiếc dây này được buộc treo vào một chỗ giao nhau của hai thân cây tre khác, ngăn hơn cây tre làm cầu, chống dưới nước chụm đầu vào nhau. Tại nơi giao điểm của hai thân tre có buộc những giải thưởng gồm những khăn hoa xinh đẹp, những vuông nhiều điều tươi thắm, những bao trà, có khi là tiền.

Người leo cầu phao phải đi từ đầu cầu dựa trên đất, đi trên cây tre cho tới chỗ treo giải thưởng, phải đi một mạch không được ngã xuống nước, ngã xuống nước phải lội vào bờ đi lại. Leo cầu phao được tổ chức ngay bên bờ đầm Dưng trước cửa đình để các bô lão và các quan viên trong làng chứng kiến.

Leo cầu phao tưởng chừng như dễ mà rất khó, thường hội đồng làng kén cây tre dài làm cầu. Bước đi của người dự cuộc làm rung mạnh cây tre, và cây tre rung mạnh đã hất họ ngã xuống nước, họ không bầu vúi vào đâu, họ chỉ lấy thăng bằng do bản thân họ. Những người bắt đầu cuộc vui còn đi được khá xa trên thân cây tre, những người sau đi khó khăn hơn, cây tre bị nước do người đã ngã làm bắn lên, trơn như bôi mỡ. Người leo cầu phao bước rập rình rồi ngã ùm xuống nước đã làm trò cười cho khách xem hội đứng ở trên bờ và do chính họ cũng tự thấy vui vui, họ lội nước trở vào bờ leo lại.

Trong lúc leo cầu phao, họ mình trần trụi, chỉ đóng một chiếc khố màu xanh, đỏ, nâu, tím, tùy người. Có lắm người trông khỏe mạnh như những lực sĩ. Các chàng trai làng leo cầu phao thường được khuyến khích bởi các cô gái làng cười chúm chím ở trên bờ!

Đốt phao thi

Ngày Tết mừng Xuân người ta đốt pháo, trong những ngày hội Xuân dân tộc, để hội được thêm phần nhộn nhịp tưng bừng, dân các làng quê đều có đốt pháo, nhất là trong những đám rước thần, sau những buổi tế thần hoặc trong những cuộc vui có giải, để mừng người được giải, người ta đều đặt một bánh pháo.

Tại chợ Dưng, ngày Tết, ngày Xuân pháo đã nổ nhiều và cả trong ngày hội, cũng xác pháo đỏ, khói pháo thơm với tiếng pháo ran ran được dân làng đốt mừng khi rước, khi tế cũng như khi khuyến khích các người dự thi trong các cuộc vui.

Đặc biệt hơn ở hội này có tục thi pháo. Pháo do dân làng làm lấy theo những phương pháp cổ truyền, hoặc do dân làng đặt làm ở những làng có nghề làm pháo. Đúng ra, pháo dự thi phải là pháo dân làng tự làm lấy, nhưng cũng khó ai có thể kiểm soát được pháo này do dân làng làm, pháo nào thuê đặt làm tại những làng làm pháo chuyên môn. Trước kia thỉnh thoảng còn có người khiếu nại về xuất xứ của pháo nhưng về sau cũng chẳng ai kêu ca, và ban hội đồng cho rằng, pháo nào cũng là pháo,

Chỉ cốt làm sao pháo nổ đều, kêu và xác pháo toàn hồng để mang sự thịnh vượng lại cho dân làng là được, nhất là từ ngày người Pháp đặt ra luật lệ về nghề làm pháo, cấm dân chúng tự làm pháo, dân làng dự thi đốt pháo đều dùng pháo mua ở thị trường hoặc đặt làm trước tại xưởng pháo.

Tiêu chuẩn cuộc thi đốt pháo được đặt ra:

Pháo phải nổ đều, ít quả tịt ngòi.

Pháo phải tan xác khi nổ tung xác pháo cho cao và tỏa xác cho rộng.

Tiếng pháo nghe ròn ran ran, không phải là tiếng nổ cụt cốn cụt cằn, nếu là thi pháo một.

Về pháo tràng, các tràng pháo thi dài đều nhau, giữa những tràng pháo nếu có pháo đùng, số pháo đùng cũng phải đều nhau.

Thường pháo tràng thi không có pháo đùng, ban hội đồng cho rằng tiếng nổ của pháo đùng làm bắn xa thêm xác pháo, đồng thời có thể làm mất đi những quả tịt ngòi.

Trước giờ thi, những tràng pháo dài đều nhau được treo ở hiên đình, tràng nọ cách xa tràng kia đủ để giữ cho khi pháo tràng này nổ, không bắn tia lửa vào ngòi một tràng pháo khác khiến cho tràng pháo này nổ theo.

Lúc thi, lần lượt từng tràng pháo một được đốt lên. Một tràng pháo nổ hết, ban hội đồng cho kiểm lại số pháo tịt ngòi rớt xuống mặt đất và ước lượng vùng rộng xác pháo đã tung tỏa ra.

Công việc ước lượng và kiểm soát số pháo tịt ngòi xong, tràng pháo khác mới đốt tiếp.

Tất cả những tràng pháo đã đốt hết, ban hội đồng mới định giải. Trước hết những tràng pháo nào không toàn hồng bị loại, rồi đến các tràng pháo nhiều quả tịt ngòi. Chỉ còn lại sau cùng ba tràng pháo nổ đều nhất, số

pháo tịt ngòi rất ít. Lúc này hội đồng mới xét tới tràng pháo nào lúc nổ đã tung xác pháo cao và tỏa rộng hơn để định thứ bậc. Có những năm có những tràng pháo nổ đều, ít pháo tịt, nhưng khi nổ pháo không tan xác, chỉ bật đầu, vỡ bụng hoặc chỉ nổ một nửa xác pháo, trường hợp này cũng bị loại.

Đây là thi pháo tràng, còn thi pháo một, người dự thi phải tự đốt pháo, pháo cầm nơi tay, đốt xong tung lên cao.

Quả pháo nào lên cao mới nổ, xác pháo bay phấp phới như đàn bướm bướm rớt là xuống đất, tiếng nổ nghe ròn ran ran đều được chú ý và có hi vọng ăn giải. Có những quả pháo, người đốt pháo ném chưa khỏi đầu đã nổ, hoặc có khi nổ ngay trong tay người đốt pháo làm đen nhám cả bàn tay. Quả pháo này lẽ tất nhiên bị loại cũng như những quả pháo khi tung lên cao không nổ chỉ nổ khi rớt trở lại xuống đất hoặc gần tới đất. Cũng bị loại những quả pháo nào nổ không tan xác.

Cuộc thi đốt pháo rất vui, nhưng vui hơn là cái không khí sau cuộc thi này.

Những quả pháo không nổ vì tịt ngòi, hoặc cháy tới đầu pháo thì tắt, hoặc tắt giữa lúc đang cháy dở dang, được ban hội đồng thu thập trước khi định giải, nay đem phát cho trẻ em trong làng để chúng đốt cho vui. Đốt những pháo này chúng ném nhau và khi đốt hết, chúng mua thêm pháo mới, gỡ ra để ném nhau. Lúc đầu chúng ném nhau, sau dần dà chúng ném các thiếu nữ đi xem hội, người làng hoặc các làng lân cận, các cô bị trẻ em ném pháo vừa chạy vừa cười rức rích. Có những cô tinh nghịch mua pháo ném trả lại.

Trò chơi lúc đầu của trẻ em, thanh niên trong làng, và cả thanh niên làng khác tới xem hội, thấy thú thú cũng mua pháo đốt ném nhau, nhất là ném các cô thiếu nữ trong đám hội. Các cô chạy, các chàng đuổi, và cũng nhiều cô không chịu kém, mua pháo đốt ném lại. Không khí đám hội thật vui vẻ trẻ trung.

Một năm xảy ra như vậy, những năm sau lại tái diễn, lâu lâu thành lệ, ban hội đồng trong làng thấy cũng hay hay, đã không cấm đoán còn khuyến khích cho trai gái đốt pháo ném nhau.

Chẳng ai bảo ai, tự nhiên ngày hội, người các xã lân cận hẹn hò nhau tới đó mua pháo đốt chơi, ở đây câu ca dao:

Thừa tiền mua pháo đốt chơi,

Pháo nổ lên trời tiền vớt xuống sông!

đã không mấy đúng!

Thanh nam, thiếu nữ vui xuân đốt pháo ném nhau, đã khiến có cả những bà nạ dòng mong mỗi được người ta đốt pháo ném mình! Nhưng:

Thừa tiền ném pháo nạ dòng,[3]

Đem tiền mà vớt xuống sông cho rồi!

Bơi thuyền

Đình làng Văn Trưng thiết lập trên một mô đất cao, trông thẳng ra đầm làng, tục gọi là đầm Dưng. Theo phong thủy, tục bảo đấy là trán rồng. Hai bên đình có hai chiếc ao nhỏ, hai mắt rồng. Trước cửa đình có một sân gạch, nơi ban hội đồng làng ngồi dự các cuộc vui, nhất là cuộc thi bơi thuyền trên đầm Dưng.

Đầm Dưng tương truyền là thân rồng uốn khúc và chính giữa đầm là hàm ngọc rồng.

Hàng năm, khi có cuộc thi thuyền, ở giữa đầm, nơi được coi là hàm rồng có cắm một cây tre làm đích cho cuộc thi. Những chiếc thuyền dự thi là những chiếc thuyền bằng ván, dài chừng năm sáu thước. Trên mỗi chiếc thuyền có sáu người ngồi cùng bơi thuyền. Bơi thuyền trong cuộc thi này không ai dùng bơi chèo, mỗi người dự bơi được sử dụng hai tay hai chiếc đĩa phở, bơi thuyền bằng những đĩa này. Họ có lối cầm đĩa để bơi

mạnh và mau: bốn ngón tay nhỏ để lên trên đĩa, ngón tay cái giữ trong lòng đĩa. Khi bơi bàn tay phải úp xuống, như vậy bơi đã nhẹ, thuyền lại đi nhanh. Muốn dự bơi những tuyển thủ đều có luyện tập trước.

Những thuyền thi đều của dân làng, được sắp hàng một dãy ngay bờ đầm mé trước đình.

Trước cuộc thi, ban hội đồng rút thăm để từng đội lấy thuyền, mỗi chiếc thuyền mang một số, đội nào rút trúng chiếc thuyền nào sẽ bơi bằng chiếc thuyền đó.

Sau cuộc rút thăm, các đội đua đến ban hội đồng lĩnh đĩa và số thuyền.

Để được gọn gàng trong lúc bơi, các tuyển thủ đều cởi hết quần áo, mỗi người chỉ còn bận một chiếc khố màu, thường một đội sáu người cùng bận khố một màu.

Các tuyển thủ bước xuống thuyền, cùng xếp hàng thuyền theo chữ nhất để chờ lệnh bắt đầu cuộc bơi qua một hồi trống.

Trong lúc ấy trên bờ đông nghẹt khách xem hội, người làng và người thiên hạ. Có người thuê thuyền riêng bơi ra giữa đầm để dự khán cuộc đua cho tường tận.

Một hồi trống ngũ liên nổi lên, điểm thêm ba tiếng sau cùng, đó là hiệu lệnh để cuộc đua bắt đầu.

Tiếng trống dứt, những chiếc thuyền chen nhau vùn vụt đi như những mũi tên lao thẳng trên mặt đầm. Có những thuyền tranh nhau, lấn nhau. Có nhiều tay đua bị ngã xuống đầm, nhưng không sao, không bao giờ xảy ra tai nạn. Sự tổ chức của dân làng rất chu đáo, chính những người dự bơi đều là những tay bơi lợi có hạng!

Mọi chiếc thuyền đều nhắm đích, cây tre cắm ở giữa đầm; thuyền nào tới đích trước, nhổ lấy cây tre đó, mang về đình lĩnh thưởng.

Cũng có năm, ban hội đồng không cho phép được nhổ cây tre. Thuyền nào cũng phải đi vòng cây tre từ trái qua phải, quay trở lại đình. Thuyền nào về tới đình trước được sắp hạng trên, và sẽ tùy theo hạng được giải thưởng.

Những chiếc thuyền tằm tấp ra đi, vài chiếc thuyền đụng nhau, có người rớt xuống nước, nhưng những người còn lại trên thuyền không bỏ cuộc, họ cứ đều tay bơi tiếp. Theo nhịp tay của họ, đoàn thuyền sau trước phăng phăng rẽ nước ra đi. Những đầu người cúi xuống ngẩng lên theo đà tay, nhấp nhô khiến cả đoàn thuyền trông giống như một con rồng lượn.

Bơi thuyền cần phải có lối bơi đồng đội, đều tay đều nhịp, thuyền sẽ đi nhanh.

Trên bờ, khách xem hội hò reo khuyến khích.

Hội chợ Dưng bao giờ cũng vui với những cỗ tục trên, lại thêm vào những trò vui mới. Vui, vui đến độ

Bỏ con, bỏ cháu,

Không ai bỏ mồng sáu chợ Dưng!

[1] Một loại lu đựng nước miệng thắt nhỏ lại

[2] Miền Nam gọi là cá chạch

[3] Gái già, luống tuổi

Hội Vạn Niên với cỗ tục: Tung hệ

Làng Vạn Niên thuộc huyện Nam Sách tỉnh Hải Dương (Hải Hưng).
Hàng năm làng mở hội vào cuối tháng Giêng.

Thần tích

Thành hoàng làng này là một tà thần dân chúng gọi là ông THẦN NHÒM. Lúc sinh thời, ông thần vốn là một tay ăn trộm. Một đêm đi ăn trộm về, buổi ăn trộm rất thành công, ông ta lấy được rất nhiều đồ đạc. Lúc trở về trời đã gần sáng; ông ta mang đồ đạc đã ăn trộm được đi vừa đến gốc đa bên một lạch nước ở đầu làng thì thấy bóng người đi làm đồng đang xa tiến tới. Ông ta vội vàng bao nhiêu đồ đạc đều đem giấu xuống dưới lạch nước, rồi trèo lên cây đa, nằm trong lùm lá ngủ một giấc tới buổi chiều. Thức giấc, ông ta nhìn xuống lạch nước, vừa nhắm lúc trên trời có mây đen, không thấy đồ đạc mình đã giấu. Ông ta cố giương mắt nhìn theo tầm dưới nước. Nào ngờ mãi nhìn quá, ông ta ngã xuống lạch nước chết đuối. Chết gặp giờ linh, ông ta được dân làng thờ làm Thành hoàng.

Ngày hội

Hội làng mở vào cuối tháng Giêng mỗi năm. Hội có rước xách tế lễ, các quan viên cùng nhau họp ở đình ăn uống như tất cả các hội quê khác. Nhân dịp hội, dân làng thường nhắc lại sự tích ông thần Nhom.

Tung hệ

Đặc biệt nhất của ngày hội là tục TUNG HỆ. Tục này được cử hành một cách rất ồn ào và rất vui. Một ông già được dân làng cử làm tướng, còn các hàng con trai từ mười tám tới hai mươi, dân làng cắt làm quân.

Nhân ngày hội, dân làng chọn giờ tốt cho người vào xông đình đốt pháo. Sau đó dân làng cũng đốt pháo rất nhiều... Giữa những tràng pháo liên tiếp, ông tướng đánh trống đi vào đình rồi lại đi ra, đi ra rồi lại đi vào.

Ông tướng đi trước quân đi theo sau. Quân tướng cứ dặt nhau vào đình rồi lại dặt nhau ra, đi như vậy cho đến khi ngớt tiếng pháo.

Tôi được một người làng Vạn Niên[1] cho biết:

Quân tướng kéo vào đình lại kéo ra như vậy cốt để đuổi tà ma trùng quỷ có thể gây dịch lệ cho dân làng. Tiếng pháo tượng trưng cho tiếng súng tiến quân. Ngoài ra, đây cũng là một cách biểu diễn các uy thế của vị thần, có quân tướng bảo vệ, khiến các tà thần khác sợ không dám xâm phạm tới Ngài.

Ngoài ra tục này cũng còn có mục đích khuyến khích tinh thần thượng võ của dân làng, để mỗi khi giặc giã, dân làng sẽ can đảm tòng quân diệt địch.

Khi tiếng pháo dứt, ông tướng hợp ba quân tại sân đình, cùng nhau vào lễ thần. Lễ tất thì cuộc tung hệ cũng hết.

Dẫu rằng giữa ông thần Nhòm và tục Tung hệ không có liên hệ gì, nhưng dân làng Vạn Niên vẫn lấy tục tung hệ để lễ ông Thần Nhòm trong ngày hội hàng năm.

[1] Ông Lê Văn Ty, năm 1963 là nhân viên Tổng Nha Thuế vụ Sài Gòn.

Hội Lim với cổ tục hát quan họ

Hàng năm ngày 13 tháng Giêng, các bậc tài tử cổ đô Thăng Long rủ nhau người người lớp lớp đi xem hội Lim, để nghe các trai gái đồng quê cùng nhau say đắm trong điệu hát quan họ.

Hội Lim tổ chức trên đồi Lim, tên chữ là Hồng Vân Sơn. Đây là một ngọn đồi thuộc địa phận ba xã Duệ Đông, Lũng Sơn và Lũng Giang, huyện Tiên Du tỉnh Bắc Ninh (Hà Bắc), ở ngay gần quốc lộ số 1 từ Hà Nội đi Lạng Sơn, cách ga xe lửa, ga Lim, chừng hơn một cây số.

Từ Hà Nội tới đồi Lim, quãng đường xa 25 cây số, sở dĩ gọi là đồi Lim vì xưa kia trên đồi này mọc toàn cây lim, một thứ gỗ rắn chắc. Ngày nay rừng lim không còn, đồi thông mọc với đá và đất núi sắc đỏ như sơn, thỉnh thoảng xen vào mấy nương sắn và mấy sơn trang. Dưới chân núi, thuộc địa phận xã Lũng Giang, sát bên lề đường quan lộ là chợ Lim với những lều gianh mái lá. Cửa chợ có một cây đa cổ thụ to lớn, bóng vùng rợp rất xa, các làng lân cận gọi là cây đa Lim. Gốc cây đa có quán ngói gọi là cầu Lim.

Trên núi có Hồng Vân tự. Đây là một ngôi chùa cổ quy mô rộng rãi với một quả chuông lớn đúc từ đời Cảnh Hưng. Chùa này dân quanh vùng gọi là chùa Lim.

Phía bên trái Hồng Vân tự là văn chỉ xã Lũng Giang. Văn chỉ xây lớn với bệ gạch rêu phong. Văn chỉ thờ đức Khổng tử và các tiên hiền tổng Nội Duệ, huyện Tiên Du. Cách chùa không xa, về phía tay mặt, có một ngôi lăng tường đá ong kiên cố, trước lăng là một tấm bia lớn đứng sừng sững khiến khách xem hội Lim không ai bỏ qua được. Trong lăng có đủ voi, ngựa, nghê, ngỗng cùng sập đá, ngai đá thật trang nghiêm.

Đây là lăng ngài Hiếu Trung Hầu, tên húy là Diễn, làm quan dưới triều vua Lê Cảnh Hưng. Xuất thân hoạn quan, ngài đã được thăng đến chức Thanh Hoa trấn đốc đồng. Dân chúng quanh vùng quen gọi lăng ngài là lăng quan Trấn.

Hiếu Trung Hầu không có con. Khi gần chết ngài bầu hậu hàng tổng và làm đình cho mấy xã. Để ghi nhớ công ơn ngài, hàng năm đến ngày 13 tháng Giêng âm lịch dân tổng Nội Duệ mở hội rất to tại lăng ngài. Ngày hội được gọi là ngày Hội Lim.

Hội kéo linh đình với cờ xí phấp phới, với rước xách tế lễ. Dân tổng Nội Duệ kéo nhau tới lễ lăng Hiếu Trung Hầu, tới lễ Hồng Vân tự để cầu nguyện được một năm may mắn.

Trong ngày hội có cờ bơi, và tại chùa có kể hạnh do các bà vải tụng lên công đức của chư Phật để khuyến thiện.

Ngoài ra còn có những trò chơi cờ bạc như đáo đĩa, tổ tôm điếm rất được dân chúng ham mê.

Đáng kể và đặc biệt nhất ở hội Lim là tục HÁT QUAN HỌ.

Hát quan họ

Tương truyền rằng hát quan họ là một lối hát do Hiếu Trung Hầu đặt ra để mua vui lúc tuổi già.

Đây là một lối hát đối đáp giữa hai bên trai gái. Qua những câu hát các cô, các cậu khen ngợi nhau, tỏ tình với nhau. Lời hát đôi khi thật văn chương bóng bẩy, đôi khi thật thắm thiết nồng nàn.

Hát quan họ phải hát giọng đôi, hai người chầu miệng vào nhau cùng hát, hai giọng quyện với nhau, tiếng ngân vang, vang vút, tiếng trầm êm ái như ru!

Hát quan họ có nhiều giọng, nhưng có ba giọng chính, nam nữ thanh niên thường dùng cùng nhau đối đáp trong những ngày hội để trao tình.

Ba giọng đó là:

Giọng Sổng, dùng để dạo giọng lúc bắt đầu hát. Giọng Sổng tiếng ngân vút cao nghe đầm ấm nồng nàn. Đây là giai đoạn đôi bên trai gái dò xét ướm hỏi lòng nhau:

Hôm nay tứ hải giao tình,

Tuy trong bốn bể như sinh một nhà.

Số anh phải lấy vợ xa,

Số em không lấy chồng nhà được đâu.

Đã trót yêu nhau lấy nhau cho được,

Bõ lòng này rày ước mai ao?

Trên đây là một câu hát giọng Sông. Lúc hát lên có những khúc đệm i á, ý a hoặc những tiếng được láy đi láy lại để câu hát ăn với âm thanh và âm thanh ăn với giọng hát.

Những câu hát giọng Sông, có thể dùng cho bên nam hay bên nữ cũng được, chỉ cần lúc hát lên đổi một vài chữ trong câu hát cho hợp với người hát.

Giọng Vặt: Sau khi đôi bên dạo giọng bằng một vài câu hát Sông là những câu hát giọng Vặt để đôi bên gắn bó. Nếu giọng Sông chỉ có một giọng thì giọng Vặt lại gồm rất nhiều giọng, giọng cao, giọng thấp, giọng dài, giọng ngắn, giọng buồn, giọng vui. Gọi là giọng Vặt vì những giọng hát này như vụn vặt, không đồng nhất như giọng Sông. Có khi giọng hát bắt chước tiếng đàn với những lời đệm tình tang tang tính, có khi giọng hát bắt chước tiếng chim nghe êm ái trẻ trung, có khi lại bắt chước tiếng giun để nghe buồn rầu ảo não.

Những câu hát giọng Vặt thường có hai câu đi đôi để đối nhau, bên nọ hát lên bên kia đáp lại, dù bên hát trước là nam hay nữ. Cũng như những câu hát giọng Sông, mỗi câu hát đều có thể dùng được cả cho đôi bên nam nữ, chỉ cần thay đổi một đôi chữ cho hợp với người hát.

Dưới đây là mấy câu hát giọng Vặt đối nhau:

Ngồi tựa vườn đào,

Thấy người thực nữ ra vào lòng những vấn vương.

Gió lạnh đêm trường,

Nửa chăn để đó, nửa giường để đó chờ ai.

So chữ sắc tài,

Có công gắn bó ai người phụ nghĩa quên công.

Nên chẳng đẩy vợ đây chồng.

Ngồi tựa vườn đào,

Thấy người bạn ngọc ra vào lòng những vẫn chờ.

Tháng đợi năm chờ,

Yêu nhau chớ để hững hờ với khách tài hoa.

Khấn nguyện trăng già,

Duyên tơ xe lại một nhà đầm ấm yên vui.

Nguyệt lặn sao dời,

Bõ công gắn bó, bỏ lời gắn bó giao loan.

Nên chẵng tình Tấn duyên Tần.

Hai câu hát Vặt trên là hai câu hát bao giờ cũng được trai gái quan họ hát tới, có đôi khi thay đổi một vài khúc. Cũng có khi thay vì câu hát tả tình trên, trai gái quan họ, cũng theo giọng hai câu trên, hát với nhau những câu tả cảnh:

Ngồi tựa mạn thuyền,

Trăng in mặt nước càng nhìn non nước càng xinh.

Phong cảnh hữu tình,

Thơ ngâm ngoài lái, rượu bình giải trí trong khoang.

Tay lựa cung đàn,

Tiếng cao réo rắt, tiếng trầm năn nỉ thiết tha.

Tai nghe vắng vắng đường xa.

Dưới đây xin thêm hai câu hát giọng Vặt khác đối nhau:

Con chim bồ câu,
Nó liệng thấp nó lại liệng cao,
Liệng qua cửa phủ, liệng vào trong dinh
Ngọn đèn khơi ngọn tam tinh
Khơi lên cho tỏ ta nhìn mặt nhau
Nhìn người chẳng dám nhìn lâu,
Nhìn qua thấy mặt chịu sâu thiết tha!
Nào lời tôi dặn hôm qua?

Có nhớ những lời tôi dặn hôm qua
Con chim bồ câu,
Nó liệng thấp nó lại liệng cao,
Liệng qua cửa phủ liệng vào trong kho.
Ngọn đèn chịu gió phất phơ
Nào lời tôi hẹn bây giờ là đâu?
Khơi đèn nhìn mặt thêm sâu,
Khơi đèn nhìn mặt thêm đau tấc lòng!
Phụ tình ao ước chờ mong
Trách ai đã phụ tình ao ước chờ mong!

Như trên đã nói câu hát giọng Việt rất nhiều. Có cả giọng ngâm thơ.
Những bài thơ thường do các cụ có văn học đặt sẵn cho. Xin chép ra đây

một bài làm thí dụ. Cũng như nhiều câu hát quan họ khác, bài thơ dùng để hát cũng chỉ nói đến tình yêu của trai gái:

Biết chăng, chăng biết hồi tri âm,

Vấn vít con tơ vận ruột tằm.

Khắc khoải sầu tuôn lòng tựa bể,

Bồi hồi dạ nhớ tháng như năm.

Chăn loan bên đắp bên chờ đợi,

Chiếu nguyệt nửa năm nửa biếng thắm.

Một khúc tình thư đưa nhận gửi,

Thấu tình chăng hồi bạn tri âm.

Giọng Bỉ: Trai gái quan họ đạo giọng bằng giọng Sông, gắn bó với nhau bằng giọng Vật, và để chia tay nhau họ dùng giọng Bỉ, có người gọi là giọng Vì.

Giọng Bỉ ngân dài, nói lên được sự chua xót của phân ly, sự luyến tiếc của ngày mau tàn.

Thường những câu hát giọng Bỉ, cũng như phần lớn các câu hát khác của quan họ, đều là những câu lục bát, hoặc song thất lục bát. Có câu lấy ở Kiều ra, có câu là những câu ca dao rất phổ biến.

Bây giờ giáp mặt đình ninh,

Xa xôi ai có thấu tình chăng ai?

Hay là người đã nghe ai,

Thả chông đường nghĩa ráp gai nối tình?

Nội dung câu hát thường là lời căn dặn nhau, bảo nhau giữ lấy những lời hẹn ước đừng vì khuất mặt xa lời mà quên nhau.

Tuy ba giọng hát là ba thời kỳ của buổi hát: gặp gỡ, gắn bó và giã từ, nhưng nhiều khi hát sang giọng Bỉ rồi, có những đám quan họ lại trở lại hát giọng Vật như cố níu lấy sự lưu luyến của trai gái đang tuổi yêu đương. Giọng Vật một đôi câu, rồi vì ngày hội đã tàn, đêm đã xuống, họ lại chuyển sang giọng Bỉ để từ biệt và hẹn hò nhau đến một đám hội khác trong vùng và một ngày mai sắp tới.

Năm giọng trên

Thường gặp nhau trong ngày hội trai gái quan họ chỉ bắt qua ba giọng Sông, Vật và Bỉ, nhưng ngoài ba giọng phổ thông trên, quan họ còn có năm giọng nữa, là năm giọng Trên. Năm giọng này khó hát vì tiếng hát phải xuất phát từ bề sâu trong cuống họng. Năm giọng Trên này chỉ dùng tới khi hát giải. Năm giọng này mang những tên rất lạ:

1. Lên núi: Giọng hát khi hát lên, người nghe có cảm giác như thấy một đoàn người reo hò cùng nhau leo núi. Câu hát lối thứ tự. Rất tiếc kẻ viết bài này lâu ngày không còn nhớ được câu nào.
2. Đường bạn: Giọng gắn bó keo sơn với những lời hát rất tình tứ.
3. Xuống sông: Cũng như giọng lên núi, khi hát lên người nghe có cảm giác như một đoàn người đang bước xuống kín nước ở dòng sông.
4. Hừ la: Tên thật kỳ khôi với những bài hát giọng kéo dài đặc biệt.
5. Tình tang: Cũng như giọng hừ la, lúc hát câu hát được đệm bằng những tiếng tình tang.

Năm giọng trên của quan họ chỉ người lão luyện mới hát nổi, vừa tốn hơi tốn sức, lại phải diễn tả cho đúng điệu của mỗi giọng.

Nguồn gốc tục hát quan họ

Như trên đã nói, theo tương truyền thì tục hát quan họ do Hiếu Trung Hầu đặt ra để mua vui lúc tuổi già. Vốn là một hoạn quan, không có con cái, hầu đã phó thác sự cúng giỗ của mình sau khi nhắm mắt cho dân chúng tổng Nội Duệ, nhưng trong tuổi già sống không con trơ trọi, ngày tháng nặng nề hầu tìm cái vui trống cái vui của đàn trẻ trong thôn xã, trong hàng tổng.

Dựa theo lối hát ví của vùng Kinh Bắc tức là tỉnh Bắc Ninh (Hà Bắc), Hầu đặt ra lối hát quan họ này để cho trai gái hát với nhau trong những buổi gặp gỡ. Hầu dùng lối hát quan họ thay cho hát ví, hát ví bao giờ cũng chỉ có một giọng đều đều, kém linh động, kém tình tiết, kém cả nồng nàn trong lối diễn tả. Vốn đã được hầu hạ nhà vua trong cung cấm, Hầu căn cứ vào những điệu nhạc khi vui khi buồn khi đằm ấm khi dẫn dỗi để đặt ra những giọng hát quan họ, diễn tả cho đúng tình cảm từ lúc trai gái mới gặp nhau, qua thời kỳ gắn bó cho tới khi từ giã tượng trưng bởi ba giọng chính: Sồng, Vặt và Bỉ:

Lúc mới sơ khởi, Hầu có ban nhạc hòa theo các giọng hát, nhưng về sau trong thôn quê, không phải lúc nào cũng sẵn nhạc, nên dân chúng gặp gỡ nhau là hát theo những điệu giọng Hầu đã đặt ra. Thay vì nhạc, họ hát giọng đôi để tránh sự trơ trẽn của đơn ca, để người có giọng ấm có thể dìu dắt người còn non giọng. Hát quan họ lúc đầu chỉ có tại mấy xã thuộc tổng Nội Duệ như Lũng Giang, Lũng Sơn v.v... nhưng dần dần dân chúng vùng lân cận thấy hay đều cùng nhau tập hát. Cho tới thời tiền chiến, tục hát quan họ này lan suốt nhiều xã thuộc hai huyện Tiên Du và Võ Giàng tỉnh Bắc Ninh, và còn lan tràn sang một số các xã tỉnh Bắc Giang ở bên kia sông Cầu như Mật Ninh, Nội Ninh...

Múa quan họ

Chính ra, trai gái quan họ có thể hát với nhau quanh năm bất cứ lúc nào, nhưng đời sống nông dân, bận lam lũ làm ăn, nên quanh năm nếu có hát quan họ cũng chỉ có hát lẻ tẻ mà hát như vậy, lối hát ví thích hợp với đồng quê hơn. Bởi vậy, quan họ chỉ được hát trong những dịp lễ bái quan trọng, hoặc những dịp khao cưới ở các tư gia.

Mùa xuân là mùa hội hè lễ bái, dân quê nhân vụ chiêm vừa cấy xong, vụ gặt chưa tới, làng làng đua nhau mở hội và nam nữ thanh niên họp nhau thành từng bọn rủ nhau đi hội để hát quan họ. Mùa quan họ tới với mùa xuân tương xứng, tới với lòng hân hoan của những chàng trai quê cũng như những cô thôn nữ nụ cười nhí nhảnh, yếm thắm thắt lưng điều.

Bắt đầu ngay từ mồng 4 tháng Giêng âm lịch, sau ba ngày lễ Tết mừng xuân, làng Hữu Chấp, tục gọi là làng Chấp ở huyện Vô Giàng đã mở hội, và các trai gái quan họ từ các làng khác đã cùng nhau kéo tới đây để gặp gỡ và hát với nhau.

Họ tới hội vào lúc quá trưa, và họ hát cùng nhau cho tới tan hội. Trên đường về làng Chấp ven sông Cầu, lúc trở về họ vẫn tiếp tục hát, nam xướng nữ đối cho tới khi về tới làng họ. Có nhiều trường hợp, họ còn mời nhau về làng hát đêm và sự mời mọc hát đêm, có khi bạn trai mời bạn gái, có khi bạn gái mời bạn trai, đã được phụ huynh, theo tục lệ chấp nhận.

Nếu không mời nhau hát đêm, lúc chia tay nhau họ cũng hẹn hò nhau để ngày hôm sau lại gặp nhau, ở hội Ó, tức là hội làng Dương Ổ. Hội làng Dương Ổ tan, mồng 6 họ đến hội làng Khả Lễ và ngày mồng 7 họ kéo nhau tới hát ở hội làng Đống Cao, mồng 8, họ đi hội Trọi tức là làng Trà Xuyên, mồng 9, họ kéo nhau tới hội Chùa Cao làng Thị Cầu, ngày 11 và ngày 12 hội làng Xuân Ái. Ngày 13 tháng Giêng họ đi hội Lim, ngày 14, 15 họ dắt nhau đi các hội khác và cứ như thế cho tới hết tháng Xuân, thỉnh thoảng mới có ngày họ nghỉ vì không có hội.

Ngày 18 tháng Giêng, hội làng Thanh Sơn.

Ngày 20 tháng Giêng, hội chùa Điều, làng Thị Cầu.

Ba ngày 21, 22, 23 là hội ở làng Diêm Xá, tục gọi là làng Diêm.

Ngày 28 tháng Giêng, hội ở Đào Thôn.

Ngày mồng 2 tháng Hai, hội ở Linh Quang.

Và còn nhiều hội lắm, suốt tháng Giêng, tháng Hai là những tháng hội hè và cho tới tháng Ba, hội hè còn lác đác. Rất tiếc lâu ngày, kẻ viết bài này không nhớ hết.

Mùa xuân là mùa của hội hè. Mùa hội hè là mùa quan họ.

Tại sao lại gọi là hát quan họ

Tại sao giọng hát này lại gọi là quan họ? Về điểm này, trước đây đã nhiều người giải thích. Mọi người đều cho rằng vì sự kính trọng bọn người cùng hát với mình nên dùng tiếng quan để xưng hô, còn họ tức là ý nói một bọn đông. Quan họ là một bọn nhiều người được sự tôn trọng của những người khác. Hát quan họ tức là lối hát của những người này.

Tôi đã được dịp hỏi người dân Lũng Giang, các cụ già nơi đây đã trả lời:

"Ta gọi nó là hát quan họ thì là hát quan họ. Chính tôi ở nơi đây cũng không hiểu tại sao lại có danh từ này. Theo các cụ tôi truyền lại thì đầu tiên những người hát là thân nhân họ hàng quan Hầu được Ngài dạy cho trước. Quan họ là những người có họ hàng với quan Hầu, và hát quan họ là lối hát của quan Hầu tập cho những người này đầu tiên."

Lời giải thích xét ra rất có lý, vì lúc đầu truyền giọng hát mới, Hiếu Trung Hầu tất nhiên phải truyền cho con cháu trước, rồi sau mới do con cháu truyền cho người khác.

Kẻ viết bài này vốn người làng Thị Cầu, huyện Võ Giàng tỉnh Bắc Ninh (Hà Bắc), lúc nhỏ đã có dịp đi theo chúng bạn để dự vào những buổi hát quan họ, và ở tại làng Thị Cầu, mỗi mùa xuân có hai hội chùa Cao và chùa Điều vào ngày 9 và 20 tháng Giêng thường có trai gái quan họ các nơi tới hát, nhưng cũng không hiểu tại sao lại gọi là hát quan họ. Bởi vậy nghĩ rằng đưa ra một giải thích này cũng không bằng tạm chấp nhận lời giải thích của các cụ làng Lũng Sơn, nơi có đôi lim và có thể là quê tổ của tục hát quan họ[1].

Một bọn quan họ

Trai gái quan họ, đi hội, họ họp nhau thành từng bọn quan họ gồm ít nhất năm người, do một người dẫn đầu, lo việc mời mọc bạn hát, hoặc quyết định những điều liên quan tới cả bọn. Người này bọn quan họ tôn là anh Hai hoặc chị Hai.

Sau đó là các anh chị Ba, Tư, Năm và Sáu...

Nếu quan họ có sáu người, thì ngoài anh Tư hoặc chị Tư còn có anh chị Bốn. Không có anh Cả hoặc chị Cả như hát ví.

Một bọn quan họ bao giờ cũng gồm toàn những người cùng một làng, để còn đối đáp hát với trai gái làng khác. Trai gái trong làng không cùng hát với nhau ở hội.

Họ có thể hát tập, hát chơi với nhau trong làng, nhưng đã đến hội, bao giờ họ cũng tìm những bọn quan họ thiên hạ để mời hát, như vậy vừa được dịp tỏ tài năng nêu danh tiếng cho làng mình, vừa được hát thẳng cánh không nề nang gì, với những câu giọng vất khó và lạ để cho bọn cùng hát với mình không đối được, tăng thêm giá trị cho bọn mình.

Tại các hội xuân, trai gái quan họ, trông thấy những bọn quan họ ở làng nào là họ nhận ra ngay. Một bọn đều có một đặc điểm riêng, khi đứng với nhau cũng như khi hát với các bọn bạn.

Cho đến trước năm 1945, những bọn quan họ được nhiều các bạn làng khác chú ý thường là các bọn sau đây:

Quan họ nữ làng Đào Thôn huyện Võ Giàng vừa đẹp vừa trắng, giọng nhẹ và êm, lúc hát thường gượng nhẹ với các bạn hát nếu bạn hát tỏ ra không đối nổi các câu hát của bọn mình.

Quan họ nữ làng Xuân Ái huyện Võ Giàng, người gọn gàng sắc sảo với nhiều câu hát lạ cùng những giọng mới và khó tập. Trong những cuộc hát có giải thưởng luôn luôn chiếm giải.

Quan họ nam làng Thị Cầu quần áo chải chuốt ăn mặc lịch sự với nhiều câu hát tình cảm. Lúc mời mọc bạn hát tỏ ra rất lịch thiệp. Đặc biệt tại làng Thị Cầu không có quan họ nữ như các làng khác. Quan họ nam làng Thị Cầu đã từng có dịp thắng quan họ nữ làng Xuân Ái trong một cuộc hát giải.

Quan họ nam làng Yên Mẫn, chịu đi hát hội, có nhiều câu hát với nhiều giọng hay. Thường được giải trong các cuộc hát thi.

Mời hát ở hội

Đi tới hội, các bạn trai gái quan họ sau khi lễ Phật hoặc lễ Thần, tùy theo hội chùa hay hội đình, cùng nhau đứng ở quanh nơi địa điểm hội, ở sân đình, ở trước chùa, ở những thửa ruộng khô quanh đình chùa. Họ chờ bạn khác mời hát hoặc họ đang tìm kiếm một bạn hát bạn để mời hát. Trong lúc đó họ có thể xem những trò vui khác ở hội như đánh đu, đánh cờ, chơi tổ tôm điếm v.v...

Khi một bạn quan họ thấy một bạn quan họ khác, nếu là bạn quen biết vẫn hát thường trong các hội khác thì dễ dàng lắm. Họ chào nhau, rồi mặc nhiên như đã hẹn hò trước, họ cùng nhau hát cầu vui sau khi đã mời nhau trầu nước.

Bạn trai bảo bạn gái:

- Liên chị hôm nay đã đến đây, chắc liên chị vui lòng cho liên em hầu tiếp mấy câu.

Thế là bạn gái nhận lời.

- Liên anh đã không chê chúng em, xin liên anh cho chúng em theo.

Xưng hô với nhau, các bạn nam nữ quan họ thật là khiêm tốn. Họ tôn nhau là liên anh và liên chị, bao giờ cũng tự xưng mình là liên em.

Và họ cũng rất là nhún nhường lịch sự: khi họ nói xin liên anh cho chúng em theo là ý họ muốn bên nam hát trước. Bên nam lễ tất nhiên cũng phải

lịch sự khiêm tốn:

- Liên em chỉ biết những chợ gần, liền chị đã đi chợ xa, xin liền chị cho liền em theo.

Câu nói trên của bên nam thật hết sức nhã nhặn và tôn trọng bên nữ. Khi họ nói chỉ biết những chợ gần là ý họ muốn nói họ biết ít câu hát, chỉ hát được những câu dễ hát giọng thường, và khi họ nói liền chị đã đi chợ xa là ý họ muốn đề cao bọn nữ biết nhiều câu hát.

Rút cục thường thường bọn nữ hát trước, bọn nam hát sau.

Có những trường hợp có một bọn quan họ nam hoặc nữ tới hội nhưng không gặp những bạn hát quen, chỉ thấy toàn những bọn lạ. Như vậy họ không hát chẳng? Có chứ, đã đi đến hội thì phải hát, không được hát họ thấy ngứa cổ làm sao, và họ bịn rịn vô cùng nếu phải về không. Họ ngắm những bọn lạ, rồi họ mời, có khi nam mời nữ, có khi nữ mời nam.

Một bọn nam chờ ở hội đã lâu không gặp bạn quen, thấy một bọn nữ họ liền mời. Thấy nhau họ biết nhau đó là một bọn quan họ. Họ biết qua nhân số năm hoặc sáu người, và đi hội nhiều, mắt họ nhìn quen, họ nhận ngay ra đó là một bọn quan họ.

Họ mang trầu tới mời. Đi hội, các bọn quan họ thường có sẵn bọc trầu để mời hát. Miếng trầu là đầu câu hát! Có những bọn quan họ lịch sự, không mang trầu ở nhà đi, lấy ngay những cối trầu hàng nước bán trong ngày hội mời bạn hát. Bạn hát dùng bao nhiêu họ trả tiền nhà hàng.

Họ mang cối trầu tới trước bọn mà họ đoán là bọn quan họ. Họ mời:

- Mời liền chị xơi trầu! Nhất niên nhất lệ, hôm nay dân làng đây mở hội, gặp liền chị, xin liền chị cho liền em được hầu tiếp ca mấy câu mừng xuân.

Lẽ tất nhiên bọn con gái chối từ nói là không biết hát. Bọn trai sẽ năn nỉ:

- Vui xuân, liền chị biết chợ xa thì đi chợ xa, không biết chợ xa thì đi chợ gần.

Bọn gái lúc đầu từ chối nhưng sau cũng nhận lời. Cũng có khi bọn gái từ chối hẳn vì họ đã có hẹn với một bọn trai khác. Họ sẽ trả lời thẳng thắn.

- Chúng em xin cảm ơn liền anh. Nhưng thú thực hôm nay chúng em đã có hẹn, xin hẹn với liền anh đến hội khác.

Có thể các cô đưa ra đề nghị để gặp bọn trai ở hội nào ngày hôm sau hay một ngày gần đó.

Đối với những bọn liền chị đã có hẹn trước như vậy, lẽ tất nhiên các liền anh không thể cố mời được và đành nhận sự hẹn hò một ngày gặp gỡ mai đây.

Hát ở hội

Bạn hát gặp nhau, cũng như hai bọn quan họ mới tiếp xúc lần đầu, sau khi chào mời và nhận trầu của nhau, họ bắt đầu hát, bên nào hát trước tùy theo sự thỏa thuận của đôi bên như trên đã trình bày.

Họ hát với nhau qua các giọng Sông, Vặt và Bì.

Họ hát giọng đôi. Bọn gái thường lấy nón che gió để giọng đỡ văng, hát đỡ mệt. Bên nọ hát một câu, bên kia đáp lại.

Trong lúc hát, qua mỗi đoạn, họ lại dùng mấy tiếng gọi nhau như để nói hết tâm tình qua lời ca. Họ nhắc anh Hai ơi, anh Ba ơi... Chị Hai ơi, chị Ba ơi... cho đến anh Sáu ơi, chị Sáu ơi, rồi họ lại gọi trở lại anh Hai, chị Hai nếu câu hát quá dài.

Ngồi rặng ngồi tựa vườn đào

Thấy người thực nữ ra vào lòng những vốn vương.

CHỊ HAI ƠI!

Gió rãng gió lạnh đẽm trường

Nửa chãn đẽ đó, nửa giường đẽ đó chờ ai

CHI BA OI!

So rãng chữ sãc chữ tài

Có công gãn bó ai người phụ nghĩa quên công.

CHI TU OI!

Họ hát với nhau ở bờ ruộng trước cửa chùa, ở bên đường cạnh đình làng, họ hát với nhau ở trên đồi như ở hội Lim.

Họ xúm nhau họp thành một bọn, mãi mê hát với nhau mặc cho thời gian trôi qua, mặc cho những ai đi xem có đứng quanh họ để thưởng thức lời ca câu hát của họ. Họ không biết tới ngoại cảnh, đôi bên họ chỉ biết hát với nhau. Mùa xuân giờ tuy lạnh nhưng lòng họ đang xuân!

Chỗ này một đám hát, chỗ kia một đám hát. Bao nhiêu những câu tình tứ nồng nàn, bao nhiêu những lời hứa hẹn ái ân! Nhiều cuộc trăm năm đã bắt đầu ở nơi đây qua những câu hát đắm thãm yêu đương.

Thường họ đến hội vào lúc quá trưa như trên đã nói và họ bắt đầu hát vào khoảng giờ mùi. Họ hát với nhau cho tới húc bóng chiều đổ xuống mới chia tay. Có khi cùng về một đường, họ tiếp tục cuộc hát trên đường về. Khi họ đi theo đường đê, bờ đê cao, giọng hát văng vãng rất xa, nghe rất du dương. Những lúc chia tay này, bao nhiêu câu hát hay, đầy luyến ái họ đều đem ra hát với nhau, và lúc này họ không cần phải chọn câu đối cho xứng với câu xướng của bọn hát bạn, họ chỉ cần hát để nói lên sự cảm mến nhau.

Gió xuân miền Bắc lạnh, nhưng họ không thấy lạnh, những câu hát đã khiến cho lòng họ ấm áp.

Họ tiễn đưa nhau đến cổng làng mới chia tay và họ còn hẹn nhau gặp gỡ ở những ngày hội mấy hôm sau. Có những bọn hát với nhau hết xuân này sang xuân khác và nhiều lứa đôi tốt đẹp đã nên duyên nhờ những khúc hát hội Xuân.

Mời bạn hát tới nhà hát trắng đêm

Có nhiều bọn quan họ, tuy đã hát ở hội và trên đường về với một bọn quan họ bạn, đến lúc chia tay vẫn còn bịn rịn lưu luyến không muốn mỗi bọn về một nẻo. Họ đề nghị mời nhau về làng họ rồi hát suốt đêm.

Đọc đến đây các bạn sẽ mỉm cười, sao họ say nhau quá vậy? Thật họ quá có say nhau, vì phần nhiều trai gái quan họ đều là những người mới lớn, chưa lập gia đình. Như vậy gặp nhau, gần nhau, hát tặng nhau toàn những lời ca đầy tình tứ, làm sao họ khỏi say nhau. Say nhau họ không muốn bỏ dở cuộc hát, họ cần hát cho thật thỏa, thật đã, như vậy họ mời nhau về làng để hát mua vui một canh có sao!

Có khi bọn trai mời bọn gái, có khi bọn gái mời bọn trai. Thường thì, hai bọn mới gặp nhau đã say nhau lời hát, bọn gái mời bọn trai về làng trước. Tại sao vậy? Xin thưa: Bọn trai ngủ đêm ở một làng lạ không sao, còn bọn gái trước khi ngủ đêm tại xã nào cần phải được phụ huynh biết trước và cho phép.

Khi một bọn gái mời một bọn trai về làng, họ phải trình phụ huynh và bọn hát bạn này được tiếp ở nhà chị Hai.

Tục lệ quan họ lạ lắm! Bọn quan họ trai do bọn gái mời tới làng được phụ huynh bọn gái tiếp đãi rất long trọng. Cha mẹ các cô gái tỏ ra rất quý mến những chàng trai. Những chàng trai này được mời lên nhà trên, ngồi một bên, còn các cô gái ngồi mé bên kia, nghĩa là hai bọn ngồi hai gian bên giường thờ. Đôi bên lại tiếp tục hát, trong khi đó người làng các cô gái kéo nhau tới nghe hát và xem mặt liền anh.

Đôi bên sẽ hát với nhau trắng đêm!

Họ hát quên ăn chẳng? Không, bọn quan họ trai được tiếp đãi lịch sự với cơm nước thịnh soạn. Các cô gái đã góp tiền nhau để làm cơm mời liền anh. Lễ tất nhiên liền anh xơi cơm bên này, liền chị cũng xơi cơm ở mé bên kia, và hai mâm đều có vẻ như hai mâm cỗ Xuân.

Lần này liền chị mời liền anh, một bữa khác, liền anh sẽ xin phép phụ huynh liền chị để mời lại. Trong khi liền anh tới làng liền chị các trai làng không hề tỏ vẻ ghen tuông mà còn có rất nhiều thiện cảm với liền anh là khác.

Không nói chi trai làng, nếu cô gái quan họ có chồng, chồng cô cũng không ghen; và chính họ cũng không nhận là vợ, e liền anh mất cảm tình, họ chỉ bảo đó là cháu hay là họ hàng gì đó! Trường hợp này rất ít vì các cô gái đã lập gia đình thường giữ ý không đi hát hội như khi còn son trẻ.

Đã có lần, có một chị Hai có chồng đứng đầu một bọn quan họ nữ. Bọn này mời một bọn quan họ nam tới làng, và chị Hai phải lo việc đăng cai. Chính chồng chị đã thân hành làm cơm để mời liền anh.

Sau bữa cơm, hai bên liền anh và liền chị cùng nhau tiếp tục cuộc hát cho tới tang tảng sáng. Liền anh ra về, liền chị tiễn đưa tới tận cổng làng, và cũng có nhiều anh chị em của liền chị đưa chân theo.

Khi một bọn quan họ nam mời một bọn quan họ nữ tới hát đêm cũng vậy, cũng cơm nước và cũng có người làng tới xem mặt liền chị và cũng tiễn đưa lúc sáng ngày.

Đừng ai có ý nghĩ gì xấu với họ. Họ tiếp nhau suốt đêm chỉ bằng câu hát, và không có truyện trên bệc trong dẫu, hay nói theo Kinh Thi là những trò trò tường dòm vách.

Hát giải

Từ trên mới chỉ trình bày về những cuộc hát vui Xuân, ở hội cũng như ở nhà. Hát quan họ có những cuộc thi đua lấy giải rất gay go.

Tại nhiều hội Xuân tại vùng quan họ, ngoài các cuộc vui như đánh đu, đánh cờ... còn có treo giải hát quan họ. Thường có ba giải, và giải thưởng thường gồm trà, pháo, khăn điều, đôi khi có thêm tiền.

Giải quan họ được treo suốt ngày hội để các bọn quan họ các nơi có thì giờ tới dự.

Hát quan họ giải, thường hát ở nhà tả vu, hữu mạc Đình làng.

Giải thưởng đặt ở trên một án thư, hai bên là hai chiếc tràng kỷ, dành cho hai bên nam nữ dự giải.

Trên án thư, về mé bên nữ có úp mười chiếc chén và phía bên nam có sáu chiếc. Mỗi khi bên nào thua, bị lấy đi một chiếc chén. Như vậy, muốn thắng, bên nam phải thắng bên nữ mười câu, còn bên nữ chỉ cần thắng bên nam sáu câu là được. Hát được một bọn chưa phải là được, có thể có những bọn khác vào tranh tài. Bọn thắng phải làm sao giữ giải trong suốt thời gian ấn định của hội làng có khi một hai ngày, có khi ba ngày.

Đôi bên hát giải dưới sự trọng tài của một người cầm trịch. Người cầm trịch là một người hát giỏi biết nhiều giọng, có thể hát lại được những câu hát sai của bên thua. Muốn vào dự giải, bọn dự thi phải hát qua đủ năm giọng trên cho người cầm trịch nghe. Không hát đủ năm giọng trên không được dự hát giải.

Hát giải quan họ cần phải hát đối nghĩa là bên hát trước hát một câu bên hát sau phải có một câu đối lại, phải đối cả ý lẫn giọng, sai ý hoặc sai giọng đều không được. Khi đối giọng phải đối đủ những mạch đệm câu như ý a, tình tang tính, hự răng ới hự. Thí dụ:

Ngồi rằng ngồi tựa có mấy vườn ới ha hạ đào.

Những mạch đệm câu có mấy, ới ha hạ, cần phải được nhắc lại trong câu hát đối.

Thí dụ trên là đối giọng. Dưới là đối ý:

Ngắm xem duyên số buồn tình,

Muốn lên thượng giới lại thiên đình hỏi số xem chơi.

Mượn tàu bay thẳng lên trời,

Sớ tâu trời bảo có người hạ giới kết duyên.

Vội vàng hạ máng xuống liền,

Quả nhiên gặp bạn châu trần là đây.

Nên chẳng định liệu một ngày!

Câu hát trên ý thật mới, và cũng mới có từ hồi Pháp thuộc. Để đối với câu này, mà giới quan họ gọi là câu Tàu bay có câu Tàu ngầm sau đây:

Ngắm xem duyên số buồn tình,

Tàu ngầm vắn lái đặng trình thẳng tới thủy cung.

Được vào bệ kiến Vua Rồng,

Nhà vua tra số phán rằng tốt số nhân duyên.

Vội vàng tàu lái về liền,

Quả nhiên gặp được bạn hiền nơi đây.

Nên chẳng định liệu một ngày!

Khi hai bên dự giải đã hát xong năm câu hát giọng trên và bên nào đã ngồi vào phía bên ấy, người cầm trịch mới gieo âm dương để xem bên nào hát trước.

Nhiều khi bên nam nhường cho bên nữ hát trước không cần bói âm dương.

Trong khi hát thi, dân làng và khách xem hội đứng bu quanh để thưởng thức tài nghệ của đôi bên. Có những trường hợp đôi bên đều hát giỏi, giằng co nhau đến hết hội không bên nào thua, và giải thưởng được chia đôi. Tuy nói là chia đôi, nhưng trên thực tế, thường bên nam nhường giải cho bên nữ.

Để mừng bên thắng cuộc, dân làng đốt bánh pháo. Sau bánh pháo mừng, bọn quan họ thắng giải vào lễ thần tạ ơn trước khi lĩnh giải.

Giải thưởng tuy không đáng là bao, nhưng bọn được giải thực là hãnh diện.

Kết bạn

Đặc biệt nhất trong làng quan họ là tục kết bạn. Hai bọn quan họ thuộc hai làng khác nhau, một bọn nam và một bọn nữ, sau khi đã hát với nhau nhiều lần ở nhiều hội xuân và cũng đã mời nhau về để hát đêm nhiều canh, thường kết bạn với nhau.

Kết bạn, nghĩa là đôi bên giao kết chỉ hát với nhau ở hội và không hát với bọn nào khác. Việc kết bạn phải được phụ huynh và hương chức hai làng chấp thuận.

Đôi bên muốn kết bạn với nhau phải trình với phụ huynh và hương chức biết để xin sự đồng ý, nhất là những bọn quan họ nữ, càng cần được sự chấp thuận của dân làng hơn.

Bọn quan họ nam được bọn nữ cho biết hương chức và phụ huynh đã bằng lòng sự kết bạn của họ với bọn nam, và họ mời bọn nam tới ngày hội làng họ, hoặc nếu ngày hội đã qua rồi thì một ngày sóc vọng, tới yết thần ở Đình làng. Bọn nam đúng hẹn, cùng nhau mua đồ lễ thường gồm hoa quả, trầu cau, trà rượu đến làng bọn nữ. Bọn nữ đợi đón họ cùng với dân làng, đưa họ vào Đình trình diện với các hương chức. Giới thiệu xong bọn trai lễ yết thần. Có đốt pháo để mừng sự kết bạn của đôi bên. Sau đó đôi bên cùng hát thờ thần.

Kể từ ngày đó, bọn nam được dân làng bọn nữ coi như những người thân của làng xã. Họ quý những chàng trai đó như những rể làng. Mỗi khi làng có công việc gì vui mừng, bọn trai đều được bọn gái mời tới hát để thờ thần và sau đó hát mua vui một vài canh. Lễ tất nhiên mỗi lần bọn trai tới đều có đồ lễ yết thần, và bọn trai được bọn gái khoản đãi rất thịnh soạn. Bọn trai đã đến làng bọn gái rồi, một ngày sau bọn gái cũng nhân một ngày lễ thần ở làng bọn trai, tới lễ nơi đây, hát thờ thần và sau đó cùng bọn trai hát một canh để dân làng bọn trai thưởng thức tài nghệ của liền chị. Bọn gái cũng được dân làng bọn trai tiếp đãi quý trọng như những cô dâu làng.

Đôi bên đã kết bạn rồi, khi làng bọn nam có lễ, bọn nam mời bọn gái tới lễ và hát không cứ trong mùa xuân mà bất cứ dịp nào trong năm. Bọn nữ đối với bọn nam cũng vậy.

Và khi đi hội chỉ có hai bên hát với nhau. Bọn trai hát với một bọn gái khác, bọn gái sẽ ghen, và bọn trai cũng sẽ ghen nếu bọn gái kết bạn với mình hát với một bọn trai khác.

Nếu tại một hội nào, vì chờ đợi lâu không thấy bọn kết bạn tới, bọn nam hoặc bọn nữ có bọn khác mời, lỡ đang hát dở, họ đành phải xin lỗi bọn kia để trở lại hát với bọn kết bạn.

Trai gái quan họ đều biết rõ lệ này, nên khi bọn đang hát xin lỗi vì có bọn kết bạn tới, họ liền vui lòng ngừng hát để trả cho hai bọn kết bạn hát với nhau.

Tục kết bạn quan họ gần giống như việc cưới xin giữa hai bọn hát, nhưng chỉ ở trên phương diện ca hát, vì các cô cậu tuy có kết bạn quan họ nhưng vẫn toàn quyền muốn lập gia đình với ai cũng tùy.

Nếu một người trong bọn quan họ kết bạn lấy vợ hoặc lấy chồng, bọn kết bạn đều có đồ mừng, và trong dịp này đôi bên thường hát với nhau suốt đêm để mừng cô dâu chú rể.

Trong những đám tiệc khao vọng, các bạn quan họ cũng thường được mời tới hát để chúc mừng gia chủ và để mua vui cho dân làng.

Những bạn kết bạn với nhau thường dành cho nhau rất nhiều kỷ niệm. Khi đã lập gia đình không còn đi hát hội nữa, nhắc đến những kỷ niệm cũ là những điều rất thích thú của trai gái đã từng đi hát quan họ. Các bà vợ và các ông chồng không hề bao giờ ghen với các bạn quan họ của chồng hoặc của vợ. Họ đã biết tục lệ, và kết bạn chỉ là kết bạn chứ kết bạn không là hôn nhân.

Trở lại hội Lim

Sau khi trình bày xong tục hát quan họ mà làng Cầu Lim tức là Lũng Giang có thể là nơi khởi thủy, chúng tôi xin trở lại hội Lim.

Hội Lim với tục hát quan họ, với nhiều trò vui cổ truyền khác, thường được dân chúng quanh vùng rất ưa thích nên hằng năm vào ngày hội bao giờ cũng rất đông khách kéo tới lễ thần và xem hội. Các cô gái quê, nhân dịp này kéo nhau tới hát hội.

Con gái Bắc Ninh có tiếng là xinh đẹp nhưng duyên dáng hơn lại chính là những cô gái Nội Duệ Cầu Lim, nhan sắc các cô đã khiến những chàng trai quanh vùng không quên nổi, và hàng năm cứ chờ tới hội Lim để mong gặp gỡ:

Hôm nay là buổi hội Lim,

Nhớ em nên phải đi tìm em đây.

Nhất niên, nhất lệ một ngày,

Đôi ta tỏ nỗi niềm tây tự tình.

Chàng trai thổ lộ chân tình, cô gái cũng không giấu lòng mình:

Em xin Trời Phật chứng minh,

Lòng em vẫn ước ao tình hôm nay.

Trầu ăn ta lại càng say,

Càng say nhớ buổi hôm nay càng nhiều.

Ấy những người trai gái vùng quê họ thương yêu nhau chỉ tỏ tình qua mấy câu hát, và mai sau duyên nợ nên vợ nên chồng đó là số trời. Họ không sàm sỡ không lần khân. Bản chất của họ ngây thơ như thế đấy!

Bởi vậy cho nên những năm về sau trước thời kỳ đệ nhị thế chiến, báo Hà Nội, nhất là báo Phong Hóa đề cao, nói nhiều tới nhan sắc của các cô gái Lim, các chàng trai Hà Nội rủ nhau về đòi Lim đông như kiến, chỉ cốt đi tìm các cô gái Lim để chòng hoa gheo nguyệt với những cử chỉ sỗ sàng, thiếu giáo dục. Từ ngày đó hội Lim, ban ngày bó cũng không ra bóng một cô thôn nữ yếm thắm giải lụa mỡ gà! Nói như vậy, không phải là các cô bỏ hội Lim. Các cô vẫn đi hội Lim, và chỉ tới đòi Lim vào lúc chạng vạng tối nghĩa là sau khi chuyển xe lửa Lạng Sơn và Hà Nội đã rời bánh khỏi ga Lim, mang theo tất cả khách Hà Nội đã đi hội Lim buổi sớm.

Lúc ấy các cô thôn nữ mới từ các ngã đường tới, Họ lại lễ Phật, lễ Thần, họ lại vào kể hạnh hoặc lại tìm bạn để hát cùng nhau mấy câu. Phong vị hội Lim lại bắt đầu.

[1] Có người quê ở tổng Nội Duệ nói kín với chúng tôi: Chính ra không phải là Hát quan họ, phải gọi là Hát quan Hoạn mới đúng, vì đây là giọng hát do Hiếu Trung Hầu, một quan Hoạn đặt ra.

Hội Bạch Hạc

Với các cổ tục:

Cướp cầu

Thi thuyền trên sông Lô

Cờ bỏi

Cờ người

Làng Bạch Hạc, tổng Nghĩa Yên, huyện Bạch Hạc, tỉnh Vĩnh Yên (Vĩnh Phú) hàng năm mở hai kỳ hội Xuân, kỳ đầu từ mồng 3 đến hết mồng 5 tháng Giêng, kỳ sau từ mồng 10 đến 13 tháng Ba.

Làng Bạch Hạc

Bạch Hạc chính là Phong Châu, kinh đô nước Văn Lang đời Hùng Vương.

Hùng Vương đô ở Châu Phong,

Ấy nơi Bạch Hạc, hợp dòng Thao Giang.

Đặt tên là nước Văn Lang,

Chia mười lăm bộ bản chương cũng liền.

(Đại Nam quốc sử diễn ca)

Bạch Hạc nằm bên tả ngạn sông Lô, theo danh từ địa phương còn gọi là sông Thao, trông sang thành phố Việt Trì. Muốn tới Bạch Hạc, du khách hoặc dùng xe lửa, đường Hà Nội đi Lao Kay, đến ga Bạch Hạc, cách Hà Nội chừng bảy chục cây số, xe lửa sẽ ngừng nơi đây trước khi đi qua cầu sông Lô để sang Việt Trì, hoặc du khách có thể đi theo đường bộ, quốc lộ số 2 đường Hà Nội đi Tuyên Quang, Hà Giang, thẳng tới Bạch Hạc, quốc lộ số 2 cũng đi qua cầu Việt Trì trên sông Lô như thiết lộ.

Thần tích

Đình làng Bạch Hạc trông thẳng ra sông Lô, trên một khu đất cao vừa trang nghiêm vừa thanh tịnh. Nơi đây thờ Thổ Lệnh đại vương, một vị thiên tướng đã xuất hiện xuống đất Phong Châu vào đời nhà Đường.

Thần tích ghi rằng về đời Đường khi Lý Thường Minh làm Thứ sử Giao Châu, một hôm nhàn du đến đây ngắm phong cảnh, nằm mộng thấy từ trên trời bay xuống hai thiên tướng.

Hai thiên tướng này là hai anh em ruột. Lý Thường Minh mời hai vị thi tài, ai hơn sẽ ở lại hưởng hương khói của dân làng Bạch Hạc. Đức Thổ Lệnh đại vương là anh, bước một bước qua sông, và một bước nữa thì lùi về chỗ cũ. Ngài bước mạnh đến nỗi in hằn vết chân lên một tảng đá, nơi đây khi hàng năm trong kỳ hội tháng Ba có cuộc đua thuyền, thuyền bắt đầu khởi hành.

Theo lời dân chúng, ở bên kia sông cũng có một vết chân như vậy, nhưng vì lâu năm bị đất phù sa che lấp đi. Tảng đá về mé sông Bạch Hạc, dân làng còn ghi được và cất giữ ở Đình làng. Vết chân dài một thước, rộng năm tấc.

Em đức Thổ Lệnh đại vương là đức Thạch Khanh đại vương được dân làng Thọ Sơn, huyện Hạc Trì tỉnh Phú Thọ thờ phụng.

Do sự liên hệ huynh đệ giữa hai vị thần linh, dân hai làng Bạch Hạc và Thọ Sơn có tục giao hiếu với nhau trong những kỳ tế lễ hội hè của hai làng.

Những cổ tục

Hội Bạch Hạc với hai kỳ tháng Giêng và tháng Ba mỗi năm, nhiều cổ tục được nhắc lại, nhưng đáng chú ý nhất, ở đây có cuộc thi thuyền trên sông Lô và tục cướp cầu. Còn những tục khác như chơi cờ bỏi, tế lễ thì cũng không khác gì ở những hội Xuân, hội Thu khác miền Bắc.

Cướp cầu

Tục cướp cầu diễn ra trong thời kỳ hội mồng Ba tháng Giêng. Đây là một thú vui đặc biệt của dân làng và hàng năm, trong ngày hội, dân chúng các xã lân cận đã kéo nhau tới đây rất đông để xem và đôi khi cũng tham dự cuộc cướp cầu.

Mỗi năm dân làng cử một người may bộ cầu để tung cho dân làng cướp trong dịp hội. Được cử may bộ cầu là một điều vinh dự trong dân xã, thường là hương chức trong làng. Bộ cầu gồm một quả cầu mẹ và tám quả cầu con. Mỗi quả cầu gồm một nắm bông bọc trong vải ngũ sắc có thêu chỉ màu sắc sỡ. Một sợi chỉ được đính vào quả cầu, một đầu chỉ buộc vào một ngành tre. Mỗi quả cầu đều có dải buông thông, dải hoặc khâu bằng lụa màu, hoặc kết bằng chỉ sắc sỡ.

Sáng ngày mồng Ba Tết, dân làng tới nhà vị Hương chức được chỉ định may cầu để rước bộ cầu ra Đình. Đám rước long trọng có cụ Tiên chỉ trong làng cầm hương, các nam nữ thanh niên đi theo, có phường bát âm cử nhạc điểm theo tiếng chiêng trống rất oai nghiêm. Chín mẹ con quả cầu bày trên long đình do bốn thanh niên khiêng.

Rước tới Đình, cả bộ cầu được kính cẩn đặt lên bàn thờ thay cho bộ cầu năm trước. Kế đó là lễ tế cầu. Tế cầu xong là cuộc tung cầu để dân làng và cả dân thiên hạ cùng chen nhau cướp.

Cầu tung từng ba quả một, mỗi lần tung đều do một vị hương chức hoặc một vị bô lão đảm nhiệm.

Đầu tiên là ông Tiên Chỉ, thời Pháp thuộc khi không có ông Tiên Chỉ, do ông niên trưởng trong làng, tung quả cầu Mẹ và hai quả cầu Con. Vị này trước hết phải đọc một bài văn chúc, đại khái ca tụng phong cảnh của làng, dân phong và nhất là sự linh thiêng của Đức Thành hoàng đã che chở cho dân được thịnh vượng, làng xã được bình yên. Sau bài văn chúc ba cành tre được giơ cao theo nhịp trống thờ. Khi tiếng trống dứt, dân làng hò reo ầm ĩ. Dứt hồi hò reo, vị Tiên Chỉ lại đọc một bài văn chúc thứ hai cầu cho dân chúng trong xã được mọi sự tốt lành. Tiếp theo bài văn chúc thứ hai lại là một hồi trống và một loạt hò reo ầm ĩ.

Sau đó vị Tiên Chỉ hoặc niên trưởng tháo ba quả cầu buộc ở ngành tre ra, buộc lại với nhau làm một rỗi tung lên để dân chúng xô nhau cướp. Bộ ba quả cầu không kịp rớt xuống đất đã có người đỡ, nhưng liền đó, người đỡ được bộ ba quả cầu lại bị người khác chen đẩy giằng mất. Họ xô lẫn

nhau, họ chen chúc nhau, họ cười, họ nói, họ gọi nhau ơi ới, người này ngã, người kia reo, cho đến khi một người nắm chặt được bộ cầu, sự ồn ào mới ngừng.

Sáu quả cầu sau do hai vị chức sắc hoặc bô lão khác mỗi người tung ba quả, nhưng lần này, không còn hai bài văn chúc, chỉ có trống đánh nhịp và mọi người hò reo.

Mọi người lại xô đẩy chen lấn nhau như lần thứ nhất. Họ tin rằng cướp được cầu sẽ gặp may mắn. Họ tranh giành nhau rất hăng hái, đàn ông, đàn bà, thanh niên nam nữ đều dự cuộc, không phân biệt người thân kẻ lạ, người gần kẻ xa, người sang kẻ hèn.

Cướp được cầu, dù một quả hay cả bộ ba quả, có thể đem về nhà làm kỷ niệm, hoặc để thờ tại Đình. Thường thường dân làng Bạch Hạc cướp được cầu, họ vẫn mang tới Đình để thờ cho tới năm sau.

Tục cướp cầu, tuy chỉ là một cổ tục cử hành hàng năm theo nghi thức cổ truyền, nhưng đây chính là một cổ tục đề cao tinh thần thượng võ, chứng tỏ người dân Việt Nam luôn luôn sẵn sàng đấu tranh, và ở đây đã biểu lộ cả các tinh thần bất khuất nó đã khiến dân tộc Việt Nam được tự chủ với bốn nghìn năm lịch sử.

Thi thuyền trên sông Lô

Cuộc thi thuyền hàng năm làng Bạch Hạc tổ chức vào ngày rằm tháng chạp, kỳ hội từ mùng Mười đến Mười Ba tháng Ba, tổ chức ngay trên dòng sông Lô để dân xã và khách trẩy hội từ thập phương tới có thể đứng hai bên bờ sông dự xem.

Làng có bốn giáp: Bộ Đầu, Tiểu Hạc, Đông Nam và Thần Chúc. Mỗi giáp có một chiếc trái dài bằng gỗ chò[1], dài hơn hai chục thước, rộng chừng thước rưỡi, đóng bằng nguyên cả cây gỗ theo chiều dài. Chiếc trái có năm chục bơi chèo ở hai bên; đầu trái uốn thành đầu rồng và đuôi trái cũng lượn khúc như đuôi rồng.

Để dự cuộc bơi trải các giáp đều kén những dân đinh khỏe mạnh sung vào những tay bơi, mỗi giáp năm chục người cho chiếc trải, nhưng giáp nào cũng kén dư một số người dự khuyết. Ngoài những tay bơi, mỗi giáp còn phải kén ba người, ba người này thường là các bậc đàn anh trong giáp, một người đứng đầu thuyền cầm cờ hiệu, một người đứng giữa gõ một chiếc trống khẫu để giữ nhịp cho những tay chèo, và ở cuối thuyền, một người ngồi cầm lái[2]. Mỗi bên mạn thuyền là hai mươi lăm tay chèo, đây là những tay trai lực lưỡng đã được hàng giáp lựa chọn, và đã có luyện tập cùng với ba vị đàn anh điều khiển chiếc trải. Trong lúc bơi, họ vừa chèo vừa hò reo.

Người đứng đầu thuyền cầm cờ hiệu, và đồng thời cầm trịch cho chiếc thuyền bơi. Người này trước hết phải luôn luôn đứng cho cân, tự giữ lấy thăng bằng, đừng vì mình mà thuyền thiên lệch, gây khó khăn cho các tay bơi. Đứng trên thuyền cho vững, mặc con thuyền lao đi vun vút trên mặt nước theo đà các tay chèo, trong khi đó lái phải cầm trịch cho chiếc trải, dùng cờ hiệu phát cho chiếc trải hoặc đi thẳng, hoặc tiến trái, hoặc tiến phải, hoặc vòng theo một độ nào để quay đầu trở lại, quả không phải là một việc dễ dàng. Chỉ cần một chút sơ ý có thể ngã lao xuống nước trong khi chiếc trải vẫn vun vút bơi đi.

Người cầm trống khẫu đứng giữa thuyền cũng phải giữ mình cho cân, cho khỏi ngã như người cầm trịch. Và tiếng trống phải sao cho đều để khỏi lạc tay chèo những người đang bơi.

Người cầm lái đứng ở cuối, cầm cả vận mệnh của chiếc trải trong tay, trải đi nhanh hay chậm là do nhiệm vụ người cầm lái. Phải giữ lái cho trải đi thẳng, phải lựa tránh những chiếc trải khác mà vẫn vượt lên đầu. Lại còn lúc quay, khi lượn, phải lựa cho thuyền theo lái. Với từng ấy khó khăn, người cầm lái lại phải đứng cho vững, cho cân trên cuối thuyền, nếu vô ý ngã xuống sông, chiếc trải không lái sẽ bơi ngang bơi ngửa...

Người cầm lái phải luôn luôn để ý tới người cầm trịch, theo hiệu của người cầm trịch lái chiếc trải.

Năm chục tay chèo, đã ngồi xuống chiếc trái, phải chú ý đến hết việc bơi, tai phải nghe tiếng trống, tay phải bơi cho đều đều, đừng sai nhịp với bạn cũng bơi.

Một tay chèo bơi sai nhịp, có thể gây rối loạn cho ba bốn tay chèo khác, có khi cho cả một mé chiếc trái.

Thật là khó khăn! Do đó phải có sự luyện tập hàng tháng trước.

Lúc xuống bơi trái, các tay chèo đều mình trần trụi mỗi người chỉ vận một chiếc khố, mỗi bọn một màu khố đều nhau, trông thật đẹp, nhất là khi hàng đoàn họ dặt nhau xuống từng chiếc trái trước cuộc bơi, trông họ với thân hình nở nang, bắp tay rắn chắc, có thể ví họ như những bức tượng đồng lực sĩ.

Lúc cuộc thi bắt đầu, bốn chiếc trái xếp hàng đều nhau ở ngay trước cửa đình làng. Thật là một cảnh nhộn nhịp cho người xem và cả cho người dự cuộc. Dân giáp nào cũng hồi hộp như chính những tay bơi.

Trên chiếc trái, ngoài những tay chèo mình trần đóng khố, ba người đàn anh cầm trịch, đánh trống và giữ bánh lái, người nào cũng khăn đóng áo dài, thắt lưng đỏ buộc múi sang bên, trông có vẻ ung dung bình tĩnh và rất tự tin.

Các chiếc trái khởi hành ở trước cửa đình làng và bơi cho tới ngã ba sông nhánh chảy vào sông Lô. Theo lời truyền tụng đây là dân làng diển lại tích đức Thổ Lệnh đại vương, tiền đức Tản Viên khi xưa, lúc đức Tản Viên tới thăm ngài ra về.

Chiếc trái về tới đình trước nhất sẽ được giải thưởng và làng đốt mừng bánh pháo.

Dân làng Bạch Hạc giải thích cuộc bơi trái căn cứ trên một sự tích huyền bí: Đức Thổ Lệnh tiền đưa đức Tản Viên, nhưng trên thực tế, dân ta cần luôn luôn tập luyện cho quen sông nước, và đã hơn một lần chúng ta thắng giặc trên mặt sông! Bạch Đằng Giang còn đó, Chương Dương độ

còn kia, và cả trận sông Lô năm 1947, khi toàn dân kháng chiến đã khiến gần ba nghìn quân Pháp vong thân trôi theo dòng nước!

Xin xem quyển thượng, Hội Chùa Thầy.

Cờ người

Gặp những năm dân làng làm ăn thịnh vượng, mùa màng được, nhân dịp hội tháng Ba, dân làng tổ chức cờ người thay cho cờ bơi, cờ người cũng chơi như cờ bơi chỉ khác quân cờ thay vì những biển cờ có khắc chữ, là những nam nữ thanh niên mặc quần áo có thêu chữ mang tên những quân cờ, chữ thêu ở trước ngực và ở sau lưng người đóng quân cờ. Cũng có nơi, quân cờ mặc quần áo như thường, nhưng có thêm chiếc biển khắc hoặc viết chữ theo bộ cờ, như vậy mỗi nước đi, nếu quân cờ di chuyển phải mang theo chiếc biển của mình. Tại mỗi vị trí của bàn cờ đều có một chiếc ghế để quân cờ ngồi.

Tại những xã lớn thịnh đạt, những nam nữ đóng quân cờ còn mang theo khí giới, và khi quân bên nọ ăn quân bên kia, quân cờ ăn sẽ múa một thế võ như hạ quân cờ bị ăn, y như trong một màn hát bội.

Trên đây là mấy cổ tục đặc biệt diễn ra hàng năm tại xã Bạch Hạc trong những ngày hội. Ngoài những cổ tục trên, hội còn nhiều trò vui khác như tổ tôm điếm, đáo đĩa v.v..., đã nhắc tới hoặc sẽ nhắc ở những bài khác, nên ở đây không đề cập đến.

[1] Theo các cụ kể lại, gỗ Chò là một thứ gỗ quý thường được vua Thủy Tề dâng nước lên rừng lấy. Năm nào bị lụt nước dâng cao, các cụ cho là vua Thủy Tề lấy gỗ Chò. Gỗ Chò trôi ở dòng sông mà không ai vớt được. Đôi khi, vua Thủy Tề dành cho làng nào cây gỗ để làm cột đình, cây gỗ sẽ tạt vào làng ấy.

[2] Tôi đã được đích thân dự một cuộc thi này vào đầu năm 1940. Những tài liệu nhắc lại đây một cách chính xác chúng tôi căn cứ theo cuốn "Monographie de Vinh Yen" của ông Từ Bộ Thực nguyên Chánh án

*tòa án Đệ nhị cấp Vĩnh Yên. Sách này đánh máy trước đây lưu trữ tại tòa
xứ Vĩnh Yên và Thư Viện Q.G.Hà Nội.*

Hội tự nhiên Châu Xã

Với đám rước bảy kiệu

Với các cỗ tục:

Cờ bỏi

Tổ tôm diêm

Hát chèo

Đấu roi

Làng Tự Nhiên tục gọi là làng Góí thuộc phủ Thường Tín tỉnh Hà Đông (Hà Tây) nằm trên một bãi đất bồi của sông Hồng Hà, ở phía ngoại đê, cách Hà Nội trên hai mươi cây số về phía Nam. Khi nhắc tới làng mình, dân làng Góí thường dùng bốn tiếng Tự Nhiên Châu Xã như ý muốn nhắc nhở tới sự liên quan của làng, với câu chuyện thần thoại Chử Đồng Tử.

Chử Đồng Tử là một trong bốn vị được coi là bất tử của Việt Nam[1] và là vị Thành hoàng của Tự Nhiên Châu Xã.

Xã này có hai thôn trên cạn, thôn Thượng, thôn Hạ và một thôn Thủy Cơ, dân chúng thôn này sống thành một xóm chài trên mặt sông Hồng Hà, và lấy nghề đánh cá làm nghề độ nhật, mang danh thôn Thủy Tộc. Cả ba thôn, mỗi thôn đều có một ngôi đình, đình hai thôn Thượng, Hạ, từ xưa vẫn xây trên bãi đất làng, còn đình thôn Thủy Tộc trước đây cất trên một chiếc bè lớn, về sau cũng xây trên đất làng, ở ngay ven sông, trên bờ, nơi trông xuống thuyền bè của dân thôn.

Hằng năm Tự Nhiên Châu Xã mở hội vào ngày mồng Một tháng Tư âm lịch với sự tham dự của cả ba thôn.

Thần tích

Trước khi nói tới hội làng, xin nói lại sơ qua sự tích Chử Đồng Tử mà chúng tôi tin rằng bạn đọc ít nhiều cũng đã biết.

Sự tích này chúng tôi xin nhắc lại theo truyện Đầm nhất dạ trong Lĩnh Nam Trích quái cùng với tài liệu ghi trong Nam Hải dị nhân của Phan Kế Bính[2].

Vua Hùng Vương thứ ba có một người con gái nhan sắc rất xinh đẹp. Tuy đã 18 tuổi nhưng Công chúa không muốn lấy chồng, chỉ thích ngao du đây đó, chơi thăm các núi sông xem phong cảnh. Vua chiều con mặc ý Công chúa muốn đi đâu cũng không cấm. Mỗi năm khoảng tháng Hai, tháng Ba, Công chúa sửa soạn thuyền bè đi chơi theo sông biển, thường chơi quên cả ngày về.

Thời ấy ở làng Chử Xá, có một người họ Chử, nhà rất nghèo là Chử Vị Vân[3]. Vị Vân sinh được một người con trai tên là Chử Đồng Tử. Hai cha con đều tính nết hiền lành. Đã nghèo, chẳng may họ Chử lại gặp nạn cháy nhà, của cải hết sạch, hai cha con chỉ còn một chiếc khố vải, thay đổi nhau, ai đi đâu thì đóng.

Đến khi bị bệnh gần chết, cha bảo con:

- Ta chết đi, con cử tang trần, còn cái khố để đẩy mà dùng.

Cha chết con không nỡ chôn bố trần truồng, lấy khố quàng cho cha. Từ đó, Chử Đồng Tử không quần áo, chịu lạnh đói, ngày ngày câu cá, thấy thuyền buồm qua lại, đứng nửa mình dưới nước xin ăn.

Một hôm Tiên Dung đi chơi đến làng Chử Xá, thuyền bơi với tiếng chiêng trống đàn sáo, cờ tàn rợp đất, lính tráng rất đông. Đồng Tử sợ hãi

ấn vào trong đám lau sậy, đào cát lên, nép mình xuống dưới, rồi lại lấy cát trùm lên trên.

Thuyền bơi tới đó Tiên Dung ngắm phong cảnh vừa ý, liền ghé thuyền lên bãi cát đứng xem. Thấy đám lau sậy, nàng truyền quân lính quây màn xung quanh để tắm. Nàng dội nước, cát trôi đi, trơ ra thân hình Chử Đồng Tử trần truồng. Nàng liền hỏi nguyên do, Đồng Tử nói rõ hết đầu đuôi hoàn cảnh của mình.

Nghe qua câu chuyện, Tiên Dung bảo Đồng Tử:

- Ta nguyên không muốn lấy chồng, nay cơ sự đã thế này, âu là lẽ tự nhiên tác hợp.

Đồng Tử từ chối, Tiên Dung nói:

Tự nhiên xui khiến nên có sự này, tại sao lại từ chối?

Nàng bảo Đồng Tử tắm tấp, đưa cho quần áo, rồi đem xuống thuyền ăn uống vui vẻ.

Những người theo hầu Tiên Dung về tâu với vua Hùng Vương, nhà vua nổi giận phán:

- Tiên Dung không biết trọng danh tiết, không tiếc tiền của của ta, chơi bời đường sá, lại lấy kẻ nghèo hèn, còn mặt mũi nào mà nhìn đến ta. Từ nay mặc nó, không cho trở về cung điện nữa.

Tiên Dung được tin, sợ hãi không dám về, mới cùng Đồng Tử lập ra phố xá buôn bán, nơi này ngày càng phần thịnh trở thành chợ lớn, nay là chợ Hà Lỗ thuộc tỉnh Hưng Yên (Hải Hưng). Người ngoại quốc qua lại buôn bán đối xử với vợ chồng Tiên Dung kính cẩn như chủ vậy.

Một hôm, có một người lái buôn đến mách với Tiên Dung:

- Nếu quý nhân bỏ ra một trăm cây vàng, cho người đi với tôi ra ngoài biển buôn những đồ quý, sang năm tất được lãi gấp mười.

Tiên Dung mừng rỡ bảo chồng:

- Vợ chồng ta do cơ trời khiến định, ăn mặc là của trời cho, chàng nên đem vàng ra biển mà buôn.

Chữ Đồng Tử đem vàng theo lái buôn ra biển. Khi đến núi Quỳnh Lãng, trông lên núi có một am nhỏ, liền trèo lên xem phong cảnh. Trong am có một nhà sư còn trẻ, nhà sư Phật Quang, thấy Đồng Tử có cốt cách bèn truyền giáo lý cho. Được truyền thụ giáo lý, Đồng Tử trao vàng cho lái buôn, còn mình ở lại núi Quỳnh Lãng học đạo. Được hơn một năm, Đồng Tử trở về, Phật Quang tặng cho một cái gậy, một cái nón và dặn rằng:

- Phép linh thông ở cả cái gậy và cái nón này!

Đồng Tử trở về nói hết mọi sự cho Tiên Dung nghe và đem cả giáo lý đạo Phật dạy cho nàng. Tiên Dung giác ngộ bỏ nghề buôn bán cùng chồng đi học đạo.

Một hôm hai vợ chồng bỗng gặp trời tối ở một nơi không có dân cư, do đó không có nhà trọ. Hai vợ chồng mới tạm chống gậy, che cái nón ở dọc đường để nghỉ. Canh ba đêm ấy, bỗng hiện ra thành quách, lầu ngọc điện châu, kho tàng dinh phủ, vàng bạc châu báu, giường chiếu, trướng màn đủ cả, lại thêm có tiên đồng, ngọc nữ tướng sĩ, thị vệ hầu hạ chung quanh.

Sáng ngày ra, ai ai trông thấy cũng lạ lùng sợ hãi, tranh nhau mang hương hoa ngọc thực đến dâng. Thành quách hiện ra lại có cả văn võ bá quan, có quân canh giữ các cửa thành tựa hồ như một nước.

Vua Hùng Vương hay tin cho là con gái mình làm loạn, phái quan binh tới đánh. Khi quan binh tới, quần thần xin chia quân ra chống cự. Tiên Dung cười bảo:

- Con không lẽ chống lại cha. Việc này tự nhiên mà có. Ta chỉ thuận theo lẽ phải, mặc ý cha ta giết cũng cam tâm.

Khi quan quân đến, đóng ở bãi Tự Nhiên bên này sông, bãi này ngày nay là Tự Nhiên Châu Xã, bởi cách sông trời lại sắp tối nên chưa kịp tiến binh. Chờng đến nửa đêm, bỗng nhiên trời nổi gió, cát bay cây đổ, rồi thì cả khu của bà Tiên Dung, nhà cửa, thành quách, người vật đều bay cả lên trời, chỉ còn chỗ đất sập quang thành một cái đầm lớn, đầm này được gọi là Nhất Dạ Trạch nghĩa là đầm một đêm. Sáng ngày, dân gian thấy sự linh dị bèn lập miếu thờ hàng năm có tế lễ. Đầm Nhất Dạ ngày nay thuộc phủ Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên (Hải Hưng) đối diện với phủ Thường Tín ở bên này sông Hồng Hà. Trước đây Khoái Châu được gọi là Man Trù Châu hoặc còn gọi là Tự Nhiên Châu. Và ở đây có chợ Hà Lỗ, dân quê quen gọi là chợ Sông Trường, nơi Tiên Dung gặp Chử Đồng Tử.

Câu chuyện Chử Đồng Tử trên đây là hết, cả hai vai chính đều đã bay về trời! Nhưng sách còn chép:

Sau này đến đời Lý Nam Đế, quân nhà Lương sang xâm chiếm nước ta dưới quyền chỉ huy của tướng Trần Bá Tiên. Vua Lý Nam Đế sai Triệu Quang Phục mang binh chống cự. Quang Phục mai phục quân ở trong đầm Nhất Dạ. Đầm sâu rộng, bùn lầy rất khó tiến lui, duy Triệu Quang Phục dùng thuyền độc mộc qua lại thuận tiện, thường nhân đêm tối, đột xuất đánh phá quân giặc và cướp lương thực, đồng thời tiêu hao lực lượng của chúng. Ba bốn năm trường, Trần Bá Tiên không đánh nổi quân ta. Hãn đã than rằng:

- Đời xưa gọi là Đầm Nhất Dạ thẳng thiên, ngày nay là cái Đầm Nhất Dạ đạo kiếp.

Gặp lúc đó bên Trung Hoa có loạn Hầu Cảnh, vua Lương triệu Bá Tiên về và giao quyền cho tỳ tướng Dương Sầm tiếp tục thống lĩnh quân Lương giao tranh với Triệu Quang Phục.

Triệu Quang Phục trai giới ở trong đầm đốt hương cầu đảo để xin thần nhân giúp sức phá giặc. Thoát thấy thần nhân cười rỗng giáng xuống giữa đầm bảo rằng:

- Ta tuy lên trời nhưng linh dị còn ở đây, người có lòng thành cầu khẩn, ta đến giúp để bình loạn tặc.

Nói đoạn thần nhân nhổ một cái vuốt rồng trao cho bảo giắt vào đầu mâu sẽ thắng được giặc. Sau đó rồng bay lên trời.

Quang Phục theo lời thần nhân, giắt vuốt rồng vào đầu mâu[4], đem quân ra trận, vây đánh chém được Dương Sầm, phá tan quân Lương.

Khi vua Lý Nam Đế mất, Triệu Quang Phục tự làm vua là Triệu Việt Vương, đóng đô ở núi Châu Sơn quận Vũ Ninh, thuộc tỉnh Bắc Ninh (Hà Bắc) ngày nay.

Theo Lĩnh Nam Trích quái cũng như Nam Hải dị nhân, truyện Chử Đồng Tử đến đây là hết, nhưng theo thần tích làng Đa Hòa, tổng Mỹ Sở, phủ Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên (Hải Hưng), cũng như thần tích Tự Nhiên Châu Xã, tổng Chương Dương, phủ Thường Tín tỉnh Hà Đông (Hà Tây) câu chuyện còn thêm đoạn sau:

"Một hôm Đồng Tử và Tiên Dung đi xem địa thế huyện Đông An, đến địa đầu làng ông Đình, bỗng nhiên gặp một người con gái nhan sắc độ 16, 17 tuổi đứng đình chơi ở trước chùa Cổ Kính, Tiên Dung trông thấy người ấy phảng phất như tiên nữ chốn Quỳnh Dao, bèn trở mà bảo rằng:

- Chàng có muốn lấy nàng kia làm thứ thất không?

Đồng Tử mỉm cười, Tiên Dung biết ý, một mình đi đến trước người con gái mà hỏi:

- Nàng phải chăng là phàm hay tiên, gái phong tình chăng?

Lang quân ta tư chất cao, tài bộ thông minh, nàng làm thiếp người đó xứng đáng lắm. Ta tuy là một nàng Công chúa nhà vua nhưng không có thói ghen tuông, không tính kiêu căng, được nàng kết làm chị em chẳng cũng vui lắm sao?

Người con gái trả lời:

- Không đâu nàng, ta là Tiên Nữ Tây Cung. Vợ chồng nàng cũng đã hợp thành tiên, nay không hẹn mà gặp nhau ở đây là tại trời hay tại người?

Tiên Dung nói:

Tại Trời, nhưng mưu sự ở người mà thành sự tại Trời.

Hai người kết làm chị em mới đến trước nơi Đồng Tử ngồi mà thi lễ cùng nhau yến tiệc vui vẻ.

Đương lúc bấy giờ ở làng Ông Đình có năm sáu xác chết sắp đem chôn, Đồng Tử bảo Tiên Dung và Tây Cung rằng:

- Ta học được phép tiên, có thể cải tử hoàn sinh. Nay trông thấy người ta chết, ta đến đó cứu họ sống lại, các người chịu theo ta chăng?

Tây Cung nói:

- Cứu người là việc phúc lớn, chúng tôi sao chẳng theo.

Đồng Tử tay cầm gậy trúc, miệng đọc thần chú, lấy gậy chỉ vào cái xác chết, quả nhiên cái xác sống lại, ngồi ngay ngắn, nói năng ăn uống như thường. Ai nấy vui mừng khôn xiết đều cúi đầu lạy tạ, rồi rước Đồng Tử, Tiên Dung cùng Tây Cung ba vị về nhà làm lễ tạ. Mọi người lại nói, trong làng họ có ngoài trăm người bất hạnh bị bệnh ôn dịch.

Đồng Tử nói:

- Để họ chết đi rồi ta cứu cũng được.

Tây Cung nói:

- Lang quân cứu được người đã chết, không cứu được bệnh người ta sắp chết. Thiếp có thuật cứu được bệnh trăm vạn người.

Đồng Tử và Tiên Dung yêu cầu cho biết thuật đó. Tây Cung bèn lấy giấy trắng viết một chữ son đỏ, đốt đi, hòa tan tro giấy vào nước trong cho

bệnh nhân uống, ai cũng khỏi bệnh cả, cứu được vài trăm người làng ông Đình. Người già người trẻ làng ấy đều đến lạy tạ mà xin làm thần tử...

Được phong và thờ ở đền Đa Hòa và ông Đình[5].

Chử Đồng Tử Thượng Đẳng Đại Vương chí thánh tôn thần.

Tiên Dung Công Chúa Thượng Đẳng Thiên tiên tôn thần.

Nội Trạch Tây Cung Công Chúa huyền diệu tôn thần.

Từ đó về sau sinh hóa làm thánh hay Tiên mãi mãi, kể là vị thứ hai trong bốn Bất Tử (Tản Viên, Chử Đồng Tử, Phù Đổng, Liễu Hạnh) của nước Việt ta. Trải qua các triều Đinh, Lý, Trần, Lê có phù hộ cho nước, cứu dân độ thế rất linh ứng, nên đời vua nào cũng phong tên đẹp, hàng năm Quốc Tế hai kỳ xuân thu mãi mãi vô cùng.

Kiên kỵ sáu chữ Đồng Tử, Tiên Dung, Tây Cung và cấm mặc hai sắc vàng đỏ.

Đền chính Dạ Trạch ở làng Đa Hòa, tổng Mỹ Sở, huyện Đông An[6] tám xã thờ chung."

(Theo bản thần tích xã Đa Hòa)

(Ngọc Phả Chử Đồng Tử, Tiên Dung và Tây Cung thuộc triều Hùng Vương- chép theo chính bản của bộ Lễ triều Nguyễn)[7].

Thần tích trên có ghi tại xã Đa Hòa cũng như nhiều xã khác, trong đó có Tự Nhiên Châu Xã.

Tục lệ ngày hội

Hội làng Tự Nhiên nhắc lại cho dân chúng nhớ tới thần tích trên, và trong khi mở hội, ngoài những việc tế lễ tất nhiên có những cỗ tục riêng của dân làng.

Đám rước bả kiệu

Đã có đình đám tất nhiên có rước xách, nhưng đặc biệt đám nước nước của Tự Nhiên Châu Xã cử hành ngày mồng Một tháng Tư rất long trọng và nhộn nhịp hơn những đám rước các xã lân cận với bảy long kiệu của đình Thượng ba kiệu, đình Hạ ba kiệu và đình Thủy tộc một kiệu.

Thôn Thượng và thôn Hạ, sở dĩ mỗi thôn có ba cỗ long kiệu vì ở những nơi đây dành cho ba vị linh thần Chủ Đồng Tử và hai vị phu nhân, mỗi người một Long kiệu, riêng thôn Thủy tộc cũng thờ cả ba vị, nhưng họ rước trên một Long kiệu với bài vị chung.

Đám rước bắt đầu từ đình thôn Thượng, đúng theo nghi trượng cổ truyền với một nghi vệ trọng thể đầy đủ các tự khí với trống chiêng, cờ quạt, tàn lọng và bát âm nhã nhạc. Lúc bắt đầu, đám rước chỉ cử hành với dân thôn Thượng với ba cỗ kiệu của thôn này. Đám rước đi từ đình thôn Thượng tới đình thôn Hạ thì tạm ngừng để chờ dân thôn này cũng rước ba cỗ kiệu với các tự khí như thôn Thượng.

Rồi đám rước tiếp tục, thôn Thượng đi trước, thôn Hạ đi sau, tiến thẳng nẻo sông Hồng Hà. Khi tới ngã ba đường, nơi đường làng Tự Nhiên gặp con đường đi đến bên sông thì ở đây dân thôn Thủy Tộc đã sẵn sàng chờ đợi với cỗ kiệu của mình để đi tiếp vào sau đám rước, tiến ra bờ sông.

Tại bên sông, đã sẵn sàng bảy chiếc thuyền lớn, rước bảy chiếc kiệu ra giữa dòng sông để lấy nước trong dùng trong lễ mộc dục.

Quãng sông Hồng Hà thuộc địa phận xã về phía hữu ngạn đã được dân làng cắm cọc và có thuyền chằng dây để ngăn cản thuyền bè qua lại. Cờ ngũ hành được trương lên ở khúc sông nơi bắt đầu vào và nơi rời khỏi địa phận làng để báo hiệu từ xa cho mọi thuyền bè xuôi ngược biết. Và dân làng cũng đã cắt người đứng sẵn trên thuyền từ sáng sớm, mỗi khi có thuyền bè đi qua đều ra hiệu để họ đi tránh về phía bên kia sông.

Bảy cỗ kiệu trên bảy chiếc thuyền bơi ra giữa dòng sông Hồng Hà, có những thuyền cờ quạt và âm nhạc đi theo. Đến giữa dòng sông cả ba thôn đều lấy nước để cho thôn mình dùng trong lễ mộc dục. Lấy nước xong, đám rước lại quay trở về. Lúc này, khi bảy chiếc thuyền rước bảy

chiếc long kiệu cặp bến, kiệu thôn Thủy Tộc được rước lên đầu tiên, thứ đến ba chiếc kiệu thôn Hạ, rồi mới đến ba chiếc kiệu thôn Thượng.

Đám rước theo con đường cũ trở về. Các kiệu đi theo thứ tự lúc ở sông lên. Đến ngã ba đường, nơi kiệu thôn Thủy Tộc đã nhập vào đám rước lúc trước, đám rước ngừng lại rồi một lát sau thôn Thủy Tộc rước kiệu thôn mình về đình thôn. Hương chức ba thôn họp mặt trước khi kiệu thôn nào rước về thôn đó, hương chức ba thôn Thủy Tộc tới khấu đầu trước các kiệu hai thôn Thượng, Hạ, và hương chức hai thôn này cũng tới khấu đầu trước kiệu thôn Thủy Tộc.

Chờ cho kiệu thôn Thủy Tộc đi rồi, hai thôn Thượng và Hạ lại tiếp tục rước sáu chiếc kiệu trở về, kiệu thôn Hạ đi trước, kiệu thôn Thượng đi sau. Đám rước trở về tới trước đình thôn Hạ thì ngừng lại. Ở đây dân thôn Hạ rước ba kiệu vào trong đình sau nghi thức khấu đầu của hương chức thôn này trước ba chiếc kiệu của thôn kia.

Còn lại dân thôn Thượng với ba chiếc kiệu của thôn mình, họ tiếp tục đám rước cho đến đình thôn.

Đám rước chung của ba thôn rất nhộn nhịp từng bừng, cờ quạt tán tào phát phới, chiêng trống âm ã với những bản nhạc của phường bát âm. Dân chúng ba thôn đi theo đám rước tới tận bờ sông, họ chờ ở đó để lại đi theo đám rước thôn nào về đình thôn đó, khi các kiệu ra giữa sông lấy nước trở về.

Điểm đặc biệt ở đây bạn đọc hẳn nhận thấy, lễ ra lễ mộ dục, như tại các làng khác chỉ cử hành ở đình chính của làng, thì ở đây, lễ này đã được cử hành ở cả ba đình thôn Thượng, thôn Hạ và thôn Thủy tộc. Những cuộc tế lễ của ba thôn cũng cử hành riêng, và trong ba ngày hội, hương chức hai thôn nọ phải tới lễ tại đình thôn kia, và dân chúng cả ba thôn đều kéo nhau đi lễ ở cả ba ngôi đình, tuy họ hiểu ở cả ba nơi này đều thờ phụng Chử Đồng Tử và hai vị phu nhân.

Những cổ tục và các cuộc vui

Tế lễ ba thôn tế lễ riêng, nhưng các cuộc vui và các cỗ tục lại cử hành chung. Thôn Thủy Tộc chỉ có các cuộc tế lễ và không có cuộc vui cỗ truyền nào.

Tại hai thôn Thượng và Hạ, dân làng có tổ chức gồm có cờ bãi và tổ tôm điểm.

Cờ bãi: Đã trình bày trong HỘI CHÙA THẦY.

Tổ tôm điểm: Đã trình bày trong HỘI CUNG THUẬN.

Chử Đồng Tử là một trong Tứ Bất Tử theo tín ngưỡng của người Việt Nam, và rất được dân chúng Việt Nam tôn sùng. Nhiều làng có đền thờ ông và hai phu nhân.

Qua câu truyện về ông, ta nhận thấy bên trong đã gói ghém triết lý nhân sinh của Đạo Lão sống theo tự nhiên, với nếp sống phù hợp với thiên nhiên như lúc mới sinh ra của cha con họ Chử, với lòng hiếu tự nhiên của con đối với cha khi Đồng Tử đem chôn chiếc khố độc nhất theo cha, với sự gặp gỡ rất tự nhiên trong khung cảnh trời sinh giữa Tiên Dung và Chử Đồng Tử, hai người đã gặp nhau không y phục như lúc chào đời, với nếp sống phóng khoáng của Tiên Dung ưa cảnh thiên nhiên không thích lầu son gác tía, và với sự sống của cặp vợ chồng này theo lẽ tự nhiên không câu nệ nghi lễ.

Câu chuyện cũng đã nói lên sự hợp dung giữa đạo Lão và đạo Phật tại Việt Nam qua truyện nhà sư Phật Quang truyền phép cho Chử Đồng Tử, cây gậy và chiếc nón đã không là gì và đã tạo nên tất cả. Phải chăng đây tượng trưng cho triết lý cao xa của đạo Phật, mọi việc đều do tâm, có hay không ở nơi tâm cả.

[1] Bốn vị này là: Tản Viên Sơn Thần, Phù Đổng Thiên Vương, Liễu Hạnh Công Chúa, và Chử Đồng Tử. Xin xem trong Tín Ngưỡng Việt Nam của soạn giả.

[2] Lĩnh Nam Trích quái của Trần Thế Pháp, bản dịch của Lê Hữu Mục, Khai Trí xuất bản, in lần thứ nhất, Sài Gòn 1961. Nam Hải dị nhân của Phan Kế Bính, Mạc Lâm Sài Gòn 1968.

[3] Theo Phan Kế Bính là Chử Cù Vân.

[4] Mũ của vị tướng thời xưa khi đội ra trận.

[5] Chép theo thần tích xã Đa Hòa nên không thấy nhắc tới xã Tự Nhiên và nhiều xã khác cũng có thờ Chử Đồng Tử và hai phu nhân.

[6] Nay là phủ Khoái Châu.

[7] Theo Nguyễn Đăng Thục trong Tư tưởng Việt Nam, Tư tưởng triết học bình dân, Khai Trí, Sài Gòn 1965, trang 155-157.

Hội Vàm Láng với cỗ tục thờ và rước cá voi

Vàm là chỗ cửa sông. Vàm Láng là cửa rạch Vàm Láng thuộc địa phận xã Kiểng Phước tỉnh Gò Công (Tiền Giang) nơi đây có tục thờ và rước cá Voi, hàng năm dân chúng mở hội làm lễ rước cá Voi vào đêm 15 rằm ngày 16 tháng 6 âm lịch.

Tục thờ cá Voi

Trước khi nói tới Hội hè ở Vàm Láng chúng tôi xin được phép nói sơ qua tới tục thờ cá Voi của dân chúng các làng ven duyên, nhất là ở miền Trung và miền Nam.

Cỗ tục này được nhắc tới trong nhiều sách vở Việt Nam nhất là trong Đại Nam Nhất Thống Chí, quyển nói về Thừa Thiên, Linh mục L. Cadière cũng đã nhắc tới trong khi nghiên cứu về tín ngưỡng và tục ngữ bình dân vùng thung lũng Nguôn Sơn (Croyances et dictons populaires de la vallée du Nguon Son). Gần đây trong tập san Đề nghị tam cá nguyệt 1972 của Hội Nghiên cứu Đông Dương, cũng có một bài đề cập tới tục này.

Ở đây chúng tôi nhắc lại với thêm ít nhiều chi tiết mà trong những tài liệu trên không nhắc tới, những chi tiết này chúng tôi có được qua sự hỏi han các ngư dân các nơi vùng duyên hải.

Cá voi là gì?

Theo Đại Nam Nhất Thống Chí Thừa Thiên Phủ thì Cá Voi được gọi là Đức Ngư đầu tròn nơi trán có lỗ phun nước ra, sắc đen trơn láng, không có vảy, đuôi có hai vảy như đuôi tôm, cá tánh từ thiện hay giải cứu cho người khi qua biển mắc nạn. Đầu niên hiệu Minh Mạng vua đặt cho tên là Nhân Ngư, đầu niên hiệu Tự Đức đổi lại tên này (Đức Ngư). Loại cá này ở trong Nam Hải thì linh, còn ở biển khác thì không linh, sách An Nam Chí Dự Lục Ký của Cao Hùng Trưng đời Thanh nói: Cá này là thứ cá rất lớn trong loại cá Hải Thu có tên là Hải Tù, nó phun hơi ra rồi nước tản lên không trung gặp gió nước tản như mưa. Sách "Cách Trí kính nguyên" của Trần Nguyên Long đời Thanh dẫn sách "Chính Tự Thông" của Minh Tự Liệt đời Minh nói: Loại cá Bạch Ngư dài 20 trượng, tánh lương thiện hay cứu giúp cho người, thấy người ra biển làm cá mà bị con cá dữ khốn bức, thì nó giải cứu cho. Lại trong Bắc Sử nói: Nước Chân Lạp có loại cá tên là Kiến Đồng có 4 chân, không có vảy, mũi như cái vòi voi, hút nước phun lên cao năm sáu chục thước. Trên đây có nhiều thuyết đầu chép vào để bị khảo[1].

Qua những điều trên ghi trong các sách được nhắc lại bởi Đại Nam thống nhất chí, thì cá voi là một loại cá biển lớn không vảy, thường hay cứu người. Do sự cứu người này, những ngư nhân sinh sống về biển rất chịu ơn cá voi, và gọi tôn kính là cá ÔNG. Ngoài ra cá Ông còn được xưng tụng Cự tộc Ngọc Long tôn thần và đã từng được vua Gia Long phong là Nam Hải đại tướng quân, sắc phong hiện còn được lưu giữ tại nhiều lăng đình thuộc các vịnh miền duyên hải.[2]

Những ngư dân sinh sống về biển cả, khi gặp gió bão, cá ÔNG thường nâng đỡ thuyền bè chống sóng cả gió lớn đưa vào bờ.

Sự tích cá voi

Nằm trong tín ngưỡng của dân ta, nhất là dân chúng ven duyên hải có tục thờ cá voi, cá voi có một sự tích, sự tích thần bí cũng như các linh vật khác, sự tích thường được ngư dân nhắc nhở tới.

Tục truyền rằng cá voi là tiền thân của đức Quan Thế Âm Bồ Tát. Đức Quan Thế Âm đã có lần hóa thân để cứu khổ chúng sinh. Ngài hoá thân thành Ông Nam Hải đi tuần du biển Nam Hải.

Một hôm trên tòa sen nhìn lướt qua sóng gió đại dương Nam Hải, ngài không khỏi đau lòng thấy muôn ngàn sinh linh gặp cơn phong ba bão táp phải bỏ mình vì sóng gió, mà những nạn nhân đáng thương này chỉ là những ngư dân hiền lành chất phác lấy nghề đánh cá nuôi thân.

Trước cảnh tượng đau lòng đó, Bồ Tát liền cởi chiếc pháp y xé tan thành từng mảnh vụn ném xuống mặt biển mênh mông. Mỗi mảnh vụn theo nguyện ý của Bồ tát đã biến thành một cá voi với trách vụ cứu nguy đám ngư dân lâm nạn trước bão tố của Nam Hải Đại Dương. Kể từ đó, cá voi là ân ngư của đám thuyền chài sống về biển cả.

Tiếc thay! Hình vóc cá voi lúc đó tương đối nhỏ, không đủ sức chống trả với bao nhiêu sóng cả gió lớn bao phủ chiếc thuyền. Trước tình trạng ấy Đức Quan Thế Âm liền cấp tốc mượn bộ xương của ông Tượng trên rừng cho đàn cá. Nhờ được xương to, đàn cá có vóc lớn đầy đủ sức mạnh chống lại sức mạnh của đại dương. Từ đó cá mang tên CÁ VOI vì mượn xương voi và cũng vì to lớn như voi. Người ta còn bảo rằng hài cốt của voi và của cá voi giống nhau như một.

Nhờ sức vóc to lớn, cá voi mặc sức vẫy vùng ngoài biển cả, và đã đương đầu chống lại sóng to bão lớn, kèm giữ cho thuyền ghe được thăng bằng, không bị tan vỡ giữa sức tung hất của sóng gió, lại dìu cho thuyền ghe này vào tận bờ biển. Tuy nhiên, to lớn thì chậm chạp, nên nhiều trường hợp biết có thuyền chài ngộ nạn, nhưng ở quá xa, dù cá voi cố sức bơi tới cũng không cứu kịp nạn nhân. Để giúp cho cá voi làm tròn nhiệm vụ cứu nạn của mình, đức Bồ Tát đã ban cho cá voi phép thu đường, giúp cho cá voi ở bất cứ nơi nào, cần đến nơi nào để cứu nạn đều có thể kịp

thời. Nhờ có phép thu đường, cá voi đã kịp cứu các ghe thuyền lâm nạn không kể ở hải điểm nào, xa gần bao nhiêu.

Bởi vậy, những người dân sống về biển cả đều cầu nguyện đến cá voi mỗi lần gặp nạn. Theo ngư dân ven bờ biển Bình Thuận, họ có 12 câu nguyện gọi là Thập Nhị đại nguyện. Tương truyền là của Đức Quan Thế Âm truyền cho họ để cầu lên kêu cứu với Nam Hải Đại Vương trước mọi tai nạn.

Cá voi của vua Gia Long

Theo lời truyền tụng lại, khi vua Gia Long bôn tẩu trốn tránh quân Tây Sơn, một lần ở ngoài biển, nơi phía trước cửa sông Soài Rạp, ngài đã gặp một trận bão lớn. Thuyền ngài muốn đắm, trong tình trạng thập phần nguy hiểm. Ngài lâm râm cầu nguyện Trời đất và sau đó ngài đã được một cá Voi hiện tới, che chở cho thuyền ngài, đưa tới bờ tại Vàm Láng thuộc xã Kiếng Phước, tỉnh Gò Công (Tiền Giang).

Sau này, khi ngài đã thắng quân Tây Sơn, thống nhất đất nước, nhớ tới công ơn Cá Voi đã cứu ngài, ngài liền phong Cá Voi là Nam Hải Đại Tướng Quân với sắc phong được gửi tới các làng ven duyên hải gần nơi trước đây nhà vua đã nhờ cá Voi cứu thoát. Theo các ngư nhân vùng này sắc phong triều đình đã cấp cho ba xã Cần Giờ tỉnh Gia Định, Kiếng Phước tỉnh Gò Công, và Vĩnh Luông tỉnh Vĩnh Long. Tưởng nên nói thêm, sông Soài Rạp phân chia ranh giới giữa hai tỉnh Gia Định và Gò Công (Tiền Giang).

Các sắc phong của ba xã nói trên cho đến thời tiền thế chiến, xã Kiếng Phước vẫn lưu giữ tại Đình làng. Với các sắc phong, nhà vua đã ra lệnh cho các xã liên hệ phải lập đền thờ Nam Hải Đại Tướng Quân cho xứng đáng.

Ngư dân tôn thờ cá voi

Đối với dân các xã ven duyên sống về biển cả, người ta thật là cung kính khi nhắc tới Cá Voi. Họ gọi qua danh từ ông Nam Hải, và họ phân biệt

ông Lớn và ông Cậu, Ông Lớn chỉ loại cá voi to lớn, còn được gọi là Ông Khơi khi ở ngoài khơi, Ông Cậu chỉ loại cá voi nhỏ và còn được gọi là ông Lộng khi ở gần bờ. Ngoài ra những danh từ ông Thông, ông Chuông, Ông Máng cũng được dùng để gọi Cá Voi một cách tôn kính. Thêm danh từ Cá Ông rất thường dùng.

Theo những ngư dân Bình Thuận, song hành với việc cứu nguy dân chài, hàng ngày Ông Nam Hải còn tập trung cá đàn giúp ngư dân đánh lưới. Mỗi khi ngư phủ thấy Cá ông xơi, tiếng địa phương chỉ cá ông ăn cá, há miệng xốc tới đàn cá, người ta vội vàng chèo ghe tới bủa lưới. Thấy ngư dân đánh cá, cá ông tránh xa, nhường cá cho dân chài tha hồ thu hoạch.

Đối với dân chài, ân cá voi thật sâu, bởi vậy những ai đã sống về nghề chài lưới đều không thể vong ân bội nghĩa đối với Ông Nam Hải.

Cá ông khi chết được gọi là Lụy. Dân chài Bình Thuận cho biết, nếu ông chẳng may lụy ở ngoài khơi, lập tức có một ông khác kẻ lưng diu đưa thi hài ông vào tới gần bờ. Nơi đây ngư dân trông thấy, họ lập tức cho thuyền đón rước, cung nghinh xác ông vô lăng dinh vạn, nơi thờ cá ông. Trong những lần tiếp rước cung nghinh này, ngư dân thường được cá voi ở ngoài hải phận tỏ sự biết ơn và hài lòng đối với dân chài bằng cách thả ra làn khói trắng theo lỗ thông đạo ở đỉnh đầu, lỗ thông đạo chính là lỗ phun nước nhắc trong Đại Nam Nhất Thống Chí. Sau đó có những tiếng kêu bong bong, như chuông đồng ngân vang.

Mỗi lần chết, cá voi phải chịu trôi nổi lênh dênh trên biển cả, trong lúc dập dềnh trôi nổi này, bao giờ cá voi cũng nằm ngửa, theo ngư dân, lối nằm ngửa này cốt để bảo vệ ruột gan khỏi bị các loài thủy tộc khác xúc phạm ăn mất. Cũng theo ngư dân trong lúc dập dềnh trôi nổi, Ông Nam Hải được các vị thủy thần bảo vệ cho đến khi có ngư dân phát giác thấy đem thuyền đón rước cung nghinh.

Các thủy thần bảo vệ Ông Nam Hải gồm Cá Đao, Tôm và Mực là những thủy tộc có những vũ khí sắc bén chống lại bất cứ loài thủy tộc nào muốn xâm phạm tới mình ông.

Cá Đao có chiếc đao trước mũi, dài trên một thước, cứng như xương, hình răng cưa, sắc như cưa máy, dùng chém đuôi cá mập, cá xà. Mực có túi mực xịt khối lượng nước khổng lồ làm toàn vùng hải phận bị đen tối, trong khi đó tôm bể có cặp càng to lớn bén nhọn khác thường, dài trên hai thước sẽ tấn công các loại cá đến bu quanh xác chết cá voi.

Khi cá voi chết, ngoài việc nằm ngửa để bảo vệ ruột gan, còn có đặc điểm nữa: ruồi nhặng không bu vào xác chết cá voi như vào xác các sinh vật khác, và cũng không bao giờ thối rữa mà sinh dòi bọ.

Đám tang cá voi

Khi ngư dân khám phá ra cá voi chết, họ phải rước về làm đám tang để chôn xác ở Lăng dinh vạn, làng nào chôn ở địa phận làng ấy. Đám tang được cử hành long trọng.

Người trông thấy xác cá voi đầu tiên phải chịu tang trong đám táng, được coi là con ông Nam Hải. Người này ở địa phương nào được phép cung nghinh xác ÔNG về cấp táng ở Lăng Dinh và thường xuyên canh gác bên cạnh xác cá voi cho đến khi hoàn tất cuộc ma chay.

Lễ chôn cất cá ÔNG thay đổi tùy địa phương. Ở xã Cẩm An, tỉnh Quảng Nam, trong việc chôn cất cá ÔNG, hoặc người ta mổ ra để đựng vào nhiều quan tài, hoặc trong trường hợp xác ông quá lớn, nếu xẻ ra phải để vào quá nhiều quan tài bất tiện, người ta lập trại quan thi hài ông ngoài bể chờ cho thối rữa ra, có khi hàng tháng mới đem bộ hài cốt về thờ.

Ở các xã thuộc tỉnh Bình Thuận, người ta di chuyển nguyên cả xác cá ông về Lăng Dinh cấp táng. Có điều đáng chú ý là xác cá ông lớn, họ vẫn di chuyển được, nhưng phải do chính những ngư phủ thuộc cùng địa phương với người đã thấy xác cá ông đầu tiên. Nếu chẳng phải là người bắt gặp xác Ông đầu tiên dù có huy động bao nhiêu người cũng không xê dịch nổi xác ông, trái lại, chỉ cần một số ít ngư phủ cũng xê dịch nổi, nếu đây là đám ngư phủ do người phát giác ra xác Ông huy động.

Trong lễ chôn cất cá ông, có một điều giống nhau tại khắp mọi địa phương: người thấy cá ông đầu tiên trong đám tang phải ăn mặc tang phục như một trưởng nam, và trong lúc đưa đám tang phải đi lùi trước linh cữu.

Ông Anh Hạ, một nhân viên Ty Thông tin Hội An trước đây trong bài dự thi văn chương, do Bộ Thông tin tổ chức năm 1967 nhan đề ÔNG LỤY có đoạn tả đám tang Cá ông ở Cẩm An như sau:

"Cốc! Cốc! Cốc! Thanh âm chát chúa của đôi sinh gõ chạm vào nhau hòa với tiếng nhạc bi ai hỗn hợp của trống kèn, thanh la, tiêu quyển... khiến cho kẻ tâm hồn cứng rắn đến đâu cũng phải bồi hồi cảm xúc.

"Dưới lệnh chỉ huy của ông "TỔNG" và sự đôn đốc của bốn vị "ĐẦU ROI" trang phục như các viên tướng trong tuồng hát bộ, đoàn "Âm Công" trên 50 người đầu vấn khăn tang, đồng phục quần cụt đen, áo lót trắng mới tinh, tiến những bước nhỏ đều và hết sức nhẹ nhàng dưới bụi thu mờ ảo. Trên vai họ là chiếc linh cữu to tướng sơn đen viền đỏ, để trong một tòa nhà gỗ màu sắc lộng lẫy, bốn phía có sáo màn che kín và có treo nhiều gốc trúc tiệp trở thành hình tứ bửu hay long lân quy phụng sơn dầu trông bóng nhoáng.

"... Người trưởng nam mặc đại tang, dây rơm mũ bạc cầm đuốc đi giạt lùi trước linh cữu..."

Chôn cá ông tùy theo ông Lớn hay ông Cậu, sự chôn cất hơi khác nhau. Với ông Lớn người ta xây bọc bằng ván bao quanh, trên đổ cát trắng tinh, với ông Cậu, người ta an táng nơi mộ phần[3]. Trong lễ này, toàn thể ngư phủ trong làng có bốn phận tập trung đông đủ để cử hành lễ mai táng cho trọng thể, lễ diễn ra trong ba ngày đêm liên tục. Đúng ba năm thịt cá voi rửa hết, người ta lại phải làm lễ quật mồ, hốt cốt đem vào lãng để thờ gọi là Ngọc cốt. Ngọc cốt được rửa bằng rượu trắng và phơi khô do một ngư phủ cao niên phụ trách, rồi được cho vào thùng niêm phong cẩn thận.

Người thọ tang phải chịu tang trong ba năm, tang phục thay đổi tùy nơi. Ở Bình Thuận, người này phải bịt khăn điều. Trong khi thọ tang, phải có cử hành những lễ nghi theo tục lệ cổ truyền:

3 ngày sau phải làm lễ tạ mộ, lễ mở cửa mả.

21 ngày phải làm lễ cầu siêu.

100 ngày phải cúng tuần bách nhật, tuần Tốt khốc.

Đúng một năm sau phải làm lễ tiểu tường.

3 năm sau phải làm lễ đại tường[4].

Cùng với lễ đại tường là lễ hốt cốt giống như lễ cải táng đối với con người, chỉ khác ở chỗ, hài cốt người ta cải táng để chôn đi nơi khác, còn đối với cá voi, cải táng để mang hài cốt vào dinh vạn tôn thờ. Lễ cải táng này được gọi là Thượng Ngọc cốt, và khi đưa cốt vào dinh vạn, ngư dân gọi là thỉnh ngọc cốt.

Theo lời ngư dân, trong thời gian ba năm chịu tang người trưởng nam của ông thường luôn khỏe mạnh, nhưng về đường tài lợi chỉ được ở mức trung bình. Tang mãn, người này sẽ làm ăn thịnh vượng và gặp nhiều may mắn.

Trong lúc thọ tang, đương sự phải giữ mình tránh mọi sự bê tha, nhất là những hành động có hại tới uy tín của ông. Thí dụ nếu rượu chè say sưa, lập tức bị ông hành. Nạn nhân sẽ la hét om sòm, nhảy múa tung tăng hết ngày nọ tới ngày kia, nhảy hét cho đến khi mệt lả sẽ tới năm vật bên cạnh mộ ông, tỉnh dậy lại la hét nhảy múa, cho đến khi nào thân nhân biết làm lễ tạ mới hết bị hành.

Lễ thỉnh ngọc cốt

Đám tang cá voi long trọng, lễ thỉnh ngọc cốt cũng long trọng không kém.

Ông Thái Văn Kiểm đã viết về lễ này qua những điều ông được chứng kiến ở Vàm Láng vào năm 1957[5]:

"Ông Hương Cả, mặc lễ phục, khẩn với ông xin thỉnh ngọc cốt lên chùa.

"Một keo âm dương bằng hai đồng tiền, gieo trong một chiếc đĩa nhỏ, nếu được nhất âm nhất dương là ông ưng thuận.

"Lúc đó người ta mới thượng ngọc cốt, xương cốt của ông được bày trên một chiếc nong và được rửa hai lần bằng nước hoa và nước ngũ vị hương nóng.

"Những bộ phận của hài cốt được gói trong vải đỏ cùng với vàng mã và đặt trong nhiều chiếc quan tài lớn di chuyển vào chùa".

Sau lễ thỉnh ngọc cốt, ngày hôm sau có lễ rước Ông theo như tục lệ vẫn được cử hành trong những ngày hội vào đêm ngày 15 rạng ngày 16 tháng Sáu tại nơi đây.

Cá voi với ngư dân Vàm Láng

Như trên đã trình bày, Kiểng Phước bao gồm cả Vàm Láng là một trong ba xã đã nhận được sắc phong của vua Gia Long để thờ phụng cá voi.

Ngoài sắc phong, cá voi đối với Vàm Láng còn có nhiều liên hệ khác. Dân chúng nơi đây thuật lại rằng trước đây thời ông Huỳnh Văn Bính lãnh đạo ngư dân Vàm Láng có một lần trời mưa liên tiếp trong ba ngày. Theo kinh nghiệm, đây là điềm báo có cá voi đạt vào bờ, lập tức ông phụ tá của ông Bính, ông Vạn vượt sông Soài Rạp qua phía làng Đông Hòa thuộc tỉnh Gia Định (thành phố Hồ Chí Minh) để tìm kiếm. Ông đã thấy một xác cá voi, chỉ có một khúc giữa, riêng khúc giữa này đã to bằng một chiếc thuyền lớn. Ông điều động ngư dân di chuyển khúc xác này về xã Kiểng Phước và để chờ cho thối rữa, hốt cốt vào một chiếc quan tài thờ ở Vàm Láng, cốt này còn tồn tại cho tới ngày nay, luôn luôn được sự tôn kính của dân làng.

Ít lâu sau, một ngư dân xã Phước Hải, tỉnh Bà Rịa ngày nay, tới Vàm Láng điều đình xin mua lại hài cốt khúc xác cá voi nói trên với giá một trăm quan tiền.

Ngư dân này bảo rằng chính Ông qua một cuộc ngồi đồng đã báo cho dân xã Phước Hải biết nguyên do Ông phạm lỗi với Thượng đế bị xử tội chặt làm ba khúc rải rác ở ba nơi: đầu ở Phước Hải, thân ở Kiếng Phước và đuôi ở Vũng Tàu. Ông lại cho biết nếu dân xã Phước Hải tập trung được cả ba khúc của ông về thờ, làng xã sẽ thịnh vượng.

Dân chúng Vàm Láng đã không thuận nhượng lại cho xã Phước Hải hài cốt của Ông, họ giữ lại thờ và được sự che chở của Ông.

Ngoài câu chuyện trên, dân chúng Vàm Láng còn nhắc đến câu chuyện sau đây:

Hai năm sau việc dân xã Phước Hải điều đình mua lại cốt cá ông, một hôm, một dân chài tên là Sự tung lưới đánh cá đã kéo lưới được một xác cá voi nhỏ, nhưng vì không hiểu sự linh thiêng của cá voi, anh Sự đã thả xác cá này trở lại biển cả. Xác này lại dạt vào bờ xã Tân Bình Diên, ở phía nam Vàm Láng đôi chút và được hai người bắt cua là Mạnh và Nhiên trông thấy, nhưng họ không hiểu đó là xác vật gì. Nhiên, với chiếc móc cua, bổ vào xác này và lôi ra một miếng thịt. Lập tức hấn lên cơn sốt mê man, không tìm đường về nhà, qua đêm trong rừng. Thấy vậy Mạnh khẩn:

"Nếu Ngài là Ông, xin cho Nhiên khỏi bệnh ngay, chúng tôi sẽ báo cho dân làng biết để rước Ngài về thờ".

Lập tức Nhiên khỏi bệnh, tỉnh táo để trở về nhà. Trong lúc ấy Mạnh vội vã đi báo cho ngư dân Vàm Láng biết. Lập tức, đám ngư dân này mang thuyền đi để rước Ông về. Khi họ tới nơi, trời vừa tối họ phải đặt đuốc tìm nhưng không kiếm thấy xác Ông. Mạnh lại khẩn:

"Ông linh thiêng xin làm con hắt hơi, khi con đi cạnh xác ông."

Một lát sau, Mạnh hắt hơi. Những ngọn đuốc tập trung quanh nơi đó đã giúp đám ngư dân thấy xác ông.

Xác này được di chuyển về chùa Vàm Láng. Ở đây Sự đã nhận ra chính là cái xác cá mình đã thả trở lại biển cách đây chín ngày khi anh ta tung lưới đánh cá. Xác còn nguyên vẹn chưa bị tan rữa, ruồi kiến đều không bu tới.

Tang lễ đã cử hành. Sự và Mạnh đóng vai hiệu chủ thọ tang. Hài cốt của cá voi này được thờ cùng một nơi với phần hài cốt của cá voi đã nói trên.

Sau đó Sự và Mạnh làm ăn thịnh đạt, mỗi lần ra khơi đánh cá đều có kết quả tốt. Con cháu các ông này, cho đến trước năm 1945 vẫn sinh hoạt thịnh vượng ở Kiếng Phước.

Ngư dân Vàm Láng luôn luôn được sự che chở của cá Ông. Nhiều người đi biển gặp tai nạn đã được cá Ông cứu.

Đám rước cá voi

Vàm Láng thờ cá voi, hàng năm có lễ rước cá voi trong đêm hôm rằm rạng ngày 16 tháng Sáu âm lịch. Ông Gamichon trong tập san Indochine, số 112, đề ngày 22-10-1942 có thuật lại buổi lễ được cử hành trong tháng Sáu âm lịch năm đó, năm Nhâm Ngọ, theo Tây lịch là đêm 27 rạng ngày 28 tháng 7 năm 1942.

"Cuộc lễ bắt đầu ở ngay nơi thờ phụng Ông vào lúc 11 giờ đêm, có các nhà sư tụng kinh. Lễ vật gồm vàng mã bánh trái bày la liệt trên một chiếc giá đặt trước bàn thờ.

"Chư sư tụng kinh vào khoảng một tiếng đồng hồ, sau đó vàng mã được đem hóa, bánh trái chia cho trẻ em trong làng.

"Đúng một giờ sáng là lễ Nghênh Ông:

"Một chiếc thuyền trang hoàng lộng lẫy có đặt bàn thờ với đồ lễ mặn, heo quay và các đồ lễ khác dùng để rước Ông, chở ông Hương Cả, các

quan viên chấp sự, các nhạc công và các ca nhi tiến trên rạch Vàm Láng về phía sông Soài Rạp, ngừng ở trước cửa sông, phía bờ biển cách Vàm Láng ước chừng hai cây số. Ở đây, vàng hương được đốt lên, ông Hương Cả và các quan viên làm lễ nghênh ông. Âm nhạc nổi lên hòa với giọng ca của các ca nhi.

"Lễ tất, chiếc thuyền nghênh ông trở về theo lộ trình cũ trên rạch Vàm Láng:

"Hai bên rạch, thuyền lớn thuyền nhỏ đều chằng đèn với các màu sắc rực rỡ từ khoang thuyền lên mũi thuyền và lên cả cột buồm, từ đầu thuyền tới cuối thuyền.

"Trên bờ, tại các nhà dân chúng hai bên, các bàn thờ được bày ra để đón tiếp Ông với một sự hân hoan nồng nhiệt của mọi người.

"Khi chiếc thuyền nghênh Ông trở lại tới rạch, một tiếng ồn ào reo hò nổi lên liên tiếp cho tới khi thuyền ghé trước nơi thờ tự, những tràng pháo liên tiếp nổ từ các thuyền lớn nhỏ để đón mừng Ông đang ngự trên chiếc thuyền lễ.

"Rạch Vàm Láng đã được trăng rằm soi sáng càng tương bừng sáng rực hơn với muôn ngàn ngọn đèn lồng sặc sỡ ở trên bờ, ở dưới sông.

"Thuyền lễ ghé bến, đình trâm được trịnh trọng rước về nơi thờ phụng để làm lễ An vị.

Lễ An vị cử hành với ông Hương Cả làm chủ lễ ở ngay trước bàn thờ thần, nơi nhà tiên tế, theo nghi thức cổ truyền.

"Sau đó là lễ túc trực và lễ túc trực cũng cử hành như tại các đình đền khác trong những ngày hội".

Theo dân chúng Vàm Láng, trong ngày hội có thể ở ngoài khơi có cá ông về dự, nếu từ trong bờ người ta thấy ở xa xa những tia nước bắn vọt lên

cao. Trong trường hợp này, dân chúng vui mừng lắm, sự hiện diện của ông báo hiệu một năm thịnh vượng được mùa cá.

Theo ông Thái Văn Kiểm trong tài liệu đã dẫn, trong dịp dân chúng Vàm Láng tổ chức để rước ngọc cốt của một cá voi tử lụy năm 1957, ngoài những nghi thức cử hành như ngày hội nói trên, còn có một đám rước đi quanh phố xá tới nhà vị hương chức có nhiệm vụ giữ gìn sắc phong của triều đình. Sắc phong được đặt lên bàn thờ, sau đó bàn thờ được rước xuống thuyền và thuyền tiến ra biển để làm lễ nghênh Ông.

Mê tín hay tín ngưỡng

Hội Vàm Láng, lẽ ra chúng tôi ngưng bút ở nơi đây, nhưng nhân dịp xin được phép trình bày thêm mấy dòng và một đôi điều liên quan tới tục tôn kính cá Ông, sự tôn kính đã đi tới một mức tin tưởng hầu như mê tín, và đã có một số người lợi dụng sự tin tưởng này.

Theo một số người thuộc các tỉnh duyên hải phía Bắc Trung Việt, sự linh thiêng của cá ông đã đi đến việc nhập cốt lên đồng. Một thiếu niên chưa lập gia đình và chưa có những giao du xác thịt được lựa chọn để ngồi cốt lên đồng. Trong lúc nhập đồng, thiếu niên sẽ kể lại tai nạn cá voi đã gặp để đi đến tử lụy, và báo trước mùa màng trong năm xấu tốt. Việc lên đồng thường chỉ có khi dân chúng mới bắt gặp một xác cá voi dạt vào bờ.

Tại Bình Thuận, trong những ngày đầu năm, ngư dân thường tới Lăng Dinh Vạn lễ để mừng tuổi Ông nhân dịp năm mới và đồng thời xin xăm. Họ tin rằng lá xăm cho họ biết trước những sự rủi may trong năm.

Vì ngư dân sùng tín cá Ông nên đôi khi đã có những tệ trạng sau đây:

Trước đây có một số ngư phủ bất chính tổ chức việc câu bắt cá voi bằng một loại lưới câu vô cùng nguy hiểm gọi là Câu Kiêu. Xác cá voi câu được họ bán cho các ngư dân vẫn hằng tin tưởng tôn kính cá Ông. Nghề câu kiêu không tiếp tục được vì ngư dân khiếu nại, và chính các đương sự cũng gặp những sự thất bại.

Lại có một thiếu số ngư phủ, mỗi khi bắt gặp cá voi tử lụy họ tìm cách tung tin cho các ngư dân biết, những ngư dân hiền lành này phải chuộc xác, tục gọi là Chuộc Ông, chuộc Cậu, để lo mai táng.

Tục thờ và rước cá Voi đã ăn sâu vào nếp sống ngư dân Việt Nam. Theo các người hiểu biết, sự tín ngưỡng cá voi do dân Chàm truyền lại cho ta cùng với những nghi thức thờ cúng cá voi, nghi thức đó ngày nay còn tồn tại với những hội hè đình đám hàng năm như ở Vàm Láng.

[1] Đại Nam Thống Nhất Chí, Thừa Thiên phủ, tập hạ, bản dịch Tu Trai NGUYỄN TẠO, Nha Văn Hóa, Bộ Quốc Gia Giáo Dục xuất bản, 1962, trang 111-112.

[2] Ngoài cá Voi ra, còn có các thủy tộc khác được dân chúng tôn sùng và cũng được sắc phong. Xin xem trong TÍN NGƯỠNG VIỆT NAM Quyển hạ của soạn giả.

[3] Tục lệ ở Bình Thuận. Tục lệ này khác tục lệ ở Cẩm An nói trên.

[4] Muốn hiểu những lễ này, xin đọc trong Nếp Cũ. Con người Việt Nam của soạn giả.

[5] Thái Văn Kiêm: *Le culte de la baleine. Bulletin de la Société des Etudes Indochinoises - Nouvelle série - Tome XLVII, No2. 2e Trimestre 1972, trang 311 - 326.*

Hội Thị Cầu

Với các cổ tục:

Ném pháo

Thi cỗ

Thường tiền ca nhi hát thờ.

Thả chim thi

Hát tướng quân.

Làng Thị Cầu, tổng Đỗ Xá, huyện Võ Giàng, tỉnh Bắc Ninh (Hà Bắc) hàng năm mở hội vào tháng tám từ mồng bảy đến hết ngày mười sáu. Làng thờ Thánh Tam Giang, một danh tướng đời Tiền Lý.

Làng Thị Cầu với Đình Kim

Làng Thị Cầu nằm trên quốc lộ số I, bên sông Nguyệt Đức xưa còn gọi là sông Như Nguyệt. Từ Hà Nội đi Lạng Sơn, quốc lộ đi qua tỉnh lỵ Bắc Ninh, khi tới huyện lỵ Võ Giàng là bắt đầu bước chân vào địa hạt Thị Cầu. Quốc lộ đi xiên qua làng, leo con dốc ven ngọn đồi Đình Sơn, tục gọi là núi ông Thiêng Bà Thiêng. Nơi đây có đền thờ hai ông bà rất linh thiêng. Đi hết dốc, con đường lần trở xuống để qua sông Như Nguyệt bằng một chiếc cầu sắt, vượt khỏi chiếc cầu sắt tới làng Nam Ngạn thuộc địa hạt tỉnh Bắc Giang (Hà Bắc). Ở bên này cầu sắt vẫn là đất Thị Cầu và dân chúng nơi đây sống thành một ấp riêng biệt, gọi là Tân Ấp. Quốc lộ số I, tuy chạy qua Thị Cầu, nhưng thật sự chỉ đi ven bên làng. Một lối khác đi vào giữa làng, du khách khi vượt khỏi huyện lỵ Võ Giàng độ 300 thước phải rẽ theo một con đường về phía tay mặt, đường khá rộng lớn, và trước đây khi chiếc cầu sắt trên sông Như Nguyệt chưa thiết lập, con đường này chính là một đoạn đường của quốc lộ đi thẳng tới bến sông thuộc địa phận làng Đáp Cầu, trước đây thuộc làng Thị Cầu, mới thành

lập biệt xã hơn 100 năm nay. Từ chỗ rẽ này, độ 500 thước nữa là tới đình Kim, đình làng Thị Cầu và nơi đây cũng là trung tâm điểm của làng. Đình Kim là một ngôi đình cổ đồ sộ được liệt vào hàng cổ tích, theo dân làng xây từ đời nhà Lý. Đình trông thẳng ra đường cái. Bên trái đình, là chợ Thị Cầu, một ngôi chợ to lớn rộng rãi, một tháng họp sáu phiên lớn để mua bán gia súc: trâu, bò, heo... vào các ngày 3, và ngày 8, còn ngoài ra hàng ngày chợ vẫn họp giữa dân làng và các xã lân cận.

Làng Thị Cầu nằm giữa thung lũng của hai ngọn núi Thiềm Sơn và Chu Sơn, với một dân số khá đông, không kể phụ nữ và lão ấu, làng có 1.500 xuất đinh, làng không giàu nhưng sầm uất, dân làng có nghề làm pháo, ngoài nghề nông, và phụ nữ Thị Cầu buôn bán đảm đang có tiếng. Các bà đi chợ nuôi chồng, sự đảm của gái Thị Cầu được nhắc nhở qua mấy câu ca dao:

Em là con gái Thị Cầu,

Em đi bán chỉ ở đầu đình Kim.

Trai Đáp Cầu đi thâu nuôi vợ,

Gái Thị Cầu đi chợ nuôi chồng.

Đã đảm đang, con gái Thị Cầu lại xinh đẹp duyên dáng, khi các cô đi chợ ở các làng bên, nhiều chàng trai thường say mê các cô, có khi đến tương tư:

Thị Cầu có quả cau đầu,

Ném sang Cồ Mễ ốm đau cả làng

Quả cau đầu đây là cô gái mới lớn, cô đi buôn bán qua làng Cồ Mễ, cách đó chừng 2 cây số, tất cả trai làng này đã say mê đến tương tư.

Thần tích

Đức Thánh Tam Giang tên thật là Trương Hát, một tướng tài, em của tướng Trương Hồng, đời Tán Lý. Khi Triệu Việt Vương tiếp theo sự nghiệp của Tiên Lý Nam Đế chống quân Tàu, Trương Hồng và em là Trương Hát cùng đi theo và đã lập được nhiều công trạng trong việc đánh đuổi quân giặc. Sau này, Lý Phật Tử phản ước đánh thẳng Triệu Việt Vương, anh em họ Trương không ai chịu ra giúp Phật Tử, bỏ trốn vào núi Phù Long. Lý Phật Tử, lúc đó là Hậu Lý Nam Đế vời hai ông không được liền tìm cách sát hại. Hai ông đều uống thuốc độc tự tử.

Về sau, Nam Tấn Vương Ngô Xương Văn sắc phong cho cả hai anh em: Trương Hồng tước Đại Dương Giang đô hộ quốc thần vương và sai lập đền thờ ở cửa sông Như Nguyệt, Trương Hát tước Tiểu Dương Giang đô hộ quốc thần vương và sai lập đền thờ ở cửa sông Nam quận, tức là sông Thương ngày nay, và đền thờ này ở làng Phượng Nhỡn, huyện Yên Dũng tỉnh Bắc Giang.

Hai ông quê ở xã Vân Mẫu, tổng Vân Mẫu, huyện Võ Giàng tỉnh Bắc Ninh. Sở dĩ dân làng dùng danh từ Thánh Tam Giang vì đền thờ chính của Trương Hát ở xã Phượng Nhỡn, huyện Phượng Nhỡn tỉnh Bắc Giang, tại cửa sông Tam Giang (sông Thương).

Tại miền Bắc, rất nhiều làng thờ hai vị này, trong số đó có làng Thị Cầu thờ Tiểu Dương Giang ở bên này sông và ở bên kia sông, đối diện với Tân ấp của làng Thị Cầu, làng Nam Ngạn, thờ Đại Dương Giang.

Danh từ Đức Thánh Tam Giang thường dùng để chỉ cả hai vị, và Tam Giang đây là ba con sông Thương, sông Cầu (Như Nguyệt) và sông Đuống, hai vị được coi là thần của cả ba con sông này.

Làng Thị Cầu và làng Nam Ngạn thờ hai anh em Đại Tiểu Dương Giang nên hai làng có tục giao hiếu với nhau, trong những kỳ hội hè, làng nọ phải rước sang làng kia.

Thời gian mở hội và các cỗ tục

Làng Thị Cầu mở hội từ ngày mồng 7 tháng Tám bắt đầu bằng cuộc rước nước. Ngày hôm nay làng làm lễ cáo yết, rồi rước nước cử hành, nước lấy ở sông Như Nguyệt, và ngày hôm đó, vào buổi chiều là lễ mộc dục.

Lễ mộc dục cử hành ở đền Sim, xây ở lưng chừng núi Thiềm, mặt đền quay về hướng Tây. Đền Sim mới chính là nơi thần linh bằng y an ngự, còn đền Kim chỉ là nơi thờ vọng.[1]

Lễ mộc dục, tế gia quan thực hiện ở đền Sim. Ngày mồng 8 tháng Tám, dân làng rước thần về đình Kim và ở đây mọi cuộc tế lễ theo nghi thức được cử hành trong suốt thời gian mở hội.

Ngày mồng mười dân làng rước thần tới yết Phật ở chùa Điều, nơi đầu làng. Thần vị lưu lại chùa một đêm nghe kinh và sáng ngày 11, dân làng lại rước thần trở lại đình Kim.

Trong khi làng Thị Cầu mở hội, làng Nam Ngạn bên kia sông cũng mở hội. Trong thời gian này, do ước định trước, ban hội đồng làng Nam Ngạn có sang lễ thần ở làng Thị Cầu, có năm có đám rước từ làng Nam Ngạn sang Thị Cầu, và trái lại cũng có năm, làng Thị Cầu rước thần sang làng Nam Ngạn.

Rước sách tế lễ với những trò vui cổ truyền cho đến hết đêm 16 tháng Tám.

Ca nhi hát thờ và lệ thưởng tiền

Kể từ ngày mồng tám, Thần linh ngự tại đình làng dân làng cắt cử một số các quan viên luôn luôn túc trực tại đình để trông nom việc phụng tự. Suốt trong những đêm này dân làng mời ca nhi hát thờ thần. Ca nhi hát, dân làng đã có tiền thù lao, nhưng ngoài món tiền thù lao này, làng còn lệ thưởng tiền cho quản giáp và các đào nương.

Trong khi ca nhi hát thờ, các bậc đàn anh trong làng luân phiên cầm trống châu, thường hát thờ là hát ả đào. Lệ thưởng tiền quản giáp và các đào nương là một lệ đặc biệt và cũng rất vui. Lệ này không phải đêm nào

cũng có, thường dân làng chỉ tổ chức một hai đêm, nhất là đêm hôm rã đám.

Đêm nào hát thần có lệ thường tiền, đình làng có vẻ tưng bừng nhộn nhịp hơn mọi đêm khác, đèn nến sáng trưng trên bàn thờ và hai bên sân đình.

Bọn ả đào ngồi hát ở dưới chiếu, trước bệ thờ. Hai bên là các cụ và các quan viên trong làng. Phía đằng sau là dân làng đứng nghe hát, có rất nhiều thanh thiếu nữ trong làng.

Mỗi lần ca nhi hát một đoạn, dân làng lại cắt cử một chàng trai thuộc hạng thập bát thường tiền. Tiền của dân, chàng trai phải thường tiền đồng dạc qua những điều ước định trước.

Chàng trai phải bước xuống chiếu hát, tay cầm tiền của làng, gọi từ quản giáp tới các đào nương, mỗi lần gọi phải chờ tiếng dạc, lời gọi phải đường hoàng gãy gọn, không ấp úng, không sai lầm, không lập đi lập lại.

Đào nương kia ơi!

Dạ!

Quản giáp kia ơi!

Dạ!

Trước xướng thờ đức Thượng đấng tối linh, sau tiền

dân anh thường nhé!

Dạ!

Chỉ có mấy lời dễ dàng như vậy, nhưng các chàng trai thường không gọi lầm thì nói nhịu, không nói nhịu thì bỏ sót. Chàng trai trong khi gọi thường tiền phải nghiêm chỉnh không được cười và trước khi ném tiền thường xuống chiếc mâm thau dưới chiếu, chàng phải chờ tiếng "dạ" cuối cùng.

Trước số đông dân làng, trong số đó có cả các cô thiếu nữ trẻ tươi xinh đẹp đang chăm chú nhìn theo từng cử chỉ nghe từng tiếng gọi, chàng trai tránh sao khỏi thẹn thùng ngượng nghịu! Ấy là chưa nói tới một đôi cô ranh mãnh thường chọc ghẹo các chàng, khiến các chàng hoặc mặt nóng ran, đỏ dừ hoặc bật cười mất vẻ nghiêm trang. Có nhiều chàng lúng túng quên cả câu nói, ném vội số tiền làng thưởng cho ca nhi rồi rút lui! Nhưng đâu có được! Những ai làm lẩn trong câu nói mất nghiêm chỉnh đều phải làm lại việc thưởng tiền, và những lần làm lại, các chàng phải tự bỏ tiền túi ra!

Mỗi chàng trai làm lộn lại tạo những tràng cười cho dân làng, nhất là cho các cô thôn nữ, và những lần làm lại, các chàng càng mất bình tĩnh, các cô càng có những câu nói ghẹo khiến các chàng thẹn thêm. Tiếng cười vang động trong đình, thật là vui!

Cuộc vui kéo dài cho tới khuya.

Thi cỗ

Cuộc thi cỗ được tổ chức vào đêm hôm rã đám. Làng Thị Cầu có bốn giáp: Giáp Đông, Giáp Bắc, giáp Giữa, giáp Già. Con trai các giáp từ 18 đến 20 tuổi được cử đi rước thần, và chính những thanh niên này được phép dự cuộc, thi cỗ ngày rã hội.

Thi cỗ là của trai thanh tân, nhưng làm cỗ lại là công việc của các thanh nữ trong làng. Đây là một cách khuyến khích gái làng trong việc bếp núc. Cô gái nào có anh, em hoặc đôi khi các chú trong gia đình dự thi cỗ, đều phải lo tới mâm cỗ thi. Qua các mâm cỗ này, các bà mẹ trong làng thường kén chọn con dâu.

Việc chấm cỗ do một hội đồng dân làng cử ra, thường gồm ông Tiên chỉ làng, các ông thủ chỉ giáp và một số các bô lão quan viên.

Chấm các mâm cỗ, hội đồng chú ý tới sự tinh khiết sạch sẽ, hội đồng cũng chú ý tới các món ăn trên mỗi mâm cỗ.

Có nhiều món ngon chưa đủ, các thiếu nữ cần phải biết cách biến chế, nghĩa là phải có sáng kiến, để với những thổ sản trong vùng tạo nên những món ăn hấp dẫn, có thể qua hình thức là lạ, qua mùi vị là lạ, nhưng chất món ăn vẫn chỉ là những đồ ăn thường dùng. Hội đồng cũng chú ý tới cách trình bày mâm cỗ cho có mỹ thuật và có những hình ảnh độc đáo. Thí dụ mâm cỗ dùng đồ ăn tráng miệng là bưởi, thiếu nữ làm cỗ có thể kết bằng tôm bưởi lộn ngược thành một con kỳ lân đứng sừng sững ở góc mâm cỗ như để canh chừng. Con kỳ lân có thể có đôi mắt gắn bằng đôi hạt sen già và có một bộ lông rất đẹp kết bằng những múi bưởi đào hồng nhạt, bên những múi bưởi trắng trong xanh.

Cuộc chằm cỗ bắt đầu sau lễ cúng thần buổi tối. Quang cảnh làng thật tưng bừng nhộn nhịp. Trai thanh tân dự cuộc thi cỗ cho người nhà gái ra từ lúc trời còn sớm, những mâm cỗ giáp này xếp riêng ra giáp đó. Đèn nến trong đình sáng trưng, những mâm cỗ nhìn thật đều thật đẹp. Bên cạnh những mâm cỗ cầu kỳ, có những mâm cỗ giản dị, nhưng qua cái giản dị, người ta vẫn thấy cái khéo léo của cô gái lo lắng cho mâm cỗ. Mâm nào mâm nấy đều tinh khiết sạch sẽ.

Cỗ chằm riêng cho từng giáp và cũng sắp hạng cho từng giáp.

Khi ban hội đồng đi chằm cỗ, những chàng trai thi cỗ cũng đi theo, và có thể nói được rằng, cả các cô gái làm cỗ cũng có mặt lẫn lộn trong đám đông, và các cô đang chăm chú nghe lời bàn tán của hội đồng chằm cỗ về mâm cỗ của mình.

Sau khi đi qua, xem xét hết các mâm cỗ của bốn giáp, hội đồng mới họp bàn và tuyên bố giải nhất của mỗi giáp.

Tục thi cỗ đối với dân làng đôi khi là một sự tốn kém cho nhiều gia đình muốn làm những mâm cỗ sang với những món ăn đắt tiền, nhưng sự tốn kém không phải của tất cả những gia đình có con trai dự thi cỗ. Nếu những gia đình phong phú, nhân dịp này khoe giàu với dân làng, thì những gia đình khác chỉ thấy đây là một dịp để các con em cố gắng trong việc bếp núc, tự tạo lấy những món ăn mới qua sáng kiến riêng. Cách

bày biện mâm cỗ, cách trang trí cho mâm cỗ cũng đã chứng tỏ sự khéo léo của nhiều thiếu nữ trong làng, và nhiều bà mẹ đã kén được nàng dâu ngoan ngoãn qua các mâm cỗ.

Ném pháo

Làng có nghề làm pháo, mỗi năm Tết đến, dân làng đua nhau đốt pháo, và những ngày hội làng cũng là dịp đốt pháo, pháo đốt trong những lúc tế lễ rước sách. Đặc biệt nhất là tục ném pháo của dân làng. Ném pháo ở đây không phải trai gái đốt pháo ném lẫn nhau như ở nhiều hội xuân các nơi khác. Đây là một lối chơi cần sự khéo léo và kiên nhẫn của những người dự cuộc.

Hàng năm cuộc ném pháo được tổ chức hai dịp, vào mồng ba tháng Giêng và 16 tháng Tám âm lịch.

Cuộc vui ném pháo, thường được toàn thể thanh niên và cả những đàn ông đứng tuổi trong làng tham dự, tổ chức ngay trước cửa đình phía ngoài Tam quan, trên sân gạch nhỏ trước Tam quan.

Một quả pháo đại to bằng một gióng tre treo lơ lửng trên một cột cờ tại đây. Pháo áo hồng điều còn được trang điểm thêm bằng giấy màu ngũ sắc rực rỡ và giấy trang kim vàng óng ánh. Quả pháo lớn, ngòi pháo cũng lớn. Đây là một chiếc ngòi tết ba, nghĩa là tết bằng ba chiếc ngòi nhỏ.

Quả pháo đại treo đó, cả làng cùng có quyền đốt. Ai đốt được quả pháo này được dân làng hoan hô và hội đồng làng còn đến mừng một bánh pháo toàn hồng, nhưng đốt pháo không phải cầm lửa châm lên ngòi pháo, phải dùng pháo nhỏ, đốt rồi ném lên pháo lớn, ném làm sao để khi pháo nhỏ nổ, lửa ở thuốc pháo hoặc ở xác pháo nhỏ sẽ bắt sang ngòi pháo lớn. Có thể nói đây là một sự rất khó khăn, ném pháo nhỏ trúng pháo lớn đã là khó, ném làm sao để pháo nhỏ nổ khi đụng vào pháo lớn lại càng khó hơn, và khó hơn nữa là ném làm sao cho pháo nhỏ nổ lại khiến lửa bắt sang ngòi pháo lớn.

Chiếc pháo lớn này hàng năm vào mỗi kỳ hội, dân làng đặt làm tại một nhà làm pháo. Chiếc pháo được dâng thờ trước khi đốt. Làm chiếc pháo thờ rất công phu. Thân pháo phải cuốn thật chặt, hai đầu pháo ghim thật kỹ. Lòng pháo to, thuốc đựng nhiều, nếu người làm pháo không cẩn thận, lúc nổ đáng lẽ xác pháo tan vỡ như bươm bươm rơi xuống sân đình, pháo sẽ bật đầu hay vỡ bụng, xác pháo sẽ không tan. Lại phải pha thuốc, lựa loại giấy cuốn pháo để khi nổ pháo không bén xác, nghĩa là lửa không bắt vào những mảnh xác pháo.

Dùng làm thuốc pháo, dân làng Thị Cầu thường dùng ba chất: diêm vàng tức là diêm sinh, diêm trắng tức là tiêu thạch (Salpêtré) và than củi. Người làm pháo phải pha thuốc cho khéo để pháo nổ kêu tiếng vang ròn.

Đây là nói về chiếc pháo thờ. Còn những chiếc pháo dùng để ném đốt chiếc pháo thờ thường được các nhà làm pháo chế tạo riêng. Họ dùng thứ giấy bắt lửa để pháo được bén xác khi nổ, có như vậy lửa ở xác pháo nhỏ mới có thể bắt vào ngòi pháo thờ, và ngay cả thuốc pháo cũng được pha theo một tỷ lệ để làm cho lửa bén sang xác pháo.

Về dịp hội tháng Tám, hôm 16, trước khi đốt pháo có một buổi tế thần. Tế xong, để khai cuộc, một tràng pháo toàn hồng được đốt trước. Kế đó ông Tiên chỉ hoặc một vị bô lão trong làng mở đầu cuộc ném pháo. Vị này đốt quả pháo tung lên chiếc pháo thờ.

Sau đó, dân làng tha hồ đốt pháo, ai có sức cứ đốt và cứ tự do ném pháo của mình lên chiếc pháo thờ, ném cho đến khi chiếc pháo này nổ.

Tiếng pháo nối tiếp tiếng pháo. Ai ném quả pháo của mình lên cũng hy vọng đốt được quả pháo thờ. Nhiều người trong lúc ném pháo vô ý đã bị pháo nổ ngay trong lòng bàn tay, bàn tay nhám đen như thuốc pháo.

Cuộc ném pháo kéo dài đến quá trưa, nếu không ai đốt được quả pháo thờ, dân làng sẽ cử người bắc thang châm lửa đốt. Cuộc vui lúc đó mới tàn.

Hát trống quân

Nhân dịp hội làng, tối tối tại các xóm trong làng, nam nữ thanh niên có lập nên những đám hát trống quân.

Hát trống quân không do làng tổ chức, các nam nữ thanh niên, nhân dịp hội làng, muốn mua vui và tranh tài với nhau, họ tự lập nên tại khắp các xóm trong làng. Và mỗi năm chỉ về dịp Trung Thu, nhân lúc hội làng, những đám hát trống quân mới được lập nên.

Thả chim thi

Đây là thả những đàn chim bồ câu, mỗi đàn 10 con[2].

Những đàn chim này được nhốt trong những chiếc lồng không đáy, đáy là một mâm gỗ tròn, đặt lồng chim vào vừa khít. Làng Thị Cầu tổ chức Thả Chim Thi ở bãi đất bên cạnh chùa Điều còn gọi là chùa Ngoài ở đầu làng và phía Nam. Cuộc thi không phải tổ chức riêng cho dân làng mà cho tất cả các tay chơi chim trong vùng.

Trước cuộc thi, luôn luôn có tiếng trống liên hồi, tiếng trống báo hiệu cho những tay chơi chim biết, và khi những đàn chim đã thả ra, tiếng trống làm cho chim sợ hãi phải bay lên cao.

Khi cuộc thi bắt đầu, mỗi đàn chim đều được ban Hội đồng chấm giải cấp cho một số, đàn chim số 9, đàn chim số 11 v.v...

Lần lượt theo số của mình, những đàn chim được thả ra. Chủ mỗi đàn chim, mở nâng lồng chim của mình một cách khéo léo để cả đàn chim bay vụt lên cao một lúc.

Hội đồng chấm giải phải theo dõi từng đàn chim, tránh sự lầm lộn đàn chim của người này vào người khác. Không phải họ ngửa cổ lên trời nhìn theo từng đàn chim. Họ dùng một mâm thau hoặc một chậu thau đồng lớn đựng nước. Họ theo dõi những đàn chim qua bóng mỗi đàn trong mâm thau hoặc chậu thau nước. Với kinh nghiệm đã quen, không bao giờ có sự lầm lẫn, và chủ nhân các đàn chim rất tin tưởng ở nơi Hội đồng tuy mỗi người vẫn theo dõi riêng đàn chim của mình.

Muốn được giải đàn chim phải bay bổng và phải gọn đàn, lúc lượn bay lên bay thành từng vòng đều.

Trong lúc thả chim, tiếng trống liên hồi như thúc giục để các đàn chim càng bay cao hơn.

Một cuộc thi thả chim có ba giải dành cho ba đàn chim bay cao và đẹp nhất.

Trước đây, trong các ngày hội mùa Thu vùng Bắc Ninh, Bắc Giang (Hà Bắc) thường có tục thả chim thi. Cho đến thời Pháp thuộc, vào năm 1930-1931, có những người Pháp cứ nhè những đàn chim thi này bắn lên, từ đó tục thả chim thi mất dần.

Trên đây là những cổ tục chính thường xuất hiện trong dịp hội tháng Tám của làng Thị Cầu, ngoài ra cũng có nôm, gặp những kỳ làm ăn thịnh vượng, còn các trò vui khác được tổ chức như Chơi gà, Tổ tôm điểm, Hát tuồng cổ, Hát chèo, hát quan họ v.v...

Về chơi gà, làng này thường tổ chức vào ngày mồng ba tháng Giêng. Hát tuồng cổ được tổ chức cả trong dịp xuân lẫn dịp thu, trong làng có một ban tuồng cổ riêng. Hát chèo, xưa kia thì có, nhưng kể từ năm 1925 trở về sau, trong làng có ban trung cổ, khi hội hè, ngoài việc mời ca nhi hát thờ trong đình, hát tuồng cổ được tổ chức ở sân hậu đình cho dân làng mua vui. Hát quan họ do trai làng mời các đám quan họ nữ tới hát để mừng thần linh (Xem trong bài Hội Lim).

Làng Thị Cầu, ngoài hội làng tổ chức vào dịp tháng Tám để kỷ niệm thần linh, hàng năm vào các ngày mồng 9 và 20 tháng Giêng, hai chùa trong làng, chùa Cao còn gọi là chùa trong ở chân núi Thiêm và chùa Điều còn gọi là chùa Ngoài có cúng lễ sư tổ. Trong những dịp này, trai gái các làng lân cận tới lễ Phật và gặp nhau họ mời nhau Hát quan họ để vui xuân. Làng Thị Cầu chỉ có quan họ Nam, không có quan họ Nữ, nhưng không vì vậy mà tục hát quan họ kém hoạt động ở đây.

[1] Nơi đây mọc rất nhiều sim.

[2] Xin xem PHONG TỤC VIỆT NAM của soạn giả, Khai Trí xuất bản 1969 để biết chi tiết về lối chơi này, nhất là những danh từ để chỉ những động tác của đàn chim, những kiểu bay lúc vọt lên.

Mấy ngày hội ở Cai Lậy

Về những ngày hội ở Cai Lậy, theo tài liệu thu thập được, chúng tôi chỉ nhắc tới các ngày lễ ở làng Tứ Kiệt, ở đình Bang Lãnh và ở Thiên hậu Cổ miếu.

Hội làng Tứ Kiệt

Làng Tứ Kiệt ở sau dinh quận Cai Lậy, đây là làng của bốn vị anh hùng kháng Pháp đã bị chết dưới lưỡi gươm của thực dân Pháp. Hàng năm dân chúng mở hội ở nơi đây vào hai ngày 15, 16 tháng Tám âm lịch để ghi nhớ công ơn các người.

Tứ kiệt là ai?

Đây là các ông Long, Thận, Rộng và Đước, không rõ họ các vị là gì, những người đã nghe tiếng gọi của núi sông, gia nhập nghĩa quân chống Pháp, đã làm cho quân Pháp nhiều phen thất điên bát đảo.

Không bắt được các ông, nghe theo mưu kế của lũ Việt gian bán nước, chúng bắt cha mẹ vợ con các ông, buộc các ông phải ra trình diện, nếu không chúng sẽ giết hết những người này.

Tình nước nặng, tình nhà cũng nặng, các ông đã nghĩ, không vẹn hiếu sao vẹn được trung, đành lấy hiếu làm trung, phải cùng nhau xuất thú để chúng tha bố mẹ vợ con.

Thật đáng tội nghiệp, chỉ giận thay, lũ tay sai của giặc tham quyền cao lộc cả, nỡ bày mưu với giặc để hãm hại những người yêu nước.

Bốn ông xuất thú, gia đình các ông được tha về; giặc dụ các ông đầu hàng, phong cho chức tước, các ông đều từ chối, chúng đã đem cả bốn

ông hành hình. Chúng chém đầu các ông ở Cai Lậy, nhưng chưa thỏa nguyện, chúng còn đem đầu các ông bêu tại chợ cho dân chúng biết. Đầu các ông chúng bêu:

2 đầu tại Cầu Cá chợ, ngó về phía sông Ba Rài

1 đầu tại ngã tư Cai Lậy đường Mỹ Thọ đi Ba Dừa,

1 đầu tại ngã ba đường đi Cái Bè, Tân Hiệp, theo lộ dây thép chúng đã thiết lập khi chiếm cứ Cai Lậy để tiện việc liên lạc Cai Lậy với Mỹ Tho.

Trước cái chết của bốn ông, lại thấy đầu bốn ông bị bêu, dân chúng ai nấy đều xót thương, nhưng vì sợ quân giặc hung tàn, sợ lũ chó săn tay sai của giặc tọc mạch, không ai dám để lộ sự đau đớn của mình!

Tứ kiệt anh linh

Tuy bị giết, nhưng khí thiêng không mất, bốn vị anh hùng gần như vô danh trên đã tỏ ra rất anh linh. Theo lời dân chúng địa phương nhắc lại, sự hiển linh của các vị đã tạo ra nhiều sự việc rất đáng kể.

Chuyện thuật lại rằng ngay trong hai ngày đầu, một sự lạ đã xảy ra: nguyên có anh Ba tàu, gánh thịt heo đi bán dạo, đi ngang qua đầu một vị thấy vị này mắt mở miệng há anh ta đã nói: "Cái này chết rồi còn muốn ăn thịt, ngộ cho một miếng". Anh nói xong liền bị hộc máu, mê man ngã xuống. Đem về nhà anh ta trợn mắt há miệng và nhắc lại y nguyên lời anh ta đã nói khi đi ngang qua chỗ bêu đầu. Sau cùng anh hộc máu đến chết.

Chuyện cũng lại thuật lại rằng, trong khi đầu bốn vị bị bêu luôn ngày đêm tại Cai Lậy, đầu này thấy cháy nhà, đầu kia thấy cháy nhà, có cháy đấy nhưng không nơi nào bị thiệt hại. Lửa cháy chỉ khiến cho dân chúng và các nhà cầm quyền bản khoản lo sợ. Tìm hiểu, họ biết đây là do sự hiển linh của bốn ông. Sau cùng làng xã và dân chúng phải làm đơn xin chính quyền cho phép mai táng thủ cấp của bốn vị, những thủ cấp này được chôn ngay ở phía sau dinh quận Cai Lậy.

Dân chúng được yên ổn trong ít bữa, cảnh đầu này cháy nhà, cảnh đầu kia cháy nhà lại diễn ra, dân chúng ăn ngủ không yên, không còn lòng nào sinh hoạt được. Sau cùng vài bô lão trong làng trù tính xin phép xây miếu để an vị bốn vị anh hùng. Miếu xây xong, từ đó dân chúng yên ổn làm ăn, những sự việc cũ không xảy ra nữa.

Mộ bốn vị anh hùng linh thiêng lắm, dân chúng tôn kính kêu là Mộ Bốn Ông. Ai cầu xin điều gì cũng được. Đi ngang qua, không ai dám làm ồn ào, nói cười đùa giỡn vô phép. Người ta còn thuật lại rằng, thậm chí ngay trong Quận, nếu có vụ kiện thưa không biết gian ngay, chỉ cần đem ra Mộ BỐN ÔNG để các đương sự làm lễ thề, lập tức kẻ gian bị trừng phạt xây xẩm mặt mày, đành phải thú tội.

Trong khi có sự linh thiêng ấy, Mộ BỐN ÔNG vẫn chỉ là một ngôi mộ hoang, cỏ dại mọc chum cao ngất, không rào, không bệ, lại thêm bùn lầy dơ bẩn. Dân chúng muốn sửa chữa làm hàng rào, xây bệ mộ, nhưng mọi người đều sợ chính quyền Pháp, tuy có lòng cũng đành phải làm ngơ. Chỉ trong vài ba năm đầu có người cháu của một trong bốn vị, đến tảo mộ, nhưng qua mấy năm sau cũng không thấy tới nữa.

Có dư luận cho rằng, người này đã bị người Pháp bắt vì tội đến thăm mộ những "người phản loạn".

Chính quyền địa phương đã đứng lên tổ chức xây lại mộ bốn ông thành bốn mộ riêng biệt với bia mộ rào sắt và bên trong nấm mộ rất khang trang. Mộ được gọi là LĂNG TỨ KIỆT, và ngày khánh thành lăng đã được tổ chức trọng thể. Từ đó, để tỏ lòng tôn kính hơn, người dân không dùng danh từ Mộ Bốn Ông, họ đã gọi theo danh từ mới: Lăng Tứ Kiệt. Và danh từ Tứ Kiệt cũng đã được dùng để đặt tên đường, tên sân vận động, tên trường học, tên hội trường ở Cai Lậy: là đại lộ Tứ Kiệt, hội trường Tứ Kiệt, trường bán công Tứ Kiệt, sân vận động Tứ Kiệt...

Ngày hội

Mỗi năm vào các ngày 15 và 16 tháng Tám âm lịch, dân chúng có tổ chức lễ cúng bốn vị anh hùng ở lăng Tứ Kiệt. Trong hai ngày này có

cúng tế, và khách dự lễ rất đông gồm đủ các giới: Đại diện chính quyền địa phương, các hương lý chức còn tại chức hoặc đã mãn nhiệm kỳ, các thương gia điền chủ và toàn thể dân chúng xã Thanh Hòa xã sở tại quận Cai Lậy.

Ngày 15 tháng Tám là ngày rằm Trung Thu, cuộc lễ bái càn long trọng và dân chúng càng nhộn nhịp tham dự với cả tấm lòng thành kính và đồng thời được thưởng thức hai tối hát bội tổ chức hát thờ anh hồn Tứ Kiệt.

Từ đó tới nay, lễ kỷ niệm Tứ Kiệt cùng với tết Trung Thu đã trở thành tục lệ của dân xã Thanh Hòa.

Hội đình Bang Lãnh

Tại chợ Cai Lậy, gần cầu đúc đi Hậu Giang có ngôi đình gọi là đình BANG LÃNH, vì đình này cất gần tiệm của ông Bang tên là Lãnh. Đình trước thuộc ấp Thanh Sơn, một ấp nằm trong xã Hỏa Sơn. Gọi là đình thờ thần, nhưng nơi đây không có sắc phong, sắc phong trước đây triều đình ban cho đình Ông Án, một ngôi đình khác, cách đình Bang Lãnh chừng 300 thước, đi từ chợ Cai Lậy phải qua một cây cầu treo bắc ngang sông Ba Rài.

Mỗi năm vào các ngày 16, 17 tháng Bảy âm lịch, dân xã Thanh Hòa có lệ cúng thần tại đình Bang Lãnh. Trong ngày cúng thần, hương chức tận tụy trong xã có lễ rước sắc thần long trọng từ đình Ông Án về cúng.

Suốt trong hai ngày cúng lễ, dân xã mời ban hát bội tới hát ngày đêm, và đèn nhang nghi ngút trên bàn thờ, dân chúng luôn luôn tới lễ bái tấp nập.

Đình làng không có sắc thần, rước sắc thần bên đình ông án về cúng, cúng lễ xong, dân làng lại rước hoàn trở lại.

Không có sắc thần, để thờ vọng, bài vị chỉ có mấy chữ Thành hoàng bản cảnh.

Có người dân Cai Lậy bảo rằng, nơi đình Bang Lãnh thờ ông Huỳnh Tấn Chiêu.

Ông Huỳnh Tấn Chiêu là ai?

Cai Lậy xưa kia là một vùng hoang vu, cỏ cây sầm uất với bùn lầy hào vũng. Sông Tiền Giang có vàm sông chảy thông lưu ngang qua chợ đến gần Đồng Tháp Mười mang danh sông Ba Rài, có nhiều rạch: Rạch Ông Toan, Rạch Bà Ụt, Rạch Nàng Gồng, Rạch Ông Hiệu. Khỏi chợ có rạch Xoa Rài, Rạch Cà Mau, Rạch Nàng Chưng, Rạch Tràm, Rạch Trát tiếp liền với kinh Ba Bè.

Về hướng Đông Nam Cai Lậy, có đồn lũy, các Giồng Tha La, Giồng Mồ Côi, Giồng Bà Trà, Giồng Cây Quéo[1].

Trên đây là tình hình Cai Lậy thuở xưa, khi nơi đây mới chỉ có toàn dân Miên lập nghiệp làm ăn với ngôi chợ được dựng lên. Ta đừng lấy làm ngạc nhiên nếu những tên rạch và giồng mang âm thanh tiếng Khờme. Chính Cai Lậy cũng do Miên ngữ mà ra, và khởi thủy là hai chữ Cai Lẽ. Khi người Việt Nam tới Cai Lậy làm ăn, người Miên họ tự ý rời bỏ nơi này di cư xuống miền Bạc Liêu, Cà Mau. Họ đi khỏi, với số dân Việt Nam ít ỏi, Cai Lậy như hoang vắng. Lúc ấy có ông HUỖNH TẤN CHIỂU đứng lên khai khẩn, biến nơi hoang phế này thành ruộng, thành vườn, sửa lại chợ Cai Lẽ, cho người Hoa kiều mượn đất làm nhà, dần dần nơi đất hoang vu này biến thành một nơi dân cư đông đúc, và danh từ Cai Lẽ cũng biến đổi thành Cai Lậy.

Hồi đó quân Pháp tiến đánh Nam Việt. Dân chúng bỏ chạy khi chúng tiến đến Cai Lậy, ông Huỳnh Tấn Chiêu bỏ hết nhà cửa ruộng vườn đi theo các quan chức triều đình. Ông không trở về sợ quân Pháp sát hại, đành bỏ hết sản nghiệp đã tạo nên, sản nghiệp này sau được nhập làm công sản xã Thanh Hòa ngày nay.

Vì nhớ công khai thác tạo thành Cai Lậy sầm uất, dân chúng, do các Hương chức đứng lên xin trích ra một số tiền và những hoa lợi trong

những tài sản của ông Huỳnh để mỗi năm đến ngày rằm tháng tám âm lịch là ngày giỗ ông, dân chúng cúng giỗ.

Chợ Cai Lậy nhỏ lúc trước đã được mở mang xây to lớn sau này do tiền của tịch thu và hoa lợi ruộng vườn của ông Huỳnh.

Ông Huỳnh có phải vị thần linh được thờ ở nơi đình Bang Lãnh không? Điều này, chúng tôi đã hỏi lại, có người xác nhận, có người phủ nhận. Chúng tôi xin ghi lại đây để quý vị muốn tìm hiểu tường tận hơn có thể dùng những điều chúng tôi đã nêu trong này để bắt đầu.

Hội chùa Bà

Chùa Bà còn được gọi là Thiên Hậu cổ miếu, do người Hoa Kiều thuộc các Bang Hẹ và Tiều dựng lên, theo sự khởi xướng của các Bang trưởng. Ba ông Bang Xứng, Bang Xe và Bang Nhi đã hợp với các thương gia Hoa Kiều chợ Cai Lậy để dựng chùa, thờ Thiên Hậu Nương Nương, ngày ngày đèn nhang cúng bái.

Theo dân chúng, Thiên Hậu cổ miếu rất linh thiêng. Ngày nào cũng có người tới lễ bái, xin xăm để cầu khẩn mọi việc: buôn bán, chữa bệnh, đi xa v.v... Chùa của người Trung Hoa lập nên, nhưng dân chúng Việt Nam với tinh thần bao dung tín ngưỡng, vẫn tới lễ cúng.

Mỗi năm, nhân dịp đầu xuân, vào các ngày từ 13 đến hết 17 tháng Giêng, chùa có mở hội cúng Thiên Hậu Nương Nương, được gọi một cách kính cẩn là cúng Bà. Trong ngày hội có lệ vay pháo trả pháo, tương tự như tục vay tiền ở miếu Bà Chúa Xứ núi Sam, chúng tôi nhắc ở chương trên.

Ngoài những ngày hội tháng Giêng, ngày 23 tháng 3, tại chùa có lễ vía Bà.

Hơn nữa, cứ ba năm một lần vào các năm Tý, Ngọ, Mão, Dậu, chùa lại tổ chức cúng Bà một kỳ rất lớn, có làm chay và có hát Tiều từ 14 đến hết 17 tháng Bảy âm lịch.

Trên đây là những ngày lễ hoặc hội tại một số các nơi thờ tự tại Cai Lậy, ngoài ra còn những lễ kỳ an tại các chùa miếu khác mà ở đây chúng tôi xin không nhắc tới.

[1] Nơi đây có vài cây xoài cổ thụ thành cây Quéo, có trái như xoài song bé, xơ, không cơm như xoài. Nông dân Cai Lậy đi làm ăn qua miền Cà Mau Bạc Liêu gặp nhiều người Miên già lão thường hỏi thăm: Hai ông Quéo còn mạnh giỏi chăng?

Hội Đồ Sơn với tục chọi trâu

Miền Bắc có câu ca dao:

Dù ai buôn bán đâu đâu,

Mồng Mười tháng Tám chọi trâu thì về.

Dù ai buôn bán trăm nghề,

Mồng Mười tháng Tám thì về chọi trâu.

Câu ca dao này đã nói lên lòng hâm mộ của mọi người đối với tục Chọi trâu, bỏ mọi công việc để được dự một cuộc vui đặc biệt của dân tộc.

Tục Chọi trâu hàng năm diễn ra tại hội tổng Đồ Sơn, phủ Kiến Thụy, tỉnh Kiến An (Hải Phòng).

Tổng Đồ Sơn ở ven bờ biển vịnh Bắc Bộ, gồm ngay cả bãi biển Đồ Sơn. Du khách tới bãi biển Đồ Sơn, là đã tới địa phận tổng. Tổng này hàng năm mở hội vào ngày mồng mười tháng Tám, và trong hội có cuộc vui hấp dẫn nhất là tục chọi trâu, tổ chức chung bởi ba làng trong tổng là Đồ Sơn, Đồ Hải và Ngọc Xuyên.

Thần tích

Thần tích các làng thuộc tổng Đồ Sơn, theo các ông Nguyễn Văn Liêm, Thú Y sĩ và Ngô Quốc Côn, nguyên tri phủ Kiến Thụy mà tập san

Indochine nhắc lại trong số 7 xuất bản ngày 17-9-1942, nguyên do như sau:

Cách đây 18 thế kỷ, với gió mùa Đông Nam, một số ngư phủ nguyên quán ở Thần Hòa trôi giạt tới chân núi Tháp Sơn của bán đảo Đồ Sơn. Sống ở đây, những ngư dân này liên tiếp chịu mọi thiên tai, bão tố nối tiếp trời hạn hán.

Trước mọi tai nạn, họ chỉ biết ngày đêm ngưỡng lên trời van vái và cầu khẩn xin chư vị thần linh miền ven duyên hải thương họ.

Cho tới một hôm, trời trong sáng dưới ánh trăng tháng Tám, một số người trông thấy ngoài biển, dưới ánh trăng vàng đang đùa sóng gợn, một lão nhân đầu tóc bạc phơ ngự trên một chiếc sập đá, tay cầm một chiếc gậy dài ngắm nhìn một đôi trâu chọi nhau.

Hình ảnh này hiện rồi biến. Sau đó một trận mưa độ lượng đã tưới mát mặt đất.

Qua hình ảnh xuất hiện bất ngờ trên mặt biển, ngư dân hiểu thần linh giáng hạ báo cho dân chúng biết mà thờ phụng.

Để làm hài lòng thần nhân, họ tổ chức những cuộc chọi trâu và tục này đã được lưu truyền mãi mãi. Một tấm hoành khắc vào đời vua Lý Thánh Tông (1054-1059) gắn trên chính điện ngôi đình xã Đồ Sơn, chứng tỏ cổ tục này đã có từ lâu lắm.

Dân chúng thờ thần, vị lão nhân đầu râu tóc bạc, nhưng không biết duệ hiệu của tôn thần, họ cầu khẩn xin thần nhân cho biết để tiện việc thờ phụng nhất là việc khẩn vái trong lúc cúng lễ và để thỏa lòng tôn kính.

Sau nhiều lễ nghi liên tiếp thực hiện với sự thành kính của mọi người, dân chúng mang đặt trong ngôi đền thần một mâm bột gạo, rồi toàn thể cùng rút lui sau khi đã đóng kỹ cửa đền.

Vài ngày sau khi trở lại, trên mâm bột họ thấy có vết chân chim. Xóa đi, ngày mai trở lại, vết chân chim lại hiện ra. Như vậy thần nhân đã cho dân làng biết duệ hiệu của mình. Từ đó dân làng thờ ngài dưới danh hiệu Điểm Tước Đại Vương.

Được sự che chở của Đại Vương, đám ngư dân làm ăn phát đạt, chống đỡ được mọi tai nạn của biển cả cũng như mọi sự biến diễn của thời gian. Sự phát đạt ngày càng tăng tiến; dân số ngày càng đông; làng xã được lập ra, đầu tiên mới có một làng, rồi hai làng, ba làng: Đồ Sơn, Ngọc Xuyên và Đồ Hải, ba làng hợp thành tổng Đồ Sơn sau này.

Qua các triều đại thần linh luôn luôn được sắc phong. Những bản sắc cũ không còn nữa, nhưng đến trước ngày đất nước chia hai vào năm 1954, dân làng còn giữ được sắc phong của vua Cảnh Thịnh triều Lê và của các vua Tự Đức, Đồng Khánh, Duy Tân và Khải Định triều Nguyễn.

Lúc đám ngư dân mới lập đền thờ, đây chỉ là một ngôi đền lợp lá, nhưng sau này đền được xây gạch với đầy đủ vẻ tôn nghiêm. Đền tọa lạc đối diện sông Hồng Giang, phía trước nơi thần linh đã xuất hiện.

Theo một số dân Đồ Sơn thuật lại, sự tích Điểm Tước Đại Vương có hơi khác:

Bãi bể Đồ Sơn xưa kia chỉ là nơi hẻo lánh hoang vu với tám túp lều đánh cá của tám nhà thuyền chài lập thành một ấp nhỏ. Một hôm ông Trưởng ấp bàn với bảy nhà kia lên núi Cửu Long ở gần bãi bể, tám chỗ thạch bàn bày một mâm bột, cúng xin duệ hiệu vì dân ấp tới ngày đó thờ Bát Bộ tôn thần. Mấy hôm sau, mấy người rủ nhau trở lại chỗ thạch bàn chỉ thấy có một vết chân chim, ngó xuống chân núi có hai con gà vàng đang chọi nhau.

Các cụ trong ấp về lập đền thờ và hàng năm tới ngày lễ, dân ấp tổ chức các cuộc chọi gà. Với tục lệ mới này, dân trong ấp làm ăn vẫn không thấy thịnh vượng. Hàng ấp lại lên núi cầu lại duệ hiệu. Khi ở trên núi ngó xuống, mọi người thấy hai con trâu vàng chọi nhau. Từ đó hàng năm có tổ chức cuộc chọi trâu, và dân cư làm ăn ngày thêm thịnh vượng.

Về sau với sự sinh con sản cháu, với dân chúng nhiều người nơi khác tới cư ngụ làm ăn, ấp đổi thành làng, một làng rồi ba làng.

Hỏi đến Bát Bộ tôn thần, dân làng cho biết đây là tám vị thần linh, nhưng họ không nói rõ tám vị này là những vị nào.

So với những điều thuật lại theo tài liệu của các ông Nguyễn Văn Liêm và Ngô Quốc Côn, câu chuyện của dân làng không đúng hẳn song vẫn có nhiều sự trùng hợp, xin nhắc lại ở đây để tiện giúp các vị muốn khảo cứu kỹ về sau.

Ngoài ra cũng có một số người cho rằng sở dĩ xã Đồ Sơn có tục chọi trâu là để kỷ niệm Quận Hẻo tức là Nguyễn Hữu Cầu, một tướng giặc có danh về đời Hậu Lê đã bị Phạm Đình Trọng đánh bắt. Điều này so với tấm hoành của ngôi đình xã Đồ Sơn đã nhắc ở trên thì sai hẳn, dè có trước đời Lý. Lẽ nào dân làng không thờ quận Hẻo lại có tục chọi trâu để kỷ niệm quận Hẻo. Rất mong được sự soi sáng của các vị học giả hiểu biết hơn.

Tục chọi trâu

Chọi trâu được tổ chức ở một khoảng đất rộng, trước ngôi đình chung của ba xã Đồ Sơn, Đồ Hải và Ngọc Xuyên tọa lạc trên địa phận xã Đồ Hải.

Để dự cuộc chọi trâu này, mỗi xã trong tổng đều phải có trâu chọi. Tiếng rằng chọi trâu ở Đồ Hải nhưng đây là hội chung của hàng tổng Đồ Sơn. Tổng này với ba xã gồm tất cả 14 thôn, mỗi thôn trong kỳ hội đều có trâu của mình dự chọi, tổng cộng tất cả 14 con trâu.

Kén chọn trâu

Trâu dự chọi phải được kén chọn kỹ lưỡng và phải chăm sóc một cách đặc biệt riêng.

Ngay từ tháng Ba đầu năm dân làng hàng tổng đã phải đi lùng trâu ở khắp nơi các tỉnh miền Bắc, sự kén chọn trâu chọi do các tay chuyên môn hiểu biết về trâu qua tướng trâu, có con trâu chọi nhau hăng hái, có con trâu chỉ biết cõ cày vai bừa, ăn no kéo nặng không chiến đấu.

Theo các nhà chuyên môn, trâu chọi phải đầu nhỏ, cổ dài, bờm[1] tròn, lưng hơi hơi nhô lên. Sừng trâu phải cứng, vuông ở chân sừng, mặt sừng mịn, không dấu vết, vươn thẳng một mạch lên khỏi đầu, hai chiếc sừng cân đối và như nằm trong một mặt phẳng. Hơi nữa sừng phải kín, tiếng chuyên môn để chỉ những cặp sừng hai đầu không quá xa nhau, và cũng không cao khỏi trán trâu bao nhiêu. Tất nhất khi cặp sừng cách trán trâu chừng sáu tấc, 20 phân ngày nay (20cm) và hai đầu sừng cách nhau vào khoảng 12 tấc. Mắt trâu phải tròn và lạnh lợi, nằm dưới cặp vành mắt cứng khỏe. Hàm trâu phải thuộc loại hàm nghiền, nghĩa là đen như nghiền mực. Tai trâu phải dính với sừng, xoáy trâu trên đầu phải nhiều lông và những lông này phải cứng. Trán phải dẹt, thân phải mập lẳn... Trâu phải cao vẩy, sa ức, kín sườn, bụng cheo đúng như lời tục ngữ. Vẩy là cái bướu ở vai, tức là phía ngực. Muốn kín sườn, đôi vai trâu phải to, còn bụng cheo tức là loại bụng hơi lớn lớn.

Người ta còn kén trâu qua đuôi, đùi chân và các khớp chân; đuôi tròn, đùi dài, chân ngắn, khớp dẻo dai. Ngoài ra, cũng cần để ý tới khoáy trâu, nghĩa là những chỗ lông trâu hợp thành từng khoáy như tóc trên đầu con người. Tục tin rằng con trâu nào có hai khoáy đối nhau ở hai bên đùi là con trâu sẽ chiến thắng sau những cuộc giao đấu hăng say.

Loại trâu chọi thường được lựa trong những con trâu từ tám đến mười tuổi.

Kén chọn trâu qua hình dáng tướng mạo, nhưng người lựa trâu cũng cần để ý đến xuất xứ của mỗi con trâu. Phải tuyệt đối tránh mua lại trâu ăn cắp, do đó, người ta thường tìm hẵn đến các chủ trâu.

Lễ trình châu

Sau khi tất cả mười bốn thôn, mỗi thôn đã kén chọn tậu được con trâu, dân làng tổng làm lễ trình trâu với đức tôn thần.

Tất cả đàn trâu của mười bốn thôn đều được dắt tới sân đình làng Đồ Hải, con đứng con nằm ngổn ngang, con miệng đang nhai lại đám cỏ ăn lúc sáng. Ở trong đình quan viên hàng tổng hội họp để làm lễ khẩn trình với thần linh. Lễ tất nhiên có những lễ vật như hương đăng trà quả rượu trầu. Vị đại diện hàng tổng thắp hương khẩn vái lễ thần rồi xin một que âm dương để được biết ý thần hài lòng về những con trâu đã chọn. Rồi lần lượt các quan viên khác trong hàng tổng đều vào lễ, sau cùng là những dân thôn đã được hàng thôn ủy nhiệm việc nuôi trâu.

Trong lúc đó, những con trâu vẫn điềm nhiên nằm đứng trước sân đình.

Nuôi trâu

Lễ trình trâu xong, thôn nào dắt trâu về thôn đó, và kể từ ngày đó, một người được hàng thôn cử nuôi trâu phải săn sóc con trâu sao cho khỏe mạnh và nhất là tinh khiết.

Thường được giao nhiệm vụ này là những chàng trai chưa lập gia đình và chàng trai còn phải ở không, không được tính tới hôn nhân cho đến sau ngày hội chọi trâu mừng mười tháng Tám.

Trong khi nuôi trâu, chàng trai phải chịu mọi sự kiêng khem, không được động tới các món ăn bị coi là ô uế: thịt dê, thịt chó, hành tỏi sống và cả thịt trâu bệnh nữa, và tuyệt đối không được giải quyết sinh lý dù có bị đòi hỏi. Các cậu lại phải ăn ở cho sạch sẽ, tránh mọi nơi dơ dáy như đi thăm đàn bà đẻ, dự đám tang. Cả đến những hành động gian tà như trộm cắp cũng phải tránh. Một người làng Đồ Sơn còn nói với chúng tôi là ngay đến ý nghĩ gian tà cũng không được có!

Nếu không may con trâu bị vang mình sốt mẩy, bỏ ăn lờ đờ, lập tức chàng trai nuôi trâu phải trai giới cầu khẩn thần linh để xin cho trâu được bình phục.

Và việc nuôi trâu cũng thực khó khăn! Cỏ rơm phải rửa cẩn thận, tránh cho trâu ăn phải những vật dơ. Quan trọng nhất là phải giữ gìn để trâu không đi tơ với trâu cái. Tục bảo rằng nếu trâu phạm phải điều này sẽ bị tôn thần vật chết ngay.

Nếu trâu ăn rơm ăn cỏ không đủ, các cậu trai nuôi trâu đôi khi phải cho chúng ăn thóc, nhất là thóc nếp con[2] để tắm bổ.

Muốn giữ gìn trâu về mọi mặt, người ta thường tránh thả trâu đồng với các đàn trâu khác, e chúng nhiễm phàm tính.

Người nuôi trâu mong đợi từng ngày hạn kỳ ngày hội để tròn nhiệm vụ không mang lỗi với hàng thôn hàng xã và hàng tổng. Nuôi trâu để chết sẽ bị làng bắt vạ và phải bỏ tiền ra mua đền hàng thôn con trâu khác.

Rất may, theo dân tổng Đồ Sơn, những con trâu này sau ngày lễ trình trâu, bản tính chúng dường như thay đổi, chúng mang sự kiêu hãnh trong mình và không ưa đi lẫn lộn vào đám trâu phàm.

Chọi trâu

Trâu chính thức chọi nhau vào ngày hội, nhưng trước ngày đó đã có những cuộc đấu loại để gạt bỏ bớt những con trâu kém vững mạnh và chỉ lưu lại sáu con trâu xứng đáng nhất.

Cuộc đấu loại bắt đầu trong những ngày mồng 8 và mồng 9 tháng 6, rồi lại tiếp tục vào ngày 30 tháng 7 âm lịch. Các cuộc đấu loại diễn ra giữa các xã đương sự với số trâu của mình. Lễ tất nhiên, dân các thôn đều phải cáo thần linh trước khi cho trâu đấu loại.

Sau các cuộc đấu loại, quan viên các thôn cung kính rước bình hương từ bàn thờ Diêm Tước đại vương tới đình hàng tổng với đầy đủ nghi trượng của một đám rước thần. Từ hôm đó hàng ngày tại nơi đây đều có những cuộc tế lễ cho đến ngày hội chính là ngày mồng mười tháng tám.

Ngày mồng Mười tháng Tám, tất cả 14 con trâu đã dự cuộc đấu loại đều được đem tới trình diện với đức tôn thần tại đình hàng Tổng, tuy nhiên chỉ được dự vào các trận bán kết và chung kết:

3 con trâu của xã Đồ Sơn

2 con trâu của xã Đồ Hải

và 1 con trâu của xã Ngọc Xuyên.

Những trận bán kết và chung kết được thể hiện tại đấu trường, một khu đất trước mặt ngôi đình chung, có bắc gióng chung quanh.

Trước những trận đấu kết cục này, các viên chức hàng Tổng cũng cố lễ cáo thần linh. Trong khi ở trong đình đang hành lễ, những con trâu dự cuộc còn ở bên ngoài gióng và mắt chúng đều có vải che.

Cuộc lễ xong, dân làng đánh một hồi trống dài. Tiếng trống dứt, tại gióng trâu, một người phát cờ lệnh ra hiệu.

Theo hiệu cờ, hai xã dự cuộc đấu thứ nhất, rước trâu vào gióng, rước một cách rất long trọng, có người che lọng cho trâu, theo sau trâu đủ đồ cỗ bát bửu và cờ quạt lại thêm cả chiếc kiệu.

Đám nước trâu đi giữa tiếng trống liên hồi, và khi trâu đã vào gióng rồi, tiếng trống vẫn không ngừng.

Vải che mắt trâu được bỏ đi, đôi trâu diện đối diện. Có con trâu trước khi chiến đấu đã được dân xã cho uống rượu. Đôi trâu gườm gườm nhìn nhau, xông vào húc nhau. Cuộc chiến đấu thật tàn bạo và dữ dội, khách đứng xem trước những đòn trâu giao nhau phải thấy rợn mình. Càng đánh nhau chúng càng hăng. Mắt chúng đỏ ngầu. Chúng đưa cặp sừng lên, chúng hất cặp sừng xuống. Chúng đều lăn xả vào nhau như có một mãnh lực thiêng liêng gì thúc đẩy.

Trong lúc đó, tiếng trống vẫn vang lên, cờ lệnh vẫn phất, và dân chúng như để cổ võ cho đôi trâu chọi nhau vẫn hò reo.

Hai con trâu chọi nhau cho tới khi một con trâu thua chạy hoặc bị đối thủ húc chết tại gióng. Con trâu thắng trận được dân làng đương sự mang cờ lọng ra rước rất trịnh trọng từ gióng vào sân đình, và con trâu thua cũng được dắt hoặc khiêng về đình đợi, khi các cuộc đấu kết liễu, cùng bị làm thịt với con trâu được, để tế thần.

Xong cặp trâu này tới cặp trâu khác.

Bán kết rồi chung kết.

Trong các cuộc chọi trâu có nhiều trường hợp một con trâu thấy địch thủ không dám giao chiến bỏ chạy, con trâu này bị tuyên bố thua cuộc.

Theo lệ, con trâu chạy ra khỏi gióng bị kể như thua, tuy đã hơn một lần, đôi trâu đuổi nhau ra khỏi gióng vẫn chọi nhau.

Sau cuộc chung kết, những con trâu thắng trận được xếp nhất nhì, ba và hàng Tổng phát cho các làng đương sự về mỗi con trâu một giải thưởng.

Trâu được hay thua, sau cuộc đấu đều bị mổ thịt tế thần.

Số phận chúng thật giống số phận các quốc gia nhược tiểu chịu sự chi huy của các cường quốc, đâm chém lẫn nhau để rồi cùng chết!

Thịt trâu được dùng làm phần chia cho hàng Tổng. Những ai đã có công trong việc nuôi trâu cũng như trong việc tổ chức hội Chọi Trâu, về phương diện lễ nghi cũng như về các phương diện khác, đều có phần chia.

[1] Danh từ bờm chúng tôi dùng theo địa phương. Đây là túm lông cứng trên đầu trâu. Có người gọi là xoáy thú.

[2] Nếp con là loại nếp thỏ hạt tròn tròn, khác với nếp cái hạt lớn và mập hơn, nhưng không tròn tròn. (Tròn tròn xin hiểu như gạo Mỹ hạt tròn).

Hội Đình Thầy

Hàng năm cứ vào các ngày 15 và 16 tháng Chín âm lịch, thị xã Hàm Tân (Thuận Hải) bỗng trở nên tấp nập lạ thường, vì dân chúng mọi nơi kéo nhau tới hành hương tại Dinh Thầy.

Dinh Thầy là gì?

Dinh Thầy là một ngôi đền nằm giữa một khu rừng cách tỉnh lỵ Bình Tuy vào khoảng 12 cây số về hướng Tây Bắc, đều gồm ba tòa nhà kiến trúc theo lối xưa với một vẻ cổ kính trang nghiêm, ẩn nấp dưới những tàn cây cổ thụ. Phong cảnh tịch mịch, ai bước tới đây cũng như cảm thấy sự thiêng liêng của nơi thờ tự, lòng sùng bái càng tăng với sự tin tưởng ở sức huyền bí vô hình của Thầy.

Thầy là vị được thờ phụng tại đình. Tiểu sử Thầy tới nay chưa ai biết căn kẽ, tuy nhiên rất nhiều giai thoại về Thầy đã được truyền khẩu. Hội Tam Quy, phụ trách việc phụng tự Thầy đã thu thập những câu chuyện truyền khẩu, ấn hành và phát cho khách trải hội.

Theo tài liệu này, Thầy sinh về thời chúa Nguyễn Phúc Ánh, (vua Gia Long sau này) tại làng La Qua, phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

Thầy có Thím sánh đôi, Thím sinh tại làng Yến Nê cùng tỉnh.

Lúc thiếu thời, Thầy đã từng bút nghiên đèn sách, nhưng số Thầy lận đận về khoa cử, mấy khóa chẳng đậu, tuy học hành rất khá. Buồn vì cử nghiệp lão đảo lợi danh, Thầy từ bỏ sách đèn, theo học Đạo để giúp đời.

Suốt trong mấy năm sống ở đất Quảng, Thầy đem sự hiểu biết của mình ra cứu dân độ thế bằng cách chữa bệnh và dạy người theo lễ nghĩa.

Rồi một biến cố xảy đến. Vua Tự Đức đã đích thân về làng La Qua xử án và kết tội Thầy phải chịu Tam ban triều đĩnh.

Trước dân làng và văn võ bá quan, Thầy và Thím đã dùng lựa điều biến thành rồng đỏ^[1] bay về phương Nam lánh nạn. Rồng bay về đến Tam

Tân (quận lỵ Hàm Tân ngày nay), ngó xuống thấy phong cảnh đẹp, Thầy cho rông hạ xuống và sống ở nơi đây với dân làng cho đến khi qua đời.

Cũng như khi sống ở Quảng Nam, tại đây Thầy lại tiếp tục việc cứu giúp người đời và dốc lòng học đạo. Ngày nay, tại Hàm Tân dân chúng thường nhắc đến công ơn của Thầy: cứu người trong cơn hoạn nạn, cho thuốc men, giúp gạo nước trong năm mất mùa và nhất là khuyến thiện dạy dân theo lành lánh ác.

Với công ơn ấy, dân chúng Tam Tân rất kính mến Thầy và Thím, xưng hô gọi tôn là Thầy. Danh tiếng Thầy ngày một lan tràn, người người khắp nơi đều biết tìm đến để theo Thầy học đạo.

Để tránh vương vấn với đời, Thầy và Thím vào rừng sống ẩn dật trong một túp lều tranh do tự Thầy cất lên. Tháng ngày làm bạn với điều thú, Thầy đã cảm hóa được cả thú dữ lẫn chim rừng. Cầm thú mọi loài hằng ngày tới châu bái Thầy.

Tuy sống ẩn dật, nhưng khi dân chúng gặp tai ương hoạn nạn đã thấy Thầy xuất hiện giúp đỡ.

Sau khi Thầy chết

Thầy và Thím chết trong túp lều tranh ở khu rừng.

Khi nghe tin Thầy và Thím chết, dân chúng kéo nhau vào lo chôn cất. Lạ thay, vào tới nơi, mọi người thấy voi đang châu chực bên Thầy và Thím, chung quanh đủ các cầm thú chim muông, thầy đều u sầu buồn thảm.

Lạ lùng và kinh ngạc nhất, không hiểu ai đã mang tới hai cỗ áo quan và đã tẩm liệm cả cho Thầy và Thím. Dân chúng đem chôn hai cỗ áo quan nơi Bàn Thông, và từ đó hàng năm hai lần mọi người kéo nhau tới, lần thứ nhất vào ngày mồng năm tháng Giêng âm lịch để tảo mộ và lần thứ hai vào ngày 15 tháng Chín để làm giỗ.

Xưa kia, theo lời thuật trong tài liệu, khi dân chúng vào viếng mộ và làm giỗ, chim muông và cầm thú đã dọn dẹp quét tước sạch sẽ cả mộ lẫn Dinh Thầy. Thầy và Thím chết đi, dân chúng thương tiếc, nhưng có người cho rằng cả hai người vẫn còn sống và đã dời đi nơi khác, vì ở đây danh Thầy đã nổi, sợ đến tai nhà vua sẽ bị truy tìm.

Thương Thầy và Thím, dân làng Tam Tân hợp nhau lập Dinh thờ cho đến ngày nay. Lúc đầu Dinh cất sơ sài bằng lá, nhưng dần được sửa sang trở nên đẹp đẽ nguy nga với nhiều đồ trang hoàng quý giá do khách thập phương cúng tiến.

Vua Tự Đức, qua sự đồn đại của dân chúng, phái người từ kinh đô vào tận Tam Tân để dò xét tình hình. Sau khi thăm dò dư luận và tìm hiểu sự thật, sứ thần về tâu cùng nhà vua mọi sự việc liên quan tới vợ chồng Thầy. Nhà vua cảm động, nghĩ tiếc một người có tài có đức, xóa bỏ án cũ lại sắc phong cho Thầy làm CHÍ ĐỨC TIÊN SINH và Thím làm CHÍ ĐỨC NƯƠNG NƯƠNG.

Từ khi chết, Thầy thường thường về phù hộ cho dân Tam Tân được an cư lạc nghiệp. Nhớ ơn Thầy, hàng năm dân làng đã làm giỗ Thầy rất lớn, và ngày giỗ đã trở thành ngày hội Dinh Thầy.

Ngày giỗ Thầy

Ngày giỗ Thầy, được gọi là ngày hội Dinh Thầy hàng năm chính thức cử hành vào hai ngày 15 và 16 tháng Chín âm lịch. Đây là một ngày lễ lớn tại Bình Tuy (Thuận Hải), và đã ăn vào tập tục của người dân địa phương. Tới ngày hội, họ kéo nhau đi dự giỗ Thầy.

Tuy ngày lễ chính thức vào hai ngày nói trên, xong khách thập phương từ các nơi đã chuẩn bị tới dự lễ từ hơn nửa tháng trước và sau ngày lễ, đến một tuần lễ sau còn đông khách tới hành hương.

Trong hai ngày lễ, Hàm Tân trở nên náo nhiệt và nhộn nhịp, và ngay cả trong những năm trước đây dù an ninh không mấy bảo đảm tại khu rừng Đình Thầy, dân chúng từ khắp các tỉnh miền Trung cũng như miền Nam

vấn đồ xô về dự ngày giỗ Thầy, xa từ Quảng Trị, Thừa Thiên hoặc lục tỉnh, gần từ Ninh Thuận, Phan Thiết, Long Khánh v.v...

Tới dự giỗ Thầy, người người đều cầu nguyện và xin xăm[2].

Dọc đường tỉnh lộ Bình Tuy đi Hàm Tân dài 12 cây số, đường đá sỏi gồ ghề lại xuyên qua một đoạn đường rừng nguy hiểm, xe cộ tấp nập suốt ngày, người kéo đi như nước, từng đoàn từng tốp. Dự giỗ Thầy, xin xăm cầu nguyện khách hành hương lại cùng nhau đi viếng mộ Thầy.

Cúng lễ xin xăm

Khách hành hương tới cúng Thầy mang theo đồ lễ đủ các loại: Tiền bạc, vàng hương, heo, gà; vịt và các thứ hoa quả bánh trái.

Trong hai ngày giỗ Thầy, ngày đầu 15 tháng Chín là ngày cáo giỗ, tức là ngày tiên thường, dân chúng nơi đây làm lễ cúng chay.

Ngày hôm sau là ngày cúng mặn. Dân làng sở tại tự mang đồ lễ tới cúng, và khách hành hương từ các nơi tới cũng đặt đồ lễ cúng.

Hầu hết khách trả hội, cúng lễ xong đều xin xăm, nhất là phụ nữ.

Xin xăm ở ngay chính diện đền Dinh, người xin xăm chen chúc quỳ lạy từ cửa vào. Tiếng xóc ống xăm vang lên đều đều.

Xin được lá xăm, ra bên ngoài, đã có hàng chục người đoán quẻ bàn giải.

Hội Dinh Thầy nhận nhịp tương bưng ở giữa một nơi hoang vắng, mà thường ngày rất ít người lai vãng tới, chứng tỏ lòng tin tưởng của dân chúng đối với Thầy.

Hội Dinh Thầy không có cỗ tục trò vui gì, nhưng khách trả hội đã vui với lòng thành của mình và đến được Dinh Thầy ai nấy đều tỏ sự hân hoan.

[1] Câu chuyện có vẻ hoang đường, nhưng chép lại chúng tôi xin ghi nguyên. Trong báo Tin Sớm số 1520 đề ngày 20-11-1969 cùng nhắc lại sự tích này (bài khuyết danh).

[2] Quê xãm miền Bắc gọi là quẻ Thẻ.

Hội Thổ Tang

Với các cỗ tục: Ông Đô,

Thi vật,

Thi dưa hấu,

Đánh cờ,

Tổ tôm điếm.

Làng Thổ Tang quê hương nhà Cách mạng Nguyễn Thái Học, thuộc phủ Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Yên (Vĩnh Phú).

Hàng năm dân làng làm lễ vào ngày 18 tháng Chạp cuối năm, nhưng lại mở hội mừng Xuân từ 14 đến 23 tháng Giêng; ngoài ra, vào mùa dưa hấu, tháng Năm âm lịch, làng lại có tục thi dưa hấu.

Vài nét về làng Thổ Quan

Đây là làng sở tại phủ Vĩnh Tường, cách tỉnh lỵ Vĩnh Yên 15 cây số và phía Tây Bắc. Muốn tới Thổ Tang phải đi theo quốc lộ số 2, rồi rẽ tay trái theo một con đường hàng tỉnh đi thêm chừng 3 cây số thì tới.

Làng Thổ Tang ở một địa thế rất đẹp, phong cảnh thật hùng vĩ. Phía Đông có một ngọn đồi rất lớn, rộng khoảng một mẫu tây, tục gọi là bãi Hàm Rồng, trên bãi có một cây đa cổ thụ, và bốn mùa cây cỏ tốt tươi. Một con ngòi nằm sát như ôm lấy bãi này. Phía Tây là một ngọn đồi khác, nằm sát quốc lộ 2 rộng khoảng ba mẫu tây, với nhiều lớp ruộng xếp thành từng cấp, xa trông như một chiếc nón chóp úp. Đứng ở làng nhìn xa xa về phía trái là dãy núi Tam Đảo, phía mặt là núi Ba Vì như đối chọi nhau. Phía Nam làng, còn có một ngọn đồi thứ ba, đồi này thấp nhỏ, nằm sát ngay bên làng, tục gọi là đồi Bồ Đề.

Với vị trí của làng nằm ở một khu trung du, có đồi gần núi xa, lại có sông nước, dưới con mắt các nhà địa lý, đây là một địa thế tốt, một thầy địa lý Tàu, xưa khi đi qua làng này đã tiết lộ làng nằm trên thân một con rồng, rất tiếc long mạch bị cắt đứt bởi con ngòi ngay bãi Hàm Rồng, nên làng chỉ có được nhân tài lừng lẫy nhưng không đạt được địa vị cao sang.

Phải chăng vì vậy làng đã sản xuất ra nhà cách mệnh Nguyễn Thái Học tiếng tăm lừng lẫy nhưng đã chỉ thành danh mà không thành công?

Dân làng khá đông, có đến hơn năm nghìn người, vừa sống về canh nông vừa sống về thương mại. Đây là một làng trù phú, trong làng đường xóm đều lát gạch tinh tươm sạch sẽ, và nhà ngói san sát như bát úp.

Những nơi thờ tự trong làng và thần tích

Cũng như mọi làng Việt Nam khác mà dân làng không theo đạo Gia Tô, làng Thổ Tang sống theo nếp sống cổ truyền với đình chùa đền miếu.

Không nói đến chùa, làng Thổ Tang có một ngôi đình xây ở trong làng để thờ đức Thành hoàng là ngài Hồ Lô Hầu, và một ngôi miếu xây ở phía Nam làng gọi là miếu Trúc. Tại miếu này dân làng thờ thần Hồ.

Hồ Lô Hầu

Ngài là một vị tướng quân đời nhà Trần, không rõ tên tuổi, nhưng đã có công trong cuộc chống quân Minh, được phong đến tước hầu, Hồ Lô Hầu.

Theo thần tích, về cuối đời nhà Trần, khi quân Minh xâm lấn nước ta, Hồ Lô Hầu đem quân giao chiến. Ngài bị thua, chạy tới làng Thổ Tang, vào nghỉ nơi quán Bồ Đề ở đầu làng. Dân làng mang dưa hấu dâng ngài dùng để khỏi khát. Lúc ấy ngài đã bị thương do quân giặc đâm, nên sau khi ăn dưa hấu đỡ khát, ngài cũng trút hơi thở cuối cùng.

Dân làng Thổ Tang lập đền thờ, và hàng năm vào ngày 18 tháng Chạp có làm lễ tế ngài, và mỗi mùa Xuân, hội làng cũng lại mở từ ngày 14 đến 23 tháng Giêng.

Thần Hồ và miếu Trúc

Theo các bô lão trong làng kể lại thì xưa kia về phía Nam làng Thổ Tang có một khu rừng, và hàng năm cứ đến mùa là hổ về phá phách và bắt trâu, bò, chó, lợn. Dân làng đề phòng cách nào cũng không ngăn được sự phá hoại mùa màng của hổ.

Cho đến một đêm, một bô lão trong làng nằm mơ thấy một ông già đầu râu tóc bạc, tay chống gậy trúc, mình mặc áo lông hổ báo cho biết dân làng phải lập đền thờ thần Hồ mới làm ăn yên ổn và phát đạt được. Vị bô lão kể lại giấc mơ với các kỳ mục và quan viên trong làng. Tuy bán tín bán nghi, nhưng các quan viên và kỳ mục cũng dắt nhau ra phía rừng, thấy có một bãi cỏ có dấu chân hổ dẫm nát.

Tin này được loan đi khắp làng, dân chúng liền bỏ cả việc đồng áng kéo nhau đi xem. Sau đó các vị quan viên kỳ mục trong làng họp cùng các bô lão tại đình để bàn việc xây một ngôi miếu thờ thần Hồ, ngay tại chỗ có dấu chân hổ dẫm.

Miếu này gọi là miếu Trúc, kiến trúc theo kiểu cổ, 3 gian 8 mái, trên nóc có hai con rồng châu mặt nguyệt. Trước miếu có đắp hai con hổ lồng trong khung kính trông rất oai phong lẫm liệt.

Theo các cụ, từ đó hổ không về tàn phá mùa màng và bắt gia súc nữa.

Và theo lời thuật lại của dân làng Thổ Tang có nhiều câu chuyện ứng nghiệm thần Hồ giúp đỡ dân làng.

Dưới đây chúng tôi xin kể lại một vài câu chuyện ứng nghiệm đó để độc giả biết và cũng tùy độc giả tin hay không[1].

Hổ giúp người bệnh

Một người làng Thổ Tang trong khi đi rừng chẳng may bị sốt rét phải vào nằm trong một hang đá. Ông ta lên cơn sốt mê man liên miên chẳng hiểu biết gì. Đến khi ông ta tỉnh dậy thấy mình được đắp kín toàn bằng lá rừng, và có một con hổ to lớn nằm ngay ngoài cửa hang. Sợ quá ông này nằm yên không dám cử mình. Con hổ tỉnh giấc, tiến lại gần ông ta dùng mũi người vào mặt, rồi đi ra khỏi hang. Một lúc sau con hổ mang về một đùi nai để bên cạnh ông, sau đó chạy biến vào rừng.

Chờ cho con hổ đi khỏi, ông ta ngồi dậy đốt lửa nướng thịt nai ăn. Qua hai ngày nhịn đói vì cơn sốt, nay bệnh lui, ông ăn đùi nai nướng thật ngon.

Lúc ấy trời đã gần sáng, ông vội vã ra về. Về đến nhà, ông sửa soạn một lễ rất to ra miếu Trúc cúng tạ ơn thần Hồ.

Hổ đòi con

Chuyện này xảy ra vào khoảng cuối năm 1941, câu chuyện đã làm cho dân làng Thổ Tang càng tin vào thần Hồ.

Năm đó, con trai một ông phú hộ trong làng ra săn vận động đá banh. Cậu này còn trẻ, tính tình nghịch. Lúc trở về cậu đi qua khu rừng sau miếu Trúc, chui vào những hàng cây len lỏi bắn chim bằng ná. Đến một bụi rậm, cậu thấy tiếng kêu sột soạt, khi nhìn cậu thấy có 4, 5 con mèo con rất đẹp, lông vàng vắn đen. Cậu thích quá bỏ cả bắn chim, bắt hai trong năm con mèo con mang về. Về nhà cậu giấu nhem không cho ai biết.

Đêm hôm đó, những người ở gần miếu Trúc nghe tiếng Hồ gầm, và cũng đêm đó, cậu con trai ông phú hộ cũng tự nhiên ốm nặng.

Sáng hôm sau, khi ông phú hộ đi đón thầy lang về chữa cho con, thấy trước ngõ có nhiều vết chân hổ ông hoảng sợ bỏ vào trong nhà, vừa lúc ấy bà vợ ông cho biết có hai con hổ con bị nhốt trong chuồng chó. Ông ta hiểu ngay cậu con trai đã bắt hai con hổ ở rừng mang về. Ông liền vội vàng sai người nhà mổ lợn làm lễ tạ ở miếu Trúc, đồng thời đem hai con

hổ con thả ra ngoài rừng. Cậu con trai ông ta sau buổi lễ tạ không cần thuốc cũng khỏi bệnh.

Câu chuyện trên lan truyền rất mau trong làng. Dân làng ai cũng tin là thần Hồ linh thiêng.

Tưởng cũng nên nói thêm, từ xưa dân làng Thổ Tang không ai ăn thịt hổ và cũng không ai ăn cao hổ cốt.

Ngày lễ 18 tháng Chạp

Ngày 18 tháng Chạp âm lịch là ngày khao Thọ của dân làng Thổ Tang, và cũng nhân dịp khao Thọ này dân làng làm lễ tế Hồ Lân Hậu. Đồ lễ tế thần gồm hương hoa trầu rượu, nhưng đặc biệt có thêm các ông Đô.

Các ông Húc Bờ và các ông Đô

Làng Thổ Tang chia làm ba khu Đông, Nam và Bắc, và dân làng được tổ chức thành ba giáp Thượng, Trung và Hạ.

Ngày 18 tháng Chạp, theo lệ làng, nam công dân tới năm đó 40 tuổi được tôn là các ông HÚC BỜ, và những người 55 tuổi làm lễ khao THỌ. Ba Giáp, mỗi giáp có một số các ông Húc Bờ và một số các vị khao Thọ để lên hàng bô lão.

Các ông Húc Bờ cũng như các vị chuẩn bô lão, phải nhân dịp lễ thần này trình làng các ông Đô, các ông Húc Bờ một ông Đô, còn các vị chuẩn bô lão phải trình hai ông.

Ông Đô, chính là một con lợn, miền Nam gọi là heo, dùng trong việc tế lễ thần làng.

Theo tục lệ làng, các ông Húc Bờ và các vị khao Thọ đều phải nuôi lợn từ đầu năm, lợn phải kén giống và nuôi sao cho thật béo. Lợn trình làng càng béo càng được làng khen thưởng.

Mấy ngày trước khi đem lợn trình làng tế thần, phải giữ cho lợn thật sạch sẽ tinh khiết. Trong những ngày này, các ông Húc Bờ cũng như các vị khao Thọ cho lợn ăn đậu phụ và bún để chúng béo mập thêm.

Ngày khao Thọ, những ông Húc Bờ và các vị khao Thọ không có ông Đô trình làng sẽ bị phạt vạ, và lệ phạt vạ ở làng này cũng rất là đặc biệt: người bị phạt vạ phải làm đô vật trong ngày lễ. Chính vì sự bắt buộc làm đô vật mà người làng dùng danh từ ông Đô để chỉ những con lợn, nhờ chúng mà các ông Húc Bờ và các vị khao Thọ khỏi phải sưng chân đánh vật.

Với tục phạt vạ lạ lùng này, người phương xa cho là phong kiến, nhưng đây chính là một tập tục thúc đẩy dân làng phải cần kiệm làm ăn dành dụm để có đủ món tiền mua lợn giống nuôi để trình làng nhân dịp lên tuổi bốn mươi, và nhân dịp khao Thọ. Bắt đầu dành dụm để có tiền mua lợn giống, nhưng rồi cần kiệm dành dụm trở thành thói quen, ai về già cũng có một món tiền tuy không to lớn, nhưng cũng đủ chi dùng khỏi nhờ vả tới con cháu. Thực ra, xưa nay chưa ai phải chịu vạ làng vì thiếu ông ĐÔ trình làng trong dịp lễ thần cuối năm.

Thi ông Đô

Như đã trình bày, mấy ngày trước khi trình làng các ông Đô được ăn đậu phụ và ăn bún. Đặc biệt hơn cả là phiên chợ Thổ Tang ngày 16 tháng Chạp, các ông được đưa ra chợ để ăn một mẻ đậu phụ và bún thỏa thích. Chợ Thổ Tang là một chợ lớn thuộc phủ Vĩnh Tường, quanh năm đã đông, ngày phiên 16 tháng Chạp lại càng đông hơn. Người làng và người quanh vùng nô nức kéo nhau đi xem hội. Các ông được dắt đi quanh chợ, cho ăn no nê, rồi đến gần trưa, tất cả các ông Đô đều được tập trung vào một địa điểm. Nơi đây các ông được một hội đồng gồm các kỳ mục và bô lão trong làng chấm thi lựa chọn kỹ càng, những ông được giải sẽ được dùng để tế các vị Thành hoàng và Thần Hổ.

Tại nơi tập trung này, những người săn sóc ông Đô còn mang theo những chậu đậu phụ và bún, và các ông Đô tiếp tục ăn trong khi hội đồng cứ lựa

chọn.

Hội đồng lần lượt đi xem từng ông Đô một, lựa chọn các ông theo bốn tiêu chuẩn: Đẹp, nặng, lớn, chân tốt. Khi các ông Đô đã được lựa chọn, các ông sẽ được đưa lên cân để xem nặng nhẹ.

Vì ai cũng muốn con lợn mình nuôi được giải, sự chăm nuôi rất cẩn thận. Thường ông Đô nào cũng dài trên một thước, béo mập, lúc đi bước những bước rất chậm chạp, hai con mắt ti hí như hai đường chỉ. Các ông Đô phải là loại lợn đen tuyền, tục làng không chấp nhận lợn lang, ông Đô nào dù chỉ có một chiếc lông trắng cũng bị làng loại.

Trong lúc hội đồng xét các ông Đô, dân làng, người lớn trẻ con xúm quanh rất đông.

Mổ thịt ông Đô

Nuôi ông Đô đã vất vả, khi mổ thịt ông cũng lại rất cầu kỳ. Thường thường từ ngày 17 tháng Chạp các ông Húc Bờ và các vị chuẩn bò lão đã làm rạp mổ bò mời bà con tới ăn mừng.

Ngày 18, từ nửa đêm, ông Đô được đem mổ thịt. Phải kén trai thanh tân mới được chọc tiết mổ thịt ông! Cạo lông xong, ông Đô được phân thây xả ra làm nhiều miếng cỡ hai chục hay ba chục phân, xếp trên phen tre, mỗi phen tre vào khoảng năm miếng thịt. Những phen tre này được đặt lên mâm bưng ra đình làng.

Ngoài những ông Đô được giải dùng để cúng thần làng và thần Hổ, thịt các ông Đô khác dùng để chia biếu người trong hàng giáp, giáp nào riêng các ông Đô thuộc về giáp ấy.

Tục nuôi Ông Đô nhìn qua thấy tốn kém đối với các đương sự, nhưng thực ra đây là một hình thức khuyến khích chăn nuôi. Nhờ có tục này, dân làng Thổ Tang có rất nhiều kinh nghiệm trong việc chọn lợn giống cũng như trong việc nuôi lợn, vốn vẫn là một nghề phụ và là một nguồn lợi lớn của dân làng.

Hội xuân tại Thổ Tang

Cũng như các làng khác thuộc trung du và trung châu Bắc Việt, làng Thổ Tang, khi mùa xuân tới dân làng cũng mở hội mừng Xuân từ 14 tới 23 tháng Giêng.

Trong ngày hội, dân làng có tổ chức rước từ miếu Trúc tới đình làng. Đám rước đi qua quán Bồ Đề ngừng lại, ý nghĩa cuộc ngừng ở đây muốn nhắc tới việc Hồ Lân Hầu đã ngừng chân tại quán Bồ Đề giải khát.

Thi dưa hấu

Thi dưa hấu là một cổ tục có từ lâu đời ở làng Thổ Tang. Mùa dưa hấu ở miền Bắc xuất hiện vào cuối tháng Tư, đầu tháng Năm âm lịch, không phải vào dịp Tết như ở miền Nam. Riêng ở làng Thổ Tang, dưa trồng vào khoảng tháng 11 âm lịch và thường được hái vào hạ tuần tháng Ba trở đi.

Theo tục lệ làng Thổ Tang, vào khoảng thượng tuần tháng Ba âm lịch mỗi năm, hội đồng kỳ mục họp với một số bô lão có kinh nghiệm về trồng trọt để quyết định ngày hái dưa, được gọi là NGÀY XUỐNG ĐỒNG, nghĩa là xuống ruộng hái dưa.

Ngày xuống đồng đã được quyết định, ban hội đồng cho mõ làng đi thông báo khắp các thôn xóm. Thường thì là ngày hai mươi lăm tháng Ba âm lịch.

Và đúng ngày xuống đồng, từ 5 giờ sáng, trống, mõ và tù và đã báo hiệu khắp làng. Nghe báo hiệu các chủ ruộng dưa cùng người nhà ra đồng hái dưa, và từ hôm đó, mùa hái dưa mới bắt đầu. Trước ngày xuống đồng, gia đình hoặc cá nhân nào tự hái dưa sẽ bị phạt vạ rất nặng, nếu là chủ ruộng, làng phạt tiền, còn nếu là kẻ trộm dưa, làng sẽ phạt cùm ngay trước sân đình một ngày để cho mọi người qua lại trông thấy.

Ấn định ngày xuống đồng là lệ làng, dân làng đã tuân theo lệ này từ đời nọ qua đời kia.

Dưa hái xong, các chủ điền đích thân chọn những quả dưa già, lớn, nặng đem ra trình làng.

Tại đây, Hội đồng giám khảo gồm Hội đồng kỳ mục và một số các bô lão như đã nói trên sẽ xét dưa theo các tiêu chuẩn: giống dưa tốt, đẹp mã, già, đầy đặn, bổ ra đỏ tươi hoặc vàng lại nhiều cát.

Cuộc chấm thi dưa chia làm hai đợt rất hào hứng:

Đợt thứ nhất chọn những trái dưa đẹp, già, đầy đặn; Đợt thứ hai đưa dưa lên cân xem quả nào nặng nhất rồi mới xếp hạng.

Dưa lựa được xếp hạng nhất, và chỉ có hạng nhất và hạng hai.

Dưa hạng nhất được rửa sạch cúng thần ở đình làng và tên chủ dưa được loan truyền cho dân làng rõ.

Dân làng Thổ Tang tin rằng, chủ điền nào có dưa được chọn cúng thần, ngoài điểm đây là một điều vinh dự, cả năm đó làm ăn sẽ thịnh đạt.

Thi dưa là một cổ tục, nhưng cổ tục này nhằm mục đích khuyến khích việc trồng dưa. Các chủ ruộng phải biết cách chăm bón và luôn luôn phải có những sáng kiến để việc trồng dưa có kết quả. Họ phải đi tìm kiếm giống tốt, nhờ sự tìm kiếm này mà dưa hấu của làng Thổ Tang có đủ loại, từ loại dưa hấu đỏ ruột như ở miền Nam, đến loại dưa vàng, ngọt, nhiều cát, quả dài có vành đen giống như miền Thanh, Nghệ Tĩnh.

Các cổ tục hội xuân

Ngoài tục thi ông Đơ trong ngày lễ cuối năm và tục thi dưa hấu vào tháng Năm âm lịch, trong hội Xuân tổ chức từ 14 đến 23 tháng Giêng như trên đã trình bày, làng có nhiều trò vui cho dân làng và các khách xem hội giải trí, như đánh vật, đánh Cờ bỏi, Tổ tôm điểm đã được trình bày trong một số các hội về kỷ niệm lịch sử, hoặc tôn giáo.

Thời thế diễn biến, có ai ngày nay tới Thổ Tang, nhắc tới những tục lệ cổ, chẳng qua chỉ còn lại chút dư âm.

[1] Những câu chuyện này chúng tôi kể theo lời ông Nguyễn Duy Phương, người làng Thổ Tang.

Thân thế Nguyễn Thái Học

Nhân nhắc tới hội làng Thổ Tang, quê hương Nguyễn Thái Học, chúng tôi xin phép được trình bày thêm sau đây để bạn đọc tham khảo. Tài liệu của ông Nguyễn Duy Phương.

Danh nhân làng Thổ Tang có ông Nguyễn Thái Học, lãnh tụ Việt Nam Quốc Dân Đảng, vị anh hùng cách mạng của dân tộc Việt Nam đã phát cờ khởi nghĩa Yên Bái. Nhưng cuộc khởi nghĩa đã thất bại, Nguyễn Thái Học đã lên đoạn đầu đài với phong cách hiên ngang của một nhà cách mạng quả cảm và ái quốc.

Lãnh tụ Nguyễn Thái Học sinh trưởng trong một gia đình thanh bạch, sống về nghề nông. Bà cụ thân sinh ra ông Học chuyên nghề canh cửi, nuôi tằm dệt tơ.

Sống trong một xã hội bị đàn áp, bóc lột, ông Nguyễn Thái Học đã sớm ý thức được cái nhục của một con dân mất nước. Ngay từ hồi còn học tiểu học tại trường làng, ông Nguyễn Thái Học đã nuôi chí hướng giải phóng dân tộc. Thường thường ngoài giờ học, ông hay trò chuyện với các bạn đồng niên, và luôn luôn nhắc nhở cho bạn bè nhớ rằng mình có đất nước mà dân mình không có chủ quyền, dân mình phải ăn cơm thừa canh cặn của thằng Tây. Vậy thì mình phải làm gì để lấy lại chủ quyền cho dân mình được tự do, nước mình được độc lập.

Cái ý chí giải phóng dân tộc đó đã đưa ông Nguyễn Thái Học trở thành lãnh tụ Việt Nam Quốc Dân Đảng và là một trong những vị anh hùng cách mạng của dân tộc Việt Nam. Tuy lãnh tụ Nguyễn Thái Học thất bại trong cuộc khởi nghĩa Yên Bái, nhưng tên tuổi ông đã đi vào lịch sử, sự hy sinh của ông đã là một tấm gương sáng cho nhân dân Việt Nam...

Nhưng nếu chỉ nói đến sự hy sinh của nhà lãnh tụ Nguyễn Thái Học cho dân tộc thiết tưởng cũng chưa đủ vì ông Học còn hai người em nữa cũng đã hy sinh cho đất nước[1].

NGUYỄN THÁI LÂM là người em kế ông Học. Anh Lâm rất thông minh, nhưng sau khi học hết chương trình Tiểu Học, anh ở nhà học lấy chữ không chịu ra Hà Nội học nữa.

Mang nặng mỗi thù ruột thịt, anh Lâm đã nhất định không chịu cộng tác với chính quyền dù hồi đó họ đưa quyền lợi và địa vị ra ve vãn khi anh đã trưởng thành.

Để giúp đỡ mẹ già, anh Lâm đã tự nghiên cứu học hỏi qua sách vở để có một nghề tự do. Năm 1939, anh Lâm mở một tiệm ảnh ngay tại phố phủ Vĩnh Tường và lấy tên là tiệm Phục Hưng. Hồi đó, những viên tri phủ đến nhận chức tại phủ Vĩnh Tường đều vào chào cụ bà thân sinh ra ông Học và thường lui tới thăm hiệu ảnh của anh Lâm.

Có một lần, một viên Tri phủ đến thăm anh Lâm, hỏi:

- Thế nào phát tài chưa ông Lâm?

- Dạ! Nhì nhắng. Ông tính làm sao mà tiệm tôi phát đạt được khi dân mình còn bị sưu cao thuế nặng, tiền đâu mà họ đi chụp ảnh, ăn còn chưa đủ nói gì đến chuyện chụp ảnh chơi.

Viên tri phủ biết anh Lâm chửi xéo mình, ông ta nói sang chuyện khác.

Và cũng từ đó ông ta ít tới thăm tiệm ảnh Phục Hưng, mãi tới trước khi đi nơi khác, ông ta mới tới chào anh Lâm.

Thế rồi đến thời kỳ Việt Minh khởi nghĩa năm 1945, Trần Huy Liệu đã đại diện ông Hồ về thăm, biếu quà cụ bà thân sinh ra ông Học và đàm đạo với anh Lâm với mục đích mời anh ra cộng tác.

Năm 1949, Pháp cho toán quân đầu tiên đặt gót giày đinh lên quê hương nhà cách mạng Nguyễn Thái Học. Hôm đó vào một buổi sáng mùa hè,

từng loạt đại bác Pháp bắn xối xả vào làng Thổ Tang, nhiều đám cháy bốc lên. Tuy vậy quân Pháp cũng thừa hiểu Thổ Tang là một làng Việt Nam Quốc Dân Đảng, họ rải truyền đơn, chiêu dụ dân chúng chứ không khủng bố, phá phách.

Một tên quan ba người Pháp có thông ngôn đi theo và một số lính Partisan[2] đã vào căn nhà của lãnh tụ Nguyễn Thái Học. Lúc đó chỉ còn một mình anh Lâm ở nhà.

Khi viên sĩ quan người Pháp vào, anh Lâm vẫn thản nhiên đứng đọc sách bên cạnh đồng rơm đang cháy. Cái lệnh đầu tiên của viên sĩ quan người Pháp là bảo đám lính Partisan dội nước vào đồng rơm đang cháy để khỏi cháy lên căn nhà.

Lúc đó anh Lâm mới ngừng đầu lên, cảm ơn viên sĩ quan Pháp. Rồi anh bảo mấy người lính Partisan:

- Cảm ơn các anh! Các anh hãy thương đồng bào mà chữa những căn nhà đang cháy kia kìa, còn cái đồng rơm nhà tôi có đáng gì đâu.

Viên sĩ quan người Pháp nghe viên thông ngôn dịch lại và lại gần xin lỗi anh Lâm và vục pháo kích vừa qua, đồng thời thuyết phục anh Lâm, nào là người Pháp ngày nay khác quân Pháp năm 1928. Bây giờ người Pháp sang đây là để giúp Hoàng Đế Bảo Đại. Và cuối cùng y muốn anh Lâm cộng tác với cơ quan hành chính địa phương. Anh Lâm cười trả lời:

- Theo ý tôi thì quân đội Pháp ở Việt Nam ngày nay và cách đây gần 20 năm cũng chẳng có gì khác. Các ông sang đây có mục đích của các ông, và tôi cũng có ý tưởng riêng của tôi, cái chết của anh tôi không cho phép tôi cộng tác với các ông được (Câu chuyện này do một anh Partisan cùng đi với viên sĩ quan Pháp thuật lại).

Viên sĩ quan người Pháp biết rằng không thể lung lạc nổi anh Lâm nên hăn vui vẻ chào rồi ra khỏi nhà. Nhưng liền đó hăn ra hiệu cho tay sai núp một chỗ kín, bắn lén.

Anh Lâm gục ngã trên vũng máu, và khi quân Pháp rút khỏi làng, thân nhân anh mới hay hung tin đó.

Thế là người em thứ hai của ông Nguyễn Thái Học cũng đã chết vì bàn tay thực dân Pháp.[3]

Anh Nguyễn Thái Lâm chết để lại mẹ già, một đứa con trai khoảng 7 tuổi, Nguyễn Thái Tuấn và người vợ cùng làng.

Gương thương dân của cụ bà thân sinh ra lãnh tụ Nguyễn Thái Học

Năm 1949, quân đội Pháp mở rộng mặt trận đồng bằng Bắc Việt và thiết lập chính quyền Bảo Đại tại các địa phương.

Làng Thổ Tang từ xưa vẫn là phủ lỵ Vĩnh Tường, nay lại được chọn làm quận lỵ Vĩnh Tường và một viên quận trưởng được bổ nhiệm.

Trong số các Quận Trưởng Vĩnh Tường, có một ông có một chút kinh nghiệm chính trị, thường lui tới vấn an cụ bà thân sinh ra Nguyễn Thái Học. Lúc này cụ sống với người con dâu và đứa cháu độc nhất tức vợ con anh Lâm.

Trong một cuộc tảo thanh làng bên cạnh, làng Sơn Tang, viên Quận Trưởng cho càn luôn một số trâu, bò về quận. Việc này là một việc thường xuyên của những cuộc tảo thanh tại những vùng chưa lập Hội tề. Thường thường số trâu bò này họ đem bán hoặc mổ thịt rất phí phạm trong khi đó nông dân không có trâu bò làm ruộng.

Nhân dịp này, viên Quận Trưởng đem biếu cụ mẹ ông Học một con trâu khỏe lớn. Bà cụ bảo lính của Quận Trưởng dắt trâu ra Quận với cụ. Anh này kêu nài xin cụ nhận cho không về anh bị ông quận trách mắng. Bà cụ bảo:

- Thôi, anh cứ về đi!

Rồi bà Cụ tự dắt con trâu ra Quận. Cụ cẩn thận buộc nó vào một gốc cây ở sân rồi vào thẳng Quận đường gặp Quận Trưởng. Ông này thấy cụ thì

hí hửng đón mời cụ ngồi, cụ không ngồi và nói:

- Tôi cảm ơn ông Quận đã ban cho trâu, nhưng trâu này là trâu của người ta, tôi đâu nỡ lấy của họ. Nếu ông Quận trưởng thật có lòng tốt với tôi, tôi chỉ xin ông một điều.

- Dạ, thưa cụ muốn chi cũng được.

- Tôi phiền ông Quận Trưởng cho trả lại tất cả số trâu bò mà ngày hôm qua lính họ đã bắt ở làng Sơn Tang, vì mất trâu bò cày thì dân chết đói mất.

Viên Quận trưởng đỏ mặt vì ngượng, nhưng sau cùng ông đành chấp nhận yêu sách trên. Sáng ngày hôm sau chính bà cụ đã cùng lính sang làng Sơn Tang trao trả trâu bò cho dân làng. Dân làng Sơn Tang đã mừng chảy ra nước mắt khi được nhận lại những con vật đã mất. Họ xúm lại chung quanh cụ cảm ơn rối rít. Cụ rơm rớm nước mắt nói:

- Tôi rất đau lòng xót ruột khi thấy bà con khổ sở.

[1] Ông Nguyễn Duy Phương không nhắc tới ông Nguyễn Văn Nho cũng là em ông Học và cũng chết dưới bàn tay người Pháp.

[2] Hồi đó người ta dùng hai chữ Thân binh để chỉ loại lính này. T.A

[3] Có lẽ ông Phương muốn nói người em thứ nhất của ông Nguyễn Thái Học là Nguyễn Văn Nho. T.A

Những hội hè khác

Từ trên chúng tôi đã trình bày một số các hội hè với các cổ tục mà chúng tôi được biết, hoặc qua mắt thấy tai nghe hoặc qua những tài liệu chính xác chúng tôi được đọc. Những hội đã được trình bày chỉ là một số rất nhỏ, so với số hội hè còn lại mà chúng tôi cũng rất muốn trình bày cùng bạn đọc, trong mỗi hội ít nhất cũng tiềm tàng một dấu vết cũ kỹ nào của

dân tộc, hay có, dở cũng có, dù hay dở chúng ta cũng cần biết để hiểu về dân tộc chúng ta hơn, và có biết quá khứ mới định hướng được tương lai.

Trong những số hội hè còn lại, có hội chúng tôi được nghe qua, hoặc cũng có khi đã tới hội, nhưng vì sự hiểu biết về hội không được rõ ràng, không thể viết hẳn thành một bài như các hội đã trình bày, lại có những hội chúng tôi không biết. Làng quê có làng có hội hàng năm, có làng không, nhưng dù sao, làng nào ít nhất mỗi năm cũng có một lần làm lễ hoặc với những cỗ tục đặc biệt hoặc với sự cúng lễ qua nghi thức thông thường.

Dưới đây, xin lược kê một số Hội hè đình đám với các cỗ tục tại mỗi nơi. Những cỗ tục này hoặc đã được nhắc tới trong các hội hè đã trình bày hoặc chưa. Để tiện giúp bạn đọc tìm hiểu dễ dàng tục nào có ở nơi nào, chúng tôi xin đưa ra những cỗ tục rồi kê sau những làng xã mà trong khi hội hè có cử hành những tục này.

Hát quan họ

Lối hát đặc biệt của trai gái vùng Bắc Ninh, đã trình bày kỹ lưỡng trong hội Lim.

Trai gái tìm nhau hát ở:

Hội Tráp, làng Hữu Tráp, huyện Võ Giàng tỉnh Bắc Ninh (Hà Bắc) hội mở vào ngày mồng 4 tháng Giêng.

Hội Ó, làng Vân Ổ, huyện Võ Giàng, tỉnh Bắc Ninh, hội mở vào ngày mồng 5 tháng Giêng.

Hội Khả Lễ, huyện Võ Giàng, tỉnh Bắc Ninh, hội mở vào ngày mồng 6 tháng Giêng.

Hội Đống Cao làng Dương Ổ, huyện Võ Giàng, tỉnh Bắc Ninh, hội vào ngày 7 tháng Giêng.

Hội Chùa Cao tục gọi là Chùa Trong, làng Thị Cầu, huyện Võ Giàng, tỉnh Bắc Ninh, hội mở vào ngày mồng 9 tháng Giêng. Hội làng Trà Xuyên, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh hội mở vào ngày mồng 8 tháng Giêng.

Hội làng Nội Ninh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang (Hà Bắc), hội mở vào ngày mồng 9 tháng giêng.

Hội Yên, làng Yên Xá, huyện Võ Giàng, tỉnh Bắc Ninh, hội mở vào ngày mồng 10 tháng Giêng.

Hội Diêm, lán Diêm Xá, huyện Võ Giàng, tỉnh Bắc Ninh, hội mở vào ngày 11 tháng Giêng.

Hội Xói, làng Xuân ái, huyện Võ Giàng, tỉnh Bắc Ninh, hội mở vào ngày 12 tháng Giêng.

Hội Lim, tục gọi là Cầu Lim, làng Lũng Giang huyện Tiên Du tỉnh Bắc Ninh, hội mở vào ngày 13 tháng Giêng.

Hội làng Thanh Sơn, huyện Võ Giàng tỉnh Bắc Ninh, hội mở vào ngày 18 tháng Giêng.

Hội Chùa Điều, tục gọi là Chùa Ngoài làng Thị Cầu, hội mở vào ngày 20 tháng Giêng.

Hội làng Châm Khê, huyện Võ Giàng tỉnh Bắc Ninh (không nhớ rõ ngày mở hội trong tháng Giêng).

Hội làng Thổ Hà, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, hội mở vào ngày 22 tháng Giêng. (Làng này có tiếng về nghề nặn và nung đồ sành).

Hội làng Đào Thôn, huyện Võ Giàng, tỉnh Bắc Ninh, hội mở vào ngày 28 tháng Giêng (Làng này có nghề làm giấy bản. Con gái làng này trắng, đẹp và hát quan họ rất hay).

Hội làng Linh Quang, huyện Yên Phong; tỉnh Bắc Ninh, hội mở vào ngày mồng 2 tháng Hai.

Và còn ở nhiều hội khác thuộc mấy huyện Tiên Du, Võ Giàng, Yên Phong tỉnh Bắc Ninh và Việt Yên tỉnh Bắc Giang, huyện này nằm phía bên kia sông Cầu giáp giới với huyện Võ Giàng.

Kéo co

Thú chơi đặc biệt cổ võ tinh thần thượng võ cổ hữu của dân tộc Việt Nam.

Đã trình bày trong hội Tích Sơn.

Làng Hữu Trấp, hội mở vào ngày mồng 4 tháng Giêng cũng có tục kéo co (xin xem bài Chiến đấu tính trong một số các cổ tục Việt Nam, chương IV).

Đánh đu

Đây là một thú trai gái đồng quê rất say mê. Có thể đu một mình hoặc trai gái đu đôi[1]. Tại hầu hết các hội có hát quan họ đều có cây đu. Cây đu cũng được trồng tại một số các hội tuy không có hát quan họ, thuộc các tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang, Vĩnh Phúc Yên v.v...

Bài thơ của Hồ Xuân Hương đã mô tả gần đầy đủ về cây đu và thú chơi đu:

Tám cột khen ai khéo khéo trồng,

Người thời lên đánh kẻ nhòm trông.

Trai đu gối hạc, khom khom cật,

Gái uốn lưng ong, ngửa ngửa lòng.

Bốn mảnh quần hồng bay phấp phới,

Hai hàng chân ngọc ruỗi song song.

Chơi Xuân đã biết Xuân chẳng tá,

Cọc nhõ đi rồi lỗ bỏ không.

Ca dao Việt Nam cũng có câu:

Nhún mình như thế nhún đu,

Càng nhún càng dẻo, càng đu càng mềm!

Đánh vật

Đây là một trò vui thượng võ của dân tộc Việt Nam.

Đã trình bày trong bài Hội đèn Hai Bà Trưng.

Những làng có tiếng về môn này, trong ngày hội đều có tục này: Trung Mậu, Yên Xá tỉnh Bắc Ninh, Vị Thanh, Lầm, Dịch Đồng, Hội Hợp tỉnh Vĩnh Yên (Vĩnh Phú), Mai Động tỉnh Hà Đông (Hà Nội) v.v...

Kéo chữ

Dân quê Việt Nam trong những môn du hí, có những trò chơi động như đánh vật, đánh Trung bình tiên, kéo co v.v..., nhưng cũng lại rất thích những thú chơi tao nhã của văn chương. Chơi văn, chơi chữ không phải chỉ ở câu văn, câu thơ, bài văn sách, bài phú, mà còn ở ngay những cuộc vui bình dân trong ngày hội.

Làm thơ, đọc phú là các thú tao nhã của các tay văn học, của các ông đồ, ông khoá, ông tú, ông cử, còn những người học hành ít, nông kiến thức, hẹp kiến văn, không hiểu được thơ, phú, văn, sách. Để cho ai cũng có thể thưởng thức được văn chương chữ nghĩa, ở nhiều làng quê có tục kéo chữ trong ngày hội.

Tục kéo chữ chúng tôi đã trình bày trong bài HỘI PHÚ GIÀY.

Tục này còn xuất hiện ở nhiều làng khác, và riêng chúng tôi đã được chứng kiến ở làng Nội Ninh, tục gọi là làng Nếnh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang (Hà Bắc).

Thường những chữ kéo trong ngày hội đã có các tay cờ luyện tập từ trước. Chữ do những lá cờ ngũ hành đuôi nheo của các tay cờ sắp thành. Việc luyện tập rất công phu dưới sự hướng dẫn của một ông hiệu cờ. Ông này chỉ dẫn cho các phu cờ để họ trông theo cờ ông phất là họ biết lệnh tiến lui, sang ngang, về dọc, xếp những ngọn cờ thành những chữ rất rõ ràng có đủ nét mác rất sắc.

Phu cờ do dân làng kén chọn, hôm kéo chữ phải ăn mặc đồng phục, thường thường khăn xếp đen, áo the thâm quần trắng, thắt lưng bó que, thắt lưng nhiều điều hoặc nhiều thiên thanh hay hoa lý. Có khi số phu cờ được chia làm hai, mỗi nửa thắt một màu thắt lưng riêng.

Kéo chữ thường được tổ chức trên khoảng sân rộng trước đình, hoặc ở một khoảng sân rộng nào khác để tiện cho dân làng và khách thập phương dự xem.

Lúc mới đầu, những phu cờ dàn hàng hai, quay mặt về phía đình làm lễ. Sau đó, theo lệnh của ông hiệu Cờ họ mới chuyển động để xếp thành chữ.

Đầu tiên họ kéo từng chữ một, và sau cùng họ kéo cả mấy chữ đã được lên trước một lúc! Thiên hạ thái bình hoặc Quốc thái dân an v.v...

Họ chuyển động rất nhẹ nhàng. Họ kéo lên chữ nào, ta đọc đúng ra chữ đó.

Đáo cộc

Làng Lũng Ngoại, phủ Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Yên (Vĩnh Phú) hàng năm mở hội từ mùng ba tới mùng bảy tháng Giêng.

Trong ngày hội có rước xách tế lễ, có đánh vật, có tổ tôm điếm, nhưng làng này có một tục đặc biệt không thấy có ở làng khác: tục đánh đáo cọc. Đánh đáo chắc ai cũng hiểu rồi, nhưng đáo cọc chơi hơi khác.

Đáo cọc dân làng chơi ở khoảng đất trống ở ngay trước cửa đình. Khoảng đất này chiều dài độ mười thước.

Ở một đầu khoảng đất này có cắm một chiếc cọc, trên ngọn phấp phới mấy lá cờ đuôi nheo ngũ sắc. Người tham dự đứng ở mé đầu kia khoảng đất. Đáo chơi bằng những viên đá tròn. Người chơi đáo phải ném viên đá thế nào để viên đá tới nằm ngay ở chân cọc, viên đá càng gần chân cọc bao nhiêu càng tốt chừng đó. Những người chơi đáo có thể dùng viên đá của mình đánh bật viên đá của người khác ra xa chân cọc.

Chơi đáo cọc, dân làng Lũng Ngoại gọi là Ú đáo.

Cuộc chơi đáo hàng năm đều bắt đầu bằng một nghi lễ trịnh trọng. Sáng ngày mồng 3 tết, ông Tiên Chỉ trong làng khai mạc cuộc chơi đáo. Ông làm lễ tại đình rồi ra ném viên đá đầu tiên. Sau đó đến các vị bô lão, chức sắc rồi mới đến dân làng.

Cuộc Ú đáo kéo dài trong suốt mấy ngày hội: Thanh niên ú đáo rất ham. Họ tin rằng nếu viên đá của họ ú trúng, nghĩa là năm sát ngay chân cọc, trong năm họ sẽ gặp may mắn.

Đáo đĩa

Đây tuy là một trò chơi, nhưng cũng là một trò đồ bác có ăn thua. Trước đây ta thường bắt gặp những cuộc chơi đáo đĩa tại các hội hè thuộc vùng Bắc Ninh, Bắc Giang.

Chơi đáo đĩa rất giản dị, chỉ cần ở người chơi đáo một sự khéo léo.

Một chiếc đĩa thanh trúc, loại đĩa vẽ cây trúc xanh trong lòng, đường kính vào khoảng 12 đến 15 phân bày ở giữa một chiếc nia, có khi là một chiếc mẹt, dùng làm đích cho người chơi đáo. Những người này đứng ở

bực cấm, nghĩa là nơi người chơi đáo không được vượt qua, để cả cái đồng tiền vào chiếc đĩa. Cả cái nghĩa là cầm ngang đồng tiền đưa đi, đưa lại sao để đồng tiền rơi vào trong lòng đĩa rồi nằm ngay trong đó không bị nảy lên mà rớt ra ngoài.

Người chơi đáo, cả cái đồng tiền là người con, người đứng chủ trương cuộc chơi là người cái. Người cái bày mẹt, bày đĩa ra tại một nơi trong đám hội, khách xem hội ai thấy hứng thì chơi. Thường người cái đáo có một vài tay cò mồi cả cái rất khéo, đồng tiền tuy có nảy lên vẫn ở lại trong lòng đĩa.

Đồng tiền nằm lại trong đĩa được cái đáo giam một số tiền gấp nhiều lần, nhiều ít tùy theo chiếc đĩa to nhỏ, chiếc mẹt hoặc chiếc nia rộng hẹp và tùy theo cả bực cấm xa gần nữa. Những đồng tiền đi trật rớt ra nia hoặc đã đi trúng vào đĩa lại nảy ra nia, người cái đều được vơ hết. Những đồng tiền không vào đĩa cũng không vào nia, nhà cái đáo sẽ hoàn lại cho người con để người này đi lại.

Nhiều khi, người cái không dùng tiền trả cho người con, lại dùng đồ vật làm giải thưởng thế vào, giải thưởng có thể là một gói trà tàu, vuông nhiều điều, vuông lụa bạch, hoặc gương lược v.v...

Đáo ô

Chơi đáo ô cũng tương tự như đáo đĩa, chỉ khác thay vì chiếc đĩa đặt trong chiếc mẹt hoặc chiếc nia làm đích, thì đây là một khay gỗ vuông bốn phía có gờ, mặt chiếc khay này được kẻ thành từng ô theo đường ngang dọc hoặc chéo góc.

Cũng có người cái và các người con, người con đứng ở bực cấm cách xa chiếc khay gỗ có ô, xa gần tùy từng bàn đáo ở bực cấm, người con lấy tiền cả cái vào chiếc khay gỗ có chia ô. Trong những ô, có ô có giải thưởng, có ô không. Người con đi đúng vào ô có giải thưởng thì được, đi vào những ô khác thì mất đồng tiền đi. Giải thưởng cũng như đáo đĩa có thể là tiền bạc hoặc đồ vật.

Những đồng tiền đi không trúng vào chiếc khay gỗ, hoặc đã đi trúng vào nhưng lại nảy bắn ra ngoài, người cái đều hoàn lại cho người con để đi lại.

Đáo ô cũng như đáo đĩa bị coi là môn đồ bác nên trước đây chỉ xuất hiện trong những ngày hội, trong những ngày vui vẻ này, các nhà chức trách làm ngơ cho mọi người mua vui.

Ngoài ngày hội, người tổ chức tức là người cái đáo có thể bị bắt và bị truy tố theo tội cờ bạc.

Đáo lỗ

Đã nói tới đáo, phải nói tới đáo lỗ. Đáo lỗ không phải là trò chơi riêng của ngày hội, quanh năm trẻ em lúc nào chơi cũng được. Cũng như hai lối đáo trên, đây là một lối chơi bằng tiền. Một bọn trẻ nhỏ, vài bốn thanh niên họp nhau lại là bàn đáo thành. Đáo chơi từng ván, mỗi ván mỗi người góp một số tiền.

Không hiểu tại sao, trước đây, tại các miền Trung du Bắc Việt, đáo lỗ chỉ được chơi vào dịp gần Tết và trong mùa Xuân.

Đáo lỗ chơi cũng thật giản dị, chơi bất cứ ở chỗ nào, vào giờ nào cũng được. Chỉ cần khoét xuống đất một cái lỗ tròn. Cách lỗ tròn này độ mấy bước là vạch cấm. Chơi đáo phải đứng ở vạch cấm để cả cái đồng tiền vào lỗ. Tiền nào đúng lỗ là ăn, tiền trật ra ngoài thì đến lượt người khác. Dễ dàng lắm! Ngắm làm sao cho đúng lỗ, đi đồng tiền vào cho gọn ấy là xong!

Xin thú thật, ngày thuở bé, kẻ viết những dòng này rất thú vị cái môn đáo lỗ này lắm. Không gì sung sướng cho bằng khi cả cái đúng lỗ! Nghe đồng tiền rơi vào lỗ đánh "oặc", thật là khoái trá và cũng khoái trá khi vì đi đúng lỗ được thu tiền của người khác bỏ túi.

Ngày hội thầy bói

Làng Chục, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh (Hà Bắc) thờ Tổ Sư Thầy Bói. Ngày mồng 9 tháng Giêng âm lịch hàng năm, ngày lễ Tổ Sư, các đệ tử của Quý Cốc tiên ông từ các nơi đều chống gậy lẫn mò về để làm lễ bái yết.

Các ông thầy bói họp lại với nhau, cũng bàn bạc như thảo luận về việc làng của các xã, thôn vậy. Không ông nào trông thấy ông nào, nhưng các ông bàn luận thực đâu ra đấy, và cũng quyết nghị về những vấn đề quan trọng của làng đeo kính râm.

Thi thầy

Làng Trực Chính, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, thờ ông Từ Đạo Hạnh tại chùa làng, vị cao tăng đời nhà Lý đã nhắc tới trong hội Chùa Thầy.

Hàng năm, làng này mở hội từ ngày 20 đến hết ngày 24 tháng Giêng âm lịch. Trong Hội có múa rối, hát chèo, đánh vật và cúng lễ, nhưng đặc biệt làng này có tục Thi Thầy rất lạ. Các thầy đạo sĩ các nơi, nhân ngày hội chùa làng này, kéo nhau tới để dự cuộc Thi Thầy bắt đầu từ ngày 20 tháng Giêng. Các thầy cùng nhau ngâm vịnh những bài văn cúng, văn tế của cổ nhân. Người nào vịnh được nhiều bài hay lạ, có nhiều ý nghĩa, có nhiều điển tích, được bầu trúng giải và được thưởng cỗ bánh.

Sau cuộc thi Thầy, sáng ngày 21 có lễ tế Trời đất, một vị khoa mục được cử làm Chủ tế.

Trên là hội chùa làng Trực Chính.

Ngoài hội chùa, làng này còn hội đình. Làng thờ Việt Vương Triệu Quang Phục. Hàng năm nhân kỳ thu tế, làng mở hội từ ngày mồng 10 đến hết 15 tháng Tám âm lịch. Trong ngày hội, ngoài những cuộc tế lễ theo nghi thức cổ truyền, có cuộc thi cỗ cúng thành vào ngày 14 tháng Tám. Dự cuộc thi này có 18 giáp trong làng. Trong cuộc thi, có thi bánh dày. Bánh dày nào dẻo, mịn, khéo trình bày thì được giải.

Trong dịp hội, làng lại có thi cả lợn sống. Một số người trong làng, tới tuổi phải nuôi lợn, được làng cử nuôi lợn, làng phát cho mỗi người một món tiền để mua lợn giống. Đang nuôi, rui lợn chết phải mua thế con khác. Buổi thi lợn, tất cả những người nuôi lợn đều đem trình làng con lợn của mình.

Ban hội đồng làng xem xét từng con. Lợn to béo, chắc thịt mịn lông là trúng giải. Những con lợn thi sau đó, dù trúng giải hay không đều được đem mổ thịt để làm cỗ tế thần, và tế thần xong dân làng cùng nhau thừa hưởng lộc làng.

Cúng chuối bóc rời

Làng Đồng Vệ, phủ Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Yên (Vĩnh Phú) thờ một vị thần lúc sinh tiền làm nghề gắp phân. Ngày hội làng, trong cuộc tế lễ dân làng có nhắc tới nghề nghiệp của ông thần.

Trong các tự khí tại làng này, ngoài các tự khí ta thường thấy ở các đình làng khác, còn có những bộ gờ và những cặp gắp sơn son thiếp vàng. Gờ và gắp là dụng cụ của người đi gắp phân.

Hội làng cũng có nhiều trò vui, đặc biệt là đánh vật, nhưng ở làng này có tục cúng thần bằng chuối bóc rời, những trái chuối tiêu bóc tuột vỏ, tượng trưng cho những cục phân, được bày vào những chiếc gờ sơn son thiếp vàng, để lên bàn thờ để tế. Sau cuộc tế, các vị chức sắc và bô lão dùng những cặp gắp cũng sơn son thiếp vàng, gắp những quả chuối trong các gờ, chia thành từng xuất để làm phần cho các cụ và dân làng.

Dân làng cho rằng ăn những quả chuối thờ này rất khước. Chỉ những người đã lo đủ lệ làng mới được chia phần chuối bóc rời.

Xin nói thêm, làng này cho đến những năm 1945-1950 vẫn có nghề gắp phân. Trai muốn lấy vợ, gái muốn lấy chồng, phải đi gắp phân một thời gian mới có người lấy và khi thành hôn mới được nộp cheo cho làng.

Bạn đọc đừng cười, trong đời sống nông nghiệp, phân rất cần. Xưa kia không có phân hóa học, ta chỉ dùng phân chuồng và phân đồng, phân chuồng là phân loài vật nuôi ở trong chuồng, còn phân đồng là phân người, phân loài vật những người gặt phân đi nhặt nhanh ở ngoài đồng. Ta có câu:

Nhất nước, nhì phân,

Tam cần, tứ giống.

Qua câu trên, ta thấy phân rất cần cho nhà nông.

Dân quanh vùng Vĩnh Yên thường có tiếng lóng để chỉ phân người là thành ngữ Bánh dày Đồng Vệ. Bảo ai ăn Bánh dày Đồng Vệ tức là mắng kẻ đó.

Làng Vũ Bị, tỉnh Hà Nam (Hà Nam Ninh) cũng có tục cúng chuối bóc rôi, làng này cũng thờ thần gặt phân như làng Thổ Tang.

Ngoài ra cũng có nhiều làng khác tại miền Bắc Việt thờ những vị thần lúc sống đã hành nghề gặt phân. Đi gặt phân thực ra không bị dân quê Việt Nam coi là xấu, và đây không phải là một nghề hạ tiện. Nhiều làng con gái muốn lấy chồng phải đi gặt phân một thời gian.

Làng Nghiêm Xá, huyện Quế Dương, tỉnh Bắc Ninh trước đây con gái thường đi gặt phân, cũng như các làng Dương Ổ, làng Hà, huyện Võ Giàng cùng tỉnh.

Cúng kẹo lạc

Làng Cổ Nhuế, tục gọi là Kẻ Noi, tỉnh Hà Đông (Hà Nội) cũng thờ một ông thần lúc sống đi gặt phân. Làng này hàng năm cũng mở hội vào tháng Giêng, và trong khi cúng thần, dân làng cũng nhắc nhở tới nghề sinh tiền của thần linh: sửa lễ cúng thần, ngoài các đồ lễ khác bao giờ cũng có một gờ kẹo lạc làm bằng mật và lạc, kẹo này phải làm sao cho

có màu mặt đen già để mỗi cục kẹo trông tương tự như một cục phân chó khi được nặn tròn tròn dài dài.

Cũng như chuối bóc rời ở xã Đồng Vệ, kẹo lạc ở xã Cổ Nhuế, sau khi cúng được đem chia cho các hàng hương trưởng kỳ mục. Chỉ các vị này mới được thừa lộc thần linh.

Săn cuốc

Cuốc là một loại chim hay lủi ở bờ ao bờ ruộng lông đen mỏ trắng, thường hay phá hại hoa màu. Người nông dân miền quê thường hay bắt Cuốc để trừ hại cho đồng ruộng.

Có nhiều nơi, nhân ngày hội làng, dân làng tổ chức cuộc bắt Cuốc, cả làng tham dự, nam, phụ, lão, ấu đủ hạng. Những cuộc bắt Cuốc tập thể có lợi:

Số Cuốc bắt được nhiều.

Dân làng rầm rộ đi khắp đồng ruộng khiến cho Cuốc sợ hãi bỏ cánh đồng làng đi nơi khác.

Làng Yên Đỗ, tỉnh Hà Nam (Hà Nam Ninh) quê cụ Nguyễn Khuyến có tục bắt Cuốc tập thể.

Ông Nhuệ Giang, trong Yên Đỗ từng biên xuất bản năm 1968 tại Sài Gòn có nhắc tới tục này:

"Mỗi năm, vào ngày 3 và ngày 5 tháng Giêng là ngày nghỉ Tết, cày cấy đã xong, dân làng có tổ chức cuộc săn Cuốc để trừ bớt giống chim phá lúa, một cổ tục từ xưa.

"Trong ngày đó, nhân dân trong làng (trừ đàn bà trẻ em) đều đi dự cuộc săn Cuốc.

"Các vị bô lão đi giữa đám đông, còn đi đầu và đi cuối là những trai tráng khoẻ mạnh, kẻ khua cồng, người đánh lệnh, chen lẫn những tiếng

hò reo inh ỏi, làm náo động cả một vùng, khiến cho những con chim Cuốc lủi trong bụi rậm phải kinh hoàng bay chạy tứ tung, tìm nơi ẩn lánh, sa vào đám đống liền bị bắt sống.

"Ai bắt được chim đem nộp làng lấy thưởng, do các chủ điền treo giải".

Làng Trà Xuyên, huyện Võ Giàng tỉnh Bắc Ninh cũng có tục bắt chim cuốc. Làng này mở hội vào ngày mồng tám tháng Giêng. Hội có những trò vui chung của tỉnh Bắc Ninh như hát quan họ, đánh đu đôi, đáo đĩa v.v...

Về cuộc bắt Cuốc, làng này cả trai gái già trẻ đều tham dự.

Sáng ngày mồng tám, dân làng họp cả ở sân đình. Một vị kỳ mục gióng lên ba tiếng công. Thế là mọi người đua nhau đi tìm Cuốc để bắt.

Tưởng cần nói thêm: Cuốc tuy là loại chim biết bay nhưng lại thích lủi trong bờ bụi rậm, nhất là trong những ruộng lúa, ở những nơi đây yên lặng thích hợp với chúng để kiếm ăn.

Trong lúc dân làng đi bắt Cuốc, chiêm trống nổi theo tiếng hò reo. Trước sự ầm ĩ này, Cuốc đang lủi trốn bay ra thế là mạnh ai xông vào bắt.

Sau khi bắt Cuốc xong, tất cả số Cuốc bắt được đều đem đến đình làng làm thịt cúng thần, xong ra dân làng cùng hưởng.

Bắt lợn

Xã Tích Sơn, phủ Hưng Hóa, tỉnh Phú Thọ (Vĩnh Phú) cũng có tục dân làng họp quần để cùng đuổi bắt tập thể một con vật trong ngày hội làng.

Chúng tôi không nhớ rõ, hội xã này mở vào ngày nào, nhưng trong ngày hội dân làng thả vào một khu rừng một con heo. Con heo này, dân làng cử người nuôi từ năm trước, tương tự như những xã có tục thi heo hoặc chém lợn.

Con heo thả ra, dân làng theo hiệu lệnh của làng xô nhau tìm bắt.

Thi thơ

Dân tộc Việt Nam đã có những áng văn thơ danh tiếng. Ngâm thơ vịnh cảnh vốn là một cái thú của các cụ ta xưa và của cả chúng ta ngày nay.

Để khuyến khích việc ngâm vịnh cũng như để lọc lựa những bài thơ hay, xưa ngoài những văn thơ làm trong các kỳ thi, trong dân gian thường luôn luôn có những cuộc thi thơ. Tại nhiều làng, nhân ngày hội làng dân làng cũng mở cuộc thi thơ, trong đó có làng Yên Đỗ.

Thi thơ tại làng Yên Đỗ hàng năm được tổ chức vào ngày 24 tháng Chạp, nhân phiên chợ Đồng, một phiên chợ mà cũng kể như một ngày hội vì sự tham dự đông đảo không những riêng của dân làng mà của cả dân cư các xã lân cận và vì sự sửa soạn long trọng của phiên chợ.

Về cuộc thi thơ xin chép lại đây lời của Nhuệ Giang ghi trong "Yên Đỗ từng biên":

"Buổi sáng hôm đó, một cuộc thi văn thơ đã được các vị bô lão trong làng tổ chức ngay tại ngôi đình cạnh chợ. Các nhà văn hào, văn sĩ các nơi đều đến tập họp tại nơi Tường Đền để dự cuộc thi thơ.

Các vị khoa mục trong làng Yên Đỗ và các làng gần đó làm giám khảo, những thí sinh nào trúng giải thường sẽ được hoan hô và được ban tặng phần thưởng rất hậu. Thực là một cuộc thi tao nhã và hào hứng với mục đích khuyến khích các bạn thí sinh cố gắng dùi mài kinh sử, tranh khôi đoạt giáp sau này.

Sau cuộc thi thơ, các vị trúng giải đều được mời dự cuộc nếm rượu ở Tường Đền với các vị bô lão trong làng."

Nhân nói đến thi thơ, xin phép được nhắc lại đây một giai thoại về thi thơ đã xảy ra ở tỉnh Hưng Yên (Hải Hưng) dưới thời Pháp thuộc.

Hồi đó Lê Hoan làm Tổng đốc Hưng Yên. Nhắc đến Lê Hoan chắc bạn đọc ai cũng nhớ ngay đây là một tên Việt gian, giết hại đồng bào, lập

công với Pháp.

Giữ chức vụ cao, Lê Hoan vẫn có mặc cảm bị đồng bào khinh rẻ và giới trí thức coi thường.

Để nâng uy tín riêng và để tỏ ra là con người hào hoa phong nhã, mùa xuân năm Ất Tỵ (1905), Lê Hoan loan báo mở một cuộc thi thơ với mục đích chấn hưng nên văn học đã bị suy đồi vì ly loạn.

Lê Hoan đã phí tổn không biết bao nhiêu tâm cơ để tổ chức cuộc thi này. Sợ văn nhân thi sĩ không thèm hưởng ứng, Lê Hoan đã có công mời những danh sĩ đương thời là Nguyễn Khuyến và Dương Lâm làm chánh phó chủ khảo. Đề thi là Thanh Tâm tài nhân lục hay là truyện Kim Vân Kiều, một tác phẩm giá trị bậc nhất trên thi đàn. Về bài dự thi có thể làm bằng chữ Hán hoặc chữ Nôm. Về điểm này Lê Hoan rất gian hùng. Y biết các nho sĩ đều thích làm thơ, thích nghe thơ, nhưng ít ai đã giỏi về cả hai mặt thơ Nôm và thơ Hán, bởi vậy có thể làm bằng Nôm hoặc Hán để thí sinh được tự do thi thố sở trường của mình, do đó cuộc thi thơ đông người dự.

Lễ trao giải thưởng và bình thơ trúng giải sẽ được tổ chức và một dạ hội hoa đăng tại một thắng cảnh nổi tiếng tỉnh Hưng Yên là Bán Nguyệt Hồ, nơi đây thật là nơi hội ngộ lý tưởng của những tao nhân mặc khách.

Lê Hoan lại ngầm sai người mang lễ vật thật trọng hậu để mời cho được những danh sĩ tỉnh Hưng Yên về dự hội. Nhờ sự khẩn khoản này, nhiều bậc đại nho, nhiều nhà khoa bảng ghi danh dự thí.

Cuộc thi thơ đã có kết quả, và dạ hội hoa đăng tại Bán Nguyệt Hồ đã tương xứng với những cuộc ngâm thơ và phát giải. Giải nhất thơ chữ Hán về tay Cử nhân Chu Thập Hy, giải nhất thơ chữ Nôm về tay Tiến sĩ Chu Mạnh Trinh.

Cuộc thi thơ cũng đã hoàn toàn thành công đúng theo danh nghĩa một cuộc đua tài chân chính, và công bằng mà nói, việc làm của Lê Hoan cũng đáng khen tuy y có hậu ý.

Có thể nói được rằng, về mặt nào Lê Hoan đã thực hiện được ý muốn của mình, nhưng trong cái đẹp dễ đối với y, y cũng lại phải gánh nhận một phần rất không đẹp, và y đã trở nên một trò cười của người đời.

Y đã vụng tính trong nước cờ cao. Ấy là việc mời cụ Tam Nguyên Yên Đỗ về làm Chủ khảo cuộc thi thơ. Y quên rằng cụ Yên Đỗ là một nhà ái quốc, cụ ghét thậm tệ những người bán rẻ giang sơn dân tộc để cầu ân huệ của lũ quan thầy áo ngắn[2]. Cụ lại là một nhà thơ lão luyện trong lối mượn cảnh cười đời.

Khi Lê Hoan dùng trọng lễ để mời cụ, cụ đã thấy những mưu vọng thâm kín của y. Do đó, nhân cuộc thi lấy truyện Kiều làm đề tài, cụ đã sáng tác một bài Tổng vịnh truyện Kiều gọi là đề đóng góp thêm vào cho cuộc Thi Thơ thêm hào hứng trong buổi bình thơ trúng giải, nhưng trong thâm tâm cụ muốn mượn bài thơ để mắng khéo Lê Hoan.

Cụ đã mượn nhân vật trong truyện Kiều để soi mói tới gốc gác bán tơ của Lê Hoan, (nguyên Lê Hoan trước đây là một tên buôn tơ lụa), và nói rõ cuộc thi thơ của Lê Hoan chỉ là một trò hề bịp đời, giống như mụ Tú Bà đã mượn màu son phấn để đánh lừa con đen. Trong bài thơ cụ lại nhắc tới việc nàng Kiều bán mình để cho mọi người thấy Lê Hoan chỉ là một tên tham nhũng.

Và bài thơ Tổng vịnh truyện Kiều của cụ đã trở thành một giai thoại văn chương được mệnh danh là giai thoại Lê Hoan.

Sau đây là bài thơ bất hủ ấy:

Thằng bán tơ kia giờ giới ra,

Lôi thôi đến cả cụ Viên già.

Bấm lưng phải có ba trăm lạng,

Nhắm mắt thôi liều một chiếc thoa.

Rước khách mượn màu son phấn mụ,

Bán mình chuộc lấy tội tình cha.

Có tiền việc ấy mà xong nhi

Ngày trước làm quan cũng thế a?

Uống rượu

Nói đến thơ ắt phải nói đến rượu. Làng Yên Đổ có tục thi thơ lúc xuân sắp về, làng lại có cả tục uống rượu để kén rượu ngon.

Sau cuộc thi thơ nhân dịp cuối năm của dân làng, "các vị trúng giải đều được mời dự cuộc nếm rượu ở Tường Đền cùng các vị bô lão trong làng để kén rượu tốt (ngon nhất) dùng vào việc tế tự đầu năm".[3].

Trong việc tế tự, vô tửu bất thành lễ, nhưng thận trọng kén rượu ngon để cúng thần, tục này có lẽ chỉ có tại làng Yên Đổ. Tại nơi khác, nhân kỳ hội xuân, hội thu hàng năm, các cụ bao giờ cũng lựa mua rượu tốt, nhưng không có cuộc nếm rượu như làng Yên Đổ.

Hội chợ cuối năm

Tại nhiều làng, phiên chợ cuối năm là một ngày hội, có khi là hội cho cả làng, như tại làng Yên Đổ, có khi là hội cho các trẻ em và ngày phiên chợ này được mệnh danh là Ngày phiên chợ trẻ con như tục làng Thị Cầu, tỉnh Bắc Ninh, phiên chợ trẻ con trước đây vẫn họp vào ngày 30 Tết.

Chợ Đồng Yên Đổ

Về phiên chợ cuối năm làng Yên Đổ, chợ họp ngay trên cánh đồng làng và được gọi là Chợ Đồng. Ông Nhuệ Giang trong Yên Đổ tùng biên đã viết về chợ này:

"Tục truyền ngày 24 tháng Chạp, nhân dân làng Yên Đổ muốn kỷ niệm công đức của tiền nhân có một phiên chợ Đông vào cuối năm ngay tại cánh đồng làng Yên Đổ.

Mỗi năm trước ngày 24 tháng Chạp, các hàng quán đã được dựng lên san sát trên cánh đồng khô ráo, rồi đến sáng tờ mờ ngày 24, các vị thân hào, các nhà buôn bán, trẻ con, người lớn, thanh niên, phụ nữ trong khắp các vùng lân cận đã tề tựu rất đông.

Sự gặp gỡ của mọi người đã được phô diễn trong cảnh tượng bừng náo nhiệt, trong buổi tất niên cùng nhau trao đổi những lời chúc tụng vào dịp xuân sắp tới".

Đền sau gặp hội tao loạn, thực dân Pháp đặt cuộc đô hộ tại Việt Nam, cụ Tam Nguyên Yên Đổ có bài thơ về cảnh chợ Đồng như sau (tuy là bài thơ tả cảnh chợ Đồng giáp tết lời lẽ tự nhiên, nhưng ngụ ý rất khéo về thời thế mà lúc đó không thể nói rõ hơn được nữa):

Thơ chợ Đồng

Tháng Chạp, hai mươi bốn, chợ Đông,

Năm nay chợ họp có đông không?

Gió trời mưa bụi còn hơi rét,

Nếm rượu Tường Đền được mấy ông

Hàng quán người về nghe xáo xác

Nợ nần năm hết hỏi lung tung.

Dăm ba ngày nữa tin xuân tới,

Pháo trúc nhà ai một tiếng đùng.[4]

Chợ làng Mỹ Lợi

Làng Mỹ Lợi, quận Vinh Lộc hàng năm có họp chợ vào hai ngày 29 và 30 Tết mỗi năm, nhưng đặc biệt trong hai ngày họp chợ này chỉ cốt để dân chúng mua bán thịt heo.

Làng này có một ngôi chợ, trong những ngày sửa soạn Tết, dân làng này cho làm những chòi cao, vào khoảng ba chục chiếc ở nơi đất trống đầu chợ. Những chòi cao chính là những quán bán thịt heo trong hai ngày chợ Tết.

Trong hai ngày này bao nhiêu heo lớn trong làng đều được đem mổ thịt để bán cho dân làng dùng trong dịp Tết, và ở mỗi chòi là nơi bày bán một con heo khổng lồ.

Dân làng sắm Tết đều dành đến ngày phiên chợ thịt heo đặc biệt này mới mua thịt để gói bánh, làm cỗ Tết. Phiên chợ rất vui và rất náo nhiệt. Gia đình nào cũng có người có mặt tại phiên chợ, vì nhà nào Tết mà không cần đến thịt heo.

Cả dân chúng một vài xã lân cận, biết lệ làng Mỹ Lợi cũng kéo nhau đến đây để sắm thịt heo ăn Tết.

Những chòi bán thịt heo, sau ngày Tết sẽ là nơi để dân làng đánh bài chòi chơi Xuân.

Chợ thôn Vĩnh Mỹ

Vĩnh Mỹ là một thôn thuộc xã Mỹ Lợi, quận Vĩnh Lộc tỉnh Thừa Thiên. Thôn này cũng có phiên chợ Tết, nhưng đặc biệt ở đây, chợ Tết không họp cuối năm.

Chợ thôn này họp vào các ngày mồng một và ngày mồng hai Tết, và chợ không họp như thường lệ tại địa điểm họp chợ quanh năm, lại họp ở một cồn cát trắng, cách chợ vào khoảng 1.500 thước, nơi đây được gọi là Chợ Cồn.

Dân chúng đi chợ Cồn để mua bán thì ít, nhưng để vui Xuân thì nhiều. Trong phiên chợ này, những người buôn bán mang hàng tới bán không cầu mong bán đắt hàng, họ đi chợ chỉ vì tục lệ. Người ta tin rằng, người buôn bán trong thôn có đi bán hàng tại chợ Cồn đầu năm, quanh năm mới mua may bán đắt.

Gọi là đi chợ để vui xuân, vì nhân dịp này những cặp trai gái hẹn hò gặp gỡ nhau, và có mua bán trong khi đi chợ cũng chỉ là tượng trưng.

Có lẽ bạn đọc sẽ tự hỏi tại sao phiên chợ đầu xuân không họp ở vị trí chợ, lại đi họp ở nơi cồn cát như vậy. Đây là lời giải thích của các cụ già thôn Vĩnh Mỹ:

Chợ của thôn Vĩnh Mỹ, trong những đêm mồng một mồng hai Tết có người âm về họp chợ, và do đó đêm khuya, người ta từng nghe tiếng ồn ào của một phiên chợ nhưng không thấy người. Cũng bởi trong hai ngày này, người âm họp chợ nên trần gian phải trả chợ cho họ, kéo nhau tới họp ở chợ Cồn.

Lời giải thích trên ai muốn tin thì tin, ai không tin cũng không sao, nhưng có điều hiển nhiên là dân thôn Vĩnh Mỹ, trong mấy ngày Tết họp chợ để vui xuân, người ta vẫn họp ở cồn cát, không họp ở chợ. Đây là một tục lệ, đã gọi là tục lệ đổ ai làm trái được![5]

Thần Đa tình

Làng Hoài Bảo, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh (Hà Bắc) có hai thôn là Hoài Bảo Trung và Hoài Bảo Thị, hai thôn thờ hai vị thần, thôn Thị thờ một nữ thần, thôn Trung thờ một nam thần.

Theo lời truyền lại thì một lần xưa kia, nữ thần thôn Thị bỏ sang sống với Thành hoàng thôn Trung, trong thôn vì vắng vị Thành hoàng cai quản, đã xảy ra rất nhiều điều làm dân chúng khốn khổ: cháy nhà, súc vật chết, người đau ốm... Sau bói ra quẻ thấy, dân thôn Thị đã phải sang thôn Trung tế lễ linh đình để cầu xin thần thôn Trung trả lại Thành hoàng cho thôn mình. Sau buổi thỉnh mời được nữ thần trở lại thôn, dân thôn Thị mới được an lành như cũ.

Từ đó dân thôn Thị luôn luôn đề phòng, sợ nữ thần lại đi theo thần thôn Trung mất.

Hàng năm, hai thôn làng Hoài Bảo đều vào đám vào trung tuần tháng Giêng, thôn Thị cử hành trước thôn Trung vào ngày 12. Trong ngày bắt đầu vào đám, thôn Trung cử hành đám rước rất long trọng đi ngang qua trước đình thôn Thị.

Sợ nữ thần, nhân đám rước đi theo nam thần, dân thôn Thị phải có biện pháp để giữ thần mình lại. Tuy ngày lễ hàng thôn đã qua, dân thôn Thị cũng thuê phường chèo về hát trước đình, và khi đám rước nam thần thôn Trung đi gần đến, dân chúng thôn Thị vỗ tay, dậm chân, yêu cầu phường chèo đàn hát thật nhộn nhịp để làm át hẳn tiếng của đám rước, với mục đích khiến nữ thần không thể chú ý tới chàng quân tử đang đi qua trước đình.

Thờ một nữ thần đa tình, con gái trong thôn cũng chịu ảnh hưởng, và đối với dân trong vùng, các cô có tiếng là lẳng lơ ở thôn này có tục con gái lấy chồng không phải về ngay nhà chồng, các cô vẫn sống nguyên "Đời con gái" với tất cả mọi sự tự do về hoa nguyệt, và chuyện bướm ong các cô vẫn hoạt động có khi còn hơn ngày chưa cưới. Các cô chỉ phải về nhà chồng trong những dịp giỗ chạp, tết nhất. Đây là những dịp để các cô gần gũi với các đức anh chường, nhưng có nhiều cô ngoan cố, sẵn chỗ hẹn hò, tuy có về nhà chồng trong những dịp nói trên, các cô chỉ ở nhà chồng ban ngày còn tối đến, đường cô cô đi, các đấng phu quân đành chỉ khoanh tay vì... tục làng. Các cô sống như vậy cho đến khi thụ thai mới về ở hẳn với chồng! Các cô thụ thai với ai, có phải thụ thai với chồng trong những dịp ngủ lại với chồng chẳng? Thụ thai với ai mặc, đẻ ra cũng vẫn con thiếp con chàng chứ con ai!

Tự do luyện ái

Trong thôn quê, trai gái tại nhiều xã được tự do luyện ái, có khi sự luyện ái chỉ qua những cuộc hát đối đáp, và trong trường hợp, trai gái có vợ có chồng, đều được người phối ngẫu của mình ưng thuận, như trong tục hát quan họ tỉnh Bắc Ninh, và có khi sự luyện ái còn đi xa hơn nữa, đi đến đình giáp non thần với những giấc mộng Vu sơn.

Làng Viêm Xá tỉnh Bắc Ninh (Hà Bắc) có tục trai gái hát đối đáp với nhau, na ná như tục hát quan họ. Trai gái trong làng hát với nhau, nhưng họ lại hát cả với trai gái xã lân cận là xã Hoài Bão nói trên.

Mỗi năm làng Viêm Xá mở hội hai lần, một lần về mùa Xuân vào ngày mồng bốn tháng Giêng và một lần về mùa Thu vào ngày mồng mười tháng Tám. Trong những kỳ hội, con gái làng mời một đoàn trai làng Hoài Bão sang dự đám, cùng họ hát lễ thần tại đình.

Trong lúc hát, gái làng ngồi một bên, còn trai làng ngồi bên kia với trai Hoài Bão. Khi đôi bên đã an vị, một chàng trai Viêm Xá lấy trầu cau ra mời hai bên gái làng và trai Hoài Bão, đại ý nói nhân ngày lễ Thần xin mời hai bên ăn trầu rồi hát mừng đức Thượng đẳng và mừng Xuân, nếu là hội mùa Xuân.

Tất cả trai gái đôi bên đều được mời trầu. Sau đó cuộc hát bắt đầu, trước hết là những câu chúc vua mừng nước rồi chúc tụng thần linh. Họ chúc mừng cả dân làng lại chúc mừng lẫn nhau qua câu hát. Lúc hát, họ hát giọng đôi tương tự như hát quan họ.

Sau những câu hát chúc mừng là những câu hát thổ lộ tâm tình, gởi gắm duyên nghĩa cùng nhau. Hát với nhau chừng quá nửa đêm, bọn gái làng mời bọn trai Hoài Bão về nhà người đứng đầu cả bọn để thết đãi, nhà chị Cả của bọn họ.

Ăn uống xong, cuộc hát lại tiếp tục.

Hát tại đình, họ gọi là nam nữ ca sự tại đình, hát ở nhà họ gọi là nam nữ ca du tại gia, sự là thờ phụng, du là chơi bời.

Sau bữa tiệc gái Viêm Xá đãi trai Hoài Bão, lúc hát trở lại bao nhiêu đàn bà Viêm Xá đều có mặt tại nhà chị cả, có chồng chồng cũng để cho đi, và con gái chưa chồng lẽ tất nhiên càng đi mạnh. Có gái làng, lại có cả trai làng cùng với trai Hoài Bão. Trai gái chia thành từng tốp 10 người, mỗi tốp một người đứng đầu gọi là anh Cả,[6] rồi đến anh Hai, anh Ba, anh Tư, anh Năm, từ người thứ sáu trở đi đều gọi là anh Bé, phía gái cũng

gọi tên như thế từ chị Cả đến những chị Bé. Cuộc hát vui chơi tại nhà chị Cả kéo dài cho đến 4, 5 giờ sáng.

Đặc biệt, giữa lúc đêm khuya, vào khoảng 2, 3 giờ sáng, trong nhà chị Cả bao nhiêu đèn nến tắt hết, trai gái cùng nằm với nhau mà hát, anh Cả hát với chị Cả, anh Hai hát với chị Hai, cho đến anh Bé với chị Bé.

Hát với nhau một lúc, những cặp nào ưng nhau cứ việc dắt nhau ra khỏi nhà, đưa nhau vào một nơi vắng vẻ trong làng muốn làm gì nhau thì làm. Đưa nhau đi một lúc lâu họ lại kéo nhau về nhà nằm hát cho đến tang tảng sáng. Lúc đó, gái Viêm Xá tiễn đưa trai Hoài Bảo ra đến cổng làng, chị Cả tiễn đưa anh Cả, chị Hai tiễn đưa anh Hai v.v... Từ nhà đến cổng làng, họ đi trên những con đường khác nhau, hoặc nếu có cùng đi trên một con đường, cặp nọ cũng cách cặp kia một quãng xa để tiện ngôn ngữ cùng nhau cho được hết lời.

Nếu vì trời chưa sáng hẳn, có cặp nào tiếc thời gian, lưu luyến nhau quá mãnh liệt, họ có thể cùng ngừng ở một nơi kín đáo bên đường để tình tự cùng nhau hoặc cùng nhau đi vào một giấc mộng đêm xuân mơ màng.

Cổ tục làng Viêm Xá cho phép trai gái gặp gỡ tự do trước là để cho họ cùng nhau thi tài qua câu hát, hai là để cho họ tìm hiểu nhau cho hết ngọn nguồn lạch sông, trước khi cùng nhau tính một chữ "đồng".

Trong làng không ai ngăn cấm con gái, ai cũng nghĩ rằng:

Con gái không cho đi hát hư mất đời của chúng mà lại cưỡng lệ làng.

Vả chẳng, đối với các bà mẹ thì xưa kia ai cấm duyên bà, bây giờ bà già bà cấm duyên tôi.

Hơn nữa, trên phương diện tín ngưỡng, năm nào làng không cử hành hội hè với cổ tục nam nữ ca sự tại đình rồi ca du tại gia, trong làng sẽ xảy ra nhiều sự không may: nhà cháy, người làng buôn bán thua lỗ, dân làng cãi cọ kiện cáo nhau v.v...

Riêng về ca hát, đây là một cái thú của trai gái tỉnh Bắc Ninh. Ca dao vùng này có câu:

Hát cho lở đất long trời,

Cho đời biết mặt, cho người biết tên.

Hát từ chợ Phủ hát lên,

Hát suốt tỉnh Bắc qua miền tỉnh Đông.

Hát sao cho cạn dòng sông,

Cho non phải lở, cho lòng phải say!

Ném cầu bói chuyện hôn nhân

Làng Phú Sơn tỉnh Thanh Hoá, hàng năm mở hội Chùa vào hai ngày 14 và 15 tháng Giêng. Ngoài những cuộc tế lễ rước xách, làng này tổ chức đám rước vào ngày 14 rất linh đình, làng có nhiều cỗ tục riêng, đáng kể hơn cả là tục phóng sinh chim và cá, cử hành tại chùa làng ngay sau đám rước, và tục ném cầu bói chuyện hôn nhân của trai chưa vợ, gái chưa chồng; tục này cử hành vào ngày rằm tháng Giêng.

Hôm đó, trong chùa có cử hành lễ cầu an.

Trong sân chùa có trồng cây phước bằng nguyên cả cây tre, cao trên mười thước, trên ngọn có lủng lẳng treo một chiếc lồng đan bằng tre.

Trong khi trong chùa cầu kinh lễ Phật, ngoài sân chùa những trai chưa vợ, gái chưa chồng tụ họp cùng nhau, có mời thêm vài cặp vợ chồng để cùng dự cỗ tục Ném cầu bói chuyện hôn nhân. Họ dùng hai quả cầu, phân chia quả Âm quả Dương, mỗi quả to bằng quả chanh ngoài có dây mây bọc quanh. Quả Âm cầu sơn màu xanh, quả Dương cầu sơn màu trắng.

Trai gái chia làm hai bên riêng biệt, mỗi bên nam nữ có một người cầm đầu. Hai bên ước hẹn với nhau:

Trong hai đoàn nam nữ, ai đã kết hôn rồi mà ném được quả cầu vào trong lồng thì chỉ được thưởng, còn cặp nào chưa kết hôn mà ném trúng thì không những được thưởng mà còn hẹn phải cưới nhau, sai lời có Phật, Trời chứng giám.

Giao ước xong, trai gái ngoảnh về phía chùa lễ Phật.

Cuộc ném cầu bắt đầu bởi mấy cặp vợ chồng, sau đó mới đến trai gái thanh tân. Trước khi ném cầu, chồng vợ lần lượt hát:

Cầu này làm cuộc du Xuân,

Ta mà trúng được thưởng phần về ta.

Nếu hai bên đều ném trúng, mọi người vỗ tay. Nếu một trong hai người hay cả hai ném trật ra khỏi lồng, họ phải đi nhặt cầu, quỳ xuống trao lại cho cặp vợ chồng khác, và họ bị mọi người cười nhạo.

Sau những cặp vợ chồng đến những cặp trai gái. Họ cũng hát trước khi ném cầu, câu hát của họ khác câu hát của cặp đã thành phu phụ:

Cầu này là quả thiên duyên,

Đôi ta mà trúng kết nguyên cùng nhau.

Cuộc vui kéo dài từ 8 giờ sáng đến 4 giờ chiều. Trò vui này trai thanh gái lịch rất là thích thú, họ chơi với nhau một cách say mê, cặp nọ chúc cặp kia ném trúng, cặp kia cũng cầu lại sự may mắn cho cặp này.

Người bên nào ném cầu trúng vào đích được ghi vào sổ, ném trật phải quỳ xuống trao cầu cho người sau mình.

Phần thưởng thường là pháo, trà, khăn điều v.v..., tương tự như giải các cuộc vui tại các hội Xuân khác.

Tuy là một trò vui, nhưng mỗi lần một cặp trai gái đã có tình ý với nhau cùng ném trứng cầu họ đều hứa hôn với nhau. Mọi người tin rằng, nếu sau này sai lời hứa, họ sẽ gặp những sự không may, còn nếu đi đến hôn nhân, họ được hưởng hạnh phúc và mọi sự tốt đẹp.

Dân xã Phú Sơn cho đây là một tục thiêng liêng của dân làng, không thể bỏ được.

Vật cù, đánh phết

Quả cù, gọi là cù lộ ở miền Nghệ Tĩnh bằng rễ tre to bằng quả bong bóng tròn, địch thủ chia làm hai phe tranh nhau cướp lấy ném vào rễ treo trên ngọn tre cao. Trò chơi vật cù giống như chơi Rugby hoặc như bóng rổ của người phương Tây, nhưng không có luật lệ nào cả: Ai muốn chơi cũng được và muốn đứng vào phe nào thì đứng, không cần lựa chọn trước và cũng không hạn định số người chơi mỗi bên là bao nhiêu.

Những người tham dự phải mình trần đóng khố.

Lối chơi đánh Phết cũng chia hai bên. Quả Phết bằng gỗ to.

Tục cổ về hội Xuân, nhất là hội Xuân về phong tục, khắp trên đất nước Việt Nam, ắt hẳn còn nhiều. Trước đây mỗi làng đều có hội và mỗi nơi đều có những cổ tục riêng. Một phần vì hoàn cảnh đất nước nên hội Xuân và rất nhiều cổ tục đã đi vào dĩ vãng, một phần vì văn minh kỹ thuật ồ ạt tràn tới, đã đẩy lùi không ít những cái gì tuy nằm trong văn hóa Việt Nam, nhưng không còn thích hợp với sự tiến bộ mau chóng của văn minh.

Chúng tôi muốn viết thêm về hội Xuân và cổ tục, mong giữ lại phần nào những dấu vết không còn nữa, nhưng sự hiểu biết nông cạn và tài liệu của chúng tôi quá đơn sơ, bắt buộc chúng tôi tạm ngừng ở nơi đây về các hội Xuân... Chúng tôi hy vọng sau này, có dịp chúng tôi sẽ viết nhiều và kỹ lưỡng hơn.

Trước khi bước sang chương IV với những đặc tính của một số cổ tục, xin các bạn đọc các tài liệu sau đây của một nhà khảo cổ, kiến trúc sư khảo cổ Nguyễn Bá Lăng về một số các hội Rước đảo vũ, một khía cạnh của Hội hè đình đám trích trong Đặc sản Quê Tôi do hội Hưng Yên tương tế xuất.

[1] Xin xem Rún Đu trong Phong Lưu Đồng Ruộng của soạn giả để hiểu rõ về cây đu, cách trồng cây đu và chơi đu.

[2] Chỉ bọn Pháp, vì âu phục ngắn để phân biệt với áo dài của ta.

[3] Nhuệ Giang. Tài liệu đã dẫn.

[4] Yên Đỗ từng biên, trang 3, 4.

[5] Thôn Vĩnh Mỹ chính là một ấp hiện thời của xã Mỹ Lợi, quận Vĩnh Lộc, tỉnh Thừa Thiên.

[6] Trong tục hát quan họ, người đứng đầu là anh Hai.

Hội rước Đảo Vũ tại phía bắc tỉnh Hưng Yên (Hải Hưng)

Phía bắc tỉnh Hưng Yên chỉ cách vùng Dâu Khám trên dưới 10 cây số ngàn,[1] và cùng ở trên một giải đất nằm trong góc nhọn của hai con sông Hồng và sông Đuống. Đây là miền đất khá cao của Châu thổ Bắc bộ nơi có những cánh đồng màu, những dãy gò đồng nhấp nhô như những khúc rồng vùng vẫy nổi chìm giữa những cánh đồng ruộng hoặc lượn bên những thôn xóm liên lu.

Những giải đất cao cùng những gò đồng định rõ những làn nước chảy mà nay hầu hết đã biến thành những cánh đồng sâu, chỉ còn lại mấy lạch sông nhỏ bắt nguồn từ nơi chân đê sông Đuống, băng qua những cánh đồng không, hoặc len lỏi cánh ruộng hai bên, dù là đồng sâu đất cũng nứt

ne và nhà nông phải tát bằng mấy tầng gàu dai để vét chút nước sông lên tưới ruộng.

Mùa mưa, gặp kỳ mưa dầm, đồng ruộng ngập nước trắng bong, người ta gọi là lụt nước mưa. Cuối tháng Bảy mưa Ngâu, đồng quê biến thành hồ mênh mông nước bạc, làng xóm là những hòn đảo xanh rì. Chiều chiều sương lam ngưng đọng bên lũy tre lá xanh mượt và từ phương Tây rọi lên những giải quạt qua vòm trời trong xanh và rực rỡ mây hồng để tạm quên nỗi nắng hạn mưa dầm trong năm.

Nhà nông ở đây cày cấy hai vụ mỗi năm, nhưng e mưa nắng vô chừng đến độ chiêm khô, mùa thối nên khi Tứ Pháp xuất hiện tại thủ phủ Giao Châu, thì miền lân cận này nhiệt liệt đón rước những phép Phật ban cho để mong luôn luôn được phong đăng hòa cốc và an cư lạc nghiệp.

Hội tổng Ôn Xá

Tổng Ôn Xá thuộc huyện Văn Lâm (Hải Hưng), gồm có làng An Lạc, Thái Lạc, Nhạc Lộ, Nhạc Miếu, Tuấn Di, Ôn Xá, Đình Dư... chạy dài dất dầy với những vườn thị, vườn nhãn lũy tre, vòm đa um tùm xanh tốt, dọc theo hai bên đoạn đường số 5, cách Hà Nội 20 cây số ngài. Ở đây cũng có một đoạn phố xá và chợ, người ta gọi là chợ Đường Cái. Sau chợ có một ngôi chùa là chùa Ôn Xá, tục gọi là chùa Un. Chùa không to, trước mặt là bãi đất rộng có mọc một cây hồng nên gọi là bãi chợ Hàng Hồng, là nơi khi nào hạn hán trầm trọng thì dân tổng Ôn Xá rước Tứ Pháp đến đình hội để làm lễ đảo vũ.

Ngày hội người ta rước tượng đức Pháp Vân, Pháp Vũ và Pháp Lô đến chùa Un là nơi thờ đức Pháp Điện.

Tượng đức Pháp Điện không ai dám rước ra khỏi chùa vì sợ vía ngài quá uy linh dữ dội: ngài nhìn vào đâu thì đấy cháy. Không hiểu điều kiêng kỵ này bắt đầu từ bao giờ, chỉ thấy là hầu hết các nơi thờ Tứ Pháp đều tin theo như thế và tôn trọng luật lệ ấy.

Ba pho tượng giống nhau đều lớn nên rước trần không ngồi long kiệu. Tượng tạc kiểu tòa sen, sơn một màu đỏ nâu khoác áo vóc vàng, đầu đội mũ gỗ kiểu cánh sen thất Phật, mặt dài, cổ cao, mắt dài tô màu vàng, trông có vẻ cổ quái dễ sợ. Tượng đặt trên một bệ gỗ vuông, đơn sơ và rộng như một mặt phản có đính sáu vòng sắt ở hai bên sườn để xuyên hai đòn rước. Đòn bằng gỗ sơn son đỏ to bằng bắp chân do ba hoặc bốn phù giá ghé vai khiêng ở mỗi đầu. Phù giá là những trai tráng khỏe mạnh ở trần đóng khố bao vải điều, có vải choàng chéo từ một vai xuống sườn bên kia, ghim chụm ngang hông và để hai đầu thòng lòng xuống đến đầu gối. Phù giá còn đội một kiểu mũ gấp và đeo túi trầu thuốc, phù giá nào nhà giàu thì túi trầu, khố, bao choàng chéo đều thêu chỉ ngũ sắc.

Người chấp hiệu, tay cầm cờ lệnh đi giật lùi phía trước hò cách quãng câu:

Ba bà trẩy hội chùa Un,

Mưa gió đùn đùn... thiên hạ dễ làm ăn... này...

Hò xong, phát cờ ra lệnh, phù giá vừa tiến bước vừa đồng thanh hưởng ứng bằng những tiếng "ùa, ùa" hoặc "dô này dô" để lấy đà đi cho đỡ nặng.

Cứ như thế tượng Ba Bà với những tàn quạt, cờ phướn rực rỡ và cảnh xách, nghi trượng son vàng uy nghi, lướt trên những làn sóng người nón ô chen chúc.

Thánh Bà chùa nào thì có các tín nữ làng ấy đi theo, tay cầm phan tay cầm quạt vừa đi vừa kể hạnh, sự tích Tứ Pháp và niệm Nam mô...

Miền này làng mạc liên lu, chợ khá to nhưng dân nghèo, mỗi lần rước xách hội hè như thế tốn phí lắm, nên chỉ năm nào đại hạn lắm mới dám tổ chức... Mà đã rước, người trong miền tin rằng thế nào cũng mưa, vì hội chùa Un có tiếng là linh ứng.

Trái lại nếu gặp kỳ mưa dầm dai dẳng, thối đất thối trời thì khi cầu tạnh xong, mở cửa chùa ra bắt đầu đưa kiệu lên vai rước tượng ra đi thì có gió mát thổi và tạnh mưa ngay.

Hội Tứ Pháp huyện Yên Mỹ

Hai tổng Yên Xá và Sài Trang huyện Yên Mỹ (Hải Hưng) lấy ngày 17 tháng Giêng (ngày bà Man Nương thác hoá) là ngày thành đạo. Hàng năm tới ngày ấy, dân hai tổng mở hội nước Bốn Bà. Cứ năm nay rước về chùa Trung (làng Liêu Trung, tổng Liêu Xá) rồi để thờ tại đó thì sang năm lại từ chùa Trung rước xuống chùa Tổng lập tại làng Nghĩa Trang, tổng Sài Trang. Tổng nào đi đón thì sửa soạn đi đón từ sáng sớm, vậy mà tới chiều tà, đám rước mới trở về tới chùa.

Hội nước linh đình long trọng đi trên đoạn đường hàng tỉnh vào thị xã Hưng Yên, chạy dọc theo nhánh sông Nghĩa Trụ trong khoảng sáu cây số ngàn. Kiệu các Bà qua nơi thôn xóm, phố xá thì hai bên đường nơi đó cắm hương la liệt, khói nghi ngút, hương ngát lừng. Qua nơi đình miếu nào thì nơi đấy bày nhang án ra nghênh chào.

Cũng trong huyện Yên Mỹ, những năm trời làm đại hạn, người ta làm lễ cầu đảo ở đền đức Thiên Đế tức là đức vua Đế Thích.

Đến ở làng Liêu Hạ còn gọi là Đình Sơ, dựng trên một gò đất cây to bóng mát mọc xum xuê như một cánh rừng nhỏ. Nhánh sông Nghĩa Trụ và tỉnh lộ Hưng Yên cũng chạy qua trước cửa đền.

Tương truyền rằng đền dựng trên nền nhà cũ của Trương Ba, Trương Ba là người cao cờ nhất nước, đời Lý, triều Long Thụy (thế kỷ XI). Một hôm có một người Tàu cũng rất cao cờ đến chơi, đòi đấu nhưng rồi cũng lâm vào thế bí. Trong khi chờ đi nước chót để hạ, Trương Ba cao hứng nói: "Họa chẳng chỉ có đức Đế Thích xuống đây thì mới gỡ nổi". Nói xong liền có một ông lão không biết từ đâu đến xem cờ và mách nước cho khách đang bí khiến thế cờ đang bại chuyển thành thắng. Trương Ba rất đổi ngạc nhiên, đoán nhận là đức Đế Thích, bèn phục xuống tạ lỗi.

Đức Đế Thích cảm lòng thành của Trương Ba, bèn cho một bó hương mà dặn rằng:

"Sau này có mắc nạn gì thì đốt hương lên ta sẽ giải cứu".

Sau đó ít năm, Trương Ba bị bệnh chết, người nhà mai táng xong, dọn dẹp nhà cửa thấy còn một bó hương đem ra đốt. Đức Đế Thích hiện xuống hỏi, được rõ Trương Ba chết chôn đã mấy năm rồi, và trong làng có người hàng thịt mới chết chưa chôn. Ngài triệu chư vị Tam phủ (gồm Thiên phủ, Địa phủ và Thủy phủ) đến làm cho hồn Trương Ba nhập vào xác người hàng thịt để sống lại. Vì thế thành câu chuyện "Hồn Trương Ba, da hàng thịt".

Trương Ba lập miếu thờ tạ ơn đức Đế Thích và chư vị Tam phủ. Sau miếu biến dạng thành ngôi đền nổi tiếng linh thiêng và Trương Ba cũng được lập miếu thờ bên cạnh.

Đức Đế Thích phải chăng là Indra, vua cõi trời, làm sét làm mưa của Bà La Môn giáo? Vì vậy người ta còn gọi là đức Thiên Đế và khi gặp đại hạn cần mưa, người ta làm lễ khẩn ngài và xin nước.

Đám rước do hàng Tổng, có khi hàng huyện tổ chức đi từ đền Liêu Hạ đến đền Xá, làng Đặng Xá phủ Ân Thi theo đường cầu Hầu Cống trông qua bến dò Mỹ Ngọc, đường dài ngót mười cây số ngàn, hoặc cũng có khi đi qua phố huyện xuống mạn Lục Điền đường xa hơn nhiều.

Trong khi đi nước, kiệu đức Thiên Đế đi uy nghi trang trọng, còn kiệu đức Long Vương đi sau, bay đi bay lại, tạt sang những đường ngang có khi rất xa rồi mới trở lại nhập vào đám rước chính.

Có năm đám rước lớn hơn hai chục long đình thần các làng trong huyện đi theo tòng giá.

Còn hàng năm, khoảng đầu mùa hè, sau kỳ nắng lâu mà có một trận mưa rào thật lớn, thì y như rằng ban đêm trông xuống cánh đồng Tam thiên mẫu, một cánh đồng rộng bát ngát thuộc địa phận hai huyện Yên Mỹ,

Mỹ Hào, người ta sẽ thấy thật nhiều những đốm lửa chập chờn, kéo dài như một đám rước đèn từ từ trôi từ phía Tây Nam sang Đông Bắc. Các cụ già truyền lại đó là đức Thiên Đế cùng tùy tùng và chư thần từ đền sang thăm con Ngài là bà Nguyệt thờ tại chùa làng Tứ Mỹ, huyện Mỹ Hào (Hải Hưng).

Hội chùa Thứa và Thanh Xá

Làng Dy Sỹ (làng Thứa) thờ đức Pháp Vân và làng Thanh Xá thờ đức Pháp Vũ cùng thuộc huyện Mỹ Hào (Hải Hưng), hàng năm vào ngày mồng 8 tháng 4, mở hội chùa rước giao hiếu. Thực ra thì đức Pháp Vũ do sáu làng xã quây quần hai bên khúc sông Nghĩa Vụ miền Thanh Xá cùng thờ, nên chia nhau đài thọ tốn phí về hội rước.

Hể năm nay rước đức Pháp Vân sang chùa làng Thanh Xá thì năm sau lại rước đức Pháp Vũ sang chùa Đại Bi làng Dy Sỹ. Mỗi lần như thế, bên rước ở lại một đêm, bên chủ tổ chức cuộc lễ mừng. Lễ có tiến cúng là nghệ thuật ca vũ khá đặc biệt. "Tiến cúng", là tiến dẫn cúng Phật sau lễ vật là hương, hoa, đăng, trà, quả, thực, vì thế còn được gọi là lục cúng.

Người tiến cúng tùy theo mỗi thứ lễ vật mà tiến lui, đi ngang, đi chếch, nhanh, chậm, nhịp nhàng, nhịp trống và náo bạt dồn dập hoặc đổ hồi mà đi theo những kiểu chữ dành riêng cho mỗi vật lần lượt dâng cúng, ấn định như sau:

Dâng hương, chân đi thành hình chữ nhật.

Dâng hoa, đi thành hình Hoa Hồi bốn cánh

Dâng đăng "đèn nển", đi thành hình chữ Á.

Dâng trà (chén nước để trong bó dài mở nắp), đi thành hình chữ Thủy.

Dâng quả (cam, lê, táo) đi thành hình chữ Vạn.

Dâng thực (oản...) đi thành hình chữ Điền.

Thoạt đầu người tiến cúng chấp tay làm lễ Phật, rồi hát múa khúc giáo đầu:

Nay xin dâng hương, đặng, hoa, trà, quả, thực,

Sáu mùi đều hương xạ ngát lừng

Lòng kính thành xin Phật giáng lâm,

Cầu thiên hạ thái bình an lạc.

Rồi mỗi lần dâng cúng có một khúc hát múa. Dứt tiếng hát thì đánh trống và gõ mõ bặt đồ hồi. Mỗi lần lễ vật đệ lên bàn thờ xong, người tiến cúng trở về chỗ ngồi nghỉ thì có sư hoặc thầy pháp vào tụng một đoạn kinh[2]. Người tiến cúng có khi là một thầy pháp, có khi là một nhà sư hay hai chú tiểu mũ đội cánh sen thất Phật, nhưng thường là những thiếu nữ có nhan sắc tuyển lựa từ những nhà tử tế nền nếp trong làng. Năm nào ít thì có hai thiếu nữ, có năm bốn hoặc đông hơn tới sáu thiếu nữ.

Các thiếu nữ này quấn khăn thêu, mặc áo cánh tiên, cổ lá sen, tua mạng xanh đỏ, đính hạt bột choàng trên áo cánh trắng, tua giải bơi chèo nhiều màu quấn giắt quanh mình. Trong lúc tay ấn (bắt ấn) chân đàn (chạy đàn theo kiểu chữ) hoặc múa hoặc dâng lễ vật, lượn đi lượn lại những giải lụa đào, hoặc vàng anh vắt ngang hai khuỷu tay, hoặc lót đỡ mâm bông, bỏ đài phất phới tung bay theo tiếng trống, long não bặt dồn dập hoặc lướt đi lướt lại như bướm lượn cùng tiếng hát ngân nga, trong trẻo của chốn đồng xanh gió mát...

Hôm sau Hai Bà tiễn nhau ra về. Tới một độ đường đã ước định, trước khi chia tay, hai chị em làm lễ trao yếm cho nhau. Yếm gồm ba cái là ba vuông vóc vàng gấp xếp trong một bộ đài vuông để sẵn trong kiệu bên chủ. Một vị chủ đám đến trước hai kiệu xin ngừng lại đối diện nhau.

Phù giá xuống tay hạ kiệu thấp xuống, viên chủ đám làm lễ thừa trình xong, trèo lên ghế, thò tay vào trong kiệu chủ, lấy bồ đài ra khỏi những

mảnh màn che kín tượng Thánh Bà cả bốn mặt kiệu, rồi đem sang bên kia làm lễ dâng đặt bỏ đài yếm vào trong kiệu phách.

Đoạn hai Bà từ giã nhau bằng cách nhún kiệu xuống cũng như lúc chào gặp nhau.

Đám rước tách đôi, người bên làng nào trở về bên ấy, nhưng cùng tỏ vẻ dùng dằng luyến tiếc, có khi hai bên rời xa nhau rồi, bỗng một kiệu quay trở lại, bay gặp kiệu bên kia, bay qua bay lại như ngăn giữ nhau vài lần rồi mới từ giã nhau hẳn.

Trong bóng chiều trên đường về đám rước đi thông thả theo nhịp trống chiêng thùng thỉnh, trong điệu nhạc bát âm đi bài lưu thủy, hành vân, đều đều, băng khuông gợi cảnh mây trôi, hoặc theo tiếng đàn tiếng nhị của phường cải lương đi bài bình bán, kim tiền vui vẻ thực tại hơn, nhưng thỉnh thoảng cũng nổi lên một hơi kèn tàu réo rắt...

Hội rước Đảo Vũ huyện Mỹ Hào (Hải Hưng)

Năm nào đại hạn, một làng thờ Tứ Pháp sẽ làm lễ cầu đảo ba ngày đêm, xong đóng cửa chùa nghỉ ba ngày. Nếu chưa mưa lại tái đảo ba ngày, nghỉ ba ngày chờ. Hai lần tái đảo như thế mà chưa có kết quả thì cử đại diện sang chùa bên (thờ Tứ Pháp) xin làm lễ tiếp. Ở đây cầu đảo đến lần thứ ba mà vẫn không mưa thì làm lễ khất giao (xin âm dương, xin keo) để xin được rước.

Nếu được Thánh Bà chấp thuận thì trước hết rước đức Pháp Vũ từ chùa làng Thanh Xá đến chùa làng Hoàng Đôi (Đống Vàng) thờ đức Pháp Lô, ở lại đó một đêm để dân hai làng làm lễ. Hôm sau rước cả hai vị sang làng Yên Phú (Bần Tía).

Dân làng này chỉ rước bát hương ra tam quan chùa nghênh đón và lục tiễn cũng vậy, người ta không dám rước đức Pháp Điện ra khỏi chùa. Hai vị này cũng dừng lại ở chùa này một đêm cho dân làng làm lễ cầu đảo. Đám rước tiếp tục đi đến làng Nguyên Xá (làng Nguộn), dừng ở đây ba đêm. Sở dĩ ở lại vì Thành hoàng làng này nguyên là Hoàng tử triều Lý

do vua cha cầu tự được tại chùa Pháp Vũ. Lớn lên hoàng tử ham tập gươm kiếm không may bị nạn chết, hiển linh làm Thành hoàng làng Nguyễn Xá.

Sau ba ngày, rước đức Pháp Vũ và Pháp Lôi đến hội với đức Pháp Vân tại chùa Thứa. Ở đây chỉ làm lễ tiến dân lục cúng một tuần, chùng 4 tiếng đồng hồ rồi kiệu đầu rước về đó.

Nếu đại hạn trầm trọng, thì theo lệnh sức của tỉnh các làng trong huyện, rước thần vị Thành hoàng đến hội đảo cùng các Thánh Bà Tứ Pháp tại đình làng sở tại.

Cửa đình vào hôm chỉ định rước, mở toang để chốc chốc lại đón rước một tòa kiệu, một cỗ long đình cùng cờ quạt theo tiếng trống khẩu tong tong tiến vào trong đình.

Đình Thứa, (làng Dy Sỹ) to rộng nhất vùng, vậy mà vào những dịp này cũng chật ních những long đình[3], Ngọc lộ[4] vàng son rực rỡ, xếp hàng hai bên trước mặt kiệu[5] các Thánh Bà ngự ở giữa mặt cung cấm.

[1] Dâu, Khám thuộc tỉnh Bắc Ninh.

[2] Tục lệ tiến cúng cũng thay đổi ít nhiều tùy địa phương, chúng tôi mong quý vị nào nhớ rõ các chi tiết, nên viết để ghi lại nét sinh hoạt nghệ thuật dân tộc (Chú thích của N.B. Lãng)

[3] Long đình: hình vuông hai tầng mái khum, góc chạm lồng có 4 chân dài, có hai đòn xỏ xuyên qua để khiêng.

[4] Ngọc lộ: cũng tương tự như long đình, trang hoàng rực rỡ hơn, không có chân mà có kệ đặt lên đòn rồng để khiêng.

[5] Kiệu: hình chữ nhật, mái mui lượn, đặt trên đòn rồng bát cống, nguy nga hơn cả.

Kết luận

Xét từ nguyên thủy, nếp sống của con người lúc ban đầu chịu sự chi phối rất nhiều bởi những nét đặc biệt của từng địa phương, nhất là những nét đặc biệt về địa lý thiên nhiên.

Chịu ảnh hưởng của các yếu tố ngoại vật, những yếu tố này mỗi nơi mỗi khác, do đó từng nhóm người, tuy đồng nguồn gốc vẫn có những nền nếp tục lệ riêng.

Xã hội được tổ chức, mọi người ở mọi nơi, cùng một dân tộc phải sống theo sự tổ chức hợp lý, nhưng về mặt tục lệ, tuy hàng ngày phải rời bỏ cho hợp với nếp sống chung của quốc gia, sống những con người địa phương cũng không thể hoàn toàn rời bỏ các địa phương tính của vùng mình, và do đó, tuy hàng ngày rời bỏ những tục lệ cố hữu của tổ tiên, nhưng hàng năm, con người thường cần có những dịp trở về với những tục lệ cũ này trong một thời gian, dài ngắn tùy từng nơi và cũng tùy từng năm. Những tục lệ này có tính cách truyền thống mà mỗi thế hệ, trước đây, tổ tiên chúng ta quan niệm phải duy trì và gìn giữ.

Cơ hội đi trở lại với một số các cổ tục, chính là những dịp hội hè đình đám. Chỉ trong những dịp này, một số các cổ tục mới lại xuất hiện, và những hội hè này, chúng tôi mệnh danh là những Hội hè về phong tục, rất nhiều trên đất nước chúng ta và cũng rất thay đổi từ vùng nọ tới vùng kia, từ tỉnh này sang tỉnh khác, và có khi ngay từ làng này sang làng khác.

Có nhiều tục lệ, chính những người đứng ra tổ chức để nhắc lại, cũng hiểu rằng không phù hợp với nếp sống đương thời, đi trái với thuần phong mỹ tục của Quốc gia và có khi của cả làng xã, nhưng người ta vẫn cứ nhắc lại. Có thể người ta không muốn từ bỏ hoàn toàn những cái gì của tổ tiên để lại, có thể đây cũng chính là ý muốn của giai tầng bình dân Việt Nam. Tầng lớp này ý thức rằng, con người phải có cơ hội để trở lại với tự nhiên tính, mà xã hội ta, chịu ảnh hưởng của nền đạo đức khe khắt theo Khổng Mạnh, đã khiến cho con người quanh năm phải sống một đời sống quá khô khan về tinh thần, gò bó trong những quy tắc nhất định của lễ giáo. Để có những cơ hội trở về với tự nhiên tính, giới bình dân đã dựa

vào thần linh, dựa vào tín ngưỡng diễn lại những tục lệ cổ truyền để giới trí thức không thể bắt bẻ được, để dân chúng được dịp sống phóng khoáng trong một thời gian.

Kể ra, những Hội hè về phong tục tại Việt Nam nhiều lắm, những điều chúng tôi nhắc lại ở chương này, chỉ là một số nhỏ qua sự hiểu biết hẹp hòi của chúng tôi. Rất mong, những học giả nghiên cứu về nhân văn, về xã hội Việt Nam sẽ đi sâu hơn chúng tôi, và chúng tôi sẽ lấy làm sung sướng được nhận sự chỉ dẫn của bạn đọc về những sự sai lầm cũng như những điều chúng tôi không biết.

Những đặc tính của các cổ tục Việt Nam trong hội hè đình đám

Sơ lược

Trong ba chương trên, chúng tôi đã trình bày một số các Hội hè đình đám tại Việt Nam, từ miền Bắc qua miền Trung, tới miền Nam, mỗi miền với dăm ba hội quê tượng trưng cho một khía cạnh vừa về tâm linh vừa về xã hội.

Mỗi hội có những cổ tục riêng, nhưng trong mỗi cổ tục lại thường có những tính chất đặc biệt riêng: luyện ái tính, chiến đấu tính, hợp quần tính v.v... Chúng tôi dành Chương IV này để nói tới những điều chúng tôi biết rõ qua kinh nghiệm bản thân hoặc qua các tài liệu chúng tôi được đọc với hy vọng chương cuối cùng của tập sách sẽ giúp bạn đọc hiểu thêm về một số Hội hè đình đám chúng tôi không nói tới trong ba chương trên.

Luyện ái tính trong một số các cổ tục Việt Nam

Chịu ảnh hưởng nền đạo đức Khổng Mạnh, xã hội Việt trong khuôn khổ đạo lý cổ truyền đã tôn trọng thuyết nam nữ thụ thụ bất thân, và sự tôn trọng đã rất khe khắt ngay tự trong gia đình, và giữa anh chị em ruột với nhau cũng phải giữ sao cho nam nữ hữu biệt, nhất là trong giới trí thức, giới trưởng giả.

Trời sinh ra có âm phải có dương, âm dương phải hòa hợp, phải có sự gần gũi, gần gũi để thân mật, gần gũi để hiểu biết lẫn nhau, vậy mà đạo đức Đông phương lại ngăn cấm sự gần gũi giữa âm dương, đến nỗi việc ăn nằm của vợ chồng, một việc không thể tránh được, cũng bị đạo đức ngăn cấm không được đá động tới, hành cứ việc hành, nhưng ngôn bất khả ngôn!

Cuộc đời do đó trở nên khô khan, và đạo lý cứ chi phối cuộc sống trong xã hội. Cái đạo lý khe khắt này, ác thay đối với dân tộc Việt Nam lại không phù hợp, nhất là đối với giai cấp bình dân. Cái đạo đức du nhập vào nước ta từ đời Nhâm Diên, Tích Quang của Tàu nếu được giới thượng lưu chịu đựng chẳng qua vì giới này sống trong cảnh sung túc, hệ lụy theo lễ nghi nên họ đành chấp nhận sự khe khắt của đạo đức, và để đối phó với sự khe khắt này, để quân bình cuộc sống quá khô khan về tình cảm, họ đã có những thú tiêu khiển mà giới bình dân không có.

Căn cứ vào những di vật thời tiền sử tìm kiếm được, tổ tiên ta, trước khi văn hóa Trung Hoa du nhập vào Việt Nam, không có nam nữ hữu biệt, và sự ái ân giữa nam nữ không phải là điều không được đả động tới.

Ông Lê Văn Hảo trong bài Một số tục cổ của người Việt qua các hội mùa đăng trong tập san Đại Học, trích dẫn tài liệu của ông Lê Văn Lan, Phạm Văn Kính, Nguyễn Linh có nhắc tới chiếc tháp đồng đào được tại xã Đào Thịnh tỉnh Yên Bái mà trên nắp có 4 khối tượng của 4 đôi nam nữ đang giao hợp. Sự nam nữ giao cấu của hình ảnh này, đủ chứng tỏ quan niệm phóng khoáng của tổ tiên chúng ta với vấn đề sinh lý, cần thiết để bảo tồn huyết thống, và có lẽ các cụ coi hành động ái ân này là tự nhiên và là một hành động rất lý tưởng của con người, của xã hội. Sự thể hiện công khai của hành động ấy không những không có gì là xấu xa, là xấu hổ, đáng e lệ, mà còn là một việc làm tốt đẹp, tiêu biểu cho hạnh phúc, cho vinh quang cho phồn thịnh của giống nòi[1].

Quan niệm phóng khoáng trên đã mất dần khi dân ta chấp nhận nền văn hóa Trung Hoa du nhập vào đất nước, và từ sự phóng khoáng đã dần đi đến sự cố chấp với thuyết nam nữ thụ thụ bất thân. Sự cố chấp này được giới phong lưu bảo vệ còn giới bình dân, tuy chấp nhận nền đạo đức Khổng Mạnh nhưng vẫn có những phản ứng và đã tạo nên những cơ hội để trở lại với tự nhiên tính của con người, cho con người được làm theo điều mình muốn nhưng bị đạo đức ngăn cấm.

Muốn tạo nên những cơ hội này, giới bình dân đã dựa vào tín ngưỡng, hay đúng hơn dựa vào sự mê tín của con người. Những vị thần linh được

tưởng tượng ra và các cụ, trong đám bình dân, đã nhân những dịp có thiên tai thiên ách, bày đặt ra những tục lệ bắt mọi người cùng theo để giải trừ tai ách, những tục lệ được các cụ gán cho ý muốn của giới siêu nhiên trong vũ trụ, những tục lệ cần phải được thực hiện hàng năm nếu không muốn tai ách tái diễn lại.

Những tục lệ này rất nhiều, và thường làm thỏa mãn sự mong mỏi của con người, chống lại sự khô khan của đạo lý, gây sự gần gũi giữa nam nữ, những tục lệ đầy luyện ái tính, nhiều khi đến dâm bôn.

Có lẽ khi đặt ra những tục lệ này, các cụ cũng thấy không thể để cho con người được hoàn toàn thả lỏng quanh năm, cho nên những tục lệ chỉ được thực hiện trong những thời gian rất ngắn trong mọi năm, có khi là một lúc, một ngày hoặc lâu lắm cũng chỉ trong thời hạn hội làng. Chỉ trong những thời gian ngắn đó luyện ái tính và có trường hợp có dâm bôn tính, được hoàn toàn bộc lộ nhưng sau đó đạo đức lại được tôn trọng trong nếp sống hàng ngày.

Dưới đây chúng tôi xin trình bày một số các tục lệ đầy luyện ái tính này. Thực ra rất nhiều tục lệ khác nhau trên hình thức nhưng sự hiểu biết của chúng tôi không được bao nhiêu, sự trình bày ắt thiếu sót chúng tôi chờ đợi sự bổ khuyết của bạn đọc.

Những tục lệ chúng tôi trình bày được hoặc do đã nhìn tận mắt trong các hội hè đình đám nông thôn đã tham dự trước đây, hoặc do được nghe các cụ thuật lại, hoặc do được đọc qua một số tài liệu về Dân tộc học.

Tục lệ khác nhau tùy theo từng địa phương và xuất hiện trong các kỳ Hội hè đình đám của mùa Xuân hoặc mùa Thu của mỗi xã. Có những tục nhắc tới một cách rất nhẹ nhàng sự yêu đương của nam nữ và luyện ái tính chỉ bằng bậc biểu lộ như tục ca hát trao tình giữa trai gái, lại có những tục luyện ái tính được biểu lộ một cách sỗ sàng đến tục tăn dâm bôn như tục trai gái ôm nhau bắt chạch ở làng Văn Trưng tỉnh Vĩnh Yên (Vĩnh Phú), tục trai giả làm cạp cắn nữ ở làng Đan hiểm tỉnh Bắc Ninh,

tục tắt đèn cho trai gái tự do đùa nghịch ở các xã La Khê, Nam tỉnh Hà Đông (Hà Tây), Ngô Xá tỉnh Bắc Ninh (Hà Bắc) v.v...

Traoi gái ôm nhau bắt chạch trong chum

Làng Văn Trưng, phủ Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Yên (Vĩnh Phú), hàng năm mở hội vào ngày mồng sáu tháng Giêng. Ngoài những buổi rước xách tế lễ, hội còn có mở nhiều thú vui rất hấp dẫn khiến dân quanh vùng nô nức kéo tới xem.

Ca dao vùng Vĩnh Yên có câu:

Bỏ con bỏ cháu,

Chẳng ai bỏ mồng sáu chợ Dưng

Dưng là tên tục của xã Văn Trưng, và xã này có ngôi chợ họp một tháng 6 phiên vào ngày 1 và 6 và được gọi là chợ Dưng.

Trong ngày hội, những trò chơi được tổ chức ngay trước đình làng bên cạnh chợ. Các trò vui chính là bơi thuyền, thi chạy, đốt pháo, nhưng đặc biệt nhất là cuộc thi Bắt chạch trong chum. Chạch là một giống cá loài lươn, mình ngắn hơn lươn, luôn rất nhanh, mình rất trơn, bắt rất khó. Chum là đồ dùng đựng nước giống như chiếc lu trong Nam, nhưng miệng hẹp và có thành cao.

Trong cuộc thi bắt chạch trong chum, một con chạch được thả vào trong chiếc chum đựng đến hai phần ba nước.

Ngày hội trước cửa đình có bày một hàng chum ít nhất cũng năm cái, và mỗi chum đều đựng đến hai phần ba nước và thả vào một con chạch.

Cuộc thi có giải thưởng là khăn lụa hồng, trà tàu, trầu cau và có khi có tiền.

Không phải ai muốn vào dự thi bắt chạch cũng được tuy cuộc thi mở cho khắp cả mọi người. Muốn dự thi phải có hai người, một nam một nữ để

cùng hỗ trợ nhau trong cuộc bắt chạch và trong lúc bắt chạch không phải chỉ có việc khoảng tay vào trong chum mà bắt chạch, đôi nam nữ này phải tuân theo lệ làng thực hiện đúng hèm của thần linh. Đôi trai gái phải vừa ôm nhau vừa bắt chạch, gái tay phải ôm ngang lưng trai còn tay trái khoảng vào trong chum nước; trai tay phải khoảng trong chum nước còn tay trái ôm qua người con gái, đưa bàn tay nắm lấy nhũ hoa của gái. Hai người vừa ôm nhau vừa bóp nhũ hoa của nhau vừa bắt chạch bắt cho đến được con chạch thì thôi.

Số cặp nam nữ dự thi bắt chạch nhiều ít tùy theo số chum đặt trước cửa đình.

Ban giám khảo gồm các bô lão và quan viên trong xã ngồi trên thềm đình để ngắm những cặp trai gái bắt chạch, và bắt bẻ họ nếu họ vì mãi bắt con chạch bỏ lơ tay ôm nhau. Những cặp trai gái nào bắt được con chạch trước tiên là được giải. Trò vui rất thú vị và những cặp trai gái dự thi một cách rất thản nhiên trước mọi người. Có năm rất đông người dự thi, phần lớn là những lính khố đỏ, đóng tại đồn Việt Trì sang xem hội, rủ được những cô thợ cấy lên cùng bắt chạch. Có một năm có một cặp hai ông bà già cũng dự thi.

Cuộc thi hấp dẫn này, người dự thi tự lấy làm thích, cả những khán giả cũng lấy làm thú, và người ta bu quanh những chiếc chum để xem bắt chạch với những tiếng cười khúc khích và những tiếng thúc giục đôi trai gái ôm nhau cho chắc, bóp nhũ hoa cho mạnh.

Các bô lão giám khảo cũng rất khoái! Có lẽ các cụ nghĩ tới cái thưở đương thì các cụ cũng đã từng là những thí sinh trong cuộc thi bắt chạch, và bàn tay các cụ có lẽ cũng đã bóp rất mạnh rất nhiều nhũ hoa của các cô đồng lứa tuổi.

Bắt chạch với nhau, dù được giải hay không, những đôi trai gái đã gần gũi nhau, và người đàn ông đã được phép ngang nhiên làm cái việc mà bình thường họ không dám làm một cách công nhiên, và cũng chẳng có

cô gái nào để cho họ làm như vậy trước mặt nhiều người khác mà không e thẹn và không có phản ứng: việc bóp vú gái tơ.

Người ta bỏ con, bỏ cháu mà vẫn nhớ chợ Dưng, phần lớn chính vì cái tục lệ đáng quý trên! Có nhiều bà nạ dòng cũng thường dự thi bắt chạch.

Ông Đùng bà Đà

Đây là một cỗ tục trong đó luyện ái tính được biểu lộ một cách đến dâm dăng: Tục này của làng Đông An ở sát ngay tỉnh lỵ Hưng Yên (Hải Hưng).

Ông Đùng Bà Đà được dân làng này thờ phụng và hàng năm, làng mở hội từ mồng 6 đến mồng 10 tháng Ba Âm Lịch.

Theo thần tích thì ông Đùng Bà Đà người đời Ngô Quyền là hai chị em ruột, Bà Đà là chị, Ông Đùng là em.

Hai chị em ở với nhau, đã lớn tuổi mà không có ai lấy, chị chưa chồng, em chưa vợ. Một hôm hai chị em mới nảy ý kiến, hai chị em đi vòng một quả núi, gặp ai thì lấy người đó.

Hai chị em đi vòng quanh núi, chị không gặp ai mà em cũng chẳng gặp ai, rút cục hai chị em lại gặp nhau. Cho đấy là số trời đã định, hai chị em lấy nhau, nhưng khi nhập phòng có lẽ cảm thấy tội lỗi, Bà Đà bèn trốn sang đền Bến ở gần đó.

Ông Đùng phải đi rước bà về. Ngày hôm sau bà lại trốn đến đền Võ cũng ở gần đó, và ông Đùng lại đi rước bà về nhưng đến ngày hôm thứ ba, bà lại trốn đến đền Cấn. Ông Đùng lại đi đón bà và lần này khi hai chị em về đến nửa đường bỗng có con cọp chạy ra chặn đường. Ông Đùng là một lực sĩ đánh đuổi cọp nhưng cọp không đi, mẹ con một bà lão nghèo đang câu ếch ở gần đấy chạy ra đánh đuổi giúp cọp mới bỏ chạy.

Lần này trở về hai ông bà thành thân lấy nhau.

Hai người lấy nhau được mấy ngày, tin đồn đại đi khắp nơi, lan tới Kinh kỳ, đến tai nhà Vua. Vua bèn xuống chiếu bắt tội hai người đã phạm tội loạn luân, Chiếu vua được thi hành, và nửa đêm hai ông bà bị đem ra hành hình. Bắt đầu đao phủ khoét mắt hai người, rồi cắt mũi, cắt tai, sau cùng chặt đầu, đem xác ngâm xuống một cái ao.

Hai ông bà rất linh thiêng.

Dân làng Đông An, quê hương của ông bà, lập đền thờ và hàng năm mở hội kỷ niệm vào tháng Ba. Trong các ngày hội có diễn lại sự tích hai ông bà.

Dân làng dẫn hai người hình nhân bằng nan tre thật to, phết giấy tô mặt, dán quần áo. Ông Đùng râu ba chòm còn Bà Đà mặt bầu bĩnh, má phính phính.

Hai hình nhân này được rước đi các ngả, rồi sau cùng lại rước đi vòng quanh làng nhắc lại sự tích hai ông bà đi vòng quanh trái núi, và trong khi rước đi vòng quanh làng, Ông Đùng Bà Đà được rước đi hai ngả khác nhau để rồi gặp nhau.

Lúc gặp nhau này, những người khiêng hai hình nhân vận động để cho những tay nan vung vẩy tỏ sự vui mừng. Sau sự vui mừng, những người khiêng lại cho Ông Đùng, Bà Đà đụng chạm nhau, rồi ôm nhau với điệu bộ hoan lạc của một cuộc ân ái. Cờ quạt lúc đó phe phẩy, âm nhạc nổi lên những điệu riêng. Dân làng đứng ngoài hò reo, hò reo để mừng rỡ hay để chế nhạo!

Đụng chạm vào nhau rồi lại rời nhau ra để đám rước tiếp tục lộ trình trở về đình làng. Trong đám rước có người đóng vai cọp, vai lực sĩ và vai mẹ con bà câu ếch.

Ông Đùng Bà Đà được thờ tại đình cho đến đêm ngày mồng Chín rạng mồng Mười tháng Ba. Đêm nay dân làng diễn lại việc xử tội hai ông bà như trong thần tích. Cuộc xử tội xử kín do ban tổ chức thi hành, dân làng không được đi xem và cũng không ai dám đi xem. Nửa đêm những

người xử tội mặc áo dấu, bôi mặt đen hộc chung quanh hai hình nhân. Ông tiên chỉ đem bản cáo trạng đọc trước hai hình nhân, nhắc lại tội loạn luân của hai người và chiếu chỉ của nhà vua. Sau đó cuộc hành hình bắt đầu, mắt hình nhân bị khoét, tai mũi bị xẻo, rồi sau cùng đầu hai ông bà bị cắt. Lạ lùng nhất là khi cắt đầu ông Đùng, người ta nhét vào chỗ hiểm của Bà Đà.

Xử xong, ban đao phủ khiêng xác hai ông bà ra ngâm ở chiếc ao đầu làng.

Trong cổ tục này, người ta thấy luyện ái tính bộc lộ công khai khi Ông Đùng Bà Đà gặp nhau và hành động hoan lạc của hai người hình nhân đã làm cho dân làng hò reo vui thích.

Phải chăng họ hò reo để khuyến khích một việc làm không ai tránh được nhưng người ta vẫn phải giấu diếm khi hành động hay người ta đã reo hò để chế nhạo Ông Đùng Bà Đà đã dám công khai làm các việc lý ứng phải giấu kín, việc làm này nhắc lại cái thú tính của con người với xác thịt và tạo nên những hậu quả tai hại là tội tử hình cho hai người.

Đặt ra cổ tục này, tổ tiên ta trong giới bình dân, tuy e ngại đạo đức, nhưng cũng đã tấn công đạo đức bằng cách tạo nên cử chỉ hoan hỷ giữa hai hình nhân.

Tấn công đạo đức xong có lẽ các cụ nghĩ rằng cái việc làm theo tự nhiên kia không nên để được bộc lộ công khai mà không bị trừng phạt nên có việc hành hình hai kẻ phạm, và muốn như vậy, hai kẻ phạm này phải mắc trọng tội. Trí tưởng tượng của các cụ đã đặt ra một cặp thần linh là hai chị em ruột!

Luyện ái tính được phô bày biểu diễn nhưng liền ngay đó bị cảnh cáo. Người ta có thể yêu đương, có thể ân ái với nhau, nhưng phải tôn trọng đạo đức, đi ngược lại đạo đức là bị trừng phạt. Đạo đức có được bảo tồn, trật tự xã hội mới không bị xáo trộn. Luyện ái tính là tính tự nhiên của con người, nhưng con người cần biết sử dụng làm sao để không đi ngược lại đạo đức! Ở cổ tục này, hai vị thần linh là hai chị em ruột nên bị trừng

phạt! Giả tí đó là cặp trai gái khác, có lẽ thần tích sẽ không có đoạn trừng phạt theo chiếu chỉ nhà vua, và như vậy đâu có sự diễn lại trò ái ân trong đám rước!

Nhân đây, chúng tôi xin nói qua về ngôi đình xã Đông An.

Đây là một ngôi đình không to lắm. Trước đình có một cây tháp mười hai tầng bằng gạch nung chạm trổ và vẽ các giống vật rất đẹp xây từ đời vua Cảnh Thịnh nhà Lê (1663- 1671).

Đình chỉ mở cửa ngoài, cung đình cánh cửa bao giờ cũng đóng không ai được vào, ngoại trừ một người hàng năm do dân làng cắt cử. Đó là ông Đám coi việc đèn nhang lễ bái.

Trong cung có chiếc bệ xây rất kiên cố. Phía dưới bệ có một hang nhỏ chỉ vừa một người chui lọt, phải bò sát đất mới vào được. Vào đến trong, hang này rộng ra một chút. Ở giữa hang có một chiếc bệ nhỏ chung quanh có đến bảy ngọn đèn dầu le lói, lối đèn đốt bằng bấc, dầu đựng trong đĩa nhỏ, trên bệ nhỏ có chiếc tượng đá tạc đơn sơ, hình đôi nam nữ ôm nhau.

Trong những ngày hội làng, dân làng lấy nước ở chiếc ao đầu làng, hàng năm có ngâm xác hình nhân để đồ xôi lễ thần.

Và cả trong những ngày sóc vọng tuần tiết cũng vậy. Ao được dân làng giữ gìn sạch sẽ, không ai được tắm rửa, và được coi như một chiếc giếng của làng. Dân làng có thể gánh nước về dùng.

Tắt đèn

Tục cổ xã Đông An trình bày ở trên tuy có bộc lộ luyện ái tính, nhưng thực ra, sự bộc lộ chỉ ở sự hoan hỷ giữa hai hình nhân. Có nơi, luyện ái tính được diễn lại giữa người với người.

Làng La Khê Nam, tục gọi làng La, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Đông, có tục tắt đèn.

Thành hoàng làng này, lúc sinh thời làm nghề đạo chích, lại dâm bôn, chết nhằm giờ thiêng được dân làng thờ phụng.

Làng vào đám trong hai ngày mồng 6 và mồng 7 tháng Giêng. Ngoài những cuộc tế lễ rước xách và các trò vui, làng có đám tế đêm vào ngày rã đám. Trước đám tế, dân làng rước vía thần vào lúc chạng vạng tối. Đám rước được toàn thể dân làng tham dự, nam phụ lão ấu, con gái, bà già, còn son trẻ hay đã có chồng có vợ. Tham dự đám rước xong, cả làng kéo nhau vào đình để kết thúc hội làng bằng đám tế đêm.

Tế đêm phải thắp đèn. Mọi người chen chúc nhau xem tế dưới ánh đèn.

Khi đám tế vừa dứt, tức thì bao nhiêu đèn nến trong đình đều tắt hết!

Ông thần ăn trộm mà! Phải cần bóng tối Ngài mới hành sự được! Nhưng trong lúc dân làng tắt đèn để nhắc lại nghề nghiệp lúc sinh thời của đức Thượng Đẳng, dân làng cũng nhân đó mà ăn trộm lẫn nhau! Họ muốn làm gì nhau thì làm! Đèn tắt chỉ trong khoảng một giờ. Tha hồ họ sờ soạng nhau, ông già sờ cô gái trẻ, cậu trai 18 lại năm phải bà già. Có những thanh niên hơ hớ túm nhằm cặp dưa gang nhãn nhúm, có những mụ nạ dòng vớ đúng một chàng trẻ thanh tân, có những ông lão lại chập choạng được vào cặp tuyết lê núng nính của một cô gái dậy thì! Họ sờ chỗ này, họ sờ chỗ khác, và từ chỗ sờ soạng họ còn đi xa hơn nữa. Có tiếng cười rúc rích, có tiếng chí chọe ồn ào, lại có hơi thở mạnh. Dân làng cứ ăn trộm lẫn nhau như vậy cho đến lúc đèn lại được thắp sáng lên.

Thật là vui, chẳng có thể ca dao lại có câu:

Bơi Đăm, rước Giá, hội Thầy,

Vui thì vui vậy chẳng tầy rã đám làng La.

Bơi Đăm đây tức bơi trai ở làng Tây Tựu, tục gọi là làng Đăm, rước Giá là đám rước ở làng Yên Sở, tục gọi là làng Giá, còn hội Thầy là Hội chùa Thầy ở xã Thụy Khuê, tỉnh Sơn Tây (Hà Tây). Ba hội trên rất vui, nhưng vui thì vui vậy chứ có thú đâu bằng đêm rã đám ở Làng La.

Tục lệ ở làng này cho phép con người trở lại với tự nhiên tính trong một thời gian ngắn dựa trên một thần tích kỳ quặc.

Trong lúc tắt đèn của đêm rã đám này, đạo đức đã phải lánh xa, và nam nữ trong lúc này tha hồ tương thân. Phải chăng khi đặt ra tục lệ này, mặc dầu đã dựa vào sự mê tín, mặc dầu đã tưởng tượng đặt ra vị thần linh với thần tích kỳ quặc, các cụ cũng e dè đạo đức, nên việc cử hành những việc bị đạo đức ngăn cấm đã phải thực hiện trong bóng tối. Dù sao tục lệ này cũng đã thỏa mãn tự nhiên tính của con người và điều bị coi là dâm ô trong đời sống hàng ngày đã được tha thứ trong lúc tắt đèn ngày rã đám.

Theo lời truyền lại, năm nào làng La không thực hiện việc này trong xã sẽ sinh ra lăm điều ngang trái, người vật chết chóc, mùa màng thất thu, buôn bán thua lỗ v.v... Người làng La cũng biết tục làng mình đối với đạo đức chẳng hay ho gì nên vẫn tìm cách giữ kín và nếu gặp ai hỏi thường nói dối tục đó không còn nữa!

Tục tắt đèn không phải riêng ở làng La, mà còn ở nhiều làng khác nữa.

Làng Ngô Xá, huyện Võ Giàng tỉnh Bắc Ninh (Hà Bắc) cũng có tục kỳ lạ này. Làng thờ một vị dâm thần. Hàng năm làng hai lần đình đám vào 11 tháng 3 và 18 tháng 9, dân làng gọi là Xuân tế và Thu tế: Trong cuộc tế có hát ả đào thờ thần. Giữa lúc đang tế trai gái lấy pháo đốt lên, nghi lễ được tạm ngưng, ả đào tạm nghỉ hát và bao nhiêu đèn nến trong đình đều tắt phụt đi. Trong lúc tắt đèn này trai gái tha hồ đùa nghịch nhau. Đèn tắt hàng khắc đồng hồ mới lại được thắp lên, cuộc tế lễ lại tiếp tục.

Ở làng Niệm Thượng, tục gọi là làng Ném huyện Võ Giàng, tỉnh Bắc Ninh cũng có tục tắt đèn. Làng này thờ một vị thần, lúc sinh thời làm nghề ăn cướp nên trong những ngày hội làng, mồng 5 và mồng 6 tháng Giêng có rất nhiều tục kỳ lạ[2], ngoài tục tắt đèn cho trai gái đùa nghịch với nhau.

Làng có hai Giáp. Đêm mồng 5 hai Giáp thổi xôi thi tại đình. Giáp nào xong trước đổ xôi ra nong xong thì ra lệnh tắt hết nến trong đình đi, rồi

một người đội nong xôi đi theo có mấy người khác vác đuốc chạy quanh đình, có ý muốn báo cho tất cả dân làng biết giáp mình đã chiếm giải. Trong lúc đó, trẻ con chạy xô đuổi theo, reo hò âm ỉ, nhưng trai gái ở trong đình tha hồ là lời ong bướm với nhau.

Tại xã Đông Yên cùng tỉnh cũng có tục tương tự như vậy.

Và ở xã Đan Nhiễm cùng tỉnh này cũng có tục tắt đèn, nhưng cử hành kỳ lạ hơn.

Xã này thờ thần Hổ. Dân làng vào đám trong tháng Giêng, chúng tôi không nhớ ngày. Đêm hôm rã đám có buổi tế sau cùng, sau đó ả đào hát thờ thần. Một vị kỳ mục giả làm cọp núp dưới bàn thờ. Độ nửa đêm, trong lúc giọng hát ả đào đang thánh thót ăn nhịp với tiếng sênh tiếng phách, bỗng nhiên tất cả đèn nến được tắt phụt đi. Đèn tắt nhưng ả đào vẫn tiếp tục hát. Ngay lúc tắt đèn vị kỳ mục cọp nhảy ra chụp lấy ả đào, rồi làm bộ cắn. Trai tơ trong đình cũng theo gương ông kỳ mục giả làm cọp ôm lấy gái. Họ ôm nhau rất lâu đến năm mười phút, đèn lại được thắp lên. Vị kỳ mục cọp cởi lớp lột ngoài ra, lạy tạ thần linh, và trai gái giả cọp cũng đã trở lại thành trai gái, cùng nhau nghiêm chỉnh ngồi nghe hát. Độ canh ba, con gái ra về, còn con trai ở lại cùng các bô lão kỳ mục ăn uống suốt đêm. Ngày hôm sau là hết hội.

Xã Duyên Tục phủ Tiên Hưng tỉnh Thái Bình cũng có tục tắt đèn, nhưng ở đây người ta tắt đèn để đánh đấm nhau, Thành hoàng thôn Thượng xã này lúc sinh thời làm nghề đạo chích bị bắt và bị đánh chết, gặp giờ thiêng hiển linh được dân làng phụng thờ và tôn là thần Đấm. Tục tắt đèn cử hành vào đêm rã đám của hội hàng thôn. Đêm đó sau khi tế lễ xong, trai gái già trẻ trong thôn đều tụ họp cả ở đình. Khi mọi người đã tụ họp đông đủ, đèn đóm được tắt hết, và trong lúc tắt đèn, mọi người túm lấy nhau mà đấm, đấm người lớn, đấm trẻ em, đấm đàn ông và đấm cả đàn bà, ai có tay người ấy đấm. Đấm đi đấm lại hồi lâu, đèn nến lại được thắp lên và mọi người bình tĩnh ra về như không hề xảy ra chuyện gì.

Trên đây là tục tắt đèn tại mấy xã chúng tôi biết, có lẽ tục này còn thấy ở nhiều nơi khác nữa, chúng tôi mong bạn đọc ai biết xin chỉ giúp để có dịp chúng tôi sẽ bổ khuyết thêm.

Rước sinh thực khí

Làng Đông Kỵ phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh là một làng trù phú, dân cư đông đúc, thời tiền chiến có vào khoảng hơn ngàn rưởi người, và có đến năm trăm mẫu công điền. Làng thờ hai vị Thành hoàng, một nam và một nữ, đều là những vị dân thần. Hàng năm dân làng bắt đầu mở hội từ 30 tháng Chạp cho tới 16 tháng Giêng. Trong khi mở hội, có nhiều tục cổ và trò vui, nhưng ở đây chúng tôi chỉ nhắc tới tục cổ liên quan tới luyện ái tính là tục rước sinh thực khí.

Kể ra tục này thật thô bỉ, nhưng vì là cổ tục truyền lại nên dân làng phải tuân theo, năm nào dân làng cố tình bỏ qua tục này, theo lời các cụ, trong làng sẽ xảy ra nhiều chuyện bất yên.

Cổ tục này cử hành ngày mồng 6 tháng giêng. Đám rước thần từ miếu về đình hay từ đình về miếu do một bô lão có chức sắc dẫn đầu. Bô lão này hai tay cầm hai lễ vật là hai sinh thực khí bằng gỗ, một âm và một dương. Dẫn đầu đám rước, vừa đi cụ vừa hát, một câu hát thật ngộ nghĩnh và cũng rất nhiều ý nghĩa. Cụ hát rằng:

Cái sự làm sao, cái sự làm vầy,

Cái sự thế này, cái sự làm sao!

Vừa hát cụ vừa cử hành một điệu vũ, có thể gọi là điệu vũ âm dương, cái điệu vũ mà con người ta nam nữ vẫn hằng làm chung với nhau. Cụ lấy hai sinh thực khí lồng vào với nhau, cái dương xỏ vào cái âm. Cụ hát ba lần và điệu vũ cũng được cụ nhắc lại ba lần trong mỗi đám rước. Hai sinh thực khí âm dương này, khi rã đám được đem đốt.

Không phải riêng xã Đông Kỵ có tục rước sinh thực khí, mà ta còn thấy tục này xuất hiện ở những xã khác, như ở các xã Khúc Lạc và Dị Nậu

thuộc tỉnh Phú Thọ (Vĩnh Phú).

Hai xã này cũng thờ dân thần và hàng năm hai xã vào đám vào những ngày mồng 7 và 26 tháng Giêng. Vào đám là có tế lễ và có cúng bái. Lễ vật cúng thần ngoài trâu cau rượu thịt v.v... còn có một món đồ lễ đặc biệt ngoài sức tưởng tượng của mọi người, món đồ lễ này gồm 36 sinh thực khí, 18 âm và 18 dương tục gọi là những cái nồn nường hoặc đọc trại theo tiếng địa phương là những cái nọ nàng. 36 cái nồn nường được đặt trên bàn thờ trong những buổi tế lễ.

Tế lễ xong có đám rước thần đi quanh làng, trong đám rước này, 36 cái nồn nường cũng được "rinh" đi do 18 thanh niên và 18 thanh nữ dậy thì, tuổi từ 18 kén chọn trong những hàng trai gái xinh đẹp và đứng dẫn, mỗi cô cậu mang một chiếc, nam mang dương, nữ mang âm. Vừa đi trong đám rước, các cô cậu vừa hát. Các cậu trai hát:

Dịch đình đình

Anh có cái yếm lười cày

Anh chả cho mầy thì để cho ai.

Các cô gái hát:

Dịch đình đình

Em có cái vò rượu tăm

Em để anh uống, anh nắm với em!

Đám rước đi quanh làng rồi trở về đình. Ở đây dân làng tổ chức tranh giành những cái nồn nường. Những âm dương vật này được treo lên một cành tre, rồi vị cao niên nhất trong làng rung cho những cái nồn nường rơi xuống, để dân làng xô đẩy nhau cướp lấy. Cướp được những của quý này là một sự may mắn, nhất là đối với những cặp vợ chồng mới cưới, vì là điềm sẽ có tin mừng. Ai cướp được chiếc âm sẽ sinh con gái, ai cướp được chiếc dương sẽ sinh con trai.

Cũng có khi những cái nồn nường không được treo lên cây mà chỉ tung lên từng cái một để mọi người cướp cho cuộc vui được kéo dài.

Và tục rước sinh thực khí này, còn có ở một vài nơi khác nữa, như tại một xã vùng Hải Dương, (Hải Hưng), nơi giáp giới với tỉnh Bắc Ninh (Hà Bắc), chúng tôi rất tiếc không nhớ rõ tên, cũng mang rước hai vật âm dương quý báu ấy bằng gỗ, và trong lúc rước cũng có thanh nam và thanh nữ hát:

Thanh nam hát:

Cái nạo thế sừ, là cái sự thế nào?

Thanh nữ đáp:

Cái nạy thế sừ, là cái sự thế này!

Trong khi đó một bô lão hai tay mang hai sinh thực khí bằng gỗ cử hành điệu vũ âm dương lồng hai vật vào với nhau rồi lại rút ra.

Chen

Làng Nga Hoàng, huyện Võ Giàng, tỉnh Bắc Ninh, tục gọi là làng Nga có tục Chen rất kỳ lạ. Hội làng được tổ chức từ mồng 6 tới 15 tháng Giêng. Làng thờ hai vị Thành hoàng, một nam một nữ là thần Đống Vành và Linh Sơn Mỹ Nương.

Làng này nằm trên đường Bắc Ninh đi Phả Lại đường cái xuyên tâm, theo các cụ nói về địa lý, khi nào làng ở vị trí như vậy, gái làng thường lẳng lơ. Nửa làng về bên tay trái đường Bắc Ninh, Phả Lại nằm trong cánh đồng chiêm, còn nửa làng bên kia nằm dưới chân dãy núi Rạm.

Hội làng chia làm 4 giai đoạn.

Đầu tiên, vào ngày mồng 6, tế lễ cử hành tại miếu làng, nơi thờ Linh Sơn Mỹ Nương. Giữa cuộc tế trai làng và cả các ông già nữa, chạy xô đến chen lấn các gái làng và các bà già, trẻ chen với trẻ, già dong với già. Xô

chen nhau, rồi giằng co nhau. Nhiều chàng trai trong lúc chen lấn đã có những cử chỉ mạnh bạo khác như bóp nhũ hoa hoặc đưa tay sờ soạng cô gái. Cô gái chống cự chen lại, và cuộc chen lấn diễn ra hỗn độn một lúc, rất là phóng túng tự do và rất ngang nhiên không kiêng nể gì đạo đức.

Chen lấn xong, mọi người cầu xin với nữ thần:

- Muôn tâu lạy ngài, xin ngài phù hộ cho dân chúng tôi già mạnh khỏe, trẻ bình an, của đồng làm ra của nhà làm nên.

Cầu khẩn xong mọi người cùng lễ tạ.

Rồi đám rước đi quanh làng được cử hành, bắt đầu từ miếu. Trong đám rước này, đến lượt con gái và cả bà già nữa tấn công lại chen lấn con trai và đàn ông, xô đẩy nhau cho đến khi đám rước kết thúc.

Đám rước hết nhưng sự chen lấn chưa hết, có điều lúc này, trai gái trong làng không chen nhau, gái làng đi kiếm các chàng trai thiên hạ tới xem hội mà chen, thiếu những chàng trai thì họ tìm chen những đàn ông đứng tuổi và cả các ông lão. Chính kẻ viết những dòng này, cách đây hơn 30 năm đã từng bị chen đến nẩy lửa vào một ngày mùng 6 tháng Giêng.

Gặp khách xem hội là gái làng rủ nhau chen. Họ thả sức chen có khi xô cả khách xuống ao bùn, xuống bờ ruộng, và khách muốn tránh khỏi bị chen phải leo lên cây hay đi tìm vào ẩn trong buồng kín của một nhà nào trong làng.

Một nhà nào trong làng hôm đó có khách đàn ông tới xem hội ư? Mà đã là ngày hội làng lại có tục kỳ khôi như tục chen ấy, mấy nhà lại không có khách? Trong lúc chủ nhà đang tiếp khách, bỗng lừng lững từ ngoài cổng đi vào một đoàn độ bốn năm cô gái quê. Các cô xin phép chủ nhà:

"Thưa Cụ, nhất niên nhất lệ, hôm nay chúng cháu được phép chen, xin cụ cho phép chúng cháu được chen với quý khách".

Thế rồi không đợi chủ nhà trả lời, các cô vào trong nhà kéo khách ra, khách đang uống nước trên phản hay ngồi ở tràng kỷ, các cô cũng kéo xuống, rồi các cô xúm nhau vào, đưa vai mà chen khách, khách từ chối hoặc chủ nhà từ chối cũng không được lệ làng mà! Phép vua còn thua lệ làng nữa là chủ nhà với khách.

Khách có sức, xin mời khách cứ chen lại, nhưng khách phải coi chừng vì các cô sẽ có viện binh! Các cô khác sẽ tới sẽ ùa nhau vào chen khách, chen bằng cho khách ngã giúi ngã giúi. Khách cố lóp ngóp bò dậy, các cô lại xô nhau chen nữa, khách lại ngã. Có khôn hồn, khách mau mau tìm lối chạy trốn, nếu không khách sẽ bị các cô chen cho tới khi ngã xuống ao bùn ruộng nước. Vừa chen khách lạ, các cô vừa reo cười với nhau. Và người làng thấy cảnh các cô chen khách lạ chỉ đứng ngấm và cười theo. Một vài bà nạ dòng ngấm cuộc chen, chợt nhớ tới thời mình con gái cũng xăm xăm vào chen khách. Những trai các làng lân cận biết rõ tục lệ này thường hàng năm rủ nhau từng bọn đi chen với gái Nga Hoàng, nhưng gái làng bao giờ cũng đông hơn, lại nhiều khi được tăng cường bằng những bà sồn sồn nên dù bọn trai này có tới, rút cục cũng đều đại bại. Ngày mồng 6 qua, trong làng vẫn còn hội, nhưng chỉ để dân lán lễ bái.

Rồi tới ngày 11 tháng Giêng, làng lại có tế lễ tại đình nơi thờ thần Đống Vành. Sau buổi tế lễ, có hát ả đào thờ thần.

Trong lúc này trai gái lại chen lấn nhau và tự do cùng nhau đùa nghịch ngay trong đình. Những cặp trai gái thích thú nhau, họ dắt nhau ra đình tìm những nơi thanh vắng trong làng để cùng nhau tình tự hoặc tính chuyện đình giáp non vu.

Ngày Rằm tháng Giêng, làng lại làm lễ tại miếu trên núi Linh Sơn. Giữa cuộc lễ nam nữ lại xô đẩy cùng nhau chen, gồm cả ông già bà lão, người đứng tuổi, mụ nạ dòng, đến nam nữ thanh niên dậy thì vừa mới lớn. Sau lễ là đám rước từ núi về đình và dọc đường nam nữ lại tự do chen lấn và đùa nghịch với nhau. Có những cặp chen nhau rời khỏi đám rước rồi cùng ngã vào bụi cây đám cỏ ở ven đường chân núi...

Ngày hôm nay cũng như ngày mồng 6, gái làng lại có lệ tìm khách lạ tới làng để chen.

Sau hết, buổi tối hôm rằm này, ở đình có cử hành một lễ rất là trọng thể. Giữa cuộc lễ đèn đóm tắt hết, trai gái già trẻ được tự do chòng ghẹo hoặc làm gì nhau cũng được!

Đèn tắt một lúc lâu lại được thắp lên, và cuộc lễ trọng thể được tiếp tục. Sau buổi lễ, những cặp trai gái đã bằng lòng nhau, có thể dắt nhau tới những nơi thanh vắng để vừa lòng nhau.

Theo lời các cụ xã Nga Hoàng, tuy chen là một tục kỳ dị, nhưng đó là ý muốn của thần linh, không thể bỏ được, nếu bỏ trong làng sẽ gặp sự không hay.

Trong kỳ hội hàng năm, trai gái đã có dịp đụng chạm và có cặp đã ân ái với nhau, nên sau kỳ hội, các cô gái có quyền kết hôn với cậu trai làng nào cô ưng, chàng trai không có quyền từ chối, trừ trường hợp bố mẹ cô không bằng lòng cô phối ngẫu với chàng trai cô chịu! Những cô gái thụ thai trong dịp hội làng, dù không chòng cũng không bị làng bắt vạ và cũng không bị coi là đi thõa trái với đạo đức. Trái lại, nếu thụ thai ngoài kỳ hội làng, tính từ tháng Ba âm lịch trở đi cho đến hết tháng Chạp, cô gái bị coi là chửa hoang và phạm vào thuần phong mỹ tục, phải chịu vạ với làng. Những cặp trai gái thành hôn với nhau sau kỳ hội được làng bớt cho một nửa tiền cheo.

Chen lẩn để cướp cầu

Làng Bạch Hạc, phủ Nghĩa Yên, huyện Bạch Hạc, tỉnh Vĩnh Yên (Vĩnh Phú), tức là đất Phong Châu ngày xưa, dân làng cũng có tục chen lẩn nhau, nhưng không phải chen lẩn để chen lẩn, mà chen lẩn để cướp những quả cầu của làng. Dù sao trong sự chen lẩn, dù là chen lẩn để cướp những quả cầu thì cũng có sự đụng chạm, trái với nguyên tắc nam nữ thụ thụ bất thân của Khổng giáo.

Làng này hàng năm mở hội vào ngày mồng ba tháng Giêng và có tục cướp cầu.

Mỗi năm dân làng cử một vị hương chức khâu chín quả cầu, một quả cầu mẹ, và tám quả cầu con. Những quả cầu này được rước tới đình làm lễ tế cầu. Lễ tế cầu xong là cuộc tung cầu để dân làng tranh nhau cướp, nam nữ xô đẩy chen lấn nhau.

Cầu tung tìm ba quả một, đầu tiên là quả cầu mẹ lớn với hai quả cầu con, hai lần sau mỗi lần ba quả cầu con. Ba quả cầu buộc vào ba ngành tre được giơ cao lên để một vị quan viên chức sắc đọc một bài văn chúc.

Bài văn chúc đọc xong, một hồi trống thờ nổi lên, dứt tiếng trống, dân làng hò reo, rồi một bài văn chúc thứ hai cũng kèm theo một hồi trống và những tiếng hò reo. Bài văn chúc đây là những lời khánh chúc.

Dứt hồi reo lần thứ hai, vị chức sắc mới tháo ba quả cầu ở ba ngành tre ra buộc lại với nhau rồi tung lên để dân làng nam nữ tranh nhau cướp. Bộ ba quả cầu chưa kịp rớt xuống đất đã có người đỡ, nhưng liền đó có người cướp mất. Chen lấn, giằng co cho đến khi bộ cầu được một người nắm chặt.

Hai vị bô lão chức sắc khác mỗi người tung một bộ cầu còn lại, cũng với những nghi thức như bộ cầu đầu tiên.

Người ta chen lấn tranh nhau cướp với sự tin tưởng cướp được một bộ cầu sẽ gặp may mắn quanh năm, cướp được cầu có thể mang về nhà để làm kỷ niệm, hoặc mang tới để thờ tại đình làng.

Múa mo và tự do luyện ái

Luyện ái tính đã được bộc lộ rõ rệt hơn cả, đi đến chỗ tự do luyện ái của trai gái làng là cổ tục của xã Sơn Đồng, tỉnh Hà Đông (Hà Tây)[3]

Xã này hàng năm mở hội xuân vào ngày mồng 6 tháng 2. Trong các đồ lễ cúng thần có bánh dầy và bánh cuốn.

Những bánh này, sau khi cúng dành phần để biếu các xã lân cận.

Những năm phong đăng hòa cốc, dân làng lại tổ chức cuộc múa mo, một cổ tục rất đặc biệt.

Buổi chiều sau khi tế lễ đã xong, trai chưa vợ, gái chưa chồng đều tự do tụ họp tại đình. Lúc này, một ca nhi vừa múa vừa hát, tay trái cầm một khúc tre tượng trưng cho sinh thực khí dương và tay phải cầm một chiếc mo cau tượng trưng cho sinh thực khí âm. Ca nhi vừa múa vừa lấy khúc tre lấp vào mo cau và ca:

Cái sự làm sao, cái sự làm vầy,

Cái sự thế này, cái sự làm sao.

Sau một lúc múa hát, ca nhi tung khúc tre và mo cau cho trai gái tranh nhau cướp. Tục tin rằng cô gái nào cướp được khúc tre sẽ được may mắn trong cuộc tình duyên và được sự che chở của thần linh. Do đó, cậu trai nào thương yêu cô, ân ái với cô đến thụ thai sẽ được làng thưởng tiền, tiền cổ ngày xưa là ba quan.

Về tục múa mo, vùng Sơn Đồng có câu ca dao:

Sơn Đồng có tục múa mo,

Bánh dầy, bánh cuốn đem cho các làng.

Kể từ đêm cử hành múa mo, mồng 6 tháng hai trong vòng 3 tháng, nghĩa là đến ngày mồng 6 tháng 5, trai gái trong làng được tự do luyến ái, và cô gái nào thụ thai trong thời gian này đều được thưởng ba quan tiền và những chàng trai cưới vợ trong dịp này đều khỏi phải nộp cheo. Trong thời gian này việc luyến ái giữa trai gái không trái với lệ làng, và đạo đức cũng ngoảnh mặt làm ngơ, nhưng kể từ mồng 7 tháng 5 trở đi, cô gái nào chưa chồng, không may thụ thai bị coi là chửa hoang, là phạm thuần phong mỹ tục và bị làng bắt phạt vạ 10 quan tiền.

Trai gái đốt pháo ném nhau

Làng Phù Lưu thuộc phủ Từ Sơn tỉnh Bắc Ninh Hà Bắc, hàng năm mở hội vào ngày 13 tháng Giêng, có tục trai gái đốt pháo ném nhau.

Làng này, nhân ngày hội sau khi cúng thần xong, có lập bàn thờ cúng Phật tại sân đình, việc cúng Phật do một vị sư được mời tới phụ trách. Cúng thì phải có sớ, khi đọc sớ đến những chữ chỉ về tai ách như: niên xung, nguyệt xung v.v... thì dân làng đốt một tiếng pháo để át những chữ đó đi. Trước còn đốt pháo để át chữ, sau trai gái đốt pháo để ném vào sư. Sư sợ bỏ chạy, trai gái đuổi theo, sư phải băng cánh đồng vượt hồ để chạy về chùa đóng cửa lại. Lúc ấy trai gái quay lại đốt pháo ném nhau và đuổi nhau chạy ở ngoài đồng, ngoài đồng lúc này chỉ có trai và gái không phải riêng gì trai gái làng, mà trai gái các làng khác thấy vui cũng hàng năm kéo nhau tới dự cuộc đốt pháo này. Đốt pháo ném nhau rồi có những cặp trai gái thương yêu, dắt nhau đi tìm nơi vắng vẻ để tình tự và đi xa hơn nữa.

Nhiều thiếu phụ có chồng rồi, nhưng cũng vẫn thích dự cuộc ném pháo này với trai gái làng, chồng theo lệ không được ngăn cấm. Trai gái đùa nghịch với nhau ở ngoài đồng cho đến nửa đêm. Sau đó con gái ra về, còn con trai trở lại đình rượu chè ăn uống.

Hát trao tình rồi trao tình luôn

Những tục lệ kể trên nhắc tới luyện ái tính giữa nam nữ, luyện ái tính trong các tục này thường được bộc lộ một cách rõ ràng, cuồng nhiệt đôi khi đến mạnh bạo vũ bão. Bên những tục trên, còn nhiều tục khác cho phép trai gái được tìm hiểu nhau, nhưng ở đây luyện ái tính chỉ bàng bạc phơn phớt nhưng cũng đủ thỏa mãn sự yêu đương của đôi bên mà không đến nỗi quá bộc lộ, như tục hát đối, tục bói cầu v.v...

Xã Quảng Lãm huyện Võ Giàng tỉnh Bắc Ninh Hà Bắc có tục trai gái hát đối đáp với nhau trong ngày hội Xuân.

Làng này hàng năm mở hội từ mùng 5 đến 12 tháng 3. Mỗi buổi chiều sau cuộc tế lễ dân làng có mời ca nhi tới hát thờ thần, người lớn đều ra đình nghe hát tại đình. Trong lúc đó trai gái làng cùng nhau tụ họp tại các

công xóm thành từng bọn khoảng độ 10 người, trai gái ngồi lẫn lộn rồi quàng cổ nhau mà hát. Thơ ông Lê Văn Hào trong thi liệu đã dẫn đó là tục nam nữ hỗn tọạ nhi ca.

Dưới đây là mấy câu hát ông Hào đã dẫn ra:

Gái: (mời mọc):

Hỡi người quân tử đi đâu

Ngõ này trong mát lầu lầu chẳng chơi?

Hay là tình có đôi nơi

Chúng ta ngồi đợi đêm thâu canh chầy

Khấn trời đã mấy đêm nay

Sao anh chẳng nhớ đến ngày vui xuân.

Trai: (hài hước):

Nhà ông có đám rơm tơ

Có con gái lớn không lo gả chồng

Ai vào thì cứ rằng không,

Để con gái lớn chống mông mà gào.

hay cầu khấn:

Đến đây tình chẳng thương tình

Để anh thơ thẩn một mình lôi thôi.

Trai gái đối đáp với nhau lúc đầu còn bằng những câu hát có sẵn, nhưng dần dần về sau để diễn tả tình cảm của họ, họ đã tự ứng khẩu đặt ra những câu hát mới.

Hát với nhau rồi yêu thương nhau, họ dẫn nhau đi tình tự ở những nơi vắng vẻ. Có thể sự yêu đương đưa đến sự ái ân. Tan cuộc tình tự, con gái lại trở về bọn cũ, nhưng chàng trai có thể lần mò tới một đám hát khác ở một xóm khác.

Những cuộc hôn tọ phải do bạn gái chấp nhận, nếu họ không chịu chàng trai này, chàng đó không được phép nhập bọn với họ.

Việc ngồi chung ca hát này chỉ được phép xảy ra trong thời kỳ hội làng, ngoài ra nếu trai gái bị bắt được tình tự với nhau, nhất là giở trò trên bệc trong dậu ngoài ngày hội, họ bị giải tới đình và trói ở cột đình để ban kỳ mục xét xử và phạt mỗi người ba quan tiền. Những tiền sở phí về ăn uống của ban kỳ mục, những cặp trai gái phạm lỗi phải gánh chịu. Nếu họ không có tiền nạp vạ hoặc không chịu nổi sở phí ăn uống của ban kỳ mục họ phải rời khỏi làng, bằng không cha anh họ sẽ bị truất quyền họp việc làng tại đình.

Sau ngày đình đám, những cặp trai gái đã hôn tọ nhi ca với nhau, và để cho nhau tỏ đường đi lối về muốn lấy nhau thì lấy, hoặc không muốn lấy nhau cũng tùy ý. Tuy nhiên, nếu cô gái nào thụ thai trong ngày hội, cô muốn lấy cậu trai nào, cậu đó không có quyền từ chối.

Dân làng Quảng Lãm tin rằng nếu năm nào trai gái không ngồi chung hát đối, dân làng sẽ không bình yên.

Trai gái hai xã lân cận hát đối đáp nhau

Tục trai gái hát đối đáp với nhau, không phải chỉ riêng có ở xã Quảng Lãm mà còn ở rất nhiều nơi khác qua những tục hát quan họ, hát ví và hát trống quân. Có khi trai gái đồng xã, có khi trai gái biệt xã.

Trai gái biệt xã hát với nhau có thể kể đến gái xã Viêm Xá hát với trai xã Hoài Bảo, hoặc các trai gái quan họ tất cả các xã thuộc hai huyện Võ Giàng và Tiên Du tỉnh Bắc Ninh và mấy xã ven sông Cầu giáp giới với huyện Võ Giàng, thuộc huyện Việt Yên tỉnh Bắc Giang.

Ở đây, chúng tôi xin nói tới gái Viêm Xá và trai Hoài Bão. Hai xã này thuộc huyện Tiên Du tỉnh Bắc Ninh. Mỗi năm làng Viêm Xá, xuân thu nhị kỳ mở hội vào các ngày mồng 4 tháng Giêng và mồng 10 tháng Tám. Trong những dịp này, làng Viêm Xá có mời một bọn trai Hoài Bão sang dự hội. Xong cuộc tế lễ, trai Hoài Bão được mời hát thờ thần cùng với gái Viêm Xá tại Đình. Gái Viêm Xá ngồi một bên, trai làng và trai Hoài Bão ngồi một bên.

Cuộc hát bắt đầu bằng những lời khánh chúc, sau những lời khánh chúc, đôi bên hát những câu yêu đương, gợi cảm tâm tình. Bên nọ hát, bên kia đáp. Đây chính là tục hát quan họ. Lúc hát, họ hát giọng đôi, hai người một.

Sau khi hát thờ ở đình, trai Hoài Bão được bọn gái Viêm Xá mời về nhà người đứng đầu để tiếp tục cuộc hát. Lúc này, bọn gái phải làm cơm mời bọn trai. Giả tí người đứng đầu cuộc hát đã có chồng, thì người chồng, trước mặt các chàng trai Hoài Bão cũng chỉ nói đó là em gái mình, và nhiều khi chính người chồng phải đi làm mâm cơm để vợ và các bạn tiếp trai Hoài Bão.

Thường họ hát với nhau ở ngôi nhà chính, nghĩa là ngôi nhà có giường thờ, trai ngồi một bên, gái ngồi một bên. Lúc ăn uống cũng vậy hai mâm cỗ để hai bên, nhưng trước khi ăn, bọn gái và cả cha mẹ cô đứng đều phải ân cần mời mọc các chàng trai.

Ăn xong, họ hát với nhau suốt đêm cho đến gần sáng.

Đêm đó, người làng kéo nhau tới nghe hát đủ cả trai chưa vợ gái chưa chồng, hoặc trai gái đã thành gia thất.

Sáng ngày ra, bọn gái tiễn bọn trai tới tận cổng làng, cứ từng cặp một tiễn nhau.

Trong lúc hát đêm với nhau, có thể đôi bên, một cặp trai gái nào đã ăn ý với nhau lên dắt nhau đi tình tự, có thể tính chuyện nguyệt hoa với nhau được, nhưng sau đó lại phải trở về đám hát.

Tục trên chính là tục kết bạn trong lễ lối hát quan họ. Không phải chỉ có riêng trai Hoài Bảo tới hát với gái Viêm Xá, mà tất cả các bạn trai biết hát quan họ đều có thể được một bạn gái quan họ khác làng mời tới hát đêm và thiết đãi như trên, và trái lại các trai quan họ cũng có thể mời một bạn gái quan họ đến nhà hát đêm. Mời mọc đều do người đứng đầu một bạn mời, và nhận lời cũng do người đứng đầu đại diện cho cả bạn nhận lời. Tục này rất thông thường ở tất cả các xã có tục hát quan họ. Thường một bạn trai mời bạn gái hoặc trái lại bạn gái mời bạn trai, họ chỉ mời nhau sau khi đã cùng hát ở một hội nào, rồi vì quyến luyến nhau, họ muốn kéo dài cuộc hát, nên mời nhau tới nhà hát một canh.

Thí dụ, mồng 4 tháng Giêng, tại xã Hữu Trấp, tục gọi là làng Chắp huyện Võ Giàng mở hội. Trai gái quan họ kéo nhau tới hội rồi mời nhau hát. Trai Thị Cầu cùng với gái Xuân Ái gặp gỡ nhau, hát với nhau từ lúc tới hội cho đến lúc xế chiều, rồi họ lại cùng hát với nhau trên đường về, đường về đi qua làng Xuân Ái, gái Xuân Ái liền mời trai Thị Cầu vào nhà cùng hát, trai Thị Cầu nhận lời, thế là một canh hát đêm được tổ chức. Bố mẹ các cô gái không lấy làm ngạc nhiên khi con mình mời một bạn trai tới hát đêm. Họ lo giúp các con làm cơm đãi các bạn hát. Tục lệ trong làng quan họ như vậy, còn chuyện có cặp trai gái nào thương yêu nhau, đó là việc riêng giữa hai người, ở bất cứ nơi nào cũng có thể có những cặp trai gái lên dẫu nhau đi tình tự được. Khi bạn con trai mời bạn con gái tới hát ở làng mình cũng vậy. Và những người dù có chồng có vợ thì vợ hoặc chồng những người này cũng không bao giờ ghen, họ cho rằng luyện ái nhau qua câu hát không có gì đáng kể, trong câu hát ngoài một đôi câu chúc tụng đều là những câu hát yêu đương.

Hát trống quân

Hát trống quân cũng là một lối hát đối đáp giữa trai gái.

Hai bạn trai gái ngồi hai bên ở giữa là trống quân có căng chiếc dây, để khi hát trai gái lấy dùi đánh vào chiếc dây này tạo nên những tiếng thình thùng thình đệm cho lời hát.

Câu hát trống quân nói lên sự gấn bó của trai gái và sự gấn bó này bị lễ giáo ngăn cản không được phép tự nhiên bộc lộ, nếu không phải là trong dịp ca hát với nhau. Có những câu thật là ráo riết như muốn ràng buộc nhau:

Nên chằng đấy vợ đây chồng,

Đấy bế con gái, đây bồng con trai.

Đã trót yêu nhau lấy nhau cho được,

Bõ lòng này rày ước mai ao.

Yêu nhau chàng lấy được nhau,

Mài dao, đánh kéo, cạo đầu đi tu.

Làng Thị Cầu, huyện Võ Giàng, tỉnh Bắc Ninh (Hà Bắc), hàng năm, xưa kia, vào đám từ mồng bảy đến mười sáu tháng Tám.

Trong dịp làng vào đám này, tại các xóm trong làng, trai gái có lập những đám hát trống quân để cùng nhau mua vui ngày hội. Họ hát với nhau từ tối đến lúc trăng gần tà mới tan, và tối hôm sau họ lại cùng nhau hát:

Hát cho lở đất long trời,

Cho đời biết mặt cho người biết tên.

Hát từ chợ Phủ hát lên,

Hát suốt tỉnh Bắc qua miền tỉnh Đông.

Hát sao cho cạn dòng sông,

Cho non phải lở, cho lòng phải say.

Hát với nhau cho hết thời kỳ ngày hội, họ trở lại đời sống bình thường, họ gặp gỡ nhau, muốn nói chuyện yêu đương họ cũng không dám nói một cách quá bạo dạn như trong câu hát. Những cuộc hát đối đáp dịp này đã là dịp tốt để bắt đầu cho những cuộc lương duyên về sau.

Hát đúm hát ví

Tại các tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang, nhiều vùng ngoài những lối hát trên có tục hát đúm và hát ví.

Hát đúm trai gái hát với nhau trong ngày hội, từng bọn trai hát với từng bọn gái. Cũng những lời yêu đương tình tứ trong câu hát, cũng những sự hẹn hò, mong mỗi cùng nhau sẽ như chim liền cánh, như cây liền cành. Có những bọn người cũ đã gặp gỡ trong một ngày hội trước đến ngày hội sau lại trùng phùng họ mừng rỡ. Sự mừng rỡ biểu hiện qua lời ca:

Bây giờ lại gặp mình đây,

Như cá gặp nước, như mây gặp rồng,

Mây gặp rồng bắt phong bắt vũ,

Cá gặp nước con ngược con xuôi.

Hát với nhau cho đến xế chiều hoặc tan hội, họ đưa tiễn nhau đến đầu làng, tay cầm tay, mắt nhìn mắt mà lòng lưu luyến:

Mình về ta chẳng cho về,

Ta nắm cổ áo ta đề bài thơ.

Bài thơ ba chữ rành rành,

Chữ trung, chữ hiếu, chữ tình là ba.

Chữ trung dành để thờ cha,

Chữ hiếu thờ mẹ, đôi ta chữ tình,

Hát ví cũng là một lối hát trao tình giữa trai gái trong đám hội, nhưng ngoài ngày hội trong lúc làm lụng trai gái cũng thường hát ví với nhau. Có thể một chàng trai đi qua một cánh đồng, hát gheo một cô cắt cỏ bên bờ đường:

Mặt trời đã xế về tây,

Hỡi cô cắt cỏ bên đây bên vơi.

Cô còn cắt nữa hay thôi,

Để tôi cắt với làm đôi chung tình.

Có thể năm ba cô thợ cấy đang cấy lúa dưới ruộng bỗng có chàng trai đi qua trên đường, một cô buông lời hát:

Hỡi người đi đường cái quan,

Dừng chân đứng lại em than vại lời.

Đi đâu vội mấy ai ơi,

Công việc đã có chị tôi ở nhà.

Không những trai gái hát ví chòng gheo và trao tình với nhau, nhiều khi họ còn hát gheo cả những người lứa tuổi khác hoặc có khi cả nhà tu hành nữa.

Hỡi ơi chú tiểu trên chùa,

Chú tu sao chú bỏ chùa cho tôi.

Lại có những bọn thợ cùng làm lụng rồi cùng hát với nhau, hoặc nhân ngày mùa, một nông gia ở đồng quê mượn bọn thợ gặt, thợ cấy trong đó có các cô thiếu nữ, trai làng họp nhau thành bọn kéo nhau tới yêu cầu chủ nhà cho cùng bọn thợ hát một canh mua vui:

Ở hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh có lối hát ví các phường: phường vải, phường cấy, phường lưới, phường buôn v.v...

Trai gái những phường này hát với trai gái những phường khác những canh hát để thử tài và để mua vui. Lại còn lối hát giặm ở hai tỉnh trên cũng là lối hát đối đáp giữa trai gái, với những điều kiện khác biệt riêng, những lối hát này chúng tôi có nói kỹ trong cuốn *Cầm Ca Việt Nam*.

Ở miền thượng du Bắc Việt trai gái sơn cước có lối hát lượn, lối hát này cũng tương tự như lối hát ví và hát đúm ở vùng xuôi.

Hò miền Nam cũng là một lối hát để trai gái trao tình như hát ví.

Trong những lối hát trao tình này, hát trống quân, hát ví, hát giặm, hò v.v... luyện ái tình được bộc lộ qua lời ca, nhiều khi thật là thắm thiết nhưng nhiều khi bàng bạc một cách tế nhị. Ca hát giúp cho trai gái tìm hiểu nhau trước khi đi đến chỗ cùng nhau xây dựng cuộc trăm năm.

Rún (nhún) đu

Nhún đu cũng là một cố tục giúp cho trai gái gần gũi nhau, và do đó luyện ái tính cũng được biểu lộ.

Trong các ngày hội Xuân hoặc hội Thu tại các làng thuộc các phủ huyện miền Bắc tỉnh Bắc Ninh như Võ Giàng, Yên Phong, Tiên Du và mấy huyện miền Nam tỉnh Bắc Giang Hà Bắc, hội nào cũng có một vài cây đu trồng ở giữa một thửa ruộng gần nơi đình chùa mở hội để trai gái trong làng hoặc trai gái thiên hạ lên đu với nhau.

Lúc cùng vui đu, tất nhiên mắt cùng liếc, lòng ưa nên:

Trai đu gối hạc khom khom cật.

Gái uốn lưng ong ngửa ngửa lòng,

Và đu càng lên cao lên bổng họ càng say sưa nhìn nhau, mặc cho:

Bốn mảnh quần hồng bay phấp phới,

Hai hàng chân ngọc ruỗi song song.

Qua những cổ tục trên chúng ta thấy rằng hội quê là những dịp để trai gái gần gũi nhau, tìm hiểu nhau, và chỉ trong những dịp này đạo đức mới nhượng bộ chấp nhận sự tương thân giữa nam nữ. Luyến ái tính bị chèn ép bởi lễ giáo đã nhân những dịp này bộc lộ, bộc lộ nhiều khi một cách sẵn sàng và giới bình dân sẵn sàng chấp nhận những hậu quả của sự bộc lộ này. Và sự chấp nhận cũng bị giới hạn trong thời gian ngày hội, vì dù sao nếp sống cổ truyền của chúng ta cũng đã bó khuôn trong nền luân lý. Các cụ trong giới bình dân khi dựa vào giới siêu nhiên để tạo cơ hội cho sự gần gũi giữa nam nữ cũng không dám để cho luyến ái tính đi quá trớn và cũng không bao giờ dung thứ cho sự dâm bôn đi đến một mức quá độ.

Đạo đức vẫn chi phối nếp sống hàng ngày, và chỉ chịu nhượng bộ ở một số các địa phương trong những thời gian ngày hội, và ở đây đạo đức đã không thắng được thần quyền.

Trong nếp sống hằng ngày tuy giới bình dân không dám sẵn sàng xâm phạm tới đạo đức, nhưng không phải vì thế mà luyến ái tính đã bị chìm hẳn. Người ta cũng đã dựa vào sự mê tín, nghĩa là dựa vào giới siêu nhiên để có những ngôn ngữ hoặc hành động tạo nên những tục lệ, mà dần dà con người quen đi, không thấy ở những tục lệ này những điều trái với luân lý.

Như tục gọi con trai là thằng cu, con gái là cái hĩm hoặc cái đĩ. Hai danh từ cu và hĩm chính là hai tiếng để chỉ âm dương sinh thực khí, và khi nhắc đến hai tiếng này trí óc người ta có thể đi xa hơn. Và khi gọi con gái là cái đĩ, người ta đã quên nghĩa đen của tiếng này. Sự quên này tất nhiên không phải là ý muốn của người đầu tiên đã tạo nên tục lệ.

Lại tục hỏi thăm đẻ con trai hay con gái ở vùng quê người ta dùng một câu thật là tục tĩu mà không hề nhận thấy, câu hỏi như sau: Đâm người hay người đâm? Mấy tiếng này nhắc tới hành động sinh lý giữa nam nữ.

Đâm người là con trai, còn người đâm là con gái.

Người hỏi đã tự nhiên, mà người trả lời cũng rất tự nhiên:

- Vâng, hôm qua nhà tôi ở cũ, đâm người!

Ấy thế là người hỏi thăm biết rằng vợ người kia đẻ con trai.

Cũng có khi câu hỏi thăm hơi khác nhưng cũng không kém tục tũ.

- Thế nào chị ấy ở cũ rồi à? Chày hay Sọt?

Chày là con trai vì nó tựa tựa giống cái nam sinh thực khí, còn Sọt là con gái, vì chiếc sọt làm người ta nghĩ tới cái nữ sinh thực khí.

Và người ta còn dùng danh từ bố cu mẹ dĩ để chỉ những người có con trai hoặc con gái đầu lòng. Bác Cu là người có con trai đầu lòng và Bác Dĩ là người có con gái đầu lòng. Tóm lại trời sinh ra loài người có nam, có nữ, nam nữ tất nhiên phải có sự gần gũi tìm hiểu. Đạo đức cấm đoán, giới bình dân tuy có chịu nhưng vẫn tìm cách cưỡng lại, dựa vào thần quyền:

Đặt tên con là thằng Cu, cái Hĩm để chúng mang một tên xấu xa khỏi bị các bà các cô trêu quở, ma quỷ ám ảnh.

[1] Đào Tử Khải, theo sự trích dẫn của Lê Văn Hảo trong bài nói trên.

[2] Xin xem chương III.

[3] Theo tài liệu của ông Lê Văn Hảo, theo chúng tôi biết xã Sơn Đồng chính ra thuộc tỉnh Sơn Tây, cách xã Gồm huyện Lập Thạch tỉnh Vĩnh Yên không xa. Ca dao có câu: Sơn Đồng Kẻ Gồm không xa.

Pháo với hội hè đình đám

Khi trình bày về tục lệ trong nhiều hội hè, chúng tôi đã từng nhắc tới tục đốt pháo tại nhiều xã như Đông Ky, Thị Cầu và một số các xã thuộc các tỉnh miền núi Bắc Việt Nam.

Không kể những xã có tục đốt pháo với những quy lệ riêng biệt, thường thì trong các hội Xuân bao giờ cũng có tiếng pháo: pháo để khai hội, pháo để mừng thần linh, pháo để tặng thưởng cho những người trúng giải trong các cuộc thi vui và pháo để trai gái chòng ghẹo nhau.

Trong thời thanh bình, mở hội là có đốt pháo.

Dân ta tin rằng, tiếng pháo đuổi trừ ma quỷ, tiếng pháo mang lại hạnh phúc cho dân làng, và tiếng pháo phản ánh sự tương xứng nhộn nhịp của những ngày hội vui vẻ. Ngoài ra, với xác pháo hồng, nhất là khi xác pháo toàn hồng, người ta đón chờ những điều may mắn, màu hồng tượng trưng cho sự tốt đẹp.

Chính vì tin ở phép màu nhiệm của pháo và của tiếng pháo, nên ngày Xuân, ngày Tết tại khắp thôn quê, kẻ chợ đâu đâu trước đây người ta cũng đốt pháo.

Cứ mỗi năm Tết đến, xưa kia, dân ta đã tiêu tốn không biết bao nhiêu tiền pháo và ngay từ chiều Ba mươi Tết pháo đã bắt đầu nổ: Pháo đốt để đón mời Ông Vải.

Trong ngày Tết, khi khách đến xông nhà, khách đốt mừng gia chủ bánh pháo; gia chủ tiếp khách xông nhà cũng đốt mừng bánh pháo.

Mùi pháo thơm khét, xác pháo đỏ hồng bay theo chiều gió tượng trưng cho sự hân hoan của cả chủ lẫn khách.

Con cháu mừng tuổi ông bà, có khi cũng đốt mừng bánh pháo kèm theo những lời chúc tụng.

Các cụ già sau mấy vần thơ khai bút cũng đốt pháo.

Rồi Tết qua, khai trương cửa hàng đầu năm người ta đốt pháo; các rạp hát khai diễn đầu năm để khán giả đi bói tuồng cũng đốt pháo.

Pháo đốt như thế nói chi đến Hội hè đình đám.

Các loại pháo

Pháo mật thiết với những ngày vui của dân quê, pháo làm cho không khí hội hè đình đám thêm đậm đà náo nhiệt.

Bởi vậy viết về Hội hè đình đám, chúng tôi không dám bỏ quên không viết mấy trang riêng về pháo, nhất là về các loại pháo thuở xưa, làm theo cách thức cổ truyền với thuốc pháo cổ truyền, được đốt theo tục lệ cổ truyền.

Pháo có nhiều loại, có thứ ngòi dọc, có thứ ngòi ngang, và cũng có thứ không ngòi.

Pháo ngòi ngang là loại pháo có ngòi cắm chênh chếch ở giữa bụng theo chiều dài, còn pháo ngòi dọc thì lỗ cắm ngòi được dùi ở một trong hai đầu pháo, có khi ở cả hai đầu như trường hợp pháo tam thanh.

Ở đầu pháo có dùi ngòi hoặc được bịt bằng xi cho những pháo lớn, hoặc được gắn chặt, chèn chặt để pháo khỏi bật đầu khi nổ.

Pháo có thứ to, có thứ nhỏ, có thứ đốt từng chiếc một, có thứ đốt từng tràng.

Pháo nển hoặc pháo đùng

Đây là loại pháo to đốt từng tiếng một. Danh từ pháo nển do hình thù pháo trông giống một cây nển (đèn cầy) còn danh từ pháo đùng là do tiếng pháo nổ đùng một tiếng rồi hết.

Pháo dùng có thể ngòi ngang hoặc ngòi dọc. Pháo này bên ngoài thường áo sắc đỏ màu tiết dê, bên trong được quấn bằng giấy, nhất là giấy nhật trình cũ. Cũng có khi áo pháo dùng giấy màu ngũ sắc, lại có vấn trang kim trông thật rực rỡ đẹp đẽ xứng với ngày Xuân.

Pháo tràng

Pháo tràng là loại pháo nhỏ kết thành từng tràng. Muốn kết từng tràng, thợ làm pháo dùng một chiếc ngòi cái ở giữa.

Những chiếc pháo nhỏ có ngòi dọc được kết vào chiếc ngòi cái này bằng ngòi của chúng, lần lượt chiếc này đến chiếc kia, ở cả một bên hoặc ở hai bên chiếc ngòi cái. Khi đốt pháo, lửa châm vào ngòi cái, ngòi cái cháy, lửa truyền sang các ngòi con, những chiếc pháo sẽ theo nhau lần lượt nổ, như đạn ở một khẩu súng liên thanh, kêu lên lạch tạch, lạch tạch.

Có khi người ta kết xen vào tràng pháo nhỏ những chiếc pháo dùng, khi đốt tràng pháo sẽ có những tiếng lạch tạch dùng, như giữa tràng súng liên thanh nổ vang một trái lựu đạn hoặc một tràng súng đại bác vậy, lạch tạch do pháo nhỏ nổ, còn dùng do pháo lớn phát ra.

Pháo tràng được đóng thành từng bánh hình chữ nhật, hoặc khi nào tràng pháo thật dài, người ta đóng thành những bánh cối hình tròn, trông giống như hình chiếc cối đá giã cua.

Những tràng pháo có xen lẫn những chiếc pháo dùng thường bao giờ cũng dài, nên luôn luôn được đóng thành bánh cối.

Những bánh pháo dùng hình tròn được mệnh danh là những tràng pháo cối hoặc tràng pháo ghép, do sự ghép những quả pháo lớn trong đám pháo nhỏ. Pháo lớn dùng để ghép vào tràng pháo đều phải có ngòi dọc, ngòi ngang không thuận tiện cho sự ghép tràng.

Pháo tép, pháo chuột

Những pháo nhỏ, loại thật bé, mang tên là pháo tép, chỉ bé như con tép, hoặc pháo chuột, khi đốt tràng pháo lắc lư như chuột nhảy, nhất là khi em bé đốt tràng pháo rồi vất xuống sân, trông thực chẳng khác chi con chuột nhảy nhậy vậy.

Pháo nhị thanh, pháo tam thanh

Pháo nhị thanh hoặc tam thanh là thứ pháo nổ hai hoặc ba tiếng liền nhau.

Làm những loại pháo này người ta phải dùng những quả pháo đùng.

Làm pháo nhị thanh, người ta dùng một chiếc ngòi pháo hơi dài nối hai đầu pháo vào nhau, chiếc ngòi thông vào lòng cả hai quả pháo, một quả ở dưới và một quả ở trên. Để hai quả pháo khỏi rời nhau, người ta bọc ở ngoài một chiếc áo chung.

Quả pháo ở dưới, ngoài chiếc ngòi dọc nối liền với chiếc pháo trên còn có một chiếc ngòi ở ngang giữa bụng.

Khi đốt pháo, quả pháo đôi này được đặt đứng, quả pháo ngòi ngang ở dưới, vì cần để quả pháo có thể đặt đứng được, chiếc pháo này, đầu dưới được giữ nguyên, không ghim cặp lại, ngõ hầu mặt bằng như một chiếc đế. Lửa được châm vào chiếc ngòi ngang quả pháo dưới. Pháo nổ làm bắn tung quả pháo trên lên cao, đồng thời khi pháo nổ, lửa bắt vào thuốc và cũng bắt luôn vào chiếc ngòi ăn thông giữa hai quả pháo.

Chiếc ngòi cháy, bắt vào thuốc của quả pháo trên, quả pháo này khi bắn tung lên trời cũng nổ theo quả pháo dưới. Hai tiếng pháo nổ cách nhau một vài tích tắc.

Thợ làm pháo đã khéo ghim đầu quả pháo dưới để khi nổ pháo sẽ bật đầu, và như vậy mới làm bắn tung được quả pháo trên lên cao. Muốn như vậy, thân quả pháo dưới phải quấn thật chặt, khi pháo nổ không bị vỡ bụng, và đầu đặt ở dưới đất tuy không ghim vào nhưng cũng phải chèn chặt thật kỹ, như vậy, khi pháo nổ bao nhiêu hơi mạnh dồn cả lên

đầu phía trên của quả pháo, làm bật đầu và làm tung quả pháo thứ hai lên cao. Đầu pháo ăn thông với quả pháo thứ hai chỉ được ghim vừa độ đủ giữ cho pháo nổ. Đây là tất cả sự khéo léo của người làm pháo.

Quả pháo thứ hai, bên trong thường được quấn bằng giấy màu, khi nổ tan xác ở trên cao, bay rắc xuống đất như những cánh bướm thật đẹp.

Làm pháo tam thanh, người ta gắn vào quả pháo thứ hai, một quả thứ ba. Một chiếc ngòi ăn thông giữa hai quả pháo này sẽ truyền lửa, khi pháo nổ, ở quả pháo thứ hai sang quả pháo thứ ba. Quả pháo thứ ba cũng nổ ở trên cao và cũng tung xác ngũ sắc phấp phới bay xuống như những cánh bướm.

Người ta không làm pháo tứ ngũ thanh trở lên, có lẽ vì quả pháo ở dưới cũng không đủ sức mạnh để làm bắn tung tất cả mấy quả pháo lên trên cao, hoặc có lẽ vì muốn nghe pháo nổ nhiều hơn đã có pháo tràng, pháo tép.

Pháo thăng thiên

Đúng như tên gọi, pháo thăng thiên khi đốt thì vọt lên trời đánh xẹt với một tia sáng, và khi lên đến trên cao thì nó thường nổ một tiếng đùng.

Pháo thăng thiên thường chỉ đốt ban đêm để thưởng thức vết xẹt sáng đẹp đủ mọi màu trước khi thưởng thức tiếng nổ. Pháo này, ngày nay tại các nước văn minh người ta chế tạo rất khéo, nhưng xưa kia, ta vẫn thường chế lấy bằng những ống nứa tép hoặc những ống tre nhỏ.

Ống nứa, ống tre này một đầu có đốt, còn đầu kia người làm pháo bịt bằng giấy hoặc bằng miếng sắt có dùi lỗ để thông ngòi qua.

Ống nứa hoặc ống tre này được cắt ngang nhưng không cắt đứt để còn vót chiếc đuôi dài dính liền vào pháo. Lúc đốt chiếc đuôi này chúc xuống đất. Thuốc pháo được nhồi vào ống nứa hoặc ống tre cho thật chặt.

Lúc đốt pháo thăng thiên, một chiếc que nhỏ được ghép vào chiếc pháo, rồi chiếc pháo được cài vào một cành ngang, thường cũng là một thanh tre nhỏ và mảnh, đuôi pháo chúc xuống đất.

Sau đó, lửa được châm vào ngòi, ngòi được bắt vào thuốc pháo. Thuốc pháo vì bị lén chặt xì xuống phía đuôi, tạo nên một phản lực, và phản lực này đẩy bắn chiếc pháo lên trời. Lúc lên đến trên cao, ống tre đã bứt thuốc, sức lén chặt không còn nữa, thuốc nổ tung ra, do đó khi đốt pháo thăng thiên ta thấy một vệt sáng bốc lên, rồi kế tiếp là một tiếng nổ.

Dân ta thường đốt pháo thăng thiên trong đêm giao thừa và trong những đêm có hội hè.

Mấy thứ pháo không ngòi

Từ trên chúng tôi trình bày về những pháo có ngòi, khi đốt cần phải châm lửa vào ngòi, pháo mới xẹt hoặc nổ.

Ngoài những pháo có ngòi, còn những pháo không ngòi, và muốn cho pháo nổ, không cần đốt mà cần tới những động tác khác: ấy là pháo đập và pháo xiết,

Pháo đập

Pháo này còn được gọi là pháo ném. Danh từ pháo đập hay pháo ném đều do động tác khi làm cho pháo nổ mà gọi nên.

Pháo đập hay pháo ném không có ngòi. Muốn cho pháo kêu chỉ việc đập pháo xuống đất hoặc ném mạnh pháo vào tường vào cột, tức khắc pháo nổ tung, xác bay phấp phới chẳng khác gì khi đốt một chiếc pháo nển.

Pháo đập trong ruột có một thứ thuốc rất mạnh, thường trước đây là chất chlorate de potasse và có những hòn sạn nhỏ.

Khi pháo bị ném vào tường hoặc đập xuống đất, những hòn sạn trong lòng cọ xát vào nhau bật ra lửa, lửa bốc vào thuốc, nhờ đó pháo nổ.

Làm pháo đập nguy hiểm lắm, vì thuốc pháo chính là chất nổ. Nhiều người tử thương khi làm loại pháo này, vô ý để cho thuốc nổ.

Năm 1924, tại làng Thị Cầu, huyện Võ Giàng tỉnh Bắc Ninh đã có hai người là ông Trịnh Tấu và Nguyễn Xoan chết vì làm pháo đập, vô ý để thuốc nổ. Ông Nguyễn Xoan bị cháy sém chết, còn ông Trịnh Tấu, người bị tung ra từng mảnh như trúng hỏa tiễn.

Pháo xiết

Pháo này cũng không có ngòi, cũng không cần đốt, là một thứ pháo dành riêng cho các trẻ em.

Muốn cho pháo nổ, chỉ cần xiết mạnh vào bờ tường, sàn gạch, hoặc bất cứ một nơi nào cứng là pháo nổ. Pháo làm bằng lân tinh, pha lẫn với thuốc pháo và giấy hồng, đóng thành những bánh tròn nhỏ. Khi pháo nổ thường để lại những vệt sáng của lân tinh. Pháo không nổ to, chỉ kêu lẹt đẹt.

Chơi pháo xiết không nguy hiểm, nhưng làm pháo xiết rất khó khăn nên trước đây không được sản xuất ở trong nước phải nhập cảng ở ngoại quốc.

Tuy pháo xiết chơi không nguy hiểm, nhưng ở pháo xiết lại có sự nguy hiểm khác: nhiều người dùng pháo xiết để tự tử. Chất lân tinh uống vào đốt cháy ruột và cơ thể con người, người nào đã nuốt pháo xiết, khó mà cứu được.

Một vài loại pháo không nổ

Thường ra đã gọi là pháo thì phải nổ, không nổ to thì nổ nhỏ, tuy nhiên cũng đã có những thứ cũng được gọi là pháo mà không nổ: pháo dây, pháo hoa cà, hoa cải, pháo bông v.v...

Pháo dây

Đây là một sợi dây dài bằng giấy mỏng có tẩm thuốc pháo, khi đốt lên trong đêm tối bật ra những ánh sáng và hoa lửa rất đẹp.

Trẻ em vẫn chơi đốt pháo trong đêm tối. Mỗi năm, tết đến, loại pháo này thường được các hàng tạp hóa bán thành từng bó.

Cũng có khi pháo dây là một mảnh giấy dài hẹp được xe xoắn lại, bọc thuốc trong những nếp xe.

Trẻ em khi đốt pháo dây, thường vung lên thành những vòng tròn, hoa lửa ở thuốc pháo bắn sáng ra. Pháo có thể có nhiều màu tùy theo thuốc pha.

Pháo hoa cà, hoa cải

Là một thứ pháo khi đốt lên tỏa ra những ánh sáng bắn thành những tia giống như hoa cây cà hoặc cây cải.

Làm pháo này, người ta dồn thuốc vào một ống tre hoặc ống nứa thật chặt. Trong thuốc có pha thêm bụi nhỏ chảo, bụi gang, bụi đồng hoặc bụi kim khí khác.

Ống tre hoặc ống nứa dùng làm pháo một đầu có đốt, còn đầu kia được gắn bằng giấy có ngòi.

Khi đốt pháo, thuốc pháo bị lèn chặt không nổ được, vụt tỏa lên đầu không có đốt của ống tre hoặc ống nứa, như những bông hoa có màu xanh, màu đỏ, màu vàng, màu bạc v.v... Những màu này sở dĩ có, do ở bụi nhỏ chảo, bụi gang, bụi đồng... sinh ra.

Lúc đốt, đầu ống tre hoặc ống nứa có đốt để phía dưới, còn đầu kia chĩa lên trên để thuốc bắn tỏa ra.

Cũng như pháo thăng thiên, pháo này chỉ đốt trong đêm tối, nhất là đêm giao thừa và những đêm Hội hè đình đám.

Pháo bông

Pháo bông được đốt trong những ngày hội, tỏa ra những hình đẹp được thợ làm pháo kết sẵn với đủ các màu. Thịnh thoảng cũng có phát ra một vài tiếng nổ, trước khi có những hình bằng ánh sáng.

Pháo đốt trong đêm tối. Loại pháo này là pháo của thành thị và mới có trong những thời gian sau này.

Thuốc pháo

Pháo kêu nhờ thuốc. Nói đến pháo cổ truyền của Hội hè đình đám, chúng tôi xin được phép nhắc tới thuốc pháo người xưa thường dùng: Ta trước đây chế thuốc pháo bằng ba chất:

Diêm trắng hoặc diêm tiêu (Salpêtré)

Diêm vàng hoặc diêm sinh hoặc là lưu hoàng (Soufre)

Than (Carbon).

Ba thứ trên hòa lẫn với nhau theo một tỷ lệ ấn định sẽ thành thuốc pháo hay thuốc ngòi, tỷ lệ trong thuốc pháo không giống trong thuốc ngòi.

Thuốc pháo cần nổ mạnh, kêu ròn tiếng và làm tan xác pháo.

Thuốc ngòi phải xì xì không nổ, khiến cho ngòi pháo cháy dần ăn vào ruột pháo.

Dưới đây là tỷ lệ ba chất trên để chế thuốc pháo:

Diêm trắng 71% 1 kg 050

Diêm vàng 2% 0 kg 050

Than 27% 0 kg 700

Và đây là tỷ lệ ba chất ấy để chế thành thuốc ngòi:

Diêm trắng 71% 1 kg 050

Diêm vàng 15% 0 kg 400

Than 14% 0 kg 350

Qua hai sự pha trộn các chất trên ta thấy rằng, muốn cho pháo nổ phải có nhiều diêm trắng và than.

Để pha thuốc của loại pháo hoa cà, hoa cải, pháo dây, người làm pháo thay đổi tỷ lệ trên và pha thêm các chất bụi kim khí vào. Ba chất trên khi chế thuốc phải được tán nhỏ, thứ nào riêng thứ đó, rồi sau mới đem trộn lẫn, nhưng trước khi trộn cần phải rây để lọc ra những hạt to. Thuốc ngòi phải rây kỹ hơn thuốc pháo.

Than dùng trong việc làm pháo, xưa ta vẫn dùng than gỗ thông, gỗ xoan hay gỗ gạo. Gỗ gạo được kén hơn cả vì than nhẹ.

Dùng than làm ngòi pháo, có người kén than lá tre. Dùng thứ than này thuốc pha ngòi nhạy lắm.

Loại thuốc pháo kể trên là loại thuốc cổ truyền, và các nhà làm pháo ngày trước gọi là thuốc pháo ta để phân biệt với thứ thuốc pháo sau này được đặc dụng, thường là chất nổ nguy hiểm, được gọi là thuốc pháo tây.

Dùng thuốc pháo ta tuy tốn công nhưng đỡ lo ngại tai nạn thuốc nổ, tuy nhiên người thợ làm pháo cũng cần phải có những sự cẩn thận tối đa. Khi pha thuốc phải tránh xa ngọn lửa, gần lửa, những bụi thuốc pháo bay ra có thể bùng cháy, và khiến cho cả mẻ thuốc cháy theo gây nên tai họa.

Khi tán thuốc pháo cũng phải coi chừng đừng để lẫn sạn sỏi vào thuốc, sự cọ xát của sạn sỏi vào chày tán và cối thuốc có thể làm bật lửa và gây nguy hiểm.

Đây là nói về thuốc pháo ta, còn thuốc pháo tây thì nguy hiểm lắm. Để quá nóng, hấp hơi cũng có thể bị nổ được, sự cọ xát dụng cụ nhỏ cũng có thể gây ra tai nạn. Những tai nạn đã xảy ra tại Gò Vấp trong mấy năm 1958, 1959 trước đây đã chứng minh điều này. Và mấy nạn nhân chúng

tôi đã kể ở trên là các ông Trịnh Tấu và Nguyễn Xoan đều bị tai họa do thuốc pháo tây gây ra. Trước năm 1925, nghề làm pháo được tự do nên dân chúng có nhiều nơi làm pháo, như ở Bắc Ninh có làng Thị Cầu, làng Đông Ky, ở Hà Đông có làng Bình Đà, ở Hải Dương có làng Vĩnh Bảo, và ở Trung Việt tại các tỉnh Thừa Thiên, Quảng Nam, có nhiều làng làm pháo thăng thiên và pháo bông.

Nhưng về sau chính quyền Pháp thấy ở nghề làm pháo một mối lợi có thể dành cho kiều dân của họ, nên đã dựa vào những tai nạn xảy ra, đặt ra luật lệ hạn chế việc làm pháo, bắt phải có xưởng, phải có sự kiểm soát và trăm nghìn thứ bó buộc khác, ngoài việc đóng thuế pháo.

Dân quê nghèo lấy đâu tiền để theo đủ luật lệ ấn định, nghề làm pháo trong dân gian mất từ đó, và người ta đã thấy xuất hiện ở Đập Cầu một nhà máy pháo của người Pháp và ở Bình Đà một xưởng làm pháo của một người được chính quyền Pháp nâng đỡ. thợ làm pháo ở nhà máy Đập Cầu đều là người làng Thị Cầu, còn thợ làm pháo ở xưởng pháo Bình Đà đều là những người dân chuyên nghề làm pháo ở làng này trước.

Chiến đấu tính trong một số các cổ tục Việt Nam

Dân tộc Việt Nam sống bên cạnh nước khổng lồ Trung Hoa, đã luôn luôn phải chiến đấu để tự tồn, rồi trước sức mạnh của phương Bắc, tổ tiên chúng ta đã phải lùi về phương Nam.

Khi mới đặt chân tới đất nước ngày nay, nơi đây nếu không phải là núi rừng cần cỗi thì cũng là những đồng lầy hoang tịch. Muốn sống chúng ta phải tranh đấu, chống cự lại người Tàu ở miền Bắc, dần bành trướng về miền Nam. Chống cự với người, tổ tiên chúng ta lại phải chống cả thiên nhiên để biến tạo một phần núi rừng và cánh đồng lầy phương Nam thành ruộng đất phì nhiêu ngô hầu cung ứng hoa màu nuôi sống được dân số. Tổ tiên chúng ta đã thắng vì bước chân Nam tiến của người Trung Hoa phải ngừng ở Nam Quan, và nước ta cố giữ vững biên cương trong vùng giáp giới ba tỉnh Vân Nam, Quảng Đông và Quảng Tây của người Tàu. Chúng ta cũng lại đã thắng thiên nhiên, khai thác được cả một vùng rừng núi lẫn đồng lầy của châu thổ hai sông Hồng Hà và Thái Bình, chế ngự được cả cái rét cắt ruột của mùa đông, lại chịu đựng được cái nóng thiêu đốt của mùa hạ. Tinh thần đấu tranh của dân tộc ta vững bền trải qua bao nhiêu thế hệ, và chính nhờ tinh thần đấu tranh, dân tộc ta đã vững nuôi ý chí quật cường đủ ngăn chặn mọi cuộc xâm lăng từ phương Bắc và dần dần mở rộng cõi bờ về phương Nam.

Chúng ta đã vùng vẫy chiến đấu, thoát ách đô hộ hơn một ngàn năm của người Tàu, và chúng ta luôn nổi dậy trong tám chục năm thống trị của người Pháp.

Dân tộc Việt Nam luôn luôn có tinh thần chiến đấu, và chiến đấu tính đã được thể hiện trong rất nhiều cổ tục của ta, những cổ tục này mỗi năm với dịp Hội hè đình đám được biểu diễn lại như nung nấu ý chí quật cường, như nuôi dưỡng sức đấu tranh bền bỉ của dân ta. Thực vậy, những cổ tục đầy chiến đấu tính, và ta có thể nói thêm, đầy thể thao tính theo danh từ mới ngày nay, đã luôn luôn duy trì, biểu dương và phát huy tinh

thần thượng võ, do đó có ý chí quật cường, bất khuất của người Việt Nam.

Đọc lại lịch sử Việt Nam chúng ta thấy từ ngày lập quốc, lịch sử đất nước chỉ là một sự tranh đấu liên tiếp chống lại mọi dân tộc đã đe dọa sự sống còn của dân tộc ta.

Những cổ tục nặng mang chiến đấu tính, được dân ta gọi là chiến đấu hí, trò chơi đánh nhau, chính là một phương sách để nuôi dưỡng tinh thần thượng võ trong thời bình. Sự nuôi dưỡng này nhiều khi đã được bộc lộ bằng những trò chơi mạnh mẽ, kịch liệt đến thô bạo như tục Quật Bò ở xã Tích Sơn, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Yên (Vĩnh Phú), hoặc như tục đánh Bệt ở xã Kẻ Noi, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hải Hưng, hoặc như tục Đánh nhau thật sự của ba xã Yên Lũng, Vân Lũng và Yên Thọ với xã Thượng Ốc, bốn xã này đều thuộc tỉnh Hà Đông, hoặc như tục Đấm nhau của dân Duyên Tục, phủ Tiên Hưng, tỉnh Thái Bình.

Bên những cổ tục với chiến đấu tính biểu lộ một cách kịch liệt đến thô bạo, có những cổ tục cũng nặng mang chiến đấu tính, nhưng chiến đấu tính ở đây được thể hiện dưới hình thức như những cuộc tranh đấu thể thao ngày nay: Tục Đánh phết ở làng Thượng Lạp, phủ Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Yên, tục Đánh vật tại các Hội hè vùng Vĩnh Yên Bắc Ninh, Hà Đông (Hà Tây), Nam Định (Hà Nam Ninh), tục đánh Trung Bình Tiên tại các hội quê, tỉnh Thái Bình, Vĩnh Yên, tục Thi thuyền tại xã Bạch Hạc, huyện Bạch Hạc, tỉnh Vĩnh Yên hoặc xã Văn Trưng, phủ Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Yên (Vĩnh Phú) v.v...

Dưới đây chúng tôi xin trình bày một số các cổ tục có chiến đấu tính mà chúng tôi biết, chúng tôi mong được bạn đọc chỉ dẫn cho thêm, vì đây là vấn đề văn hóa, có liên quan đến sự phát huy và bảo tồn những cái hay cái đẹp của dân tộc cũng như tới sự loại trừ gạn lọc những điều không còn phù hợp với nếp sống tân tiến ngày nay.

Chúng tôi cũng xin nói thêm, qua những cổ tục đầy chiến đấu tính này dân tộc chúng ta đã có một tinh thần ganh đua, ganh đua để cầu tiến,

không phải ganh đua để thỏa mãn tính hiếu thắng. Có tinh thần ganh đua, tất nhiên ganh đua để sao cho được hơn người, với tinh thần này, chúng ta sẵn sàng chuẩn bị để đối phó với mọi biến cố, nhất là những cuộc xâm lăng của ngoại tộc. Nói như vậy không phải là dân Việt Nam chúng ta hiếu chiến, dân ta không hiếu chiến mà trái lại rất ưa chuộng hòa bình, sự ưa chuộng hòa bình này đã hiển hiện trên các địa danh của đất nước ta suốt từ Nam ra Bắc: Biên Hòa, Nghệ An, Hòa Bình, Cao Bằng, Kiến An v.v...

Ưa hòa bình nhưng nỗ lực chiến đấu khi cần thiết và để chuẩn bị cho sự nỗ lực này, dân ta nuôi dưỡng tinh thần thượng võ qua một số các cổ tục.

Kéo co

Đây là một cổ tục cổ võ tinh thần thượng võ cố hữu của dân tộc. Cũng như những thú vui chuộng võ khác của Việt Nam, đánh vật, đánh trung bình tiên, bơi chài v.v... tục kéo co xuất hiện ở rất nhiều hội quê, nhất là ở miền Bắc, và rất được dân chúng tán thưởng. Tục kéo co ở mỗi nơi thường được chơi một lối khác nhau, nhưng bao giờ trong tục này, những người tham dự cũng vẫn chia làm hai bên, hai bên cũng dùng sức khỏe để kéo cho được bên kia ngã về phía mình.

Có khi hai bên đều là đàn ông, con trai, có khi bên nam bên nữ, trong trường hợp bên nam bên nữ, dân làng thường chỉ kén những trai gái thanh tân chưa chồng chưa vợ.

Làng Hữu Trấp tục gọi là làng Chấp, huyện Võ Giàng, tỉnh Bắc Ninh (Hà Bắc), hàng năm mở hội vào ngày mồng bốn tháng Giêng. Trong các trò vui có tục Kéo Co giữa hai bên trai gái trong làng.

Kéo Co được thể hiện như sau:

Một cột trụ để ở giữa sân đình, có dây thừng buộc dài ra hai phía. Thanh niên nam, nữ trong làng, trai một bên, gái một bên, xúm năm lấy dây thừng để kéo. Một vị chức sắc hoặc bô lão trong làng cầm trịch ra lệnh cho đôi bên.

Nam nữ đều ra sức kéo, kéo sao cho cột trụ ngã về bên mình là thắng.

Đây là một sự ganh đua tận lực của đôi bên, bên nào cũng muốn được nên cuộc kéo co rất là gay go. Chẳng lẽ bên trai chịu thua bên gái sao? Bên gái cũng phải cố gắng, kéo mang tiếng bị bên trai bắt nạt?

Kéo Co phải kéo ba keo, bên nào thắng hai keo là bên ấy được.

Trong lúc đôi bên kéo co, dân làng và khách đi xem hội đứng ngoài cổ vũ. Họ như cùng chia sẻ sự cố gắng của đôi bên, nên họ reo hò khuyến khích bằng những tiếng đô ta, cổ lên.

Có năm trai thắng, có năm gái thắng, nhưng dù bên nào thắng thì cuộc vui cũng rất là vui, vui ở sự ganh đua, vui ở sự nỗ lực, vui ở những tiếng hò reo khuyến khích.

Làng Tích Sơn, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Yên (Vĩnh Phú) cũng có tục kéo co. Làng này mở hội vào ngày mồng ba tháng Giêng. Trong ngày hội, có nhiều tục lệ khác nhau ngoài tục kéo co.

Ở đây, kéo co được diễn ra giữa đàn ông với đàn ông.

Làng có hai giáp, thanh niên hai giáp kéo co với nhau trong ngày hội ở ngay bãi ruộng trước sân đình. Để kéo co, ở đây không có cột trụ và dây thừng, mà dân làng lại dùng một sợi dây song dài.

Lúc kéo co, kể từ giữa sợi dây, tráng đinh hai giáp xúm vào nắm hai đầu dây rồi cùng cố kéo cho đối phương ngã về phía mình. Số người của hai giáp không hạn chế, bên nào nhiều ít cũng được, cốt sao cho thắng cuộc thì thôi. Bởi vậy, nhiều khi có giáp thua cuộc đầu, cuộc thứ hai dân trong giáp tăng cường thêm tráng đinh, nên có thể thắng được hai cuộc sau.

Ở đây cũng kéo co ba keo, giáp nào thắng hai keo là thắng.

Người ta tin rằng những trai đinh dự cuộc kéo co đầu năm thắng cuộc, quanh năm sẽ được gặp nhiều điều may mắn.

Cuộc ganh đua giữa hai giáp trong làng do đó rất gay go và tráng đinh hai giáp đều hăng hái đem sức mạnh để kéo cho được đối phương. Cuộc kéo co ngoài các cụ và các quan viên trong làng chứng kiến còn có thiên hạ tới xem hội vây quanh.

Sau ba keo kéo co, dân làng đốt một bánh pháo để mừng bên thắng, và các em gái trong làng cũng không ngớt ngợi khen những chàng trai thắng cuộc!

Còn nhiều nơi khác có tục kéo co. Có nơi người ta không dùng cột trụ hoặc dây song, hoặc bất cứ một vật gì, người ta lấy tay người và lấy sức người trực tiếp kéo co. Hai người đứng đầu hai bên nắm lấy tay nhau, tay phải người nọ nắm tay trái người kia, còn các người sau ôm vào bụng người trước để kéo, bên nào kéo được đối phương về bên mình là được.

Đang giữa cuộc, một người ở bên nào bị đứt dây là thua bên kia, vì sức kéo bị giảm đi và chỗ dây đứt chưa kịp nối lại, nghĩa là người tuột tay chưa kịp ôm lại người đằng trước thì bên mình đã bị thua. Hai người đứng đầu gọi là hai người đầu dây, hai người này phải là hai người khỏe mạnh.

Trung bình tiên

Trung bình tiên là một cây gậy dài, khi sử dụng người chơi gậy đứng ở trung bình tấn, nghĩa là đứng giang hai chân đầu gối khụy xuống.

Đây là một cỗ tục, nhưng chính ra là một môn thể thao, khi chơi hai người đấu với nhau, rất được thanh niên đồng quê ưa chuộng.

Cây Trung bình tiên dài vào khoảng hơn hai thước, lúc đấu người ta gọi là đấu roi, có những miếng đánh miếng đỡ, nước tiến nước thoái để lựa địch thủ.

Thường tại các hội quê, khi có đấu trung bình tiên dân làng đều có treo giải đánh vật hoặc giải bơi thuyền hoặc như nhiều cuộc vui xuân khác vậy. Các võ sĩ dự cuộc đấu roi, vì giải thưởng thì ít, vì tinh thần thượng

võ, nhất là vì danh dự của từng lò roi thì nhiều. Hai tiếng lò roi để chỉ những tay chơi trung bình tiên xuất thân ở một xã nào, hoặc ở một nhóm nào, có người huấn luyện chỉ dẫn.

Đánh Trung bình tiên, đánh tay đôi, ai đánh trúng địch thủ vào những chỗ hiểm và đánh trúng nhiều được coi là thắng.

Trong cuộc đấu, chiếc gậy thường được bịt giẻ ở đầu để tránh sự nguy hiểm cho các đấu thủ. Đầu bịt giẻ được nhúng vào nước vôi trắng, để một khi địch thủ nào đánh trúng đối phương sẽ có dấu vết để lại. Vết vôi ở người mỗi địch thủ giúp cho ban giám khảo xét định hơn thua. Trận đấu gồm nhiều hợp và mỗi hợp tính theo những động tác của các đối thủ.

Chơi Trung bình tiên phải luyện tập rất công phu. Chân tay phải cứng cáp: mắt phải nhanh để lúc giao đấu thấy rõ những đòn của đối phương mà liệu biết đường tiến thoái, thấy rõ sơ hở mà tấn công cũng như nhận rõ những đòn mạnh mà tránh né.

Trung bình tiên được hầu hết thanh niên miền quê luyện tập nhưng thịnh hành nhất là ở các xã Ô Mỹ, Phúc Khánh, Đại Lai huyện Vũ Tiên, một số lớn các xã huyện Thư Trì, tỉnh Thái Bình, các xã thuộc phủ Vĩnh Tường và huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Yên (Vĩnh Phú).

Những cuộc đánh roi ngoạn mục và hào hứng của các tay roi danh tiếng, hàng năm thường diễn ra ở xã Ô Mỹ, huyện Vũ Tiên vào ngày mồng 6 tháng Giêng, trong ngày hội xã này.

Những người ưa chuộng môn đánh roi thường kéo nhau tới thưởng thức, hoặc những tay có nghề cũng cao hứng thử một vài đòn.

Tục truyền rằng thú đánh roi trung bình tiên này có từ đời Vạn Thắng Vương Đinh Bộ Lĩnh. Để luyện tập ba quân và để nhớ lại thời kỳ cờ lau tập trận của mình, vua Đinh Tiên Hoàng đã bắt ba quân phải luyện tập môn đánh roi.

Trung bình tiên gặp kỳ Xuân, giúp vui cho hội làng, nhưng đây cũng là một môn võ nghệ để thanh niên luyện tập võ hầu tự vệ lấy mình lúc cần, hoặc chống lại những bọn cướp vào phá xóm làng, hoặc gặp khi trong nước có loạn, ngày xưa, những thanh niên này đã sẵn có một môn võ khi sung vào quân ngũ.

Đánh vật

Tại các hội xuân hầu hết các tỉnh miền Bắc, nhất là mấy tỉnh Bắc Ninh, Vĩnh Yên, Nam Định, Hà Đông (Hà Bắc, Vĩnh Phú, Hà Nam Ninh, Hà Tây), thường có những cuộc đấu vật, đấu vật còn gọi là đánh vật, hay chọi vật.

Những làng có những tay vật danh tiếng là Chung Mầu tỉnh Bắc Ninh, Vị Thánh tỉnh Vĩnh Yên, Mai Động tỉnh Hà Đông, Thức Vụ và Lương Xá tỉnh Nam Định.

Nếu những môn chiến đấu hí khác với đầy tinh thần thượng võ của ta, có môn chỉ dùng để giải trí trong những ngày hội như kéo co, đánh phết thì đánh vật là môn chiến đấu hí dân ta luyện tập rất siêng năng để mua vui trong thời bình, và đem ứng dụng trong thời loạn, nhất là khi trong nước có ngoại tộc xâm lăng. Vật có thể gọi được là một môn thể thao, khi chơi phải dùng sức, nhưng cũng phải biết những thế vật gọi là miếng, do đó vật cũng lại chính là môn võ nghệ vậy.

Một tay đô vật tài giỏi, không phải chỉ cần khỏe, lại cần phải nhanh nhẹn để có thể thi thố được những miếng vật đối với đối phương.

Lệ vật, muốn thắng được đối phương hoặc phải vật cho đối phương ngã ngửa trong bụng hoặc đội bóng được đối phương lên.

Tại những hội quê như ở làng Hội Hợp huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Yên, mở hội vào các ngày 15 tháng Giêng, làng Mai Động tỉnh Hà Đông mở hội vào các ngày mồng bốn, năm và sáu tháng Giêng v.v..., là những làng có đô vật, thường bao giờ cũng có những giải vật. Vật có nhiều giải

phụ và ba giải chính. Những giải phụ gọi là giải hàng. Vật giải hàng, cứ hai đô vật vật nhau, người nào thắng thì được giải.

Những giải chính hàng năm đều có người giữ giải, người giữ giải tùy theo giải nhất, giải nhì, hoặc giải ba, phải giữ trong hết thời gian mở hội, nếu không có người thắng mới được lĩnh giải.

Thường những giải chính của các hội làng chỉ vật vào những ngày chính hội. Trong ngày chính hội này, nếu có nhiều người phá giải thì người giữ giải nhất nhì hoặc ba, sau khi vật thắng được một số đô vật tùy theo mỗi giải sẽ được tuyên bố trúng giải. Giữ giải nhất thì phải vật được ít nhất sáu đô vật khác, giải nhì phải vật được năm và giải ba vật được bốn.

Người phá giải, sau khi đã vật thắng người giữ giải, không phải là được giải ngay, mà còn phải vật ngã thêm một số đô vật khác. Phá giải nhất phải thắng thêm bốn người, giải nhì ba người và giải ba hai người.

Đô vật khi dự vật mình trần trụi và chỉ đóng một chiếc khố, khố xanh, đỏ, trắng hoặc nâu tùy ý, nhưng không ai đóng khố vàng, màu vàng là màu của nhà vua, màu cấm dân gian dùng.

Trước khi vật, hai đối thủ cùng nhau lên đài, múa tay co chân, đi đi lại lại rình miếng lẫn nhau. Sau một hồi lên đài họ xông vào ôm lấy nhau vật.

Trong lúc các đối thủ vật nhau có người phát cờ và đánh trống. Người đánh trống cầm một chiếc trống khẩu ghé vào tai các lực sĩ đánh ba tiếng một như để khuyến khích và thúc giục. Người phát cờ cầm cây cờ cán dài để ngăn cản người xem khỏi lấn sân vật, và phát cờ theo nhịp trống khi có người thắng cuộc để nâng giá trị của người thắng.

Đối với ba giải chính, phá xong mỗi giải, hoặc do người giữ giải đã vật đủ số người theo lệ đánh, hoặc do người phá giải đã toàn thắng, dân làng thường đốt một bánh pháo toàn hồng để mừng người được giải.

Lúc vật, đôi khi có những đô vật lỡ miếng, liền nằm bò sát đất, mặc cho đối phương vằn bốt, và đô vật chỉ nhồm dậy khi đối phương hở cơ.

Đánh vật có những miếng ngang, miếng đệm làm cho đối phương ngã xuống, lại có những miếng bốt để nhắc bóng đối phương lên.

Xem vật, khán giả thường hồi hộp như chính mình là lực sĩ, và các lực sĩ trước hàng trăm con mắt của người xem, ai nấy đều cố gắng khiến cuộc vật càng gay go.

Trước khi vào cuộc, các đô vật mình trần đóng khố ngồi xếp thành hai hàng ở hai bên sân vật, sân vật thường ở trước sân đình. Mỗi lần dự một cuộc vật, họ thường hướng về phía đình làm lễ theo tục lệ.

Tục truyền rằng, bà Lê Chân nữ tướng tiên phong của Hai Bà Trưng, xưa kia đã dùng môn vật trong những cuộc thi binh tuyển tướng. Cũng vì vậy, nên làng Mai Động mỗi khi mở hội là có các cuộc thi vật, chính là dân làng muốn ghi nhớ lại kỷ niệm của bà Lê Chân thuở trước.

Về đánh vật, không bỏ qua được tục đánh vật ở làng Sinh, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên. Làng mở hội vào ngày 10 tháng Giêng âm lịch. Trong ngày hội có tục đấu vật. Theo dân làng kể lại thì ngày đấu vật, trước đây, làng sắm hai cỗ áo quan đặt hai bên đấu trường. Cuộc đấu vật thật là kinh khủng, kết cục cuộc đấu thể nào cũng có người chết, dân làng gọi là chết để cúng Thành hoàng. Quan trên nhiều lần cấm lệ vật tàn nhẫn này nhưng không được, mãi về sau dưới thời Pháp thuộc tục vật sát nhân mới dần được dân làng tự phá lệ bỏ đi.

Đá cầu

Cầu là một môn du hí có tính cách ganh đua, và bắt người tham dự phải luôn luôn cố gắng. Chơi cầu có hai loại, loại cầu lớn đá lên cho cao, và loại cầu nhỏ đá cho lâu và được nhiều lần không rớt xuống đất.

Cầu lớn, người xưa dùng một đồng tiền lớn hoặc một mảnh kim khí cắt tròn đường kính vào cỡ hai đốt ngón tay bọc vải, có khi lót thêm một vài lượt vải hoặc bông. Cần khâu kỹ và có hai chiếc lông gà lớn cắm vào giữa. Người chơi tung cầu rồi đá sao cho lên thật cao, càng lên cao bao nhiêu càng thành công chừng ấy.

Loại cầu nhỏ hoặc khâu bằng một đồng tiền nhỏ và có một hai chiếc lông gà nhỏ cắm vào giữa làm ngọn cầu, hoặc chỉ làm bằng một mảnh đồng tiền kẽm bọc và một mảnh giấy mỏng, hai đầu mảnh giấy vuốt đứng lên thành ngọn cầu.

Cầu nhỏ này, lúc chơi đá sao cho được nhiều lần, càng được nhiều lần càng hay.

Chơi cầu dù đá cao hay đá nhiều lần cũng thường chơi từ hai người trở lên để có sự ganh đua. Thanh niên vùng quê thường lấy chơi cầu làm một thú giải trí, thú giải trí vừa luyện tập sự nhanh nhẹn của chân lại bồi dưỡng tinh thần cố gắng của người chơi.

Về chơi cầu, sử có nhắc lại một buổi chơi cầu trên Hồ Tây được vua Lê chúa Trịnh cùng thưởng lãm vào một đêm rằm tháng tám.

Hồi đó, họ Trịnh vừa bình xong nhà Mạc. Trịnh Tạc muốn tỏ cho vua Lê biết binh quyền của mình mạnh, năm Vĩnh Hựu thứ 7, Trịnh Tạc cho tổ chức một cuộc duyệt thủy binh tại Hồ Tây vào hôm Trung Thu.

Ban ngày, binh thuyền diễn tập, ban tối có cuộc thưởng trăng.

Trong buổi duyệt binh cũng như trong cuộc thưởng trăng, Trịnh Tạc nhân danh Tiết chế nguyên soái các đạo quân thủy lục mời vua Lê tới ngự duyệt.

Vua Lê Thần Tông tuy ra chơi hồ Tây nhưng chỉ vui gượng vì xưa nay vẫn bị Trịnh Tạc lấn quyền áp bức. Không dự e họ Trịnh nghi ngờ sinh bất trắc, bởi vậy nhà vua đã phải tham dự suốt buổi và sau cuộc duyệt binh đã phải ngợi khen để lấy lòng Trịnh Tạc.

Vua ngự thuyền rồng, tứ vi có đèn lồng thả sáng. Yến tiệc bày ở giữa có thể nữ ca hát.

Trong hàng các quan tham dự có Đỗ Như Chươg, một bày tôi tâm phúc của Trịnh Tạc là người đá cầu rất giỏi, có thể đứng một chân, còn một

chân đá một lúc mấy nghìn quả.

Giữa cuộc vui, Như Chương tâu xin vua, chúa cho được đem chút tài mọn để mua vui.

Vua chúa đều bằng lòng.

Đỗ Như Chương bắt đầu đá chúc thọ vua Lê. Ông đá được hàng nghìn chưa rớt.

Vua Lê khen nói:

- Giỏi thật! Nhưng thôi, chúc thọ cho trăm hàng ngàn tuổi cũng đã sống lâu quá rồi, còn mong sống mãi để ăn hại của đời hay sao!

Như Chương dừng lại cúi đầu tạ ơn nhà vua rồi lại xin đá chúc thọ chúa Trịnh.

Lạ thay! Lần này chỉ đá được hơn 10 lần đã rơi.

Chúa Trịnh căm giận lắm, sau đó đã cắt chức Đỗ Như Chương đuổi về.

Nhắc lại câu chuyện trên, chúng tôi muốn để bạn đọc thấy rằng, đá cầu không phải là một thú vui bình dân, mà đây là một cỗ tục đã từng được các bậc vương giả chú ý.

Chơi cầu không có sự chen lấn xô sát. Nhưng ở đây sự ganh đua đã thể hiện trong tinh thần cố gắng để vượt đối phương đá cho cao và đá cho lâu được nhiều lần.

Đánh phết

Nói đến vật, một môn du hí có từ thời Hai Bà không thể không nói tới đánh phết, cũng là một môn du hí xuất hiện đồng thời với đánh vật. Môn du hí này, Hai Bà dùng cho quân sĩ luyện tập, vừa để giải trí vừa để gây thêm tinh thần hăng hái cho ba quân.

Khi đánh đuổi quân Tô Định, Hai Bà có những đoàn nữ binh can đảm và anh hùng không kém những đội binh phái khỏe. Trong những ngày thao luyện, các đoàn nữ binh có một môn du hí đặc biệt vừa âm ỹ vừa phấn chấn tinh thần chiến đấu của mọi người, đó là đánh phết.

Ai đã có dịp xem các đội khúc côn cầu biểu diễn, có thể tưởng tượng đến đánh phết một cách dễ dàng, vì môn đánh phết cũng tương tự như môn thể thao khúc côn cầu, có điều chơi đánh phết khỏe mạnh hơn, ồ ạt hơn. Quả phết bằng gỗ tròn và to bằng một chiếc bong bóng trâu thổi phồng và nặng vừa sức chơi.

Để đánh phết, phải dùng những gốc tre đực đào cả củ, đánh bỏ hết rễ đi. Mỗi gốc tre dài vào khoảng một thước ngày nay và củ tre uốn khoằm khoằm. Người chơi phết phải có sức mang nổi chiếc gậy gốc tre, dùng những gậy đó phang vào quả phết bằng đầu có củ tre. Quả phết lăn theo sức gậy, và cũng có khi bị củ tre móc kéo đi.

Những người đánh phết chia làm hai bên, nhiều ít tùy theo số người dự cuộc. Phết chơi trên một khu đất rộng, gọi là sân phết, phân làm hai phần, mỗi phần về phía cuối sân có vẽ vôi một vòng tròn hoặc đào một hố có thể lọt quả phết xuống.

Đánh phết, người bên nọ dồn phết về phía bên kia, bao giờ quả phết lăn vào cái vòng tròn hoặc cái hố của bên kia là thắng. Trong khi chơi, phải liệu tránh những đòn phang rất mạnh của phía địch vào quả phết, lại phải khéo léo đưa hoặc kéo quả phết về phía sân địch.

Vừa đánh phết vừa tha hồ hò reo cười nói đề cuộc vui càng hoạt động.

Xưa kia, tương truyền rằng mỗi khi nữ binh chơi phết, Hai Bà Trưng thường ngự làm và thường treo giải cho bên nào thắng.

Khi Hai Bà thua quân tự vận, các tướng của Hai Bà, nam cũng như nữ đều chết theo để toàn trung. Tướng Cao Nguyên sau khi tử tiết, xác trôi về hạt Vĩnh Tường ở Phong Châu, được làng Thượng Lạp vớt lên lập đền thờ.

Để ghi nhớ thời kỳ oanh liệt của Hai Bà Trưng, những làng có đền thờ các vị danh tướng thời ấy đều có giữ lại tục đánh phết và nhiều làng không thờ những danh thần ấy cũng có cái môn thú vị này.

Ngày xưa chơi phết toàn đàn bà con gái, nhưng về sau này dưới thời Pháp thuộc, tại nhiều làng như các làng Bích Đại, Thượng Lạp... làng cắt trai tráng đóng giả nữ binh để chơi phết trong ngày hội.

Chơi phết rất vui, đúng với Vui ra phết. Trong ngày hội, phết chơi ở trước sân đình. Chính giữa sân phết, có một vòng tròn là nơi để quả phết trước cuộc vui.

Quật bò

Đây là một cỗ tục hết sức tàn bạo, nhưng cũng là một tục thật kỳ lạ. Tục này xuất hiện tại làng Tích Sơn, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Yên, hàng năm mở hội vào ngày mồng ba tháng Giêng.

Làng này thờ một ông thần ăn cướp bị giết chết. Tục Quật Bò như nhắc lại tính hay gây sự của vị thần, và nhất là một điểm mê tín của hạng người đi buôn không vốn.[1]

Quật bò không có nghĩa là cầm roi quật vào con bò, chính nghĩa là quật cho người ta ngã nằm bò.

Làng Tích Sơn nằm ven quốc lộ Hà Nội đi Hà Giang, và hội Xuân được tổ chức tại đình làng, nằm ngay bên hữu quốc lộ cách tỉnh lỵ Vĩnh Yên độ mấy trăm thước.

Suốt buổi sáng hôm mồng bốn, dân làng làm lễ tại đình, và tổ chức các trò vui ngay trước cửa đình. Và cũng ở nơi đây thực hiện cỗ tục quật bò.

Trong lúc dân làng hành lễ, khách thập phương phải đứng ra hai bên khu ruộng trước sân đình, không ai được đứng ở phía trước đình, nơi ngai thần trông ra. Dân làng họ kiêng như vậy, cho rằng khi có người đứng ở phía trước mặt ngai thần, Thành hoàng ngài sẽ giận nếu dân chúng

không có phản ứng và như vậy trong suốt năm, dân làng có thể gặp những sự không may. Phải chăng thần linh ngài có mặc cảm, sợ người thập phương nhìn ngay vào trước mặt đình sẽ tưởng tượng được tới tiền thân của ngài, hay vì ngài sợ chạm vía như lúc sinh thời mỗi khi ra đi hành nghề.

Bởi vậy, trong suốt buổi lễ, không may có ai xa xôi mới tới không biết tục làng, vô ý đứng nhằm phía trước cửa đình sẽ bị thanh niên trong làng xông tới quật ngã cho đến nằm bò xuống đất. Khách chống lại, thanh niên trong làng sẽ xô nhau vào quật bằng được cho khách ngã. Khi ngã, nếu khách không biết lại đứng ngay lên ở trước cửa đình, khách liền lại bị quật bò xuống. Bị quật ngã như vậy, khách có bị thương, dân làng cũng không cần biết đến. Khách đã bị quật bò chỉ có cách lăn ra mé bên cạnh, không trông thẳng vào đình, mới đứng lên, sẽ không bị quật bò tiếp. Những nhà nhiếp ảnh tới chụp ảnh những cuộc vui của dân làng trong ngày hội cũng bị thanh niên trong làng quật bò.

Năm 1938, chính kẻ viết những dòng này đã được mục kích một cảnh quật bò trông thật đáng sợ. Một ông thợ ảnh ở tỉnh lỵ Vĩnh Yên, mang máy ảnh tới chụp ảnh một cỗ tục ở xã này trong ngày hội đã bị quật bò đứng lên nằm xuống, và máy ảnh đã bị phá hỏng, quần áo xộc xệch tơi bời, mặt mày sưng tím. Ông không dám kháng sự, chỉ đành ôm máy hỏng và thân hình lồi thối lếch thếch ra về.

Với cỗ tục này, dân xã Tích Sơn quả đã thích chiến đấu để bảo vệ tục làng, tuy tính cách chiến đấu hơi tàn nhẫn, nhất là những kẻ đối thủ lại ở trong thế cô. Nhưng xin thưa đây là lệ làng!

Đánh bệt

Tục đánh bệt cũng là một tục tàn bạo, nhưng chiến đấu tính ở đây đã được bộc lộ rất rõ rệt. Tục này ở Kẻ Nôi, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên (Hải Hưng).

Thành hoàng làng này, nguyên trước làm nghề hành khất chết gập giò linh, được dân làng này thờ phụng.

Hàng năm vào tháng Giêng, rất tiếc chúng tôi không nhớ rõ ngày nào, có mở hội. Có tế lễ, có rước xách, có đủ các trò vui, nhưng ngoài những trò vui thông thường, dân làng hàng năm còn chọn một số thanh niên khỏe mạnh ăn mặc như hành khất để đi vào các làng lân cận ăn xin. Những thanh niên được lựa chọn tự cho đó là một điều vinh dự vì được gánh vác việc làng. Dân làng chỉ cử những người khỏe mạnh và biết đôi chút võ nghệ, vì những người này khi vào các làng lân cận, đều bị dân chúng những làng này ngăn cản, giữ không cho vào. Người ta tin rằng, nếu để người Kẻ Nôi ăn mặc hành khất vào lọt trong làng, quanh năm toàn dân xã sẽ làm ăn lân cận. Những thanh niên Kẻ Nôi được lựa chọn làm hành khất trong ngày lễ thần đầu năm phải tìm cách làm sao vào cho lọt được một làng, có như thế, chính bản thân thanh niên đó và dân Kẻ Nôi mới được may mắn quanh năm.

Một bên giữ không cho vào làng, một bên cố tìm cách vào, tất nhiên phải có xô xát, dân làng muốn ngăn cản người thanh niên hành khất không cho vào làng phải dùng võ lực, trái lại người thanh niên hành khất phải đỡ đòn để tìm cách vào cho được trong làng.

Cuộc xô xát này gọi là đánh bệt, vì dân các xã lân cận Kẻ Nôi sẽ dùng mọi ngón đòn, đánh sao cho ngã thanh niên hành khất, đánh cho đến bị thương phải nằm bệt một chỗ, không thể tìm cách vào lọt làng họ được.

Có nhiều thanh niên Kẻ Nôi hàng năm bị thương nặng trong những cuộc đánh bệt này. Các nhà chức trách đã tìm cách cấm đoán, nhưng lệ dân, lệ làng, cấm đoán sao cho nổi. Dân làng Nôi cần phải có người đi hành khất trong ngày hội; những làng lân cận không muốn cho hành khất làng Nôi vào làng mình trong dịp này. Phải đánh bệt.

Cướp cầu

Làng Yên Xá gọi tắt là làng Yên, huyện Võ Giàng, tỉnh Bắc Ninh (Hà Bắc), ở kế ngay bên tỉnh lỵ mé cổng Hậu thành, hàng năm mở hội mừng xuân trong ba ngày từ mồng 10 đến hết ngày 12 tháng Giêng.

Thành hoàng làng này gồm ba mẹ con một người hành khất.

Theo thần tích thì có ba mẹ con người hành khất tới làng Yên, bà mẹ trạc gần ba mươi tuổi còn hai đứa con vào khoảng lên tám, lên chín.

Ba mẹ con xin được năm cơm. Bà mẹ tuy đói nhưng nhường cho hai con ăn. Hai đứa trẻ tranh nhau ăn, rồi thằng anh đá chết thằng em. Em chết gặp giờ linh, báo mộng cho dân làng, được dân làng lập đền thờ thiêng lắm, ai cầu gì được nấy.

Dân làng được giúp đỡ phù hộ rất nhiều. Thờ người em về sau dân làng thờ luôn cả người mẹ lẫn người anh.

Trong mấy ngày hội Xuân ở làng Yên có nhiều thú vui và cổ tục, nhưng đặc biệt hơn cả là tục Cướp Cầu, tục này tuy là để nhắc lại sự tích hai anh em con người hành khất tranh nhau năm cơm, nhưng mang rất nhiều chiến đấu tính, diễn lại tích cũ nhưng trong sự diễn lại này, tục lệ đã đồng thời nuôi dưỡng tinh thần thượng võ cổ hữu của dân Việt Nam.

Quả cầu tượng trưng cho năm cơm, làm bằng vải, to bằng quả bưởi có kết giải nhiều điều.

Hội mở trong ba ngày, nhưng chính hội là ngày 12 tháng Giêng. Hôm ấy có đám rước từ đền thờ ra đình. Trên kiệu rước có để quả cầu kết giải nhiều điều nói trên. Cầu đã được dân làng chỉ định người may sẵn từ trước.

Đám rước tới đình, dân làng làm lễ tế cầu, sau đó cuộc CƯỚP CẦU được tổ chức.

Làng Yên Xá có hai giáp, hàng năm hai giáp vẫn tranh nhau cướp lấy quả cầu. Trong ngày Cướp Cầu hai giáp đều kén những trai tráng khỏe mạnh nhất giáp để tranh làm sao cho được quả cầu. Những chàng trai này cởi trần tròng trục và mỗi người chỉ mang một chiếc khố nhiều điều trông rất lực lưỡng và đẹp.

Trai tráng hai giáp đứng về hai mé sân đình. Ở mỗi mé sân đều có sẵn một chiếc hố, lớn hơn quả cầu một chút.

Lễ tế cầu chấm dứt, ông chủ tế bưng quả cầu xuống rồi tung ra sân đình cho trai tráng hai phe tranh nhau cướp.

Khi quả cầu tung ra, nhiều chàng trai hăng hái xô nhau để cướp cho bằng được quả cầu. Dân làng thuộc hai giáp đứng ở bên ngoài hò reo cổ vũ.

Cuộc cướp cầu rất gay go. Người này vừa nhặt được quả cầu, người khác đã cướp mất. Họ giằng đi, cướp lại quả cầu. Cuộc cướp cầu có năm kéo dài tới bốn năm giờ chiều mới kết liễu.

Phe nào cướp được quả cầu phải mang bỏ vào chiếc hố. Một chàng trai ôm quả cầu chạy, còn những chàng trai khác trong hàng giáp ngăn cản không cho những chàng trai giáp kia xông tới giật lại quả cầu. Trai mỗi giáp phải có lối chơi toàn đội, và phải hỗ trợ lẫn cho nhau. Quả cầu phải bỏ được vào chiếc hố phía sân đình bên mình mới kể là kết thúc. Quả cầu chưa bỏ được vào hố, đối phương vẫn có quyền giằng đi cướp lại.

Quả cầu bỏ được vào hố rồi, cuộc cướp cầu chấm dứt. Bên cướp được quả cầu lại mang quả cầu vào đình lễ cho đến nửa đêm mới xong.

Người làng Yên tin rằng, giáp nào cướp được quả cầu trong năm đó, giáp ấy sẽ làm ăn phát đạt quanh năm.

Hội làng Yên Xá rất vui. Ai đã một lần chứng kiến cướp cầu tất không bao giờ quên, dù người đó sau này có chứng kiến những cuộc chơi bóng rổ, những cuộc đấu bóng bầu dục cũng ồn ào tranh cướp và đầy tinh thần thượng võ như tục cướp cầu ở làng Yên.

Cờ lau tập trận

Học Việt Sử, chúng ta đã biết lúc nhỏ tuổi, vua Đinh Tiên Hoàng đi chăn trâu và thường cùng chúng bạn dùng cờ lau tập trận và kéo nhau đánh nhau với kẻ chăn trâu các xã lân cận.

Ngày nay, tại làng Trường Yên, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình (Hà Nam Ninh), nơi có đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng, hàng năm trong ngày

hội vẫn diễn lại tích CỜ LAU TẬP TRẬN.

Hội làng mở từ ngày 15 đến 20 tháng Hai âm lịch, và vùng này có câu ca dao:

Ai là con cháu Rồng Tiên,

Tháng hai mở hội Trường Yên thì về!

Về thăm đất cũ Đinh, Lê,

Non xanh nước biếc bốn bề như xưa.

Trong ngày hội, ngoài các trò vui khác, có trò vui chính là cờ lau tập trận, và trò vui này đồng thời nhắc lại một giai đoạn lịch sử nước nhà, đã biểu lộ chiến đấu tính trong khi các trẻ tham dự cùng đánh nhau như vua Đinh và các bạn chăn trâu thuở xưa.

Cuộc diễn trận do các trẻ em trong làng và hàng tổng đảm trách dưới sự chỉ dẫn của ban tổ chức ngày hội. Các trẻ em chia làm hai phe, một bên đóng vua Đinh Tiên Hoàng cùng chúng bạn, còn một bên đóng trẻ chăn trâu các làng lân cận.

Trong cuộc diễn trận này, khán giả luôn luôn thấy cậu bé đóng vai Đinh Bộ Lĩnh hăng hái xông pha chiến đấu cùng chúng bạn để đánh đuổi lũ mục đồng đối phương. Chiến cuộc thắng lợi, cậu Đinh Bộ Lĩnh được chúng bạn làm kiệu công kênh giữa những cờ quạt sặc sỡ bằng lá cây hoặc kết bằng rơm rạ. Các bạn che tàn, che lọng cho cậu, rước cậu đi giữa rừng cờ lau. Bài ca vua Đinh Bộ Lĩnh thường hát thuở xưa cùng chúng bạn được nhắc lại:

Cây cỏ ấy nước non này,

Nước non quanh quất, cỏ cây xanh rì.

Rừng hoang cỏ rậm để chi,

Phen này ta quyết dọn đi cho rồi.

Này này chúng bạn ta ơi!

Cuộc diễn tiến cờ lau tập trận năm nào cũng kết thúc ngày hội, giữa sự nô nức của mọi người, giữa tinh thần phấn khởi của dân làng, nói lên lòng tôn sùng đối với vị anh hùng quốc gia dân tộc.

Tranh nhau cây mộc tất

Đây là của làng Long Khám; huyện Tiên Du tỉnh Bắc Ninh (Hà Bắc). Thành hoàng là ông Lý Phủ Quan, một tướng tài nhà Tiền Lý, đánh dẹp được giặc Nam Man, phá đồn giặc, lập được công lớn, sau được phong thần và dân lập miếu thờ.

Hàng năm làng này mở hội vào đám từ mồng 7 đến rằm hoặc 28 tháng Tám âm lịch tùy theo mùa màng phong tục hay thất thu của năm.

Trong đêm hôm rã đám, làng này có tục tranh nhau cây MỘC TẮT. Đêm hôm đó có buổi tế sau cùng, sau buổi tế là một tiệc lớn, dân làng ăn uống say sưa. Tiệc tùng xong, ông chủ tế cùng các cụ trong làng từ năm mươi tuổi trở lên cử hành tục tranh nhau cây mộc tất. Tất cả đều cởi trần tròng trọc và chỉ đóng một chiếc khố màu trông rất hùng dũng.

Một hồi trống lớn điểm lên. Dứt tiếng trống, vị chủ tế vào đình lấy ra cây mộc tất, một khúc gỗ lớn[2], ném xuống giữa đình. Mọi người vỗ tay, cùng reo to: cướp cướp! Rồi cùng nhảy xông vào cướp lấy khúc gỗ, chuyền nhau mang từ trong đình ra ngoài đồng, vừa chạy vừa la hét và trong khi đó, tiếng trống làng vang lên như trống trận. Cuộc tranh cướp truyền nhau cây mộc tất tiếp tục từ nửa đêm đến tang tảng sáng, mọi người mới về nhà nghỉ ngơi.

Đến cuối giờ ty, một kỳ mục ra đình mang cây mộc tất về đem rửa trong ao rồi đem cất vào đình.

Theo dân xã Long Khám thì tục tranh cướp cây mộc tất nhắc lại sự tích thần phá đồn giặc Man ở Đại Lịch.

Cướp bị gậy

Thành hoàng làng Xuân Ái, huyện Võ Giàng, tỉnh Bắc Ninh (Hà Bắc), cũng làm nghề hành khất như Thành hoàng làng Yên Xá cùng huyện đã nói ở trên. Làng này hàng năm mở hội hai lần, về mùa xuân vào ngày 12 tháng Giêng và về mùa thu từ mồng 10 đến 15 tháng Tám.

Về mùa xuân, hội làng có Hát Quan họ, thi dệt vải, về mùa Thu, hội làng ngoài các cuộc rước xách tế lễ có tục CUỚP BỊ GẬY vào đêm rã đám. Bị làm bằng cối chiếu[3], còn gậy làm bằng gỗ và sơn đỏ. Bị gậy tượng trưng cho nghề hành khất của vị Thành hoàng.

Đêm hôm rã đám, dân làng tề tựu cả ở sân đình để dự cuộc tế thần. Tế xong, một hồi trống nổi lên. Dứt tiếng trống, ông chủ tế hạ bị gậy từ bàn thờ xuống và vụt ra sân đình.

Lập tức dân làng xô nhau vào cướp, mạnh ai nấy chen nhau và cố giằng cho được chiếc bị hoặc chiếc gậy. Một người cướp được, năm bảy người khác kéo lại, cuộc tranh cướp xô xát rất lâu. Dân làng ai cũng hăng hái, khiến cho chiếc bị bị giăng co, rách làm nhiều mảnh. Mỗi người cố cướp cố giật làm sao cho được một mảnh của chiếc bị, giật được là chạy thẳng về nhà cất kỹ, xem là một báu vật. Họ tin rằng, chỉ được một mảnh chiếc bị thôi cũng đã khước lăm rồi, mảnh bị này có phép nhiệm màu trị được bệnh tật và giúp đỡ gia đình người lưu giữ làm ăn phát đạt. Và chiếc gậy cũng vậy, cũng có phép màu nhiệm như những mảnh của chiếc bị.

Dân làng Xuân Ái, tục gọi là làng Sói, tin rằng nếu hàng năm không tổ chức cuộc cướp bị gậy trong làng sẽ có sự bất yên.

Tục đấm nhau

Tục này thuộc thôn Thượng xã Duyên Tục, phủ Tiên Hưng tỉnh Thái Bình. Thôn này thờ vị Thành hoàng tục gọi là Thần Đấm. Thần Đấm xưa

kia là một chú chích bị người ta bắt được và đánh chết, gắp giờ linh nên được dân thôn Thượng lập đền thờ.

Hàng năm khi thôn vào đám, đêm rã đám dân thôn có tục Đấm Nhau. Đêm đó, dân thôn, già trẻ, trai gái tụ họp đông đủ tại đình, trước là để xem tế rã đám, sau là để cử hành hèm của vị Thành hoàng.

Cuộc tế thần xong, đèn nến trong đình đều tắt hết, mọi người dấm lẫn nhau.

Đây là một cuộc chiến đấu thực sự giữa dân làng với nhau. Mạnh ai nấy dấm, mạnh ai nấy đỡ, già dấm trẻ, trẻ dấm già, nam nữ dấm lẫn nhau. Đấm nhau một hồi, đèn nến lại thắp lên, mọi người kéo nhau ra về, thản nhiên như không hề xảy ra chuyện gì tuy có người sưng mặt bầm đầu.[4]

Hai xã đánh nhau

Đây là hai xã Sài Sơn, tỉnh Sơn Tây (Hà Bắc) và xã Thụy Khuê ở ngoại ô Hà Nội. Thành hoàng hai xã này lúc sinh thời vốn thù hằn nhau, nên hằng năm hai làng này phải có đánh nhau trong dịp hội Xuân thì cả hai làng mới bình yên và làm ăn thịnh vượng được.

Hằng năm vào ngày mồng 6 tháng Giêng, hèm chung của hai làng được cử hành như sau:

Trai tráng hai xã tụ tập ở ranh giới chung với gậy tay, gạch đá; đôi bên khiêu khích nhạo báng nhau, có khi gọi nhau mà chửi, rồi cuối cùng hai bên dùng gậy gộc đánh nhau thật sự đến có người bị thương. Họ đánh nhau một trận kịch liệt, đôi bên mới kéo nhau ra về. Và ngày hôm sau, dân hai làng gặp nhau lại tử tế với nhau như không có sự gì xảy ra. Hai làng lại kết thân với nhau như cũ!

Chiến đấu tính thật đã hoàn toàn bộc lộ trong cổ tục này cũng như trong cổ tục giữa bốn làng Thượng Ốc, Yên Lũng, Vân Lũng và Yên Thọ trình bày dưới đây.

Ba xã đánh một

Về tục này, ông Lê Văn Hào viết:

"Thần tích các xã này không rõ ra sao chỉ biết mỗi năm có tục cổ đánh nhau như sau:

"Ngày mồng bốn tháng Giêng, trai gái, già trẻ ba xã Yên Lũng, Vân Lũng, Yên Thọ kéo nhau đến đầu xã Thượng Ốc khiêu khích và chửi rủa những bô lão ba thôn trong xã ấy là thôn Yên Hạ, thôn Ngự Cầu và thôn Đào Nguyên; người ba thôn đều nhịn. Hôm sau, ngày 5 vào khoảng 11 giờ trưa, dân ba xã lại đến, thấy có cây cỏ rau đậu thì bứt nhổ, phá phách người ba thôn vẫn im nhịn. Hôm sau, ngày 6 dân ba xã lại đến chặt cây phá luỹ tre của xã Thượng Ốc, người của ba thôn trong xã cũng vẫn nhịn. Hôm sau, ngày 7 dân ba xã lại đến kêu tên họ những người kỳ mục của ba thôn mà chửi, dân ba thôn cũng vẫn nhịn, nhưng đến ngày 8 tháng Giêng, dân ba xã kia gọi đến tên hiệu Thành hoàng của xã Thượng Ốc để chửi. Người ba thôn không nhịn nữa xông ra đánh nhau kịch liệt với dân ba xã kia. Sau đó ai trở về xã nấy, không mang thù oán, không kiện tụng. Khẩu truyền cho rằng không cử hành nghi thức chiến đấu này thì dân bốn xã không được yên ổn phát đạt.

"Mấy xã Yên Lũng, Vân Lũng, Phú Lũng, Ngãi Cầu (Hà Đông) (Hà Tây) cũng có tục cổ ba xã đánh nhau với một xã tương tự như trên."

Trai gái hát đối đáp rồi đánh nhau

Trai gái thanh niên xã Bồng Trưng, phủ Vĩnh Lộc tỉnh Thanh Hóa có tục hát trống quân với nhau đêm trung thu. Đêm đó, tất cả già trẻ trai gái trong làng đều tụ họp ở đầu thôn xóm cùng ngắm trăng. Trai gái chia làm hai phường nam nữ ngồi hai bên, ở giữa có chiếc trống đất, cũng được dân làng gọi là trống quân; hai bên hát đối đáp với nhau.

Cuộc hát bắt đầu bằng những câu lịch sự, rồi chuyển sang những câu vui đùa. Hai bên vui cười, qua lời ca tiếng hát nhưng dần về sau, từ vui đùa, những câu hát chuyển sang khích bác, và lời ca của đôi bên biến thành

một cuộc đấu khẩu kịch liệt. Nam nữ như bất bình thù hận nhau. Sau cùng những câu hát là những câu xỏ xiên chửi nhau thực sự, gọi nhau bằng những danh từ thực xấu xa, gọi nhau là chó má.

Đến đây cuộc hát bỗng ngừng, đôi bên xông vào đánh nhau, đánh nhau thực sự, đánh nhau như kẻ thù. Cha anh của đôi bên cũng nhảy vào đánh hôi với các con em. Thế là bọn ngấm trắng lúc trước chia thành hai tốp, dùng cả gậy gộc, sỏi đá đánh nhau. Mỗi tốp có một người cầm đầu cổ võ và đốc chiến bằng cách đánh những hồi trống đất. Tiếng trống như thúc giục, cuộc chiến đấu của hai tốp càng dữ dội.

Trong lúc đôi bên xáp chiến đánh giáp lá cà như vậy, các cụ già chỉ đứng xem, hoặc nếu có người bị thương, các cụ già dìu về nhà an ủi.

Hai tốp đánh nhau cho đến thật khuya, vào khoảng nửa đêm về sáng mới giải tán. Sáng hôm sau, hai bên đi thăm nhau, hỏi han và xin lỗi và không bao giờ ai thù oán ai, ai kiện tụng ai. Cuộc sống giữa những người đã ẩu đả với nhau như không hề xảy ra chuyện gì.

Tục truyền lại, nếu dân làng không có những cuộc đánh nhau như vậy, trong xã sẽ bất an.

Cướp đầu pháo

Đây là một cổ tục rất hào hứng ở vùng thượng du Bắc Việt, sự hào hứng này chứa đựng trong chiến đấu tính của thú vui.

Ai đã có dịp đi qua các tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng, Bắc Cạn, Thái Nguyên... trong những dịp đầu xuân tất đã hiểu thế nào là hội ĐÀU PHÁO và tục CUỚP ĐẦU PHÁO.

Đầu pháo tức là đầu một quả pháo, nhưng chiếc đầu pháo này khác với những đầu pháo khác là có một chiếc vòng sắt quấn chung quanh và chiếc vòng sắt này đã được trang điểm cho xứng với ngày xuân bằng rua ngũ sắc, tạo nên bởi chỉ và vải hoặc những giấy dất trang kim rất nổi.

Quả pháo có quần chiếc vòng sắt này là một quả pháo lớn, đường kính ít nhất cũng phải 10 phân tây.

Tại Lạng Sơn, hội Đầu Pháo thường tổ chức ở Kỳ Lừa vào ngày mồng chín tháng Giêng âm lịch và ở Đồng Mỏ thuộc Châu Ôn vào một ngày thượng tuần tháng Giêng, chúng tôi rất tiếc không nhớ rõ đúng ngày nào.

Tại Cao Bằng hội Đầu Pháo vẫn tổ chức tại Đình Chợ, sở tại châu Quảng Uyên, cách tỉnh lỵ 35 cây số về phía Bắc vào ngày mồng hai tháng hai âm lịch. Hội ở đây tổ chức rất linh đình long trọng. Và hội cũng có tổ chức ở Nước Hai phủ Hoà An vào ngày mồng tám tháng Giêng mỗi năm. Tại xã Phục Hòa, phủ Trùng Khánh cũng có hội Đầu Pháo vào ngày rằm tháng Giêng, Phục Hòa cách phủ Trùng Khánh vào khoảng 6 cây số. Ở Cánh Linh, cách Phục Hòa 8 cây số hàng năm dân làng cũng mở hội Đầu Pháo vào ngày 15 tháng Giêng. Và còn nhiều nơi nữa, như ở Chợ Chu, tỉnh Thái Nguyên, hội tổ chức vào tháng Năm âm lịch hoặc nơi khác ở mấy tỉnh trên vào các ngày khác nhau.

Trong các hội Đầu Pháo chúng tôi được biết, chỉ có hội ở Kỳ Lừa tỉnh Lạng Sơn và hội ở Đình Chợ, châu Quảng Uyên tỉnh Cao Bằng là tổ chức rầm rộ hơn cả.

Kỳ Lừa ở bên sông Kỳ Cùng đối diện với Lạng Sơn, nơi đây có chợ Kỳ Lừa, tựa ven một hòn núi to lắm. Đình Chợ ở ngay châu lỵ Quảng Uyên. Tại nơi đây núi đá chi chít, chỉ có một khoảng đất ở sau Đình Chợ là rộng rãi.

Ngày hội ở Đình Chợ vui vẻ rầm rộ. Trai gái ở các nơi kéo tới rất đông. Họ từ Nước Hai lại, họ từ Trùng Khánh tới, họ ở Cao Bằng lên. Trong tháng Giêng họ đã dự nhiều hội Đầu Pháo các nơi rồi, trong tháng Hai chỉ có ở Quảng Uyên là to nhất, họ không thể bỏ qua được.

Quảng Uyên đất tuy hẹp nhưng khách tới dự hội đã được dân sở tại chia nhau đón tiếp. Tinh thần hiếu khách ở đây thật là hiếm có, ai cũng muốn đón khách về nhà, và người ta cho rằng đầu năm đón được khách xa lạ về nhà và thết đãi khách lịch sự, là một điều may mắn cho suốt năm. Nhà

có đàn bà con gái, người ta mong được tiếp đãi khách đàn ông con trai, còn nhà có đàn ông con trai, người ta lại lấy làm hân hạnh được tiếp khách đàn bà con gái.

Ngày hội, Pháo được đốt trên một đài cao, cao từ 5 đến 10 thước. Ngoài chiếc Pháo lớn có vòng đầu, người ta còn đốt rất nhiều pháo nhỏ. Những tràng pháo treo từ đỉnh đài thông xuống tới đất, dây pháo nọ nối dây pháo kia, tràng pháo này liền tràng pháo khác. Toàn là pháo thật kêu và toàn hồng. Pháo được kén mua từ thị trấn Long Châu bên Tàu sang.

Trước lễ khai mạc đốt pháo, khách xem hội cũng như những lực sĩ cướp đầu pháo đều có mặt ở chung quanh chân đài.

Các đoàn lực sĩ tới dự cuộc tranh đầu pháo từ các nơi xa tới; đối với họ, hội đầu pháo chỉ có nghĩa ở tục tranh đầu pháo. Tranh đầu pháo nghĩa là tranh nhau cướp chiếc vòng sắt ở quả pháo. Người ta tin rằng cướp được chiếc đầu pháo này sẽ gặp nhiều sự may mắn trong năm không riêng gì cho người cướp được mà cho cả toán đã tham gia vào công việc tranh cướp. Mỗi toán lực sĩ ở một địa phương tới, thắng trong cuộc cướp đầu pháo này còn làm vinh dự cho cả địa phương. Đến dự cướp đầu pháo không cần phải ghi danh, ai có sức cứ việc dự. Khi sắp đốt pháo các lực sĩ đều cởi trần và chỉ mặc một chiếc quần đùi, chờ lúc đầu pháo rơi xuống là xông nhau vào cướp. Lúc tranh cướp tha hồ dùng võ. Thường thường Trưởng các đoàn lực sĩ là những tay võ nghệ cao cường chỉ huy các đám đàn em cướp đầu pháo. Tha hồ chen lấn xô đẩy. Các lực sĩ cùng một đoàn thường che chở hỗ trợ lẫn nhau để đoàn mình cố cướp cho được, người nhặt được phải chạy sao cho mau, các bạn đồng toán phải ngăn cản người khác để cho người kia mang được chiếc đầu pháo vào trong đền, đặt lên bàn thờ lễ xong ba lễ mới kể là được cuộc.

Toán lực sĩ cướp được đầu pháo được dân sở tại thưởng cho lợn và gạo. Được thưởng, có khi toán này dùng ngay gạo và mổ lợn làm cỗ để anh em trong toán và tất cả các lực sĩ toán khác cùng dự.

Đối với họ phần thưởng cũng là quý, nhưng không đáng kể bằng cái danh dự đã cướp được đầu pháo. Toán lực sĩ nào cướp được đầu pháo phải mang về lập bàn thờ, và năm sau tới ngày hội lại rước đầu pháo tới trả. Chiếc vòng lại được lồng vào chiếc pháo mới để dùng cho ngày hội.

Lễ đốt pháo do ban tổ chức khai mạc. Các tràng pháo treo ở đài được đốt lên một loạt. Chiếc pháo lớn có vòng đầu, đây là một chiếc pháo thăng thiên, do vị hương chức, trưởng ban tổ chức châm ngòi đốt.

Hội thật là âm ỉ, từng bừng, đượm một tinh thần chuộng võ cổ truyền! Lễ tất nhiên ngoài tục đốt pháo, ngày hội còn nhiều trò vui khác.

Từ trên, qua những cổ tục, phần nhiều chiến đấu tính đã được biểu lộ một cách dững mãi đầy tinh thần ganh đua, nhiều khi đến tàn bạo. Bên những cổ tục ấy, có những cổ tục tuy có mang chiến đấu tính, nhưng chiến đấu tính chỉ bằng bạc phơn phớt, và dường như những cổ tục chỉ muốn nhắc nhở tinh thần thượng võ và ý chí quật khởi của ta hơn là biểu lộ hẳn tinh thần và ý chí này bằng hành động như tục Tung hệ ở làng Vạn Niên, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương (Hải Hưng), hoặc tục diễn quân ở làng Hạ Lô, tỉnh Phúc Yên (Vĩnh Phú), làng Hát Môn, tỉnh Sơn Tây (Hà Tây) v.v...

Dưới đây xin nói sơ lược về một số cổ tục chỉ làm xuất hiện một cách nhẹ nhàng chiến đấu tính ấy.

Tung hệ

Đây là một cổ tục ở làng Vạn Niên, tỉnh Hải Dương (Hải Hưng), làng này thờ ông thần Nhòm, mà thần tích như sau:

Ông Thần này vốn một tay đạo chích. Một đêm đi ăn trộm về lấy được rất nhiều đồ đạc, nhưng chợt thấy có bóng người liền đem giấu những đồ đạc này dưới một cái lạch nước rồi trèo lên một cây cao, nằm ẩn trong lùm lá ngủ một giấc cho tới chiều. Khi thức dậy, tay ăn trộm nhìn xuống lạch nước để xem đồ đạc của mình. Lúc đó trên trời có mây đen, anh cố cúi xuống nhòm theo tấm ở dưới nước. Nào ngờ mãi nhìn quá, anh ngã

xuống lạch nước chết đuối. Gặp được giờ linh, anh báo mộng cho dân làng, dân làng lập đền thờ.

Hội làng Vạn Niên mở vào cuối tháng Giêng, nhân ngày hội, dân làng nhắc lại sự tích ông thần Nhòm.

Trong hội có tục gọi là TUNG HỆ cử hành như sau:

Một bô lão được dân làng cử làm tướng, còn các hàng con trai từ thập bát đến 20 tuổi được dân làng cắt làm quân.

Trong ngày hội, dân làng chọn giờ tốt cho người vào xông đình đốt pháo như khi đầu năm ta tới xông nhà nào đốt pháo mừng vậy. Dân làng cũng đốt pháo theo rất nhiều.

Lúc bấy giờ, ông tướng dắt theo lũ quân đánh trống đi vào đình rồi lại đi ra, tướng đi trước quân theo sau, đi ra rồi lại đi vào. Quân tướng cứ đi như vậy cho đến khi ngớt tiếng pháo.

Tiếng pháo dứt, ông tướng họp ba quân tại sân đình, cùng nhau vào lễ thần. Lễ tất thì cuộc tung hệ cũng hết.

Theo dân làng Vạn Niên, tiếng pháo tượng trưng cho tiếng súng, quân tướng dắt nhau đi là quân tướng tập trận. Mục đích cuộc tung hệ là khuyến khích tinh thần thượng võ để mỗi khi có giặc, dân làng sẽ can đảm đi diệt giặc.

Không thấy dân làng giải thích sự liên hệ giữa cuộc tung hệ với sự tích ông thần NHÒM.

Diễn trận ở làng Phù Đổng

Làng Phù Đổng tục gọi là làng Gióng thuộc huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh (Hà Bắc) là nơi có đền thờ Phù Đổng Thiên Vương, còn gọi là Đức Thánh Gióng, người đã phá tan giặc Ân về đời Hùng Vương thứ sáu, hàng năm làng Phù Đổng hiệp lực với bốn xã Phù Dục, Đổng Viên và Đổng Xuyên cùng huyện và Hội Xá thuộc huyện Gia Lâm (Hà Nội), để

tổ chức kỷ niệm PHÙ ĐỒNG THIÊN VƯƠNG vào ngày mồng Chín tháng Tư.

Trong hội có cuộc diễn trận, nhắc lại sự tích Thiên Vương đánh giặc Ân.

Các tướng nước Văn Lang do dân các xã bầu ra. Những người này dân địa phương gọi là các ông Hiệu.

Tất cả có 6 ông Hiệu: Ông Hiệu Cờ trông nom cờ lệnh, ông Hiệu Chiêng điều khiển chiêng, ông Hiệu Trống điều khiển trống, ông Hiệu Trung quân để phối hợp điều hòa sự tiến quân và hai ông Hiệu Tiểu cổ để thám thính quân giặc. Những ông Hiệu này trong các đám rước được che lọng, duy có ông Hiệu Trung quân được che bốn lọng vì ông là linh hồn của cuộc điều binh khiển tướng.

Các ông Hiệu được kén trong hàng thanh niên từ 12 đến 26 tuổi, có thể là người đã lập gia đình rồi nhưng phải chay tịnh từ ngày sửa soạn hội cho đến hết hội.

Đó là tướng, còn quân là dân đinh của bốn xã Phù Đồng, Phù Dực, Đồng Viên và Đồng Xuyên, những người từ 18 đến 36 tuổi. Số quân phải kén cho đủ 10 cơ, mỗi cơ có một cơ tướng và 12 cơ binh.

Ngoài quân tướng nước Văn Lang kén chọn như trên, còn quân giặc, tức là quân tướng giặc Ân được tượng trưng bằng 28 thiếu nữ từ 10 đến 13 tuổi.

Sở dĩ có sự kén chọn này là vì quân tướng nước Văn Lang đã thắng trận nên được tượng trưng bằng bọn trai tráng khỏe mạnh, còn quân tướng giặc Ân là lũ bại binh phải do phái yếu tượng trưng.

Cuộc diễn tập được cử hành đúng ngày mồng 9 tháng Tư.

Các tướng giặc ngồi trên những chiếc kiệu lọng lấy đóng quân ở bờ sông.

Quân tướng Văn Lang được tin báo động đều rút binh khí ra khỏi vỏ sẵn sàng chờ tiến quân. Một khúc quân ca được hát lên, sau đó là ba hồi chiêng trống, rồi cuộc tiến quân bắt đầu Mọi người chạy ủa tới trận địa.

Không có giao tranh. Cờ lệnh múa lên tượng trưng cho sự thắng trận. Các tướng giặc quì xuống xin hàng.

Cuộc diễn trận tuy nhắc lại võ công oanh liệt của Phù Đổng Thiên Vương, nhưng không có sự xô xát như các cổ tục đã nói trên. Diễn trận để dân ta không quên ơn những người đã có công với đất nước, và cũng là một cách để đề cao tinh thần thượng võ của người xưa.

Về các cuộc diễn tập, các làng Hạ Lôi và Hát Môn thờ Hai Bà Trưng cũng hàng năm tổ chức diễn lại sự tích Hai Bà chống quân Mã Viện, nhưng không có những cuộc giao tranh.

[1] Xem chương III, hội làng Tích Sơn.

[2] Mộc là gỗ, Tất là tên một loại cây như cây sơn. Mộc tất là một khúc gỗ cây thuộc loại cây sơn.

[3] Cói trong Nam là cây cỏ lác.

[4] Tục này cũng như các tục đánh nhau giữa các làng và tục trai gái đánh nhau sẽ được trình bày ở dưới đây do tài liệu của ông Lê Văn Hảo trong bài "Một số tục cổ của người Việt Nam qua các hội mùa" in trong tập san Đại Học, Huế.

Tính hợp quần và tính đoàn kết qua một số các cổ tục Việt Nam

Ca dao ta có câu:

Một cây làm chẳng nên non,

Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.

Và trong các câu chuyện cổ, chúng ta có truyện bó đũa để chứng tỏ sự hợp quần và sự đoàn kết gây nên sức mạnh.

Trong sách sử, nhiều câu chuyện được ghi chép dù đây là truyện nước ngoài để chứng tỏ đoàn kết luôn luôn là sống, và chia rẽ đi đến sự tan rã. Truyện ba anh em họ Điền chung sống với nhau cảnh nhà hòa hợp, cây cỏ xanh tươi, đến khi ba anh em định chia gia tài, mỗi người ra ở riêng thì cây cỏ thụ rườm rà trước sân nhà héo chết. Lại câu chuyện ông Trương Công Nghệ, chín đời ăn ở với nhau vẫn hoà hợp, quả thật đã là một tấm gương cho những gia đình lục đục chia rẽ nhau tự ngấm. Gia đình đoàn kết và hợp quần trong phạm vi nhỏ, làng xã đoàn kết và hợp quần trong phạm vi lớn hơn, và bao trùm trên làng xã là quốc gia. Dân chúng trong một nước có hợp quần mới thực hiện được công việc chung, có đoàn kết mới đủ sức mạnh chống giữ nước. Trong lịch sử, gương triều Trần toàn dân đoàn kết, ba lần đánh tan quân Mông Cổ, đáng để các triều đại về sau noi theo.

Cuối triều Trần, nhân tâm ly tán, kẻ theo họ Hồ kẻ trung thành với nhà Trần, tiềm lực quốc gia suy yếu nên khi quân Minh sang xâm chiếm đất nước đã mất.

Có lẽ tiền nhân đã nghĩ đến sự cần thiết để con cháu phải luôn luôn hợp quần và đoàn kết với nhau, nên trong các tục lệ để lại, các cụ đã có nhiều tục lệ cổ võ cho sự hợp quần và đoàn kết, hợp quần và đoàn kết để trước

hết tạo nên sức mạnh chung, và trong sự đoàn kết hợp quần này sẽ nảy nở tinh thần tương thân tương trợ.

Xã hội Việt Nam là một xã hội nông nghiệp, văn hóa cũng là văn hóa nông nghiệp, truyền thống lấy gia tộc làm cơ sở, và nhiều gia tộc hợp thành cộng đồng xã thôn. Giữa cá nhân, gia tộc và xã thôn có một dây liên hệ chặt chẽ và thiêng liêng[1].

Một người làm nên có thể mang hãnh diện tới cho cả một làng, hoặc trái lại, nếu một có hành vi xấu xa, cả làng sẽ mang tiếng lây, vì tới đâu, nhắc tới một nhân vật người ta đều nói tới quê hương của nhân vật này. Do đó làng xã có nhiệm vụ và quyền hạn đối với mỗi cá nhân, mỗi gia đình, cũng như mỗi người mỗi gia đình là những phần tử nhỏ đều có trách nhiệm về sự thịnh suy của làng xã. Nói tới làng xã tức là nói tới tất cả những người trong làng, người này đối với người khác.

Giữa những người này họ có nhiệm vụ và quyền hạn liên quan tới nhau; trong nếp sống, họ luôn luôn bị ràng buộc với nhau. Sự ràng buộc tinh thần trên danh nghĩa người làng, có lẽ các cụ cho là chưa đủ, các cụ đã đặt ra bao nhiêu tục lệ để tăng cường cho sự ràng buộc, và để vật chất hóa sự ràng buộc tinh thần này.

Dưới đây là một số các tục lệ cổ võ cho tinh thần tương trợ, hợp quần và đoàn kết tại các xã thôn Việt Nam.

Tương trợ hiếu hỉ

Chính ra điểm này không nằm trong phạm vi hội hè đình đám, nhưng nhân nói đến tinh thần tương trợ chúng tôi xin phép được ghi thêm để làm tài liệu.

Nhà nào có việc hiếu, việc hỷ, bà con họ hàng, hàng xóm và người làng tới giúp cùng, và giúp của dưới danh hiệu tiền mừng hoặc tiền viếng, nếu không phải là tiền thì cũng là những đồ dùng cần thiết.

Đến ngay cả trong những dịp một người cất nhà, hoặc một người có thừa ruộng cần gặt hái bà con làng xóm cũng đến giúp công, trước và sau khi gặt lúa hoặc dựng nhà, chủ nhân chỉ cần đãi một bữa ăn, sau đó ai về nhà nấy.

Hàng hội

Đây là một biểu tượng của tâm lý đoàn kết; tâm lý đoàn kết nhằm theo mục đích tương trợ này kết tinh trong những tổ chức gọi là phường, hội trong phạm vi nghề nghiệp, là hội, là giáp, là phe trong lãnh vực đình đám hội hè, lễ lạc giải trí hay trong phạm vi tôn giáo, hàng ngũ, là hàng xóm, hàng thôn trong phạm vi tổ chức xã hội.

Về tính cách nghề nghiệp có thể kể các hội bách nghệ, các phường, còn gọi là ty. Hà Nội ngày xưa có 36 phố phường, đây không phải là những đơn vị hành chính, mà là một đơn vị về nghề nghiệp quy tụ những người cùng làm một nghề: phố hàng Đào gồm những người bán tơ lụa vải vóc, phố Lò Sũ gồm những người bán áo quan, phố hàng Giấy gồm những người bán giấy, phố hàng Lọng gồm những người bán Lọng, Tàn v.v...

Tại nông thôn các làng xã cũng có những phường, rõ rệt nhất là tại miền Nghệ Tĩnh: phường vải, phường củi, phường đan, phường nón v.v... Những người đi buôn bán ngược xuôi cũng hợp nhau thành phường buôn: phường gạo, phường chè, phường củ nâu v.v...

Các nghệ sĩ chuyên nghiệp, cũng có khi là nghệ sĩ tài tử cùng hợp nhau thành phường: phường chèo, phường tuồng, phường bát âm, giáo phường[2] v.v...

Về họ, đây gồm những người cùng một quê quán làm ăn cư ngụ tại một nơi khác, nhất là ở những đô thị: họ Bắc Ninh, họ Nam Định v.v... Họ chính là những hội tương tế ngày nay.

Họ còn chỉ chung một số người hạn chế cùng nhau lần lượt gom tiền để cho một người lấy. Đây là hình thức hụi ở miền Nam.

Họ còn là một tổ chức gồm một số người hạn chế với mục đích tiết kiệm tập thể để dành tiền ăn tết, họ bánh chưng, họ giò chả, họ gạo, họ thịt v.v...

Về các hội, có thể kể tới những hội giải trí, hội chọi gà, hội chơi điều v.v... gồm những người cùng thích một thú chơi.

Hội còn gồm những người có chức tước danh vọng cùng trong một xã: hội tư văn, hội văn phả, hội võ phả v.v...

Những người cùng học một thầy cũng họp nhau thành hội gọi là hội đồng môn. Hội đồng môn có mục đích rất cao đẹp đối với thầy học. Nhà thầy có giỗ tết, hiếu hỷ, học trò cùng nhau góp công, góp của giúp thầy; thầy chết học trò làm ma, rỗi hàng năm nhớ ngày giỗ cúng thầy, và ngoài ra cắt lượt nhau viếng thăm gia đình nhà thầy, rồi giúp đỡ nếu cần. Ngoài các mục đích trên, những hội viên hội đồng môn còn có mục đích tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau, và thỉnh thoảng cùng nhau họp mặt. Điểm này giống các hội cựu học sinh các trường ngày nay.

Các bà vải quy y lên chùa cúng bái ăn chay niệm Phật họp nhau thành hội Chư bà.

Các lão ông già cả trong làng họp nhau thành hội Quan lão. Các ông đồng cùng họp nhau thành hội đồng nam và những người có căn thờ chưa thành ông đống bà cốt có thể có hội đội bát nhang.

Hội đồng tuế quy tụ tại mỗi làng những người cùng sinh một năm. Có sự tương trợ và có sự họp mặt vui chơi tiệc tùng.

Và còn nhiều hội khác nữa, tất cả các hội được tạo nên đều do tinh thần đoàn kết tương trợ và tinh thần hợp quần để gây sức mạnh mà có.

Hàng giáp và hàng phe là những tổ chức gồm các nam phái trong làng với mục đích tế tự.

Hàng xó và hàng ngô gồm những thanh niên đàn ông từ 18 tuổi trở lên ở cùng một xóm hoặc cùng một ngõ.

Phường, họ, hội, giáp, hàng xóm, hàng ngô đều đã là những tổ chức phổ thông tại miền quê Việt Nam, đôi khi tại ngay các nơi thành thị như 36 phố phường ở Hà Nội, nhưng bên những tổ chức trên, còn có những tục lệ riêng cho từng địa phương, những tục lệ chỉ xuất hiện trong những ngày Hội hè đình đám, nhưng đã nhắc nhở người dân Việt Nam tới tinh thần đoàn kết và hợp quần.

Đây thường là những trò vui chung xuất hiện trong các hội làng, hoặc qua những cuộc ganh đua, hoặc qua những cuộc vui tất cả mọi người cùng tham dự và cùng có một đối tượng chung.

Những cuộc ganh đua

Đây là những trò vui trong đó dân làng chia làm đôi ba phe rồi cùng ganh tài với nhau để phân hơn kém định giải. Ở đây mỗi phe muốn thắng tất nhiên phải có một sự hòa hợp đoàn kết giữa người trong phe và phải chịu sự chỉ huy chung của một người.

Ở đây chúng ta có thể nhắc tới tục Đánh Phết ở các làng Thượng Lạp, Bích Đại, phủ Vĩnh Tường, tỉnh Phúc Yên (Vĩnh Phú). Đây là một cổ tục tương truyền lưu lại từ đời Hai Bà Trưng. Hai bà trong khi nổi lên chống Tô Định muốn có những đoàn nữ binh can đảm và kiêu hùng chẳng kém gì nam binh, nên đã có một du hí âm ỉ và đầy chiến đấu tính nhằm củng cố đoàn kết và đoàn kết tính. Đôi bên chơi Phết, người mỗi bên phải người nọ dựa vào người kia, phải ăn ý với nhau mới thắng được đối phương.

Trong tục thi thuyền trên sông Lô tại hội Bạch Hạc, tỉnh Vĩnh Yên, cũng là một tục lệ trong đó các người tham dự trong một giáp phải cần hòa hợp với nhau, có sự đoàn kết để chịu sự chỉ huy của người đứng mũi chịu sào.

Xin nhắc sơ qua tục này.

Làng này có bốn giáp: Bộ Đầu, Tiểu Hạc, Đông Nam và Thần Chúc. Mỗi giáp có một chiếc trái bằng gỗ chò dài hơn hai chục thước và rộng chừng thước rưỡi. Chiếc trái có năm chục bơi chèo ở hai bên. Đầu trái uốn hình đầu rồng, và đuôi trái cũng lượn khúc như đuôi rồng. Hàng năm trong dịp hội làng, vào hôm giã đám, làng có cuộc thi bơi trái giữa bốn giáp trên sông Lô. Mỗi giáp phải kén lấy trong hàng dân đinh năm chục tay chèo, một người điều khiển đứng trên mũi trái, cầm chiếc hiệu lệnh riêng của hàng giáp, một người giữ nhịp cho các tay cầm trống đứng ở giữa trái, và một người cầm lái ngồi ở cuối.

Trái muốn bơi nhanh cần có sự hòa nhịp của năm mươi tay, năm mươi người này hợp sức tạo một sức mạnh qua những chiếc bơi chèo để chiếc trái đi đều. Họ phải nghe nhịp trống và phải nhìn theo hiệu lệnh của người đứng mũi chèo sào.

Lái thuyền đã có trách nhiệm của người cầm lái.

Trong lúc bơi, nếu một người trong số năm chục tay chèo hoặc trong ba người cầm hiệu lệnh, đánh trống và cầm lái, không ăn ý chung, tự theo ý mình, hậu quả sẽ tai hại cho toàn đội, hoặc trái loạn chèo, hoặc lái loạn ngả, hoặc các tay bơi sai nhịp. Và như vậy, tất nhiên còn làm sao thắng nổi cuộc đua.

Ngay trong những cuộc thi kéo co, hai bên hoặc cùng kéo một chiếc cọc như ở làng Hữu Trập, hoặc cùng kéo một chiếc dây song như ở làng Tích Sơn, nếu những người mỗi bên tham dự không có tinh thần đồng đội, không cùng cố gắng, làm sao kéo được đối phương ngả về bên mình.

Và cả ngay trong phường bát âm, tám âm thanh cần hòa hợp với nhau mới tạo bản nhạc, trong những buổi tấu nhạc thi tại các hội hè, nếu các nhạc sĩ không chịu ăn ý với nhau, không chịu sự điều khiển chung của một nhạc trưởng, nghĩa là thiếu tinh thần hợp quần và đoàn kết, bản nhạc đạo làm sao được hay để thắng các phường khác cùng tham dự tấu nhạc thi.

Tóm lại trong các cuộc vui có sự ganh đua giữa từng phe từng nhóm, người ở mỗi phe nhóm muốn thắng các phe nhóm khác phải có tinh thần đoàn kết và hợp quần với nhau, đoàn kết để các động tác trong cuộc vui được hòa hợp, còn hợp quần để tạo sức mạnh cần thiết trong cuộc dự tranh.

Những cuộc vui chung mọi người cùng tham dự

Ngoài những cuộc ganh đua của từng phe, từng nhóm, tại nhiều địa phương có những cuộc vui chung tổ chức cho toàn thể dân làng: với mục đích khuyến khích hợp quần và củng cố đời sống cộng đồng. Mọi người tham dự trong các cuộc vui này đều có một đối tượng chung.

Phường săn

Trước đây, trong tập Phong lưu đồng ruộng xuất bản lần thứ nhất năm 1942, chúng tôi có dịp nhắc tới những phường săn tại các làng ven những dãy núi Yên Thế, tỉnh Bắc Giang (Hà Bắc), Tam Đảo tỉnh Vĩnh Yên (Vĩnh Phú) hoặc Ba Vì tỉnh Sơn Tây (Hà Tây).

Hàng năm trai làng tại những xã này, ngoài công việc đồng áng hoặc buôn bán, họ có cái thú giải trí đặc biệt là săn bắn. Rồi rãi, họ đi săn riêng rẽ, nhưng hàng năm bao giờ cũng có một dịp họ đi săn chung với cả làng.

Để dẫn chứng làm thí dụ, chúng tôi xin nhắc tới mấy xã Thanh Lũng thuộc phủ Quảng Oai, Ngọc Nhị và Tòng Lệnh thuộc huyện Bất Bạt, tỉnh Sơn Tây (Hà Tây). Đàn ông con trai thuộc các xã này ai cũng có súng kíp và biết sử dụng súng kíp, đây là một loại súng vừa bắn vừa nhồi thuốc rất thô sơ, không bị nhà chức trách ngăn cấm kể cả thời Pháp thuộc; đồng thời họ cũng biết sử dụng lưới gai để chăng bắt những con mồi. Ở đây người ta cũng nuôi những con chó săn, xin hiểu đây là chó ta chứ không phải chó Tây hay chó Mỹ, có nhà nuôi đến cả đàn chó bốn, năm con. Hàng năm, những xã này đều khai mạc mùa săn bằng một ngày đi săn chung. Riêng tại xã Ngọc Thị, mùa săn thường mở màn vào cuối tháng Tám bước sang đầu tháng Chín âm lịch, sau Tết Trung Thu. Trong

làng, những tay săn tổ chức thành Phường, đứng đầu là ông Trùm phường mỗi năm lại thông báo trước cho dân làng biết ngày mở màn mùa săn.

Đúng ngày ấn định, ông cho đánh trống triệu tập phường viên tới nhà. Các phường viên kéo nhau tới với đầy đủ súng, lưới và cả chó săn nữa.

Khi phường săn đã tề tựu đủ mặt, có thêm cả dân làng tuy không có chân trong phường, nhưng cũng dự cuộc săn tập thể khai mạc cho mùa săn, ông Trùm phường ra lệnh cho mọi người cùng kéo nhau vào rừng, phân nhau đi các ngả, chăng lưới, xua chó đuổi thú.

Cuộc săn kéo dài đến chiều, và những dã thú săn được dù ít nhiều cũng chia đều cho tất cả phường và người làng đã dự cuộc săn.

Trong cuộc săn tập thể mọi người phải hỗ trợ nhau, việc phân công do ông Trùm phường cắt đặt. Cuộc săn bao giờ cũng thành công.

Đánh cá

Chúng tôi đã nói tới tục đánh cá tập thể tại làng Cung Thuận tỉnh Sơn Tây (Hà Tây), nơi có đền thờ Tản Viên sơn thần, trong hội làng này. Ở đây chúng tôi không nhắc tới nữa. Nói tới đánh cá tập thể, chúng tôi xin nhắc tới tục làng Ngư Xá ở ven sông Nguyệt Đức. Làng này có một con ngòi ăn thông ra sông, nhưng lòng ngòi lại thấp hơn mực nước sông, vì ngòi từ trong núi chảy ra, vào vụng nước, nước ngòi chảy mạnh, tại nên các xoáy đánh vào bờ, đào lòng ngòi cho sâu hơn. Do đó, năm nào cũng vậy, với mùa nước, nước sông tràn vào, đem theo những đàn cá lớn nhỏ. Rồi nước ngòi biến thành một mối lợi cho dân Ngư Xá.

Làng vẫn có lệ cho đấu trưng đánh cá ở ngòi, và hàng năm sau trung tuần tháng Bảy âm lịch, nhất là sau con nước mã, ta dùng danh từ này để chỉ mức sống lên cao vào hôm rằm tháng Bảy, ở đình làng có họp hội đồng để cho trưng thầu việc đánh cá suốt năm. Trước khi cho đấu trưng dân làng tổ chức cuộc đánh cá tập thể toàn dân tham dự tại nơi ngòi.

Tục đánh cá tập thể này rất vui. Ngày hội đánh cá, cả làng đều xuống ngòi đuổi cá chung, bất kỳ già trẻ, và cũng không phân biệt người thôn nào, làng này có ba thôn Thượng, Trung và Hạ.

Xuống ngòi đánh cá, mỗi người giữ một phần việc, người chăng lưới, người úp nơm, người xua cá về phía lưới chăng.

Các cô gái làng với nụ cười hớn hở, chở thuyền nan đi khắp mọi chỗ để mang cá về bến trước cửa đình.

Cá đánh được, dâng cúng tại đình rồi dân làng chia nhau, mỗi người mỗi suất.

Hai tục đi săn và đánh cá nêu trên không phải chỉ có ở một vài nơi, thực ra tại nhiều xã ven sông, ven rừng đều có những tục này, nó tạo nên cuộc vui tập thể để hàng năm dân làng có dịp gặp gỡ nhau.

Tại hai xã Quần Tin và Bàn Thạch, tỉnh Thanh Hoá chẳng hạn, hai xã này nằm dưới chân những đồi núi đầu tiên của dãy Trường Sơn. Hai xã thờ chung một thành hoàng, có chung tục đi săn trước khi mở hội tế thần, những thú vật săn được dùng làm đồ lễ. Tế lễ xong, thịt thú được chia đồng đều cho mọi gia đình đã tham gia vào cuộc đi săn chung của cả hai làng.

Săn cuốc

Trong những cuộc vui tập thể để khuyến khích tinh thần đoàn kết và hợp quần, tôi tưởng cũng nhắc tới tục săn cuốc ở các làng Yên Đỗ tỉnh Hà Nam, làng Trà Xuyên, tỉnh Bắc Ninh (Hà Bắc), làng Tích Sơn, phủ Hưng Hóa, tỉnh Phú Thọ (Vĩnh Phú).

Đốn củi

Như trên đã trình bày, tại vùng Nghệ Tĩnh và nhiều nơi khác, các nghề nghiệp được tổ chức thành phường, và tại những phường này, các phường viên thường làm việc chung với nhau, tuy có khi phần ai người

nấy lo và kết quả của ai người ấy hưởng. Thí dụ như Phường củi tại các hạt Can Lộc, Nghi Xuân, Đức Thọ, Thạch Hà. Những phường này hàng ngày vào đốn củi trong rừng núi Hồng Lĩnh được họ mệnh danh là Ngàn Hồng.

Họ đi với nhau thành từng đoàn. Đi như vậy vừa vui công việc, vừa có thể hỗ trợ được lẫn nhau nếu bất thần có hoạn nạn, như gặp thú dữ, bị cây cối đè, bị té ngã hoặc bất cứ gặp tai nạn gì.

Đi chặt củi trong rừng, không có ngày nhất định với những nghi thức như các tục đi săn, đánh cá hoặc bắt cuốc ở trên. Các phường củi kéo nhau vào rừng chặt củi sau những vụ mùa, khi công việc đồng áng đã vơi.

Họ đi với nhau đông và vui. Để tự khuyến khích cũng như để tạo hứng trong công việc làm, họ cùng nhau ca hát, ca hát lúc ra đi, ca hát lúc đang làm việc và ca hát lúc trở về.

Ngay từ sáng tinh mơ họ đã sửa soạn ra đi, thanh nam thanh nữ cũng như mọi người khác, ai nấy đều sẵn sàng mo cơm đòn xóc, lạt buộc hạp nhau ở ngã ba đường cùng đi thành từng hàng vào rừng. Họ leo núi, băng suối đi tới nơi có nhiều củi.

Vào tới rừng, họ tản mát mỗi người một bụi để chặt củi. Công việc vất vả, họ vui vẻ làm. Trưa họ nghỉ ăn cơm rồi lại chặt cho đến chiều.

Vừa chặt củi, thỉnh thoảng văng vẳng vang lên một tiếng hát:

Không đi thì nhớ thì thương,

Ra đi lên động xuống truông nhọc nhằn.[3]

Câu hát nói lên sự nhớ thương của họ đối với rừng núi, và cũng nói lên cả sự nhọc nhằn của họ khi chặt củi.

Họ hát để tả sự nhọc nhằn, nhưng đã nói đến ca hát là có yêu đương, họ hát nhiều hơn là những khúc hát yêu đương:

Đợi chờ anh với em ơi,

Mai sau lên ngược xuống xuôi anh chờ.

Tiếng hát vang bên trong khu rừng ở một bụi nào, hòa với tiếng dao chặt vào củi như làm nhịp cho câu hát. Một tiếng hát cất lên ở bụi này, lập tức ở bụi kia có tiếng êm ái đáp lại:

Lên rừng những lách cùng lau,

Những sáng cùng cỏ biết anh đâu mà chờ.

Tiếng hát ở bụi thứ hai vừa dứt, ở một bụi thứ ba, lại đã có tiếng vọng lên:

Tiếng ai nói với bên non,

Muốn sang coi thử có giòn hay không.

Có câu hỏi ắt có câu trả lời:

Một ngày hai bạn trèo non,

Còn gì mà đẹp mà giòn hỏi ai?

Với những câu hát thời gian không chậm lại. Pha vào đấy lại có tiếng nói câu cười tạo cho khu rừng rậm một khung cảnh vui vẻ, rộn ràng đầy sinh khí. Trời chẳng mấy lúc đã ngả về chiều, và củi mọi người chặt xem chừng cũng đã nhiều. Họ lại gọi nhau ra về.

Đoàn người gánh củi trên vai lại đi thành hàng trở về làng. Ra khỏi rừng có người còn quay nhìn như luyến tiếc, và có khi một câu hát lại được cất lên:

Ra về chỉ một ngóng theo,

Ngóng rừng rừng rậm, ngóng đèo đèo cao.

Tiếng hát vang, bước chân nhịp nhàng, phường củi thoăn thoắt bước, gánh củi kẽo kẹt trên vai, chẳng mấy lúc đã về tới làng.

Một câu hát của người đi đầu báo tin cho làng xóm biết phường củi đã về:

Động cơn (cây) Mai thì hốc (dốc).

Động trợ Đó thì dài

Ra đến động Hai vai

Thậm chừng chi là khỏe

Chi thậm chừng là khỏe.

Câu hát của người đi đầu vừa dứt, mọi người đi sau đồng thanh tiếp vào hai tiếng Hay chừa (đã hay chưa).

Thật là vui, thật là vui Củi. được nhiều, một ngày qua không phí một ngày.

Trên đây là một số cổ tục nói lên hợp quần tính và đoàn kết tính của dân tộc Việt Nam. Đây chỉ là một số nhỏ được nêu ra, trong hàng trăm nghìn các cổ tục khác chúng tôi không biết xuể.

[1] Đào Duy Anh, *Việt Nam Văn Hoá Sử cương*, Sài Gòn 1951, t.323.

[2] *Hát ả đào.*

[3] *Động là con đường lên dốc núi, truông là con đường hẻm giữa hai trái núi.*

Việc nội trợ với hội xuân

Một câu chuyện có tính cách văn hóa lại hợp với phong trào về nguồn, hợp với khung cảnh và không khí tưng bừng của ngày xuân. Chúng tôi chỉ xin nói về việc Nội trợ với hội xuân.[1]

Huế đẹp

Trước kia, khi chưa có dịp được đặt chân tới xứ Huế, chúng tôi thường được nghe và được đọc những lời ca tụng về Huế đẹp và thơ, Huế mộng và mơ, Huế đẹp với con sông Hương êm ả xanh ngắt, Huế thơ với hồ Tịnh Tâm yên lặng ngát hương sen, Huế mộng với chùa Thiên Mụ văng vẳng tiếng chuông chiều ở phía ngoại châu thành, với cảnh trí như ra ngoài cõi tục, Huế mơ với núi Ngự Bình đủ cây xanh cỏ lá với hoa muôn sắc bướm muôn màu! Chúng tôi cũng lại được nghe ca tụng về lăng tẩm đền đài và nhất là về các cô gái Huế xinh như mộng, đẹp như những bài thơ hay, duyên dáng kiều diễm như những giai nhân đẹp nhất trong những câu chuyện thần tiên êm ái nhất!

Chúng tôi ước ao được thăm xứ Huế, ước ao được mắt thấy tai nghe những cảnh vật, những con người xưa nay chúng tôi chỉ nhìn qua những trang sách, qua những lời ca tụng của những người đã đi qua xứ Huế.

Chúng tôi đã thỏa nguyện, khi vào cuối năm 1942, chúng tôi có dịp ghé Huế.

Ở trên xe hỏa bước xuống, chúng tôi đã được ngay nhà văn Trương Chính, tác giả cuốn "Phê bình văn học Dưới Mắt Tôi" và cuốn "Hương Hoa Đất Nước", đón tiếp rất nồng hậu, sự đón tiếp nồng hậu này đã tăng thêm cảm tình chúng tôi sẵn có với xứ Huế từ lâu.

Ra khỏi nhà ga không xa, chúng tôi đã thấy ngay cảnh mộng và mơ, ngay cảnh đẹp và thơ của xứ Huế. Con sông Hương đã ở ngay trước mắt chúng tôi với một vẻ yên tĩnh khả kính, và tất cả không khí chúng tôi

đang thở hít đều trầm lặng êm ái như ru! Và chúng tôi đã gặp những cô gái Huế! Tà áo tím bay phấp phới, dáng điệu dịu dàng, nét mặt thanh tú má hồng môi tươi thắm. Với cái tuổi gần ba mươi, bỗng nhiên chúng tôi đã biến thành chàng:

Học trò xứ Quảng ra thi

Gặp cô gái Huế chân đi không đành.

Một khía cạnh đẹp của người xứ Huế

Chúng tôi ghi nhận tất cả cái đẹp của cảnh, của người và đã dành cho xứ Huế tất cả những cảm nghĩ tốt đẹp nhất. Cảm nghĩ này càng tăng lên gấp bội, khi tôi được thấy thêm ở Huế, hay nói đúng hơn ở phụ nữ Huế một khía cạnh đẹp khác mà không sách báo nào nói tới, chưa một người bạn quen nào nhắc qua!

Chúng tôi theo anh Trương Chính về nhà, và chính ở nhà anh bạn, chúng tôi đã nhận ra khía cạnh đẹp này, một cái đẹp chúng ta không thể cảm thấy qua thị giác, thính giác và xúc giác, chúng ta chỉ thường thức được qua khứu giác và vị giác.

Khía cạnh đẹp này đã xuất hiện qua bữa cơm vợ chồng anh Trương Chính đãi chúng tôi, bữa cơm do chính bàn tay khéo léo của chị Trương Chính sửa soạn. Thưa quý vị đây là cái đẹp trong công việc nội trợ của người phụ nữ xứ Huế.

Hôm đó trời lạnh, canh nóng cơm dẻo, lại thêm đồ xào nấu đều nóng sốt thơm ngon, càng làm cho chúng tôi thấy cái giá trị của những món ăn khéo nấu, của nồi cơm khéo thổi và đã tăng sự ngon miệng cho người ăn. Ở đây chúng tôi không nói tới sự đơn đả khéo léo của anh chị Trương Chính luôn luôn mời mọc để chúng tôi nếm thử món ăn xứ Huế.

Bữa cơm ngon lành cách đây 30 năm, nhớ tới, chúng tôi tưởng như mình vừa được thưởng thức xong. Cái khung cảnh ấm cúng của gia đình bạn,

cách bày biện món ăn, sự sạch sẽ của bát đũa, tất những điều đó làm cho bữa cơm đã ngon càng ngon hơn.

Cơm nước xong, buổi tối hôm đó, trước khi đi ngủ, chị Trương Chính mang vải ra khâu vá, đôi bàn tay chị dẻo dăng, mũi kim đi thoăn thoắt, chúng tôi thấy chị thật là một người nội trợ đáng khen. Hỏi, chúng tôi được anh Trương Chính cho biết, tất cả những quần áo mặc trong nhà của vợ chồng con cái anh đều do chị tự tay khâu lấy.

Đã mến phục người phụ nữ xứ Huế, qua sự khéo léo chăm chỉ của chị Trương Chính, chúng tôi càng có nhiều thiện cảm hơn với những người mẹ và những cô gái Huế. Và sau mấy ngày sống ở Huế chúng tôi được hiểu hơn về những đức tính đáng quý trong gia đình của người đàn bà Huế.

Nữ công với phụ nữ Việt Nam

Thực ra, điều này cũng chẳng có chi là lạ: Các bà mẹ Huế, các cô gái Huế, cũng chỉ là những phụ nữ Việt Nam, và đã là phụ nữ Việt Nam với nếp sống cổ truyền qua quan niệm nam ngoại nữ nội của các cụ xưa, mấy ai không phải là nội tướng, và đã là các bà nội tướng có mấy bà là không đảm đang trong công việc nội trợ gia đình. Cái đức tính cần cù nhẫn nại lo cho gia đình, chăm sóc cho chồng con, vốn là cố hữu của người đàn bà Việt Nam, và với đức tính cố hữu này, người đàn bà càng chú ý tới công việc nội trợ, từ đường kim mũi chỉ đến bánh trái bếp núc.

Gia dĩ, các bậc phụ mẫu lại buôn bán luôn luôn muốn con gái phải biết việc gia đình, biết từ trong bếp biết ra, qua công việc thổi nấu vá may đến việc dọn dẹp xếp đặt nhà cửa, do đó cha mẹ luôn luôn thúc đẩy các cô phải học làm học ăn, kéo mai sau, thành gia thất, không lo nỗi việc gia đình sẽ mang tiếng là vụng dại. Các bà hiền mẫu không bao giờ xao lãng truyền dạy cho con cái những bí quyết thờ chồng nuôi con, và trong những bí quyết này có bí quyết để thổi nôi cơm cho dẻo, nấu nôi canh cho ngọt, và chính những món ăn giản dị đơn sơ đó đã là nguồn gốc của sự êm ấm gia đình.

Vũ Bằng trong Miếng Ngon Hà Nội có viết:

"Một nồi cơm Tám ăn với thịt rim, bát canh cần bốt khói xanh nghi ngút; mấy quả cà Nghệ giòn tan... tất cả những thứ đó gọi cho ta một nỗi thèm ước mờ mờ, nhưng làm rung động tới những nơi thâm kín nhất của lòng".

Và những lúc xa quê hương ông đã nhắc: "Những lúc đó, ta không thể không liên tưởng tới những ngày dịu ngọt bên cạnh mẹ già, vợ đại dưới mái nhà cũ kỹ rêu phong. Ngọn đèn không sáng lóa, nhưng đủ soi một cách thân mật vào những mái tóc thân yêu, tiếng ca hát không nhiều nhưng đủ làm cho tim ta ấm áp; mà bữa cơm tuy là thanh đạm, nhưng đủ để cho ta ngon miệng hơn là ăn vây, ăn yến!"[2]

Những bữa cơm thân mật, những miếng ngon gia dụng, đó là những điều các bà nội trợ Việt Nam không bao giờ xao nhãng và cũng không thể nào xao nhãng được nếu muốn giữ hạnh phúc gia đình, nếu muốn cảnh nhà êm ấm, chồng vui con sướng, nhất là những ai gặp phải đức ông chồng đãng tử bị những bóng dáng yêu kiều làm cho say sưa, bị xô đẩy theo hương bốn mùa đi những phương trời xa lạ, mà muốn những người đàn ông lạc phách này một buổi chiều đông kia, họ chợt nhớ lại, nhớ lại để trở về thấy gia đình ấm cúng chân thật và để họ thấy lòng ân hận vì cảm thấy chỉ có người vợ tấm mắt mới là người chung thủy với mình. Lúc đó, một cái nhìn âu yếm, một bữa cơm đơn sơ nhưng thanh khiết ngon lành sẽ làm dậy cả một thời ân ái xưa kia như tan biến, và thời ân ái này sẽ trở lại có phần thơm ngát hơn xưa!

Các cụ xưa muốn bảo toàn hạnh phúc gia đình, các cụ lại muốn con cái cũng noi gương mình. E rằng những việc thúc giục khuyên răn trong gia đình chưa đủ để con cái noi theo, các cụ muốn đề cao những công việc nội trợ, để những bậc hiền phụ và những cô gái siêng năng phải hãnh diện về công việc mình, dù đây chỉ là những công việc nhỏ nhặt, thối nồi cơm, khâu manh áo, nấu bát canh, muối hũ cà. Đề cao việc nội trợ bằng cách đề hàng xã, có khi cả hàng tổng trông vào và khen ngợi những cô gái thối nồi cơm khéo léo, đồ xôi dẻo thơm, cắt chiếc áo, chiếc quần

mau lẹ, khâu áo, khâu quần với mũi kim đều đặn, với đường chỉ ngay thẳng trong một thời gian nhanh chóng nhất, hoặc những cô gái đưa thoi dệt tấm lụa tấm vải mịn màng v.v...

Sự đề cao những công việc thủ công nội trợ này thực hiện trong những buổi Hội Xuân dân tộc, với sự chứng kiến hầu như của toàn thể dân xã, và của rất đông khách thập phương từ các làng lân cận hoặc có khi từ những nơi xa xôi tới xem hội.

Hội hè dân tộc

Nói tới hội xuân dân tộc chúng ta phải trở lại từ thời kỳ trước 1945, cái thời mà phong tục tập quán của dân ta chưa chịu nhiều sự biến đổi phủ phàng trước áp lực của thời cuộc, hay ít nhất cũng từ đầu năm Ất Dậu (1945) trở về trước. Thời đó với những sinh hoạt cổ truyền theo tổ chức xã hội, trong một nếp sống nông nghiệp của tiền nhân, chúng ta có những phong tục tập quán biểu lộ dân tộc tính Việt Nam với những cái hay cái đẹp, trong số đó có những Hội hè đình đám, đã được nhiều thi gia văn sĩ nhắc nhở tới:

Mùa thu có những hội làng

Có cây đu buổi xuân sang dập dìu

(Bàng Bá Lân)

Những Hội hè đình đám này đã chứng tỏ ý niệm thiêng liêng tôn giáo của người dân qua nghi lễ, đã nêu cao lòng biết ơn của người dân với các bậc anh hùng đất nước cũng như với chư vị thần linh được dân xã tôn thờ, lại còn là những dịp để người dân ôn lại lễ nghi, nhớ lại phong tục.

Ngoài ra đây cũng là những dịp để thắt chặt thêm tình thân ái giữa dân làng, có khi giữa dân các làng lân cận bởi những sự giao hảo đi lại qua tục lệ hoặc qua sự góp mừng chia vui.

Hội hè đình đám thường cử hành về mùa xuân hoặc mùa thu, trong những thời gian người dân quê được nghỉ ngơi rảnh rỗi.

Về hội hè đình đám mùa xuân, hôm nay chúng tôi nhắc tới qua mấy tiếng hội xuân dân tộc, ca dao ta có câu:

Tháng Giêng ăn Tết ở nhà

Tháng Hai cờ bạc, tháng Ba hội hè.

Câu ca dao này đã nói lên tất cả sự nhàn rỗi của người dân quê nhất là dân quê miền Bắc và miền Trung trong mấy tháng Xuân. Đây là lúc cấy chiêm đã xong, mùa gặt tháng năm chưa tới, người dân quê có thì giờ giải lao ăn Tết và mua vui với hội hè. Quanh năm vất vả với nghề nông, đầu tắt mặt tối, hết công việc đồng áng đến công việc vườn tược, rất ít dịp người dân quê được nghỉ ngơi. Hàng năm chỉ có hai dịp xuân thu là nhàn rỗi nhất và cũng chỉ những lúc này họ mới có thể cùng nhau chia vui để hưởng thú thanh bình.

Vả chăng, bắt đầu Xuân là bắt đầu một năm mới, Xuân tới là Đông qua, cái mùa rét mướt đã hết. Tiết Xuân ấm áp khiến con người thêm khỏe khoắn, thêm lanh lẹ, con nhà nông hết phải lo vì trời lạnh, đêm dài, hết phải lo vì đất nẻ ruộng khô, hết phải lo vì mưa phùn gió bắc. Người ta có thể hưởng thụ những ngày Tết đẹp của mùa Xuân.

Người Việt Nam ta xưa nay khi làm việc cũng như lúc vui chơi giải trí, để giảm sự nhọc nhằn và tăng phần hứng thú, tinh thần đoàn kết thường thấy thể hiện qua mọi sinh hoạt, làm lụng hoặc tiêu khiển mua vui.

Người ta làm việc trong quây quần đoàn tụ, người ta không nghỉ ngơi riêng rẽ, bởi vậy trong dịp Xuân, vui Xuân người ta không muốn vui riêng rẽ, người ta muốn vui chung cùng họ hàng thân thuộc, cùng bạn hữu xa gần, cùng mọi người quen kẻ biết ở làng trên xã dưới. Người ta kéo hội làng để toàn thể dân chúng trong thôn ngoài xã cùng vui, vui cả với dân hàng Tổng, hàng Huyện và có khi xa hơn nữa!

Chúng ta đừng lấy làm lạ nếu mỗi lần Tết đến Xuân về, làng làng đều mở hội với những cuộc tế lễ long trọng, với những cuộc vui tưng bừng nhộn nhịp. Biết bao người quanh năm phải xa quê hương vì sinh kế, ngày hội làng cũng cố về làng để lễ Thánh và xem hội.

Ở đây, chúng tôi xin phép không nói tới khía cạnh thiêng liêng và tôn giáo với những cuộc tế lễ rước xách của hội Xuân, chúng tôi chỉ xin phép đề cập tới khía cạnh vui chơi ngày hội của dân làng, khía cạnh xem hội của khách làng trên xã dưới, của những người thành thị trở về.

Hàng năm dân làng mở hội trước là để tế lễ thần linh, bày tỏ lòng tri ân của làng xã đối với thần linh đã phù hộ cho trong thôn ngoài ấp được yên ổn làm ăn, phong đăng hòa cốc, nhưng cùng với những cuộc tế lễ thường thường có những trò vui cho dân làng thưởng thức, và chính những trò vui này đã kéo khách thập phương đến xem hội. Những trò vui này, các cụ gọi là trò bách hí, thay đổi tùy từng hội làng, tùy từng địa phương và tùy cả vị thần linh do dân mỗi làng thờ phụng.

Có những trò bách hí dành cho người trí thức, có những trò bách hí dành cho giới bình dân, có những trò vui người già ưa thích, có những trò vui bạn trẻ say mê.

Có nhiều thú vui thật là tao nhã, nhưng lại có những trò vui thật là thô bạo cục cằn, nhưng rút lại trò vui nào cũng đều mua vui cho khách dự hội.

Chúng tôi rất tiếc trong phạm vi buổi nói chuyện hôm nay, chúng tôi không đủ thì giờ để trình bày cùng quý vị một số các trò vui chúng tôi đã từng được tham dự và say mê khi tuổi trẻ, nhưng dù sao chúng tôi cũng xin lược kể qua dăm ba trò bách hí.

Đối với các cụ già, tại hội hè nào dân làng cũng nghĩ tới cuộc giải trí của các cụ: các cụ có thể chơi tổ tôm điếm, đánh bài chòi hoặc các cụ có thể cầm chầu cho các ca nhi hát thờ, các cụ bà có thể tới chùa kể hạnh nhắc nhở cho con cháu những đức từ bi, những việc làm vị tha của chư Phật, chư Bồ Tát.

Giới bình dân thì xem hát chèo ở ngoài Bắc, hát Bộ ở miền Trung và miền Nam, trai gái có những thú vui ca hát: hát quan họ, hát ví, hát đúm, hát đờ đưa... hoặc đốt pháo ném nhau, tung cầu bói nhân duyên, hoặc như ở mạn ngược miền Bắc, ném Cờn và hát Lượn, và thích thú nhất là cùng nhau đánh đu đôi, một trai một gái lên cây đu, đu cao vút, cao vút bốn mắt chỉ biết nhìn nhau hầu như quên cả ngoại cảnh.

Có những trò vui khuyến khích tinh thần đoàn kết như đánh phết, thi thuyền, kéo co..., lại cũng có những trò vui nêu cao tinh thần thượng võ như đánh Trung Bình Tiên, đánh Vật, Cờ lau tập trận, Diễn trận giết giặc Ân... và những trò vui thô bạo đến cực cẫn, chúng tôi xin được phép nhắc tới những trò Quật bò, Đánh bệt, cùng với nhiều trò chơi khác mang nặng chiến đấu tính.

Không biết chúng tôi có nên nhắc tới một số các trò vui đề cao năng tính, đầy luyện ái tính như những tục diễn lại động tác sinh lý của con người hoặc thờ sinh thực khí tại một số làng xã Việt Nam chăng?

Cổ tục đề cao việc nội trợ

Đại để trên là một số trò bách hí chúng ta đã thấy tại các hội Xuân dân tộc... Chúng tôi chưa nói tới những trò vui dành riêng cho chị em phụ nữ, và những trò vui này chính là những trò vui có mục đích đề cao công việc nội trợ, khuyến khích người phụ nữ phải chăm lo việc nhà, phải tập tành từ việc bếp núc đến đường kim mũi chỉ. Đây chính là những cuộc thi về công việc nội trợ, thi nấu cơm, thi thổi xôi, thi làm cỗ, thi dệt vải, thi may cắt quần áo và thi cả dỗ trẻ em nữa.

Bậc làm cha mẹ ai cũng muốn cho con hay và ai cũng muốn sửa soạn để tạo hạnh phúc gia đình cho con cái sau này, nhất là đối với các cô con gái. Muốn giữ lấy hạnh phúc gia đình, theo các cụ, phụ nữ khi đã lập gia đình, trước hết phải là một nội tướng giỏi để có thể làm đầy đủ được nhiệm vụ nội trợ tề gia. Một người vợ không biết việc nhà không phải là một người vợ đảm, muốn đảm đương việc nhà phải hiểu biết hết mọi việc bếp núc vá may.

Một người chồng mệt nhọc về công việc đồng áng, hoặc bận rộn đến bực mình vì công việc bên ngoài, khi trở về nhà chỉ cần nụ cười tươi tắn của vợ bên mâm cơm thanh đạm nhưng cơm dẻo canh ngọt là bao nhiêu sự mệt nhọc, bao nhiêu sự bực mình đều tiêu tán!

Muốn vợ con mình, muốn phụ nữ trong làng ai nấy đều chăm lo công việc nội trợ, việc nội trợ phải được khuyến khích, phải được đề cao và mang hãnh diện lại cho những bàn tay phụ nữ khéo léo: những cuộc thi về gia chánh, về thêu thùa vá may đã trở nên những trò bách hí trong những ngày hội Xuân dân tộc.

Công việc gia chánh tuy ít mà nhiều, có thứ đã là phụ nữ thì phải biết, có thứ biết được càng thêm hay, không biết cũng không phải là một điều khiếm khuyết. Trong những cuộc thi về gia chánh tại các hội Xuân, các cụ ta xưa đã chú trọng nhiều tới những công việc mọi phụ nữ đều phải biết nếu muốn là người nội trợ được chồng thương yêu, được con mến phục: thổi cơm, nấu thức ăn, làm những bánh trái thông thường, may cắt quần áo.

Ai cũng biết rằng, hễ nói về gia chánh Việt Nam, công việc đầu tiên là phải biết thổi cơm. Nồi cơm ngon, dù kém thức ăn, bữa cơm vẫn có thể ngon được, trái lại, nếu nói cơm trên sống, dưới khê, tứ bề nát bét, thì dù trong bữa ăn, thức ăn có là sơn hào hải vị, bữa cơm cũng không thể nào ngon, món ăn chính là nồi cơm đã hỏng, thức ăn chỉ là phụ, làm sao đem sự ngon cơm tới cho người ăn được.

Thổi cơm là cả một nghệ thuật, phải có trau dồi nghệ thuật mới tiến, bởi vậy trong các cuộc vui về gia chánh tại các hội xuân, thi thổi cơm được nhiều làng chú trọng tới.

Tuy không được biết tại tất cả những làng nào có thi thổi cơm trong dịp hội Xuân, nhưng chúng tôi đã từng được chứng kiến tại một vài làng có cuộc thi này như làng Tích Sơn, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Yên (Vĩnh Phú), làng Chuông, tỉnh Hà Đông (Hà Tây). Ngoài ra chúng tôi cũng có

ít nhiều tài liệu về những cuộc thi thổi cơm tại các làng khác, ngày hôm nay chúng tôi xin được phép trình bày cùng quý vị.

Thi thổi cơm tại làng Từ Trọng

Làng Từ Trọng thuộc phủ Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa có đền thờ ông Lê Phụng Hiểu, một danh tướng đời Lý, làm tôi trái hai đời vua Lý Thái Tổ và Lý Thái Tôn. Đền xây tại rừng Mã Cương, một khu rừng của làng sát với thôn Hạc Đình, một thôn của làng. Hội đền này, hàng năm mở từ 30 Tết đến hết ngày mồng 7 tháng Giêng.

Ngoài những buổi tế lễ và rước xách, hội có nhiều tục lệ và trò vui như tục đi tảo mộ cuối năm, tục thi tuyển nữ quan, nữ quan hát thờ và những cuộc thi về gia chánh: Thổi cơm, đồ xôi, làm bánh.

Thi thổi cơm và đồ xôi tổ chức cho các thiếu nữ trong làng tham dự, và chỉ những người nào trúng cuộc thi này mới có hy vọng thi tuyển nữ quan.

Thực ra thổi cơm và đồ xôi là những công việc bất cứ người con gái nào ở làng Từ Trọng cũng biết, nhưng trong cuộc thi thì đây lại là một công việc rất khó khăn, vì các nữ thí sinh không được thực hiện công việc này ở ngay trong bếp, phải thực hiện trên một chiếc thuyền nan bơi trên đầm Giang Đình, chiếc đầm của làng, nghĩa là ở ngay trời trên mặt nước, thuyền nan không có mui. Có năm trời lại mưa phùn, thêm gió đầm lùa tứ phía, khiến việc thổi cơm đồ xôi càng khó khăn hơn. Hơn nữa, dùng để nấu cơm đồ xôi, không ai được dùng than củi của riêng mình, mỗi nấu cơm do ban giám khảo phân phát và gồm toàn bã mía tươi khó bén lửa, rất dễ tắt, nếu thí sinh hơi vụng về và thiếu kiên nhẫn trong công việc gầy bếp nhóm lửa.

Cuộc thi này bắt đầu từ sáng tinh sương ngày giáp Tết. Sáng hôm đó, dọc theo bờ đầm Giang Đình, dân làng đã cho neo sẵn hàng trăm chiếc thuyền nan, loại thuyền thúng, tròn như cái thúng, nhưng có cặp thêm ở hai bên theo đường kính hai vành bơi chèo, tạo cho chiếc thuyền thúng một hình thoi nhọn hai đầu.

Dự cuộc thi nấu cơm, đồ xôi này, có cả hàng trăm trinh nữ trong làng, có khi số thí sinh lên đến hai trăm.

Sau hồi trống lệnh đầu tiên của ban tổ chức hội làng, các thí sinh trinh nữ, mỗi cô một con thuyền, mang theo hai bộ đầu rau hoặc hai chiếc Kiềng ba chân để làm bếp cùng với mọi vật liệu cần thiết: rơm ướt làm đóm, bã mía tươi làm mồi nấu,[3] nôi, chõ, gạo nếp, gạo tẻ...

Các cô chèo thuyền ra giữa đầm, chuẩn bị, bắc bếp, đặt nôi, vo gạo sẵn sàng rồi chờ hồi trống thứ hai của ban giám khảo ra lệnh bắt đầu cuộc thi, một hồi trống dài điểm thêm ba tiếng sau cùng Tiếng trống dứt, cuộc thi mới bắt đầu. Lúc đó các cô thí sinh mới được nhóm lửa, nhóm cả hai bếp để vừa đồ xôi vừa thổi cơm. Các cô được tự do muốn thổi cơm hay đồ xôi trước tùy ý, hoặc nếu khéo léo, có thể làm hai việc một lúc. Cốt sao cho nhanh cho chóng, thổi cơm, đồ xôi xong, các cô chèo thuyền vào bờ nộp bài cho ban giám khảo. Cô nào xong trước được tặng điểm, nhưng cơm phải dẻo và xôi phải ngon. Nếu cơm sống, khô hay nát, xôi rắn hoặc quá nhão đều bị loại.

Thực ra có thể nói được rằng tài đồ xôi, thổi cơm của các cô cũng không hơn kém nhau bao nhiêu, cô nào cũng được các bà mẹ luyện tập cho tinh xảo từ trước, lửa phải để thế nào, gạo phải vo làm sao, và nước phải đổ đến mức nào. Khó khăn đối với các cô là ở chỗ nhóm bếp thổi lửa, và phải giữ sao cho thuyền khỏi chòng chành, thuyền thúng lại là loại thuyền rất nhẹ dễ chòng chành, và khi thuyền đã chòng chành, bếp lửa sẽ hướng ra phía gió và sẽ rất dễ tắt.

Ngày hội, nếu lại gặp bữa mưa phùn gió bắc, các cô sẽ trải qua một cuộc thi rất vất vả, nhưng không phải vì vất vả mà các cô không thắng được sự khó khăn. Có thể nói được rằng, muốn tham dự kỳ thi cầu kỳ này, các cô đã trau dồi nghệ thuật thổi xôi nấu cơm ngoài mưa phùn có hàng tháng từ trước. Các bà mẹ đã dạy các cô cách nhóm lửa bằng mồi ướt, cách thức thổi lửa mỗi khi bếp tắt, nhất là cách chọn hướng kê bếp lựa theo chiều gió, lợi dụng gió để nhóm bếp cho dễ dàng, và sau đó là cách

che bếp để giữ ngọn lửa được điều hòa, không bị gió lùa đưa ra ngoài bếp làm cho tắt bếp.

Lửa giữ đều, nước trong nồi sôi đều, gạo trong nồi nở đều tất nhiên cơm phải ngon, xôi phải dẻo. Các cô cũng được sự chỉ dẫn am tường của các bà mẹ về cách ước lượng thời gian từ lúc nước sôi đổ gạo vào chõ, chét nồi đáy cho kín cho đến khi xôi được chín dẻo đúng mức. Để khỏi sai lầm, các cô dùng những nén hương đốt cháy để biết nồi cơm, chõ xôi đã vừa chín chưa!

Trong lúc các trinh nữ thí sinh làm bài thi ở dưới đăm, ở trên bãi Giang Đình, dân làng và cả dân các xã lân cận đông đúc đứng xem, trong số đó có rất nhiều bà mẹ đã từng huấn luyện cho con gái, sốt ruột chờ kết quả của chõ xôi, nồi cơm của con.

Kết quả bao giờ cũng tốt đẹp, thường thì nồi cơm nào cũng ngon, chõ xôi nào cũng dẻo, tài bếp núc của các cô đã được công nhận qua buổi thi này, và nhờ buổi thi này có nhiều cô được lọt vào mắt nhiều bà mẹ đang kén vợ cho con trai.

Thi thổi cơm và đồ xôi dưới thuyền nan chòng chành, giữa mưa phùn, giữa trời gió, không phải các cụ chỉ có một mục đích khảo việc nội trợ của các cô, chính ra đây cũng là một cuộc thử thách về lòng kiên nhẫn, về sự ứng phó với hoàn cảnh và nhất là về sự bình tĩnh của các cô trước mọi khó khăn, những khó khăn có thể làm cho các cô bối rối thổi hỏng nồi cơm, đồ hỏng nồi xôi, nhất là các cô biết trên bờ đăm có hàng trăm ngàn cơm mắt đang chú ý theo dõi công việc mình làm, trong đó có cả cặp mắt của một chàng trai nào đang theo đuổi mình.

Thi thổi cơm tại làng Chuông

Làng Chuông tỉnh Hà Đông (Hà Tây), hàng năm cũng mở hội vào dịp đầu xuân, chúng tôi rất tiếc không nhớ rõ ngày nào, và trong những ngày hội cũng có tục thổi cơm thi.

Ở đây cuộc thi đặt cho cả nam giới và nữ giới. Riêng với nữ giới, cuộc thi có những điều rất kỳ lạ. Có thể nói đây cũng là một cuộc thi giữ trẻ em nữa! Các cô thí sinh vừa thối cơm vừa phải trông một đứa trẻ không phải là em là cháu mình, phải dỗ dành sao cho nó không khóc.

Các cô thối cơm ở sân đình, lẽ tất nhiên các cô đều là những trinh nữ. Vừa thối cơm, mỗi cô phải bế một em nhỏ chừng 6, 7 tháng, và đặc biệt nhất, là bên cạnh mỗi cô có vẽ một vòng tròn bằng vôi to bằng cái nia trong thả con cóc. Ngoài việc thối cơm và giữ trẻ, các cô còn có một công việc thứ ba: chặn con cóc, giữ nó trong vòng vôi.

Thật là ngộ nghĩnh, nhưng cũng thật là khó khăn, ngộ nghĩnh đối với khán giả, nhưng khó khăn đối với các thí sinh. Công việc càng khó khăn hơn nữa là trong khi các cô thối cơm, có một số trẻ em lớn tuổi, có khi có cả những chàng trai xúm đến trêu chọc cho em bé khóc hoặc dậm dọa cho con cóc nhảy.

Các cô đã thắng tất cả những nỗi khó khăn đó, nôi cơm thối vẫn chín, vẫn dẻo.

Chắc trong quý vị có người nghĩ rằng đây là một cuộc thi ngộ nghĩnh cốt mua vui cho khách xem hội! Điều đó đúng, nhưng bên cuộc mua vui này, cuộc thi còn nhằm những mục đích khác:

Luyện cho các cô gái, trong mọi hoàn cảnh khó khăn bận rộn vẫn thối được một nôi cơm ngon và dẻo.

Luyện cho các cô đức tính chịu đựng, trước mọi sự quấy phá của đám thanh niên và trẻ em trong làng, chọc ghẹo em bé do mỗi cô phụ trách để nó quấy khóc và dậm dọa con cóc cho nó nhảy ra khỏi vòng vôi.

Thử thách sự lanh lẹ của mỗi cô trong công việc, làm ba việc khó khăn trong một lúc, vẫn có kết quả: cóc vẫn nằm trong vòng vôi, em bé vẫn không khóc và nôi cơm vẫn chín với độ ngon thơm.

Trên đây là cuộc thi thổi cơm của phụ nữ làng Chuông. Làng này còn có cuộc thi thổi cơm dành cho nam giới nữa. Có lẽ đàn ông chúng ta cũng có những trường hợp vợ con đi vắng, muốn ăn thì lặn vào bếp, nên làng Chuông cũng muốn luyện cho các ông chồng, lâm thời có thể biến thành một tay hỏa đầu quân được! Cuộc thi thổi cơm của nam giới làng Chuông cũng lạ lùng không kém gì cuộc thi của phụ nữ, tuy lối thi có khác hẳn: Họ thổi cơm tại ở dưới thuyền, như vậy bếp phải bắc sát rìa đầm, trên bếp có sẵn chiếc nồi, lúc thổi cơm, người dự thi mới tra gạt nước vào.

Một loạt bếp bắc trên một bờ đầm. Mỗi thí sinh ngồi trên một chiếc thuyền nan ở mé bờ bên kia, trong thuyền có đủ gạt nước củi diêm. Theo hiệu lệnh, một hồi trống, tất cả các thí sinh phải bơi thuyền từ bên kia sang bên này bờ, bơi thuyền nhưng không được dùng bơi chèo hoặc sào, phải bơi bằng tay. Với chiếc thuyền nan nhỏ, nhẹ, dùng tay bơi, đối với các chàng trai đồng quê lại sống quen sông nước thực ra chẳng khó khăn gì, nhưng cái khó khăn là ở chỗ bơi thuyền rồi tay ướt sờ tới củi, tới diêm, làm sao đốt được củi để gây bếp lúc này. Cho có gây được bếp, củi ướt, bếp lại bắc ở giữa trời, bếp mới gây lom nhom, một trận gió mạnh có thể làm cho bếp tắt. Vừa giữ cho lửa cháy trong bếp, lại vừa giữ cho thuyền khỏi chòng chành, đâu có phải dễ dàng gì. Có những chàng trai gặp lúc bếp tắt củi xuống thổi lửa, vô ý để thuyền mất thăng bằng, thế là thuyền bị lật úp. Thổi được nồi cơm trong lúc này thật đáng kể là một kỳ công.

Để thuyền lật, người thổi cơm ngã theo thuyền xuống nước lúc ngoi lên ướt như chuột lột, chàng ta đã làm trò cười cho dân làng, và nhất là các cô gái làng!

Trên đây, chúng tôi chỉ nhắc tới kỹ lưỡng những cuộc thi nấu cơm của làng Chuông và làng Từ Trọng, nhưng ngoài hai làng này ra, nhiều làng khác cũng có tục thổi cơm thi: Làng Vân Hoàng tỉnh Sơn Tây (Hà Tây), làng Thị Cấm tỉnh Hà Đông (Hà Tây)...

Thi thổi cơm tại làng Tích Sơn

Trong các cuộc thi thổi cơm, thường bao giờ, tiêu chuẩn để ấn định giải thưởng cũng là cơm dẻo và ngon, nhưng đặc biệt tại làng Tích Sơn, huyện Tam Dương tỉnh Vĩnh Yên (Vĩnh Phú), nôi cơm thi ở đây muốn được chấm giải phải là nôi cơm mịn và chắc như cơm nắm.

Làng Tích Sơn mở hội vào mùng 4 tháng Giêng âm lịch mỗi năm và cuộc thổi cơm thi được tổ chức vào ngay buổi sáng.

Chắc quý vị ai cũng thừa hiểu cơm nắm là thế nào? Cơm thổi chín, người ta dùng khăn nắm lại thành nắm cho chắc cho mịn. Những người đi làm xa, buổi trưa không về ăn cơm nhà thường mang theo cơm nắm với thức ăn. Cơm nắm dễ ăn hơn cơm nguội, dù không có thức ăn, chỉ cần một nắm muối vừng cũng đủ. Cơm nắm ăn lại có vị bùi của hạt cơm được lén chặt, có vị ngọt của cơm, ăn cơm nắm bao giờ cũng phải nhai kỹ. Trong những gia đình, bố mẹ bận đi làm, đi chợ suốt ngày, từ sáng đến tối, mỗi buổi sáng người mẹ đã nắm sẵn cho lũ con nắm cơm, và trước khi đi không bao giờ quên dặn lũ con:

- Trưa đói chị lấy cơm nắm cho các em ăn với thịt rim!

Và người mẹ đã sung sướng bao nhiêu, nếu một buổi chiều đi chợ về, có một đứa con khoe:

- Ăn cơm nắm với thịt rim ngon lắm mẹ ạ! Vừa bùi, vừa dẻo lại vừa đậm đậm.

Cơm nắm (cơm vắt) đi vào đời sống người dân, nắm cơm cho chắc cho ngon cũng là một điểm thi khéo của bà nội trợ! Phải chăng vì thế mà dân làng Tích Sơn thi thổi cơm, nhưng lại bắt buộc các thi sinh phải biến nôi cơm của mình thành nôi cơm nắm.

Ở đây, người ta không thổi cơm thi ngay tại hội, người ta thổi trước ở nhà và chỉ mang nôi cơm ra đình dự thi.

Dân làng Tích Sơn có một lối thổi cơm đặc biệt. Nôi cơm chín nhưng không bao giờ có cháy và róc nôi một cách lạ lùng. Họ thổi cơm bằng

nồi đất. Cơm họ thổi, tuy còn nguyên trong nồi, sao mà mịn như cơm nắm, hạt nọ như được lèn chặt với hạt kia. Cả nồi cơm đổ ra là một nắm cơm lớn, nhưng là một nắm cơm không có vỏ. Họ thổi khéo léo đến độ không bao giờ nồi cơm có đến một mẩu cháy nhỏ. Muốn ăn cứ việc xắt ra từng miếng, rất thơm lại mát mùi nhựa gạo. Một điều đáng để ý và cũng rất đáng khen, họ đã thổi cơm gậy lửa làm sao, cơm chín mà chiếc nồi không bén lửa. Vẫn nguyên chiếc nồi mới đến không có một vết khói. Cũng có người kém khéo léo hơn đã để ở chiếc nồi những vết lửa hoặc những lằn khói.

Theo lời người làng Tích Sơn, muốn thổi cơm mà không bén khói, phải rất công phu và phải dùng hai chiếc nồi và hai bếp lửa, hay nói cho đúng hơn, một bếp lửa và một bếp than. Bếp lửa bắc nồi đồng, bếp than đun nồi đất. Nồi đồng trên bếp lửa, dùng trước đun nước sôi, nước sôi rồi đổ chuyển sang nồi đất. Như vậy, khi được đổ vào nồi đất nước đã đủ độ nóng, người ta chỉ việc tra gạo vào, không cần đun bằng lửa chỉ cần giữ than cho hồng tránh khói, cơm sẽ chín. Gạo phải vo trước, để ráo nước cho khỏi lạnh, lúc tra vào nồi đất cơm sẽ không trương. Gạo đổ vào nước sôi rồi, người thổi cơm mới ghé đều lên. Dưới bếp, than luôn luôn giữ hồng cho đến lúc cơm chín. Cơm ghé rồi, người ta dùng một chiếc lá mít miết trên mặt cho mịn như cơm nắm. Như thế tức là thổi cơm mở vung vậy. Thổi khéo thì cơm dẻo, mịn và thơm mát, nồi cũng không ám khói. Khi nồi cơm đổ ra, đây là nguyên một nắm cơm, cắt nắm cơm này người ta được những miếng cơm nắm mịn màng nén kỹ, trông trắng tinh thật thơm ngon.

Trên đây là mấy lối thổi cơm tại một số các hội quê nhưng bên những cuộc thi thổi cơm còn có những cuộc thi về gia chánh khác.

Thi làm bánh

Làng Từ Trọng, phủ Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, ngoài cuộc thi thổi cơm, dân làng còn cuộc thi làm bánh để thử tài khéo léo của thiếu nữ trong làng. Bánh đây không phải là bánh chưng, bánh gai, bánh trong, bánh lọc, và cũng không phải là một thứ bánh nào đã có sẵn từ trước.

Các thiếu nữ dự thi phải tự có sáng kiến để làm một hai thứ bánh do mình nghĩ ra. Bánh có thể làm bằng bột nếp hoặc bột tẻ, bột thường hoặc bột lọc, bột gạo, bột hoàng tinh hay một thứ bột khác nào tùy ý. Các cô phải chế hóa lấy theo ý muốn và tài năng của mỗi cô.

Qua cuộc thi làm bánh này, dân làng mong tìm thấy những khám phá mới qua bánh trái. Và thậm ý các cụ còn mong mỗi điều khác:

- Phải để cho trẻ nó tập suy nghĩ, sau này thành gia thất thịnh thoảng nó biết thay đổi món ăn cho chồng con.

Qua câu nói trên của một cụ dân làng Từ Trọng, hiện nay đang sống ở Sài Gòn, ta thấy qua cuộc thi tuy là để mua vui trong dịp hội Xuân, tuy là để luyện cho các cô gái làng về gia chánh, nhưng mục đích sâu xa hơn là muốn tạo hạnh phúc tương lai cho con trẻ.

Làm bánh, các cô lại phải đặt tên cho thứ bánh mình làm.

Đây là một công việc khá khó khăn, cha mẹ các cô ai nấy đều muốn bánh các cô làm mang một cái tên thật đẹp, do đó việc đặt tên thường do ông cha đã tìm chữ đặt trước cho thứ bánh con cháu mình làm.

Thí dụ: Song phượng tề phi, nghĩa là hai con phượng cùng bay. Chiếc bánh có thể to bằng chiếc mâm đồng, bột lọc trong suốt, duy có hai con phượng hình đang bay có nhân đậu xanh làm nổi mình phượng nằm trên mâm bánh.

Một thí dụ khác: Lý ngư vượt vũ môn, cá chép vượt vũ môn. Đây là nhắc lại tích cá đi thi để hóa rồng. Một dòng thác chảy mạnh bằng bột lọc, hoặc bằng nước đường trắng cô đặc, hai bên bờ dòng nước là lớp bột gạo trắng đường, mé dưới có dăm ba con cá chép bằng bột trắng, mang cá hồng hồng như đang muốn vượt ngọn thác.

Một thí dụ thứ ba: Mẫu đơn phú quý, ở đây với chiếc bánh, người đặt tên bánh muốn nhắc lại một câu ca dao cũ để răn bảo và khuyến khích trai làng trên đường sự nghiệp:

Hoa mẫu đơn là hoa phú quý,

Hễ làm trai có chí thì nên.

Chiếc bánh là một bông bạch mẫu đơn lớn bằng bột trắng, có hai chiếc lá xanh cũng khá to, lá làm bằng bột trắng nhuộm xanh, một chiếc mang chữ Phú và một chiếc mang chữ Quý, hai chữ màu vàng hoặc đỏ.

Đại để các kiểu bánh đều mang những tên cầu kỳ, tên các loài hoa, các loài chim, các linh vật hoặc các điển tích, để cho tên thật đẹp và có ý nghĩa. Tên đẹp nhưng bánh cũng phải ngon.

Có thể nói được rằng: Đây là cuộc thi làm bánh khéo của con cháu, nhưng cũng là cuộc chơi chữ của ông cha.

Thi cỗ tại làng Thị Cầu

Làng Thị Cầu, huyện Võ Giàng tỉnh Bắc Ninh (Hà Bắc), hàng năm hai dịp xuân thu mở hội, trước là để tế lễ tỏ lòng biết ơn của dân làng đối với thần linh sau là để dân làng mua vui qua nhiều trò bách hí, trong đó cuộc thi cỗ rất là hào hứng.

Trong làng có bốn giáp: Giáp Đông, Giáp Bắc, Giáp Giữa và Giáp Già. Con trai các giáp từ 18 đến 20 tuổi được cắt cử rước thần và được dự buổi thi cỗ trong ngày hội.

Tuy thi cỗ là của con trai, làm cỗ vẫn là công việc của các cô gái khéo tay trong làng.

Cuộc thi và chấm cỗ được thực hiện ngay tại đình làng. Hội đồng chấm cỗ gồm một số các bô lão và quan viên do các giáp cử ra. Hội đồng xem xét từng mâm cỗ kỹ lưỡng, từ cách trình bày đến các món ăn, cách xếp đặt bày biện mâm cỗ đến cách nấu nướng mỗi món ăn.

Trước hết mâm cỗ phải tinh khiết sạch sẽ, không cần có nhiều món ăn, mà cần có những món ăn chế biến theo sáng kiến của các bà nội trợ, các cô gái, sao cho lạ, sao cho ngon. Món ăn tuy lạ, nhưng không phải nấu

bằng vẩy, bằng yến, bằng sơn hào hải vị, mà phải sửa soạn bằng những thổ sản trong vùng.

Cách bày biện món ăn cũng được hội đồng rất chú ý, nhất là những thức ăn tráng miệng. Tôi còn nhớ đã được dự xem một buổi chấm thi cổ. Năm đó, mâm cỗ dùng cam làm đồ tráng miệng, những quả cam được bóc sẵn từng múi, mỗi múi đều được lộn ngược, bỏ hết hạt và được kết thành hình một con kỳ lân, lông con kỳ lân chính là những múi cam lộn ngược. Con kỳ lân bằng cam này đứng sừng sững tại một góc bàn cỗ, trên một ngọn giả sơn tạo bằng những phong bánh ít bột trong suốt trắng tinh. Thật là cầu kỳ, và cô gái tác giả công trình quả thật cũng đã khéo tay, những phong bánh ít được xếp một cách có kỹ thuật thành những bậc lên xuống cho ngọn giả sơn! Hai con mắt con kỳ lân càng khéo, đó chỉ là hai hạt sen già, sao mà chúng óng ánh dưới những ngọn nến như hai hạt ngọc huyền!

Trên đây chỉ là một thí dụ về sự cầu kỳ của cách bày cỗ, mỗi mâm cỗ đều có lối bày biện để làm cho các vị giám khảo phải chú ý. Làm cỗ là một nghệ thuật, bày cỗ lại càng là một nghệ thuật hơn. Có người cầu kỳ bày biện ngay trong những bát nấu của mâm cỗ. Con chim hằm với song thần hoặc với miến được uốn thành ông Lã Vọng cầm cần câu ngồi câu cá. Chiếc nón ông đội là một tán nấm, hai cánh chim biến thành hai cánh tay. Chiếc cần câu là chiếc tăm tre vót dài còn dây cần cần, thì đây là những sợi miến hoặc những sợi song thần.

Tinh thần ganh đua của các cô gái làng Thị Cầu đã khiến các cô trau chuốt cho mâm cỗ của anh hoặc của em để làm sao hơn được những mâm cỗ bạn. Trong dịp này nhiều bà mẹ con trai, thường kiểm con dâu qua những mâm cỗ khéo léo, khéo léo trên nhiều phương diện: nấu nướng cho ngon, bày biện cho sạch và xếp đặt sao cho nổi!

Đêm hôm chấm cỗ đình làng thật là nhộn nhịp, cỗ chấm vào buổi tối hôm rã đám hội làng. Các bô lão và quan viên trong ban hội đồng đã kiểm soát từng mâm cỗ, dân làng đi theo sau, những mâm cỗ bày ở hai bên tả hữu gian đình làng, nghĩa là ở hai bên bàn thờ, nơi nhà đại bái.

Ban hội đồng dừng rất lâu ở mâm cỗ khéo léo, và trong lúc đó, có bao nhiêu trái tim hồi hộp, người hồi hộp không phải những chàng trai dự thi cỗ, chính là các cô gái nấu cỗ!

Thi luộc gà

Chắc ai cũng đã từng ăn gà luộc, ăn ở nhà hoặc ở hiệu, có lẽ nhiều người trong quý vị đã thưởng thức những miếng thịt gà luộc tại những tiệm ăn của người Trung Hoa, cho là họ luộc khéo và ngon hơn gà luộc ở nhà.

Luộc gà không phải cứ cho con gà vào nồi, đổ nước vào đun sôi lên là xong. Làm sao cho gà chín mà không mất chất béo, làm sao cho thịt gà ăn còn chất ngọt mà không sũng. Có lẽ nhận thấy luộc gà là khó khăn, nên tại làng Chuông, đã trình bày ở trên, ngoài tục thổi cơm thi, còn có tục thi luộc gà. Các cô gái làng này đã được trau dồi về nghệ thuật luộc gà, nên con gà các cô luộc cũng vừa chín tới, không lòng đào, ăn vừa ngon với đủ chất béo của con gà.

Thi dệt vải ở làng Xuân Ái

Từ trên chúng tôi chỉ mới nói về những cuộc thi về gia chánh, nhưng thật ra công việc nội trợ không phải chỉ gồm có việc bếp núc. Các cô gái quê cần thạo về đường kim mũi chỉ, và tại nhiều địa phương, các cô lại phải biết rộng hơn như dệt vải, chần tằm v.v... Tại làng Xuân Ái, huyện Võ Giàng, tỉnh Bắc Ninh, hàng năm mở hội trong ba ngày 12, 13, 14 tháng Giêng âm lịch. Họ có nhiều trò vui, nhưng ở đây tôi chỉ nói tới cuộc thi dệt vải của các cô gái làng.

Dân làng Xuân Ái sống về nghề nông, nhưng trong thời gian sau vụ làm mùa, chờ đợi vụ gặt, những gia đình có con gái lớn đều có thêm nghề dệt vải, vải dệt đủ nhà dùng, hoặc cũng đôi khi thừa thì bán lại cho dân làng hoặc bán tại chợ tỉnh Bắc Ninh.

Cuộc thi dệt vải trong ngày hội thật vui. Các cô gái làng, mỗi cô một khung cửi, sợi do làng cung cấp. Cô nào cô nấy, ngồi sẵn ở khung cửi, chờ hiệu lệnh của ban giám khảo. Hiệu lệnh ban ra, thoăn thoắt những

con thoi chạy đi chạy lại vừa nhanh vừa đều. Các cô dệt lấy nhanh nhưng vải phải cho đều sợi, không được chỗ thưa, chỗ dày. Trong khi các cô thoăn thoắt thoi đưa, trăm nghìn con mắt của ban giám khảo, của dân làng và của khách xem hội đều chú ý tới các cô.

Cuộc thi kéo dài vào khoảng nửa giờ, ban giám khảo ra lệnh ngừng thoi, mọi cô đều ngừng tay lập tức.

Sau đó là công việc của ban giám khảo xét định hơn kém.

Các cuộc thi khác

Trên đây là một số các cuộc thi về gia chánh và nội trợ trong các hội Xuân dân tộc. Còn có nhiều cuộc thi khác: Thi khâu cắt quần áo: mỗi thôn nữ được làng phát cho một miếng vải, rồi các cô tự cắt thành quần hoặc áo, có khi cả quần lẫn áo, tùy theo số vải phát ra tùy theo lệnh của ban giám khảo. Quần áo các cô may, theo một kích thước nhất định, lẽ tất nhiên các cô phải khâu tay, và trong lúc chằm quần áo, mũi kim đều đặn và dày hoặc thưa cũng được xét để tính vào hàng cao thấp.

Thi dỡ trẻ em như trình bày trong cuộc thối cơm thi v.v...

[1] Trích bài nói về Đại học Sư phạm Huế (4-1971)

[2] Miếng Ngon Hà Nội, Nam chi tùng thư, Sài Gòn 1968, trang 2. Thay lời tựa).

[3] Điều này nhắc chúng ta nhớ tới truyện Phạm Công Cúc Hoa, đoạn kết có cuộc tranh tài thối cơm giữa Cúc Hoa và Công chúa.

Kết luận

Để kết luận cho chương IV, chúng tôi chỉ xin nhắc lại những điều chúng tôi đã kết luận cho chương Ba.

Chúng tôi cũng biết so với ba chương trên, chương IV này thiếu sót nhiều nhất, nhưng biết đến đâu nói tới đó, chúng tôi không dám liều lĩnh nói những điều mình không biết rõ, hoặc võ đoán đưa ra những điều mình nghĩ mà không đúng, rồi khẳng định cho rằng đây là những sự thật.

Bởi vậy chúng tôi mong đón nhận sự rộng lượng của bạn đọc. Ngoài ra với hoàn cảnh hiện tại, chúng tôi không thể tìm hiểu hơn ngay trong lúc này, do đó chúng tôi xin dành những thiếu sót cho các vị khác có những cơ hội thuận tiện hơn chúng tôi để nghiên cứu về những tính chất đặc biệt của Hội hè đình đám cổ truyền đất nước.